Tác-giả : LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
Dịch-giả : ĐÍNH-THỊ HOÀNG VĂN-HÒE
với sự cộng tác của HOÀNG-ĐÌNH KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

海上醫宗心領

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

QUYỂN BA

Từ tập 10 đến tập 16

Huyền tẫn phát vi — Khôn hóa Thái chân — Tàm đắc thần phương — Hiệu phỏng tân-phương — Ngoại cảm — Ma chẩn chuẩn thằng — Dương án âm án

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

TìmSách

SÁCH THUỐC VIỆT-NAM

HẢI-THƯỢNG

Y-TÔN TÂM-LĨNH

* * *

TìmSách

Tác-giả . *LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC*
Dịch-giả : *ĐÌNH-THỤ HOÀNG-VĂN-HOÈ*
với sự cộng-tác của HOÀNG-ĐÌNH-KHOA

Sách thuốc Việt-Nam

HẢI-THƯỢNG
Y-TÔN TÂM-LĨNH

海上醫宗心領

QUYỂN BA

Từ tập 10 đến tập 16

Huyền tẫn phát vi — Khôn hóa thái chân — Tâm đắc thần phương — Hiệu phỏng tân-phương — Ngoại cảm — Ma chẩn chuẩn thằng — Dương án âm án

Nhà sách KHAI-TRÍ
62 Đại-lộ Lê-Lợi — SAIGON

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập HUYỀN-TẪN PHÁT-VI

(phát minh về thủy hỏa)

TìmSách

Lời dịch giả

Huyền-tẫn là chỉ vào tạng thận là hành thủy, mà giữa tạng thận có mệnh-môn-hỏa, đó là thủy hỏa vô hình về tiên-thiên để lập mệnh, thủy hỏa ấy tức là chân âm, chân dương, khác với khí huyết hữu hình về hậu-thiên là sanh rồi mới có.

Lê tiên-sinh làm thuốc chú trọng về căn bản là thủy hỏa và khí huyết, mới ghi riêng tập **Huyền-tẫn phát-vi** *này nói về thủy hỏa là nguồn gốc cho khí huyết, và những bài thuốc về thủy hỏa.*

Dưới tập này Lê tiên-sinh còn ghi những bài thuốc của Phùng-Thị ở sách Cẩm-nang để độc giả hiểu rõ phương pháp chữa về thủy hỏa, vậy độc giả rất nên chú ý mà cần nhất là hiểu rộng rồi thu hẹp lại.

Saigon, ngày 7 tháng 7 năm 1971

Dịch giả :

Đinh-Thu HOÀNG-VĂN-HOÈ

TìmSách

Tiểu-dẫn của tác giả

Có người hỏi tôi rằng: « Sao Ông chữa bệnh chỉ dùng những vị thuốc bổ khí bổ huyết, cho uống một hai hay ba thang, bệnh nhân dù khỏi ngay hay chậm khỏi, là Ông cho uống ngay đến bài *lục-vị* hay bài *bát-vị*, mà bệnh nặng đến đâu cũng khỏi, thế thì người ta đều bởi thấy hư hay hỏa hư mà thành bệnh hay sao? »

Tôi trả lời rằng: « Nội-kinh có nói: Bách bệnh đều bởi người hư yếu mà sinh ra » lại nói: « Bách bệnh hư yếu rồi sau phải đến tạng thận ». Lại nói: « Lúc mới thụ bệnh nên phân biệt là bệnh từ trong ra hay từ ngoài đến, nhưng bệnh đã lâu đều bởi người hư yếu » Lại nói « Phép chữa bách bệnh xét về căn bản cũng như chữa một bệnh », lại nói: « Biết được yếu lĩnh thì một câu nói là song, nếu không biết được yếu lĩnh thì man mác vô cùng. »

Những lời nội-kinh đã dạy, tôi kinh nghiệm để chữa bệnh, mới biết phương thuốc đời xưa đặt ra, không gì bằng bài lục-vị và bát-vị, thật là thần phương để giữ cho tính mệnh, nếu ta biết rõ ý nghĩa của hai phương thuốc ấy mà gặp bệnh thông biến, dùng để trục tà khí thời bổ thủy mà ra mồ-hôi. Dùng để tiêu đờm, thời giúp được sự vận hóa, dùng để chữa phong thời sinh huyết mà phong dẹp đi, dùng để tán hàn thời thêm được chân-

Tìm sách

hỏa, dùng để thanh thử thời đem khí nóng về chỗ, dùng để trừ thấp thời tiêu được tà-thủy (thấp-thủy), những người chỉ có thiếu-dương thời giúp cho « thiên-quý-thủy » để cứu lấy chân âm, bệnh về kinh nguyệt thời thêm chân thủy để giúp phần huyết khô, với hai phương thuốc ấy đem chữa chứng phong, chứng lao, chứng cổ-cách, còn có thể cứu vãn được, huống chi là các bệnh nhỏ, chỉ cần ở người biết dùng. Tôi gặp bệnh chứng hoặc dùng cả bài thuốc mà phân lạng khác nhau, hoặc trong phương ấy chỉ dùng vài vị hay ba bốn vị, hoặc thêm những vị khác có khi đến 13, 14 vị, cốt sao cho những vị thêm vào phải tương tự với những vị trong phương thuốc này, thời cùng một chiều hướng mà có công hiệu.

Tôi nghĩ rằng : « Trong hai phương thuốc ấy, có vị thục-địa để bổ chân thủy, có vị quế và phụ-tử để thêm chân hỏa, thế là đã xong việc để bổ cho chân âm và chân dương, còn những vị kia dù nhiều hay ít chỉ là để giúp sức, những lời tôi biện luận, đã nói kỹ ở dưới đây.

Vì thế, tôi xếp những phương thuốc và lời bàn của các vị tiên hiền, có quan hệ đến thủy hỏa ở trong thân người, biên chép thành tập này gọi tên là tập « *Huyền-tẫn Phát-vi* » nghĩa là phát minh những tinh vi về thủy hỏa lập mệnh, mong những người có chí về y đạo, bắt chước phương thuốc của thánh nhân mà còn suy rộng thêm ra.

Lê-Hữu-Trác
Biệt hiệu Hải-Thượng Lãn-Ông
Làm bài tiểu-dẫn kể trên.

Tìm sách

TẬP HUYỀN TẪN PHÁT-VI

GỒM CÓ CÁC BÀI :

1 – Nói về đồ tiên-thiên thái-cực
2 – Nói về đồ thái-cực trong thân người
3 – Nói về hình đồ quẻ kiền chuyển thành quẻ ly
4 – Tạng tâm và tạng thận tương thông với nhau
5 – Nói về vinh và vệ, thanh hay trọc, thủy và hỏa, thăng hay giáng
6 – Bàn về tạng can, tạng thận cùng chữa với nhau
7 – Bàn về tướng-hỏa long-lôi
8 – Bàn về quân-hỏa và tướng-hỏa
9 – Phân biệt về hỏa của tiên-thiên hay hậu-thiên
10 – Bàn về thủy, hỏa giúp lẫn nhau
11 – Bàn về giúp chân âm để giáng hỏa
12 – Bàn về hai bài thuốc thủy và hỏa
13 – Chân thủy của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa.
14 – Chân hỏa của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa
15 – Đại ý chứng bệnh hư yếu về tiên-thiên.
16 – Phép xem sức nóng của bệnh nhân
17 – Bài bát-vị-hoàn
18 – Công hiệu của bài bát-vị
19 – Ý nghĩa của bài bát-vị

Tìm Sách

20 – Bài bát-vị gia giảm
21 – Bài bát-vị cấm thêm những vị gì ?
22 – Dùng thuốc gì để uống bát-vị hoàn
23 – Bài bát-vị biến ra lục vị hoàn
24 – Công dụng của bài lục-vị
25 – Ý nghĩa của bài lục-vị
26 – Bài lục-vị gia giảm
27 – Những chứng gì cấm dùng bài lục-vị
28 – Những bài thuốc do bài lục-vị biến ra
29 - Những vị thuốc hợp với bài lục-vị
30 – Dùng bài bát-vị, lục-vị để chữa các chứng bệnh
31 – Mười hai bài ở sách Cầm-Nang gia giảm
32 – Những án bệnh chữa bằng bài bát-vị ở sách Cầm-Nang

TìmSách

1.— NÓI VỀ ĐỒ TIÊN-THIÊN THÁI-CỰC

Kinh Dịch có họa đồ thái-cực sinh ra lưỡng-nghi là âm và dương, Chu-Tử (Ông Chu-Liêm-Khê) thời Tống Sợ người đời sau không rõ, mới đặt ra đồ thái-cực là từ vô-cực (chưa có âm dương) rồi mới sinh ra thai-cực là âm và dương, vậy vô-cực là thái-cực lúc chưa chia ra, mà thái-cực là khi đã phân ra âm và dương.

Nguyên vua Phục-Hy chỉ vạch một nét ngang là số chẵn, rồi Chu-Tử mới vạch một vòng tròn ở ngoài nét ngang ấy, tức là vô-cực rồi thành ra hình Thái-Cực.

Đã gọi là tiên-thiên thái-cực là lúc trời chưa sinh ra vạn vật, như thế là vô hình, cớ sao vua Phục-Hy vạch một vạch ngang mà Chu-Tử lại vạch một vòng tròn, như thế lại thành ra hình tích ?

Đó là các vị thánh hiền bất đắc dĩ phải vạch ra để bảo cho người đời sau. Người ta nhờ khí của trời đất để sinh ra, cũng đủ hình-thái-cực ở trong thân người. Vậy phải để tâm suy xét. Sách Y-Quán có nói : « Tưởng tượng một nét vạch ngang trong cái vòng tròn mà thấy được đồ thái-cực trong thân người ».

2.— NÓI VỀ ĐỒ THÁI-CỰC TRONG THÂN NGƯỜI

Hai quả thận ở trong thân người hợp lại thành một đồ thái cực, hai quả thận ấy đều thuộc hành thủy, mà

Tìm sách

bên tả thuộc về âm thủy, bên hữu thuộc về dương thủy, còn mệnh môn ở khe giữa hai quả thận, (ta cho bên phải là mệnh-môn là nhầm). Kinh dịch có nói : « Trời số một sinh ra hành thủy » là lẽ ấy. Bên trái của mệnh môn có vòng tròn đen nhỏ là huyệt của chân thủy, bên phải có vòng tròn trắng nhỏ là huyệt của tướng hoả, thủy và hoả ấy đều là vô hình, ngày đêm đi ngầm ở trong thân người mà không lúc nào ngừng. Mệnh-môn ngang với rốn mà giáp với xương sống, tính từ trên trở xuống là đốt thứ 14, từ dưới trở lên là đốt thứ 7. Vì thế, nội-kinh có nói : « Bên đốt xương sống thứ 7, ở trong có lỗ hổng nhỏ », quả thận bên trái là âm thủy, quả thận bên phải là dương-thủy bề ngang đều 1 tấc rưỡi (thước tấc cổ) ở giữa là nơi mệnh môn, tức là vòng tròn trắng ở trong đồ thái-cực, nguyên-dương, chân-dương, long-hỏa, mệnh-hỏa đều là tên riêng của mệnh-môn, mà là hỏa vô hình, tuy rằng không có hình nhưng có tinh và có tinh thần, thật là gốc cho chân-dương, là căn bản cho nguyên khí. Ta gọi là mệnh-môn là vì lập mệnh ở như nơi ấy, mà hai quả thận mở đóng như cánh cửa, thế là một dương ở khe hai âm, khi tĩnh mà đóng lại là để nuôi dưỡng âm-thủy, khi động mà mở ra là để cổ động tướng-hỏa long-lôi, công dụng của hai quả thận lúc nào cũng không ngừng, để phụng dưỡng cho tạng tâm, khi chân-âm chân-dương ấy thật là vô cùng tận.

Nội-kinh không có tên gọi là mệnh-môn, hai chữ mệnh-môn bắt đầu từ người Việt, có bộ sách « Nam-kinh » ghi 36 lẽ khó trong việc làm thuộc (tam thập lục nan). Bộ sách ấy cho rằng quả thận bên trái là thận-thủy, bên phải là mệnh môn, con trai chứa tinh khí, con gái giữ được bào thai đều ở như nơi ấy, nhưng theo tôi, quả thận bên phải để chứa tinh khí của đàn ông, thời

TìmSách

quả thận bên trái để chứa vật gì? Vả lại, bào-thai của đàn bà, sao lại chỉ bám vào quả thận bên phải ? Theo tôi thời mệnh-môn ở khe giữa hai quả thận mà không thiên về bên phải, nơi ấy tức là môn hộ của tử-cung, tử-cung ngang vào huyệt « quan-nguyên » và « khí-hải », tinh của đàn ông và huyết của đàn bà đều tụ ở đấy, nơi ấy là khí duy nhất của tiên-thiên, tức là chân dương ở trong tạng thận, là gốc sinh hoá ra thân người, hai quả thận thuộc hành thủy, nhưng có phân ra âm và dương, còn mệnh-môn thuộc hành hỏa mà ở vào khe giữa, chứ không phải ở lệch về bên phải.

Ông Chư-Tề-Hiền có nói : « Người ta thụ thai bắt đầu từ mạch « Nhâm » nghĩa là có mệnh môn trước rồi mới đến ngũ tạng, mệnh-môn là chủ cho 12 kinh, vì thế chữa bịnh phải để ý đến mệnh-môn là nơi để lập mệnh, mà là thứ hỏa báu nhất cho thân người. Cớ sao người đời sau không biết bớt tinh dục để hại đến hỏa ấy, mà người chữa bệnh cũng không biết nuôi dưỡng lấy chân-hoả, hàng ngày chữa bệnh bằng thuốc lạnh hay mát để hỏa kém hay tắt đi, thời không thể sống được.

Mệnh-môn ấy là hỏa quân-chủ, là hỏa ở trong thủy, hỏa ấy với thủy dựa nhau mà không lìa bỏ được nhau, nếu hỏa dư ra là bởi thủy không đầy đủ, thời phải bổ thủy để cân với hỏa, tức là làm vượng cho chân thủy để dẹp hỏa đi, chớ không có thể bỏ hỏa đi được.

Hỏa không đầy đủ là bởi chân thủy dư ra, thời phải bổ hỏa ở trong thủy, để tiêu bớt đàm tối đi, mà cũng không thể bỏ bớt thủy đi được. Nói là « nguyên » (nguồn) và nói là « chủ » thời đều thuộc về tiên-thiên vô hình,

Tìm sách

chứ không phải tạng tâm là hỏa mà nguồn ở tạng can, tạng thận là thủy mà chủ ở tạng phế.

Vì rằng, tạng tâm, tạng tỳ, tạng thận, tạng can, tạng phế đều thuộc về hậu-thiên hữu hình, nay ta nên đem hỏa vô hình để cân bằng với thủy vô hình.

Còn như phong, hàn, thử, thấp, táo (ráo), háo, đều là khí « lục-dâm » ở ngoài đến (khách khí), nếu chủ-khí vững thời khách-khí không lấn vào được, những người làm thuốc chỉ biết trừ bỏ tà khí (tức là khách-khí) mà không để ý đến chủ-khí tức là thủy hỏa, là lẽ làm sao ? Cũng có người muốn giữ vững chủ-khí mà chỉ để ý đến tỳ vị thời lại không biết nghĩa trong kinh dịch quẻ « Cấn » là hành thổ bởi quẻ « Ly » là hành hỏa sinh ra quẻ « Khôn » là hành thổ bởi quẻ « Khảm » là hành thổ sinh ra vậy.

Tôi xét những chứng bệnh bởi long-hỏa bốc lên, cũng như lửa làm cháy cả cây cỏ, cho nên hiện chúng ở thượng-tiêu thời phiền nóng, cuống-họng khô, cổ-họng đau, lưỡng quyền đỏ, mắt đỏ, v.v...

Chứng ấy cùng với chứng chân thủy suy mà chân hỏa bốc lên không khác nhau, chỉ khác là miệng ráo mà không khát nước, thời phải dùng bài bát-vị để ôn cho tạng thận và đem hỏa trở xuống, về chứng ấy nếu cho làm là thủy suy hỏa vượng mà cho uống bài lục-vị, thời long-hỏa sợ âm hàn mà càng bốc trở lên, thủy đã dư mà lại bồ thủy thời dương khí phải mất đi, tôi thường nghiệm và lĩnh hội như trên, nên ghi ra đây để mọi người cùng rõ (tôi đã có một đoạn bàn ở quyển Châu-ngọc).

Tìm sách

BÊN HỮU : Lỗ hổng của tướng-hỏa trong vòng trắng cũng gọi là chân-hỏa, gọi là thiên-hỏa vô hình, hỏa ấy vâng lệnh của quân-hỏa ở mệnh-môn mà làm việc, rồi chân thủy cũng theo tướng-hỏa mà đi, tự giờ dần đến giờ thân, khi ấy lưu hành 25 độ về dương phận, tự giờ dậu đến giờ sửa lưu hành 25 độ về âm phận, ngày đêm chu lưu ở ngũ tạng, lục phủ, nếu ngừng thời sinh bệnh mà tắt thời chết, lúc con trai con gái giao cấu thời hỏa là khí nóng hợp ở đấy mà tinh tụ lại, còn tướng-hỏa ở tam tiêu thời là quan-chức như bề tôi giúp việc (tam tiêu cũng gọi là tướng-hỏa), vâng lệnh ở tướng-hỏa chỗ vòng tròn trắng ấy rồi chu lưu ở trăm mạch, mệnh-môn như ông vua không phải làm, tướng-hỏa như chức tể-tướng thay vua để làm việc, thế là hỏa vô hình về tiên-thiên khác với hỏa hữu hình về hậu-thiên (tâm hỏa, hỏa của ngũ tạng và lục chí).

Hết thảy những người vì tình dục quá độ, đến nỗi tướng-hỏa suy mà trong tạng thận âm hàn (chân âm hơn lên), long-hỏa không có nơi để tàng thân mà bốc vượt trở lên, thời phải nên uống bài *bát-vị* để ôn lên, thời long-hỏa mới đem trở xuống.

BÊN TẢ : Lỗ hổng của chân thủy ở vòng đen bên trái cũng gọi là chân-âm, gọi là nguyên-âm, mà cũng là vô hình, đi lên trên giáp xương sống ngang ngực, gọi là « tý-hải » thời tân dịch ấy đi ra các mạch, để tốt cho chân huyết, giữ cho chân khí, ở trong thời đến ngũ tạng, lục phủ cùng theo về thời khắc mà cùng với tướng hỏa đi ngầm trong thân người, thủy ấy cùng với thủy hữu hình về hậu-thiên không giống nhau, chân thủy ấy tức là chân-âm để bồi dưỡng cho tướng-hỏa, nếu không có

Tìm sách

thủy ấy thời chân dương nguyên-khí ở mệnh-môn cũng suy đi, vậy chân thủy ấy và tướng-hỏa phải quân bình như nhau, mà không nên để bên nào hơn lên, tức là nghĩa khí âm gốc ở khí dương, khí dương gốc ở khí âm, một khi chân thủy suy, thời tướng-hỏa bốc lên, mà thiếu-hỏa (hỏa vừa phải) biến ra tráng-hỏa (hỏa dữ dội), mà làm hại đến nguyên khí, những bệnh ấy nên dùng bài *Lục-vị* mạnh cho chân thủy để dẹp hỏa đi.

Quả thận bên hữu là dương-thủy, là thủy hữu hình, thời có thể dùng thuốc cho vơi đi được, quả thận ấy là một nửa trong đồ thái cực trong thân người, vòng trắng ấy là tiên-thiên ở trong hậu-thiên.

Quả thận bên tả là âm-thủy cũng là thủy hữu hình, có khi dùng thuốc để vợi đi được. Thận ấy là một nửa đồ thái-cực trong thân người, vòng tròn đen ở bên tả, cũng là tiên-thiên ở trong hậu-thiên.

Tạng thận là gốc cho tạng phủ, là căn bản cho 12 mạch, là nguồn gốc cho tam-tiêu (thượng, trung và hạ). Vậy tạng thận là căn bản chó tiên-thiên.

Số của trời là số 1 (nhất), cho nên quẻ Khôn trong kinh dịch một vạch liền nhau (—), khi người mới thụ thai thời mệnh-môn-hỏa sinh trước, ở trong rốn mà có một cuống thẳng lên hình như nhị sen, tức là rốn của trẻ em mà nhị sen tức là hai quả thận, mệnh-môn ở khe âm-thủy và dương-thủy tức là một dương hai âm, hành thủy sinh hành mộc rồi thành tạng can, hành mộc sinh hành hỏa rồi thành tạng tâm, hành hỏa sinh hành thổ rồi thành tạng tỳ, hành thổ sinh hành kim rồi thành tạng phế.

Tìm sách

Có sách nói : « Bắt đầu có mệnh-môn, rồi sinh tạng tâm, song đến tạng phế và tạng tỳ, rồi sau đến tạng thận và xương tỷ. »

Ngũ tạng đã thành mới sinh ra lục phủ, song đến 4 chân tay và 100 đốt xương.

Kinh dậy tu tiên có nói : « Thế nào là huyền-tẫn : vì huyền là sắc đen mà tẫn là loại âm ». Trẻ em mới sinh bắt đầu có hai quả thận, một điểm nguyên-dương ở khe hai quả thận tức là mệnh-môn, mệnh-môn là nơi của thủy hỏa tức là tiên thiên, người thụ thai ở mạch « Nhâm » có mệnh môn trước, rồi mới có hai quả thận, người ta không có hỏa ở mệnh môn thời không vận hành được ở tam tiêu, mà làm nhừ các thức ăn uống, Nội Kinh có nói : « Hỏa vừa phải tức là thiếu hỏa mà sinh ra khí nóng ».

Kinh dậy tu tiên có nói : « Khe giữa hai quả thận có một điểm sáng, đóng lại thời như hạt châu mà cho vào lửa cũng không cháy, tức là « đan-mẫu » mà tiết ra ngoài thời thành ra bào-thai, hết thảy con trai con gái lúc giao hợp với nhau thời hỏa họp lại mà tinh tự lại, cho nên sinh ra người bắt đầu có mệnh-môn-hỏa ».

Con trai trong dương có âm thời lấy hỏa làm chủ, con gái trong âm có dương thời lấy tinh làm chủ, dương khí và âm tinh họp lại thời thành hình rồi sau mới đến thân thể xương cốt, nếu không có hỏa khí của tiên-thiên thời không thể sinh hóa được.

Mệnh hỏa ấy tức là long-hỏa vẫn ở dưới đáy bể,

Tìm sách

long-động thời hỏa cũng theo lên, nên sách cổ có nói « nguyên dương vẫn ở tạng thận mà vận dụng thời ứng lên tạng tâm », thế mới rõ dương-hỏa của tạng tâm gốc ở tạng thận mà âm hỏa ở trong thủy thời gốc ở tạng tâm. Cổ thư lại nói : « Nước ở chỗ cao-nguyên » Lại nói : « Hỏa ở trong thủy » thế là thủy và hỏa làm căn bản cho nhau.

Bậc thánh thần thời xưa xét thấy tạng thận là căn bản cho tiên-thiên, cho nên bàn về mạch có câu « Người có mạch xích là mạch của tạng thận, cũng như cây, dù cành lá khô héo nhưng gốc rễ còn sống cũng có thể cứu vãn được », vì thế mà chứng thương hàn bệnh nặng, mạch thốn (mạch của tạng phế) dù khó tìm hiểu, nhưng xem mạch « Thái-khê » (mạch của tạng thận), để xem tạng thận còn vững hay không ? nếu mạch « Thái-khê » còn, vẫn có thể chữa được.

Đàn ông đàn bà còn nhỏ chưa biết giao hợp, mà chợt có tinh dục là tinh đã đầy đủ, vì thế 16 tuổi mới có thể sinh con, con trai vợi tinh đi là quẻ Kiền ba vạch liền nhau, khi đã phá thành quẻ Ly một vạch giữa đứt làm đôi, con gái có thai là quẻ Khôn ba vạch đều đứt làm hai, khi đã hóa thành quẻ Khảm là một vạch giữa liền lại, như vậy thời người ta không biết tiết độ tinh dục, thời trăm bộ mạch đều bị hư yếu.

Tìm sách

3.— NÓI VỀ HÌNH-ĐỒ QUẺ « KIỀN » CHUYỂN THÀNH QUẺ « LY »

QUẺ KIỀN

Bên tả thuần là dương **Bên hữu thuần là dương**

Trời số 1

Xoay về đằng tả thì thành quẻ khảm nước đi ra, quẻ khảm thuộc về dương	Sinh ra hành thủy tiên-thiên Mệnh môn	Xoay về đằng hữu thời thành quẻ đoài nước đi vào, quẻ đoài thuộc về âm

Âm-hỏa là thật quân-chủ ở vào địa vị đó khi có việc thì tướng hỏa làm thay, đem hỏa tạng can và hỏa ở tam tiêu để vận dụng.

Quẻ Kiền biến thành quẻ ly, là tạng tâm về hậu-thiên.

Dương-hỏa là quân-hỏa ở trên mà chủ tĩnh, Tướng-hỏa thời ở dưới mà chủ động.

Thủy sinh bởi hỏa, vì như đất có bốc hơi mới được mềm nhuận, nồi nước đun lên thời trên vung có mồ-hôi. Còn hành thủy khắc hành hỏa là nói hỏa hữu hình. Tóm lại, *hỏa sinh bởi thủy* mà cũng ở vào địa vị của thủy, theo về hình tượng bát quái thời quẻ khảm có một vạch ở giữa liền mà ở vào khe giữa 2 vạch đều đứt, thế là nhất dương ở trong nhị âm, dương đó là mệnh-môn mà nhị âm là 2 quả thận.

Thủy sinh bởi hỏa theo về tượng bát quái thời quẻ Kiền là thuần dương 3 vạch đều liền nhau, biến thành

Tìm sách

quẻ ly là vạch giữa đứt làm đôi một khi xoay về đẳng tả thời thành ra quẻ « khảm » mà vạch ở giữa liền nhau, xoay về đẳng hữu thời thành ra quẻ « đoài » là một vạch ở trên đứt làm đôi, vì rằng tạng thận là bành thủy, âm thủy và dương-thủy lại cách ra mà ở vào chỗ khác, thế là tiên-thiên ở trong hậu-thiên. Hơn nữa, theo nghĩa kinh Dịch thời thủy phải thăng, hỏa phải giáng mới là quẻ « Ký-Tế » (mọi việc trôi chảy).

4.— TẠNG TÂM VÀ TẠNG THẬN TƯƠNG THÔNG VỚI NHAU

Trong ngũ tạng : Có tạng thời chứa hồn, có tạng thời chứa phách, có tạng thời chứa ý, có tạng thời chứa khí-khôn, đều là thần minh cả, chỉ có tạng tâm và tạng thận như thể một nhà. Tạng thận là bành thủy, tạng tâm là bành hỏa, làm căn bản lẫn cho nhau.

Tạng tâm thuộc về quẻ « Ly » thời một hào âm (đứt đôi) ở khe giữa hai hào dương (vạch liền), vả lại trong tạng tâm chứa máu đỏ tức là chân âm. Còn tạng thận thời thuộc quẻ khảm, quẻ khảm là dương, một hào dương (vạch liền) ở khe giữa hai hào âm (vạch đứt đôi), hơn nữa trong tạng thận chứa mang trắng tức là chân dương vậy.

Tạng thận thuộc hành thủy giúp cho tạng tâm ở trên, tạng tâm thuộc hành hỏa thời tương giao với tạng thận, như vậy là quẻ « Ký-tế », thế là tạng thận lại vận dụng ở trên mà tạng tâm lại truyền tống ở dưới.

Về lục phủ thời vị (dạ-dày) sử dụng cho tạng tỳ, (lá-lách) để phân biệt nước và cặn bã rồi truyền tống

mở đóng, chỉ khó nhọc về hình hài mà không khó nhọc về thần kinh, nếu có bệnh thì dễ chữa, còn lao tâm là hao tổn về tinh hoa mà hại về thất tình, (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn), như thế thời hại nhiều, nên thành bệnh khó chữa, cổ thư có nói : « Lo nghĩ hại hơn là tình dục » vì lo nghĩ thời vận dụng lên tạng tâm mà lây đến tạng thận. Sở dĩ lây đến tạng thận vì tạng thận để chứa tâm chí ; người ta không có con là bởi tạng tâm mà tóc bạc bởi ở tạng thận, một khi tạng tâm đã yếu thời tạng thận cũng không đầy đủ được.

Nội-kinh có nói : « Huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần » cho nên nhà Đạo-sĩ cho tinh, khí, thần là 3 của báu trong thân người, lại như thần khí đối với tinh huyết thời thần khí là dương, tinh huyết là âm, huyết đối với tinh thời huyết là âm mà tinh là dương. Nếu ta để ý vào tạng tâm và tạng thận thời đỡ bệnh tật, mà có bệnh cũng dễ chữa. Lại chữa người ăn cao lương mỹ vị thời để ý về ngũ tạng, mà chữa người thường ăn cơm rau, thời để ý hơn về lục phủ, mà đều nên trọng về tạng tâm, tạng thận. Tạng là tàng có nghĩa là chứa lại. Nội-kinh có nói : « Âm thuộc về tạng trong thân người, nếu thấy rõ thời bại mà chết ». Lại nói : « ngũ tạng chứa tinh khí mà không tiết vợi ra ngoài, lục phủ truyền tống đi mà không chứa lại » cho nên ngũ tạng ít khi dùng thuốc đề vơi cả, mà mới có lời bàn quý ngũ tạng hơn là lục phủ.

Đến như tạng thận thời là căn bản để bế vít, tạng ấy chỉ có lúc hư yếu mà ít khi quá mạnh.

Ngũ tạng đều có tướng-hỏa, duy tướng-hỏa ở tạng can

Tìm sách

chỉ nên vừa phải, vì tạng can là hành mộc, hỏa có vừa phải thời mộc mới được nảy nở, nếu dữ dội thời có hại hơn hỏa ở các tạng khác, âm khí của đàn ông là nơi gân lớn tụ lại mới tác dụng được mạnh, cũng vì có sức của tướng-hỏa.

Khi đàn ông đàn bà giao hợp thời hỏa ở tam tiêu và ở trong ở ngoài đều đem trở xuống, nơi huyền-phủ (mới chứa tinh khí) mở ra, cho nên tinh khí đi mạnh ra, như vậy thời việc tác dụng ấy còn ở tạng can mà không những ở tạng thận.

5.— NÓI VỀ VINH VÀ VỆ THĂNH HAY TRỌC, THỦY VÀ HỎA THANG HAY GIÁNG

Vệ là khí, khí thời nhẹ nhàng và trong sạch, vinh là huyết, huyết thời nặng mà không được trong (trọc) khí dương thuộc về hành hỏa, tinh của hỏa bốc trở lên, khí âm thuộc hành thủy, tinh của thủy nhuận trở xuống. Vậy vì lẽ gì mà vinh huyết lại là trong trẻo, mà vệ khí lại là nặng và đục? thủy lại thăng lên, mà hỏa lại giáng xuống? xem hình đồ sau này mới xét được chí lý của âm dương.

Theo tượng trong kinh dịch thời quẻ Kiền ☰ là trời ba vạch liền thuộc về khí dương, quẻ Khôn ☷ là đất ba vạch đứt ra mà thuộc về khí âm. Ngũ tạng thời tạng tâm thuộc về quẻ Ly ☲ hai vạch đứt ở khe giữa hai vạch liền, thế là khí nặng và trọc của trời giáng xuống mà khí nhẹ và trong của đất bốc lên. Tạng thận thuộc quẻ Khảm mà quẻ Khảm ☵ thời một vạch liền ở khe giữa hai

vạch nứt đôi, thế là khí của đất bốc lên là mây mà khí của trời giáng xuống là mưa.

Thanh là trong sạch, là phần trên của thể mà là dương là hỏa, một hào âm ở giữa quẻ Ly giáng xuống cho nên xế chiều thời khí âm đã sinh, tức là tạng tâm sinh ra huyết cho nên nói là thanh khí là vinh, vì rằng thanh khí của trời không giáng xuống mà trọc khí mới giáng. Trọc khí là phần dưới của thể tức là âm là thủy, nay trong quẻ khảm thời một hào dương thăng lên, cho nên sau nửa đêm thời khí dương đã sinh, tức là sinh khí của tạng thận, cho nên nói là trọc khí là vệ, vì rằng trọc khí của đất không bốc lên mà chỉ có thanh khí mới bốc trở lên vậy.

6.— BÀN VỀ TẠNG CAN, TẠNG THẬN CÙNG CHỮA VỚI NHAU VÀ PHÉP BỔ HAY TẢ (rọi cho nhẹ đi).

Sách đời xưa có nói : « Ất và Quý cùng một nguồn », tạng can và tạng thận cùng chữa với nhau là lẽ làm sao ? vì rằng hỏa có quân-hỏa và tướng-hỏa, quân-hỏa ở trên mà chủ về tĩnh, tướng hỏa ở dưới mà chủ về hành động, quân-hỏa chỉ có ở trong tạng tâm mà tướng-hỏa thời có hai quả thận và tạng can. Tạng thận ứng về phương Bắc, về « can chi » thời thuộc nhâm-quý, về ngũ hành thời thuộc hành thủy, mà về bát quái thời là quẻ khảm, với hình tượng là con rồng, rồng vẫn ở dưới đáy bể, một khi rồng nổi lên thời lôi hỏa cũng theo lên.

Tạng can ứng về phương đông, về can và chi thời là

« giáp-ất », về ngũ hành thời là hành mộc, về bát quái là quẻ « chấn », về hình tượng thời là sấm (sấm sét tức là hoả), sấm sét nguyên ở trong trầm có nước (quẻ khảm), sấm động lên thời long hỏa cũng theo. Trầm hay là bể đều là nước ở dưới, cho nên gọi là ất và quý cùng một nguồn.

Hành mộc ở phương đông, nếu không hư yếu thời không nên bổ thêm vào, vì thế bổ cho tạng thận tức là bổ cho tạng can. Thủy ở phương Bắc nếu không mạnh (thực) thời không nên tả cho vợi đi, mà tả tạng can tức là để tả tạng thận.

Còn như mùa xuân không thấy rồng thời không có tiếng sấm, đến mùa thu sấm chưa thu thanh thời rồng chưa về chỗ, một khi rồng đã lấp ở đáy bể thời không có sấm, sấm đã lui về trong trầm thời mới không có rồng, vì thế gọi là « long-lôi-hỏa », mà cổ thư mới nói tạng can tạng thận cùng chữa với nhau.

Hơn nữa, tạng can không nên bổ về mùa xuân hạt cây mọc mầm, xuân khí đầy cả trời đất, ở người thời là tức giận, tức giận thời khí ngược lên, ở trời thời là gió, có gió thời động khí. nên người giận dữ, mà lại bổ thêm vào, đã động mà lại cho động bổ thêm thời không thể được.

Vì sao mà tạng thận không nên tả vợi đi ? Tạng ấy là phương Bắc ứng vào mùa đông, với người thời là sợ hãi, đã sợ thời khí đem trở xuống, với trời thời là khí tiết lạnh lẽo, đã lạnh thời khí ẩm đạm, đã sợ hãi mà tả vợi đi, đã lạnh lẽo mà lại tả vợi đi, cũng không thể được.

TìmSách

Tuy thế, tạng can không nên bổ, nhưng huyết của tạng can vẫn phải nuôi dưỡng, vậy mạnh cho chân thủy tức là thời can mộc nhờ đó mà tươi tốt. Tạng thận cũng có khi phải tả vợi đi, vì khí của tạng thận không nên để vượng quá, khi ấy tức là hỏa dữ dội (tráng hỏa) thời đem cả hỏa của tạng can mà dông dỡ đến cả tam-tiêu. Vậy dẹp tạng can tức là để tả vợi tạng thận vậy.

Tóm lại, thận thủy và can mộc cùng một nguồn gốc, tướng hỏa ở tạng thận dễ bốc lên mà làm cho người khó chịu, thời tả vợi can mộc đi tức là để giáng khí, bổ chân thủy là để dẹp chân hỏa, thế mới biết khí dư ra thời là hỏa, mà rõ nghĩa Ất là Quý cùng một nguồn vậy.

Lại có khi tạng can cũng không nên bình là dẹp đi, vì tạng can thuộc phương đông và hành mộc, trong 4 mùa thời là mùa xuân, mùa xuân đã không phát sinh thời mùa hạ, mùa thu, mùa đông, cũng không làm được chức vụ, huống chi trong ngũ hành chỉ hành mộc là có tượng nảy nở xanh tốt. Vậy ta còn phải bồi dưỡng mà không nên dẹp đi, vì thế nhà làm thuốc phải dưỡng châu huyết để hòa tạng can, huống chi tạng thận chủ về việc đóng giữ lại, tạng can chủ về việc vợi nhẹ đi, là nghĩa một bên mở một bên đóng, ta không nên chấp nệ là tạng can thường dư ra mà chăm chăm dẹp tạng can (bình can), lại không nên chấp nệ là tạng can chỉ nên tả cho vợi đi mà không nên bổ vào, miễn là bổ cho tạng thận tức là bổ cho tạng can như bài « *lục-vị địa-hoàng* » và bài « *thất-bảo my-nhiêm* ».

Tìm sách

7.— BÀN VỀ TƯỚNG-HỎA LONG-LÔI

Vì Ất và Quý cùng một nguồn, cho nên gọi là Long-lôi, mệnh-môn là nơi ở của Long-lôi, mệnh-môn hỏa tức là thiếu-hỏa là hỏa vừa phải, là hỏa ở trong thủy, là âm-hỏa, là phục-hỏa, hỏa ấy gặp nước càng dông dỡ lên.

Tạng thận thuộc về quẻ khảm mà hình tượng là rồng, tạng can thuộc về quẻ chấn mà hình tượng là sấm, một khi rồng đã vùng dậy thời sấm cũng theo đi, sấm tàng chứa ở trong trầm nước mà chủ về quẻ khảm, vì thế mới gọi chân dương ở trong tạng thận là hỏa long-lôi, long-lôi ấy tàng ở tạng thận mà vận dụng ở tạng can

Hỏa có nhân-hỏa (lửa người ta thường dùng), có tướng hỏa, nhân-hỏa gặp cỏ cây thì bốc cháy có thể dùng nước hay ẩn thấp để dẹp tắt đi được, như thế là bệnh cho gấy đi như những vị hoàng liên, v.v...

Còn tướng-hỏa tức là long-hỏa, hỏa ấy gặp ẩn hay uất thời lại cháy dông lên, cũng như đương lúc có mây mưa thời lửa của sấm sét cũng dữ dội, vì thế gặp bệnh lại chữa bằng những vị tri-mẫu, hoàng-bá thời không thể được.

Tướng-hỏa ấy ở can và thận là hỏa ở trong thủy, nếu chữa lầm bằng những vị thuốc đắng và lạnh thời lửa lại bùng lên, vậy phải lựa theo tính của hỏa, nghĩa là bổ hỏa ở trong thủy để đem hỏa về chỗ cũ thời không còn dông dỡ nữa. Nội-Kinh có nói : « Mặt trời đã soi thời lửa tự nhiên tiêu diệt », thế là phép kinh nghiệm chữa tướng-hỏa long-lôi vậy.

Rồng và sấm sao cứ phát sinh về tháng 5 tháng 6

Tìm sách

mà đến tháng 9 tháng 10 mới thôi, vì rằng mùa đông thời dương khí là khí ấm ở dưới thủy và thổ và long-lôi cũng ở nơi đó, đến mùa hè thời khí âm ở dưới Long-lôi cũng sợ lạnh mà đi lên, biết rõ lẽ ấy thời chỉ có bài *bát-vị hoàn* có quế và phụ cùng với hỏa cùng một chiều để đem hỏa vào trong tạng thận, thế là dùng những thuốc cùng một tính để dẫn hỏa về chỗ. Mọi người đều nói là giáng hỏa, mà thầy thuốc Họ Triện chỉ lấy vị thục-địa để giúp cho hỏa ở trong thủy ; mọi người đều nói là phạt hỏa, mà họ Triện chỉ lấy quế và phụ để ôn bổ hỏa của mệnh-môn, là vì lý lẽ như đã kể ở trên.

8 -- BÀN VỀ QUÂN-HỎA VÀ TƯỚNG HỎA

Tiên sinh họ Phùng bảo tạng tâm là quân-hỏa hữu hình, mà mệnh-môn là tướng-hỏa vô hình, vì tam tiêu vâng lệnh của tướng-hỏa nên cũng gọi là hỏa. Ông Cảnh-Nhạc lại cho tạng-tâm là quân-hỏa vô hình mà mệnh-môn là tướng-hỏa hữu hình, mà ông bàn rằng, quân-hỏa suy thời tướng-hỏa cũng bại, thế là vô hình làm lây bệnh đến hữu hình. Ông dẫn chứng ở Nội-kinh đã nói : « quân-hỏa có sáng tỏ thời tướng-hỏa mới yên ở địa vị », vì quân-chủ là công dụng hư không, vị tướng phải làm việc thời công dụng là sự thực, nên quân-hỏa không sáng tỏ thời không lấy gì để chứa lại, tướng-hỏa không yên ở địa vị thời không lấy gì để tỏ ra, như vậy thời tạng thận chỉ là chứa vụ để bế tàng (là đóng giữ lại) mà thôi.

Nhưng theo ý tôi, thời hỏa hữu hình không thể cho động lên được, mà hỏa vô hình không thể cho tắt đi

Tìm sách

được, đâu có thể chỉ bổ tạng tâm mà công phạt được tạng thận, vị nhục-quế và phụ-tử là những vị thuốc để bổ hỏa, là để bổ tạng tâm hay bổ tạng thận ? nếu tạng thận chỉ nên bổ mà không nên tả, thời lời nói của tiên sinh họ Phùng cho mệnh-môn là tướng hỏa vô bình có lẽ đúng hơn.

9. – PHÂN BIỆT VỀ HỎA CỦA TIÊN-THIÊN HAY HẬU-THIÊN

Người sinh ở hội dần, mà dần tức là hỏa, hỏa là thể của dương khí, tạo-hóa lấy dương làm căn bản để sinh ra muôn vật, người ta lấy hỏa làm ngõ để lập mệnh, vì thế phải cần nuôi dưỡng lấy chân-hỏa. Trời mở ở hội tý là gốc cho dương, người sinh ở hội dần mà dần là mẹ để của hỏa, hỏa là gốc để sinh mệnh, mà dương là công dụng của hỏa, cho nên có câu : « trời không có hỏa thời không sinh được muôn vật, người không có hỏa thời không sinh được ».

Nhà học nho nói : « Trời mở ở hội tý mà thủy là đầu », nhà làm thuốc nói : « Người sinh ở tạng thận mà thủy là trước », nhưng biết dần tý cũng là dương mà thận là tạng hỏa, vì mệnh-môn ở khe giữa hai quả thận tức là nhất dương ở trong nhị âm, vậy tạng thận nguyên là hỏa mà thận thủy chỉ ký sinh mà thôi.

Vì lẽ khí âm sinh ở khí dương, cho nên hỏa đối danh với thủy mà không đối thể với thủy (cùng có tên là đối danh, cùng có thể chất là đối thể), tương đối với

TìmSách

thủy là hỏa về hậu-thiên mà là hỏa của quẻ Ly, không tượng đối với thủy là hỏa về tiên-thiên mà là hỏa của quẻ Kiền, quẻ Kiền là thuần dương là chủ cho thủy, cho nên ngũ hành đều giữ một chức vụ, chỉ có hỏa thời nói là quân và tướng, sinh khí của trời đất đều gọi là nguyên khí, mà nguyên khí chủ về dương tức là hỏa mà thôi.

10. - BÀN VỀ THỦY, HỎA GIÚP LẪN NHAU

Thủy hỏa là căn bản để sinh ra người, nhưng thủy là gốc cho hỏa, hỏa là chủ cho thủy, cho nên phải tương giao mà không lìa được nhau, lại phải quân bình mà không bên nào được hơn lên. Tính của hỏa bốc trở lên ; thời phải đem trở xuống, tính của thủy nhuận trở xuống thời phải đem trở lên, thủy ở trên hỏa ở dưới gọi là tương giao, tức là thủy-hỏa-ký-tế (nước và lửa đã làm xong việc), hỏa ấy gọi dương khí, thủy ấy tức là âm tinh, hai bên cần nhau thời gọi là âm dương hòa bình.

Người nào chân dương đã thịnh thời phải bổ âm, người nào mà chân âm thịnh thời phải bổ dương, nhưng khí âm phải theo khí dương mà lên, nay chỉ bổ riêng cho khí âm thời hại đến khí của dạ-dầy (ngừng trệ mà ăn uống kém) lại tuyệt mất nguồn sinh hóa của hậu-thiên, như vậy thời thuốc bổ âm phải xen vào những vị bổ dương.

Có người chỉ chú trọng về nuôi dưỡng khí âm, họ cho rằng trong thân người chỉ có một tạng thận là thủy mà có hai hỏa là quân và tướng, thế là dương thường dư mà âm thường thiếu, họ dẫn lời ông Đan-Khê nói : « một hành thủy là tạng thận không thắng nổi hỏa của ngũ

tạng, cho nên mọi bệnh đều thấy phát nóng » và nói: « Khí dương tóm giữ lấy khí âm » vì thế mà các thầy thuốc không ngừng những vị thuốc bổ âm mà thường kiêng những vị thuốc bổ dương.

Như thế là không biết lẽ những vị thuốc tính chất thuần là âm, thời ít có công để sinh dục, những chứng bệnh vì hỏa dư ra chỉ là tả hỏa mà thôi, chân hỏa là khí nóng trong thân người hộ vệ cho thân thể, nếu kém thời ốm mà mất đi thời chết Chân thủy không đầy đủ chỉ vào những khi con trai 8 x 8 = là 64 tuổi, con gái 7 x 7 = 49 tuổi, khi ấy nếu không đến bổ thời tinh huyết khô kiệt mà gầy yếu, hoặc nóng từng cơn hay là có những bệnh bởi chân thủy không đủ, chân hỏa bốc lên mà thôi.

II.— BÀN VỀ GIÚP CHÂN ÂM ĐỂ GIÁNG HỎA

Ông Vương-Tiết-Tề có nói : « Trong thân người âm huyết thường thiếu mà dương khí thường thừa, lại thêm tinh dục để tổn tinh huyết thời tướng-hỏa phải vượng lên, thành những chứng thổ ra huyết, khạc ra huyết, ho lao, v.v... nên phải bổ âm phận để thủy chế được hỏa mà thủy thăng hỏa giáng, cho nên ông Đan-Khê mới phát minh ra thuyết chuyên bổ cho thận thủy ở mạch xích bên trái ». Ông còn nói : « Phương thuốc đời xưa mà bổ cả tướng-hỏa ở mạch xích bên phải là không biết mạch xích bên phải vẫn vượng mà mạch xích bên trái là hư yếu, nếu quả là tướng-hoả suy yếu nên mới dùng thuốc bổ, vì người hỏa vượng mà thành bịnh nhiều hơn người hỏa suy mà thành bệnh ».

TìmSách

Ông Tiết-Tề nói như trên, cũng là có công phát minh ý nghĩa của bậc tiên thánh. Nhưng theo ý tôi, thời người chân thủy suy vẫn nhiều mà người chân hỏa suy cũng không phải là ít, ngay đến trẻ em cũng có đứa chân hỏa suy yếu thời đâu có thể chỉ bổ chân thủy được. Huống chi bài thuốc bổ-âm-hoàn dùng nhiều vị tri-mẫu và hoàng-bá mà vị thiên-môn vị mạch-môn để giúp sức, thời vị hoàng-bá đắng mà lạnh, vị thiên-môn cũng tính lạnh, người uống thuốc ấy không chắc đã bổ được chân thủy, mà còn hại đến chân hỏa, vậy cần « tư âm giáng hỏa » nghĩa là giúp chân âm để giáng hỏa xuống, chứ không nên dùng những vị để cho chân hỏa suy kém đi.

Thủy và hỏa giúp lẫn cho nhau, nếu mạch bộ xích bên trái hư yếu mà tế và xác là chân âm của tạng thận không được đầy đủ, thì nên dùng bài « Lục-vị-hoàn ». Còn mạch bộ xích bên phải trì và nhuyễn hay là trầm mà tế và xác mà muốn tuyệt, là tướng-hỏa của mệnh-môn không đầy đủ, thời phải dùng bài « Bát-vị-hoàn » một khi mạch của hai bộ xích vi và nhược là âm và dương đều hư yếu, thì nên dùng bài « Thập bổ hoàn », như thế mới là không thiên lệch.

Tôi thường thấy những phương thuốc để bổ âm của các thầy thuốc là dùng vị tri-mẫu và hoàng bá, thời hại đến tỳ-vị mà có khi không cứu được, nên tôi nêu ra trên đây để rộng thêm những điều mà người đời xưa chưa để ý cho được hoàn bị.

Có người nói : « thủy là gốc cho huyết, thủy hư yếu nhiều thời bổ thủy mà hư yếu ít thời bổ huyết thế thời thủy là âm của tiên-thiên mà huyết là âm của hậu-thiên ;

Tìm sách

huyết cũng là thủy, bất tất phải phân biệt, đó là vì sách đời xưa chỉ nói : « tiên-thiên thủy suy hỏa bốc lên ». Lại nói : « hậu-thiên âm hư hỏa động », mà không phân biệt hình và chứng như thế nào, nay phải căn cứ vào mạch, nếu 6 bộ mạch phù và hồng mà hai bộ xích có lực, bộ quan, bộ thốn bên trái không có thần hay phù và đại, thế là âm của hậu-thiên hư yếu (tức là huyết của tạng tâm tạng can hư yếu) thì nên dùng những loại thuốc như bài « thập bổ », còn mạch xích bên trái vô lực là thủy của tiên thiên suy yếu thì nên dùng những bài thuốc như bài « lục-vị ».

12 – BÀN VỀ HAI BÀI THUỐC « THỦY VÀ HỎA »

Tôi xét bài « lục-vị » và bài « bát-vị » mọi người chỉ cho là thuốc để chữa về tạng thận, mà tôi đem chữa cả các chứng bệnh khác là lẽ làm sao ? Người ta mới sinh trước hết có hai quả thận là thái-cực trong thân người, làm căn bản để lập mệnh, các tạng phủ khác đều nhờ một điểm mạch-môn ấy. Bộ sách Y-Quán ví như cái đèn kéo quân, các con đối nào đi, nào lạy, nào múa, đều nhờ ở sức lửa ở giữa cái đèn, lửa mạnh thời đi nhanh, lửa kém thời đi chậm, mà lửa tắt thời ngưng lại.

Vì thế, sách cổ có nói : « Bách bệnh đều gốc ở tạng thận ». Lại nói : « ngũ tạng thụ thương rồi sau phải đến tạng thận ». Lại nói « Bệnh nhỏ bởi ở khí huyết, bệnh lớn bởi ở thủy hỏa ». Lại nói : « Đầy đủ cho chỗ thiếu thốn là khí huyết, mà hoá sinh ra khí huyết là thủy hỏa ».

Tìm sách

Xem thế thời bách bệnh đều bởi hư yếu mà thành ra, mà hư yếu phần nhiều bởi tạng thận. Nội-kinh nói : « Gặp chứng hư yếu phải bổ tạng thận để giữ lấy sinh mệnh ». Cho nên chữa người ốm lâu hay đại bệnh, phải để ý về tạng thận. Nội-kinh còn nói : « Việc làm thuốc nếu biết được yếu lĩnh thời một câu nói là xong » như thế thời âm và dương là yếu lĩnh cho bách bệnh.

Tiên-sư họ Phùng có nói : « đem phương pháp chữa một bệnh, suy rộng ra có thể chữa được bách bệnh, mà đưa phương pháp để chữa bách bệnh về căn bản cũng như chữa một bệnh », muôn người dù khác nhau mà tạng phủ âm dương như một, tên của bệnh có khác nhau mà bất ngoại ở khí huyết hư thực. Tôi kinh nghiệm hàng hai mươi năm, chữa khỏi được những bệnh trầm trọng, cũng chỉ căn cứ vào hai khiếu âm và dương, hai bài thuốc bổ thủy và bổ hỏa khác biệt với các thầy thuốc khác mà thôi.

Cổ thư có nói : « Nhà làm thuốc không rõ được chân thể của thái cực, không xét đến thần diệu của thủy hoả vô hình, mà không trọng đến bài « lục-vị » bài « bát-vị » thì đã thiếu quá nửa về nghề làm thuốc »,

Theo ý tôi, thời nhà làm thuốc chỉ để ý về bổ khí bổ huyết, loanh quanh vào những bài tứ-vật, bài tứ-quân, tuyệt nhiên không biết thủy và hỏa ở đâu, rồi sợ vị thục địa là trệ, sợ vị phụ-tử là mạnh, mà không dám dùng nhiều, thì chỉ là bậc làm thuốc tầm thường vậy.

TìmSách

13.— CHÂN THỦY CỦA TIÊN-THIÊN THỰC HAY LÀ HƯ, MÀ CĂN CỨ VÀO MẠCH, HÌNH VÀ CHỨNG CÙNG PHÉP CHỮA NHƯ THẾ NÀO?

(Chân thủy tức là chân âm, là thủy vô hình ở lỗ hổng đen trong quả thận bên tả)

Chân thủy nếu là thực (mạnh) thời:

Về mạch: Bộ xích bên trái có lúc hơn bộ xích bên phải.

Về hình: người béo trắng mà trệ.

Về chứng bệnh: thủy dành lên kinh-lạc mà người nề hay đau, đi cầu lỏng phân, người tê lần mần, nhiều đờm hay đi ỉy, hoặc sang độc v.v... những chứng trên đều là thủy thịnh hỏa kém, phép chữa nên tiêu ở trên hay ở dưới.

Chân thủy nếu là hư (yếu) thời:

Về mạch: sáu bộ đều phù hay là hồng và đại mà vô lực, hoặc bộ xích bên trái hư yếu vô lực, hay là hư yếu mà tế, xác vô lực, kém với bộ xích bên phải.

Về hình: Người béo bệu mà trắng nhợt, mặt như thoa mỡ, hay hai má hơi đỏ bề ngoài tựa như đầy đủ, hoặc sạm đen mà gầy mà buồn, bì phu khô ráo, thân thể gầy yếu, tinh khô huyết kiệt mà da dáp như vảy cá, môi lưỡi khô ráo, râu tóc ngắn mà vàng, con ngươi trắng nhiều, nóng tính hay giận dữ, uống nước nhiều, tiểu-tiện đi luôn, đại-tiện thường táo.

Tìm sách

Về bệnh chứng : Nóng từng cơn, nóng về chiều hay đêm, nóng se đến tận xương, hay là sốt âm, những chứng ngực và lòng bàn chân tay phiền nóng, về thượng-tiêu nhiều hơn (thủy suy không dẹp được hỏa nên hỏa bốc trở lên) Nội-kinh có nói : « Người dễ phát sốt là chân âm háo », lại nói : « âm hư, thời phát sốt là chân âm háo », lại nói : « âm hư thời phát sốt, bởi âm hư không chế được hỏa » phiền khát, nặng đầu, nhức đầu, đầu mặt choáng váng, hoa mắt, lưỡng quyền đỏ, hai má hơi nặng, khí ngược lên mà ọe khan, cuống họng khô, cổ họng đau, hay là trong cuống họng như có vật gì vướng, khạc không ra nuốt không vào, trong bụng não nùng, nhức xương, đau lưng, nề hoặc đi cầu lỏng phân, ăn uống không tiêu, ho nhổ nhiều đờm, nước dãi hay nước bọt trắng, lục huyết, di tinh, tiểu tiện vàng và xẻn hoặc đái dắt mà nước đục, hay ăn thức nóng, ưa ẩm ghét lạnh, mình lạnh nhiều mồ hôi, đàn bà kinh bế huyết ít, đều là những chứng thủy suy mà hỏa thịnh.

PHÉP CHỮA : âm của tiên-thiên hư yếu thời bổ thủy cho tạng thận, như những vị thục-địa, sơn-thù, mạch-môn, ngũ-vị, mà kiêng những vị ráo mà thấm thấp để lợi tiền-tiện, là vì chân thủy suy mà tướng-hỏa bốc lên, thủy không dẹp được hỏa. Nội-kinh có nói : « chân thủy không đủ là chân hỏa dư ra ». Lại nói : « âm hư thời dương lấn đi ». Lại nói : « Dùng thuốc mát mà không thấy người mát là bởi không có thủy. » Lại nói : « Đem thuốc mát để chữa bệnh nóng mà vẫn thấy nóng thời tìm ở âm phận ». Cổ thư nói : « chân âm hư thời không liễm được dương thời phải nuôi dưỡng chân âm để đem dương vào ».

Đại để những chứng vì thủy suy mà hỏa động, phần nhiều bởi tinh dục nhiều làm tổn chân âm, dương không

Tìm sách

dựa vào đâu được rồi bốc trở lên thế là nghĩa lửa gặp chỗ không thời bốc lên, chứng ấy nếu để lâu thời dương trơ vơ không vượng riêng được, như thế là hỏa dữ dội (tráng-hỏa) làm hao mòn mất khí, phải bổ xuống vào chỗ không hư, cho nên thành ngữ có nói: « âm hư yếu nhiều nên bổ âm để cân với dương » như bài lục-vị để bổ thủy, vậy không nên phạt hỏa đi mà chỉ bổ thủy để cân với hỏa, thì hỏa tự nhiên giáng xuống.

Nếu trong chứng hư yếu mà còn có phần nào là thực, thời thêm vị chỉ-mẫu vị hoàng-bá (đều sao kỹ) để dẹp sự bốc mạnh lên của chân hỏa. Nếu hư yếu nhiều thời thêm mạch-môn, ngũ-vị để bổ và liễm, thêm vị ngưu-tất để đem hỏa trở xuống. Nếu có hỏa ở tạng can thời thêm sài-hồ, bạch-thược để dẹp đi.

14.— CHÂN HỎA CỦA TIÊN-THIÊN THỰC HAY LÀ HƯ, MÀ CĂN CỨ VÀO MẠCH, HÌNH, VÀ CHỨNG CÙNG PHÉP CHỮA NHƯ THẾ NÀO?

(Chân hỏa tức là chân dương là hỏa vô hình ở lỗ hổng trắng quả thận bên hữu)

Chân hỏa nếu là thực thời:

Về mạch: 2 bộ xích quân bình, mà 6 bộ đều có thần.

Về hình người: Xương thịt cân đối nhau, gân mạnh xương cứng, tiếng nói da dương, sắc mặt quang nhuận mà hơi đen.

Về chứng bệnh: Thời cuống họng đau hay là khát nước nhiều mà đi đái nhiều (tiêu-khát), đau cuống họng.

TìmSách

Hỏa của tiên-thiên hư yếu thời :

Về mạch : 6 bộ đều vi và nhược quá nhỏ mà yếu, bộ xích vô lực hay trì và nhuyễn, hoặc trầm và tế mà muốn tuyệt không được mạnh bằng bộ xích bên hữu.

Về hình sắc : Thần khí không đầy đủ, sắc da tái mà nhợt mà tối như khói, người gầy mà trắng hoặc trắng xanh, bốn chân tay mỏi mệt, tóc ngắn mà vàng, da xỉn, lông rụng, thần của con ngươi khô ráo, răng khô mà lung lay, tính tri hoãn, đoản khí, nói nhẹ tiếng, không chịu nổi gió hay lạnh, sợ ăn thức sống thức lạnh, dễ đầy bụng, dễ đi cầu, hoặc đi cầu về sáng sớm, lại nhiều tình dục (vì chân hỏa hư yếu nên hỏa ở tạng can vượng lên, tạng can chủ về vợi đi).

Về chứng bệnh : nóng lâu hâm hấp (chưng chưng), rất sợ gió hay lạnh. Nội kinh nói : « Người dễ cảm là chân dương hư yếu », đầu gối trở xuống lạnh hay là đau mỏi, gân cốt không có sức mạnh, rốn không được ấm, ăn uống không tiêu hóa hay là ăn được mà không đói, đi cầu thường lỏng phân, mộng tinh hay di tinh, choáng váng hay ra mồ hôi, lưng đau, tai điếc, đi đái sẻn, những chứng ở trên giả nhiệt mà ở dưới thật hàn, đó là hỏa suy mà thủy thịnh (chứng minh bằng không khát hay là có khát mà không uống nhiều nước).

PHÉP CHỮA : Dương về tiên-thiên hư yếu thời bổ hỏa ở mệnh-môn như những vị quế và phụ, là vì chân hỏa suy thời tráng-hỏa là hỏa dữ dội đi đông lên, theo nội-kinh thời tráng-hỏa ấy làm hại nguyên khí tức là dương khí yếu, phép chữa phải bổ dương để sinh ra âm.

Tìm sách

Nội-kinh nói : « Chữa bằng vị thuốc có tính chất nóng mà không thấy bệnh nhân được nóng là bởi bệnh nhân không có chân hỏa ». Lại nói : « Uống mọi vị thuốc nóng mà bệnh nhân vẫn lạnh thì phải tìm ở dương khí », khi ấy phải dùng bài bát-vị để thêm nguồn gốc cho hỏa để tiêu mòn rầm tối đi.

Nếu vì hỏa ở mệnh-môn hư yếu mà hư hỏa rông rỡ, để chân thủy cũng hư yếu, mà hiện chứng nửa người ở trên đầy đủ mà nửa người ở dưới lại hư yếu (thượng thực hạ hư), như ở trên phiền khát mà mặt đỏ, ở dưới đi cầu lỏng mà lạnh châu, v.v... cũng nên dùng bài bát-vị kể trên.

Có người hỏi : « như đoạn trên đã nói là chân thủy suy mà lôi-hỏa bốc lên, mà đoạn này là nói chân hỏa hư yếu mà hư hỏa dông lên, cũng là một chứng giả nhiệt, thế mà đoạn trên thời nói dùng bài lục-vị để mạnh cho chân thủy, đoạn này lại nói dùng bài bát-vị để thêm cho chân hỏa và đem hỏa trở xuống, phương thuốc khác với nhau là nghĩa làm sao ?

Tôi xin trả lời, đó là phép bổ thủy ở trong hỏa và bổ hỏa ở trong thủy.

15.— ĐẠI Ý CHỨNG BỆNH HƯ YẾU VỀ TIÊN THIÊN

(Giải thích về tráng-hỏa, thiếu-hỏa, đệ-hỏa, nhàn-hỏa)

Tôi xét, thiếu-hỏa là hỏa vừa phải. thì không phải thật là hỏa, đó là dương khí sinh ra chân nguyên ở chỗ rốn của con người, người ta thở ra hút vào là nhờ ở

TìmSách

hỏa ấy, còn nung nấu các thứ ẩn để hóa a . tinh hảo. Vậy hỏa ấy được vừa phải mà yên ở địa vị, thời trong thời hết thảy được thư thái mà gọi là « *thiếu-hỏa sinh khí* », nếu không được vừa phải mà lìa địa vị của nó thời gọi là « *tráng hỏa thực khí* » (lửa dữ dội làm hại nguyên khí mà đem tướng-hỏa ở tạng can và ở tam-tiêu ở bào-lạc và ở ngũ chí (mình, giệt, lo, nghĩ, sợ) ở ngũ tạng, phù du lên tam tiêu tạng phủ cơ nhục mà làm ra bệnh.

Những bệnh ấy như lưỡi khô môi rạn ra, phiền khát nói mê, lưỡng quyền đỏ, mắt đỏ hay là khí ngược lên mà ọe khan, hoặc đờm tựa suyễn thở, mà không phải suyễn thở, hoặc bụng phiền, cuống họng đau, người như củi khô, da như lửa chàm, sỉ không bảo là chứng thực nhiệt.

Nếu lại ghét nhiệt mà muốn cho hỏa tắt đi thời là diệt mất nguyên khí. Vậy phải xem kỹ, hoặc khát mà không uống nhiều, hoặc ưa uống nước nóng, hay là người nóng mà sờ lâu lại mát, hoặc người nóng mà đầu gối trở xuống lại lạnh, thời phải lấy nguyên khí làm gốc, nếu người vốn hư yếu là có chứng nóng, như vậy đều là giả nhiệt, một khi còn ngờ, thời đem nước lạnh cho uống để thí nghiệm (hứng thực nhiệt thời uống nước lạnh dễ chịu, chứng giả nhiệt thời ngăn cách không ưa nước lạnh bệnh nhân quả là giả nhiệt, mà ngăn cách không ưa nước lạnh, thời đem thuốc nhiệt để nguội cho uống, hoặc đem bài lục-vị hay bát-vị thêm những vị tri-mẫu, hoàng-bá đều sao đen để đẹp chứng giả nhiệt ấy, khi nóng đã tan phần nào thời thôi.

Đại để với những chứng nóng kể trên, phải lựa tình

Tìm sách

của hỏa để yên ở địa vị, thời không phải phạt hỏa đi mà bệnh tự khỏi.

Còn như người yếu mà cảm mạo phát sốt, lúc mới cũng không nên đả động đến hoả ở trong, mà để lâu thời phải theo phép chữa cho người hư yếu.

Tiên-sư họ Phùng cho hỏa ở tam-tiêu là huynh hỏa (hỏa đàn anh), hỏa ở hậu-thiên là đệ-hỏa (hỏa đàn em) sách y quán cho hỏa ở tam-tiêu là dân-hỏa (dân là dân thường) là để chỉ vào hơn và kém mà thôi.

16.— PHÉP XEM SỨC NÓNG CỦA BỆNH NHÂN

Có hai phép :

1) Lấy tay sờ vào bệnh nhân mà thấy nóng như dẫy tay mà tưởng tượng như nóng tận xương, là chân âm trong tạng thận hư yếu, cũng nóng như dẫy tay nhưng ấn tay mạnh, tưởng tượng như trong gân cốt lại lạnh là thân dương trong tạng thận hư yếu.

2) Sờ nhẹ thấy nóng mà sờ mạnh lại không nóng, thế là nóng ở bì-phu huyết-mạch, sờ mạnh giáp gân cốt thời nóng mà sờ nhẹ tay lại không nóng, thế là nóng ở xương tủy, nếu sờ nhẹ tay không nóng ấn mạnh tay cũng không nóng, mà để tay vừa phải mới nóng, thế là nóng ở trên gân cốt dưới bì mao mà là nóng ở cơ-nhục bởi nội thương khó nhọc vậy.

17.— BÀI BÁT-VỊ-HOÀN

Trước vua Vũ-Đế nhà Hán bên Trung-Hoa cầu làm thần tiên uống nhiều thuốc đan-sa, rồi phát sốt khát

nước nhiều, tiểu tiện nhiều, Ông Trương-Trọng-Cảnh (tên hiệu là Tràng-Sa) chế ra phương thuốc này để chữa cho mà bệnh của nhà vua được khỏe. Bài thuốc như sau : Thục-địa 8 lạng, hoài sơn 4 lạng, Sơn-thù 4 lạng, mẫu-đơn 3 lạng, bạch-phục-linh 3 lạng, chạch-tả 1 lạng rưỡi, nhục-quế 1 lạng, phụ-tử 1 lạng, các vị bào chế rồi tán viên với mật to bằng hạt ngô-đồng, mỗi lần uống 6, 7 chục viên mà chiêu bằng nước muối loãng trong lúc đói, uống một lúc rồi ăn cơm để đè đi.

Bài này để chữa chứng hỏa-mệnh-môn suy yếu, tướng hỏa ở hậu thận bên hữu không đầy đủ, nên không sinh được tỳ thổ, đến nỗi tỳ vị yếu mà lạnh, người gầy, khí kém, không thiết ăn uống, đại-tiện lỏng phân, rốn và bụng hay đau, đêm hay đi tiểu-tiện, mạch háo mà yếu, thiếu hỏa suy kém, hoặc mạch bồng lên như đánh trống, hoặc hoả kém đờm nhiều. (Ông Đan-Khê có nói : « ốm lâu âm hoả bốc lên, tân-dịch sinh ra đờm mà không sinh ra huyết, bài thuốc này để dẹp tướng-hoả thời đờm tự tiêu đi) những chứng âm thịnh mà ngăn cách khí dương lên trên, hay ở trong thật hàn mà ở ngoài giả nhiệt, thời dùng bài thuốc này, để thêm nguồn gốc cho hoả mà tiêu rầm tối đi, (sách dậy tu tiên có nói : « Khe 2 quả thận có 1 điểm là chân tinh » tức là tướng-hoả ở mệnh-môn, người ta không có hoả lấy thời ngừng mất nguồn sinh hoá) Nếu không có vị phụ-tử là nó mạnh thời lấy gì để ấm cho dương khí.

Sách tinh-yếu có nói : « Bài bát-vị này, uống lâu thời người mạnh mà sinh con trai ». Ông Trọng-Cảnh có nói « Người khí hư yếu mà có đờm uống bài bát-vị này để bổ thời trục được đờm ». Ông lại nói « Chữa chứng nước

giành lên thành đờm thời bài bát-vị này là thánh dược ». Ông Dịch-Lão có nói : « Bài bát vị này là phương thuốc để chữa hai phương về Tây và Bắc (kim và thủy) về chứng bệnh mạch hảo mà hư yếu, hành kim yếu thiếu-hoả suy kém, hay là mạch đặt tay vào bộng lên như đánh trống, thời uống bài này có hiệu ».

18. - CÔNG HIỆU CỦA BÀI BÁT-VỊ

Bệnh nặng thứ nhất là chứng phong, chứng lao, chứng cổ (bụng to lên), chứng cách (bụng ngăn cách) thế mà uống bài bát-vị này đều có thể khỏi, thời còn lo gì các chứng bệnh khác. Ông Trương-Trọng-Cảnh xem hình tượng quẻ khảm (một vạch liền ở khe giữa hai vạch đứt đôi) mới nghĩ ra bài thuốc này để bổ cả thủy hoả, những vị mẫu-lơn, chạch-tả, phục-linh, hoài-sơn để đi theo với vị thục-địa và sơn-thù là tính chất mềm nhuận, để mạnh cho chân thủy, vị quế vị phụ để bổ hoả ở trong thủy. nên công dụng rất hay. Tạng thận ghét ráo, tạng tỳ lại ghét ẩm, ước chi có bài này là giúp cho cả thận và tỳ.

Các bệnh chứng phần nhiều bởi thủy và hoả một bên hơn lên, những người hư yếu phần nhiều bởi khí huyết là bệnh từ trong khởi ra, nên phép chữa phải để cho thủy hỏa quân bình, bài bát-vị này như « bát trận đồ » của nhà đem binh, trong vị thuốc bổ lại thêm vị thuốc để vợi đi, nếu biết biến hóa để chữa bệnh thời công hiệu không kể hết được, nên tiên hiền có nói : « Nhà làm thuốc không biết đồ thái-cực về tiên-thiên, thần diệu của thủy hỏa vô bình, mà không dùng bài lục-vị, bài

bát-vị là 2 phương thuốc thần, thời việc làm thuốc thiếu mất quá nửa.

Bách bệnh phần nhiều bởi hỏa, mà hỏa bốc lên lại bởi hỏa hư yếu, hỏa hư bởi ở tạng thận, nếu nguyên khí ở tạng thận được sung túc thời tật bệnh không thể có, người ta sống bởi thủy hỏa mà thận là gốc cho thủy hỏa, nếu một bên hơn lên thời bách bệnh sinh ra, nên phép chữa cứu chân âm không gì bằng mạnh cho chân thủy, bổ chân dương không gì bằng thêm cho chân hỏa, quả thận là căn bản của thủy hỏa dư tỷ, vị hư về hàn. Cũng phải để ý đến tạng thận, nên bài bát vị có thêm vị phá-cố và vị ngũ-vị, ngoài ra không cứ chứng nội thương, chứng ngoại cảm, chứng thai tiền, chứng sản hậu, nhãn khoa hay nha khoa, chứng âm hư hay dương hư và giả-âm hay giả-dương (tức giả-hàn giả-nhiệt), đều có thể dùng bài này. Ta chỉ biết khí dư ra là hỏa, mà không biết hỏa dư ra tức là khí, ăn uống khí trệ thời dùng thuốc để thuận đi, còn như dương khí bốc vượt lên phải liễm nạp trở xuống mà dùng thuốc bổ để làm tiêu, khi ấy nếu dùng thuốc cay thơm và ráo để thuận xuống thời tân-dịch càng háo, dù những vị đồng khí như khung quy, trần-bì cũng phải kiêng.

19.— Ý NGHĨA CỦA BÀI BÁT-VỊ

Trong bài bát-vị, vừa bổ vừa tả mà đủ cả âm dương, có nhục quế và phụ-tử để bổ hỏa ở trong thủy, nhưng phải có 6 vị tính chất là âm để đem trở xuống, thời dù vị nhục quế có nóng, vị phụ-tử có mạnh cũng chỉ có lợi mà không hại.

TìmSách

Ông Trọng-Cảnh chữa chứng thương-hàn về kinh thiếu âm có nhiều bài thuốc dùng đến vị phụ-tử, vì chứng hàn tà trúng vào âm-kinh, không có vị phụ-tử cay và nóng không thể tản ra được,

Sở dĩ bài bát-vị-hoàn còn gọi là « thần-khí-hoàn » là vì phương thuốc này chủ chữa về thiếu-âm thần kinh. còn vị nhục-quế gặp thuốc bổ khí hay bổ huyết thời ôn mà tản đi, còn gặp thuốc bổ âm thời ôn cho âm phận. Ông Tiết-Trai có nói : « Chỉ có vị quế và phụ ở trong bài bát-vị thời bổ thận còn hơn các vị thuốc khác.

Trong bài thuốc có vị thục-địa và sơn-thù là thánh dược để bổ chân âm, thêm hoài-sơn, phục-linh còn giúp cho tạng phế, vị đan-bì để trừ nóng ngầm trong âm phận, người thường phần nhiều dùng vị hoàng-bá để chữa tướng-hỏa, mà không biết công dụng của vị đan-bì còn bội hơn vị hoàng-bá, vị trạch-tả cùng với vị phục-linh để thấm và dẫn xuống, riêng vị trạch-tả để vợi nhẹ cho long-lôi-hỏa, những chứng âm của tạng thận hư yếu mà hỏa bốc trở lên, không dùng những vị để giáng xuống cho nhẹ đi thời không thể được, cho nên dùng vị phục-linh để giáng dương ở trong âm, dùng vị trạch-tả để giáng âm ở trong dương.

Có thuyết nói : « Bài bát-vị dùng vị trạch-tả có 3 lẽ, một là lợi tiểu-tiện để thanh cho tướng-hỏa, hai là đem các vị thuốc đến tạng thận, ba là trong bài thuốc bổ có vị ấy để vợi nhẹ đi, người đời xưa dùng thuốc bổ có kèm thêm vị thuốc cho nhẹ đi, thời thuốc bổ càng được đầy lực, cũng là lẽ vừa đóng vừa mở.

Tìm sách

20.— BÀI BÁT-VỊ GIA GIẢM NHƯ THẾ NÀO ?

(vừa theo cũ vừa kinh nghiệm)

1) Tạng thận hư yếu mà đi ỉy lâu, đi tả lâu thêm vị thăng-ma, vị cố-chỉ, bớt vị phục-linh, vị chạch-tả, bỏ vị mẫu-đơn.

2) Mạch xích bên trái hồng và sác mà chân âm kém nhiều, bội vị thục-địa hay là nấu bài này thành cao nồng trước thuốc hoàn.

3) Mạch bội xích bên phải vi và tế mà chân dương kém nhiều, bội quế và phụ.

4) Mạch bộ quan bên trái vô lực, mà khí của tạng can không đầy đủ, bội vị sơn thù.

5) Mạch bộ quan bên phải vô lực là tỳ vị hư yếu, bội vị phục-linh, vị chạch-tả, nếu không có thấp trệ bớt vị phục-linh.

6) Hỏa của dạ-dày mạnh quá mà thành hoàng-đảm, sốt về chiều, miệng lở, chóng đói, khát nhiều, bớt vị mẫu-đơn.

7) Hỏa của tạng can mạnh quá mà hấp nóng, chỗ đi tiểu-tiện đau mà tiểu-tiện sẻn, bởi vị thục-địa, vị mẫu-đơn.

8) Khí của dạ-dày yếu mà lạnh (hư hàn), dễ đầy chướng, dễ đi cầu, bỏ vị mẫu-đơn, bởi vị phục-linh, vị chạch-tả lại bội quế và phụ

9) Đàn bà chân huyết ít, nếu có nóng bội vị mẫu-đơn, vị thục-địa, nếu tạng tỳ yếu mà lạnh bỏ vị mẫu-đơn bội thục và quế.

Tìm sách

10) Người khô ráo có dương mà kém chân âm, bỏ vị chạch-tả, bội thục, thêm vị mạch môn, vị ngưu tất, vị ngũ-vị, nếu không khát mà hấp sối bội vị mẫu-đơn, bỏ vị chạch-tả, mà vị phục-linh tẩm nước sữa.

11) Dương trơ vơ bốc vượt trở lên bởi tạng thận hư không liễm trở xuống được, thêm vị ngũ-vị, ngưu-tất.

12) Dương suy mà tinh kém, thêm vị lộc-nhung, vị tử-trà-sa.

13) Tạng thận hư yếu không đem được nguyên-khí về chỗ mà đẩy hơi thở suyễn, ọe ngược lên, thượng-tiêu phiền và nóng, bội vị ngưu-tất, thêm vị ngũ-vị.

14) Tạng thận hư yếu không bế liễm được, khí ở dưới đi ngược lên mà ho ọe, bội vị phục-linh, thêm vị ngũ-vị, vị ngưu tất, có nắt bỏa bởi vị mẫu-đơn.

15) Tỳ và thận hư yếu và lạnh, không nung nấu được thức ăn mà đi cầu về sáng sớm (thần-tả), thêm vị phá-cố, vị thọ-tỳ, để bổ dương cho tạng tỳ, tạng thận.

16) Âm và dương đều hư yếu, vừa nóng vừa rét như sốt rét mà không phải sốt rét, thêm vị sài-hồ, rét nhiều bội quế và phụ, nóng nhiều bội vị mẫu-đơn, khát thêm vị mạch-môn, vị ngũ-vị, chứng ấy khi mới phải hay nguyên khí chưa suy yếu, tạm thêm vị hi-thiên-thảo (lá chó đẻ) để đuổi tà khí, đã khỏi thời dùng ngay thuốc bổ, là vì âm dương đều hư thời không nên để lâu.

17) Vừa thổ vừa tả, nếu thổ nhiều mà có nóng bốc lên, bội vị mẫu-đơn thêm vị ngũ-vị, nếu tả nhiều bội vị phục-linh, vị chạch-tả, lại thêm vị ngũ-vị, vị phá-cố, vị

Tìm sách

mạch-môn sao với gạo, vị ngũ-vị tầm mật sao, chứng nóng ầm mà thất khí luôn (đánh dấm nhiều) thời thêm vị thăng-ma để đem lên, vị phá-cố để vít lại, (khí là dương, hạ-tiêu không có âm giữ lại mà thoát, cho nên vong dương mà cũng gọi là vong âm).

18) Bĩ hơi, đầy hơi, hay hòn khối giả (không phải khối thất) thời bỏ vị mẫu-đơn, bội quế và phụ, thêm vị ngưu-tất, vị ngũ-vị.

19) Hư yếu đã lâu mà đau bụng liên miên, thêm vị ngô-thù, vị tiểu-hồi.

20) Tạng thận hư yếu thành chứng sán-thống mà hai hòn dái, (dịch-hoàn) hòn to, hòn nhỏ, thêm vị xuyên-huyện, vị quất-hạch, vị ngô-thù, vị hoàng-bá (sao đen), bỏ vị phụ-tử (chứng sán thống này là đau bụng dưới mà dắt dây xuống hai hòn dái chứ không phải đau vì giun sán).

21) Chứng đàm rãi nhiều, nếu là chân thủy hư kém, thời bỏ vị phụ-tử, nếu là chân hỏa hư kém, thời vị thục địa sao khô.

22) Các chứng trẻ em phát sốt, bỏ quế và phụ, có khát thêm vị mạch-môn, vị ngũ-vị, vừa rét vừa nóng thêm vị sài-hồ vị bạch-thược, có kinh giật (vì nóng ráo chân huyết không nuôi dưỡng được gân nên thành chứng kinh giật) thêm vị quy, vị thược, vị tần-giao, vị câu-đằng, nếu có đầy hơi thêm chút quế. Các chứng trẻ em người yếu mà tạng phủ lạnh thời để vị phụ-tử, nếu chân hỏa kém lại thêm âm huyết cũng kém nên dùng quế bỏ phụ.

23) Trẻ em vì nhiệt uất đau bụng đi cầu như rót nước bỏ quế và phụ, còn thục-địa dùng ít mà sao khô,

Tìm sách

lại bội nhiều vị chạch-tả và thêm chút vị thăng-ma, khát nhiều thêm vị mạch-môn, vị ngũ-vị.

24) Trẻ em nóng vì hư yếu mà phát hãn, bỏ quế và phụ, bội nhiều vị mẫu-đơn lại thêm quy, thược.

25) Đàn bà huyết khô kinh nguyệt bế vít, vốn người gầy đen tóc ngắn, nóng tính, trước kỳ hành kinh đau bụng phiền khát, hấp nóng từng cơn, bỏ phụ, bớt quế và chạch-tả, bội nhiều vị sơn-thù, thêm quy, thược và đỗ-trọng tẩm rượu sao.

26) Đàn bà bạch đới bỏ phụ-tử, bội chạch-tả, có đau bụng và ngừng trệ, thêm vị thăng-ma không đau và trệ thêm vị phá-cồ.

Những vị thêm vào phải hợp với những vị trong bài thuốc mà chỉ dùng ít hơn (tá và sứ) mới chóng được công hiệu.

Người không hiểu lẽ chọn những vị để tùy ý thêm vào, khách nhiều hơn chủ, thì bài thuốc có uống cũng như không. Có người ngại vị thục-địa là trệ mà dùng ít đi, hay ngại vị chạch-tả là thấm thấp mà bỏ hẳn đi, đều không hợp ý nghĩa của phương thuốc.

Trương-Trọng-Cảnh lập ra bài bát-vị, thật là thần phương để bổ cho thủy hỏa cứu cho chân dương, tôi đem chữa chứng nguy khốn không mấy người là không khỏi. Theo tôi đã kinh nghiệm, thời đem bài này để biến đi, công hiệu không thể nói hết, những phép gia giảm kể ở trên chỉ là ghi ra để làm mẫu mà thôi.

TìmSách

21. – BÀI BÁT-VỊ CẤM THÊM NHỮNG VỊ GÌ

1) Thêm vị hà-thủ-ô mà lại dùng nhiều hơn, thời một bài thuốc mà có hai vị nhiều hơn là không có lẽ.

2) Thêm vị nhân-sâm và hoàng-kỳ, thời hai vị ấy đi vào dương phận, khác với bài bát-vị là thuốc của tạng thận.

3) Thêm vị tảo-nhân và đương-quy, bạch-thuật, thời vị quy tính cay mà chảy vào huyết phận, vị truật đi đến tỳ, vị tảo-nhân là thuốc về khí dược cho thượng-tiêu, đều không phải là thuốc bổ tinh huyết cho tạng thận.

4) Thêm vị kỷ-tử, vị phú-bồn, vị liên-nhục, nhưng ba vị ấy tính chất trì hoãn, khiến cho bài bát-vị chậm công hiệu.

5) Thêm vị tiên-mao-căn, nhưng vị ấy với bài bát-vị lại không cùng một chiều hướng.

6) Thêm vị bào-khương và chích-thảo, thời 2 vị ấy ôn và nóng, trái với tính mềm nhuận của vị thục-địa. Từ trước bài bát-vị không từng thêm những vị khương, quy, khương, thảo.

Tuy nhiên, muốn dùng vị nhân-sâm mà bài bát-vị này là thuốc thang, thời sắc riêng vị sâm để chế vào mà uống, nếu là thuốc hoàn thời lấy nước sâm để chiêu đi.

Nếu huyết của tạng can suy kém thời có thể thêm quy, thược, dương sự của đàn ông suy yếu thì có thể

Tìm sách

thêm vị kỷ-tử, vị thung-dung, còn vị liên-nhục có khi sắc lấy nước để đem nước ấy sắc bài bát-vị.

Chú giải: Gia lã trong bài thuốc không có vị ấy mà thêm vào, bội là vị thuốc ấy đã có ở trong bài thuốc mà dùng nhiều hơn lên, giảm là vị ấy trong bài thuốc vẫn có mà dùng ít phân lượng, còn vị nào trong bài thuốc vẫn có mà bỏ hẳn đi thì gọi là khứ.

22.— DÙNG THUỐC GÌ ĐỂ UỐNG BÀI BÁT-VỊ-HOÀN ?

1) Chiên bằng nước muối loãng là để đem hỏa trở xuống.

2) Chiên bằng nước gạo rang là để thêm bổ tạng lý.

3) Chiên bằng nước lã đun sôi là không chóng không chậm.

4) Chiên bằng rượu hâm nóng là để giẫn thuốc cho mạnh.

5) Sắc nước bài bổ-trung để chiên đi, là e bài bát-vị đi xuống quá mức mà dưới thực trên hư, thời lại đem nguyên khí lên phần nào.

6) Sắc bài Lý-trung lấy nước để chiên đi, là gặp chứng tỳ và vị lạnh quá, phải ôn trung-chân mới giẫn được sức thuốc của bài bát-vị.

7) Sắc bài sinh-mạch-thang lấy nước để chiên đi, là giúp cho tạng phế là hành kim để sinh ra tạng thận là hành thủy.

TìmSách

8) Sắc bài quy-tỳ-thang lấy nước để chiên đi, là để bổ cả khí huyết về hậu-thiên, cũng như uống sen với bài quy-tỳ.

9) Sắc nước sâm (sao với gạo) để chiên đi, là để sinh cả dương khí.

Những phép chiên thuốc hoàn kể trên, vì bệnh chứng cần cấp, cần phải chữa cả gốc (bản) và ngọn (tiêu) nên phải mượn sức mạnh của những nước để chiên, để mở đường đưa thuốc hoàn của bài bát-vị xuống đến hạ-tiêu, công dụng của thuốc nước vừa qua, thời công dụng của thuốc hoàn sẽ tới vậy.

23.— BÀI BÁT-VỊ BIẾN RA BÀI LỤC-VỊ-HOÀN

Bài Lục-vị dưới đây là Ông Trương-Trọng-Cảnh bỏ hai vị quế và phụ ở trong bài bát-vị để chữa trẻ con.

Thục-địa 8 lạng (thuốc để đi vào kinh thủ-thiếu-âm, kinh thủ-quyết-âm, kinh túc-quyết-âm)

Sơn-thù 4 lạng (thuốc để đi đến kinh túc-quyết-âm và kinh túc-thiếu-âm).

Sơn-dược (tức là hoài-sơn) 4 lạng (thuốc để đi vào kinh túc-thái-âm). Mẫu-đơn-bì 3 lạng (thuốc để đi vào kinh túc-quyết-âm và kinh túc-thiếu-âm).

Phục-linh 3 lạng (thuốc để đi vào kinh thủ-thiếu-âm, kinh túc-thái-dương và kinh túc-thiếu-dương).

Trạch tả 3 lạng (thuốc để đi vào kinh thủ-thái-dương, kinh túc-thái-dương, kinh thủ-thiếu-âm, kinh túc-thiếu-âm).

Tìm sách

Sáu vị trên đều tán thành bột rồi hòa với nước tiết của vị thục-địa hay là nước của vị thục-địa đã lâu thành cao, lại thêm mật ong làm thành thuốc viên (hoàn), to bằng hạt cây ngô đồng mỗi lần uống bảy hay tám mươi viên vào lúc đói mà chiên bằng nước muối loãng, uống xong ăn cơm đè đi, để thuốc hoàn không ở lâu trên dạ-dày mà xuống ngay bụng dưới.

Bài lục-vị trên đây, để chữa những chứng tạng can, tạng thận không đầy đủ, chân âm suy kém, tinh khô huyết kiệt, đau lưng, mỏi chân, di tinh, tiện huyết, khát nhiều rồi đi đái nhiều (tiêu-khát), đi đái dắt (lâm bế), khí ủng trệ mà nhiều đờm rãi, mờ mắt, hoa mắt, tai-ù, tai điếc, cuống họng ráo, cổ-họng đau, lưng đùi đau mỏi, v.v..

Lại chữa những chứng vì tạng thận hư yếu, mà phát sốt hay tự ra mồ hôi hoặc mồ-hôi trộm, hoặc đi cầu ra huyết, hay là thổ huyết, lục huyết (huyết ra đàng mũi) hoặc nước dãnh lên thành đờm (ốm lâu thời âm hỏa bốc lên nước tân-dịch không sinh ra huyết mà sinh ra đờm, nên thêm cho chân thủy để dẹp tương-hỏa đi, thì đờm tự tiêu), chứng thủy kém huyết kém mà phát sốt ho đờm mà khát (tạng thận hư yếu thời nóng đến tạng phế mà ho, sờ đến tận xương mà vẫn nóng như rang) hoặc vì thủy ở tạng thận suy kém mà bốc ho hoặc váng đầu (vì dâm dục nhiều mà khí của tạng thận không về chỗ là khí hư mà váng đầu, vì thổ-huyết hay băng huyết lậu-huyết, tạng can không giữ được huyết mà huyết đi rông rỗ, là huyết hư mà váng đầu).

Bài này còn chữa chứng tiểu-tiện đi nhiều, hoặc mất tiểu hay rắng lay chuyển, hoặc hư hỏa bốc lên mà đau

răng, hoặc huyết thiếu mà phiền táo, lưỡi khô lưỡi đau, hay là gót chân đau, những sang nhọt về hạ bộ, chứng đầu và mặt nề mà không phải thật nề (hư sũng), lại chữa các chứng nóng sốt của trẻ em. Tóm lại, bệnh về dương chứng mà dùng bài này đều được thần hiệu, nghĩa là thêm cho chân thủy để dẹp dương khí đi vậy.

24 – CÔNG HIỆU CỦA BÀI LỤC-VỊ

Ông Tiền-Trọng-Dương căn cứ về lẽ trẻ em dương khí còn non nớt (trĩ dương) mà thường kém chân âm, mới đem bài « lục-vị » để chữa những chứng về tiên-thiên hư kém như : mọc răng chậm, chậm đi được, thóp chậm kín, cổ ngoẹo không được ngay v.v... đều được thần hiệu, (vì chữa bệnh của trẻ em ít khi phải bổ dương, nên trong bài bát vị ông bỏ quế và phụ mà gọi là bài « lục vị hoàn », Sau đó, nhà làm thuốc cho bài lục vị mà thần được để bổ âm, thật là Ông Tiên Trọng-Dương kế tiếp Ông Trương-Trọng-Cảnh mà để ơn đến muôn đời vậy.

Tôi xét trong tạng thận không kiêng một chân thủy mà còn có hỏa ở mệnh-môn, nếu thận thủy kém thì hỏa không có thủy để dẹp đi, mà thành ra chứng nóng mà gọi là « âm hư hỏa động ». Ông Hà-Giang gọi là thận hư yếu, thời thành ra bệnh nóng, Ông Triệu-Dương-Quỳ thường bốc thành thuốc thang to để chữa mọi chứng bệnh.

Hãy nói một chứng thương hàn mà khát lâu. Vì nóng vào dạ-dày thời tân-dịch háo, khi ấy mà đem những vị hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá, mạch-môn, thiên-hoa-phấn, hơn nữa dùng cả vị thạch-cao đi đôi với vị trị-mẫu, đều là đem thủy hữu hình để tưới vào hỏa

Tìm sách

vô hình, đâu có giúp được chân âm ở trong tạng thận, nếu ta cho uống bài lục-vị thì khát chỉ ngay, mà không chuyển được đến kinh thái-âm để thành ra chứng đại-tiện táo kết.

Lại xét bài bát-vị đã bổ thận thủy ở mạnh xích bên trái, lại bổ mệnh hỏa ở mạch-xích bên phải, còn bài lục vị chuyên bổ thận thủy ở mạch xích bên trái, người ít tuổi phần nhiều chân thủy kém chân hỏa vượng nên dùng bài lục-vị, người già phần nhiều thủy và hỏa đều kém nên dùng bài bát-vị, người già thường có chứng bệnh đau lưng, mỏi chân nhiều đàm, khát nhiều mà đi đái nhiều (tiêu-khát), đi đái luôn hay là đi đái sẻo, những chứng ấy không dùng quế và phụ để ôn bổ hỏa ở trong thủy cho tạng thận thời không thể được.

Bài Lục-vị này là giúp cho chân âm để hỏa tự giáng mà không phải giáng hỏa, những vị thuốc ở trong bài lục-vị, giúp cho thận thủy mà có ích cả đến tạng tỳ là hành thổ, thật là bài thuốc bất dịch vậy.

25.— Ý NGHĨA CỦA BÀI LỤC-VỊ

Thuần âm là khí của tạng thận, nặng xuống là chất của tạng thận, bài thuốc này lấy vị thục-địa làm chủ còn 5 vị kia để giúp sức, vị sơn-dược là âm mà thuộc hành kim đi vào kinh thủ-thái-âm để giúp tạng thận, vị sơn-thù là âm mà thuộc hành mộc có tính chua và liễm lại để giúp tạng can, mà tạng can, tạng thận cùng ở hạ tiêu nên có ích cho tạng thận, vị mẫu-đơn giáng hỏa ở tạng tâm để ích cho tạng thận, còn vị phục-linh tính

Tìm sách

đạm mà thấm để giáng dương, vị chạch-tả tinh mặn mà nhẹ để giáng âm, đều để đi đến tạng thận.

Một thuyết nói : « Vị chạch-tả vợi nhẹ được tà thủy ở bàng quang, mà thính được tai, mắt, chữa được cả 6 kinh-lạc mà chuyển về tạng can, tạng thận, (vì thấm được thấp nhiệt ở hạ-tiêu thời thanh khí bốc lên mà thính được tai mắt). Nhưng uống nhiều thì thủy ở tạng thận thông lợi quá mà lại có hại.

26 – BÀI LỤC-VỊ GIA GIẢM NHƯ THẾ NÀO ?

(nên tham khảo với phép gia giảm của bài bát-vị)

Bài này để bổ thủy mà còn vit được tinh, giữ được khí, rất là thần kỳ, vậy không thể gia giảm nhiều quá để công dụng kém đi.

1) Bệnh nhân gầy đen khô ráo, thời bội nhiều vị thục mà bớt vị chạch-tả, nếu tiểu tiện không lợi thêm mạch-môn và ngũ-vị, cấm dùng vị chạch-tả, vì là chân thủy kiệt quá.

2) Sốt âm hay là sốt về chiều hoặc về đêm, hoặc cả ngày đêm đều nóng chưng chưng, bội nhiều vị mẫu-đơn, hỏa ở tạng can mạnh quá gia vị bạch-thược (không sao), hợn nữa thêm vị tri-mẫu, vị hoàng-bá (đều tẩm nước đái trẻ em mà sao khô), nếu là khí ở tạng can mạnh quá mà huyết lại kém, tính nóng vội vàng mà hay giận dữ, thời bớt vị sơn-thù, bội vị mẫu-đơn, thêm vị bạch-thược và vị sài hồ.

3) Tạng tỳ yếu bội nhiều vị hoài-sơn vị phục-linh mà bỏ vị mẫu-đơn.

Tìm sách

4) Lưng gối đau mỏi, thêm vị đỗ-trọng, vị ngưu-tất.

5) Đàn ông tinh khí hoạt (dễ ra) mà nhức đầu choáng váng, bội vị thục-địa, vị sơn-thù, nếu tinh hoạt nhiều thêm vị phá-cố.

6) Đi đái hoặc nhiều hoặc ít, hoặc đỏ, hoặc trắng thêm nhiều vị phục-linh, nếu đi đái rớt ra (lâm lịch), bội nhiều vị phục-linh, vị chạch-tả, nếu vì thấp nhiệt thêm vị sơn-chi, vị mộc-thông, đi đái luôn bỏ vị chạch-tả thêm vị tích-trí tẩm nước muối sao.

7) Hỏa ở tạng tâm vượng quá và có ứ huyết (huyết tụ lại), bội nhiều vị mẫu-đơn, thêm vị mộc-thông.

8) Tỳ và vị (dạ dày) yếu mà ngoài da lại khô sin, bội vị hoài-sơn.

9) Đàn bà huyết khô kinh bế thêm quy, thược, nhục-quế nếu tiểu-tiện lúc nhiều lúc ít, lúc đỏ, lúc trắng bội vị phục-linh.

10) Các chứng huyết của đàn bà xét ra là hư yếu lắm, đều nên dùng dài này, nếu có hư nhiệt (không phải thật là nóng) bội vị mẫu đơn, nếu khô ráo bỏ vị chạch-tả, bội vị thục-địa, ăn ít bỏ vị mẫu-đơn, vì lạnh mà trệ thêm vị quan-quế đau chói lên thêm vị quế và thanh-bì, sữa không được thông bội vị thục-địa, thêm vị mộc-thông, bỏ vị chạch-tả.

Dưới đây *là gia giảm* chữa cho trẻ em.

Các chứng nóng sốt của trẻ em, dù là mới ốm hay đã lâu phiền nhiều nên dùng bài này, thật là thánh dược cho nhi-khoa.

Tìm sách

1) Nóng nhiều bội mẫu-đơn, hơn nữa gia tri-xấu, hoàng-bá đầu sao, sốt mà khát gia mạch-môn bội thục-địa.

2) Bụng có đầy hơi thời thục-địa phải sao khô và bội phục-linh, chạch-tả.

3) Thổ vi nhiệt thêm vị ngưu-tất, vị nhũ-vị.

4) Tạng tỳ hư yếu mà đi cầu lỏng hay là đi ỉy, thời vị thục-địa sao khô mà thêm vị thổ-ti, vị phá-cố.

5) Vừa rét vừa sốt thêm vị sài-hồ vị bạch-thược.

6) Sốt mà kinh giật, thêm vị long-đảm, vị tần-hông, vị sài-hồ, vị bạch-thược.

7) Cam mắt thêm vi sài-hồ, vị bạch-thược, vị cúc-hoa, vị tật-lê.

8) Cam nóng mà bụng to người gầy, thời vị thục-địa sao khô, bội nhiều vị phục-linh, vị chạch-tả, thêm vị sa-tiền, vị ngưu-tất.

9) Sốt biến chứng thêm một chút vị thăng-ma.

10) Chậm đi, chậm mọc răng, chậm mọc tóc, chậm biết nói, chậm kín thóp, cổ ngoẹo đi, ngực cao như ngực rùa. lưng cao như lưng rùa, mọi chứng bệnh về tiên-thiên không đầy đủ, đều nên thêm lộc-nhung hay cao ban-long, hơn nữa thêm vị tử-hà-sa (nhau đàn bà đẻ) đó là mượn những vị hữu tình để giúp cho sức thuốc bằng thảo mộc, đều được công hiệu (do tôi kinh nghiệm).

Tìm sách

27.— NHỮNG CHỨNG GÌ CẤM DÙNG BÀI LỤC-VỊ

1) Người hỏa kém, tỳ vị yếu mà dễ đi cầu.

2) Người chân âm vượng béo trắng, dù có phát sốt là tỳ thổ hư yếu không tàng chứa được dưỡng khí.

3) Chứng vong dương, dù có nóng sốt nhiều là hỏa bốc ra ngoài biểu mà nguyên khí sắp thoát mất.

4) Chứng đờm ở tỳ và phế dân dụa ủng trệ, hơn nữa thở suyễn ngược lên.

5) Chứng vì thủy thịnh mà nề hay là đầy chướng (dù có vị phục-linh, vị chạch-tả).

Những chứng kể trên nếu dùng bài lục-vị thì nguy khốn.

28.— NHỮNG BÀI THUỐC DO BÀI LỤC-VỊ BIẾN RA

(Phụ chép sáu bài của họ Tiết)

Trong bài Lục-vị, thời trước có thêm vị nhục-quế gọi là bài « *thất-vị địa-hoàng hoàn* » để chữa chứng thận, thủy không đầy đủ mà hư hỏa bốc lên, sốt khát, miệng lưỡi lở, lợi thối, cuống họng đau hay là hình thể tiểu tụy, lúc ngủ ra mồ-hôi mà phát sốt, nếu bài ấy thời giáng hỏa về chỗ, là vì hỏa ở ngũ tạng thời đem vị thuốc ẩm ướt để dẹp đi được, còn hỏa long-lôi thời phải lựa tính mà đem xuống. Vị nhục-quế đồng tính với hỏa, có thể dẫn hỏa ở trong thủy để về chỗ, tức là nghĩa nội-kinh đã nói : « nhiệt nhân nhiệt dụng » nghĩa là đã nhiệt thời lại đem thuốc nhiệt mà chữa.

TìmSách

Tinh dược có nói : « Can mộc gặp quế thời khô héo đi » tức là vị quế có tính chất đề phạt tạng can mà thôi, nếu sợ vị quế là nóng, là không hiểu lẽ thăng giáng của tạo-hóa. Còn như vị tri-mẫu, vị hoàng-bá thời chỉ dùng được với những người khỏe mạnh, còn người vì hỏa kém mà hư hỏa bốc lên mà lại dùng hai vị ấy thời tạng thận vợi đi mà càng yếu, càng yếu thời hỏa càng bốc lên.

Sách Tổ-Vấn có nói : « Khi đã tăng mà hơn lên, nếu dùng nhiều thuốc lạnh hay mát thời lại theo hỏa mà bốc lên nữa ». Bài lục-vị thêm tri-mẫu, hoàng-bá thời gọi là bài « *tri-bá bát-vị hoàn* » chỉ để chữa chứng âm hư hỏa động xương mỏi, tủy khô mà mạch xích bên phải vượng lên.

Tôi xét bài « tri-bá-bát-vị » cùng với bài « quế-phụ bát vị » (tức là bài bát-vị có quế, phụ) một bên hàn, một bên nhiệt, mà người uống đều có công hiệu, là vì người ta bẩm sinh khác nhau, có người phải bổ chân âm, có người phải bổ chân dương, dùng thuốc là để bổ cho chỗ thiên lệch, đó bài lục-vị để bổ âm, bài quế-phụ bát-vị để bổ dương, bài thập-bổ để bổ cả âm dương. Những thày thuốc muốn bổ âm mà chỉ dùng vị tri-mẫu hoàng bá là lầm. Ông Tiết-trai có nói : « những người tửu sắc quá độ tổn hại đến tạng phế, tạng thận mà thật là âm hỏa thời không nên uống nhiều những vị sâm, kỳ, nếu uống nhiều thời chết, vì ông Tiết-trai nói như thế mà thày thuốc chữa chứng âm hư cho vị tri-mẫu hoàng-bá là thần dược, để bệnh nhân về chứng ấy 100 người không sống một người, thật đáng thương hại.

Bệnh vì phòng lao, chân âm suy kém mà hư hỏa bốc

lên thành ra ho đàm thời nên uống bài lục-vị, rồi sẽ uống đến sâm kỳ (là những bị bổ cho tạng phế để phế kim sinh ra thận tủy), thời bệnh mới chóng khỏi. Cũng có người vì hỏa ở dạ-dày mạnh quá, thời nên dùng bài « lương cách ẩm » thêm thạch-cao, đại-hoàng để tạm thời giáng hư hỏa xuống mà sâm, kỳ và truật bổ tỳ thổ để tàng dương khí lại, thời cũng nên uống về sau.

Có khi bài « quế-phụ bát-vị » thêm sa-tiền, ngưu-tất gọi là bài « *kim-quỹ thận-khí* » để chữa chứng tạng tỳ, tạng phế, tạng thận đều hư kém, lưng gối và gót chân nặng ra tiểu-tiện không lợi, rốn và bụng đầy chướng, 4 chân tay phù nề, thở vội đàm nhiều, đã thành chứng « cổ cách », hay là người chân khí hư nước dành lên thành đàm, và chữa chứng cước-khí lấn trở vào mà bụng dưới bí ra, cùng chứng đàn bà dạ-con đã quay xuống mà tiểu-tiện không lợi, không dùng bài ấy không cứu được.

Tỳ thổ và thận thủy rất quan trọng cho thân người, nên tạng tỳ yếu thời thổ không chế được thủy, tạng thận yếu thời thủy không yên ở chỗ, rồi dành ra da thịt, nếu đem thuốc để công phạt thời đã yếu lại yếu thêm, vậy chỉ nên dùng bài bát-vị là thuốc chữa cả tỳ và thận, thêm vị sa-tiền để vợi nước đi, vị ngưu-tất để đem trở xuống, nên đã uống là tiểu-tiện đi nhiều, nề chướng nhẹ đi mà không hại đến nguyên khí. Một khí tỳ và phế vì hàn mà không đem được thủy đi, thời bài « kim-quỹ » còn phải dùng vị nhục-quế để vận-hoá. Ông Trọng-Cảnh đặt ra bài « Kim-quỹ thận-khí » bổ mà không trệ, thông đi mà không có hại, thật là thần phương để chữa chứng vì thủy mà phù nề (thủy sũng).

Bài lục-vị này, nếu thêm vị ngũ vị thời gọi là bài

« đô-khí-hoàn » để chữa chứng ho lao. Lại thêm quế để chữa chứng tiêu khát (khát nhiều, lại đi đái nhiều). Dùng cả ngũ-vị và nhục-quế thời gọi là « bát-vật thần-khí hoàn » để bổ thận cho chắt răng và nhan sắc tươi đẹp, thêm vị ngũ-vị và mệnh-môn gọi là bài *bát-tiên tráng-thọ* lại thêm 1 cỗ bà sa (nhau người đẻ) để chữa chứng tiêu-khát chứng lao-nhiệt.

Bài lục-vị thêm quy vĩ, sài-hồ, ngũ-vị, rồi hoàn với mật lấy châu-sa làm áo ở ngoài viên thuốc thời gọi là bài « *ích-âm thận-khí hoàn* » tức là bài « *Minh-mục địa hoàng-hoàn* », để chữa chứng thận hư mắt mờ (thêm vị sài-hồ là để đem dương trở lên ».

Họ Tiết biến bài lục-vị ra sáu bài dưới đây :

1) Bài « *tư-thận sinh-can ẩm* » : Bài lục-vị thêm sài-hồ, bạch-truật, đương-quy, ngũ-vị là hợp với bài « tiêu-giao » mà bột bạch-thược. Thêm vị ngũ-vị là hợp với bài đô-khí, vì không muốn dẹp tạng can nên bỏ vị bạch-thược, mà dùng bạch-truật và cam-thảo để bổ tạng tỳ.

2) Bài « *Tư âm thận-khí hoàn* » : Bài lục-vị bỏ vị sơn thù mà thêm sài-hồ, qui-vĩ, ngũ-vị, như vậy là hợp cả với bài tiêu giao và bài đô-khí, để chữa cả tạng can, tạng thận, sở dĩ bỏ vị sơn-thù là không muốn mạnh cho tạng can, dùng sinh địa, quy-vỹ là để tiêu ư-trệ, dùng vị sài-hồ là nhẹ khí cho tạng can, bỏ vị bạch-thược là sợ tạng can bị nhẹ đi quá nhiều.

3) Bài « *Nhân-sâm bổ-phế thang* » : bài lục-vị bỏ trạch-tả, mà thêm sâm, qui, kỳ, truật, trần-bì, trích-thảo, ngũ-

vị, mạch-môn, xét vị bạch-truật khác tính với bài lục-vị, nhưng trong bài này có bài sinh-mạch-ẩm thời những vị ấy lại tương thông với bạch truật, thêm qui và kỳ để dưỡng chân huyết, không dùng vị trạch-tả là vì bệnh nhân phát sốt và khát, tiểu tiện không đều thời không thể kiệt thêm chân thủy, bài này là hợp cả bài sinh-mạch và bài dị-công.

4) Bài « *gia-vị địa-hoàng-hoàn* » cũng gọi là bài « *Ức-âm địa-hoàng-hoàn* » : là bài lục-vị thêm sinh-địa, sài-hồ, ngũ-vị đều bằng nhau, đó là hợp cả bài « tiêu-giao » bài « thập-bổ cổ-bản » và bài « đỗ khí » để chữa chứng trong tai đau ngứa, mắt mờ đàm suyễn, hay là nóng khát tiểu tiện ít, bởi âm của tạng can, tạng thận hư yếu mà vì hỏa nất thành ra bệnh, gọi là ức-âm vì không vợi nhẹ thì không thể nén đi được, vị sinh-địa mát chân huyết là để nhẹ đi mà nhẹ đi là để nén đi vậy.

5) Bài « *cửu-vị địa-hoàng-hoàn* » : Đem vị xích-phục-linh, thay cho vị bạch-phục-linh, lại bỏ vị trạch-tả thêm vị xuyên-hùyện-tử, vị xử-quân-tử, đương-quy và xuyên-khung, cũng là thuốc để tả nhẹ phong mộc ở tạng can, mà là phép can và thận cùng chữa với nhau, vì rằng trẻ em có chứng cam tất nhiên có trùng do phong mộc hoá ra, dùng bài lục-vị để bổ cho tạng thận là mẹ của tạng can, mà bỏ vị trạch-tả là tạng thận không nên nhẹ thêm nữa.

6) Bài « *Ích-âm thận-khí-hoàn* » : Bài lục-vị thêm ngũ-vị là hợp với bài đỗ-khí, thêm sinh-địa, đương-quy là tựa như bài tứ-vật, vì rằng bệnh chứng sốt từng cơn hay sốt về chiều là huyết của tạng can hư yếu, không nên

dùng vị sài-hồ, mà chứng cách ở ngực rồi bĩ và buồn là có táo hỏa trong dạ-dày, nếu không có quy và sinh-địa thời không thể mát đi được, hơn nữa, thêm vị sài-hồ thời không dẫn mạch đến âm phận của dạ-dày, tuy nhiên, cũng có khi dùng vị sài-hồ, lại là nghĩa đem chỗ ướt đến chỗ khô ráo, thật là uyên vị.

29.— NHỮNG VỊ THUỐC HỢP VỚI BÀI LỤC-VỊ

Những thuốc để bổ thủy bổ hỏa đều cùng chiều hướng với bài lục-vị, thuốc để bổ thận như những vị câu-kỷ, thung-dung, thủ-ô, thỏ-ti, ngưu-tất, đỗ-trọng, địa-cốt, tục-đoạn, tri-mẫu, hoàng-bá, huyền-sâm. Những vị để bổ phế, như mạch-môn, ngũ-vị, những vị chữa về tạng can như sài-hồ, bạch-thược, đương-quy. Những vị bổ về tinh huyết như lộc-nhung, mi-nhung, lộc-giao, mi-giao, hà-sa, sữa người, trên đây chỉ kể sơ qua, còn những vị trái ngược với bài lục-vị thời không nên tự ý tăng gia.

30.— DÙNG BÀI BÁT-VỊ, LỤC-VỊ ĐỂ CHỮA CÁC CHỨNG BỆNH

1) Chữa chứng trúng phong mà khô gầy nửa người, chân tay mỏi yếu, và các bệnh về gân cốt, nên dùng bài bát-vị thêm ngưu-tất, đỗ-trọng, lộc-nhung kỷ-tử, mà uống xen với thuốc bổ khí huyết, lại thêm vị thuốc chữa phong.

2) Năm chứng tê đều bởi huyết mạch và gân cốt, nếu chân âm kém thời uống bài lục-vị, chân-dương kém thời uống bài bát-vị, mà thêm vị thuốc chữa phong.

3) Chứng tích-tụ ở trong bụng đều bởi hư yếu mới

Tìm sách

có, nếu bỏ tỳ thổ thời càng dần mà nồng thuốc tiêu thời người càng yếu đi nên dùng bài bát-vị gia giảm.

4) Chứng thổ-tả, thổ nhiều thời mất dương khí, đi tả nhiều thời mất âm huyết, nếu chưa đến nỗi chân tay giá lạnh, thời dùng bài bát-vị bội phục-linh, hoài-sơn quế, phụ và phá-cố. Nếu tân-dịch (nước trong người) mất nhiều mà khát nhiều, thời thêm vị mạch-môn sao với gạo và vị ngũ-vị.

5) Chứng ọe ra hôi đều thuộc về hỏa, nhưng có phân ra hư thực, nếu là hư hỏa thời dùng bài bát-vị bội nhiều phục-linh, mẫu-đơn và thêm ngũ-vị, ngưu-tất.

6) Chứng đi cầu lỏng phân, vì tạng thận mở khiếu ra đại-tiện và tiểu-tiện, chủ việc đóng giữ lại, vậy đi cầu đã lâu nên dùng bài bát-vị bội nhiều vị phục-linh và hoài-sơn sao, lại thêm vị phá-cố, thỏ-ty và ngũ-vị.

7) Chứng táo kết là tân-dịch ráo (đại-tràng không có huyết thời ráo) nên dùng bài lục-vị bội nhiều thục-địa thêm ngưu-tất thung-dung.

8) Chữa chứng đầu trúng phong hay là nhức đầu phần nhiều bởi dương khí ở trên suy kém mà âm tà phạm lên, nên dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngưu-tất, khí âm xấu đã giáng xuống thời lửa long-lôi dẹp đi, hỏa đã về chỗ thời trên dưới nhẹ nhàng.

9) Chứng nhức trên đỉnh đầu mà không phải là cảm phong, thời là chân thủy kém mà không nuôi dưỡng được gân nên dùng bài lục-vị thêm vị tần-bông và bạch-thược, bỏ vị trạch-tả.

Tìm sách

10) Chứng trên đầu choáng voáng (huyết vận), có chia ra bởi phong, đàm, khí, huyết, nhưng tóm lại cũng là khí ở trong hư yếu, nếu lấy tay giữ lại mà đỡ choáng váng thời là chứng dương hư, nên dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngưu-tất, đỗ-trọng. Nếu khó nhọc mà choáng váng thời là âm hư, nên dùng bài lục-vị bội nhiều thục-địa, bỏ vị trạch-tả, thêm vị mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất.

Chứng đại đầu-thống (nhức đầu quá mạnh) nếu bệnh nhân yếu lắm không nên dùng lầm thuốc lạnh và mát, chỉ nên dùng bài lục-vị bội nhiều thục-địa, mẫu-đơn, trạch-tả, thêm vị huyền-sâm và ngưu-tất, nếu hỏa mạnh quá thêm vị tri-mẫu và hoàng-bá (đều sao).

11) Chứng râu tóc rụng nhiều và bạc, tuy rụng tóc là huyết dư ra mà râu ứng với mạch-dương-minh, nhưng muốn cho đen và khỏi rụng, thời nên bổ tinh huyết như bài lục-vị bội nhiều thục-địa thêm nhung và cao ban-long.

12) Chứng đau mắt tuy có chia ra nội-chứng, ngoại-chứng, nhưng đau mà trông thấy là bệnh về dương về nhiệt, thời nên dùng bài lục-vị bội nhiều thục-địa, bỏ vị trạch-tả thêm ban-long, ngũ-vị, ngưu-tất, cúc-hoa. Nếu không đau mà không trông thấy là bệnh về âm về hàn, thời nên bỏ chân dương chân hỏa là bài bát-vị bỏ mẫu-đơn, bội quế, thêm ngưu-tất, mạch-môn, ngũ-vị, cúc-hoa.

13) Chứng tai điếc : không nên chấp nệ là bệnh ở trong hay bệnh ở ngoài, bệnh ở bên trái hay bên phải, tóm lại là tạng thận có hỏa thời mới nghe rõ được, vậy mới thụ bệnh là nhiệt mà đã lâu phần nhiều là hư yếu, nên dùng bài bát-vị-hoàn, nếu có hỏa bỏ quế và phụ, bội thục-địa

Tìm sách

thêm ngũ-vị, ngưu-tất, qui-giao, nếu không có hỏa thời bỏ mẫu-đơn thêm thạch-sương-bồ và nhung hay cao.

Chứng ù tai đều bởi thủy kém mà hỏa bốc lên, nên dùng bài lục-vị thêm ngưu-tất, nếu người chân hỏa kém, thời dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngưu-tất, đỗ-trọng.

14) Chứng nghẹt mũi không biết mùi thơm hay hôi, dù bởi tạng phế, nhưng tạng thận là nơi để nạp khí xuống, thời nên dùng bài bát-vị gia thăng-ma, mạch-môn, ngũ-vị.

15) Chứng chảy nước mũi nhiều hay là vì hỏa xông trở lên, nếu chữa về tỳ và phế thời vô ích, vì tạng thận chủ cho năm thứ tân-dịch, nay âm của tạng thận kém mà tướng hỏa bốc lên, làm khô ráo tạng phế là hành kim, vì thế tân-dịch không trở xuống mà đi ra đàng mũi, nên dùng bài lục-vị gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất.

16) Chứng cuống-họng đau mà tê là hỏa xông trở lên, hỏa ấy có phân ra hư và thực, nếu thực là người mạnh thời bởi mạch của tạng tâm (quân hỏa thuộc kinh thiếu-âm) đem lên cổ-họng, thời nên lựa theo mà chữa, người thủy kém mà hỏa bốc lên thời dùng bài lục-vị, thêm mạch, vị, ngưu-tất, nếu là hỏa hư thời dùng bài bát-vị thêm mạch, vị, ngưu-tất, nếu ở trên nóng nhiều không có thủy để dẹp đi, thời sắc đặc mà uống nguội.

17) Chứng miệng môi lưỡi mọc mụn mà lở ra, là tạng thận hư không liễm được dương hỏa ở hạ-tiêu, nên dùng bài lục-vị thêm mạch, vị, ngưu-tất.

18) Chứng răng lung lay mà ít tuổi đã rụng, vì răng

Tìm sách

là xương dư ra mà tạng thận chủ về xương, nên uống bài bát-vị thêm những vị bổ tinh huyết. Nếu ở lợi chảy máu mà hôi thối. (Đã uống thuốc để mát hỏa ở dạ-dày mà không có công hiệu) thời nên dùng bài lục-vị bội nhiều hoài-sơn, phục-linh mà thêm mạch, vị, ngưu-tất.

19) Chứng đau ở bụng trên, dù có phân ra chín thứ đau, nhưng người yếu mà mọi thuốc không thấy công hiệu, thời đừng cho là đau không có phép bổ, nên dùng bài bát-vị để bổ ngay mệnh-hỏa.

20) Chứng đau ở ngực và cạnh-sườn, ngực là huyết khí-hải, đã dùng nhiều thuốc chữa về khí mà không công hiệu, thời nên biết rằng sách cổ đã nói : « Tạng thận hư phần nhiều thời đau ngắn ngắt » như thế là khí không vậ chỗ nên uống bài bát-vị thêm phá-cố, ngô-thù (tẩm nước muối sao), còn chứng cạnh-sườn ở dưới đau một chỗ lâu ngày không khỏi nên uống bài bát-vị thêm qui, thược, ngô-thù.

21) Chứng khí nắt, khí trệ, mà bài « việt-khúc-hoàn » có những vị tô-tử, trầm-hương, mộc-hương, ô-dược, hương phụ để hành khí giáng khí mà không thấy công hiệu, xét ra là người hư yếu, thời chỉ nên bổ hỏa ở mệnh-môn, là bài bát-vị, thêm ngưu-tất, trầm-hương.

22) Chứng đau lưng, dù có phân ra đàm kết, hàn-trệ khí huyết, thấp-nhiệt, nhưng không ngoài ở tạng thận, nên dùng bát-vị thêm nhung, cao, ngưu-tất, đỗ-trọng, đàm nhiều bội vị phục-linh, thấp nhiều bội vị trạch-tả, thêm vị trư-linh; huyết trệ bội quế, thêm hồng-hoa, khí ứng trệ thêm vị thăng-ma và ngô-thù.

Tìm sách

23) Chứng đau bụng, dù có chia ra hàn, nhiệt, hư thực, đàm, uất, và lục-dâm hay thất-tình, nhưng bụng dưới thuộc về tạng can mà tạng can, tạng thận cùng chữa với nhau, thời nên phân ra giả nhiệt chân hàn, nếu là hỏa bốc lên thời dùng bài lục-vị thêm sài-hồ, bạch-thược, nếu là hư hỏa bốc mạnh thời dùng bài bát-vị thêm vị ngô-thù trầm-hương.

24) Chứng đau bụng mà sôi những nước, dù rằng phải thấm thấp, nhưng nếu bệnh sợ thức lạnh là khí ở trong hư yếu quá, thời nên dùng bài bát-vị bội vị trạch-tả, thêm ngũ-vị, ngưu-tất.

25) Chứng cước-khí đều bởi tạng thận hư yếu, nhưng nếu khí ấy vào bụng mà xông lên tạng tâm thời rất nguy, nên dùng bài bát-vị thêm ngô-thù, ngưu-tất, ngũ-vị, mộc-qua, nếu bệnh mới khỏi uống bài « thận-khí-hoàn ».

26) Chứng chân mỏi : nguyên kinh dương-minh là tóm các gân lại, Nội-kinh có nói : « chứng luy là bệnh gân cốt không gánh vác nổi bởi ở tinh huyết suy tổn » vậy không gì bằng bài bát-vị thêm vị ngưu-tất, đỗ-trọng cùng thuốc bổ tinh huyết.

27) Chứng nhuyễn (chân tay mềm oặt ra) xét thấy chân tay lạnh mà người mát chưa đến nỗi khí thoát mất, thời nên dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị.

28) Chứng thổ-huyết và lục-huyết (máu ra đàng mũi) phần nhiều bởi ở hỏa, nếu là thực (tức là bệnh mạch-mà người còn mạnh) thời nên dùng thuốc hàn lương để mát đi, nếu hư là người yếu, xét là chân thủy kém thời dùng bài lục-vị thêm ngũ-vị, ngưu-tất, hơn nữa thêm trí-

Tìm sách

bá, huyền-sâm. Xét là chân hoả hư thời dùng bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngưu-tất, ban-long.

29) Chứng lao là tinh huyết suy tổn, nên dùng bài lục-vị hay bài bát-vị, lại căn cứ vào mạch mà thêm những vị thuốc bổ tinh huyết, như vị mạch-môn và ngũ-vị để giúp cho tạng phế, vị ngưu-tất để giáng chân âm, thế là bổ thổ để sinh ra kim, thêm thủy để dẹp hỏa đi.

30) Chứng ho đàm bởi khí ở phổi ngược lên, nhưng tạng thận để nạp khí xuống, những chứng ho lâu, nếu là khí không về chỗ mới ho từ dưới rốn ngược lên, nên dùng bài lục vị bội phục-linh thêm vị ngưu-tất, ngũ-vị, mạch-môn, nhục-quế. hàn lắm thêm phụ-tử.

31) Chứng thở xuyễn ngược lên, nếu là người khoẻ thời giáng khí hành khí là đủ, nhưng người hư yếu thời phải liễm trở xuống, thủy suy thời uống bài lục-vị, hỏa hư thời uống bài bát-vị, đều thêm mạnh, vị, ngưu tất.

32) Chứng nhiều đàm (đàm ẩm) dù đàm ở tạng tỳ nhưng bởi ở thủy thận suy kém mà đềnh lên thành đàm. Nếu đàm có nhiều bọt trắng, nên uống bài lục-vị bội phục-linh thêm mạch, vị, ngưu-tất. Nếu là hỏa hư mà không nung nấu được tỳ thổ, nên dùng bài bát-vị bội vị phục-linh cũng thêm mạch, vị, ngưu-tất.

33) Chứng háo-hống (gầm thét), nếu bởi đại bệnh hay là bệnh đã lâu, đều nên dùng bát-vị thêm mạch, vị, ngưu-tất.

34) Chứng tự ra mồ-hôi hay ra mồ-hôi trộm, tuy phân ra khí và huyết, nhưng bởi tân-dịch háo kiệt. Nếu

Tìm sách

có mồ-hôi mà người mát là chân dương kém, có mồ-hôi mà người nóng là chân âm kém, nên phân biệt mà dùng bài lục-vị hay bài bát-vị, đều thêm ngũ-vị, ngưu-tất để liễm lại, nóng nhiều bội thục, hàn nhiều bội quế.

35) Chứng tiêu-khát : Trong người thủy và hỏa nên quân bình với nhau, vậy phép chữa, nếu là chân thủy kém thời dùng bài lục-vị, là hỏa kém thời dùng bài bát-vị, đều bội thục-địa, thêm mạch, vị, ngưu-tất, ban-long.

36) Chứng kinh sợ hay quên, phải biết tạng tâm để chứa tinh thần. tạng thận để chứa tâm trí, tạng tâm để biết việc về sau, tạng thận để nhớ việc đã qua, nếu 2 tạng ấy đều yếu thời có khi vô cớ mà sợ, gặp việc là quên thời nên dùng vị liên-nhục sắc lên, để lấy nước sắc bài bát-vị, thêm vị mạch-môn và những vị bổ tinh huyết, để tạng tâm, tạng thận tương giao với nhau.

37) Chứng không ngủ : Tinh thần của người, lúc thức thời ở tạng tâm, lúc ngủ thời về tạng thận, nếu tạng tâm hư yếu thời không chứa được tinh thần, tạng thận hư yếu thời tinh thần không về được chỗ, vậy nên dùng bài bát-vị mà phục-linh thay bằng phục-thần, lại thêm ngũ-vị, ngưu-tất đỗ-trọng (không-sao).

38) Chứng sốt rét là âm và dương tương tranh với nhau, mà âm dương đều hư yếu, nếu sốt rét lâu mà yếu nhiều không gì bằng bài bát-vị, thêm vị sài-hồ và ngưu-tất, nóng nhiều hơn thời bội thục-địa, rét nhiều hơn thời bội vị nhục-quế.

39) Chứng tích tụ : nếu bổ thời dẫn lên mà tiêu thời người yếu đi, lâu ngày thành ra cổ-chướng, nên uống

Tìm sách

bài bát-vị thêm sa-tiền, ngưu-tất mà gọi là bài « Kim quỹ thần-khí hoàn ».

40) Chứng đi ỉy đã lâu : Chứng này không đem thuốc bổ khí huyết để chữa cho khỏi, mà nên dùng bài bát-vị-hoàn thêm vị phá-cố.

41) Chứng thoát giang (lòi tĩ) : nếu đi lại nhiều hay nhọc mệt lại tụt xuống là nguyên khí kém lắm, nên uống bài bát-vị thêm vị phá-cố và vị kim-anh-tử.

42) Chứng phù nề : Là hỏa ở hạ tiêu suy yếu, thủy không có hỏa để vận hóa, nên uống bài bát-vị thêm ngưu-tất, ngũ vị sa-tiền.

Chứng nghẹn-cách hay ăn rồi lại nôn (phiến vị) và chứng quan-cách, (bụng trên bụng dưới ngăn cách), đều bởi ở hỏa, mà chứng quan-cách là hỏa thịnh thủy kém tân-dịch khô ráo, nên chân thủy kém thời uống bài lục-vị thêm mạch môn, ngưu-tất, chân hỏa kém thời uống bài bát-vị thêm ngũ vị, ngưu-tất, ban-long và sữa người.

43) Chứng nấc ngược lên, nếu người còn khỏe mà bệnh mạnh, thời tiếng ngắn mà nấc từ trung-tiêu trở lên, chỉ giáng hỏa tán khí tiêu đàm là đủ, nếu người hư yếu thời tiếng dài mà từ hạ-tiêu trở lên, nên uống bài bát-vị thêm vị ngũ-vị, ngưu-tất, may ra cứu vãn được.

44) Chứng bĩ đầy phần nhiều là âm hư, nếu dùng nhiều thuốc hành khí thời bệnh tăng, xét ra bệnh nhẹ thời nên bổ tỳ, còn bệnh nặng thời nên dùng bài bát-vị bội thục-địa thêm ngũ-vị, ngưu-tất. Nội-kinh có nói : « Khí xấu đem lên thời thành chứng đầy-chướng ».

Tìm sách

45) Năm chứng đái rắt, cũng phải xét đến tạng thận, vì tạng thận chủ cả tân-dịch cho ngũ-tạng, nên bệnh nặng không gì bằng bài bát-vị bội vị thục-địa, thêm mạch, vị ngưu-tất, sa-tiền (uống dùng chén to mà uống nguội).

46) Chứng tiểu-tiện bế vít, nếu bởi nhiệt uất là không có thủy để dẹp đi, nếu bởi hàn ngưng lại là không có hỏa để vận hóa, vậy giúp chân thủy thời dùng bài lục-vị bội vị thục-địa, vị phục-linh, thêm vị sa-tiền, vị ngưu tất, cứu chân hỏa thời dùng bài bát-vị thêm sa-tiền, ngưu-tất.

47) Chứng đi đái nhiều, dù bởi tạng can để vợi đi nhưng cũng bởi tạng thận để giữ lại, nên dùng bài bát-vị bỏ vị trạch-tả, thêm vị ích chi, nếu khát nhiều cũng bỏ vị trạch tả.

48) Chứng mộng-tinh, di-tinh hay hoạt-tinh, tạng tâm để chứa tinh thần và giữ chân huyết, tạng thận để chứa tâm trí và tinh khí, một khi quân-hỏa và tướng-hỏa động lên, chiêm bao mơ màng mà tinh khí ra, thời nên uống bài bát-vị hoàn thêm ngũ-vị, phá-cố, ban-long, sửa người để sinh ra tinh khí, và tâm thận tương giao với nhau.

49) Chứng đới-hạ (con gái là đới-hạ hay bạch-dâm, con trai là di tinh hay bạch-trọc) bệnh bởi tinh huyết thời phải bổ bằng những vị tinh huyết như bài bát-vị bội vị phục-linh thêm ngũ-vị, phá-cố, nhung và cao.

50) Chứng dương-nuy (đàn ông bất lực) nên uống bài bát-vị bỏ vị trạch-tả thêm ngưu-tất, lộc-nhung, đỗ-trọng, kỷ-tử, hơn nữa thêm vị hà-sa, lại sắc nước sâm để uống bài bát-vị.

Tìm sách

51) Bảy chứng sán tuy có phân-biệt, duy có chứng « đồi-sán » là đau bụng dưới mà dắt dây đến hai quả cật ở ngoài, thời bổ tạng can và tạng thận, nên uống bài bát-vị-hoàn thêm những vị quất-hạnh, đại-hồi, ngô thù, bạch-thược, sài-hồ.

52) Chứng hoàng-đảm, nếu là tỳ và thận yếu mà hàn, mạch trầm và tế, người mát tự ra mồ-hôi, đi tả hay đi đái nước trắng, là dương khí kém không hóa được hàn trệ, như thế gọi là chứng âm-hoàng, nên dùng bài lục-vị bội hoài-sơn, phục-linh, trạch-tả thêm nhục-quế, ngưu-tất. Nếu tạng thận hư mà sinh thấp nhiệt, mặt mắt đều vàng, hai chân chậm chạp, lưng gối mỏi yếu, tiểu-tiện đi nhiều, nên dùng bài « Kim-quỹ thận-khí hoàn » và sắc nước mạch-môn để uống, thời khí vận hóa mà âm hàn tự khỏi (chứng này nếu uống lầm thuốc hàn lương thời chết).

53) Chứng nóng dữ dội hay là nóng lâu, về phép chữa nếu không bổ tỳ để chữa dương khí lại, thời phải giúp chân âm để tả hư hỏa đi, vậy phải căn cứ vào mạch, nếu là chân âm kém mà sốt, tất nhiên nóng dữ dội hay nóng lâu, nên dùng bài lục-vị bội thục-địa thêm mạch, vị, ngưu-tất, ban-long, sữa người (mà trẻ em càng cần).

54) Chứng trẻ em khóc không ra tiếng, hay là người lớn ốm khỏi mà mất tiếng, tiếng ấy tuy bởi tạng phế mà gốc ở tạng thận, nếu thấy người nóng nên dùng bài lục-vị thêm mạch-môn ngũ-vị, nếu người mát thời thêm chút nhục-quế, nếu gót chân nóng mà thường co lại, hay là bụng nóng, mắt thường trông ngang, người thường co

Tìm sách

giật, hay là chứng thóp không kín, chứng ống chân nhỏ, đều là tiên thiên không đầy đủ, cyống họng nhiều đàm mất nhiều lòng trắng, nét mặt trắng bông, thời nên dùng bài lục-vị thêm vị ngưu-tất, đỗ-trọng, lộc-nhung, kỷ-tử. Nếu chân dương kém lắm thời thêm quế, phụ, nếu sau tai độ một tấc trũng xuống là tạng thận bại, nên dùng bài lục-vị thêm lộc-nhung kỷ-tử, hàn thêm nhục-quế, (chứng ấy mà mạch-trầm hoạt là không chữa được).

55) Trẻ em chậm mọc răng bởi khí ở tạng thận không đầy đủ, nên uống bài lục-vị thêm lộc-nhung kỷ-tử, có hàn thêm quế, hơn nữa thêm phụ-tử.

56) Trẻ em chậm nói mà chân tay mềm oặt ra, con người trắng, tinh thần phù bạc mà đoản khí, nên uống bài lục-vị thêm vị mạch-môn, ngũ-vị, nếu hàn thêm quế.

57) Trẻ em chậm đi, xét ra tạng can chủ về gân cốt nhưng tỷ để nuôi xương lại ở tạng thận, nên uống bài lục-vị thêm lộc-nhung, kỷ-tử, đỗ-trọng, nếu hàn thêm nhục-quế.

58) Trẻ em cổ ngoẹo không ngay (thiên-trụ-cốt đảo) dù có 3 nguyên nhân, nhưng đều là dương khí suy quá mà gốc ở tiên-thiên, nên uống bài lục-vị thêm ngưu-tất, đỗ-trọng, lộc-nhung, có hàn thêm quế, phụ để bổ ở tiên-thiên, mà uống sen với bài quy-tỳ để bổ khí huyết về hậu-thiên.

59) Trẻ em phát sốt cũng có nhiều nguyên nhân, nhưng sốt nhiều là hại chân âm, nên dùng bài lục-vị

Tìm sách

gia sài, thược, mạch-môn, hơn nữa thêm ban-long mà chớ dùng những vị lạnh hay mát.

60) Trẻ em kinh sợ co giật có nhiều nguyên nhân, xét ra người nóng huyết kém gân khô mà kinh giật, nên dùng bài lục-vị bội mẫu-đơn, phục-linh, thêm tần-bông, mộc-hương nếu yếu lắm thêm ban-long, nếu là chứng mạn-kinh (sốt lâu mà người mệt kinh sợ ít bú) thời nên dùng thuốc bổ tỳ vị, khỏi rồi nên uống bài bát-vị-hoàn thêm ngưu-tất, ngũ-vị mà uống sen với thuốc bổ khí huyết.

61) Chứng thốt nhiên co giật là bởi ra nhiều huyết quá (thổ huyết, lạc-huyết, băng-huyết), hay là ung nhọt vỡ rồi mà thành bệnh, người nóng mắt đỏ thêm uốn ván, nên uống bài lục-vị, bỏ trạch-tả thêm mạch-môn, ngưu-tất, ngũ-vị, đỗ-trọng.

62) Trẻ em 5 chứng cam: Chứng cam nghĩa là khô ráo bởi tinh huyết suy tổn, vậy phải xét là âm hư hay dương hư mà cho uống bài lục-vị hay bát-vị, thêm những vị bổ tinh huyết (chớ dùng nhằm những vị xuyên liên, hồ-liêu, vô-di, lô-hội.)

63) Trẻ em ngực cao lên như ngực rùa, lưng cao lên như lưng rùa, (quy-hung, quy-bối), bởi tạng thận thiếu dương khí mà rất là chứng nguy, nên uống bài lục-vị thêm lộc-nhung, hà-sa, kỷ-tử, nếu hàn thêm quế, phụ để cứu vãn.

64) Đàn bà kinh nguyệt khô ráo là khí huyết đều kém, vậy phải bổ thủy hỏa là gốc cho khí huyết, người chân âm kém mà nhiệt, nên uống bài lục-vị gia quy,

Tìm sách

thược, ngưu-tất, lộc-nhung, người chân dương kém mà hàn thời nống bài bát-vị thêm nhung, qui, ngưu-tất, đỗ-trọng, lộc-nhung.

65) Thuốc cầu tự là phải bổ về tinh huyết, nhưng nếu chân âm kém thời nên uống bài lục-vị, chân dương kém thời nên uống bài bát-vị, lại thêm những vị bổ tinh huyết như thung-dung, kỷ-tử.

66) Thuốc an-thai cũng phải xét là chân âm kém hay chân dương kém mà có khi dùng bài lục-vị và bát-vị. Hàng ngày uống thuốc hoàn thời tạng phủ quen đi, dù có quế, phụ, mẫu đơn cũng không hại đến thai.

67) Chứng sản hậu nôn oẹ là hỏa ở mệnh-môn suy kém không sinh được tỳ thổ, nên uống bài bát-vị thêm ngưu-tất, ngũ-vị, thổ-tỳ.

68) Chứng sản-hậu phát nấc mà thở suyễn là âm dương sắp tuyệt. Nếu người mát thời phải uống ngay sâm, phụ mà người nóng thời uống bài bát-vị thêm ngũ-vị, ngưu tất.

69) Chứng sản-hậu đi ỉy, nếu không bởi nguyên nhân gì khác, thời tất là chân dương kém không sinh được tỳ thổ, chân âm kém không bế vít được, nên uống bài bát-vị thêm phá-cố.

70) Chứng sản-hậu ho lâu, nên uống bài lục-vị thêm ngưu-tất, ngũ-vị. Nếu hàn thêm quế, hơn nữa thêm phụ-tử.

Tìm sách

71) Chứng sản-hậu đại-tiểu-tiện bí, bởi lúc đẻ huyết ra nhiều mà người kiệt, nên uống bài bát-vị thêm ngưu tất, thung dung. Nếu đi đái nhiều nên uống bài bát vị thêm ích-trí.

72) Chứng sản-hậu không có sữa đã dùng thuốc bổ khí huyết mà không công hiệu, thời nên uống bài bát-vị bội thục, bỏ trạch-tả, thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, mộc-thông.

Như trên đã nói thời bài lục-vị, bài bát-vị, có thể chữa được nhiều bệnh, người học thuốc phải nên lưu tâm.

31.— MƯỜI BA BÀI Ở SÁCH CẨM NANG GIA GIẢM:

1) **Nhị-Diệu địa-hoàng hoàn** để chữa chứng thấp nhiệt uất ở trong, mà đi đái nước đục hay là mọc nhọt.

Thục-địa 7 lạng sao khô, hoài-sơn 4 lạng sao vàng, sơn-thù 4 lạng tẩm rượu sao, mẫu-đơn 4 lạng bởi khô, phục-linh 3 lạng bởi khô, trạch tả 3 lạng tẩm nước muối bởi khô, hoàng bá 7 chỉ, phụ-tử 5 chỉ (hai vị ấy ngâm rượu và muối 1 đêm, rồi đem hoàng-bá sao thật vàng, mà phụ-tử thời bởi khô), mao-sơn-truật 2 lạng ngâm nước gạo thái ra rồi sao với hắc-chi-ma cho vàng rồi bỏ hắc-chi ma đi.

Nếu thấp nhiều nhiệt ít, thời dùng phụ-tử, hoàng-bá 5 chỉ, nếu thấp ít nhiệt nhiều thời dùng phụ-tử 5 chỉ, hoàng-bá 7 chỉ, các vị đều tán bột, sắc 4 lạng kim-thạch lọc lấy nước đặc cho thêm mật ong luyện với thuốc để làm thành hoàn, sáng và chiều uống 3 chỉ bằng nước lã đun sôi vào trước bữa ăn, kiêng rượu, gà, cá và đồ nướng.

Tìm sách

2) Dục-tỳ cổ thận địa-hoàng hoàn để chữa chứng tạng thận yếu mà đi cầu ngay sáng sớm (thần-tả).

Thục-địa 8 lạng tẩm gừng và rượu sao khô, hoài-sơn 6 lạng sao vàng, sơn-thù 5 lạng chưng với rượu rồi sao, phục-linh 4 lạng bột khô, ngũ-vị 2 lạng, trạch-tả 3 lạng tẩm muối và rượu sao khô, phá-cố-chỉ 4 lạng tẩm muối và rượu sao thơm, thỏ-ty tẩm rượu 3 ngày rồi chưng và nghiền làm thành bánh để ký không cho hả hơi (vị này không thấy nói nhiều hay ít).

Các vị đều tán bột, lấy thục-địa giã thành cao, nếu khô thời thêm đường rồi hòa thuốc để làm thành viên, buổi sáng uống 4 chỉ với nước gạo sắc lên, buổi chiều uống 3 chỉ với nước lã sôi.

3) Song-bổ địa-hoàng-hoàn (bài này có thục-địa, sơn-thù để bổ thận tinh, thỏ-ty, liên-nhục để bổ thận khí cho nên gọi là song bổ).

Thục-địa 8 lạng đun nhỏ lửa bột khô, đan-bì 3 lạng tẩm rượu sao, sơn-thù 4 lạng chưng với rượu sao khô, phục-linh 3 lạng bột khô, hoài-sơn 4 lạng sao vàng, liên-nhục 6 lạng sao hơi vàng, trạch-tả 3 lạng tẩm muối và rượu sao, thỏ-ty 4 lạng (phép chế cũng như bài thuốc trên). Các vị tán bột luyện với mật làm hoàn, mỗi lần uống 5 chỉ bằng nước lã đun sôi vào lúc đói ở buổi sáng.

4) Thanh-tâm tư-thận địa-hoàng hoàn: Thục-địa 8 lạng, đan-bì 3 lạng bột khô, sơn-thù 4 lạng chưng với rượu rồi sao, hoài-sơn 4 lạng sao vàng, phục-linh 3 lạng

Tìm sách

tẩm muối và rượu sao, viễn-chí 3 lạng (sắc nước cam thảo để ngâm rồi phơi và sao khô) ngũ-vị 1 lạng chưng với rượu rồi sao khô, mạch-môn 3 lạng bỏ lõi sao. Các vị đều tán bột lấy thục-địa giã nhừ rồi cho thuốc thêm mật ong để làm hoàn, buổi sáng vào lúc đói uống 4 chỉ với nước hạt-sen sắc lên (bài này không nói chữa chứng gì nhưng là để thanh cho tạng tâm, bổ cho tạng thận.

5) **A-Dao địa-hoàng hoàn** : để chữa chứng phế và thận hai tạng thụ thương mà ho thổ ra huyết.

Thục-địa 1 cân (đem 8 lạng sắc kỹ bỏ bã còn 8 lạng đun lấy cả bã mà giã nhừ ra rồi hợp lại thành cao), hoài sơn 4 lạng sao, sơn-thù 4 lạng (chưng với rượu rồi phơi khô), phục-linh 3 lạng (tẩm nước sữa sao), mẫu đơn 3 lạng sao, trạch tả 2 lạng (tẩm nước muối sao), mạch-môn 4 lạng bỏ lõi sao, A-dao 2 lạng (thái thành phiến sao với bột cáp-phấn cho phồng lên), các vị đều tán bột, cho cao thục-địa và thêm mật rồi bỏ thuốc bột vào luyện lại làm thành viên, buổi sáng vào lúc đói uống 4 chỉ với nước lã sôi hay nước muối.

6) **Tư kim tráng-thủy địa-hoàng hoàn.** Bài này để nuôi chân âm cho cân với chân dương, thêm thận thủy và giúp cả phế kim.

Thục-địa 3 cân (sắc kỹ lấy nước rồi bỏ bã song đun đặc cho thành cao), hoài sơn 6 lạng sao vàng, mẫu-đơn 4 lạng sao, phục-linh 4 lạng (tẩm nước sữa phơi khô), sơn-thù 6 lạng (chưng với rượu rồi phơi khô), trạch-tả 3 lạng (tẩm muối và rượu rồi sao), ngưu-tất 4 lạng (tẩm nước muối loãng rồi sao), mạch-môn 5 lạng bỏ lõi rồi

sao, các vị đều tán bột, cho thuốc vào cao thục-địa và thêm mật để làm thuốc hoàn, lúc đói uống với nước lã sôi mỗi ngày 2 lần vào lúc đói.

7) Gia vị thất-vị hoàn. Bài này để mát cho tạng phế bổ cho tạng thận, nạp khí và dẫn hỏa về chỗ.

Thục-địa 8 lạng đun kỹ, sơn-thù 4 lạng chung với rượu rồi sao, mẫu đơn 3 lạng sao, phục-linh 3 lạng tẩm nước sữa sao, hoài-sơn 4 lạng sao vàng, chạch-tả 3 lạng tẩm nước muối và rượu sao, mạch-môn 3 lạng bỏ lõi sao, nhục-quế 1 lạng bỏ vỏ ngoài, ngũ vị 1 lạng tẩm mật và rượu sao, các vị tán bột, đem thục-địa giã nhừ ra hòa thêm mật rồi cho thuốc vào luyện làm thuốc hoàn, mỗi buổi uống 4 chỉ vào lúc đói, mà uống bằng nước muối loãng hay là bài sinh-mạch sắc lên.

8) Hòa-can tư-thận địa-hoàng hoàn : Bài này để chữa đàn bà.

Thục-địa 8 lạng đun với rượu cho nhừ ra, sơn-thù 4 lạng chưng với rượu, mẫu-đơn 3 lạng tẩm rượu sao, phục-linh 3 lạng tẩm nước sữa sao khô, Hoài-sơn 4 lạng sao vàng, chạch-tả 3 lạng tẩm muối và rượu rồi sao, qui thân 3 lạng tẩm rượu sao, bạch-thược 3 lạng tẩm nước mật sao, nhục-quế 1 lạng bỏ vỏ. Các vị tán bột nghiền thục-địa rồi thêm mật mà cho thuốc vào để làm thuốc hoàn, uống 4 chỉ mỗi lần với nước lã đun sôi vào lúc đói, mùa đông uống với rượu.

9) Tư-âm bát-vị hoàn : Thục-địa 8 lạng đun với nước cho thật nhừ, sơn-thù 4 lạng chưng với rượu rồi phơi

Tìm sách

khô, mẫu-lơn 3 lạng sao, hoài-sơn 4 lạng sao vàng, phục-linh 3 lạng tẩm nước sữa phơi khô, chạch-tả 2 lạng tẩm nước muối sao, mạch-môn 3 lạng bỏ lõi sao, ngũ-vị 1 lạng tẩm mật và rượu sao, nhục-quế 1 lạng bỏ vỏ, phụ-tử 1 lạng thái thành phiến rồi bồi cho khô. Các vị tán bột rồi nghiền với thục và thêm mật để làm thuốc hoàn.

Cách dùng : Nếu tạng thận xét là chân khí suy kém thời bỏ mạch-môn, ngũ-vị, thêm ngưu-tất, đỗ-trọng đều 3 lạng rồi sao với nước muối và rượu. Nếu khí ở tạng phế không đầy đủ thời sắc nước sinh-mạch-ẩm mà uống, nếu có hỏa bốc lên thời uống với nước muối loãng, nếu là dương hư thời uống với nước sâm, đều uống vào lúc đói về buổi sáng.

10) Tráng-dương cố-bản địa-hoàng-hoàn : Bài này để chữa chứng nguyên-dương suy yếu lắm.

Thục-địa 2 cân chưng với rượu bỏ bã rồi đun đặc thành cao, hoài-sơn 6 lạng sao vàng, sơn-thù 6 lạng chưng với rượu rồi sao, phục-linh 4 lạng tẩm nước sữa bồi khô, lộc-nhung 3 lạng bỏ lông ngoài rồi bồi khô, cao ban-long đun với rượu cho tan ra, phá-cố 4 lạng tẩm muối và rượu sao thơm, ngũ-vị 2 lạng tẩm mật và rượu rồi sao, kỷ-tử 8 lạng sắc thành cao lấy 4 lạng, chạch-tả 3 lạng tẩm muối sao, phụ-tử 1 lạng rưỡi bồi khô, nhục-quế 1 lạng rưỡi bỏ vỏ, tử-hà-sa 1 cỗ rửa sạch với nước lại lấy rượu rửa lại, rồi tẩm rượu bồi khô.

Các vị tán bột, lấy thục-địa, hà-sa, cao-ban-long 3 thứ cho thuốc bột vào và thêm mạt để làm thuốc hoàn, lúc đói uống với nước sâm độ 4, 5 chỉ, buổi chiều uống với rượu độ 3, 4 chỉ, vào trước lúc ăn cơm.

Tìm sách

11) Cố-bản thập bổ hoàn để chữa người lớn trẻ em tạng thận suy kém và tỳ vị cũng yếu, công hiệu còn hơn bài bát-vị. Thục-địa 8 lạng lấy rượu đun nhừ ra, sơn-thù 5 lạng chưng với rượu rồi sao khô, hoài-sơn 6 lạng sao vàng phục-linh 4 lạng tẩm nước sữa phơi khô, ngưu-tất 4 lạng tẩm muối và rượu rồi sao, đỗ-trọng 3 lạng tẩm muối và rượu rồi sao, ngũ-vị 1 lạng tẩm mật sao, phụ-tử 1 lạng rưỡi bổi khô, nhục-quế 1 lạng rưỡi bỏ vỏ, lộc-nhung 1 cặp cạo bỏ lông rồi thái ra sao vàng.

Các vị tán bột, lấy thục-địa nghiền ra rồi cho thuốc và thêm mật để làm thuốc hoàn, mỗi buổi sáng lúc đói uống 5 chỉ với nước muối loãng rồi ăn cơm đè đi.

Tôi xét bài này, dùng vị thục-địa là chất nặng mà vị thời hậu để bổ âm cho tạng thận, mà sao đi thời bớt lạnh mà bổ cả tạng tỳ, vị sơn-thù bổ cho tạng can mà còn thu vít lại để giúp cho tạng thận, vị hoài-sơn vừa bổ tỳ vừa bổ thận, vị phục-linh và trạch-tả đem sức thuốc trở xuống, vị đỗ-trọng giúp cho thục-địa để mạnh gân cốt, quế và phụ để bổ hỏa cho mạnh. Vị lộc-nhung là thứ động vật hữu tình hợp với tạng, phủ con người, còn vị ngũ-vị thời liễm tạng phế mà giúp tạng thận, phương này thật là 10 phần bổ cả 10.

12) Gia giảm bát vị địa-hoàng thang để chữa chứng ho lâu không thôi, đàm đặc, người sốt, đau xương, váng đầu, mất nặng ra, có lúc sợ rét, mà 6 bộ mạch thời huyền và xác, da thịt mỗi ngày một gầy, ít ngủ, v...v...

Thục-địa 8 chỉ, mẫu-đơn, sơn-thù đều 2 chỉ, hoài-sơn 2 chỉ rưỡi, phục-linh 1 chỉ rưỡi, trạch-tả 1 chỉ, mạch-môn

3 chỉ, ngưu-tất 2 chỉ, ngũ-vị 5 phân, nhục-quế 1 chỉ, sắc uống lúc còn ấm vào trước lúc ăn cơm, chỉ mấy thang là nhẹ nóng đỡ ho. Nếu 6 mạch hồng và hoãn mà vô lực, người mệt thời sắc riêng sâm hợp vào mà uống, khi khỏi rồi buổi sáng uống bài bát-vị-hoàn độ 4, 5 chỉ với nước muối loãng, rồi uống bài « *bồi dưỡng vinh-vệ cao* » với nước đã đun sôi.

Tôi xét chứng ho ở ngoài là phong hàn, ở trong là vì đàm hay khí, nhưng dù là phong hàn mà ho lâu thời thuốc phát-tán và thuốc hàn-lương cũng không nên dùng, là vì tạng thận đã kém không nuôi dưỡng được phế kim, có thể lâu ngày sinh ra chứng lao.

Tôi gặp chứng ấy, thấy bệnh nhân sốt nhiều ghê rét ho khát, đàm đặc, lại thêm tinh thần mỏi mệt, người mỗi ngày một gầy, mà 6 bộ mạch hồng, huyền mà xác, để tay lâu cũng không thấy thần. Khi ấy muốn tiêu đàm nhưng đàm ấy là thấy dành lên không phải thuốc tiêu đàm mà có thể chữa được, muốn mát chân hỏa thời hại khí của dạ-dày, muốn chữa về khí thời sợ hại nguyên khí vì khí đã bốc lên thời những vị như quất-hồng, tang-bì không thể chữa được, nên không dùng phương thuốc bổ thấy ở trong hỏa thời không thể được, vì thế tôi thường dùng bài bát-vị bội thục-địa mà bỏ phụ-tử lại thêm mạch, vị, ngưu-tất, cắt từng chén thuốc to uống lúc còn ấm vào trước khi ăn cơm, để long-hỏa về chỗ thời chân âm mới hồi, rồi chứng nóng tận xương trở thành có mồ-hôi mà đỡ. Uống như vậy một thời gian, nếu thấy người mỏi mệt thời thêm thuốc để bổ khí, khi chân âm lại kém thời trở lại phương thuốc để bổ thủy, như thế công hiệu rất nhiều.

Tìm sách

32.— NHỮNG ÁN CHỮA BẰNG BÀI BÁT-VỊ Ở BỘ SÁCH THUỐC CẨM-NANG

1) Chứng kinh giản : Một đứa trẻ họ Kim mới 14 tuổi, phải chứng kinh giản, mạch hồng và huyền mà có lực, duy 2 bộ xích thời yếu, thế là chân âm thiếu lắm dương không liễm được, vì tinh hỏa bốc lên cho nên ngã lăn ra, nếu dùng thuốc để tiêu đàm chấn kinh lại hảo chân âm, cho nên tôi dùng bài bát-vị-hoàn bội thục-địa, thêm ngưu-tất, ngũ-vị hoàn với mật mà cho uống bằng nước muối loãng để tàng nạp lấy chân dương. Lại dùng một thang to để thêm châu thủy là thục-địa 1 lạng, đan-sâm, phục-linh, đan-bì đều 1 chỉ rưỡi, bạch-thược để sống hai chỉ, mạch-môn 2 chỉ, viễn-chi chế sao 1 chỉ, ngưu-tất 3 chỉ, ngũ-vị 1 chỉ, bấc thắp đèn dầu ta 15 mớ, hạt sen 10 hột, xong uống tiếp đến bài « Dưỡng-tâm thanh-phế hòa-can cao » là thục-địa 8 lạng, đương-quy 3 lạng, thạch-hộc và bạch-thược đều 3 lạng, mạch-môn 2 lạng, ngưu-tất 3 lạng, viễn-chi 2 lạng, táo-nhân 2 lạng, trước hết đem 1 cân liên-nhục sắc lấy nước đặc rồi bỏ vào 3 lạng sâm, 4 lạng phục-thần, 3 lạng phục-linh tán bột hòa với cao kể trên để làm thuốc viên, mỗi viên 4 chỉ, uống sau lúc ăn cơm trưa mỗi lần 1 viên, bằng nước lã đun xôi, để điều hòa khí huyết, rồi chứng kinh giản ấy được khỏi.

2) Chứng bĩ khối đứa trẻ họ Hà 9 tuổi, bụng đầy chướng có hòn khối, người gầy mà mệt, tai ra mủ, mắt đỏ, chân răng chảy máu và thối lở, ho đờm đoản khí, không ngủ được, không ăn được mà chân đau, về mạch có lúc huyền hồng mà hữu lực, có lúc huyền mà vô lực, thế là uống

nhiều thuốc tiêu tích thanh biển mà âm dương đã kiệt, mạch như vậy là ở ngoài thời bồng lên ở trong không có gì.

Ta nên biết chứng này bởi khí ở trong không vận hóa được, đến nỗi đàm, thức ăn và khí tụ lại mà không tản đi, chứ không phải là có sắt đá gì ở trong bụng.

Nếu ta đem vị thuốc mạnh để tiêu đi thời chỉ hại đến nguyên khí, vì thuốc gì cũng phải nhờ khí ở trung-châu để vận hóa, khi khí huyết hư yếu dù uống ba-đậu, đại-hoàng đến hàng cân cũng không ích gì, vì thế tôi đem bài kim-quỹ thần-khí đổi thuốc hoàn làm thuốc thang chỉ uống mấy chén là đầy chướng nhẹ đi, rồi tôi cho sắc thêm sâm hợp với thuốc mà uống, mỗi ngày về buổi sáng lại đem bài sinh-mạch-ẩm để uống bát-vị-hoàn, mà buổi chiều thời uống như kể ở trên, chỉ trong hai tháng là hòn khối tiêu hết.

3) Chứng nề-chướng : Một đứa trẻ họ Trương 10 tuổi, phải chứng nề chướng, uống thuốc tiêu tích thời tăng bệnh mà người gầy như hạc, tôi cho uống bài bát-vị, bỏ phụ-tử, bội thục-địa thêm mạch, vị, ngưu-tất, chỉ hơn 1 tháng là khỏi.

Sang mùa hè năm sau, đứa trẻ lấy dưới hai cạnh-sườn chợt sưng lên mà dần, tôi cho là năm trước chưa được bình phục, sang mùa hè thời dương khí bốc ra ngoài, khí của tạng can và tạng thận không vững ở dưới, đến nỗi hỏa bốc trở lên chứ không có chất độc gì cả, nên tôi lại đem thuốc thang như năm ngoái thêm 4 chỉ thanh-bì, 2 chỉ thổ-bối-mẫu cho uống trước lúc ăn cơm, không tới 10 thang thuốc mà bệnh khỏi hẳn.

Tìm sách

4) Chứng về đùi mọc ung nhọt : Một đứa trẻ họ Trương 13 tuổi, mọc nhọt ở về đùi sưng đau không chịu nổi, về mạch thời 6 bộ đều trầm, tế mà vi, sắc mặt trắng bóng, đó là chứng thiên-nhiên bất túc, theo Nội-kinh nói : « Khí huyết không hoà kết lại mà thành ung nhọt ». Vì thế tôi đem bài bát-vị cất làm thuốc thang, thêm ngưu tất, đỗ-trọng, uống trước lúc ăn cơm chỉ 4 thang là khỏi.

5) Chứng chợt ngã ra : Một ông già họ Trương làm việc ở bộ lại, vì nhiều việc khó nhọc mà ù tai kinh sợ, một thày thuốc chữa về đàm, thời đàm ra rất nhiều mà tinh thần lại kém, sang năm sau phải chứng chợt ngã ra, đàm kéo lên, mắt trông trộm, há miệng, chân tay thẳng ra, tự ra mồ hôi như mưa, về mạch thời sáu bộ khoát đại mà không có thứ tự, tôi cho uống 3 lạng sâm, 2 lạng truật, 1 lạng phụ sắc đặc để cho uống luôn, được vài hôm các chứng nhẹ đi, nhưng vẫn nằm ngay ra mà không biết việc ngoài, tôi vẫn theo phương thuốc trước mà uống thuốc rồi thời để cho uống nước cháo đặc để giữ lấy khí của tỳ-vị.

Được hai hôm mới nói được và biết việc ở ngoài, còn buổi sáng vẫn trông trộm mà tiếng đàm khò khè, khi ấy buổi sáng tôi cho uống thuốc bổ tâm tỳ khí huyết, đến buổi chiều dùng bài *bát-vị* cất làm thuốc thang, hợp thêm với nước sâm mà uống, chỉ sáu bảy ngày mà mọi chứng khỏi cả. Bấy giờ buổi sáng đem bài sinh-mạch-ẩm để uống bài bát-vị-hoàn thêm đỗ-trọng, ngũ-vị, ngưu-tất, lộc-nhung, mà buổi chiều thời uống bài qui-tỳ gia-giảm.

Như thế không đầy một tháng mà bệnh nhân nhẹ

nhàng như trước, thế là không chữa phong, không chữa đàm, không chữa về gân cốt, chỉ chăm chú về nguyên khí mà bệnh nặng gần chết được thuyên dã.

6) **Chứng bán thân bất toại** (nửa người chân tay gầy đi mà không cử động được). Một vị quan Tướng-Quốc họ Lý, vì dẹp giặc trải nhiều phong sương, thành bệnh cánh tay bên trái ngay ra mà đau không với được lên đầu và sau lưng, các thầy thuốc đã dùng thuốc khu phong mà không công hiệu, bệnh nhân đại-tiện ra như viên đạn, 6 bộ mạch đại mà trì hoãn không có thần. thế là khí ở trong hư yếu đã lâu, khí huyết không chu lưu đến chân tay mới thành ra chứng khô nửa người như kể ở trên.

Tôi cho uống bài *bát-vị-hoàn* thêm ngưu-tất, đỗ trọng, mỗi lần uống bốn năm chỉ với nước muối loãng. mà ăn cơm đã lâu thời dùng bài *quy-tỳ* thêm thứ quả mỏng và ngọt, rồi khí huyết sung túc mà mọi chứng khỏi hẳn.

7) **Chứng ung thư ở sau lưng** (hậu bối) : Một ông già họ Tưởng, mạch thời bộ thốn vẫn mạnh mà bộ xích vẫn yếu, vì khó nhọc trong khoảng 9 tháng mà thành chứng lục huyết, khỏi rồi khát lắm uống nước nhiều nhưng coi thường mà không uống thuốc để bồ cho chân thủy, sang mùa hè trên lưng thấy thịt dần mà đau ở bên cạnh xương-sống nhưng không sưng to.

Đó là chân âm kém lắm mà âm hỏa nung nấu trở lên, nếu không dùng thuốc để đẩy nọc độc ra thời sẽ vào tạng phủ. Tôi mới dùng 2 lạng đại-hoàng lá phủ-

Tìm sách

dung và xích-thược đều 1 lạng, bạch-cập, bạch-liễm đều 5 chỉ, cho vào lòng trắng trứng gà mà bôi ở chung quanh cho nhọt gọn lại, mà ở trong thời uống thuốc giúp cho âm thủy và những vị để đẩy độc khí trở ra như : Thục-địa, hoài-sơn, thổ-bối-mẫu, tạo-giác-thích, thiên-trùng, xuyên-sơn-giáp, cam-thảo-tiết, liên-kiều, kim-ngân, v.v... thời nhọt đã sưng lên.

Bấy giờ về buổi sáng vào lúc đói, tôi cho uống bài bát-vị-hoàn năm sáu chỉ, ăn cơm lâu thời uống thuốc bổ khí huyết và đẩy mủ ra như những vị sâm, kỳ, quy, truật, thược, thiên-trùng, xuyên-sơn, bạch-chỉ, kim-ngân, thảo-tiết, mà gián cao thái-ất (tóc đốt ra hòa với dầu thầu-dầu với nhũ-hương một-dược), mà chung quanh vẫn bôi thuốc đã kể ở trên để nhọt khỏi lan rộng ra.

Dùng thuốc như vậy, không đầy một tuần mà nhọt cao lên, bốn chung quanh đã đỏ đỡ đau mà lưng nhẹ, tôi lại gia giảm bài thuốc trước mà thêm vị nhục-quế rồi bệnh nhân khỏi hẳn, như thế là điều hòa khí huyết mà ung độc được khỏi.

8) Chứng đi lỵ trầm trọng : Một người họ Vương phải chứng lỵ đã lâu, dù mùa hè vẫn phải mặc áo dầy và đắp chăn, nếu không thời ở rốn đau lắm, hai chân gọi nóng nhiều muốn quạt, rất là nguy khốn, mạch thời bộ thốn mạnh, bộ quan, bộ xích đều yếu, thế là khí ở trong hư yếu lắm, lại khí không thăng giáng được nên âm dương ngăn cách tự như lỵ mà không phải là lỵ.

Vả lại, đi lỵ lâu thời âm dương đều kém. rốn và ung sợ lạnh thời dương hư, lòng bàn chân nóng là

Tìm sách

âm hư, dương ở trung-châu thời nên ôn bổ mà dương hãm trở xuống, thời cần phải đem lên, rất là khó chữa. Tôi mới dùng thuốc để chữa chứng ở trong lạnh như bài « *Phụ-tử Lý-trung thang* » thêm ngũ-vị, uống hai tháng thời chứng lạnh ở rốn và nóng ở lòng bàn chân đều nhẹ được hai phần ba, tôi liền cho uống bài *quy-tỳ* thêm quế và ngũ-vị mà bỏ mộc-hương sắc lấy nước để uống bài *bát-vị-hoàn* là khỏi hẳn.

9) **Chứng chiêm bao lạ** : Tước vương Uyển-Bình gặp chứng nằm chiêm bao mang đồ nặng nhọc, mà tỉnh ra vẫn thấy mệt, khi ngủ lại chiêm bao như trước, như thế một đêm đến mấy mươi lần, thầy thuốc đã dùng thuốc bổ tâm an thần nhưng không có công hiệu, về mạch thời hồng lắm mà có lực, đó là vì uống thuốc lầm.

Người ngủ thời tâm thần tàng nạp về tạng thận, đó là thủy hỏa gặp nhau âm dương làm xong công việc, tạng tâm ví như người, tạng thận ví như nhà ở, nay âm của tạng tâm không đầy đủ, chỉ có hỏa bốc lên mà không tương giao tới tạng thận, khí của tạng thận đã yếu không đem lên để hợp với âm của tạng tâm, mà thiếu chức vụ bế tàng lại.

Người ta chỉ biết tạng tâm là hỏa, tạng thận là thủy, mà không biết âm ở trong quẻ ly (tạng tâm) mới là chân thủy, dương ở trong quẻ khảm (thận) mới là chân hỏa, thủy hỏa phải tương giao mà ở lẫn vào địa vị của nhau mới được vô bệnh, nay hai tạng đều yếu mà không tương giao, người không biết lại bổ tạng tâm thời vẫn bốc trở lên, không thể để dương gặp được âm mà tinh thần tự lại được. Sách

Tĩnh-Công có nói : « Thần phải dựa vào vật gì mà tinh có thể ngưng tụ được thần », thật là chí lý.

Tôi nghĩ như vậy, mới dùng bài *bát-vị hoàn* thêm ngũ-vị, ngưu-tất và lấy bấc đèn thấp dầu ta với hạt sen sắc lấy nước để uống thuốc thời bệnh nhân được yên.

10) Chứng thất khí (Đánh rắm nhiều) : Một ông già họ Dư gặp chứng có lúc khí ngược trở lên, có lúc khí truy trở xuống, bức bách cả chỗ đi đái và đi cầu, thất khí luôn luôn, đi cầu lỏng phân mà vẫn phải rặn, về mạnh thời tế và xác mà vô lực.

Chứng ấy là khí ở trong hư yếu lắm, dương khí không đạt được ra ngoài mà hãm trở xuống, bệnh nhân trước đã uống bài bổ-trung ích-khí, nhưng không biết càng thăng thời khí càng trệ, hơn nữa lại thêm vị trần bì để tiết mất nguyên khí, đó là không biết lỗi đã vít thời lại phải dùng thuốc để vít lại.

Dương khí nhờ vào hỏa để làm căn bản, nếu căn bản không vững thời khí không sinh ra được.

Vì thế, tôi cho uống bài « *bát-vị-hoàn* » thêm lộc-nhung, ngũ-vị, phá-cố mà uống bằng nước sâm vào lúc đói, lại đem vị hoàng-kỳ (sắc vị phòng-phong với rượu lấy nước để tẩm mà sao), 1 cân, bạch-truật sao 24 lạng, phụ-tử 4 lạng, ba vị ấy sắc bỏ bã đun thành cao, rồi tán 6 lạng nhân sâm cho vào để hoàn lại, sau lúc ăn cơm uống 4 viên, là vì dùng hoàng-kỳ để đem lên, bạch-truật để giữ vững trung-châu, sâm để bổ khí, phụ để hồi dương, 4 vị ấy cũng uống, thời còn lo gì khí hãm trở xuống, uống hết tễ thuốc ấy là bình phục.

Tìm sách

11) **Chứng cảm mạo** : Người rể quan tuần-phủ họ Chu phải chứng cảm mạo, mọi thày thuốc đã phát tán và thanh giải, đến năm sáu mươi thang rồi bệnh nhân không ăn được, nửa người trở xuống lạnh mà đờ ra, rồi ngực và bụng cũng lạnh mà dần lại, khắp người, không b'ết đau ngứa, nói không ra tiếng, mạch thời trầm, vi muốn tuyệt.

Tôi mới cho uống 3 lạng sâm, 3 chỉ phụ-tử, sáng và chiều đều 1 thang như thế, uống rồi dù có phiền táo nhưng một lúc là yên, vài hôm sau thân thể không giá lạnh như trước, tôi mới cho uống bài *phụ-tử lý-trung* sáng chiều đều 1 thang, rồi ăn nước cháo để đè đi, chỉ mấy hôm đỡ lạnh mà thần khí nhẹ nhàng.

Khi ấy buổi sáng tôi vẫn cho uống bài *Lý-trung*, mà đến chiều thời sắc nước sâm để uống bài *bát-vị hoàn*, (bỏ mẫu-đơn, thêm ngưu-tất), được vài hôm thời xương đau khó chịu (đó là dương khí mới hồi), sau tôi cho uống bài bát-vị bỏ mẫu-đơn, trạch-tả, thêm lộc-nhung, đỗ-trọng, ngưu-tất và xương ống chân hổ làm thành thuốc hoàn, sáng và chiều uống với sâm, lại uống xen với bài *thập-toàn*, đến năm sau mới cưỡi được ngựa.

Duy tự đó hàng năm thường phải chứng đau bụng gần chết, phải uống thuốc ôn bổ mới khỏi, hơn nữa mạch bộ xích thường nhỏ, mà tự đó sinh ra con gái nhiều hơn con trai.

Thế mới b'ết thuốc lạnh và mát di họa không phải là ít.

12) **Chứng đi tả về sáng sớm.** Ông Kim-Thiệu phải

chứng đi cầu về sáng sớm, mạch thời 2 bộ thốn hai bộ quan đều nhược (yếu), trầm và vô lực, hai bộ xích lại rất trầm, tôi cho uống bài *bát-vị* bỏ mẫu-đơn trạch-tả thêm phá-cố, ngũ-vị, thỏ-ty làm thành thuốc hoàn, sáng và chiều uống năm chỉ, thời bệnh khỏi, mà nửa năm sau mới sanh được con trai, cho nên sách « Tinh-yếu » có nói : « uống nhiều bài bát-vị thời béo mà khỏe và nhiều con trai. » Tôi đã nghiệm thời lúc thiếu niên mà mạch như đã kể trên, không những có chứng đi cầu ngay buổi sáng mà còn sinh nhiều con gái.

13) Chứng sốt rét. Một người tú-tài phải chứng sốt rét, lúc sốt thời lợm lòng đầy bụng, các thầy thuốc cho là vì đàm, vì ăn mà dùng những vị cay và nóng, nhưng không biết vị tú-tài ấy vốn có chứng lục huyết, nên uống như thế thời ra huyết nhiều quá mà bất tỉnh nhân sự, mồ-hôi lạnh mà đông như cúc áo, bốn chân tay cũng lạnh, mạch tỳ vị sắp tuyệt, tôi mới cho uống hơn một lạng sâm, dù có tỉnh ra nhưng phát *nấc* không ngừng. Tôi mới dùng thuốc ôn bổ, rồi cho uống bài *bát-vị-hoàn* xen với bài *thập-toàn* mà khỏi hẳn.

14) Chứng sốt rét nặng : Một bà già họ Hàn phải chứng sốt rét nặng, nóng dữ dội mà không mồ-hôi, sáu bộ mạch hồng và đại mà hư yếu, là vì mồ-hôi sinh ở âm huyết, tạng thận là chủ cho tâm-dịch, nên 6 bộ mạch chỉ có dương mà không có âm, thời không thể dùng thuốc phát hãn để dương khí lại mất nốt. Tôi mới đổi bài *bát-vị-hoàn* làm thuốc thang, bội thục-địa, thêm ngũ vị, ngưu tất, thế là giúp chân thủy để ra mồ-hôi, thời bệnh nhân ra mồ-hôi ngay mà khỏi. Tôi kế tiếp dùng bài *thập-toàn*

TimSách

bổ khung, thảo thêm táo-nhân ngũ-vị mà thục-địa thay bằng sinh-địa, chỉ uống mấy thang mà tinh thần hơn trước.

15) Chứng lỵ vừa đỏ vừa trắng (xích bạch tương tạp) : Một người già họ Trần, bị chứng xích bạch lỵ mà đi cầu luôn, hai bộ thốn hơi hồng, 2 bộ xích và bộ quan bên trái thời yếu lắm, lưỡi đen, thế là tạng can không vợi đi được mà tạng thận không giữ lại được, chân âm thiếu ở dưới mà nước tân-dịch kiệt ở trên, thủy lấn vào địa vị của hỏa, cho nên lưỡi mọc đen, chứng lỵ rất kỵ vị hoàng-liên, nên tôi cho uống bài *bát-vị* cất làm thuốc thang mà uống hợp với nước sâm thời khỏi.

16) Chứng đi lỵ lâu : Người cháu nhà họ Phùng phải chứng đi cầu đã nửa năm thân thể gầy còm, những thuốc để bổ khí huyết đã uống nhiều mà vô hiệu, thế là vì đi lỵ lâu không khỏi, tạng thận không đủ sức để bế vít, tôi mới cho uống bài *bát-vị-hoàn* và dùng sâm sao với gạo sắc nước để chiên thuốc hoàn, thời không đầy tháng mà khỏi.

17) Chứng phát suyễn : Một đứa trẻ họ Phùng mới 3 tuổi, sắc mặt trắng bóng mà thóp không kín, chợt một đêm trước thở suyễn vừa rồi sau thở mạnh mà thở ra nhiều hút vào ít, hai mắt trợn lên, như vậy phải dùng phương pháp bệnh ở trên thời chữa ở dưới. Tôi mới dùng bài *bát-vị-hoàn* mà sắc nước bài sinh-mạch-ẩm để cho uống, chỉ bốn năm hôm là khỏi, điều bổ như thế trong hai tháng thời thóp kín lại.

Thế mới biết một bài *bát-vị-hoàn* mà uống với nước sâm sao với gạo thời dẫn đến cả tỳ và thận, uống với

Tìm sách

bài sinh-mạch-ẩm thời dẫn đến phế và thận, thuốc để uống với bài bát-vị cũng nên phân biệt.

18) **Bệnh đàm** : Một người họ Hồ đã 60 tuổi, 6 bộ mạch thời hồng mà có lực, tựa như không phải là chân dương hư yếu, một hôm vào mùa hè, ra mồ-hôi sợ gió, ăn uống vẫn được mà tinh thần lại mệt, nhiều đàm, mũi tắc ,quá nửa ngày lẫn lộn không biết gì, thế là âm hư không liễm vít được dương, đến nỗi dương bốc lên âm tán đi không phân ra thanh trọc, hỏa tiêu thức ăn mà sinh đàm không sinh huyết, tôi mới cho uống bài *lục-vị* cắt làm thuốc thang cho thêm chút muối và thêm vị trần-bì, mạch-môn, ngũ-vị, chỉ uống ba thang mà hết đàm, người già ấy tạ ơn bằng những chữ « Bệnh nặng mười tháng ba chén được hồi xuân ».

19) **Chứng đi đái rắt ra huyết.** Người họ Lý đã 60 tuổi, phải chứng đái rắt đã 2 năm, có lúc đi luôn dễ đi mà phải vội vàng, có lúc một giọt cũng không đi được mà bụng dưới đau như cắt ra, nước đái thời như mỡ hay ra huyết tim, bệnh nhân có lúc muốn chết. Một người thầy thuốc lập ra hai phương thuốc sẵn, lúc đi đái dễ thời uống thuốc vít lại, lúc đi đái khó thời uống thuốc cho dễ đi. Tôi xét mạch thời 2 bộ thốn hồng và đại, các bộ khác đều vô lực mà mạch tạng can tạng thận tệ hơn, thế là tạng can để vợi đi tạng thận để vít lại, đều không giữ được chức vụ. Nếu cho uống thuốc để dễ đi thời người lại hại thêm, mà cho uống thuốc để vít lại thời lại thêm trệ, tôi mới cho uống bài *bát-vị* đổi thuốc hoàn làm thuốc thang, thêm mạch-môn, thăng-ma, hồng-hoa và uống thêm nước sâm cho thanh khí đem lên

mà trọc khí giáng xuống, ứ huyết tản đi, thời bệnh nhân đỡ dần. Sau tôi cho sắc bài *sinh-mạch-ẩm* để uống bài *bát-vị-hoàn* mà quá trưa thời uống bài *quy-tỳ* gia giảm, thời bệnh nhân khỏi hẳn.

20) Chứng có thai mà đau bụng đi cầu buổi sáng trên nóng dưới lạnh. Một người đàn bà có thai, mạch thời bộ thốn mạch, bộ xích yếu, đau bụng đi cầu lỏng phân về buổi sáng, lại thêm hư hỏa bốc lên mà miệng ráo phiền táo, ăn uống khó tiêu, lưng mỏi, đùi yếu, trên nóng dưới lạnh, tôi cho uống *bát-vị-hoàn* mà mẹ con đều được yên.

Thế là những vị thuốc phạm đến thai mà lại không phạm nếu ta chấp nệ quế và phụ có thể truỵ thai mà dùng những vị thuốc lạnh là lầm. Hai bài thuốc lục-vị, bát-vị với người có thai dùng để bổ âm bổ dương thời bộ sách « Y-Quán » đã cặn kẽ nói rồi, hơn nữa thuốc hoàn nghĩa là trì hoãn, hàng ngày uống thuốc hoàn thời tạng thủ quen đi, lại thêm thục-địa, sơn-thù thời quế và phụ chỉ bổ dưỡng mà không hại đến thai. Người có thai mà mạch hồng-đại và có lực, huyết nhiệt dạ-dày lạnh thời mới nên dùng những vị sa-nhân, ích-mẫu, hoàng-cầm và phải kiêng quế, phụ, các bệnh đều như thế mà không riêng gì người có thai.

Vì rằng những thuốc rất lạnh, rất nóng, rất bổ, rất công phạt, mà dùng đúng chỗ thời đều cứu được người. Nếu những chứng giả-nhiệt, giả-thực mà uống lầm thuốc hàn lương thời chết người như bỡn, còn những chứng giả hàn giả-hư mà uống lầm thuốc ôn bổ thời chỉ tăng bệnh mà thôi. Cho nên sách cổ đã nói : « Đem phương

Tìm sách

pháp chữa người yếu để chữa cho người khoẻ thời còn có thể được, trái lại, đem phương pháp chữa cho người khoẻ để chữa cho người yếu thời không khi nào được ».

21) Chứng có thai : Một người có thai phải chứng thổ huyết mà sốt về đêm, tự khi có thai vẫn uống bài bát-vị thêm ngũ-vị ngưu-tất, đến khi sắp đẻ thai thủy đã vỡ mà mấy hôm không sinh được, 6 bộ mạch huyền và hồng mà lại kiên, thế là chân âm khô kiệt không lưu thông được, tôi cho uống thuốc bổ khí huyết và thôi sinh thời mạch vẫn như trước, thế là âm dương kém quá, thuốc khí huyết không thể giúp sức được. Tôi mới đun 3 lạng thục, sắc đặc cho uống 3 lần, mạch mới hồng và hoãn và mềm nhuyễn, nhưng mấy hôm thai trong bụng không thấy chuyển động, ngờ là thai đã chết, tôi lại đem 5 chỉ nhân sâm sắc đặc mài với hơn 1 đồng cân quế cho uống, thời đau bụng mà thai quay đầu xuống, uống ba bốn thang như thế thời sanh được, những đứa trẻ khỏe mà không chuyển động, mọi người để vào chỗ có ánh sáng thời đứa trẻ sống được, thế mới biết thủy hỏa là gốc để sinh ra người, mà có thể sắp chết lại sống lại.

22) Cầu-tự : Một người muộn có con, mạch thời bộ xích bên phải ấn mạnh tay mà vẫn vô lực, thế là chân dương kém, bộ xích bên trái không trầm cũng không thạch (nặn. xương như đá), thế là chân thủy cũng kém,. tôi mới dùng bài bát-vị-hoàn mà sắc thục lấy nước đun thành cao để viên thuốc, nhưng lại xét rằng, nếu huyết kém thời không sinh được tinh, mà tạng tâm chủ về huyết, (người không có con là bởi tạng tâm, người bạc tóc là bởi tạng thận) nên việc cầu tự không những phải bổ tạng thận mà còn phải bổ tạng tâm.

TìmSách

Một lẽ nữa, tạng tâm thuộc về hành hỏa, mà tám quẻ trong kinh Dịch, quẻ ly vạch trên và vạch dưới đều liền nhau mà vạch ở giữa đứt làm đôi, thế là trong hỏa có thủy ; Tạng thận thuộc về hành thủy mà tám quẻ trong kinh Dịch thời thuộc quẻ khảm, quẻ khảm vạch trên và vạch dưới đều đứt làm đôi mà vạch ở giữa liền lại, thế là trong thủy có hỏa, âm dương tức là thủy hỏa sử dụng lẫn nhau mà tạng tâm tạng thận làm căn bản lẫn cho nhau, như thế mới hợp vào đường lối quẻ ký-tế ở trong kinh dịch.

Vì lẽ đó, mà tôi còn làm thuốc cao hoàn như sau đây để cho bệnh nhân uống.

Hoàng-kỳ 4 lạng, đương-quy 3 lạng, táo-nhân 3 lạng, thục-địa 6 lạng, bạch-truật 4 lạng, viễn-chí 2 lạng, mạch môn 3 lạng, bạch-thược 2 lạng, đỗ-trọng 3 lạng, tục-đoạn 3 lạng, ngưu-tất 3 lạng.

Trước hết lấy 3 cân hạt sen bỏ lõi và màng ở ngoài rồi sắc lấy nước bỏ bã, xong đem những vị thuốc kể trên cho vào nước ấy đun thành cao rồi cho vào những vị thuốc đã tán bột kể sau đây.

Nhân-sâm 5 lạng, phục-linh, phục-thần đều 3 lạng, tán bột hòa với cao để làm thuốc viên, mỗi viên nặng 4 chỉ, lúc đi ngủ uống 1 viên với nước lã đun sôi, uống xen với bài *bát vị*, như thế thời bệnh nhân được khỏi mà sau sinh con trai.

23) Cầu-tự : Một người già họ Hồ muộn có con trai, mạch thấy thuần dương, nên tôi cho uống bài *lục-vị-hoàn*

Tìm sách

thêm mạch-môn, ngũ-vị, được mấy tháng người vợ có tha nhưng phải chứng lạt miệng quá mà trong bụng buồi bực, mạch thời 2 bộ thốn và bộ quan bên phải rất hồng bộ xích bên trái có thần, thế là tinh hoa giúp cả cho thai, nên mới thành chứng kể trên, tôi cho uống phương thuốc để nuôi chân âm.

Được 5 tháng thai dù lớn lên, nhưng sờ lại thấy mềm, thai ấy lúc sang bên phải, lúc sang bên trái, chỗ rốn máy luôn mà bụng như không thấy gì, thày thuốc cho là quỷ thai, muốn dùng thuốc cho thai ra nhưng tôi hết sức ngăn, đến tháng không đau bụng mà muốn sanh, người chồng cho là khó sống được, nhưng không biết người sanh mà không đau bụng là lẽ thường, rồi sau người vợ sanh được con trai. Ông già Họ Hồ quỳ xuống tạ ơn tôi mà thưa rằng : « Tôi được nhờ tiên-sinh mà khỏi bệnh trầm trọng, vợ tôi lại nhờ tiên-sinh mà sanh được con trai ».

24) Chứng thạch-thư (Nhọt rắn như đá). Người già họ Triệu đã 70 tuổi, má bên trái sưng mà rắn, xuống đến cổ sau tai, một phiến rắn ấy không nóng không đỏ, khoảng hơn hai tháng đã uống nhiều thuốc giải độc mà không có công hiệu, rồi trong miệng khạc ra mủ, răng cắn lại không muốn há ra, ăn ít, tinh thần kém, mạch thời hồng và đại mà không hư, thế là tinh huyết kém lắm, âm hàn tụ lại mà sách gọi là chứng « thạch-thư ».

Chứng ấy nếu không uống thuốc cho ấm lên thời không giải đi được, rồi thủng mà xuyên đến cổ-họng mà chết. Sách cổ có nói : « chứng ấy ở người già mà khí huyết đã suy thời không chữa được ».

Tìm sách

Tôi dùng quế tán bột hoà với mỡ lợn và nghiền thêm hành củ để đắp dầy vào chỗ có ung thư, ở trong dùng bài sinh-mạch-ẩm để uống *bát-vị-hoàn*, ăn cơm đã lâu, thời sắc những vị sâm, kỳ, qui, truật, thược, linh, quế gai-bồ-kết, kim ngân-hoa sắc lấy nước để uống, chỉ trong 5 hôm thời nhọt ấy nóng lên mà mềm ra, sưng cao lên và đã đỡ đau, bệnh nhân ăn được dễ chịu không đầy 2 tuần mà khỏi.

Thế mới biết các chứng bệnh đều bởi khí huyết thấy hỏa, mà chứng ung nhọt cũng phải nhờ khí huyết thấy hỏa mới có thể tiêu hay vỡ đi được.

25) Chứng cảm hàn : Người Họ Đỗ mới 19 tuổi, gặp mùa mưa đá bị cảm mà nóng lạnh, dưới hai tai sưng mà đau, hai chân hơi nề, tiếng nói không đủ sức. Các thầy thuốc dùng những vị để thanh giải thời ăn vào là nôn, mạch thời hồng và huyền mà bộ xích thời yếu, có lúc huyền và tế mà bộ xích lại khẩn, đó là vì uống lầm thuốc.

Tôi xét mùa hè cảm hàn thời chân khí đã hư yếu, huống chi bệnh nhân là nhà phú quý, vì ăn quá cao-lương mà thân thể mềm yếu, nay cần phải uống thuốc để ôn trung, sách cổ có nói : « Bệnh hàn thời phải ôn », nếu dùng thuốc phát tán và thanh giải thời khí lực ở trong càng yếu, vì hàn uất mà hỏa bốc lên cho nên dưới tai sưng đau, vì cho là hỏa mà thanh đi mới thành ra chứng thổ.

Sách cổ có nói : « Âm kinh cảm hàn thì thật là âm chứng, phải dùng ngay thuốc ôn », lại nói : « Nội thương

Tìm sách

nhiều, ngoại cảm ít, chỉ nên dùng thuốc ôn mới đầy được hàn tà trở ra ».

Với bệnh ấy, nếu dùng thuốc tán hàn thời không có hàn để tán đi, dùng thuốc để ôn tỳ vị thời tại má đương sưng, dùng thuốc thêm chân âm thời trung châu ngăn cách. Vậy chỉ nên bổ mạnh chân-dương rồi sau giúp chân âm, nên tôi dùng bài *bát-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất hợp với nước sâm cho uống, nhưng uống rồi lại thở, tôi mới dùng nhân-sâm, bào-khương, phụ-tử tán bột ra lấy bạch truật nấu thành cao và nước gừng sống để viên lại mà cho uống bằng nước sâm từng viên nhỏ. Uống vài lần thời không thổ nhưng đau bụng mà đi cầu, tôi cho như thế là khí đã đem trở xuống, mới đổi bát-bị-hoàn làm thuốc thang cũng hợp với nước sâm cho uống, thời chỉ thổ mà đỡ đau bụng, sau vài hôm ăn được cháo loãng, tôi đem bài *Sinh-mạch-ẩm* để uống *bát-vị-hoàn*, khi ăn cơm lâu thời uống bài bát-vị bỏ phụ, thêm mạch-môn, ngưu-tất, ngũ-vị mà sắc làm thuốc thang, cũng hợp với nước sâm mà uống, chỉ 1 tuần là ăn được cơm, rồi sau cho uống bài *địa-hoàn* xen với bài *quy-tỳ* trong nửa tháng mà người khoẻ.

26) Chứng nội-thương : Đứa trẻ họ Bành 3 tuổi, mới sốt mà thần khí đã kém, mạch không có lực, sắc mặt trắng bóng mà hai má hơi đỏ, người sốt mà sờ tay lâu lại thấy ôn, hơi có mồ-hôi, thế là lúc bẩm sinh bạc nhược, ngoại cảm nhẹ mà nội thương nặng, phải bổ khí lực mới tán được tà, vì nhà có bệnh không theo ý tôi lại cho uống nước hành cả mà lấy chăn đắp lại, quả nhiên mồ-hôi ra nhiều không ngừng, chân tay không co

Tìm sách

vào được, mặt xanh, mắt nhắm, nghiến răng không bú. Nhà ấy lại đến tìm tôi, tôi bảo rằng : « Bệnh phải ôn bổ mà lại cho ra mồ-hôi là vong dương, vì thế chân tay ngay ra mà bất tỉnh nhân sự, mồ-hôi tứa là huyết, phát hãn nhiều thời huyết kiệt đi mà vong âm, nên nghiến răng là tạng thận sắp bại, vậy phải bổ ngay dương khí ở trong thận thủy ».

Tôi bảo như vậy rồi cho uống bài bát-vị bỏ phụ-tử, thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, cắt làm thuốc thang mà thêm nước sâm cho uống, thời thấy ngay công hiệu.

Như thế là chứng nội thương nhiều mà cho là ngoại cảm, uống nước hành mà đắp kín còn hại đến như vậy, huống chi là thuốc hàn-lương hay công-phạt.

27) Chứng tiểu-tiện bế : Cháu gái của ông già họ Vương mới 13 tuổi, người mẹ sợ đái giầm, hàng đêm bắt đi đái 7, 8 lần như thể người đái rắt. Sau gặp mùa hè, thành ra bệnh không đi đái được, ông ngoại cho uống bài đạo-xích, lúc trước có hiệu nhưng sau vít hẳn lại, về mạch thời 6 bộ hồng và xác, ấn tay lâu không có thần, tôi cho là trước kia đứa trẻ nằm ngủ vẫn kinh sợ vì phải đứng dậy đi đái luôn, thời háo chân âm, mới cho uống bài bát-vị đổi làm thuốc thang, bội thục, thêm mạch-môn, ngũ-vị, uống 2 chén thời đỡ rồi uống thêm mấy thang nữa là khỏi.

Vì không biết chăm nuôi, nên đến giữa mùa hè chứng cũ lại phát ra, tôi cho rằng trước kia là đầu mùa hè khí trời chưa oi

mấy, mà đứa trẻ bị bệnh thần khí chưa suy, thời dùng phương thuốc trước là đủ, nay là giữa mùa hè lại thêm bệnh nhân ngày đêm đau bụng đầy và buồn không ăn không ngủ, mồ-hôi nhiều mà kinh sợ, khí lực mệt quá, nếu chỉ giúp chân thủy mà không bổ khí để vận hành thời không thể được.

Hơn nữa, hiện nay 6 bộ mạch lại thấy hồng đại và không-hư, là ở trong khô lắm, thời những thuốc để bổ thủy cũng không thể thiếu được.

Tôi nghĩ như vậy rồi cho uống 2 thang như lần trước, quả nhiên bụng trên bụng dưới đầy buồn thêm lên, tôi mới dùng 1 lạng sâm, 3 chỉ phụ-tử sắc đặc cho uống ấm, một chốc từ ngực đến bụng dưới có tiếng sôi, rồi tiểu-tiện đi luôn mấy lần là khỏi hết.

28) Chứng đái rắt : Một người thiếu niên đã lao tâm lại sắc dục quá độ, rồi thành chứng đi đái rắt mà rỉ ra, bụng dưới vừa đầy vừa đau, mạch thời 2 bộ thốn trầm vi bộ quan bên trái yếu lắm, bộ quan bên phải hơi hoạt và sắc, hai bộ xích thời huyền, thế là khí của tạng tâm, tạng phế không đầy đủ mà hãm xuống tạng can, tạng thận, khí của tạng thận cũng không đầy đủ, một bên không vợi đi được, một bên không giữ lại được, khí ở trong đã yếu thời khí trong sạch không thăng lên, mà trung-châu nất trệ nung nấu thành ra thấp nhiệt, thấm vào bàng-quang mới thành ra đái rắt, đại-tiện và tiểu-tiện đau dắt dây như người có chứng chưng-hà.

Vì thế, buổi sáng tôi cho uống bài *bát-vị thang* hợp với bài *nhị-diện*, là những vị : Thục-địa, sơn thù, mẫu-đơn, trạch-

Tìm sách

tả, hoài-sơn, phụ-tử, phục-linh, hoàng-bá và bắc thập đèn dầu ta với 20 hạt sen.

Giữa trưa, sau lúc ăn cơm, cho uống bài *bổ-trung-ích-khí* bỏ trần-bì, sài-hồ, thêm hoàng-cầm, phòng-phong, sở dĩ tôi bỏ vị trần-bì là sợ hại đến khí, bỏ vị sài-hồ là sợ phạt mất khí của tạng can, thêm vị phòng-phong để giúp sức cho vị thăng-ma, sau khi uống nước thuốc cuối cùng của bài bổ-trung, tôi bảo móc vào họng cho nôn ra, là để khiếu ở trên đã thông thời khiếu ở dưới cũng thông, quả nhiên công hiệu thấy ngay.

29) Chứng khô nửa người : Một ông già họ Vũ, vì bận về công việc mà tâm thần suy yếu, phải chứng khô nửa người, cánh tay phù nề vừa tê lần mần, vừa đau, hai chân khó đi, tôi cho là tỳ vị hư yếu không vận hóa được nên tân-dịch ngưng lại mà thành đàm, âm của tạng thận háo thời không tiêu đi được, âm của tạng tỳ yếu nên cánh tay nề, ống chân mỏi, mà vừa tê vừa đau thời không tản đi được, long-hỏa bốc trở lên mà hỏa không sinh được tỳ thổ nên tỳ vị đều yếu, thời không uống được thuốc mát hay lạnh.

Thế mà thầy thuốc cho là đàm, là hỏa, là phong, mà dùng thuốc phát hãn, công phạt. Người già uống thuốc lầm quá nhiều, chợt một hôm hôn mê không biết gì, đàm suyễn mà ra mồ-hôi nhiều, 6 bộ mạch trầm và vi, tôi mới dùng 6 lạng nhân-sâm, 4 lạng bạch-truật sao vàng, 1 củ phụ tử sống gọt vỏ tẩm nước gừng sao, sắc uống mới được một bát thời mồ hôi đỡ đi xem đã có mạch mà khỏi suyễn, tôi mới dùng bài *bát-vị*, thêm ngũ-vị, ngưu-

Tìm sách

tất, sắc làm thuốc thang, uống xen với bài quy-tỳ bỏ mộc-hương thêm quế và ngũ-vị, lại hàng ngày buổi sáng uống bài *thập-bổ-hoàn* thời không những khỏi bệnh, mà đi lại mạnh hơn trước và sinh được con trai.

30) Chứng sán-thống : Một người họ Vương phải chứng sán-thống rất nặng, mạch thời 3 bộ bên trái huyền và hồng mà xác, thế là chân âm không đủ, bộ quan, bộ xích bên phải hồng và đại mà ấn mạnh tay có lực, thế vì cao lương nhiều và phòng lao quá độ, để chân thủy kém mà thấp nhiệt đi trở xuống, can mộc không có gì nuôi dưỡng, thời gân không được mềm mại, thấp nhiệt hại ở trong, âm hàn ắt ở ngoài, mới khích động hỏa của can-mộc, nên thành ra chứng đàm, chứng đầy-chướng mà thành bệnh sán-thống không chịu được.

Tôi mới cho uống bài lục vị thêm 3 chỉ quất-hạch, 1 chỉ rưỡi phụ-tử, 1 chỉ 2 phân hoàng-bá sao thật vàng, rồi hàn ở ngoài tản đi, nóng ở trong đỡ hẳn, thủy mạnh mà hỏa dẹp đi, chứng sán-thống được khỏi hẳn.

31) Chứng đau xương : Một người tên là Chương, chợt phải chứng xương cốt ở chân tay bên trái đau nhức như thể lấy dao cắt, rồi sưng cả chân tay bên phải, thầy thuốc đã dùng thuốc để trừ phong và thông hoạt cho kinh-lạc mà không được công hiệu, bệnh nhân lại thêm ráo miệng khô cổ thần khí mỏi mệt, sáu bộ mạch hồng và huyền, thầy thuốc đã dùng thuốc để mát chân hỏa mà vô hiệu.

Tôi cho là nếu có khí huyết để nuôi dưỡng và hộ vệ, thời dù có tà khí cũng không cảm vào được, nay huyết

Tìm sách

kém thời hỏa bốc lên, hỏa bốc lên thời thành đau, lâu ngày phải tê và ngay ra, phép chữa chỉ dùng qui, thục, thược, kim-ngân, tần-giao, ngưu-tất, đỗ-trọng, tục-đoạn và quế-chi, tùng-tiết, bệnh nhân uống như thế thời đỡ đau nhưng người mệt, tôi mới thêm sâm, truật để giữ lấy nguyên khí, như thế chỉ nửa tháng mà mọi chứng khỏi hẳn, tôi mới bảo buổi sáng lấy nước bài sinh-mạch-ẩm để uống bài bát-vị-hoàn thêm ngưu tất, ngũ-vị, đỗ-trọng, cao ban-long, mà giữa trưa vẫn uống như bài trước, chỉ hai tháng là đi lại như thường.

Thế mới biết khí huyết có hỏa thời trăm bộ phận được nhẹ nhàng, mà đều mà nhờ dương khí để vận hóa, vì thế mà người cảm hàn, trúng hàn, bệnh đã nhập lý là trong lý không có hỏa, nếu không ôn bổ ngay thời sẽ bị âm hàn làm tắt đi.

Các thầy thuốc gặp bệnh phong hàn, thời cho là chứng dư ra, lúc trước thời phát tán, rồi sau đến thanh giải, sau nữa đến hàn lương, mà không xét đến hư hay thực, thật hay giả, thế là không biết lẽ chữa chứng phong phải dưỡng chân huyết, và lẽ chữa chứng phong đừng dùng thuốc ráo như sách cổ đã nói.

32) Chứng sang lỗ : Cháu của tiên-sư họ Phùng, vì bà mẹ lúc có thai phải chứng âm hư phát sốt, nên mới sinh được hơn ba tháng mà đứa bé khắp mình nhọt lở, khóc không ngơi mồm, tiên-sư cho uống sinh-địa, đương-quy, mẫu-đơn, xích-thược, tỳ-giải, thủ-ô, thổ-phục-linh, mộc-thông, ngân-hoa, liên-kiều, thảo-tiết, thổ-bối-mẫu, miết-giáp, hồ-ma-tử, v.v...

Tìm sách

Uống hơn 10 thang thời thấp nhiệt trở xuống, 2 chân chảy nước vàng, móng chân rụng ra, đàng sau tai lại mọc một cái nhọc, tiên-sư cho uống bài *bát-vị-thang* thêm ngưu-tất ngũ-vị, được mấy tháng thời nhọt vỡ mà khỏi, nhưng còn mụn nhọt nào thời khô lại. Tiên-sư sợ là nọc chạy vào trong, mới đun 4 lạng thịt dê sắc lấy nước rồi cho vào nước ấy, 1 lạng hoàng-kỳ sống, qui-thân, kim ngân đều 3 chỉ, thăng-ma 1 chỉ, thêm gừng và táo sắc uống liên tiếp đến 10 thang là khỏi. Thế mới biết khí huyết đã kém thời biến ra mọi chứng không thể kể hết được, nên bệnh trạng có khác nhau mà không ra ngoài âm dương khí huyết hư thực, dù các chứng nhọt lở, các chứng nề-chướng ở lục-phủ hay ở ngũ-tạng, cũng bởi âm dương khí huyết ngưng trệ mà thành ra, khí huyết có đủ thời đỏ mà sưng cao lên, gọi là dương-độc, khí huyết không đủ thời phẳng mà trắng và rắn lại, gọi là âm-độc.

Vì thế, chứng sưng to hay sang độc to mà mọc ra bởi xương-tỷ kinh-lạc, thời phải tìm căn bệnh ở thủy hỏa về tiên-thiên, còn những chứng mụn nhọt nhỏ thời phải tìm căn bệnh ở khí huyết về hậu-thiên, cớ sao thầy thuốc gặp chứng sưng và sang độc, đều cho là chứng thực mà dùng thuốc hàn-lương thanh giải, thời khí huyết lại hại thêm mà nọc độc sẽ chạy vào trong.

33) Chứng thổ đàm : Một người tráng niên vì khi làm quan không được vừa ý mà uất ức thành đàm, tức như Nội-kinh đã nói : « người trước qui sau hèn gọi là chứng « thoát-doanh ». Chứng ấy khí huyết tiêu dần, tinh thần không mở mang được, sáu bộ mạch huyền và tế mà

TìmSách

sắc hay là thêm xác, ăn uống vào dạ-dày thời hóa ra đàm phải thổ hết ra mới nằm yên được, tân-dịch ráo ở trong, cơ-thể gầy dần, sợ rét, biếng ăn, khí kém đi mà huyết không vận hành được ở kinh-lạc, quang thuận được ở bì-phu, khí kém ở ngoài nhiều thời sợ rét, khí ở trung-châu yếu thời tạng tỳ không vận hóa được mà kém ăn.

Tân-dịch đã ngưng lại mà thành đàm, đàm càng nhiều thời tân-dịch càng kiệt, tôi mới cho uống nhân sâm, đương-quy, bạch-truật, mạch-môn, ngũ-vị, trích-thảo, quế-chi, ma-hoàng, bạch-thược và gừng sống, đại-táo sắc uống, chỉ hai chén là mạch đã có thần mà đàm nhẹ.

Tôi cho uống tiếp bài *thập-bổ-hoàn* vào lúc đói để bổ thận, mà buổi trưa uống bài *quy-tỳ* hay bài *dưỡng-vinh* gia giảm, để điều bổ tâm tỳ khí huyết mà bệnh ấy được khỏi hẳn.

(Những bệnh bởi trước giàu mà sau nghèo mà sinh ra thời gọi là bệnh « thất-tinh » khác với bệnh kể ở trên).

Tìm sách

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập KHÔN-HÓA THÁI-CHẨN

TìmSách

TìmSách

Tiểu-dẫn của tác giả

Kinh Dịch có nói: « Hay lắm thay! Đạo « nguyên » của quẻ « khôn », vạn vật nhờ đó mà sinh dục », trong thân người, tỳ vị là hành Thổ, có đức nhu nhu như quẻ « khôn », cho nên bài Hóa-nguyên-luận có câu: « Tạng-tỳ là gốc sinh hóa cho Hậu-thiên », là nguồn của trăm mạch, là nơi chứa thức ăn uống. Ngũ tạng lục phủ đều nhờ đến tạng-tỳ ». Cổ-thư có câu: « Tỳ vị bại thời tinh hại mà dương (sinh lý của đàn ông với đàn bà) suy, tỳ-vị mạnh thời tạng thận đầy đủ mà sinh khí vượng ». Lại có câu: « Tỳ vị là gốc cho khí huyết cùng với tạng thận là gốc cho thủy hỏa, đều là căn bản của thân người », còn có câu nói: « Bỏ tạng thận không bằng bỏ tạng tỳ », là lấy cớ bệnh nhân mạch có vị-khí thời sống, mà không có vị-khí thời chết.

Ta hãy xem bệnh không ăn được, lấy nước cháo hoà thuốc vào thời có sinh cơ mà sức quế, phụ cũng không bằng. Vì thế, đem khí huyết hữu hình mà so với thủy hỏa vô hình, thời thiếu một bên không được.

Vì lẽ kể trên, nên tôi đã soạn tập *Huyền-Tẫn Phát-Vi* để nói về Tiên-thiên thủy hỏa, nay lại soạn tập *Khôn-Hóa Thái-Chân* này, để nói về Hậu-thiên khí huyết, cho người xem biết xu hướng mà chọn lấy chân cơ trong y-lý.

Tìm sách

TẬP KHÔN-HÓA THÁI-CHÂN

GỒM 37 MỤC :

1 – Nói về địa vị « bát quái » của vua Văn-Vương về Hậu-Thiên

2 – Nói về Hậu-Thiên trong thân người.

3 – Bàn về Hậu-Thiên.

4 – Bàn về khí-huyết.

5 – Âm-huyết về Hậu-Thiên, thực hay hư, mạch, hình, và chứng cùng phép chữa.

6 – Dương-khí của Hậu-Thiên, thực hay hư, mạch, hình, và chứng cùng phép chữa.

7 – Phép chữa bệnh về tỳ vị của Hậu-Thiên.

8 – Bài Bổ Trung ích khí.

9 – Công hiệu của bài Bổ-Trung.

10 – Ý nghĩa của bài Bổ-Trung.

11 – Bài Bổ-Trung gia giảm.

12 – Những bệnh gì nên dùng bài Bổ-Trung.

13 – Những bệnh gì nên cấm dùng bài Bổ-Trung.

14 – Những bài thuốc do bài Bổ-Trung biến ra.

15 – Bài Tứ-Quân-Tử.

16 – Ý-nghĩa bài Tứ-Quân-Tử.

17 – Bài Tứ-Quân-Tử gia giảm.

18 – Những bài gì do bài Tứ-Quân biến ra.

TìmSách

19— Những bệnh gì cấm dùng bài Tứ-Quân.
20— Bài Tứ-Vật.
21— Ý nghĩa của bài Tứ-Vật.
22— Bài Tứ-Vật gia giảm.
23— Những bài gì do bài Tứ-Vật biến ra ?
24— Bài Bát-Trân.
25— Ý nghĩa bài Bát-Trân.
26— Bài Bát Trân gia-giảm.
27— Bài Thập-Toàn đại-bổ.
28— Ý-nghĩa bài Thập-Toàn.
29— Sáu bài thuốc do bài Thập-Toàn biến ra ?
30— Bài Quy-Tỳ.
31— Ý-nghĩa của bài Quy-Tỳ.
32— Bài Quy-Tỳ gia giảm.
33— Bài Toan-Tảo nhân-thang.
34— Bài Nhân-Sâm Dưỡng-Vinh.
35— Ý-nghĩa của bài Dưỡng-Vinh và phép gia-giảm.
36— Bài Dưỡng-Vinh Quy-Tỳ thang.
37— Bài Thập-Toàn bổ chính thang.

TìmSách

TìmSách

Khôn-Hóa Thái-Chân

I.— BẢN ĐỒ BÁT-QUÁI HẬU-THIÊN CỦA VĂN-VƯƠNG

Tốn tứ	Ly cửu	Khôn nhị
Chấn tam	Trung ngũ	Đoài thất
Cấn bát	Khảm nhất	Kiền lục

Trên đây là bản đồ Lạc-Thư về Hậu-Thiên của Văn-Vương, tính từ trên xuống, mà tính từ bên trái sang bên phải, và tính chéo đi chéo lại cũng đều là số 15, mà ứng theo vạch của lưng Rùa. Kinh-dịch có nói : « Trời là một vạch sinh ra Thủy, Đất hai vạch thành ra Thủy, vì thế : ở địa vị quẻ về Tiên-Thiên, thời quẻ « Kiền » số 1, để ứng với Thiên nhất sinh Thủy, mà quẻ « Khôn » thời số 8 ; ở địa vị quẻ về Hậu-thiên, thời quẻ « Khôn » số 2, để ứng với Địa nhị thành chi, mà quẻ « Kiền » thời số 6.

Có người hỏi bản đồ Tiên-Thiên và Hậu-Thiên ở kinh Dịch, thời quẻ Kiền ở phương Nam, quẻ Khôn ở phương Bắc, quẻ Ly ở phương Đông, quẻ Khảm ở phương Tây (đây là bản đồ tương xung đối đãi). Nhưng địa vị Bát-

TìmSách

Quái này, với đạo làm thuốc không hợp nhau, mà nhà làm thuốc cứ nói đến Tiên-Thiên, Hậu-Thiên, là cớ làm sao ?

Họ triệu trả lời : Nhà làm thuốc gọi là Tiên-Thiên là trỏ về một điểm Thủy Hỏa vô hình, mà Hậu-Thiên là trỏ về thực thể Hữu-hình, từ tạng phủ đến huyết-mạch cơ-nhục, bì-phu, cùng nước mật và tân-dịch.

Có người ngờ rằng : Đã gọi là Tiên-thiên thời là trời còn chưa sinh, sao lại có quẻ Kiền-phương Nam, quẻ Khôn phương Bắc, tám quẻ đối nhau ?

Tôi xin trả lời : hình đồ của Phục-Hy lại đặt ra, chẳng phải là của Tiên-Thiên hay sao ? Theo hình-đồ Bát Quái thì trời ở trên, đất ở dưới, mặt trời ở phương Đông, nước nguồn ở phương Tây, gió mưa ở trên trời, núi sông ở dưới đất, người và muôn vật ở giữa. Ta thấy ông Thiệu-Tử bày hàng như thế, có số Bát-Quái của Tiên-Thiên, còn người bây giờ thường dùng thời chỉ là đồ Hậu-Thiên của Văn-Vương ; ra ở quẻ « Chấn », bằng nhau ở quẻ « Tốn », thấy nhau ở quẻ « Ly », làm việc ở quẻ « Khôn », nói vui ở quẻ « Đoài », đánh nhau ở quẻ « Kiền », khó nhọc ở quẻ « Khảm », thành ở quẻ « Cấn ». Nhà làm thuốc căn cứ vào đó để phân âm dương và quyết sống chết, suy đến Thiên-văn, Địa-lý, Chiêm-tinh, xem tướng, làm thuốc, xem bói,... Không việc gì chẳng lấy đồ-hình của Văn-Vương để làm phép.

Còn như Tiên-Thiên là vô hình, vi như quân-chủ, tôi xét hình-đồ đối nhau, thời quẻ « Kiền » ở chính Nam, khi đã biến sang quẻ « Ly », quẻ « Khảm » ở chính Bắc, khi đã biến ra quẻ « Khảm », quẻ « Ly » lui về phương Đông, là một hào âm biến một hào dương đi, quẻ « Khảm »

Tìm sách

lui về phương Tây, là một hào dương biến một hào âm đi, thế là chỉ lý âm đổi dương, dương đổi âm. Nhà làm thuốc có nói : « Đạo Dương đầy đủ ví như một hào ở trong quẻ « Kiền », cho nên bổ chóng, đạo âm hư không. ví như một hào ở trong quẻ phân đôi, cho nên bổ chậm,

2.— NÓI VỀ HẬU-THIÊN LÀ TỲ VÀ VỊ Ở TRONG THÂN NGƯỜI

Dạ-dầy lớn 1 thước 5 tấc, bề ngang 5 tấc, dài 1 thước 6 tấc, dạ-dầy nằm ngay và cong, đựng được thức ăn uống 3 đấu 5 thang, thức ăn uống của dạ-dầy vận sang tạng tỳ, rồi lên tạng phế mà ra khắp các mạch.

Hình tạng tỳ như con dao cong, với dạ-dày cùng một « hoành-cách-mô », làm nhừ thức ăn uống ở dạ-dầy, dạ-dày nặng 1 cân 3 lạng, bề ngang 3 tấc dài 5 tấc (Thước tấc nói trên theo nước Tầu đời trước, còn trọng lượng là nói phỏng chừng của những người trung bình).

3.— BÀN VỀ HẬU-THIÊN

Tỳ vị là căn bản cho Hậu-Thiên, tỳ thuộc về Thổ, thân người phải nhờ tỳ-thổ mới sinh dục được, ví như hành Kim được hành Thổ mới sinh, hành Mộc được hành Thổ mới lớn, hành Thủy, hành Hỏa được hành Thổ mới sinh, mới có câu « 4 hành đều thuộc hành Thổ, muôn vật đều về tạng tỳ ». Nội-kinh có nói : « Thức ăn vào dạ-dày, rồi tinh khí sang tạng tỳ, tản tinh lên tạng phế, tạng phế chủ về tiết bộ, đưa xuống bàng quang ».

Thế mới biết thức ăn uống vào dạ-dày, đi khắp lục

TìmSách

phủ mà sinh ra khí điều hoà ngũ tạng mà sinh ra huyết rồi đi khắp ra tứ chi bách mạch, Dạ-dày và đại-tràng, tiểu-tràng, bàng-quang, Tam-tiêu với mật gọi là lục phủ.

Khi ở mật thăng thời tạng khác cũng theo, nếu không thăng thời thành những chứng đi tiêu ra cả cơm, chứng tích ở trong ruột. Trời nuôi người bằng ngũ khí, đất nuôi người bằng ngũ vị, ngũ vị chứa ở dạ-dày để nuôi ngũ khí. Khí ấy hành đi mà không chứa lại, còn chín khiếu chủ ở tạng, ngũ tạng có chín khiếu mới được thông lợi. Người thường thời ăn uống vào dạ dày, đi theo dương đạo, mà dương khí ấy tản khắp ra bì phu, cả đầu và cổ, thời chín khiếu thông lợi.

Trái lại, người ốm ăn vào dạ dày, đi theo âm đạo mà âm khí trầm giáng, đến dưới rốn lại muốn đi tiểu tiện, hay là động khí ở ngang rốn, vì thế 9 khiếu không được thông lợi. Ông Đông-Viên có nói : « Dạ-dày là tinh cương của tạng tỳ, tạng tỳ là tính nhu của dạ-dày », ăn uống không tiết độ thời dạ-dày thụ bệnh trước, mà tạng tỳ thụ bệnh sau ». Nội-kinh có nói : « Âm tinh dưỡng trở lên thời người thọ, dương-tinh giáng xuống thì người chết non ». Cổ-thư đã nói : « Tạng tỳ đã bại, thời trăm thứ thuốc không chữa được, chứng thương hàn nguy cấp khó xem được mạch thốn, thời chỉ xem mạch xung-dương, để xét vị-khí còn hay không còn. Nên mạch xung-dương, còn thời sống, không còn thời chết ».

Nhưng dạ-dày là dương thời chủ khí, tạng tỳ là âm thời chủ huyết, thế mà mọi người chữa đến tỳ vị không

phần âm dương khí huyết, mà chỉ dùng những vị cay và ôn, táo mà nhiệt, để trợ hỏa tiên âm, đến nỗi vị của dạ-dày càng vượng, âm của tạng tỳ càng tiêu, dạ-dày đã khô §thời đại-tràng táo kết, họ chỉ biết tạng tỳ ghét ẩm thấp mà ưa ráo, nhưng tỳ-thổ có nhuận mới hóa sinh được vạn vật, có đâu dùng mãi những vị tân-ôn táo-nhiệt được.

Mọi người chỉ biết chữa chứng tiết tả thì bổ bằng sâm, truật, nhưng không biết sâm, truật chỉ bổ được dương khí ở trung-châu, mà không thể giúp được cho tỳ âm. Huống chi dạ-dày thuộc hành Thổ, mà tạng thận thuộc hành Thủy, nếu chứng đi tả thuộc về tạng thận, mà lại dùng thuốc bổ tạng tỳ, thời Thổ càng mạnh mà Thủy càng yếu, khác nào dưới nồi không có lửa đun, thì ngũ cốc không chín được. Mọi người chỉ biết vị bạch-truật để kiện tỳ vị, nhưng tỳ vị đều vượng thời ăn được mà béo, tỳ vị yếu thời ăn không được và gầy, có nhiều người ăn được mà vẫn gầy, là dạ-dày có hỏa ngấm ngầm, cho nên sách thuốc có câu : « Huyết thực mà khí hư thời dễ béo, khí thực mà huyết hư thời dễ gầy ».

Hơn nữa, bổ tỳ vị có khi phải bổ về thiếu-hỏa, nếu thiếu-hỏa mạnh thời vận hành được mà tân-dịch gân cốt đều mạnh. Tóm lại, tạng tỳ vận hóa được cũng bởi thủy hỏa, nhưng hỏa thịnh quá thời tỳ vị lại ráo; thủy thịnh quá thời tỳ vị lại ẩm thấp, mà sinh ra các bệnh như chứng tiêu-khát (đi giải nhiều mà khát, ta thường gọi là đi đái đường), là hỏa thịnh quá mà thủy không chế được. Về chứng « thủy-xũng » là thủy thịnh quá, mà hỏa không hóa được thủy, nghĩa là thủy hỏa phải quân bình, mà một bên hơn là có bệnh, vậy hỏa nhiều hơn thời bổ thủy, mà

Tìm sách

thủy nhiều hơn thời bổ hỏa, là để hai bên cân nhau, chứ không thể bổ hỏa hay thủy đi.

Nhưng cũng có khi bổ cho dạ-dày mà ăn uống vẫn không tiến, thời ta phải bổ thiếu-âm quân-hỏa, để sinh ra thủy thổ, như bài Quy-Tỳ để bổ tâm hỏa. Cũng có người ăn được mà không tiêu hóa, là thuộc về Thái-âm Tỳ-Thổ, thời ta lại phải bổ thiếu-dương tướng-hỏa, tức là hỏa ở tạng thận, thế là bổ hỏa mà lại giúp thêm cho thủy.

Bổ tâm hỏa để sinh ra tỳ-thổ là bổ mẹ để sinh ra con, cũng lại có khi tỳ vị mạnh quá mà phải vợi của con đi, như chứng tích-tụ bởi tạng tỳ mạnh quá (tỳ thực) mà bệnh nhân nguyên khí chưa yếu, tà-khí đương mạnh, thời dùng thuốc phá khí để tản phế kim đi, (những người hư yếu thời không dùng được phép ấy).

Đối với chứng ấy, nhiều người cho sâm truật là trệ mà không dám dùng, nhưng không biết Nội-Kinh có nói: « Hư yếu thời phải bổ, khó nhọc thời phải ôn ». Lại nói: « Đã vít lại thời lại dùng vị thuốc để vít lại » (tắc nhân tắc dụng). Cổ thư có nói: « Bệnh về tỳ vị mà tà khí thực thời tả bằng những vị chỉ-thực và hoàng-liên, người hư thời bổ bằng những vị trần-bì và bạch-truật. Lại nói: « Thực hỏa nên tả như hoàng-cầm, hoàng-liên, hư hỏa nên bổ như vị nhân-sâm, hoàng-kỳ », hơn nữa ăn uống mới thụ thương ủng trệ, thành ra chứng thấp nhiệt, mà nguyên khí chưa hại, thời nên tạm dùng những vị hoàng-liên, sơn-tra, thần-khúc, mà uống nhiều thời hại đến tỳ âm, vì tỳ thời ưa ấm mà ghét lạnh, nên bệnh đã lâu ngày nguyên khí hư yếu, mà lại uống vị hoàng-liên, khác nào người đã sa xuống giếng mà lại vất thêm đá.

TìmSách

Nội-kinh có nói : « vì ăn uống hay vì khó nhọc mà tổn hại tỳ-vị, thời bệnh là nhiệt-trúng, rồi sau biến ra hàn-trúng », như vậy thời lúc trước nên thanh nhiệt mà lúc sau nên ôn dưỡng, phải chữa theo thứ tự, vì thế, dạ-dày thụ bệnh mà tinh thần kém, hơi thở ngắn mà sinh ra đại nhiệt, thời nên dùng vị cam ôn để trừ nhiệt. Vì khó nhọc mà tạng tỳ thụ bệnh, mỏi mệt hay nằm thời nên điều bổ để kiện tỳ. Lại như người sắc nhợt không sáng sủa, gầy yếu đau bụng, hơi thở lạnh không muốn ăn mà thổ ra nước, đó là khí ở dạ-dày yếu và lạnh, phép chữa nên ấm cho dạ-dày và giúp cho tạng tỳ, đó là lẽ dạ-dài yếu thời ọe thổ không ăn được, tà ở dạ-dày thực thời bí mãn mà nóng ở trong, người chữa cần phải xét về căn bệnh.

4.— BÀN VỀ KHÍ HUYẾT

Tạng phế là chủ cho khí, mà tạng thận là nơi chứa của khí ; Tạng tâm là chủ cho huyết, mà tạng can là nơi chứa của huyết, người ta có tôn-khí, doanh-khí, vệ-khí (Tôn-khí là hỏa khí của Tiên-thiên, vệ-khí là khí nóng bảo vệ cho ngoài biểu, doanh-khí là khí ở huyết). Còn như gọi là nguyên-khí, là trung-khí, là cốc-khí, là thanh-khí, là chân-khí, là dương-khí, đều là tên riêng của vị-khí (nguyên-khí là khí của thức ăn uống, trung-khí là khí của trung-châu, cốc-khí là khí của thức ăn, thanh-khí là khí trong sạch, dương-khí là khí nóng), mà mọi khí đều gốc ở tôn-khí. Đến khi thụ bệnh thời thành những chứng : Lãnh-khí, tệ-khí, thượng-khí, nghịch-khí và khí-hư. Nội-Kinh có nói : « Giận thời khí ngược lên, mừng thời khí hoãn lại, thương thời khí tiêu mòn đi, sợ thời khí hạ xuống, hàn thời khí vít lại, kinh

Tìm sách

thời khí loạn, nhọc thời khí háo, nghĩ ngợi thời khí kết ». Nguồn của khí ở về Trung tiêu, nhưng tóm ở tạng phế, vận hành ở trong mà hộ vệ ở ngoài, chu lưu cả thân thể ngày đêm không ngừng, như thế thời vô bệnh, nếu vì thất tinh, ngũ chị thất thường, thời thanh khí hóa ra trọc, hay vận hành lại ngưng trệ, không vệ được ngoài biểu, mà hòa được trong lý, khí vốn là dương mà thăng lên là hỏa.

« Vinh » tức là huyết, vì để vinh-hoa cho người mới gọi là vinh. Cổ Thư có nói : « mắt có huyết mới trông được, tai có huyết mới nghe được, tay có huyết mới cầm được, chân có huyết mới đi được, huyết ấy ra vào lên xuống thấm nhuần cho thân thể ». Nội-Kinh nói : « Trung-tiêu hút được hơi ở ngoài, hợp với nước ăn uống biến hóa mà đỏ ra thời gọi là huyết », huyết ấy đi ngược lên thời thành thổ-huyết, lục-huyết, đi trở xuống thời là chứng tràng-phong hạ-huyết, kém ở trong thời thành chứng hư-lao, khô ở ngoài thời thành chứng gầy mòn, bàng-quang nhiệt thời thành chứng niệu-huyết (tiểu tiện ra máu), âm hư mà dương động thời thành chứng băng- huyết, nhiệt tứ thời thành chứng huyết-lị, nhiệt thắng ở âm-phận thời thành chứng sang-nhọt, thấp trệ ở huyết phận thời thành chứng ban-sởi, chứa huyết ở trên thời hay quên, chứa huyết ở dưới thời như cuồng, ngưng trệ ở bì-phu thời thành chứng tê mà lạnh, bị đánh hay bị ngã thời ứ huyết tụ ở trong, những chứng ở trên đều bởi huyết mà ra.

Vệ-khí vào vinh-huyết mà chu lưu thời vô bệnh, bằng không thời bách bệnh ở đó sinh ra, cho nên phải ôn dưỡng vệ-khí và phải điều dưỡng vinh-huyết. Mọi người đều biết huyết bởi tạng tâm, mà không biết huyết còn nắm ở tạng can, chỉ biết khí ở tạng phế, mà không biết khí

Tìm sách

còn nạp ở tạng thận, Cổ-Thư có nói : « Huyết như nước mà khí như gió, khi đi thì huyết theo », vậy bệnh ở huyết, mà điều hòa khí có thể khỏi được. Còn bệnh ở khí mà điều huyết thì không có ích mấy. Thuốc để điều khí có thể dùng để điều huyết, mà thuốc để điều huyết ít khi dùng để điều khí, là vì khí dược có công sinh ra huyết, mà huyết dược không có lẽ thêm cho khí, như những vị mộc-hương, quan-quế, ô-dược, hương-phụ, hậu-phác, tam-lăng, nga-truật, dùng để chữa về khí bệnh cũng được, mà chữa về huyết bệnh cũng có thể được ; còn những vị đương-quy, thục-địa để chữa cho huyết chứng, nhưng có khi hại đến vệ-khí. Cổ thư có nói : « thuốc bổ huyết thường thành công ở bổ tỳ-vị ».

5.— ÂM HUYẾT, THỰC HAY HƯ, MẠCH, HÌNH VÀ CHỨNG NHƯ THẾ NÀO ? CÙNG PHÉP CHỮA

(Thực là hơn lên, hư là kém)

Là âm mà thực : *Về mạch* không « phù » không « trầm », hoà hoãn có thần, mạch quan, mạch thốn bên trái là thiết yếu. *Về hình* thời ngoài da mát, dù tháng nắng bức cũng muốn áo chăn, ăn uống hơi lạnh thời đau bụng mà tiết tả, ưa dùng những vị sâm, truật, khương, phụ, nếu có tinh dục thời mỏi mệt rên rỉ. *Về chứng* thời không nóng mà ghê rét, về âm phận thời khó chịu, sáng bệnh nhẹ chiều bệnh nặng. Chứng âm mà thực là âm gặp ấn phận thời mạch lên, còn như chứng lúc phát bệnh lúc ngừng, hoặc phát về ngày, hoặc phát về đêm, không có thường độ, âm và dương tranh được thua. Hoặc trong bụng thấy rét, chứng ấy phát hãn thời đỡ, nếu uống thuốc hạ thời chết.

Là âm mà hư : *về mạch* thời « phù và xác », không có

thứ bậc, hay là « nồng và huyền cấp », *về hình* thì hút hơi vào thấy khó, nằm ngửa thời khó. *Về chứng* nóng ở trong, hay là trước nóng sau rét (vì âm không đủ), hay là ngày rét đến đêm mới nóng (âm hư hoả động), hoặc hư nhiệt mà hai gò má đỏ (âm hư ở dưới bốc dương lên trên), hoặc lòng bàn chân nóng như rang (hư hỏa ráo chân âm), hoặc nhiệt-quyết (âm khí suy ở dưới), hoặc khí không giáng xuống được mà nghẹn, hoặc chân tay co quắp (âm huyết kém) hoặc bên rốn có khí động (chân âm hư yếu rất kiêng vị bạch-truật) hoặc lúc phát bệnh trì hoãn, lúc khỏi bệnh cũng trì hoãn, hoặc buổi sáng trong người như có gì tranh nhau, mà đêm thời yên (âm hư thời yên về âm phận), hoặc nửa đêm phát bệnh, đến nửa ngày thời khỏi (âm không hoà, khí được, dương mới hòa).

PHÉP CHỮA : âm về Hậu-Thiên hư, thời bổ tâm và can, những chứng về âm của Hậu-Thiên hư yếu mà phát sốt, phần nhiều nên dùng bài *Dưỡng-Vinh Quy-Tỳ*.

Là huyết mà thực : *Về mạch* bộ quan và bộ thốn bên trái có lực, bộ quan bên phải hòa hoãn có thần. *Về hình*, thời tóc mượt, nói tiếng rõ, thân thể đầy đủ, gân cốt cứng rắn. *Về chứng*, thời thực nhiệt hoặc lục huyết, hoặc uống nước nhiều, hay là chỗ đau không di chuyển.

Là huyết mà hư : *Về mạch* thời bộ quan bộ thốn bên trái không có lực hoặc « hồng hay sác ». *Về hình* thời gầy đen, hay là màu da đen tối, hoặc gầy mà vàng, hoặc mặt xanh không có huyết sắc, hoặc lông tóc vàng rụng hoặc móng tay khô, tính vội hay giận, khát mà không uống nhiều, hoặc phiền khát uống luôn, hoặc đi, đứng, ngồi và trông không được lâu, hoặc ưa ăn của chua, hoặc đại-tiện

táo kiết, hoặc các đốt xương có chỗ đau mà ưa xoa bóp. *Về chứng* thời phần nhiều sốt âm chưng chưng, đầu mặt choáng-váng, nhức đầu, nặng mình, xương đốt đau mỏi, gân co, hoặc khí nghịch mà nôn oẹ khan, hoặc không ngủ mà hoảng hốt (huyết không nuôi tạng tâm), hoặc ra mồ-hôi trộm, hoặc kinh sợ, hoặc trong miệng trào nước dãi hoặc cuống-họng khô mà đau, hoặc trong cuống họng như hạt mơ, khạc không ra được, nuốt không xuống được hoặc bệnh nặng về đêm. Là đàn bà thời kinh bế huyết thiếu, hay là không điều kinh, và những chứng trưng, hà.

PHÉP CHỮA : huyết ở tâm can hư, thời nên bổ bằng thuốc mềm nhuận, như quy, thục, mà thêm dương dược để giúp sức, như những vị sâm, kỳ cho chóng, cần nhất là những vị hữu tình như lộc-dao, mi-dao, hà-sa. sữa người nhớ phải để ý đến vị khi để giúp sinh hóa, mà kiêng những vị thuốc chữa gió về háo huyết.

6.— DƯƠNG KHÍ CỦA HẬU THIÊN THỰC HAY HƯ CĂN CỨ VÀO MẠCH HÌNH, VÀ CHỨNG CÙNG PHÉP CHỮA

Là dương mà thực : *Về mạch* thời bộ quan và bộ thốn bên phải có lực có thần. *Về hình*, thời ngoài da nóng (dương thịnh), dù mùa đông cũng không ưa đắp chăn, hay nóng nước, hay cử động, ưa sắc dục, đại tiện vài hôm một lần đi, những vị thuốc như hoàng-cầm, hoàng-liên, tri-mẫu, hoàng-bá cũng dùng được. *Về-chứng*, thời phát sốt mà sợ nóng, ngày nặng đêm nhẹ, (dương gặp dương lại vượng lên), còn như lúc lên lúc xuống, lúc thôi, hoặc ngày sốt đêm thôi, là chính-khí tà-khí không phân được thua,

Tìm sách

hoặc sốt ở ngoài (dương thịnh về dương phận), những chứng ấy uống thuốc hạ thời khỏi, nếu dùng thuốc ra mồ-hôi thời chết.

Là dương mà hư : *Về mạch*, thời bộ quan bộ thốn bên phải đều yếu, hoặc đoản mà sắc. *Về hình* thời khó thở ra, không ưa nằm sấp, ưa yên tĩnh. *Về chứng*, thời sinh rét ở ngoài (dương hư thời âm lấn-đi) hay là trước rét sau nóng (dương không đủ), hoặc hàn huyết (dương khí kém ở dưới), hoặc chân tay rời rạc (dương bệnh), hoặc dương sự yếu (không thiết về sự giao cấu gái trai), hoặc khí không giáng xuống mà ngăn cách, phát bệnh chóng mà khỏi cũng chóng, hoặc chiều nặng sáng nhẹ, hoặc giữa trưa phát bệnh nửa đêm khỏi (dương không hòa gặp âm mới hòa).

PHÉP CHỮA : Dương của Hậu-Thiên hư yếu, thời bổ vị khí, như bài *Tứ-quân*, gia đương-quy, hoàng-kỳ, hoặc bài *Bổ-Trung* thêm ngũ-vị, hoặc bài *Lý-trung* (âm hư hỏa động thời dùng bài *Tứ-vật* thêm vị huyền-sâm, Tri-mẫu, hoàng-bá, thì là phép thường. Đây là chứng dương hư, hỏa bốc lên mà không dùng những vị giúp chân âm, lại chỉ dùng dương dược, là vì tỳ thổ hư yếu, không chứa được dương khí, cho nên phải bổ tỳ vị).

Là khí mà thực : *Về-mạch* thời bộ quan và bộ thốn bên hữu thịnh mà có thần. *Về hình* thời người béo mà mạnh, sắc đen mà nhuận, lông tóc tốt mà đen, xương thịt cân đối, tiếng to mà dài, thở to mà mạnh, quen rét quen nắng, tiểu-tiện thưa mà lợi, đại-tiện thực hay ăn mát, uống thức lạnh, nguyên khí hơn được cốc-khí (khí

Tìm sách

của thức ăn) mà gầy. Nội-Kinh có nói : « Nguyên-khí hơn cốc-khí, thời người gầy và thọ ». *Về chứng* thời đau không nhất định, nếu có bệnh nặt nên khai nặt hành khí mà ngoại tà mới phát, thời kiêng dùng thuốc bổ.

Là khí mà hư : *Về mạch* thời bộ thon bên phải vô lực, bộ quan bên phải « tri » mà « đoản và sác ». *Về hình* thời sắc xanh hay vàng, mặt bóng trắng mà khô bạc, hình thể hư yếu, tiếng nói nhẹ mà chậm, hoặc tiếng thấp đoản hơi, bốn tay chân không có sức mạnh, lông tóc thưa khô mà hay rụng, da xỉn răng khô, lộ nhẫn, kết hầu, ngoài sợ giá mà lạnh, trong sợ thức sống thức lạnh, dễ đi cầu, người mát, hơi thở ra mạnh, hay sợ sinh nhiều con gái, cốc khí hơn nguyên khí mà béo, Nội-Kinh có nói : « Cốc khí hơn nguyên khí, thời người béo mà chết non ». *Về chứng* thời tỳ thổ hư yếu không chứa được dương khí mà sốt lâu, hoặc gân đờ ra mà tê, bệnh về ngày nặng về đêm yên.

PHÉP CHỮA : Khí của tỳ và phế hư, thời nên dùng những vị cam ôn để ích cho khí, như sâm, kỳ, linh, truật, v.v... Kiêng những vị hương là thơm (táo khí), và táo là ráo (hại chân huyết)

7.— NÓI VỀ BỆNH CỦA TỲ VỊ VÀ PHÉP CHỮA

Vị khí hư yếu, thời tai, mắt, miệng, mũi đều dễ sinh bệnh, như người sốt, nhức đầu, ù tai, hoa mắt, và mặt nóng (bệnh ở dạ-dày)

Tìm sách

Tỳ, vị đều hư yếu, thời không ăn được mà gầy, hay là ăn ít mà béo, tuy béo mà chân tay ngại cử động. Tạng tỳ thụ bệnh thời lấn đến tạng thận là hành thổ khắc hành thủy, khiến xương tỷ kém mà yếu, chân đi không mạnh, âm thịnh dương hư, chứng ấy nên phát hãn, nếu dùng thuốc hạ thời chết, nhưng không phải là phát hãn thực, nghĩa là chỉ dùng thuốc tân và cam, để giúp chân dương mà thôi.

Về bệnh của dạ-dày thời mạch « hoãn », về bệnh của tạng tỳ thời mạch « đại », nếu hỏa lấn lên địa vị hành thổ, thời mạch « hồng mà hoãn ». Lại có người sốt mà trong bụng không yên, là vì dương khí suy yếu, thời nên theo trong phép thăng giáng, phù trầm, bổ tả mà dùng thuốc, như tỳ vị yếu đã lâu mà đường tiết, hay đi lỵ hoặc đại tiện tiết, hoặc nặng mình, xương đốt đau, nếu dùng những vị thấm đi để lợi tiểu-tiện, thời bệnh tuy khỏi ngay, nhưng đã giáng mà lại giáng thêm, là thêm cho chân âm để kiệt đến chân dương, dương khí càng yếu mà tinh thần càng kém.

Cho nên phải dùng những vị thăng dương như khương-hoạt độc-hoạt, sài-hồ, thăng-ma, phòng-phong, cam-thảo, sắc nồng nóng để thăng dương, thời bệnh tự khỏi. Nếu tỳ vị hư yếu mà hay đau mắt, mặt, mắt, con ngươi và thân thể đều vàng, tiểu tiện vàng hay trắng, đại tiện không đều ít, ăn đoản khí, khi bốc lên mà lười biếng, thầy thuốc đem bài *tả can* cho uống vài thang mà bệnh càng tăng. Bấy giờ đang lúc vừa nắng vừa mưa, hay có chứng hoàng-đảm, vì thế tôi lập ra bài « *Thanh-thử lợi-khí* » là những vị phục-linh, thăng-ma, trạch-tả, xương-truật, phòng-phong, sinh-khương, những thuốc ấy đều mạnh kinh-lạc, để trừ thấp nhiệt mà không giữ lại, cho nên không tả ngay tạng ấy.

Tìm sách

Chứng đó, còn vì tạng phế và tỳ vị đều hư yếu, thời lại dùng những vị thanh-bì, quất-bì, sinh cam-thảo, bạch-truật, bạch-thược, những vị ấy giữ lại bản tạng mà không chạy đi kinh-lạc, mới không giúp tà khí ở kinh-lạc.

Dùng những vị giữ được bản tạng, thời bổ cho nguyên-khí ở trong tạng ấy, như những vị Hoàng-bá, Mạch-môn, Nhân-sâm. Ngũ-vị, sắc uống nóng trong khi đói. Những thuốc kể trên trừ được phù-nhiệt, thấp-nhiệt ở thời tiết, nên tôi ghi ra đây để làm chứng cớ. Nếu mạch « hoãn », người lười biếng hay nhọc, bốn chân tay không co vào được, hay là đại-tiện tiết tả, là vì thấp khí thắng lên, thì nên dùng bài *Bình-vị-tán* (nếu dùng bài *Hoàng-kỳ*, bài *Lý Trung* thì lầm).

Nếu mạch « huyền » tự ra mồ-hôi, bốn tay chân phát sốt phát nóng tiết tả, da se, tóc rụng, thời nên dùng bài *Hoàng-kỳ*, *Lý-trung* (nếu dùng bài Bình-vị thời lầm). Mạch hư yếu, thời chích lấy một vài vị ở trong bài Tứ-vật, nếu mạch yếu khi đoản thời dùng bài *Tứ quân*, nếu tiểu-tiện bê xáp vàng đỏ, thời dùng bài *Ngũ-linh* bỏ quế, mà chích lấy một vài vị.

Lại xét chứng bệnh, trong bụng ngưng trệ mà buồn, không phải là chứng phát-thường mà là chứng tán mà không thu lại, thời nên thêm vị bạch-thược. Khi ở tạng phế không đầy đủ thời thêm vị nhân-sâm, vị bạch-thược (trung-tiêu dùng vị bạch-thược, thời tạng tỳ thắng được dương khí, mà tà ở ngoài, dẫm không dám phạm). Nhưng trong bụng tựa như co lại, thời bỏ vị bạch-thược, và

Tìm sách

những vị thuốc chua vì vít lại, đau bụng thêm vị bạch-thược và cam-thảo, về chứng ấy dùng bài *Ngũ-vị-tán*, khát và tiểu-tiện vẫn không lợi lại không ghê rét thời không được dùng quế, không khát mà tiểu tiện lợi, trông và nghe hoảng hốt là có ứ huyết, thời dùng vị hoàng-bá, vị tri-mẫu đều sao vàng để trừ nhiệt. Tạng tâm nhiệt mà cửu khiếu không thông lợi thời dùng bài « *Đạo-xích-tán* », hoặc đi cầu chỉ ngồi không mà đại-tiện không đi được là huyết hư, huyết hư thời trong bụng mới đi cầu mà không đi được, hay là huyết hư khí yếu mà con người đau nhức, thời thêm nhiều vị đương-quy để điều lý tỳ-vị.

Tôi gia giảm mấy bài thuốc kể trên, không bệnh nhân nào là không ứng nghiệm, nhưng bệnh nhân nào không thể được như trước, là vì tỳ vị hư hại quá, cũng có khi vì tửu sắc.

Hết thảy chứng hư tổn, thời tỳ vị dễ yếu trở lại, cho nên người nông-phu vất vả lại ít yếu đến tỳ, vị, là vì tỳ vị vẫn mạnh, ví khiến nhân có gì mà tái phát chứng ở trên, cũng bởi 3 mạch « Đốc », « Xung », « Nhâm », có âm hoả, làm hại đến tỳ, vị, phép chữa nên tùy chứng gia giảm, mà không nên đặt phương thuốc nhất định.

Tìm sách

BÀI THUỐC CHỮA VỀ HẬU THIÊN

8 — BÀI BỔ-TRUNG ÍCH KHÍ

(do Ông Đông-Viên chế ra)

Hoàng-kỳ sao với mật 1 chỉ 5 phân. Nhân-sâm 1 chỉ
Trần-bì sao thật vàng 7 phân. Bạch-truật 1 chỉ rưỡi
Quy-thân tẩm rượu sao 1 chỉ Thăng-ma 1 phân
Cam-thảo tẩm mật chích 5 phân Sài-hồ 5 phân.
Táo hai quả, Gừng 3 miếng

Sắc uống nóng.

Bài này chữa những chứng, vì khó nhọc về làm việc hay vì thất tình hoặc ăn uống đã hại ở trong mà cảm mạo phát sốt, chân tay mỏi mà nóng, hay là bì-phu không chịu được phong hàn, mà sinh ra hàn nhiệt, bụng phiền không yên, nhức đầu ghê rét, tự ra mồ-hôi, ngại nói, cử động thời thở, yếu sức biếng ăn. Mạch « hồng » và « hư » hoặc « vi », « tế », « nhuyễn », « nhược », thở nhiều, hoặc khát không chỉ, hoặc nóng ở trong, đau minh, hoặc dương hư nóng ngoài biểu, hoặc khí ở trong hư yếu không giữ được chân huyết, đến nỗi huyết đi rông mà thổ huyết hay hạ huyết, hoặc sốt sét lâu, hoặc tả, lỵ lâu về tỳ hư. Nhất thiết những bệnh chứng bởi thanh dương hãm trở xuống, khí ở trong không đủ, mà lo buồn, bĩ tích, quan cách, đau bụng, v.v...

Lời chua :

1.— Tỳ chủ về tứ chi, vì hư yếu nên tứ chi nóng.

Tìm sách

2.— Bài này chữa bằng cách đem thanh khí trở lên, là căn cứ vào Nội-Kinh nói : « chứng bỏa nất thời nên phát dương ».

3.— Đầu là mọi dương khí họp lại, mà nay thanh khí giáng xuống thời trọc khí đem lên, cho nên váng đầu, chứng váng đầu này lúc phát lúc ngừng, mà không như chứng ngoại cảm lúc nào cũng váng đầu.

4.— Vì dương hư không bảo vệ được ngoài biểu, nên tự ra mồ-hôi.

5.— Khí hư nên ngại nói.

6.— Hỏa phạm vào tạng phế cho nên thở.

7.— Vì có hư hỏa không sinh được thủy cho nên khát.

8.— Chứng sốt này lấy tay sờ nhẹ thời nóng, nhưng ấn mạnh thời không nóng mấy.

9.— Sốt rét lâu là khí huyết đều hư.

9 — CÔNG-HIỆU CỦA BÀI BỔ-TRUNG

Nội-kinh có nói : « Nếu vì khó nhọc, hình và khí suy kém, khí của thức ăn nống không được thăng, thượng-tiêu không hành, hạ-tiêu không thông, rồi nhiệt khí nung nấu ở trong bụng, mới nóng ở trong ». Sách Điều-khí có nói : « khó nhọc thời khí háo, nên hay thở mà tự ra mồ hôi, khí suy thời hỏa vượng mà lấn đến tỳ là hành thổ, cho nên khó chịu về sốt, thiếu hơi ngại nói, nếu cử động là thở, ngoài biểu nóng mà sợ rét, bụng phiền

TìmSách

không yên, phép chữa nên thanh tâm, ngồi tĩnh để nuôi chân khí, lại dùng thuốc cam-ôn để bổ trung-khí ». Nội-kinh lại nói : « Chứng khó nhọc thời dùng thuốc ôn, chứng hư tổn thời dùng thuốc bổ ».

Người ta nếu ăn uống không tiết độ, lúc rét lúc ấm không điều hòa thời hại đến tỳ-vị, mừng giận lo sợ thời tổn đến nguyên-khí, tỳ-vị đã hư yếu là nguyên khí đã kém, thời âm hỏa bốc ở dưới lên. Âm hoả ấy là tráng-hỏa, lại làm hại cho khí, hơn nữa, khí của tỳ vị đã hư yếu, thời lây đến can thận, gọi là bệnh « Trung-cương », một khi âm hỏa đã lấn lên tỳ thổ, thời khí thô mà thở, mình nóng mà phiền, mạch « hồng, đại » mà nhức đầu, hoặc khát không chỉ, bì phu không chịu được phong hàn mà sinh ra chứng hàn nhiệt.

Chứng số này với chứng số ngoại-cảm khác nhau, chứng này hại về khí, mà chứng ngoại cảm phong hàn là hại về hình, lại ở ngoài đem đến thì nên tả cho nhẹ đi, mà hại ở trong thì nên bổ I ả là phát hãn, là dùng thuốc cho thổ ra hay hạ đi v.v... Bổ là dùng thuốc ôn-hòa để điều-dưỡng. Nếu đem thuốc chữa chứng ngoại-cảm, để chữa chứng nội-thương thời không thể được, Nội-kinh có nói : « Vị thuốc cam-ôn mới trừ được đại-nhiệt » là lẽ ấy.

Tỳ-vị là gốc cho nguyên-khí về Hậu-Thiên, bài thuốc này để chữa chứng nguyên-khí vì khó nhọc hay vì nội thương, mà thanh khí thở xuống, trọc khí bốc lên, cho nên dùng các vị thuốc thăng thanh khí để giáng trọc khí.

Thân người có tỳ-vị để chứa thức ăn và vận thành, rồi sinh ra tinh-khí để đem lên, nay khí yếu thời giáng

Tìm sách

xuống, mà trọc khí lại trở lên, nếu dùng thuốc hàn lương thời ăn uống lại không vận hóa, khác nào lửa trong lò, nên dùng than, củi để giúp sức, nếu dùng nước lạnh thời tắt, lửa đã tắt thời không nung nấu được thức ăn uống.

Gọi là bổ-trung là bổ cho trung-châu, những chứng vì nguyên khí hư yếu mà thanh dương hãm trở xuống, thời bài này là thánh-dược. Trong bài thuốc dùng thăng-ma và sài-hồ để đem lên, sâm, kỳ, quy, truật để giúp cho dương khí, thế là vừa bổ khí vừa thăng đề, để khỏi hãm trở xuống.

Hết thảy những chứng ăn uống không tiết độ, hay khó nhọc quá độ, để tổn đến tỳ vị, thời ngoại tà dễ lấn vào, dương hãm trở xuống mà sinh ra nội nhiệt, chứ không phải thực-nhiệt, nếu chữa theo chứng ngoại-cảm thời lại càng hư yếu. Chứng ấy nếu có ngoại tà, cũng là nhân hư yếu mà cảm vào, nay đã bổ cho trung-châu thời ngoại-tà tự lui. Nhưng cũng có khi nội thương ít mà ngoại cảm nhiều, thời trong bài thuốc này thêm ít vị để đối chứng là xong. Vì thế ông Đông-Viên lập ra bài này để chữa chứng nội thương nhiều mà ngoại cảm ít, mà chỉ dùng thuốc ôn bổ, thế là ông Đông-Viên phát sinh ra một phương thuốc để chữa chứng dương hư phát nhiệt vậy.

10 – Ý NGHĨA CỦA BÀI BỔ-TRUNG

Tôi xét bài thuốc trên, để chữa chứng ăn uống không điều hòa, hay khó nhọc không tiết độ, ngoài ra còn chữa chứng sau khi nội thương, lại thêm phóng lao, đó là những

Tìm sách

chứng tỳ vị thụ thương, tâm hỏa lấn vào địa vị của tỳ thổ, hơn nữa, còn chữa chứng phế khí bị cảm ngoại tà, vì thế dùng vị Hoàng-kỳ để vững cho ngoài biểu, nhân-sâm và chích-thảo vừa bổ hỏa vừa tả hỏa và hòa cho trung châu, Đương-quy để bổ huyết. Cổ thư có nói : « Bổ tỳ thổ để tăng dương khí thời nhiệt tự lui » là lẽ ấy. — ông Đông-Viên có nói « sâm, kỳ và thảo là thánh dược để bổ khí tả hỏa là thoái nhiệt «, cũng gọi là tả hỏa, nhưng có khi thêm vị Hoàng-bá sao khô để tả âm-hỏa, phiền nhiệt không ngừng thời thêm thục-địa để bổ thận thời hỏa tự giáng. Thế là vị thuốc cam ôn còn sinh ra âm huyết, vị thăng-ma để thang dương-khí ở Kinh Dương-minh, vị sài-hồ để thăng dương khí ở kinh Thiếu-dương, dương thăng thời âm giáng.

Tỳ thổ hư yếu thời khí giáng trở xuống, Nội-kinh có câu : « Đường giao thông không đạt ra biểu thời chết ». Ông Đông-Viên dùng vị thăng-ma, để đem khí của tạng tỳ theo bên phải trở lên, hai khí giao thông nhau như thể mưa móc mà sinh khí không kiệt, về ý nghĩa thăng giáng ấy ít người hiểu được. Lại thêm vị trần-bì để thông khí, còn đại-táo, sinh-khương vốn là thuốc của tỳ vị, vì thuốc bổ tỳ vị phải dùng khương-táo.

Tiên-thiên và hậu-thiên đi đôi với nhau, nguyên khí bẩm trở xuống về tạng thận thời nên đem trở lên như bài *Bổ-trung* này. Còn chứng chân âm không đủ mà vượt trở lên, thời lại phải đem về chỗ địa vị cũ. Vì thế, bài *Bổ-Trung* này với bài *Thận-khí-hoàn* thường khi uống xen với nhau, nghĩ là uống một bài để Bổ-dương, lại uống một bài để bổ-âm.

Tìm sách

II.— PHÉP GIA GIẢM CỦA BÀI BỔ-TRUNG

Dưới đây là theo phép đời xưa.

1.— Huyết không đầy đủ thời bội vị Đương-quy.

2.— Tinh-thần kém thời bội vị Nhân-sâm, và thêm Ngũ-vị-tử.

3.— Đau trện óc thêm vị Cao-bản hay Tế-tân.

4.— Nhức đầu thêm vị Mạn-kinh hay Xuyên-khung.

5 — Đầy bụng thêm vị Chỉ-thực, vị Sa-nhân, Hậu-phác, Mộc-hương.

6.— Dạ-dày bàn mà khí trệ, thêm vị Thảo-đậu-khấu. hay vị Mộc-hương, Ích-trí.

7.— Mùa đông thương hàn phát sốt, không có mồ-hôi, mạch « phù mà khẩn », thêm vị Ma-hoàng, vị Quế-chi. Nếu có mồ hôi mà mạch « phù », thêm vị Quế-chi, Bạch-thược.

8.— Tạng phế nóng và ho, bỏ vị Nhân-sâm thêm vị Tang-bạch-bì.

9.— Phong-thấp va chạm nhau mà đau mình, thêm vị Khương-hoạt, Phòng-phong, vị Cao-bản, mà chỉ uống được một lần, thang sau sẽ thôi.

10.— Nhức đầu mà có đờm, là kinh Thái-âm đàm-quyết, thêm-vị Bán-hạ, Thiên-ma.

11.— Đau bụng bội Cam-thảo, thêm Bạch-thược.

Tìm sách

12. — Trong bụng đau, ngoài sợ rét, mà mạch « huyền » là thủy khắc hỏa, thời dùng bài *Tiêu-kiến-trung*, vì vị Bạch-thược chất chua để tả can là bành mộc (dùng nhiều hơn), nếu mạch trầm-tế, lại thêm đau bụng, thời dùng bài *Lý-trung*, vì vị Can-khương tính chất nhiệt mà tả thủy ở trong thổ.

13 — Đau ở dưới rốn thêm vị Thục-địa, nếu không khỏi thì là chứng hỏa hư, lại thêm vị Nhục-quế. Chứng đau bụng dưới phần nhiều bởi thận khí bôn-đồn (như heo chạy) cho nên thêm những vị kể trên.

14 — Đau cạnh-sườn hay dưới cạnh-sườn đau co lại, nên bỏ vị Thăng-ma, Sài-hồ, mà thêm vị Bạch-thược.

15. — Ho đờm, mùa xuân thêm vị Toàn-phú-thảo, vị Khoản-đông. Mùa hè thêm Mạch-môn và Ngũ-vị ; mùa thu thêm vị Ma-hoàng ; mùa đông cũng thêm vị Ma-hoàng (không bỏ rễ)

16. — Thấp khí thắng, thêm vị Xương-truật.

17, — Chứng âm hỏa thêm vị Hoàng-bá, vị Tri-mẫu.

18. — Chứng đại-tiện bí thêm vị Đại-hoàng sao với rượu.

19. — Chứng tiết tả bỏ vị Quy, thêm vị Phục-linh và Xương-truật sao.

Dưới đây là do tôi kinh nghiệm.

1. — Gà rét mà rét lắm thêm vị Can-khương.

2. — Khí trệ mà đau bụng, bội vị Thăng-ma (đau bụng có khi vì khí trệ).

Tìm sách

3.— Tỳ hư mà hoạt tả, bỏ vị Đương-quy, thêm Bạch-thược sao và Phục-linh.

4 — Tỳ hư mà ăn không tiêu hóa, nhưng chưa đến nỗi vì Tiên-Thiên hỏa hư, thì bội vị Bạch-truật mà thêm chút Can-khương, Phụ-tử, cấm những vị Chỉ-thực, Thần-khúc, Sơn-tra, Mạch-nha (vì 4 vị này háo khí).

5.— Sốt về chiều, bụng đầy hơi, đó là tỳ thổ hư không tàng được hỏa, thêm vị Phụ-tử, Ngũ-vị, thời đầy chướng về nhiệt sẽ thanh đi.

6.— Đại-tiện táo, tiểu tiện xẻn, miệng nhạt hay là lở, trong bụng nắt nhiệt, hay ăn chóng đói. thường hay uống nước mà ít, thêm Mạch-môn, Ngũ-vị, bội Thục-địa, Can-khương. (Ông Lý-Thời-Trân có nói : « Vị Thục-địa là cần cho tạng tỳ », câu nói ấy là mở mang ra sự huyền-bí, vì thế thuốc bổ tỳ phải dùng đến Thục, thời tôi sao cho thơm lên, khi thơm lại vào ngay tạng tỳ, Thục đã sao đi không còn hại đến vị khi nữa).

7.— Người rất hư yếu mà ngoại cảm, không nên phát tản. thời bài *Bổ-Trung* này không nên dùng lẫn thuốc chữa phong tà, mà Hoàng-kỳ tẩm rượu sao, Bạch-truật tẩm mật sao, lại thêm chút Phụ-tử để giúp sức, mà muốn chỉ mồ-hôi, thời còn bổ vị Đương-quy, thêm vị Bạch-thược, Ngũ-vị, vì bài Bổ-Trung đều chữa người hư yếu và cảm mạo, cho nên nếu vị khi hư yếu lắm, thời chỉ gia giảm bằng phép dùng âm dược để dẫn dương dược.

8.— Người hư yếu vừa mà cảm mạo, lại thêm nội-thương vì ăn uống, thời dùng vị Hoàng-kỳ rửa bằng rượu mà không sao, vị Bạch-truật cũng dùng sống.

Tìm sách

9. – Chứng sốt rét vì hư yếu, hoặc sốt rét lâu, nếu rét nhiều thời bội Nhân-sâm mà thêm chút Phụ-tử, nếu nóng nhiều bội Dương-quy mà thêm một ít Nhục-quế, và cùng thêm vị Bản-hạ, mà đều dùng vị Hà-thủ-ô vi quản, gừng nướng, và Thường-sơn, Thảo-quả để triệt đi, thời công hiệu như thần.

10 – Cảm mạo phong hàn không chịu nổi thuốc phát tán, hoặc vì phòng lao rồi lại thêm làm việc khó nhọc, hoặc làm việc khó nhọc lại thêm phòng lao, những chứng ấy mà ghê rét thời thêm Phụ-tử, sợ nóng thời thêm ngay Chi-tử.

11 — Dạ-dày thấy chói, ăn uống không tiêu hóa, đại-tiện táo kết, thầy thuốc dùng bài *Tứ-quân*, thêm những vị tiêu-trệ, thời chứng hơi nhẹ mà táo kết lại hơn lên. Lại dùng bài *Lục-vị* gia những vị hoạt huyết để nhuận táo, thời táo kiết hơi đỡ, mà đầy chướng tại gấp bội chứng ấy nên dùng bài *Bổ-trung* thêm nhiều vị Thăng ma Sài-hồ, mà thêm vị Mộc-hương để đem dương khí lên.

Phép gia giảm kể trên là tôi đã kinh nghiệm, mong nhà làm thuốc gặp bệnh lại suy nghiệm thêm.

12.– NHỮNG BỆNH GÌ NÊN DÙNG BÀI BỔ-TRUNG

Tôi xét bài *Bổ-trung* kể trên là tiên hiền để chữa *chứng dương hư phát sốt*, và *chứng khí hư cảm mạo*, hay *chứng nội thương thêm ngoại cảm*, vì dương hư hãm trở xuống, cũng như âm hư thời thăng trở lên, tà khí

Tìm sách

nhân hư yếu mà lấn vào, cho nên phải thăng dương khí, thời tà khí tự lui, thực ra bài *Bổ-trung* không thể uống được lâu.

Sao thầy thuốc không phân âm dương, hư thực, ngoại cảm, nội thương, hễ thấy phát sốt là cho uống bài *Bổ-trung* tự cho là dùng bài ấy để thêm cho khí huyết, có khi dùng bài *Bổ trung* mà lại bổ Thăng-ma, Bài-hồ, thời không biết ý nghĩa của bài *Bổ-trung*, vì thế, tôi kể những bệnh nên dùng bài Bổ-trung ra sau đây:

1.— Người hư yếu mà cảm mạo thời nên châm chước mà thêm vị phát-tán.

2 — Vì khó nhọc mà thụ bệnh, mà không phải cảm mạo, thời nên thêm vị bổ khí huyết.

3.— Vì ăn uống nội-thương, lại thêm ngoại-cảm, nên phân nội-thương, ngoại-cảm, bên nào nhiều bên nào ít để dùng thuốc.

4.— Người hư yếu mà thương thực, nên liệu chừng thêm vị thuốc tiêu đạo để vận hành. Nhưng nếu là người thực thời đã có bài *Bình-Vị-Tán*, và bài *Bổ-Trung* này không dùng được

5.— Ốn rồi đã khỏi vì khó nhọc mà tái phát, thời theo chứng bệnh mà thêm những vị nào hợp với chứng bệnh, nghĩa là mượn thuốc bổ để công.

6.— Chứng « âm-dương dịch-bệnh » (đàn bà yếu mới khỏi, mà đàn ông giao hợp để lây bệnh sang mình, gọi là « âm-

Tìm sách

dịch », trái lại, đàn ông ốm mới khỏi mà đàn bà giao hợp để lây bệnh sang mình. gọi là « dương-dịch », nên phân ra hàn nhiệt, nếu hàn thêm phụ-tử, nhiệt thêm chi-tử.

7. – Những chứng thoát tỏ xuống, như chứng đi tả như rót nước thẳng ra, hoặc chứng đi lị lâu mà thoát giang ra, chứng tiểu-tiện đi nhiều, chứng trụy thai, chứng hạ huyết, chứng sản hậu ra cả ruột, đều nên gia giảm bài này, mà dùng nhiều vị Thăng-ma, chứ không nên dùng nhiều vị Sài-hồ Trên đây đều là đối chứng mà gia giảm dùng bài *Bổ-trung*, nhưng có khi bệnh ở trên mà chữa ở dưới, bệnh ở dưới mà chữa ở trên, hay là dùng thuốc bổ để công hoặc dùng thuốc công để bổ, tức là ngoài phép thường.

13– NHỮNG BỆNH GÌ NÊN CẤM DÙNG BÀI BỔ TRUNG

Nhiều bệnh cấm dùng bài *Bổ-Trung*, nay tôi chỉ nói sơ-lược, để nhà làm thuốc suy nghiệm thêm ra.

1. – Chứng đờm ọe ở Thượng-tiêu, chứng thấp nhiệt ở Trung-tiêu, và chứng thương thực no đầy, bệnh đã thăng thời không nên thăng nữa.

2. – Chứng nhiệt lị mới phát, trong bụng mót đi tiêu (đại-tiện), mà lúc đi phải rặn nhiều (Lý cấp hậu trọng).

3. – Những chứng thấp nhiệt, vì chứng này còn phải lợi tiểu-tiện.

TìmSách

4.— Các chứng bệnh của trẻ em (Trẻ em đã là « thuần dương », thời không nên dùng dương dược và thăng lên.

5 — Chân âm ở dạ-dày hư yếu, là vì bài *Bổ-Trung* dùng khí được nhiều, huyết được ít, lại thêm đem trở lên.

6.— Chứng ngoài biểu không vững, mà mồ-hôi vẫn không liễm.

7.— Chứng ngoài không có tà-khí, mà âm hư phát sốt, vì bài này để trơ dương.

8 — Chứng dương khí không về chỗ, mà ngăn cách dương trở lên, hay là dương đem lên trên, mà sắc mặt hơi đỏ (cách-dương, đối-dương).

9.— Chứng tỳ và phế yếu lắm, mà hơi thở ngắn như người xuyễn.

10.— Chứng mạch-môn-hỏa suy, vì hư hàn mà tiết tả không thôi, vì hỏa đã suy thời không nên thăng.

11.— Chứng thủy thiếu mà hỏa bốc lên, mà thổ huyết, lục-huyết, vì hỏa đã bốc, thời không nên thăng đề.

12.— Bốn chân tay giá lạnh, mà dương hư chực thoát, nếu thăng lên thời nguy.

13.— Những chứng bởi trung khí hư yếu quá mà biến ra, vì đã hư yếu quá, thời không thăng đề và phát tán được.

Tìm sách

14 — BÀI BỔ-TRUNG BIẾN RA

1.— *Bài « Sâm, truật, ích vị »*, tức là bài Bổ-trung thêm Xương truật, Bán-hạ, Hoàng-cầm, Ích-trí, đều hai chỉ. Chữa chứng nội thương hay vất vả, mà táo sốt, đoản khí, miệng khát, không biết vị ăn, đại-tiện đường tiết hay là đi vần vàng.

2.— *Bài « Thanh dương thuận-khí »* chữa chứng ăn uống hay vất vả mà lo buồn đoản khí, không thiết ăn uống ghê rét, tức là bài Bổ-trung, bỏ vị Bạch-truật, thêm Thảo-đậu-khấu, Thần-khúc, Bán-hạ, Hoàng bá. Họ Ngô bàn rằng : « Vì Thăng-ma và Sài-hồ cay và ngọt để thăng thanh khí thời dương khí thuận. Vị Hoàng-bá đắng và lạnh, để giáng trọc khí thời âm khí thuận ; Sâm, Kỳ, Quy để bổ hư, Bán-hạ, Trần-bì để ngăn cách thời đờm khí thuận, vị Đậu-khấu và Thần-khúc để tiêu thực, thời cốc khí thuận xuống. Những thuốc bổ tỳ vị đều gọi là Thanh dương bổ khí, là lẽ ấy.

3.— *Bài « Ích-vị thăng dương »*, tức là bài Bổ-Trung thêm vị Hoàng-cầm sao và Thần-khúc, để chữa chứng đàn bà kinh nguyệt bất điều, hay là sau khi thoát huyết ăn ít mà tiết tả. Hết thảy chứng thoát huyết phải bổ khí, là chí lý của bậc tiên thánh.

4.— *Bài bổ-trung của Ông Lưu-thảo-Song* biến ra, tức là bài Bổ-Trung thêm Hoàng-bá, Sinh-địa, chữa chứng âm hỏa lấn dương mà phát sốt, ngày nặng hơn đêm lại tự ra mồ-hôi, đoản khí, miệng khát, không biết vị ăn. Tôi xét bài này căn cứ vào bệnh nặng và ngày mà cho âm lấn lên vị dương. Nếu dùng toàn bài Bổ-trung, thời có quan

Tìm sách

ngại. cho nên bỏ Thăng-ma mà cho thêm vị Mẫu-đơn, vị Bạch-thược tầm đồng tiền sao, bỏ vị Thăng-ma là sợ lấn lên quá, bội vị Sài-hồ để bình can, thêm vị Mẫu-đơn để mát chân huyết mà phạt hỏa, thêm vị Bạch-thược để liễm chân âm và thanh hỏa, tôi kinh trị rất hay.

5) *Bài* « *Hoàng-kỳ Hoà-trung* » của sách Bảo-Giám biến ra, chữa bệnh Thanh dương không thăng lên, mà nhức đầu sợ gió, mạch « huyền và tế », bài này tức là bài Bổ-trung thêm vị Bạch-thược, Tế-tân, Xuyên-khung, Mạn-kinh-tử.

6) *Bài* « *Điều-vinh Dưỡng vệ* » của ông Tiết-Am. Tức bài Bổ-Trung thêm Khương-hoạt, Phòng-phong, Tế-tân, Xuyên khung, để chữa chứng lao lực và thương hàn, nhức đầu phát sốt, ghê rét, hơi khát, mồ-hôi ra, mạch « phù » mà vô lực.

7) *Bài* « *Điều-trung Ích-khí* » của ông Đông-Viên, tức bài Bổ-Trung bỏ vị Đương-quy, và Bạch-truật, thêm vị Mộc-hương và Xương-truật. Bài này để chữa chứng tỳ-vị không đều, ngực đầy, chân tay mỏi, ít ăn, đoản khí, miệng không biết vị ăn, hay là ăn vào lại nôn ọe ra.

8) *Bài* « *Điều-trung Bổ-khí* » cũng của ông Đông-Viên. Tức bài Bổ-trung thêm vị Bạch-thược và Ngũ-vị, để chữa chứng khí hư nhiều mồ-hôi, và những chứng như bài Bổ-trung Ích-khí kể trên.

Tìm sách

BỆNH VỀ KHÍ HUYẾT NÊN DÙNG NHỮNG BÀI THUỐC GÌ ?

15.— BÀI TỨ-QUÂN-THANG

Nhân-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Cam-thảo và Đại-táo, Sinh-khương; sắc uống nóng.

Bài này để chữa chứng dương khí hư yếu, tỳ hư, phế tổn, mình gầy mặt vàng hay là khô trắng. da xém lông rụng. tiếng nói nhẹ, chân tay yếu, mạnh « nhuyễn và nhược », hết thảy những người bạc nhược, đoản khí, ít ăn, tiểu tiện đỏ và xẻn, đại-tiện đường tiết.

16.— Ý NGHĨA CỦA BÀI TỨ-QUÂN

Xét bài này là thuốc của Kinh Thủ-thái-âm, và Kinh Túc-dương-minh, dùng vị Nhân-sâm để bổ khí, dùng vị Bạch-truật để kiện tỳ, dùng vị Phục-linh để thấm thấp và phạt tà khí ở can, thận, để mộc và thủy không lấn được tỳ thổ, dùng vị cam-thảo để hoà Trung-châu, bài này không có thiên lệch cho nên gọi là Quân-tử.

17.— BÀI TỨ-QUÂN GIA GIẢM

Dưới đây là theo cổ-nhân, và tôi đã kinh trì :

1.— Chân tay ngại cử động, thêm vị Trần-bì, Bán-hạ, Mạch-môn, Trúc-lịch.

TìmSách

2.— Kinh sợ không ngủ thêm Khương-tảo.

3.— Chứng tiêu-khát không ăn được thêm Mộc-hương, Hoắc-hương, Cát-cánh, Sài-hồ, Ngũ-vị.

4.— Nửa người đàng phải bất toại, thêm vị Bán-hạ, Trần-bì, Trúc-lịch, nước gừng.

5.— Dương hư thêm Phụ-tử.

6.— Thổ-tả, thêm vị Biển-đậu sao vàng, nếu nội thương đình trệ nước uống lại hay mắt mờ, thời bỏ Sâm bớt thảo, mà thêm Quan-quế, nếu tiết tả không thôi, thêm vị Kha-tải, Đậu-khấu.

7.— Tỳ vị hư yếu thêm Quan-quế, Đương-quy, Hoàng-kỳ.

8.— Dạ-dày lạnh, thêm Đinh-hương, Phụ-tử, Sa-nhân,

9.— Tỳ yếu, đoản khí thêm nhiều Nhân-sâm.

10.— Bụng đầy không thiết ăn, thêm Bạch-đậu-khấu, Chỉ thực, Sa-nhân,

11.— Vì thực chứng mà ngực cách thở gấp, thêm vị Chỉ-thực, Chỉ-xác, và Bán-hạ,

12.— Ho đờm thêm Tang-bạch-bì, Hạnh-nhân.

13.— Bụng phiền mà không ổn định, thêm Tảo-nhân, Viễn-chí

14.— Bụng phiền mà khát hội Sâm thêm Kỳ.

Tìm sách

15.— Bụng phiền mà không có chứng gì khác, thêm Mạch-môn Phục-thần, Liên-nhục.

16.— Đau bụng về khí thêm Huyền-hồ, Tiểu-hồi, Đương-quy.

17.— Khí tụ thành khối thêm Tam-lăng, Nga-truật, Hồi-hương và Phụ-tử, đau về huyết cũng dùng được.

18.— Đau bụng thêm Can-khương, Xích-thược, Quan-quế, đau về huyết cũng dùng được.

19.— Khí hư thành ra chứng lụy (chân gầy thêm), thêm vị Xương-truật, Hoàng-bá, Hoàng-cầm Đương-quy chứng thấp cũng dùng được.

20.— Ốm rồi muốn điều lý tỳ-vị, thêm vị Trần-bì.

21.— Chứng sốt từng cơn trở đi trở lại, thêm vị Tiền-hồ, Xuyên-khung khát thêm vị Mộc-qua, Cát-căn và Ô-mai, thấp nhiệt mà khát cũng dùng được.

22.— Tiểu-tiện ít, thêm Trạch-tả, Mộc-thông, Chư-linh.

23.— Đại-tiện không thông, thêm Binh-lang, Đại-hoàng.

24.— Ốm rồi hư nhiệt thêm Sài-hồ, Đương quy.

25.— Chứng khó đẻ thêm vị Xạ-hương, Bạch-chỉ và Bách-thảo-sương.

26.— Trẻ em phong đờm, thêm Bạch-phụ-tử, Toàn-yết.

27.— Trẻ em người yếu sắc xanh, hay sau lưng thổ tả, mà thành chứng mạn-kinh, thêm Mộc-hương.

Tìm sách

28 — Chứng đầy bĩ mà không có gì, thuộc về chứng hàn, thêm Bào-khương, Phụ-tử, Bội-truật, có khí trệ thêm Mộc-hương.

29.— Chứng tỳ thổ hư yếu mà không liễm được dương, thêm Phụ-tử, Ngũ-vị. Nếu chứng bĩ phát từ âm phận, là tỳ âm không đủ, thêm Đương-quy, Bạch-thược, Ngũ-vị.

18 — BÀI TỨ-QUÂN BIẾN RA

1.— Bài Dị-công-tán, tức là bài *Tứ-quân* thêm Trần-bì, cũng chữa về tỳ-vị.

2.— Bài Lục Quân-tử, tức là bài *Tứ-quân* thêm Trần-bì, Bán-hạ, để chữa chứng khí hư mà có đờm, tỳ-vị đầy chướng, đem thuốc bổ để chữa chứng chướng, là « tắc nhân tắc dụng », nghĩa là đã tắc thời lại dùng thuốc cho tắc thêm. Nếu bốn tay chân không cử động được, thêm vị Trúc-lịch.

3.— Bài Hương-Sa Lục-quân, tức là bài *Tứ-quân* thêm Trần-bì, Bán-hạ, Khương-phụ, Sa-nhân, có khi đổi Sa-nhân làm Hoắc-hương, để chữa chứng hư hàn đau dạ-dầy, hoặc đau bụng tiết tả.

4.— Bài Thập-toàn Nhân sâm tán, tức là bài *Tứ-quân* thêm Trần-bì, Bán-hạ, Sài-hồ, Cát-căn, Hoàng-cầm, Bạch-thược, để chữa chứng hư nhiệt hay trào nhiệt, mà thân-thể mỏi mệt.

Tìm sách

5.— *Bài Tứ-Thú-Ẩm*, tức là bài *Tứ-quân* thêm Trần-bì, Bán-hạ, Ô-mai, Thảo-quả đều bằng nhau, và Khương, Tảo, để chữa chứng khí của ngũ tạng hư yếu hay tích-tụ đờm ẩm, và chứng sốt rát lâu về khí hư, hay là về nước độc.

6.— *Bài Lục-Quân-Tử-Tiên*, tức là bài *Tứ-quân* thêm Hoàng-kỳ, Hoài-Sơn để kiện tỳ tiến thực sau khi đại bệnh thêm Sinh-khương, Tảo-nhân để chữa chứng kinh sợ không ngủ, thêm Trúc-lịch và nước gừng để chữa chứng nửa người bên phải bất toại, và chữa chứng đờm quyết, (vì đờm mà chân giá lạnh chết ngay).

7.— *Bài Tứ-Thuận-thang*, tức là bài *Tứ-quân* bỏ Phục-linh, thêm Can-khương để chữa chứng dương hư mạch trầm không sốt sợ sáng, đau bụng đi lị. Nếu chữa phần âm-dương, bắt đầu cho uống, là dương chứng thời phát sốt, là âm chứng thời không phát sốt.

8.— *Bài Tam-Bạch-Thang*, tức là bài *Tứ-quân* bỏ Sâm thêm Bạch-thược, để chữa chứng hư-phiền và tiết-tả, hoặc khát, bài nầy là phương thuốc rất hay, để điều lý chứng nội-thương và ngoại-cảm

9.— *Bài Lục-Thần-tán*, tức là bài *Tứ-quân*, thêm Hoài Sơn, Biển-đậu đều sao, và Khương-tảo, chữa chứng tiểu-nhi ngoài da nóng đã khỏi rồi lại nóng.

Thầy thuốc đến chứng nầy không hiểu ra sao, thấy khỏi rồi lại nóng thời lại dùng thuốc mát, hay lại giải biểu, có người bảo là không chữa được. Chứng ấy là vì biểu lý đều hư yếu, khí không về chỗ mà dương bốc ra ngoài. Nhưng chỉ dùng bài nầy thêm gạo nếp làm thang để sắc

Tìm sách

uống, cho hòa khí ở tỳ vị, thời thu dương khí vào trong là mát, nếu nóng nhiều thời thêm Thăng-ma, Tri-mẫu gọi là *Ngân-bạch-thang*.

19 – NHỮNG BỆNH GÌ CẤM DÙNG BÀI TỨ-QUÂN

1.— Chứng âm hư hỏa động, nếu không tiến thực mà phải dùng bài này, thời vị Phục-linh, Bạch-truật chỉ tạm uống, vì dương dược bảo chân âm. (Tôi có bài *cứu-âm tiếp-dương*, và *cứu-dương tiếp-âm*, đã nói rõ ở cuốn Đạo Lưu).

2.— Trẻ em bình thể đen gầy, chỉ nóng bằng bằng mà không ghê rét, gầy đen, tân-dịch khô kiệt, bụng nóng, mình như củi khô, khát nhiều, đại-tiện táo, khóc không có nước mắt. Những chứng trên của trẻ em là bởi âm hư nếu thêm dương dược thời họa tới như trở bàn tay. Lúc tôi mới làm thuốc, gặp chứng á-khoa (khoa chữa trẻ em còn ngọng tức là Nhi-khoa), chỉ để ý vào 2 chữ thiếu chân âm và dương dược chỉ dùng lúc cần thiết, tôi đã bàn kỹ ở thiên Lạc-Sinh, tức là tập Hỏa ở trong quyển Ẩu-Ẩu. (nhiện tập Hỏa bản chính bị mất)

3.— Những chứng huyết hư, không nên uống riêng bài Tứ-quân, để bảo thêm chân huyết.

20 – BÀI TỨ VẬT THANG

Xuyên-khung, Đương-quy, Sinh-địa, Bạch-thược, sắc uống hơi nóng, bài nầy do ông Chu-Đan-Khê lập ra, để chữa những chứng Hậu-Thiên huyết hư, những chứng về chiêu phát

Tìm sách

sốt, hay là sốt âm chưng chưng, lòng bàn chân nóng, cũng chứng đàn bà huyết đen, huyết thành khối mà kinh nguyệt bất điều, rốn bụng hay đau. Ông Đan-Khê có nói : « Nguyệt-kinh thành khối là khí ngưng lại, khi hành kinh mà đau là khí trệ, hành kinh rồi mới đau là khí huyết đều hư, mà không tươi đỏ cũng là hư yếu, mà đen là nhiệt. Nhiều người thấy đen mà thành hòn khối, đều cho là phong lấn vào, mà dùng thuốc ôn nhiệt, thời tai hại đến ngay ». Nội-kinh cũng nói : « Nhiệt thời tía, mà nhiệt lắm thời đen ».

Chứng băng-huyết hay là chứng lậu-huyết (huyết rỉ ra) hoặc đàn bà động thai ra huyết không ngừng, hoặc sản-hậu vì phong hàn lấn vào trong, mà ác huyết không ra, đến nỗi bụng dưới rắn đau, thường phát sốt phát rét.

Bài Tứ-vật này không những chữa các chứng trên, mà còn điều dưỡng được khí huyết, là chứng đàn ông tinh huyết hư yếu. Đàn bà khí trệ thời huyết biến sắc. (Đàn ông huyết thịnh thì tinh mới cường, cho nên muốn thêm tinh cũng phải bổ huyết).

21. — Ý NGHĨA CỦA BÀI TỨ VẬT

Bài này là thuốc chữa về Kinh Thủ-thiếu-âm, Kinh Túc-thái-âm và Kinh Túc-quyết-âm. Vì có vị Đương-quy cay và ôn, đắng và ngọt, chủ về chữa huyết, vị Sinh-địa cam và hàn, (có khi thay bằng Thục-địa) Vị Bạch-thược chua và hàn lại liễm được âm phận, vị Xuyên-khung cay và ôn, đi lên trên và đi xuống dưới, để cổ võ những vị kia.

TìmSách

Người nào khí huyết đều hư yếu, thời trong bài nầy thêm vị Nhân-sâm để dương vượng sinh ra âm. *Những vị để giúp bài thuốc nầy như :* Đào-nhân, Hồng-Hoa, Tô-mộc, Đơn-bì thời chứng huyết trệ nên dùng thêm. Như vị Bồ-hoàng, A-dao, Địa-du, Bách-thảo-xương, Tôn-đồng-hôi thời chứng huyết băng nên thêm vào. Như vị Thung-dung, Tảo-dương, Ngưu-tất, Câu-kỷ, Quy-bản, Hạ-khô-thảo, thời chứng huyết hư nên thêm vào. Như vị Nhũ-hương, Một-dược, Ngũ-linh-chi, Lăng-hoa-tiêu, thời chứng đau bụng về huyết nên thêm vào. Như vị Khương, Quế thời chứng huyết hàn nên thêm vào. Như vị Khổ-sâm, và nước Sinh-địa, thời chứng huyết nhiệt nên thêm vào.

Ông Đan-Khê chữa chứng âm hư, thời trong bài Tứ-vật cũng phân ra âm dương, Xuyên-khung, Đương-quy có tính chất động là dương, Thục-địa, Bạch-thược mà có tính chất tĩnh là âm, cho nên chứng âm không đầy đủ, thời ông Đan-Khê cũng bỏ cả Khung và Quy, chứng dương không đầy đủ thời ông dùng cả Khương, Quế. Ông Học-Cao cũng nói : « Thục-địa và Bạch-thược để dưỡng cho chân âm, mà Xuyên-khung và Đương-quy để điều khí ở trong huyết ».

Hơn nữa, chứng thất huyết nhiều, mà tinh mệnh chỉ còn như cái tóc, tối kỵ bài Tứ-vật, mà khi ấy phải dùng đến Sâm, Kỳ. Hơn nữa, vị Xuyên-khung hành khí, không nên dùng nhiều, vị Bạch-thược với chứng sản hậu phải tẩm rượu sao kỹ, và bài nầy người tỳ-vị hư yếu không nên dùng.

Tìm sách

22— BÀI TỨ-VẬT GIA-GIẢM

1 — Huyết nhiệt muốn nát đi, nếu ở tạng Tâm thêm Hoàng liên, ở tạng can thêm vị Điền-cầm (thứ Hoàng-cầm nhỏ), ở tạng phế thêm vị Khô-cầm (thứ Hoàng-cầm này ở trong khô), ở đại-tràng thêm vị Thực-cầm (thứ hoàng-cầm săn chắc), ở mật thêm vị Hoàng-liên, ở Bàng-quang thêm vị Hoàng-bá, ở dạ-dày thêm vị Đại-hoàng, ở Tam tiêu thêm vị Địa-cốt-bì, ở Tân-bào-lạc thêm vị Đan-bì ở Tiểu-tràng thêm vị Đơn-chi. Mộc-thông.

Muốn thanh cho khí phận ở tạng tâm vào bào-lạc, thêm vị Mạch-môn, ở tạng phế thêm vị Chỉ-xác, ở tạng can thêm vị Sài hồ, vị Thanh-bì, ở dạ-dày thêm vị Cát-căn và Thạch-cao, ở Đại-tràng và Tam-tiêu thêm vị Liên-kiều, ở Tiểu-tràng thêm vị Xích-phục-linh, ở Bàng-quang thêm vị Hoạt-thạch và Hồ-phách.

3 - Chứng lao tâm hay hiếu sắc hại đến chân âm, dương-khí thăng lên mà biến ra tráng-hỏa, thế là âm hư hỏa vượng, nên thêm vị Tri-mẫu và Hoàng-bá.

4.— Chứng huyết hư mà nhiệt, thêm Quy-bản, huyết táo thêm sữa khô của người.

5.— Huyết hư thêm Hồng-thao, Đào-nhân, và nước dái trẻ em.

6.— Băng huyết không thôi, thêm Bồ-hoàng sao đen và mực tốt, bỏ vị Xuyên-khung.

7.— Người béo có đờm, thêm vị Bán-hạ, Nam-tinh, và Quất-hồng.

Tìm sách

8.— Người gầy có đờm thêm Chi-tử, Tri-mẫu, và Hoàng-bá đều sao đen.

9.— Chứng uất thêm vị Mộc-hương, Sa-nhân, Thương-truật, Thần-khúc.

10 — Chứng huyết trệ thêm Đào-nhân, Hồng-hoa, Huyền-hồ, Nhục-quế.

11.— Chứng khí hư thêm Sâm, Kỳ, nếu khí thực thêm Chỉ-xác.

12.— Chứng cảm phong thêm Khương-hoạt, Phòng-phong.

13.— Chứng huyết ráo thêm Thiên-môn-đông.

14.— Chứng huyết hư mà đau bụng, sợ gió, có ra ít mồ hôi, thêm vị Quan-quế.

15.— Chứng khí hư, sức yếu mà bởi uất trệ thêm Hậu-phác, Trần-bì, người dương hư yếu không dùng được.

16.— Chứng âm hư hỏa động, thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá.

17.— Khát, số', phiền táo khó ngủ, thêm Chi-tử, Hoàng-liên, bội Bạch-thược, mà bỏ Xuyên-khung, (vì chứng âm hư phải dùng thuốc thuần tĩnh).

18.— Ghê sợ rét tự ra mồ-hôi, khó thở mạch « vi » thêm Khương-phụ.

19.— Chứng thấp khí mà nặng mình sức yếu, hay là người mắt hơi có mồ-hôi thêm Phục-linh, Bạch-truật.

Tìm sách

20.— Khí huyết xông trở lên, mà bụng trên, bụng dưới, cạnh sườn đầy và buồn, thêm Mộc-hương, Binh-lang.

21.— Dưới rốn lạnh đau bụng, hay là ngang lưng đau buồn, thêm vị Huyền-hồ, Khổ-luyện.

22.— Chứng yếu mà lạnh (Hư-lãnh), hợp với bài *Sâm-tô*, nếu có trào nhiệt (Nóng từng cơn), thêm vị Địa-cốt, Hoàng-cầm, Hoàng-bá.

23.— Chứng hư hàn, nóng từng cơn, thêm Sài-hồ, Địa-cốt, Phục-linh, Cam-thảo, Tân-bông.

24.— Huyết phận vì trúng phong mà hai cạnh-sườn đau nổi lên hay trong bụng thành khối, thêm Đại-hoàng, Tất-bát, Nhũ-hương.

25.— Huyết yếu vì phong, mà bốn chân tay tê nhức, đi khó, thêm Nhũ-hương, Một-dược, Nhân-sâm, Cam-thảo, Ngũ-linh-chi, Khương-hoạt, Độc-hoạt, Phòng-phong, Kinh-giới, Địa-long (đất run đùn), Nam-tinh chế và sao, Phụ-tử-lan diệp, bài này nên hoàn với mật mà chiêu bằng nước muối loãng.

26.— Oẹ ngược lên, ăn uống không lọt, thêm vị Nhân-sâm, Bạch-truật, Đinh-hương, trích-thảo, Sa-nhân, Linh-chi Hồ-đào.

27.— Ho đờm, thêm Tang-bạch-bì, Sa-sâm, Sinh-khương, Cam-thảo và Bán-hạ chế-sao.

28.— Phát sốt về quá trưa mà người và tay chân mỏi mệt, thêm Bạc-hà, gừng sống.

Tìm sách

29.— Nước đình tích ở dưới bụng và chực thổ ngược lên, thêm những vị Chư-linh, Phục-linh và Phòng-kỷ.

30.— Trúng-phong hạ huyết, thêm vị Hoè-giác, Hòe-hoa, Chỉ-xác, Kinh-giới (sao đen), Hoàng-cầm, Đại-phúc-bì, Hoa mào-gà-trắng, tán bột chiêu với nước muối loãng.

31.— Mọi chứng thấp mà đau mình, thêm vị Bạch-truật và Thiên-ma, Phục-linh, Xuyên-sơn-giáp sắc với rượu.

32 — Chứng ống chân nhứt, thêm vị Đại-phúc-bì, Xích-tiểu-đậu, Phục-linh-bì, Sinh-khương-bì.

33.— Chứng đàn bà, gân cốt đốt chân tay đau nhức, không chịu được, bỏ vị Sinh-Địa, thêm Can-khương.

34 — Bổ huyết để ngừng chứng băng huyết, thêm vị Bách-thảo-sương, Thỏ-ty, Bồ-hoàng và Long-cốt.

35.— Muốn trừ huyết cũ sinh huyết mới, thời thêm Cam-thảo rồi tán nhỏ hoàn (viên) với mật, mà chiêu bằng nước gừng thanh đun sôi.

36.— Đàn bà thương hàn, uống thuốc phát tán và hạ, rồi ăn uống kém thời uống hợp với bài Tứ-quân tức là bài *Bát-Trân*.

37.— Quá trưa phát sốt, người mệt, kinh-nguyệt bế, thêm Sinh-khương, Bạc-hà.

38.— Kinh nguyệt tím hay đen, thêm cầm, liên, kinh-nguyệt đỏ mà nhợt thêm Quế, Phụ.

39.— Kinh-nguyệt không đều dưới rốn hay đau, bội Thục, thêm Kỷ.

Tìm sách

40.— Sắp hành kinh mà rốn và bụng dưới đau như vặn ra, là huyết bế sáp, thêm vị Huyền-hồ, Mộc-hương, Binh-lang, và vị Khổ-luyện sao gần cháy.

41.— Đau bụng như thể có tiếng sôi động, mà kinh-nguyệt không đều, bội thục, thêm Quế-tâm.

42.— Kinh thủy thấy nhiều mà đau bụng, thêm Cầm, Liên, nếu huyết nhợt mạch « tri », thêm Quế, Phụ.

43.— Kinh-nguyệt tím và đen mà mạch « xáo », hay là thấy trước kỳ hạn, thêm Cầm, Liên.

44.— Kinh-nguyệt không đều, tháng nhiều tháng ít, tháng thấy trước tháng thấy sau, mà nôn ọe ngược lên, bụng bành chướng, thêm Trần-bì, hoàn-kỳ.

45.— Kinh-nguyệt ngưng trệ mà đau bụng, thêm Bạch-truật, Quan-quế, Ngũ-linh-chi.

46.— Kinh bế, thêm Chỉ-xác, Đại-hoàng, Mộc-thông, Sơn-chi, Sa-tiền, kinh-giới.

47.— Kinh-nguyệt bế đã lâu, thêm Nhục-quế, Cam-thảo, Hoàng-kỳ, Khương-hoàng, Mộc-thông, Hồng-hoa.

48.— Kinh-nguyệt dầm dìa không dứt, tháng nhiều tháng ít, vừa đỏ vừa trắng, thời thường ri ra, thêm Hoàng-kỳ, A-dao, Tục-đoạn, Bách-diệp sao đen.

49.— Có thai mà thương hàn trúng phong, trong lý hư yếu tự ra mồ-hôi, nhức đầu ngang cổ, người sốt ghê rét thêm Quế-chi, Địa-cốt.

Tìm sách

50.— Có thai mà thương hàn, nhức đầu, người sốt không có mồ hôi, bớt Xuyên-khung, thêm chút Ma-hoàng, Tế-tân.

51.— Có thai mà thương hàn, trúng phong và thấp, người sốt nhức đầu, thêm Phòng-phong, Xương-truật.

52.— Có thai mà thương hàn và thập độc và phát ban, thêm Sài-hồ, Hoàng-cầm và chút Thăng-ma.

53.— Có thai mà thương hàn, nếu là chứng xúc huyết, bội Thục-địa, thêm chút Đại-hoàng.

54.— Lậu thai, ra huyết, thêm A-dao, Ngải-diệp, Bổ-hoàng.

55.— Thai động không yên mà ra huyết, thêm A-dao, Ngải-diệp, Hoàng-kỳ, Hành.

56.— Thai khí không lên tạng can, lưng gối tê, đi đứng khó, thêm vị Chỉ-xác, Mộc-thông, Liên-kiều, Kinh-giới, Khương-hoạt, Sơn-chi, Cam-thảo, Bắc đèn ngày xưa.

57.— Muốn ôn bổ hạ-tiêu, thêm Can-khương, Trích-thảo.

58.— Khí ở dưới rốn động lên, mà bụng dưới đau, thêm Huyền-hồ.

59.— Khí nhiệt mà miệng ráo, thêm Mạch-môn, Hoàng-cầm.

60.— Khát về chứng hư, thêm Sa-sâm, Cát-cánh, Ô-mai, Thiên-hoa.

Tìm sách

61.— Huyết hư yếu mà nhiều mồ-hôi, thêm Mẫu-lệ, và Ma-hoàng-căn.

62. — Bốn chân tay nề đau không cử động được, thêm Xương Truật.

63. — Huyết hư mà táo kết, hợp với bài Điều-vị Thừa-khí.

64.— Nhân nóng mà sinh ra phong, bội vị Xuyên-khung thêm Sài-hồ, Phòng-phong.

65.— Tạng can huyết nhiệt thêm Kinh-giới, Sài-hồ.

66.— Nôn oẹ, thêm Bạch-truật, Nhân-sâm, Sinh-khương.

67.— Vừa sốt vừa rét thêm Đan-bì, Sài-hồ, Can-khương và Sinh-khương.

68 — Chứng hàn nhiệt vãng lai, thêm Bào-khương (gừng sao) và Đan-bì.

69.— Chứng khát nhiều, thêm Thạch-cao, Tri-mẫu.

70.— Chứng mồ-hôi nhiều, thêm Phù-tiểu-mạch.

71.— Chứng hư lao tựa như thương hàn, thêm Nhân-sâm, Phòng-phong, Sài-hồ.

72.— Chứng huyết xấu muốn thay đi, thời dụng Quy-vĩ, mà Bạch-thược thay bằng Xích-thược.

73 — Đàn-bà chứng xích hay bạch đái rớt ra, thêm Quế-chi, Hương-phụ.

74.— Đàn bà ra huyết từng phiên, dùng Sinh-địa, và thêm Ngó-sen.

Tìm sách

75.— Chứng huyết tích, thêm Tâm-lăng, Nga-truật, Quan-quế, và lá-sơn đốt cháy.

76.— Kinh nguyệt bế xáp, thêm Quỳ-hoa, Hồng-hoa, kinh-nguyệt ít mà sắc huyết phải chăng bội Quy, Thục.

77.— Kinh nguyệt như nước đỗ đen, thêm Cầm, Liên

78.— Kinh nguyệt không dứt, thêm vị gương-xen khô sao.

79.— Huyết trệ không khỏi, thêm vị Đào, Hồng.

80.— Đàn bà thương hàn ho lâu, thêm Nhân sâm, Ngũ vị.

81.— Có thai mà trong bụng phiền, thêm Trúc-nhự (tinh tre)

82.— Sản hậu khó nhọc mà hư nhiệt, hợp với bài *Tiểu-Sài-Hồ*

83.— Sản hậu đau bụng, thêm Chỉ-xác; Nhục-quế.

84.— Sản hậu ác huyết không ra hết mà đau bụng không thôi, thêm Đào-nhân; Tô-mộc, Ngưu-tất.

85.— Sản hậu đau bụng huyết thành khối mà đau sôi lên, thêm Ngải-diệp, Một-dược mà uống với rượu.

86.— Sản hậu bị kinh sợ mà khí trệ, vì huyết xấu thành bệnh, hoặc chướng đau bĩ mãn, hoặc nóng rét mà tứ chi đau nhức, thêm Huyền-hồ, Một-dược, Bạch-chỉ, cùng tán bột, chiêu với chút rượu.

87.— Sản hậu, phong tà nhân hư yếu lấn vào, hay

Tìm sách

là thương phong mà nhức đầu phát sốt, tự ra mồ-hôi, xương đốt đau nhức, thêm Kinh-giới-tuệ, Thiên-ma, Hương-phụ, Hoắc-hương.

88.— Sản hậu trào nhiệt, thêm Xích-thược, Sài-hồ, Mẫu-đơn, Địa-cốt.

89.— Sản hậu đau mắt thêm Khương-hoạt, Kinh-giới, Cúc-hoa, Cam-thảo, Mộc-tặc, Thảo-quyết-minh, Thạch-quyết-minh.

90.— Sản hậu phù nề, thở vội, trong cuống-họng khò khè như tiếng gà, thêm Mẫu-đơn, Kinh-giới, Bạch-truật, Tang-bạch-bì, Xích-tiểu-đậu, Đại-phúc-Bì, Hạnh-nhân, Bán-Hạ.

91.— Sản hậu mất tiếng không nói được, thêm Sa-sâm, Kha-tử và đường cát.

92.— Sản hậu đi ỉy, thêm Nhũ-hương, Long-cốt, Sơn-thù, Mộc-hương, Nhục-quế, Xương-truật, Mẫu-đơn, Bạch-vi, Nhân-sâm, Cam-thảo, Thạch-lan-diệp, Hồi-hương, Hoàn với mật mà sắc nước Mộc-qua để chiêu đi.

93.— Sản-hậu buồn mà mê loạn, thêm vị Phục-thần Viễn-chí.

23.— BÀI TỨ-VẬT BIẾN RA

1.— *Bài Tri-Bá Tứ-vật Thang* : Tức bài Tứ-vật thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, đều sao để chữa chứng âm hư có hoả.

Tìm sách

2.— *Bài Khảm-Ly-Hoàng* : Tức bài Tứ-vật thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Mạch-môn, Ngũ-vị, Sinh-địa thay bằng Thục-địa, tán mạt hoàn với mật, để chữa chứng âm hư thổ huyết.

3.— *Bài Tứ-Âm giáng-hoả* : Tức bài Tứ-vật thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Huyền-sâm, cũng để chữa chứng âm hư có hoả. Ông Đan-Khê có bàn : « Chứng lao-sái bởi ở âm hư, là từ giờ Tý đến giờ Tị thuộc về Dương, từ giờ Ngọ đến giờ Hợi thuộc về Âm, âm hư thời nóng, nóng trước giờ Tý giờ Ngọ. Thức thuộc về Dương, ngủ thuộc về Âm, âm hư thời ra mồ-hôi trộm trong khi ngủ. Thăng thuộc về Dương, giáng thuộc về Âm, âm hư thời khí không giáng được, mà đờm rãi ngược lên, nhổ ra không ngừng. Âm hư thời mạch « phù mà hồng và đại » bệnh ấy nên dùng bài Tứ-vật thêm Trúc-lịch, và Hoàng-bá, cùng Quy-bản đều sao để bổ âm giáng hoả ». Ông còn nói : « Chứng ấy còn nên xa sắc dục, tĩnh tâm điều dưỡng để giúp sức ».

Sách Chuẩn-thằng có nói : « Ông Đan-Khê bàn như trên, cho chứng lao sái là bởi âm hư, mà dùng bài Tứ-vật thêm Tri, Bá. Nhưng thầy thuốc tuân theo, trăm người không khỏi một người, là cớ làm sao ? Vì âm hư thời hỏa bốc lên, thế mà trong bài Tứ-vật vị Đương-quy cay và ôn, vị Xuyên-khung bốc trở lên, vị Thục-địa trệ đến tỳ-vị, còn vị Tri-mẫu và Hoàng-bá đều là khổ-hàn, gọi là giúp chân âm, mà kỳ thực lại phạt nguyên khí » —. Theo sách Chuẩn-thằng thời không bằng dùng vị Ý-dĩ-nhân, vị Bách-hợp, vị Thiên-đông, vị Mạch-đông, Tang-bì, Địa-cốt, Đan-bì, Tảo-nhân, Ngũ-vị, Tỳ-bà, rồi giúp sức bằng nước Sinh-địa, nước Ngó-sen, sữa người, nước dái trẻ em v.v...

Tìm sách

Nếu có đờm thời dùng vị Bối-mẫu, có huyết thời thêm vị A-dao, sốt nhiều thời thêm vị Địa-cốt, ăn ít bội vị ý-dĩ, dùng như trên thời hiệu nghiệm rất nhiều.

Sách Chuẩn-Thằng lại nói : « Chứng hư-lao là tâm và phế hư yếu, không có vị thuốc để dính liền lại với nhau thời không thể được, tinh huyết đã khô, thì phải dùng vị thuốc nhu nhuận. Vậy chỉ nên dùng Sâm, Kỳ, Thục-địa, Thiên-đông, Mạch-đông, Khởi-tử. Sắc thành cao. Lại dùng vị Ý-dĩ-nhân, sắc lấy nước rồi hoà với cao kể trên, và cao Ban-long, cao Lộ-thiên tán ra mà uống. Đại-để vị Ý-dĩ và bách-hợp là chữa chứng phế hư, Sâm, Kỳ để chữa chứng thận hư, là vì phế thận thuộc về âm. Bổ thận tức là bổ âm. Chớ không nên dùng bài Trí-bá Tứ-vật »,

4) *Bài Ngọc-chúc-tán :* Tức bài Tứ-vật dùng Quy-vĩ, mà Bạch-thược thay bằng Xích-thược, lại thêm Đại-hoàng, Mang-tiêu, Cam-thảo để chữa chứng kinh bế đau bụng người gầy hay đói.

5) *Bài Nhị-liên Tứ-vật :* Tức là bài Tứ-vật thêm Hồ-Liên để chữa hư-lao, huyết hư mà ngực và lòng bàn chân bàn tay (ngũ tâm) đều nóng. Nhiệt vào đến huyết phận về âm phận thời phát sốt, (huyết phận tức là mạch « Xung »).

6) *Bài Tâm-hoàng Tứ-vật :* Tức bài Tứ-vật thêm Hoàng-bá, Hoàng-cầm, Cam-thảo, để chữa chứng âm hư mà sốt từng cơn (trào nhiệt).

7) *Bài Tâm-hoàng Bổ-huyết :* Tức bài Tứ-vật thêm vị Hoàng-kỳ, vị Mẫu-đơn, Thăng-ma, Sài-hồ để chữa chứng huyết hư mà sau bộ mạch đều « đại », ấn tay mạnh thời lại thấy không-hư, sở dĩ bài này dùng cả Sinh-địa là để

bổ huyết, dùng vị Mẫu-đơn là để mát chân huyết, Hoàng kỳ để bổ khí, Thăng-ma, Sài-hồ, để thăng dương khí, dương vượng thì sinh ra âm.

8) *Bài Nguyên-nhung Tứ-vật* : Tức bài Tứ-vật thêm Đào nhân, Hồng hoa để chữa chứng đại-tiện kết hay bí, hay vì bị đòn bị ngã mà ứ huyết.

9.— *Bài Trị-Phong Lục-Hợp* : Tức bài Tứ-vật thêm Khương-hoạt, Phòng-phong, bài này để sắc uống, nhưng có khi hoàn với mật, thời gọi là *Bổ-tan-hoàn*, vì tạng can được vị khác tản đi tức là bổ. Bài này có khi dùng vị Tần-bông, để chữa chứng hư yếu cảm phong mà choáng váng, đại-tiện khó đi.

10.— *Bài Trị-Khí Lục-Hợp* : Tức bài Tứ-vật thêm Mộc-hương, Binh-lang, để chữa chứng huyết hư khí trệ, hay là huyết khí xông trở lên.

11.— *Bài Thần-Ứng Dưỡng-Chân-Đan* : Tức bài Tứ-vật thêm Thiên-ma, Khương-hoạt hoàn với mật, để chữa chứng tạng can bị phong-hàn, hay thấp, chân tay thượt ra (bất toại), tiếng nói không rõ, và chứng cước-khí (to hai ống chân) vì huyết hư.

12.— *Bài Hoạt-Lạc Tứ-Vật* : Tức bài Tứ-vật thêm Đào-nhân, Hồng-hoa, Trúc-lịch, nước gừng; để chữa chứng bán thân bất toại, chứng ấy ở bên trái là thuộc ứ huyết, huyết đã ứ thời huyết mới không sinh được, cho nên dùng Đào, Hồng để hoạt huyết, thêm Trúc-lịch, nước gừng để hoá đờm.

13.— *Bài Phòng-phong Đương-quy-tán* : Tức bài Tứ-vật bỏ vị Thược, thêm vị Phòng-phong; để chữa chứng mồ hôi ra quá nhiều, mà thành ra chứng tê phong co giật (trí).

Tìm sách

14.— Bài Tứ-Thần-Thang : Tức bài Tứ-vật, bỏ Sinh-địa thêm Can-khương, để chữa chứng đàn bà huyết hư, bụng trên bụng dưới đau gấp.

15. Bài Giao-Ngải-Thang : Tức bài Tứ-vật, thêm A-dao Ngải-diệp, Cam-thảo, để chữa chứng đàn bà mạch « Xung » và mạch « Nhâm » hư tổn, kinh nguyệt chảy rỉ ra (lâm-lịch) mà chứng huyết hư đi lị.

16.— Bài Ngải-Phụ Noãn-cung-hoàn : Tức bài Tứ-vật thêm Ngải-diệp, Hương-phụ (lấy nước đái trẻ, và nước muối, rượu, giấm thanh bằng nhau, đem hương-phụ tẩm hai ngày hai đêm, rồi sao vàng sẫm, các vị trên hoà với nước giấm thanh) làm viên để chữa chứng Tử-cung lạnh mà không có con.

17.— Bài Phu-Bảo-Đan : Tức bài Noãn-Cung-hoàn thêm A-dao để chữa chứng đàn bà nóng tận xương, lại chữa chứng hư hàn mà kinh-nguyệt bắt đầu. Bài này có khi thêm Đan-bì và Địa-cốt.

18.— Bài Phật-Phủ-Tán : Tức bài Tứ-vật bỏ Thược và Sinh-địa, mà chỉ còn hai vị Khung, Quy. Bài này để chữa chứng sản-hậu, huyết hư, váng đầu, có thể trục được ứ-huyết để sinh huyết mới, lại chữa chứng thai chết ở trong bụng, uống bài này là ra thai.

19.— Bài Tam-Hợp-Tán : Tức bài Tứ-vật hợp với bài *Tứ-Quân* và bài *Tiểu-Sài-Hồ*, để chữa chứng hư-lao đã lâu.

20.— Bài Sinh-Địa Hoàng-Liên Thang : Tức bài Tứ-vật thêm Phòng-phong, Chi-tử, Hoàng-cầm Hoàng-liên, tán mạt mỗi lần uống 5 chỉ, nếu mạch « thực » thêm vị Đại-hoàng,

Tìm sách

để chữa chứng đàn bà huyết-phong, (phong vào huyết phận) mà ra huyết quá nhiều, đến nỗi khô ráo mà tuần y mô sàng (vuốt áo sờ giường) nhắm mắt, giơ tay, đập chân, nói mê mất thần trí, con trai thất huyết nhiều quá cũng bị chứng bệnh như trên.

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC HỢP CẢ KHÍ VÀ HUYẾT

24— BÀI BÁT-TRÂN

Tức bài Tứ-quân và Tứ-vật hợp nhau để chữa tâm và phế thương tổn, khí huyết đều hư (tâm chủ huyết mà phế chủ khí) và chứng dạ-dày yếu không sinh ra cơ nhục, ghẻ rét, phát số, phiền táo, miệng khát, đại-tiện không thực dạ, ăn uống không tiêu, bụng dưới đau dữ dội, choáng váng hôn trầm, v v.. những bài dưới đây đều thêm gừng sao gần cháy (bào-khương để dẫn khí dược vào khí phận, huyết dược vào huyết phận, (ừng) muốn phát tán thì để sống, muốn ôn trung thì nướng lên, mà gọi là ôi-khương, sao gần cháy là bào-khương, sao đen là thán khương hay Lắc-khương.

25— Ý NGHĨA CỦA BÀI « BÁT-TRÂN »

Khí và huyết là Lưỡng nghi trong thân người, tức là âm dương, vậy chỉ dùng bài Tứ-vật thời thiên về âm huyết, mà dùng liền bài Tứ-quân thời thiên về dương khí, vậy hợp lại mà dùng để điều hòa cả khí huyết, âm

Tìm sách

dương không bên nào hơn nhau. Nội-kinh có nói : « khí huyết có hòa bình thì tuổi trời mới thọ ».

26.— BÀI BÁT-TRÂN GIA GIẢM

1.— Khí hư nhiều thời bội bài Tứ-quân, mà bài Tứ-vật thời bỏ Xuyên-khung.

2.— Hư yếu mà hàn thêm vị Nhục-quế, hơn nữa thêm Can-khương, Pao-tử.

3.— Hư yếu mà trệ thêm vị Trần-bì.

4.— Hư yếu mà không liễm được thời bỏ Xuyên-khung thêm Ngũ-vị.

5.— Huyết hư yếu nhiều mà khí hư yếu ít, thời Bội bài Tứ-vật nhưng bỏ Xuyên-khung. Còn bài Tứ-quân ít đi mà bỏ Phục-linh, vị Bạch-truật thời lần nước sữa người mà sao.

6 — Khí huyết đều hư yếu mà có ngoại cảm, lại không nên phát tán, thêm vị Hoàng-kỳ Nhục-quế. Nếu người già mà sốt rét, hay là người sốt rét lâu khí huyết hư quá, nên nồng nhiều để triệt đi.

27.— BÀI THẬP-TOÀN ĐẠI-BỔ THANG

Tức bài Bát-trân thêm vị Hoàng-kỳ, Nhục-quế, để chữa những chứng hư yếu mỏi mệt, mà các bệnh chứng vì hư yếu phát ra rất nhiều, chứng phát sốt mà khát, cuồng họng đau, lưỡi rạn nứt ra, tâm hồn lỗi loạn, choáng váng hoa

Tìm sách

mắt, khó ngủ, ăn không tiêu, hết thảy chứng khí huyết đều hư, nặng quá thời chân âm kiệt mà hư dương bốc lên, tạp chứng có nhiều. Bài này còn giúp cho dương khí để giữ vững ngoài biểu.

28 – Ý NGHĨA CỦA BÀI « THẬP TOÀN »

Ông Đạn-Khê nói : « là thực hỏa thời nên tả đi, như những vị Cầm và Liên, nếu là hư hỏa thời nên bổ như những vị Sâm và Kỳ, những người căn bản đã thụ thương, mà dùng lầm thuốc để công nhiệt thời biến thành nguy chứng; vì thế bài này kiêm bổ khí huyết, mà thêm vị Hoàng-kỳ để vững ngoài biểu, vị Nhục-quế để dẫn hỏa quy nguyên ». Ông Lập-Trai cũng nói : « những chứng phát sốt, vì ăn uống hay vì khó nhọc nên dùng bài này cho vững căn bản thời các chứng tự lui ». Ông Vương-Hàm cũng nói : « Bài này là 10 phần bổ cả 10 phần; mà không tả đi chút nào ». Vì trong có Quế, Truật và Cam-thảo tức là bài Tiểu-kiến-trung, thêm vị Hoàng-kỳ tức là bài *Hoàng-kỳ Kiến-trung*, là đủ cả bài Tứ-Quân và bài Tứ-vật, vì bắt chước số thành của trời đất, cho nên gọi là bài Thập-toàn.

29– SÁU BÀI THUỐC DO BÀI « THẬP-TOÀN » BIẾN RA

1.– *Bài Đại-bổ-Hoàng-Kỳ Thang* : tức bài Thập-toàn bỏ Thược thêm Sơn-thù, Ngũ-vị, Nhục-thung-dung, và gừng, táo sắc uống, để chữa những chứng khí huyết đều hư, mà tự ra mồ-hôi không chỉ, và chứng dương hư mà phát huyết (chân tay giá lạnh).

2.– *Đại-Phòng-Phong thang* : Tức bài Thập-toàn thêm

Phòng phong Khương-hoạt, Phụ-tử, Đỗ-trọng, Ngưu-tất, (vị Hoàng-kỳ sợ vị Phòng-phong nhưng dùng chung nhau thời ngừng mồ-hôi rất mạnh) để chữa các chứng Hạc-tất-phong (vì phong mà đầu gối to lên như gối hạc).

3.— *Bài Ôn-Kinh Ích-Nguyên Tán* : Tức bài thập-toàn bỏ Xuyên-khung, thêm Trần-bì, để chữa những chứng phát hãn rồi mà đầu choáng váng, bụng kinh sợ, gân thịt máy động. Hay là mồ-hôi ra không thôi, và chứng uống thuốc hạ rồi mà đi lị không thôi, thân thể đau nhức (mồ-hôi nhiều thì vong dương, cho nên có những chứng kinh sợ, choáng váng mà máy động gân thịt, hạ nhiều thời vong âm, nên có những chứng đi lị mà đau mình).

4.— *Bài Tam-Tý Thang* : Tức bài Thập-toàn bỏ truật, mà dùng Quế-tâm thay cho Quan-quế, lại thêm những vị Đỗ-trọng, Ngưu-tất, Tục-đoạn, Tế-tân, Tần-bông, Độc-hoạt, Phòng-phong đều bằng nhau, và gừng táo sắc uống, để chữa những chứng khí huyết ngưng trệ, chân tay co quắp, vì phong, hàn, thấp mà thành ra chứng Tam-Tý, tức là Tam-Tê (Phong-tê, Hàn-Tê, và Thấp-tê).

5.— *Bài Độc-Hoạt Ký-sinh thang* : Tức bài thập-toàn dùng Quế tâm, bỏ Kỳ và Truật, thêm vị Tang-ký-sinh hay Tục-đoạn, cùng vị Tần-bông, Phòng-phong, Đỗ-trọng, Ngưu-tất đều bằng nhau để chữa những chứng can và thận có hư yếu, phong thấp làm hại ở trong mà lưng gối đau, lạnh và tê, không có sức mạnh, co duỗi không được.

6.— *Bài Đại-Tần-Bông-thang* : Tức bài Thập-toàn bỏ Sâm, Kỳ, Quế, mà thêm vị Thạch-cao, Hoàng-cầm, Phòng-phong Khương-hoạt, Độc-hoạt, Tế-tân, Sắc uống, nếu mùa mưa

Tìm sách

nhiều thấp khí thời thêm gừng sống, mà mùa xuân mùa hạ thêm Tri-mẫu, ở ngực bĩ cách thêm vị Chỉ-xác, để chữa chứng trúng phong, chân tay không nhấc lên được, lưỡi cứng không nói được, phong tà đi khắp cả kinh-lạc.

30. – BÀI QUY-TỲ THANG

Sâm, Kỳ, Quy, Truật, Thảo Phục-thần, Viễn-chí, Táo-nhân Long-nhãn, Mộc-hương. gừng và táo sắc uống.

Bài này do ông Nghiêm dụng-Hoà đặt ra; để chữa những chứng lo nghĩ quá độ, hại đến tâm và tỳ, mà gây nên kinh sợ hay quên, ra mồ-hôi trộm, khó ngủ phát sốt, chân tay nề đau, hay là bỉnh thể mỏi mệt, đại-tiện không đều, hay là chứng thổ-huyết, băng-huyết, lục-huyết, lậu-huyết, trường-phong hạ-huyết và đàn bà kinh nguyệt không đều, v.v... Thầy thuốc thường dùng bài Quy-tỳ cho uống xen với bài Bát-vị, thời bài này uống vào buổi chiều, còn uống riêng thì tùy nghi (Có chạm đến mà trong bụng động gọi là kinh không kinh mà tự động gọi là quỷ, kinh-quỷ tức là Chinh-xung) Tâm-tỳ chủ về huyết nay hai tạng ấy thụ thương, cho nên kinh-quỷ mà hay quên. Tâm và tỳ chủ huyết với cơ nhục. nay hư yếu thời ít ngủ mà phải sốt, ỷ hư thời không giữ được chân huyết cho nên huyết đi rông, mà thành ra mọi chứng huyết.

31.– Ý NGHĨA CỦA BÀI QUY-TỲ

Sâm, Truật, Kỳ, Thảo, là những vị cam và ôn để bổ tỳ; Phục-thần, Long-nhãn, Viễn-chí, Đại-táo đã cam ôn

Tìm sách

lại thêm chua và đảng để bổ tâm, Đương-quy để dưỡng huyết, Mộc-hương để hành khí, mà đem về tạng tỳ. Có sách nói : « Chữa chứng huyết phải thuận khí huyết mới về kinh-lạc, chữa chứng huyết có hư hỏa, thời phải liễm chính khí, khí có mạnh mới giữ được huyết ». Sách Y-Quán có nói : « Bài này vừa bổ can, bổ tâm và bổ tỳ » nhưng tóm lại để huyết về tạng tỳ, cho nên gọi là bài Quy-Tỳ.

Tôi xét bài này, chuyên chữa âm huyết về hậu-thiên suy kém, mà tạng tâm không tóm được huyết, tạng can không tăng được huyết, tạng tỳ không sinh được huyết, rồi sinh ra mọi chứng hư yếu, lại chữa chứng đói mà miệng không muốn ăn, thời bài này bổ được tâm-hỏa để sinh ra tỳ-thổ, bổ can để can mộc sinh ra hỏa, cho nên người hư yếu thường uống bài này xen với bài Bát-vị, là vì bài này bổ về Hậu-Thiên, mà bài Bát-vị bổ về Tiên-thiên. Nếu uống xen như vậy thời bài này nên bỏ vị Mộc-hương.

32.— BÀI QUY-TỲ GIA-GIẢM

(Dưới đây là theo Cổ-thư và tôi đã kinh nghiệm)

1.— Vì khí hư yếu mà hay đầy chướng thì bỏ vị Mộc-hương (vì Mộc-hương uống nhiều thì lại đầy lên, đó là lẽ giáng nhiều thời thăng, thăng nhiều thời giáng).

2.— Chứng huyết ra mà vị-uyển (dạ-dày) khô, thấy thường ợ khan, có thể sinh ra chứng quan-cách, thời thêm vị Thục-địa.

Tìm sách

3.— Chứng âm hư vừa sốt vừa rét, thời bỏ vị Mộc-hương, thêm Sơn-chi, Sài-hồ, nếu nhiệt lắm thêm vị Tang-bì, hàn lắm thêm quế.

4.— Nếu chỉ muốn bổ cho âm huyết ở tâm, tỳ, thời bỏ Mộc-hương mà thêm Quế-tâm, để chữa chứng nan-hoán (chân đờ thợt ra), mà nên xen với bài Bát-vị,

5.— Mưu tính không vừa ý, đến nỗi khí nắt mà phát bệnh, thời bỏ Mộc-hương, mà thêm nhiều vị Sơn-chi, lại thêm vị Bối-mẫu, hay là khí hãm trở xuống, thời thêm vị Thăng-ma tẩm rượu sao. Nhưng chứng nầy, thấy thêm vị Thăng-ma, mà dùng bài Bổ-Trung Ích-Khí thời rất lắm.

6.— Chứng âm hư không ngủ được, thêm vị Sơn-chi và Trúc-diệp.

7.— Huyết hư kinh nguyệt trệ mà đau bụng, thêm vị Ngũ-linh-chi, Hồng-hoa, Đào-nhân.

8.— Khí hư mà đem huyết lên, thời kiêng vị Mộc-hương mà thêm vị Bạch-thược sao, chứng nầy nên uống xen với bài Bát-vị.

9.— Huyết hư yếu mà đau bụng thêm vị Bạch-thược.

10.— Chứng huyết hư yếu mà nóng âm, bỏ mộc-hương thêm Quế-tâm

11.— Cứng hỏa hư thêm vị Nhục-quế và uống xen với bài Bát-vị.

12.— Nếu muốn bổ nhiều về tâm huyết, thời bỏ vị Mộc-hương thêm vị Liên-nhục.

TìmSách

33.— BÀI TOAN TẢO NHÂN THANG

Toan-tảo-nhân-thang, tức bài Quy-tỳ bỏ Truật, Mộc-hương, Long-nhãn, mà thêm vị Phục-linh, Trần-bì, Liên-Nhục, để chữa chứng hư phiền không ngủ được.

34.— BÀI NHÂN-SÂM DƯỠNG-VINH-THANG

Bài Nhân-Sâm Dưỡng-Vinh-Thang : Sâm, Kỳ, Quy, Truật, Thảo, Thục, Thược, Linh, Quế, Ngũ-Vị, Viễn-Chí, Khương. Tảo.

Bài nầy để chữa những chứng khí ở tỳ và phế hư yếu, tinh huyết không đủ, đoản khí, ăn ít không biết ngon, hay là đi tả, chứng kinh sợ hay quên, chứng ngủ ra mồ-hôi, chứng phát sốt ghê rét, chứng mình mỏi da vàng, cơ thể gầy, sắc khô, lông tóc rụng, tiểu-tiện đỏ và xển, cùng chữa chứng phát hãn nhiều quá, mình và mạch giao động, gân và thịt máy.

Nội-kinh có nói : « Khí của trời phải giáng xuống, mà khí của đất phải thăng lên ». Như vậy là hai khí giao thông mà là tượng quẻ « Thái » ở trong kinh Dịch. Nếu tỳ, phế mà khí hư yếu thời trên dưới không tương giao với nhau, mà phế hư thời đoản khí, tỳ hư thời kém ăn. Tâm huyết hư yếu cho nên kinh sợ mà hay quên, ngủ ra mồ-hôi mà phát nóng. Phế chủ về bì-mao, tỳ chủ về cơ-nhục, nay hư yếu nên người gầy mà lông tóc rụng. Còn chứng người và mạch động mà gân thịt máy, cũng là vì huyết hư mà tân-dịch khô ráo.

Tìm sách

35.— Ý NGHĨA CỦA BÀI « DƯỠNG VINH »

Thục, Quy, Thược để dưỡng huyết, Sâm, Kỳ, Linh, Truật, Thảo, Trần-bì để bổ khí. Bài này để nuôi chân huyết cho nên gọi là *Dưỡng-vinh*.

Có thuyết nói: « Sâm và Ngũ-vị ôn cho tạng phế, Linh, Truật, Kỳ, Thảo ôn cho tạng tỳ, Bạch-thược ôn cho tạng can, Thục và Quế ôn cho tạng Thận, Quy và Viễn-chí để ôn cho tạng tâm, thời tươi tốt lên, mới gọi là Dưỡng-vinh.

Ông Lập-Trai có nói: « Vì khí huyết hư mà hiện ra mọi chứng, thời đừng xem chi tiết, chỉ dùng bài thuốc này mà mọi chứng đều khỏi. »

Bài này để khí của đất thăng lên, khí của trời giáng xuống, cho nên chứng tỳ hư mà tỳ thổ không sinh được phế kim, tạng-phế hư yếu, hoặc bí tắc hoặc đi cầu nhiều, đều chữa bằng bài này, nếu bí thêm Ngưu-tất, đi đái nhiều thêm Ích-chí.

Người huyết hư mà cảm mạo, nóng rét như chứng sốt rét, thời nên thêm vị Sài-hồ, Mẫu-đơn mà bỏ Ngũ-vị.

36.— BÀI DƯỠNG VINH QUY TỲ

Quy, Kỳ, Linh, Truật, Thục, Thược, Mạch, Ngũ-vị, Nhục-quế, Táo-nhân, Bíc-đèn (thắp dầu ta thời cồ), Liên-nhục, sắc uống nóng.

Tìm sách

Bài này để chữa mọi chứng khó nhọc, mà ho sốt, hoặc thổ huyết, tựa như sốt rét mà không phải sốt rét, biếng ăn mỏi mệt, mạch thốn « hồng », mạch xích « nhược ».

37— BÀI « THẬP-TOÀN BỔ-CHÍNH » THANG

Sâm, Kỳ, Quy, Truật, Thảo, Linh, Thược, Đỗ-Trọng, Tục-đoạn, Ngưu-tất, Nhục-quế, Tảo-nhân, Đại-táo sắc uống lúc còn nóng.

Bài này để chữa chứng dương khí ở tâm, tỳ không đầy đủ, khí huyết ở ngũ tạng đều hư tổn, mà tự ra mồ-hôi, ghê rét phát sốt, lưng gối nhức đau, hoặc cảm mạo thời khí, tựa như sốt rét mà không phải sốt rét, hoặc khó chịu thương tổn mà phát sốt.

Phép gia giảm :

1.— Nếu tạng tâm có nhiệt bỏ lên thời thêm vị Đăng-tâm.

2.— Âm khí nhiệt thêm vị Thục-địa.

3.— Chứng ngoại cảm bỏ Sâm, thêm Sài-hồ, Sinh-khương.

4.— Khí trệ thêm chút Mộc-hương.

5.— Mạch của tạng-phế « hồng » và « đại », thời bỏ Hoàng-kỳ, thêm Mạch-môn, nếu mạch xích bên hữu có lực, thời bỏ quế và Sâm, Quy, thêm Mạch-môn.

Tôi xét bài này, đều bổ cả khí huyết ngũ tạng, nếu có tà khí ở ngoài, vì hư yếu mà lấn vào, nay chính khí đã được bổ trợ, thời cũng có thể trừ được ngoại cảm.

Tìm sách

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập TÂM-ĐẮC THẦN-PHƯƠNG

TìmSách

TìmSách

Tiểu-dẫn của tác giả

Nhà làm thuốc có đặt ra từng bài thuốc mà gọi là *Phương*, chữ *Phương* có nghĩa là phỏng, phỏng bệnh như thế nào thời dùng những vị thuốc như thế để người khác bắt chước.

Tôi vì yếu mà học thuốc lúc trước theo như mọi người chỉ đọc đi đọc lại bộ sách « *Y-học nhập-môn* ». Đến bốn năm năm vẫn không phân biệt được thực-hư, âm-dương, bổ-tả (vội đi), về sau đọc toàn bộ « *Phùng-thị Cẩm-nang* » mới rõ chân thể của tiên thiên về thủy hỏa vô hình. Bộ sách ấy chú trọng hai bài thần phương *Lục-vị* và *Bát-vị* như thế là biết chi tiết của bệnh mà chỉ chữa về căn bản.

Về sau, con gái thứ hai tôi là An, con gái thứ ba tên là Hoàn đều bị trọng bệnh, tôi hết sức cứu chữa vẫn may mà sống cả, cũng bởi gia giảm hai bài thuốc *Lục-vị*, *Bát-vị* ấy. Vì thế tôi vẽ thần tượng Chương-Công (tác giả cuốn Cẩm-nang), bốn mùa cúng tế để báo ân trạch.

Nay tôi đem những phương thuốc của tiên sinh đặt ra ở trong bộ sách Cẩm-nang, và những vị tùy chứng gia giảm lại giải thích ý nghĩa, xếp làm một tập dưới đây mà gọi là tập *Tâm-Đắc Thần-Phương*.

TìmSách

TẬP TÂM-ĐẶC THẦN-PHƯƠNG

GỒM CÓ CÁC BÀI

1.— Toàn-chân nhứt-khí thang
2.— Dưỡng-vinh quy-tỳ thang
3.— Thập-toàn bổ-chính thang.
4.— Tố-nguyên cửu-thận thang
5.— Bảo-sản vạn-toàn thang
6.— Tráng-thủy phương
7.— Đại bổ tâm-tỳ khí-huyết phương
8.— Bổ-âm liễm-dương phương
9.— Cửu-ly phương
10.— Bổ-huyết điều-khí thư-cân hoạt-lạc phương
11.— Dưỡng-huyết khu-phong phương
12.— Bổ-trung dưỡng-huyết thư-cân phương
13.— Điều-bổ khí-huyết phương
14.— Bổ khí-huyết tráng cân-cốt phương
15.— Bổ-huyết thanh-nhiệt tiêu-độc phương
16.— Tư-bổ khí-huyết phương
17.— Tư-âm giải-thác phương
18.— Nùng thác, lý trợ khí huyết phương
19.— Khí-huyết sung-hòa trục-độc phương
20.— Bổ khí-huyết trục-đờm phương

TìmSách

21.— Thanh hỏa-tả chỉ ẩu-nghịch phương

22.— Tam-ngược thần phương

23.— Mộc-hương tán bí phương

24.— Gia vị bình-vị tán bí phương

25.— Gia vị Ngũ-linh tán bí phương

26.— Hắc-linh đan

27.— Cứu-dương thang

28.— Trợ-dương phương

29.— Trấn-lạp chân-dương phương

30.— Bổ-hỏa sinh-thổ nạp-khí tàng-nguyên phương

31.— Hồi-dương khu-phong phương

32.— Tráng-thủy ích-hỏa phương

33.— Dương hư ích-hỏa phương

34.— Bổ-huyết sinh-tân phương

35.— Khu hàn phương

36.— Sâm quế phụ phương

37.— Ngũ-vị lý-trung phương

38.— Cứu-thoát phương

39.— Bổ chân-âm thanh giả-nhiệt phương

40.— Tư-kim tráng-thủy phương

41.— Bổ-tinh phương

42.— Ngũ-tạng kiêm tú cao

43.— Dưỡng-tâm, thanh-phế, hòa-can cao

44.— Tuấn bổ ngũ tạng vinh-vệ cao.

45.— Bổ dưỡng vinh-vệ cao.

46.— Cam-lộ thần cao.

47.— Lao-khái cao tư phương

48.— Chấn khởi nguyên-khí hư hãm cao.

49.— Tiêu-trệ bí phương

Tìm sách

50 — Chư-chi cao

51.— Gia vị Thái-ất cao

52.— Phong-khí diệt-phác cao-dược thần phương

53.— Bảo-anh chí-bảo đĩnh tử.

54.— Bảo thai thần hiệu hoàn.

55.— Quan-âm cứu-khổ đan.

56.— Suy-bản dược phương

57.— Vi-độc phương

58.— Tẩy nhĩ thần phương

59.— Giáp Sũng sĩ thông thần phương

60.— Tâm-thống thần phương

61.— Kê-can tán bi phương

62.— Kê-an tán.

63.— Lâm-lậy lang-sũng thần phương

64.— Tam-khí ẩm

65.— Bí-thụ tây-dương tửu-phương

66.— Trị nhũ-nang thần phương

67.— Khẩu-cam suy nhược thần phương

68.— Chư-can tán.

69.— Trị-ngược thần phương

70 — Sát-nha chí bảo tán.

Tìm sách

Tâm-Đắc Thần-Phương

I. – TOÀN-CHÂN NHỨT KHÍ THANG

(tức *cửu-âm thang*)

Thục-địa 8 chỉ, (đại tiện không được thực thời bổi mà dùng, âm hư lắm bội lên) Bạch-truật 3 chỉ (sao vàng để trên đất cho ngọt. người âm hư thời lấm sữa, người tạng tỳ hư thêm đến 5 chỉ), Nhân-sâm hai chỉ (nếu người hư yếu lắm dùng thêm lên, nhưng mạch thấy hồng thời không dùng được), Mạch-môn 3 chỉ (nếu tỳ vị hàn sao với gạo rồi bỏ gạo đi, mà tỳ yếu phế hư thời rút đi), Ngũ-vị 5 phân, Ngưu-tất 3 chỉ, Chế-phụ-tử 1 chỉ.

Bài này sắc uống lúc còn ấm, để chữa chứng trúng phong đại bệnh, chứng âm hư phát sốt, chứng thổ-huyết ho nhổ, những chứng hư lao trầm trọng Lại chữa chứng ban sởi trầm trọng mà trên nóng dưới lạ, trên nhiệt dưới hàn, cho uống bài này là khoẻ ngay. Bài này thật là thần phương để giúp chân âm mà giáng hỏa. Nhưng giả nhiệt đã lui thời thật hàn tự nhiên sinh ra, vậy không nên uống quá để thành chứng hư hàn.

1 — Nếu khô ráo bội Thục-địa

2 — Tạng phế nhiệt bội Mạch-môn

3 — Tạng tỳ hư bội Bạch-truật

4 — Dương hư bội Phụ-tử

TimSách

5 — Khí bốc trở lên mà tản đi thời Ngưu-tất và Ngũ vị thêm lên.

6.— Nguyên khí hư lắm bội Nhân-sâm

7.— Giả dưỡng ở trên bỏ Sâm.

8.— Gân cốt yếu thêm Đỗ-trọng để sống, thời trước gọi Đỗ-trọng là Tư-tiên-mộc.

Những bài để bổ khí huyết, cổ phương có nhiều, riêng về chứng âm của tỳ thận không đầy đủ, hỏa của tâm phế nên nén đi mà dương của can thận nên ôn, thời chưa có phương thuốc nào. Tiên sư ho Phùng chế ra bài thuốc kể trên, để bổ hỏa ở trong thận thủy, tàng dương ở trong tỳ thổ, thật là phương thuốc cho tỳ thổ, phế kim và thận thủy.

Tôi xét bài *Toàn-chân nhứt khí* này là thánh dược để chữa nóng vì hư (hư nhiệt), người già người yếu rất nên dùng. Trẻ em ban sởi trầm trọng cũng phải dùng đến. Tôi dùng bài này rồi tùy chứng gia giảm để tỳ phế, thận đồng đội mới chóng thành công. Như tiên sư bỏ vị Sâm để chữa ban sởi, là tránh hỏa tính của vị Sâm, tôi thêm vị Nhục quế để chữa chứng hư phong (chứng phong vì yếu là để mạnh cho chân hỏa). Nếu bài này mà bỏ Thục, Mạch, Ngưu-tất, thời để cứu cho dương của tỳ thận. Trong bài này Thục-địa chỉ vì Tiên thiên, Bạch truật chủ về Hậu thiên, mà vị Sâm chỉ làm tá sứ, Mạch, Vị, Tất, Phụ, lại là tối ngũ, người học phải biết Sâm Truật phải có Thăng-ma, Sài-hồ, mới đem được dương khí trở lên, thời cũng nên biết vị Thục-địa phải có Quế và Phụ mới bổ được hỏa.

Tìm sách

2.— DƯỠNG-VINH QUI-TỲ THANG

Thục-địa 3 chỉ, Tảo-nhân sao 1 chỉ, Bạch truật 3 chỉ, Bạch-thược 1 chỉ rưỡi, Phục-linh 1 chỉ rưỡi, Ngưu-tất 2 chỉ, Mạch-môn sao với gạo 2 chỉ. Ngũ-vị 5 phân, Nhục-quế 8 phân, thêm Liên-nhục và bắc đèn. Sắc uống. Bài này chỉ chữa những chứng khó nhọc mà phát sốt, ho đờm mà thổ huyết tựa sốt rét, biếng ăn mỏi mệt, và những chứng bộ thốn hồng, mạch xích yếu.

Bài này thêm Mạch-môn, Ngũ-vị để liễm khí của tạng phế (vì khó nhọc mà ho), thêm Ngưu-tất để đề đem trọc âm trở xuống để yên chứng phát sốt mà thổ huyết. Phương thuốc đời xưa thời bài *Dưỡng vinh qui tỳ* này dùng vị Nhân-sâm vi quân (nhiều hơn), mà bài này lại bỏ đi là lẽ làm sao ? vì âm hư hỏa động bồ khí tức là hỏa mà âm huyết cùng ráo, âm đã hư yếu thời hỏa càng bốc lên, mà khí của tạng phế thụ thương thời chứng ho và thổ huyết không thể chỉ được vì thế mà bỏ đi.

3 — THẬP TOÀN BỔ CHÍNH THANG

Nhân-sâm 1 chỉ rưỡi, Hoàng-kỳ chích 2 chỉ, Tảo-nhân sao 2 chỉ, Đương-quy 1 chỉ rưỡi, Bạch thược 2 chỉ, Bạch-truật 2 chỉ, Bạch-linh 2 chỉ, Đỗ-trọng để sống 2 chỉ, Xuc-đoạn 2 chỉ rưỡi Ngưu-tất 2 chỉ, Nhục-quế 8 phân, Táo 2 quả. Sắc uống.

1.— Nếu tạng hàn có nóng bốc lên thêm bắc đèn.

2.— Âm hư lắm thêm Thục-địa

3.— Ngoại cảm bỏ Sâm gia Sài-hồ, Sinh-khương

4.— Khí trệ gia một chút Mộc hương.

TìmSách

5.– Mạch của tạng phế hồng và đại bỏ Hoàng-kỳ

6.– Ho đờm bỏ Sâm, Kỳ gia Mạch-môn.

7.– Mạch xích bên phải hữu lực bỏ Quế.

Bài này để chữa chứng dương khí của tâm và tỳ không đầy đủ, khí huyết của ngũ tạng đều kém, mà tự mồ hôi ghê rét phát sốt, ngang lưng và xương sống đau mỏi, cảm mạo thời-khí tựa như sốt rét và những chứng vì khó nhọc mà sốt.

Xét bài này bổ đều cả ngũ tạng nên gọi là *thập-toàn bổ chính*, lại bổ cho chính khí để tà khí tự lui, lời xét bài này là bài *thập-toàn* của thời trước, mà bỏ Xuyên-khung, Thục-địa, Cam-thảo, thêm Tắc-nhân, Đỗ-trọng, Ngưu-tất, Tục-đoạn.

4. – TỐ NGUYÊN CỨU THẬN THANG

Thục-địa bởi khô 5 chỉ, Mạch-môn sao, Bạch-truật tẩm sữa sao đều 3 chỉ, Bạch-thược 1 chỉ rưỡi, Bạch-linh 1 chỉ rưỡi, Đỗ-trọng, Tục-đoạn, Ngưu-tất đều 2 chỉ, Gừng sao đen 6 phân, thêm Đảng-sâm, Hạt-sen sắc uống.

1 – Nếu huyết hôi chưa tiêu mà trong bụng hơi đau thêm Ích-mẫu sao 1 chỉ

2 – Cảm mạo thêm Sài-hồ 1 chỉ

3.– Hư yếu lắm thêm Sâm.

4.– Nếu huyết hôi chưa sạch uống bài *Bảo sản vạn toàn ở dưới đây càng hay.*

TìmSách

Bài này để chữa chứng sản hậu khí huyết hư yếu lắm, mà ăn hư phát sốt mình đau tự ra mà hôi, ghê rét kém ăn, miệng khô đầu nhức sợ nóng v.v... những chứng ấy có thể thành lậu lao thời bài này rất kỳ hiệu.

Tôi xét bài này dùng Thục và Thược, là hai vị có tính thuần tĩnh không dùng Khung, Quy là cay và thơm, cũng là vì sản hậu âm phận hư lắm mà thôi. Dùng Linh và Truật để bổ dương, mà không dùng đến Sâm là sợ huyết hư phát sốt nếu bổ khí thời tăng bệnh, thêm vị Mạch-môn là để điều hòa chân âm, thêm Đỗ-trọng, Tục-đoạn là thành dược chữa chứng sản-hậu, thêm Gừng sao đen là để chữa huyết hư phát sốt, thêm Ngưu-tất là để đem trọc âm trở xuống, thêm bếp đèn để hành đến âm phận, dùng Liên-nhục để giúp sức cho mọi vị kể trên, bài này thật là thần phương cho người sản hậu.

5. – BẢO SẢN VẠN TOÀN THANG

Sâm 5 chỉ, Quy 3 chỉ, Khung 2 chỉ, Đào-nhân để cả vỏ 13 hạt, Can-khương sao cháy 1 chỉ, Chích-thảo 6 phân, Ngưu-tất 2 chỉ, Hồng-hoa tẩm rượu sao 3 phân, Nhục-quế 6 phân, Táo 2 quả. Sắc uống lúc còn ấm.

Bài này dùng những vị cam và ôn để điều bổ khí huyết; khí huyết mạnh thời tự nhiên thôi sinh.

Xét bài này sâm và quy nhiều hơn là chủ trong bài thuốc, còn Đào, Hồng, Khung, Thảo, Tiêu, Khương thời ôn trung tán trệ, Ngưu tất, Nhục quế để đem trở xuống, không những thôi sinh được thần hiệu, mà cho người sản hậu uống cũng chữa được những bệnh khí huyết ngưng

Tìm sách

trệ, vì bổ mà ôn thời không trệ mà không thành băng huyết, giáng mà kiêm cả thăng thời huyết hôi sạch, mà huyết mới sinh ra, bổ nhiều mà tả ít thời nguyên khí không hại.

Lại xét bài này là do bài *sinh-hóa* thêm Sâm, Quế, Tất, Hồng, là vì lúc đẻ dụng lực mà có Sâm thời mẹ con đều mạnh, có Hồng-hoa để thông huyết, Ngưu-tất để đem xuống, Nhục-quế để vận hành, trước lúc đẻ uống bài này có thể thôi sinh, mà sinh rồi uống bài nay có thể trục được ứ huyết so với bài Sinh-hoa thời công hiệu còn hơn.

6.— TRÁNG THỦY PHƯƠNG

Thục-địa 1 lạng, Đan-sâm 1 chỉ rưỡi, Mạch-môn, Bạch-thược đều 3 chỉ, Phục linh, Đan-bì đều 1 chỉ rưỡi, Viễn-chí chế sao 1 chỉ, Ngưu-tất 3 chỉ, Ngũ-vị 6 phân, Liên-nhục 10 hạt, Bắc-đèn 10 cái. Sắc uống lúc còn hơi ấm, thuốc bổ âm kiêng uống nóng vì nóng thời không giúp chân âm.

Bài này chủ chữa âm phận hư tổn là vì dương khí không liễm được nên uống bài *bát vị*. Nhưng dương không có âm để liễm lại, hỏa không có thủy để chế đi, khó lòng khỏi bốc vượt lên, thời nên uống tiếp bài này.

Tôi xét bài này, để mạnh chân thủy sao không dùng bài *Lục-vị*, mà lại chỉ dùng Thục-địa, Phục-linh, Mẫu-đơn, là vì sợ vị Sơn-thù vượng san khí, vị Hoài-sơn hòa hoãn, vị Trạch-tả thấm lợi, cho nên bỏ đi mà chỉ dùng những vị trọng chọc, lại thêm Ngưu-tất để giáng, Ngũ-vị để liễm, Mạch-môn để bổ phế thận, Bạch thược để phạt can

Tìm sách

hỏa và liễm can huyết, Đan-sâm để bổ âm huyết, Viễn-chí để bổ âm trong tạng tâm, mới tỉnh được chứng hôn mê và cứu được chứng ngã ra vậy.

7.— ĐẠI BỔ TÂM TỲ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG

Tảo-nhân, Đương-quy, Bạch-truật, Bạch thược, Phục-thần, Viễn-chí, Nhân-sâm, Nhục-quế, Ngũ-vị. Sắc uống ấm.

Bài này chủ chữa chứng nguyên khí hư yếu lắm mà chợt ngã ra nên uống sen với bài *Bát-vị*.

Tôi xét tạng tâm tóm gồm được huyết, tạng tỳ sinh ra huyết, những chứng mà chợt ngã ra đều bởi khí huyết hư yếu lắm, nên uống bài *Bát-vị* để bổ thủy hỏa. Uống xen với bài này để bổ âm cho Hậu-thiên, sở dĩ dùng Nhục-quế, Ngũ-vị là để dẫn thuốc và thu vít lại.

8— BỔ ÂM LIỄM DƯƠNG PHƯƠNG

Nhân-sâm, Thục-địa, Mạch-môn, Ngưu-tất, Đan-sâm, Bạch-thược, Phục-thần, Viễn-chí, Thần-khương. Sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng mặt đỏ bằng lên bất tỉnh nhân sự, nói mê, chân tay táo động, mạch thời hồng và đại, nâng cả ngón tay của người ấn mạnh trở lên, chứng này là chân âm không đầy đủ, hư dương bốc trở lên mà thận khí muốn thoát.

Chứng này là chân âm mất ở trong mà dương thoát ra ngoài, cho nên mặt đỏ, nói dông, cuồng táo, mà mạch

Tìm sách

hồng, vì thế dùng âm dược mà thêm nhiều Nhân-sâm để vãn hồi dương khí, sở dĩ không dùng Truật và Phụ, là sợ ráo đến âm phận. trong bài *Tứ-vật* chỉ dùng Thục, Thược, mà không dùng Khung. Quy cũng là sợ tân tán, vì theo chứng bệnh trên chỉ cần những vị thuần tĩnh để bổ âm liễm dương.

9. – CỬU LỴ PHƯƠNG

Nhân-sâm, Phục-Linh, Bạch-truật, Đương-quy, Bạch-thược, Nhục-quế, Ngũ-vị. Sắc uống.

Bài này chữa chứng đi lỵ lâu đã nguy, hàng ngày choáng váng mấy lần, mà sáu bộ mạnh đều vi, đừng cho là tích trệ chưa hết mà không dùng đến thuốc bổ, nếu để chậm mới bổ thời có lẽ không kịp.

Tôi xét bài này dùng Sâm, Linh, Truật để bổ khí dùng Quy, Thược để hòa huyết, Nhục-quế để cổ vũ, vị Ngũ-vị cùng uống với những vị trên thì hành khí mà không liễm lại để vít chứng lỵ, cũng như dùng Binh-lang và Chỉ-thực, cổ thư nói: Hòa huyết và hành khí là yếu lĩnh để chữa chứng lỵ.

10 – BỔ-HUYẾT ĐIỀU-KHÍ THƯ-CÂN HOẠT-LẠC PHƯƠNG

Phục-linh, Bạch-truật, Đương-quy, Thục-địa, tBạch-hược, Thiên-ma nướng chín, Ngưu tất, Phụ-tử chế, Kim-ngân, Tần-bông. Sắc uống.

Tìm sách

Bài này có khi thêm Sâm. Chủ chữa chứng trẻ em sau khi lên đậu mà khí huyết hư yếu lắm, phát ra chứng kinh-giản (tinh sợ co giật) vì uống lầm thuốc hàn-lương hoặc thẩn-lợi, hoặc công-phạt mà hư hỏa bốc lên vô cổ ngã ra, cũng như chứng người lớn trúng phong, thời dùng bài này để bổ thật mạnh cho khí huyết, và thêm những vị để giãn gân và hoạt động cho kinh lạc.

Xét những chứng chợt ngã ra không cứ thật là trúng phong hay là giống như trúng phong đều bởi âm hư khí yếu, nên phải bổ khí huyết mà thêm những vị Kim ngân, Thiên ma, Tần bông, dù là thuốc chữa phong, mà có tính thấm nhuần, sở dĩ không dùng những vị Khương-hoạt, Độc-hoạt, Tế-tân, là sợ thơm và ráo, háo đến âm huyết.

11.— DƯỠNG HUYẾT KHU PHONG PHƯƠNG

Thục-địa, Đương-quy, Bạch-thược ba vị nhiều hơn. Kim-ngân, Tần-giao hai vị ít hơn. Ngưu-tất, Đỗ-trọng, Tục-Đoạn ba vị bằng nhau. Quế-chi, Tùng-tiết.

Bài này chủ chữa về tay chân bên trái đau nhức như thể dao cắt, rồi đến tay chân bên phải, mà sáu bộ mạch huyền và hồng, v.v... Như tinh thần mụ đi thêm Sâm, Truật, đến khi mọi chứng gần đỡ thời dùng bài *Sinh mạch ẩm* chiêu bài *Bát-vị hoàn* thêm Ngưu-tất, Lộc-nhung, Đỗ-trọng.

Tôi xét trong bụng hòa mà ấm, ăn vào tiêu hóa ngay, khí trong trở lên mà khí đục trở xuống, trăm mạch lưu thông mà được sinh trưởng, là đều nhờ một điểm Nguyên

dương ở đan-điền (rốn). Nếu không có một điểm Nguyên dương ấy thời trong lạnh mà không sinh hóa được. Vì thế cảm hàn hay chứng hàn mà hàn tà đến thẳng trong lý là bởi trong lý không có hỏa, tức là không có Nguyên dương. Với chứng ấy cổ thư có nói : Phải ôn bổ ngay nếu không thời tà ở ngoài lấn mãi vào mà một chút hỏa sẽ phải âm hàn làm tắt đi.

Thế mà mọi người thấy hai chứng phong hàn cho là chứng ngoại cảm mà tà khí thực, bắt đầu thời dùng thuốc tân ôn để phát tán, rồi dùng đến thuốc thông lợi, rồi sau dùng đến thuốc hàn lương, không xét là thương-phong hay thương-hàn, không xét chính khí và tà khí hư thực thế nào, không tường là chân hỏa hay giả hỏa, rồi dùng lầm thuốc để hại đời sống của người thật là đáng tiếc.

Vậy cần phải biết trong gân cốt được nuôi dưỡng đầy đủ thời huyết thấm nhuần ở trong mạch, khí bảo vệ ở ngoài mạch, dù tà khí có mạnh cũng không lấn vào được.

Trái lại, gân cốt không được nuôi dưỡng, khí huyết hư yếu đã lâu, mắt có huyết mới trông được, tay có huyết mới cầm được, chân có huyết mới đi được, trong người không chỗ nào không nhờ đến huyết. Nếu không có huyết ấy, thời hư hỏa bốc lên làm ráo trong cơ thể mà thành ra đau, càng đau thời hỏa càng bốc lên, mà thành ra chứng ma-mộc, lan-hoán (Tê lần mần, ngay mà thượt ra).

Xét cổ thư nói chữa phong phải thêm huyết, huyết mạnh phong mới diệt, vì thế bài này chú trọng về thuốc bổ huyết,

Tìm sách

Cổ thư lại nói : chữa chứng phong đừng dùng thuốc ráo quá cho nên bài này dùng những vị thấm nhuần. Còn như phương thuốc đời xưa, chữa bằng những vị Xạ-hương Toàn-yết, Bạch-phụ, Cương-tàm, dầu là những vị quá mạnh, nếu là người thân thể mạnh mà tà khí thực hoặc giả nên nống tạm, bằng không thời tăng bệnh có khi đến chết oan.

12— BỔ TRUNG DƯỠNG HUYẾT THƯ CÂN PHƯƠNG

Nhân-sâm, Bạch-truật, Đương-quy, Bạch-thược, Đỗ-trọng, Tục-đoạn, Ngưu-tất, Tần-bông, Quế-chi.

Bài này vị Truật nhiều hơn, còn các vị khác tùy nghi, mà Quế-chi ít hơn, để sắc nống.

Chủ chữa về chứng chân tay đau nhức, ngực bụng đau như vặn ra bởi tà trúng thẳng vào trong lý.

Theo phương thuốc đời xưa thời có 5 chứng tê : Bì tê (tê ngoài da), mạch tê (tê ở mạch), cơ tê (tê ở bắp thịt), cốt tê (tê ở xương), gân tê (tê ở gân). Chưa thấy nói tê ở tạng phủ nhưng không biết Nội kinh có nói : Hàn khí nhiều là thống tê (tê mà đau nhức). Lại nói « hàn lưu ở gân cốt thời đau nhức lâu, lưu ở bì phu thời dễ chữa nếu vào đến tạng thời chết », vậy không nên cẩn thận hay sao ? Tôi xét chữa chứng phong phát từ trong ra (hư phong), thời dùng vị bổ huyết nhiều hơn, rồi giúp sức bằng những vị chữa phong mà thấm nhuần, còn bài thuốc này là chữa chứng hàn tà trúng thẳng vào trong lý, không những chân tay đau nhức, mà ngực bụng cũng đau, cho nên dùng thuốc bổ khí nhiều hơn thuốc bổ huyết như Sâm và Truật để cứu chân dương tức là dùng ngay thuốc ôn để bảo vệ.

Tìm sách

13– ĐIỀU BỔ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG

Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy, Bạch-truật, Bạch-thược, Ngưu-tất, Thán-khương, Nhục-quế.

Các vị tùy nhiều ít sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng đàn bà đẻ khó, tinh huyết đã kiệt bất tỉnh nhân sự, sáu bộ mạch trầm và vi, trong bụng, không thấy động, thế là mẹ con khí lực đều kiệt.

Người làm thuốc cần hiểu bệnh căn và khí huyết hơn kém, người hư hay bệnh thực, âm dương thịnh và suy như thế nào, thời dùng thuốc mới dễ, nếu bệnh một đằng thuốc một nẻo thời không thể được. Tóm lại mọi người diện mạo khác nhau mà tạng phủ âm dương như một, tật bệnh có khác mà chỉ ở khí huyết hư hay thực, đã biết khí huyết hư hay thực mà đối mạch để dùng thuốc thời chữa trăm bệnh cũng như một bệnh, chữa một bệnh rồi suy đến trăm bệnh.

Bài này dùng thuốc bổ khí huyết và thêm Ngưu-tất, để đem xuống, thêm Thán-khương để ôn huyết phận, Nhục-quế để ôn huyết, khiến cho mẹ con đều mạnh thời khí huyết vận dụng, không phải thôi sinh mà tự nhiên sinh được.

14.– BỔ KHÍ HUYẾT TRÁNG CÂN CỐT PHƯƠNG

Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy, Bạch-truật, Tảo-nhân Phục-linh, Bạch-thược, Tục-đoạn, Đỗ-trọng, Ngưu-tất, Bạc-Quế. Các vị tùy nhiều ít và thêm Đại-táo sắc uống.

Tìm sách

Bài này chủ chữa chứng khí huyết hư mà chân mỏi (luy) nên uống xen với bài *Bát-vị-hoàn* mà thêm Lộc-nhung, Đỗ-trọng, Ngưu-tất.

Tôi xét bài này là bài *Tứ-quân* bỏ cam thảo vì bệnh ở hạ bộ, lại trong-vị thuốc bổ huyết dùng Quy, Thược mà không dùng Thục vì đã uống xen với bài *Bát-vị* có Thục, lại thêm Kỷ và Quế là tựa như bài *Thập-toàn* thêm Tảo-nhân, Đại-táo là tựa như bài *Quy-tỳ*, thêm Đỗ-trọng. Tục-đoạn, Ngưu-tất là chữa về gân cốt.

15.— BỔ HUYẾT THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC PHƯƠNG

Sinh-địa, Đương-quy, Xích-thược, Đan-bì, Tỳ-giải, Thổ-ô, Kim-ngân, Liên-kiều, Hồ-ma-ử, Thổ-bối-mẫu, Mộc-thông-tiết, Thổ-phục-linh, Mẫu-sắt, Cam-thảo. Các vị tùy nhiều ít sắc uống để chữa chứng người lớn lại-sang (hủi lở) và trẻ khắp mình nở nhọt đau ngứa.

Tôi xét Ông Lập-trai có nói khí huyết suy mà biến ra mọi chứng không biết tên là bệnh gì, nhưng người khéo chữa chỉ hiểu về khí huyết hư hay thực, chứng và mạch thực hay giả là đủ. Còn các chứng sang độc, cảm vào lục-phủ mà phát ra bì phu hay cơ nhục, cảm vào ngũ-tạng mà phát bởi kinh lạc hay cốt tỷ cũng đều bởi khí huyết ngưng trệ, khí huyết có dư thời sưng đỏ cao lên mà là dương-độc, nếu không đầy đủ thời vẫn lõng phồng, không sưng đỏ mà là âm-độc.

Ông Đan-Khê có nói âm ngưng trệ ở dương phận. Dương ngưng trệ ở âm phận, thời thành ra bách bệnh mà không

Tìm sách

cứ gì chứng ung thư. Nội-Kinh có nói : tà khí cảm vào là chính khí phải hư yếu, nếu ngừng lại mà không đi thời thành ra thực bệnh, là vì âm dương không hòa, khí huyết ngưng trệ, dương khí không đủ thời hàn thấp ngưng lại, âm huyết không đủ thời hỏa bốc lên, huyết trệ mà khí loạn như thế nước chảy không được thông, khí huyết đã ngưng mà nết không theo về kinh lạc, thấm vào trong mạch, giàn ra ngoài mạch, mà thành ra hư hội (vỡ thối ra), gọi tên độc là khí huyết bất hoà, mà không phải trong khí huyết có độc gì.

Nhưng độc nhiều mà sưng lên, mà phát bệnh bởi xương-tỷ kinh-lạc, nếu không tìm ở trong thủy hỏa âm dương thời không chữa được, mà các thứ nhọt nhỏ không tìm ở khí huyết mà chữa cũng là vô ích. Thế mà thầy thuốc gặp chứng sang sũng (nhọt sưng lên) đều cho là tà khí cảm ở ngoài, mà là chứng hữu dư, rồi dùng thuốc hàn lương, thuốc thanh lợi, thuốc giải tán, bệnh nhẹ thời là độc tán đi cũng có thể khỏi, còn bệnh nặng thời khí huyết lại hại thêm, ung nhọt ấy khó lớn lên mà khó vỡ ra, để đến nỗi công vào trong.

Tôi xét bài thuốc trên dùng Quy, Địa, Thủ-ô để bổ huyết, Đan-bì, Xích-thược để mát chân huyết, Tỳ-giải, Kim-ngân, Liên-kiều, Thổ-bối, Miết-sắt, Hồ-ma, Xích-linh, Mộc-thông đều để tiêu độc, riêng vị Mộc-thông vừa tả hỏa ở tạng tâm, vừa đem các vị thuốc tới chỗ ung nhọt.

16.— TƯ BỔ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG

Thục-địa, Tảo-nhân đều 4 chỉ, Nhân-sâm, Ngưu-tất,

Tìm sách

Mạch-môn, đều 3 chỉ, Đương-quy 1 chỉ rưỡi, Nhục-quế 8 phân, Ngũ-vị 6 phân, Gừng 3 miếng, Táo 2 quả. Sắc uống.

Bài này chủ chữa khí huyết hư yếu, trong cuống họng lở thối thành lỗ hổng mà không biết đau nhức như thể vật gì không có mặt trời soi đến thời đều mục nát, chứng ấy gọi là âm nan nên dùng bài *Cứu dương thang* bỏ Sâm, rồi dùng đến bài thuốc này, sau nữa dùng bài *Bát-vị* gia Ngưu-tất, Ngũ-vị, hoặc dùng thuốc để thổi vào, nghĩa là bệnh chứng được ôn hòa thời khỏi như thể chỗ băng giá gặp ấm thời tan ra nước.

Tôi xét bài này dùng Sâm để bổ khí, Quy để bổ huyết, Thục để bổ âm, tảo-nhân để bổ tâm và tỳ mà sinh ra huyết, Mạch-môn, Ngũ-vị bổ phế, tức là cổ họng cuống phổi, Ngưu-tất để giáng trọc âm, Nhục-quế để ôn hòa khí phận, Gừng, Táo để hòa tỳ vị, thật là phương thuốc hay.

19. – TƯ-ÂM GIẢI THÁC PHƯƠNG

Thục-địa, Sơn-dược đều sống, Kim-ngân, Thiên-trùng, Cam-thảo, Xuyên-sơn-giáp sao, Liên-kiều, Tạo bối-mẫu, Tạo-giác-thích. Các vị tùy nhiều ít sắc uống.

Bài này chỉ chữa về ung độc, tôi xét trong bài thuốc chỉ có một vị thục-địa là giúp chân âm, ngoài ra đều là thuốc để giải độc, để đẩy sang nhọt ra ngoài, riêng vị Sơn-dược giúp cho khí tạng tỳ vị, mà uống chung với những vị chữa ung nhọt là nghĩa làm sao? Ông Đan Khê nói: vị Sơn-Dược điều được khí huyết thời sưng và

dẫn tiêu đi được, nhưng với chứng ấy phải để sống mới vận bành. Tôi thường dùng sống để bôi vào các chứng ung độc (độc sưng lên) không có tên rất hay. (Ung độc không bắt gọi là gì).

38— BÀI NÙNG THÁC LÝ TRỢ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG

Nhân-sâm, Hoàng-kỳ để sống, Bạch-truật, Đương-quy, Thiên-trùng, Bạch-thược, Xuyên-sơn-giáp, Kim-ngân, Tạo-giác-thích, Cam-thảo-tiết, Bạch-chỉ, Các vị tùy nhiều ít sắc uống, chủ chữa những chứng ung thư sang độc.

Tôi xét bài này dùng Hoàng-kỳ sống, Tạo-giác-thích, Xuyên-sơn-giáp và Thiên-trùng đều là thuốc để đẩy sang độc ra, Kim-ngân, Thảo-tiết, và Bạch-chỉ là thuốc để tiêu mủ, nhưng muốn đẩy mủ độc ra không có thuốc bổ khí huyết không được, cho nên dùng Kỳ, Truật để bổ khí, Quy, Thược, để bổ huyết, vì khí huyết không hòa, thời lưu kết mà thành ra ung nhọt, nếu độc của ung nhọt mạnh quá, thời lại phải để ý về căn bản của khí huyết.

19— KHÍ HUYẾT SUNG HÒA TRỤC ĐỘC PHƯƠNG

Nhân-sâm, Hoàng-kỳ Đương-quy, Bạch-truật, Phục-linh, Bạch-thược, Bạch-quả (quả mỏng), Kim-ngân, Tạo-giác-thích. Các vị tùy nhiều ít sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng người già quai hàm bên phải sưng dẫn, liền cổ và sau tai cũng dẫn chảy lại, không nóng không đau lở trong miệng khạc ra mủ ngậm miệng và cắn chặt răng lại, ăn uống không được, tinh thần suy yếu,

Tìm sách

mạch thời hồng mà hư không, thế là khí huyết suy yếu lắm, âm hàm ủ lại mà ở trong, nên dùng cao mỡ lợn dịt ở ngoài. Mà uống bài *Sung-hòa* này, để chiêu *Bát-vị hoàn* thời trục độc ra được. Thế mới biết các chứng sang độc nặng mà dùng thuốc thủy hỏa làm gốc, mà chế thêm thuốc bổ khí huyết, là lẽ lấy bổ làm công.

Tôi xét Sâm, Kỳ, Linh và Truật để bổ khí, Quy, Thược để bổ huyết, Bạch-quả để đem thuốc đi, Kim-ngân, Tạo-giác-thích để tiêu đi, thế mới rõ ung độc bởi khí huyết bất hòa nên phép chữa phải để ý về huyết, thời không phải công mà tự phá.

20 – BỔ KHÍ-HUYẾT TRỤC ĐỜM PHƯƠNG

Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy, Bạch-truật, Mạch-môn, Chích-thảo, Quế-chi, Ma-hoàng, Bạch-thược, ngũ-vị, Gừng 3 phiến, táo 2 quả.

Sắc uống rồi sau uống xen với những bài *Bát-vị, thập-toàn, quy-tỳ*

Bài này dùng Nhân-sâm để giữ nguyên khí nhiều hơn, Hoàng-kỳ để giúp cho ngoài bền ít hơn, Đương-quy để dưỡng huyết, Bạch-truật để bổ tỳ, Mạch-môn để giữ tạng phế, Ngũ-vị để liễm phế, Chích-thảo để bổ tỳ. Các vị trên đều ít hơn nữa, Quế chi để đi cơ thể, Ma-hoàng để đạt ra bì-phu, Bạch-thược để hòa tạng can, và dẹp bớt tính mạnh của Quế-chi, Ma-hoàng.

Bài này chủ chữa người bị hoạn nạn mà thất chí uất ức thành đờm, sán bộ mạch huyền và tế mà sác, ăn uống

không điều hòa, phải ho nhổ đờm dãi cho hết mới nằm yên được, nếu không hết thời không yên. Tôi xét Nội-kinh có nói : Người trước quý mà sau hèn thời có chứng bệnh « thoát-doanh », người trước giầu mà sau nghèo thời có chứng bệnh « thất-tinh » (mất tinh khí) ». Những chứng ấy khí huyết hao dần, tinh thần không mở mang, thổ đờm không ngừng. Tân dịch đã hao ở trong thời không quang nhuận ở ngoài, rồi cơ nhục gầy dần, ghê rét biếng ăn. Vệ khí để ấm cho cơ thể mà hộ vệ ở ngoài, doanh là âm để nhuận bì mao mà đi các kinh lạc, nay khí ở trong đã yếu mà lại thêm nắt thời ngừng lại mà không tuyên thông. Khi đã không bảo vệ được ở ngoài biểu thời ghê rét, huyết không có khí để vận đi thời cơ thể khô, tạng tỳ không vận hành được thức ăn uống mà thành đờm, không những thớ thịt cơ thể khô ráo bỗ táo, mà trong tỳ vị thiếu chân huyết cũng không nở nang ra được, một khi đờm đã nhiều thời tân-dịch kiệt thêm.

Tôi xét bài này dùng Sâm, Kỳ để bổ khí, Quy, Thược để bổ huyết, mạch và Vị để liễm phế, Ma-hoàng và Quế-chi để đạt ra ngoài biểu, Khí đã mạnh mà đạt đi được, thời tự nhiên không có đờm.

21.— THANH HỎA-TÀ CHỈ ẨU-NGHỊCH PHƯƠNG

Sinh-địa, Mạch-môn đều 2 chỉ, Điều-cầm, Tri-mẫu đều 1 chỉ 2 phân, Quất-bì rửa bằng nước muối 7 phân, Phục-linh 1 chỉ rưỡi, Bạch-thược để sống 1 chỉ 2 phân, Cam-thảo 3 phân, Cát-căn 1 chỉ, Trúc-nhự 2 chỉ, Đăng-tâm 1 nắm. Sắc uống lúc còn ấm.

TìmSách

Bài này chủ chữa đàn bà có thai, mà nôn mãi không thôi, mọi thứ thuốc đều không khỏi. Nội kinh có nói: « những chứng thổ ra nước chua đều thuộc ở hỏa ». Bài thuốc này để cứu cấp mà kiêm bệnh trị bệnh, khi thổ đã ngừng thời nên uống bài *Lục-vị* gia Mạch-môn, và A-dao làm thuốc hoàn để điều trị căn bản.

Tôi xét Sinh địa và Bạch thược để mát chân huyết, Điều cầm để thanh hỏa, Chi mẫu để phạt hỏa, Mạch-môn để nhuận táo, Cát-căn để mở dạ dày và thanh khí, Quất bì để hành trệ, Trúc-nhự để chữa ọe, Bắc thấp đều để giáng khí thăng trở lên, như vậy thời ọe ngược lên mới chỉ.

22.— TAM NGƯỢC THẦN PHƯƠNG

Truật 3 chỉ, Sâm, Linh, Bán-hạ đều 8 phân.

Trần-bì, Sài-hồ, Thảo-quả, Thường-sơn tẩm rượu sao đều 6 phân, Trạch-tả, Thanh-bì đều 4 phân, Cam-thảo 3 phân, táo 2 quả. Sắc uống lúc tờ mờ sáng không có cơn sốt.

Bài này chữa chứng sốt rét lâu năm không khỏi rất thần hiệu. Tôi xét cổ thư có nói: « Không có đờm, không thành ra chứng ngược ». Nhưng tôi xem không có chứng ngược thời không thành ra đờm, là vì tạng tỳ hư yếu mới có chứng ngược, mà tạng tỳ chủ về tín (tín thực) cho nên sốt rét có thời giờ nhất định vào lúc nào lên cơn sốt mà lúc nào thôi, mà chứng đờm là các vị ngưng ăn kết lại mà trọc khí hoá ra, tỳ hư thời các vị ăn không hoá ra tân dịch mà sinh ra đờm, vì thế tạng tỳ không hư thời không thành chứng ngược, đã có chứng ngược thời tạng tỳ cũng hư mà đờm càng nhiều.

Tìm sách

Nên phép chữa phải mạnh cho tạng tỳ và hành tân dịch để hoá đờm dãi đi. Bài thuốc này dùng bài *Tứ-quân* để mạnh cho tạng tỳ. Trần-bì, Bán-hạ để hoá đờm, Phục-linh, Trạch-tả để thấm thấp, Thanh-bì để bình can mộc khỏi lấn sang tỳ thổ, Sài-hồ để chữa chứng nóng lạnh trở đi trở lại. Thường-Sơn, Thảo-quả để chữa ngược. Gừng và táo để dẫn thuốc cho nên nông vào là thần hiệu.

23 — MỘC HƯƠNG TÁN BÍ PHƯƠNG

Mộc-hương phơi khô, Cam-thảo chích, Nhục-quả sao với gạo, rồi bỏ gạo lấy Nhục-quả ra mà thấm bớt dầu đi, Kha-tử bỏ vỏ sao, các vị trên đều 5 chỉ, Sương-truật sao, Trạch-tả sao, Hậu-phác tẩm nước gừng sao, Mộc-thông, Can-khương sao, Sa-tiền bồi khô, Trần-bì sao, Bạch-truật sao, các vị đều 1 lạng Chư-linh sao 2 lạng, Nhục-quế 3 chỉ. Các vị đều tán bột sắc nước gừng sống, và Sa-nhân sao để chiêu đi.

Bài này chữa chứng tỳ hư đi tả lâu và chứng mạn-tỳ của trẻ em, theo người nhiều tuổi và ít tuổi mà cho uống rất là thần hiệu.

Tôi xét các vị thuốc trên đều để ôn trung-tiêu, mạnh tạng tỳ và thấm thấp, những bài chữa đi tả nên thấm nước để đi ra tiền tiện thời đi tả mới khỏi. Tiên sư sợ rằng bài *Ngũ-linh tán* chưa đủ thấm thấp, cho nên bài này lại thêm Sa-tiền, Mộc-thông chỉ lợi là không dùng đến vị Phục-linh, là vì chứng mạn tỳ của trẻ em là nguyên dương hư yếu lắm, mà sách *Bản-thảo* có nói : « Dương hư cấm dùng vị Phục-linh », vậy tiên sinh lập ra bài này, là rất có ý nghĩa.

Tìm sách

24. – GIA VỊ BÌNH-VỊ TÁN BÍ PHƯƠNG

Trần-bì để cả phấn ở trong mà sao, Biển-đậu sao thật vàng, hai vị lấy đều hai lạng bốn chỉ, Xương-truật sao 2 lạng 2 chỉ, Hậu-phác tẩm nước gừng sao 2 lạng, Mộc-thông sao 8 chỉ. Các vị đều tán bột, lấy nước gừng sống sắc làm thang để chiêu đi, tùy người lớn và trẻ em uống nhiều hay ít.

Bài này chữa chứng đi tả những nước rất là thần hiệu. Tôi xét cổ thư có nói : « Tỳ thổ thái quá thời phải dẹp đi », cho nên bài này dùng những vị thuốc mạnh để dẹp tỳ thổ, mà thêm Mộc-thông để lợi tiểu tiện, Biển-đậu để chữa chứng tả, những chứng tả khí mạnh mới nên dùng.

25.— GIA GIẢM NGŨ VỊ LINH TÁN

Trần-bì để cả phấn ở trong mà sao 3 lạng, Xương-truật sao 3 lạng, Bạch-truật sao 5 lạng, Bạch-phục-linh bỏ vỏ khô 5 lạng, Chích-thảo 2 lạng, Biển-đậu sao thật vàng 6 lạng, Trạch-tả sao 2 lạng, các vị đều tán bột sắc nước gừng hòa thêm chút đường rồi hoà thuốc ở trên mà chiêu đi, tùy người lớn trẻ em mà uống nhiều hay ít, để chữa chứng tỳ hư vì thấp nhiệt mà đi tả rất hiệu.

Tôi xét bài này hợp cả bài *Tứ-linh* và bài *Bình-vị*, nhưng bài *Tứ-linh* bỏ vị Chu-linh là không nên thấm thấp quá, bài *Bình-vị* bỏ vị Hậu-phác là không nên công phạt quá, vì trẻ em còn bạo nhược nên dùng thuốc phải thận trọng, sở dĩ dùng đường cát là đường có vị ngọt để vào tỳ vị.

Tìm sách

26.— HẮC-LINH SAN

Quảng-bi sao đen, Tam-lăng sao, Nga-truật sao, Thanh-bì sao đen, các vị đều 2 lạng, Liên-kiều bỏi khô, Sa-nhân bỏi khô, đều 3 chỉ, Hắc-sửu sao (tán riêng mà chỉ lấy bột lần đầu), Can-khương sao đen, Binh-lang-bỏi, các vị đều 7 chỉ rưỡi, Bạch-thảo-sương (lọ nồ) 1 lạng, Nhục-quế, Nhục-đậu, (lấy cám gạo bọc ở ngoài rồi nướng chín đi), hai vị đều 5 chỉ. Những vị trên đều tán bột rồi hòa với đường cát, nếu là chứng bạch lỵ (đi lỵ nhiều mũi) thời dùng thang gừng sống để chiêu đi, nếu là Xích-lỵ (đi lỵ ra máu), thời dùng nước Cam-thảo để chiêu đi, người lớn mỗi lần uống 3 chỉ, trẻ em mỗi lần uống 8 phân cho đến 1 chỉ.

Bài này chữa chứng lỵ rất là thần hiệu, tôi xét 2 vị Bì và Tam-lăng, Nga-truật, Binh-lang, Hắc-sửu đều hành trệ phá tích, Gừng-sao, Sa-nhân, Nhục-khấu, Nhục-quế đều để ôn lỵ, Liên-kiều để thanh nhiệt, Bạch-thảo sương để chỉ huyết, duy một vị Hắc-sửu thời chứng đi lỵ ra máu dùng uống không mấy người không khỏi ngay, mà vị Hoàng liên để tả hỏa không thể bằng được.

27.— CỨU-DƯƠNG THANG

Bạch-truật, Nhân-sâm, Bào-khương, Ngũ-vị, Phụ-tử, Chích-thảo, sắc nước uống.

Bài này dùng Bạch truật và Nhân-sâm đều để giữ nguyên khí, Gừng sao để ôn trung, Ngũ-vị để liễm dương, Phụ-tử để dẫn thuốc. Chích-thảo để ôn trung chủ về bổ tỳ thổ và thêm hỏa để giữ lấy dương khí của tỳ vị, để chữa

Tìm sách

chứng sáu bộ mạch trầm và vi, mà người sốt bốn chân tay giá lạnh, nói cuồng, không ngủ, miệng khát, uống nhiều, đi cầu không chỉ.

Tôi xét bài *Cứu-âm* để bổ âm cho tỳ thận, mà bài *Cứu-dương* này là để bổ dương cho tỳ thận. Có một chứng, sáu bộ mạch trầm vi, người sốt chân tay giá lạnh, phát cuồng nói mê, suốt đêm không ngủ, miệng khát uống nhiều, đại tiểu tiện đều bí vit tựa như chứng thực nhiệt. Nhưng thực ra là âm hàn ở trong, bức dương ra ngoài vì tân dịch không hành cho nên tiểu tiện bí mà miệng ráo chứ không phải là thực nhiệt, vì ăn yếu cho nên đại tiện bí mà không thông chứ không phải là thực kết, nếu không bổ liền ngay thời âm dương đều kiệt cho nên phải dùng bài *Cứu-âm-phương*.

Còn như chứng và mạch cũng như đã kể ở đoạn trên nhưng lại thêm đi tả không ngừng, thế là tỳ thận đều bại mà hỏa không về chỗ, hỏa tàng chứa ở trong thận thủy, và tỳ thổ cần phải ôn bổ để long-lôi-hỏa tàng chứa lại, thời phải dùng bài *Cứu-dương* ở trên đây.

Nhưng bài *Cứu-âm* không dùng Bào-khương, Chích-thảo là để Thục vào Mạch-môn đạt xuống hạ-tiêu và hai vị ấy giảm mất tính chất thấm nhuần (vì thế mà bài Địa-hoàng-hoàn không bao giờ thêm Khương, Quy, Thương, Thảo). Còn bài *Cứu-dương* này mà không dùng Thục, Mạch, Tất, là sợ sức bổ dương của Khương, Truật, Phụ, kém đi, mà những vị thuốc âm hàn lại sinh ra tiết tả.

Tôi xét bài này có Sâm, Phụ để bổi dương, có Truật để giữ trung châu, tức là bài *Nhân-sâm lý-trung* và cả bài

Phụ-tử lý-trung, lại thêm Ngũ-vị để liễm dương, về chứng tỳ hư hãn trở xuống, bài này là thần hiệu.

28.— TRỢ DƯƠNG PHƯƠNG

Bạch-truật sao 8 chỉ, Mạch-môn sao 3 chỉ, Bào-khương 3 chỉ, Ngưu-tất 2 chỉ, Phụ-tử 1 chỉ, Ngũ-vị 1 chỉ.

Bài này chủ chữa chứng đờm suyễn ít ngủ, mạch hai bộ thốn hơi hồng, ngoài ra đều trầm và nhược, bộ quan và bộ xích bên phải vi và tế lắm, thế là mệnh môn hỏa suy quá độ, hư dương bốc trở lên, lại nống lâu thuốc công phạt mà tạng tỳ cũng hư yếu, không thể thấm thấp để tiêu đờm, và không tàng nạp được nguyên dương, đến nỗi khí hư ngược trở lên.

Bài này chữa những chứng phát sốt, răng đau sưng lở, trên lưỡi rộm mụn mà trắng lên rất dầy đau nhức khó chịu, uống lầm thuốc thanh giải mà tinh thần hoảng hốt loạng choạng không chịu nổi, bộ quan và bộ xích bên trái vi lắm hai bộ thốn hồng, thế là hoả của long-lôi bốc cháy trở lên, mà không phải chứng thực nhiệt. Vì rằng khí của tạng tỳ hư yếu không tàng nạp xuống được, âm hỏa bốc lên mà sưng lở, bệnh ấy phải ôn-bổ hạ-tiêu để hỏa yên về chỗ cũ. Chứng này nếu dùng thuốc thanh vị thời khí càng yếu, mà hỏa càng bốc lên.

Tôi xét bài này tựa như bài *Cứu-dương-phương*, nhưng bỏ Sâm, Thảo, và thêm Mạch, Vị, là vì hư dương bốc trở lên cho nên bỏ vị Nhân-sâm bổ khí và bỏ vị Trích thảo chỉ lưu ở trung tiêu.

Tìm sách

29.— TRẤN NẠP CHÂN DƯƠNG PHƯƠNG

Bạch-truật 3 lạng. Sâm 2 lạng, Bào-khương 3 chỉ, Ngũ vị 1 chỉ rưỡi, Chế-phụ-tử 3 chỉ. Sắc nước uống.

Bài này chủ chữa trẻ em ho đờm luôn miệng, mà người thời béo trắng má đỏ, ngoài biểu dư ra mà trong lý không đầy đủ, trên giả nhiệt dưới thật hàn, uống lầm thuốc hàn lương mà phiền táo càng bội, uống nước vô độ, thở suyễn gấp. Khắp mình tê lần mần và ngay ra, mồ hôi nhiều như mưa, tinh thần mụ đi, trực thị cấm khẩu, hai bộ xích không có căn bản, chỉ còn hai bộ thốn và bộ quan bên phải.

Tôi xét bài này dùng vị Bạch-truật nhiều mà Nhân-sâm ít, là vì bệnh nhân bị khó chịu về thuốc hàn lương, nếu không lý hội ở trung-châu, thời dương khí không đạt xuống được. Sở dĩ không dùng vị Chích-thảo là sợ vị ấy giữ thuốc ở lại trung-châu mà bệnh này phải gấp ở hồi dương mà nạp khí.

30.— BỔ-HỎA SINH-THỔ NẠP-KHÍ TÀNG NGUYÊN PHƯƠNG

Thục-địa sao khô 8 chỉ, Bạch-truật 6 chỉ, Bào-khương 2 chỉ, Phụ-tử 2 chỉ, Ngũ-vị 14 hột. Sắc nước uống.

Bài này chủ chữa trong bụng có hòn khối mà đau, có lúc hòn khối dềnh lên gần đến quả tim mà muốn chết, ở trên thời ăn uống không tiêu, ở dưới thời tiết tả không ngừng, sáu bộ mạch trầm và vi đến cực độ, bộ quan và bộ xích bên phải tựa có tựa không, thế là hỏa suy mà tỳ thổ

TìmSách

yếu lắm, khí của tạng thận hư yếu lắn lên tạng tâm, tạng tỳ đã suy thời không nạp được khí bôn-đồn trở lên.

Xét vị Thục địa bổ thận thủy mà giúp cho tỳ thổ, Bạch truật giữ lấy trung châu, Khương và Phụ để bổ hỏa lại có Ngũ vị để liễm xuống, thời khí có căn bản mà không hại, nguyên dương tàng trở xuống. Cho nên phải bổ mà tàng nạp vì trong ngũ tạng, tạng tâm chủ về khôn biết, tạng phế chủ về thăng giáng, tạng can chủ về vơi nhẹ đi, tạng tỳ chủ về vận hành, tạng nào cũng giữ được chức vụ. Để tinh hoa của khí huyết thâu nạp về tạng thận.

Tóm lại bệnh đến hư yếu quá, là bởi ở thủy hỏa mà nguy kịch lắm, là thủy hỏa sắp thoát cho nên chữa đại bệnh phải căn cứ về thủy hỏa.

Tôi xét tạng tỳ ghét ẩm thấp, mà tạng thận ghét khô ráo, bài thuốc này vừa nhuận vừa ráo để bổ gấp cho tỳ thận là vì Truật và Khương để bổ tỳ, Thục để bổ thận, Phụ tử để đem sức thuốc trở đi, lại thêm Ngũ vị thời liễm nạp càng chóng, vị Thục địa tuy là thấm nhuần nhưng sao khô. thời có ích cho tạng tỳ.

31.— HỒI-DƯƠNG KHU-PHONG PHƯƠNG

(cũng gọi là *cứu-thoát phương*)

Nhân-sâm, Bạch-truật đều 1 chỉ, Phụ-tử 4 phân. Sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng trẻ em thốt nhiên co giật, trợn mắt, uốn ván, vừa đi đái, vừa đi cầu, trán ra mồ hôi như mưa, đó là chứng vong dương rất nguy.

Tìm sách

Chứng này bởi dương của tạng tỳ hư yếu lắm mà hãm trở xuống, không nuôi dưỡng được hành mộc của tạng can mà đem hỏa lấn trở lên, tạng tỳ là hành thổ đã thụ thương. Thời chứng phong ở trong thoát ra, chứng ấy gọi là « hư-phong », nghĩa là không phải thực là phong.

Chữa chứng này, đừng cho trẻ em là thuần dương mà dùng thuốc đắng mà lạnh là rất nguy. Tôi dùng bài hồi-dương phương mà có vị Bạch truật, để giữ lấy trung châu, dù gân vì thiếu chân huyết mà co giật, cũng không dùng được thuốc bổ âm, là vì dương đã sắp thoát. Hết thảy những bệnh vong dương, thời thuốc bổ âm không nên dùng chút nào, huống chi là *thuốc hàn lương* (*lạnh và mát*)

32.— TRÁNG THỦY ÍCH-HỎA PHƯƠNG

Nhân-sâm 5 chỉ, Thục-địa 1 lạng, Phụ-tử 1 chỉ. Sắc nước uống.

Bài này chủ chữa các chứng sốt ở trong, hình thể khô ráo, môi miệng nứt ra, mắt mờ, khắp người đau nhức, nói mê, phiền táo, mạch trầm và vi muốn thoát, vì chứng khô ráo ấy là trên giả nhiệt mà ở dưới thực hàn.

Tôi xét vị Thục-địa để bổ chân thủy, thêm vị Phụ-tử thời công hiệu rất chóng, Sâm và Phụ để bổ hoả, nhưng cùng với Thục-địa lại giúp được chân âm. Về chứng này nên bổ thủy mà dẫn hỏa trở xuống, mà không dùng bài *Bát-vị* là vì mạch trầm và vi, muốn thoát thời phải

Tìm sách

có Sâm, Phụ mà không dùng Quế, là sợ vị Quế thơm mà tản đi, cho nên bỏ Quế mà dùng Sâm, trong ba vị ấy cũng có công dụng tựa như bài *Bát-vị*.

33.— DƯƠNG HƯ ÍCH HỎA PHƯƠNG

Sâm 5 chỉ, Truật 4 chỉ, Phụ tử, Bào khương đều 1 chỉ rưỡi, Chích thảo 1 chỉ sắc uống.

Bài này chủ chữa đàn bà có mang ba tháng mà thổ nhiều, thức ăn và uống không nạp được, sáu bộ mạch trầm và vi đến cực độ, nếu chấp nệ là vị Phụ tử sẽ trụy thai mà không dùng thời không được. Phương chỉ Sâm và Truật đã giữ vững thời Phụ-tử không thể làm cho thai trụy xuống được, vả lại tạng tỳ ghét lạnh, nếu gặp thuốc âm hàn thời thai không giữ được, thế mới biết những vị thuốc nhiệt lắm hàn lắm, hoặc công phạt nhiều nếu dùng đúng thời có ích.

Tôi xét Nội kinh có nói: « Bệnh phải dùng vị thuốc phạm thai mà biết dùng những vị thuốc ấy thời cũng như không phạm đến thai ». Về chứng kể trên, vì dạ dày hư yếu thời thổ, cho nên dùng bài thuốc này, cũng như bài *Sâm-phụ lý-trung*.

34.— BỔ HUYẾT SINH TÂN THANG

Thục-địa 3 lạng, Mạch-môn 5 chỉ, Phụ-tử 2 chỉ, Ngũ-vị 1 chỉ, sắc đặc uống thay nước.

Bài này chủ chữa sau khi thổ huyết mà khát nhiều không ngừng, mạch hai bộ thốn hồng mà bộ quan bộ xích

yếu, thế là âm huyết mất nhiều mà tạng phủ khô ráo, âm hỏa lấn trở lên gọi tên là bệnh huyết-kiệt.

Ông Dụ-Gia-Ngôn có nói : « Người ta nhờ ở thức ăn uống để sinh ra tân dịch, kém thời ốm mà kiệt thời chết. Cho nên chữa bệnh phải cứu lấy tân dịch.

Tôi xét người âm hư thời ít huyết đen gầy và khát nhiều uống luôn, phương thuốc này dùng bài *Sinh-mạch* ẩm bỏ Sâm gia Thục, Phụ, vị Sâm chỉ phát sinh tân dịch mà bỏ đi là lẽ làm sao? Chỉ vì mạch hai bộ thốn hồng âm hỏa bốc trở lên thời phải tránh những vị thuốc bổ khí, dùng nhiều vị Thục-địa là sau khi thổ huyết để cứu chân thủy, dùng vị Phụ-tử để đem Thục đến âm phận.

35.– KHU-HÀN PHƯƠNG

Nhân-sâm 5 chỉ, Bạch-truật 4 chỉ, Nhục-quế 2 chỉ, Phụ-tử 2 chỉ sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng hư yếu khó nhọc mà chân tay đau nhức, dạ dày ngăn cách, bĩ đầy, lợm lòng, muốn tuyệt, sáu bộ mạch thời trầm vi, thế là nội thương đã lâu, hàn tà trúng thẳng vào âm phận, phải ôn ngay để giữ lấy.

Tôi xét chứng này là không có dương mà không có hỏa cho nên dùng Sâm và Phụ để hồi dương, Bạch truật để giữ lấy trung châu, thêm Quế để tuyên thông mà trục hàn tà ra ngoài.

Tìm sách

36. – SÂM QUẾ PHỤ PHƯƠNG

Nhân-sâm 5 chỉ, Nhục-quế 2 chỉ, Phụ-tử 2 chỉ. Sắc uống.

Bài này chủ chữa đàn bà có thai vì khó nhọc nhiều ăn ít mà gặp hàn khí, bốn chân tay giá lạnh, phát suyễn thở gấp, trán ra mồ hôi như mưa, hai mạch bộ xích trầm và vi mà muốn thoát, khi ấy cần chữa lấy mẹ mà không để ý đến thai, nhưng phải hiểu rõ bệnh tình dùng thuốc mới khỏi lầm.

Tôi xét chứng suyễn này là dũng khí ở trong hư yếu, hàn tà lấn vào, cho nên dùng Sâm, Phụ để cứu nguyên dương mà Nhục-quế để tán hàn tà.

37. – NGŨ VỊ LÝ TRUNG THANG

Nhân-sâm, Bạch-truật, Pao-tử, Can-khương, Chích-thảo Ngũ-vị, các vị tùy nhiều ít sắc uống.

Bài này chủ chữa đàn bà có mang ba tháng mà thổ nhiều, thức ăn và thức uống không lọt được, sáu bộ mạch trầm vi. Tôi xét Nội-kinh có nói : « Các chứng cệ nguợc lên đều bởi ở hỏa », nhưng nếu là tráng-hỏa mà thêm hỏa ở tam-tiêu, ở ngũ-tạng thời nên thanh, nên giáng, nên phạt, còn hư hỏa tức là âm-hỏa thời phép chữa hoặc bổ tỳ thổ để tàng dương khí lại, hoặc giúp chân âm để lui hỏa đi, hoặc dẫn hỏa về chỗ. Về chứng này là bởi tỳ thổ hư không tàng nạp được nguyên dương, cho nên dùng bài *Lý-trung*, mà thêm Ngũ-vị để liễm xuống.

Tìm sách

38.— CỨU THOÁT PHƯƠNG

Sâm 1 lạng, Truật 5 chỉ, Phụ tử 3 chỉ. Sắc nước uống.

Bài này chủ chữa chứng bốn chân tay giá lạnh, trán ra mồ hôi như cúc áo, mà dương khí sắp thoát.

Tôi xét chứng thoát là vong dương, dù bốn chân tay giá lạnh mà người vẫn nóng, phiền táo là dương bốc trở lên, nên không dùng được chút âm dược nào trong bài này, dùng Sâm, Phụ để hồi dương, Bạch truật để cứu lấy vị khí, khi ấy thời bổ tạng thận không bằng bổ tạng tỳ.

39— BỔ CHÂN ÂM THANH GIẢ NHIỆT PHƯƠNG

Thục-địa 6 chỉ, Mẫn-đơn 3 chỉ, Mạch-môn để sống 3 chỉ, Ngưu-tất 2 chỉ Phụ-tử 6 phân. Sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng mọc sởi lằn mần, phát sốt, mới một hôm mà trên mặt đã bay mụn sởi, thần khí mỏi mệt, giun ra đầy miệng mà không ăn được, trên suyễn dưới đi tả, môi miệng khô nứt, ngực và lòng bàn chân bàn tay đều nóng, đầu ngón tay ngón chân đều lạnh, mạch thời tế và sác không có thứ bực, hai bộ xích yếu lắm. Tôi xét chứng này thường cho là mọc sởi chạy vào ngũ tạng, dạ-dày nóng nhiều cho nên con giun ra đầy miệng, nhưng không biết là chứng thần khí chực thoát, tạng tỳ hư không vận hóa được thức ăn cho nên giun đói mà trở ra, hơn nữa tạng phủ ráo mà nóng thời giun không được yên. Phương chi những chứng ban sởi đều bởi huyết thịnh khi mạnh thời mụn sởi mới được đỏ mà mọc ra, nay đã yếu thời mụn sởi nhạt mà lặn vào,

Tìm sách

sở dĩ trên mặt lặn mụn sởi trước là vì dương hư không mọc ra được, còn các chứng khác, là âm thiếu thời phiền nóng, đi tả mà không ăn là được chân hỏa yếu mà tạng tỳ không vận hóa được, suyễn súc làkhí không tiếp tục, hư hỏa bốc lên, bộ thốn bộ quan tế và sác, bộ xích yếu là hư hỏa bốc lên với chứng này nếu không bổ hỏa ở trong âm để hỏa long-lôi tàng nạp trở xuống, thời lấy gì để cứu sống; hơn nữa bệnh ngặt thời chữa về tạp chứng; bệnh thong-thả thời chữa về căn bản, nay cần phải giữ lấy nguyên khí mà chưa cần để ý đến mọc của ban sởi, vậy không nên theo thói thường chỉ chăm ở giải độc mà không cứu lấy tinh mạng.

40.— TƯ-KIM TRÁNG-THỦY PHƯƠNG

Thục-địa 2 lạng, Mạch-môn đề sống 5 chỉ, Nhân-sâm 8 chỉ, sắc đặc uống thay nước trà. Bài này chủ chữa chứng phế kim và thận thủy khô ráo, long-hỏa bốc trở lên, ráo khát khác thường.

Tôi xem bài này dùng Sâm, Mạch để chữa khát; Thục-để chữa ráo, nhưng lại bỏ Ngũ-vị, là vì Ngũ vị đi với Ngưu-tất thời liễm trở xuống mà đi với Thục, Mạch thời liễm phế khí ở trên, nay long-hỏa đã bốc, nếu thêm Ngũ-vị thời lại liễm hỏa vào tạng phế, tức là dắt giặc vào nhà.

41.— BỔ TINH PHƯƠNG

Thịt dê 4 lạng sắc lấy nước, Hoàng-kỳ đề sống 4 lạng, Quy-thân 2 chỉ, Kim-ngân 2 chỉ, Thăng-ma ẩm mật và rượu

rồi sao 4 phân, luộc thịt dê lấy nước sắc 4 vị thuốc kể trên và gừng táo để uống. Bài này chủ chữa chứng ung nhọt vỡ rồi về khí huyết tân dịch suy kiệt, mà phải dùng đến thuốc bổ.

Tôi xét nước thịt dê dùng nhiều hơn và Hoàng-kỳ để sinh cơ nhục, Đương-quy để bổ huyết, Kim-ngân, Thăng-ma để chữa sang độc. Cho nên dùng chung với nhau để thành công.

42 – NGŨ TẠNG KIÊM TƯ CAO

Hoàng-kỳ non 4 lạng tẩm mật sao, Quy-thân 3 lạng tẩm rượu sao, Thục-địa 6 lạng, Bạch-truật 4 lạng tẩm sữa sao, Tảo-nhân 5 lạng sao, Viễn-chí chế và sao 2 lạng, Mạch-môn sao với gạo 2 lạng, Bạch-thược tẩm rượu sao 2 lạng 4 chỉ, Đỗ-trọng tẩm rượu sao 3 lạng, Ngưu-tất lấy rượu trưng rồi bỏi khô 3 lạng, Nhân-sâm 5 lạng, Phục-linh 3 lạng, Phục-thần 3 lạng; Hột-sen 3 cân.

Lấy nước lá đun Liên nhục, rồi bỏ Liên nhục mà cho thuốc vào đun kỹ lấy nước canh đặc thành cao, rồi cho bột Sâm, Linh, Phục thần vào mà làm thành hoàn; lúc đi ngủ lấy nước lá đun sôi, chiêu bốn chỉ thuốc hay ngậm cho tan đi cũng được.

Bài này chủ dưỡng tạng tâm, nuôi tạng tỳ, bổ tạng can, bổ tạng thận, thành tạng phế, và điều bổ khí huyết, người cần tự rất nên uống, mà các chứng hư tổn uống cũng hay, trong bộ sách Cẩm-nang đã bàn kỹ.

TìmSách

Tôi xét bài này bổ tinh hoa cho ngũ tạng để đem về tạng thận, tôi thường dùng chữa các chứng hư tổn về Hậu thiên rất hay.

43 – DƯỠNG TÂM, THANH PHẾ, HÒA CAN CAO

Bài này để chữa các chứng kinh-giản. Tảo-nhân 4 lạng sao, Qui-thân 3 lạng, Kim-Thạch-hộc bỏ rễ 2 lạng, Bạch-thược tẩm mật sao 2 lạng, Mạch-môn 3 lạng, Thục-địa 8 lạng, Ngưu-tất 3 lạng, Viễn-chí chế sao 3 lạng, dùng hột sen một cân sắc lấy nước rồi bỏ hột sen đi, cho những vị thuốc kể trên vào rồi sắc kỹ bỏ bã đi, cạnh thành cao mà hòa những vị thuốc kê dưới đây, đã tán mạt để thành thuốc hoàn.

Sâm 3 lạng, Phục-linh 3 lạng, Phục-thần 3 lạng, cùng tán bột cho vào cao kể ở trên mà làm thành thuốc hoàn mỗi viên nặng 4 chỉ, cơm trưa ăn rồi cách khá lâu, lấy nước lã chiên thuốc này một viên.

Tôi xét chứng kinh-giản phát ra bởi hỏa đem đờm trở lên cho đờm dãi giàn giụa, người mạnh thời nống thuốc cho thổ ra hay hạ đi, còn người hư yếu thời phải bổ thủy, để khỏi dềnh lên thành đờm, thận thủy vượng thời sinh ra can mộc, tướng hỏa yên về địa vị, chân âm nuôi dưỡng được tạng tâm và bổ cho tạng phế, vậy bài này là có ích cho tâm can và phế.

Tìm sách

44.— TUẤN BỔ NGŨ TẠNG VINH VỆ CAO

Nhân-sâm 3 lạng để cách giấy trên nồi riêng mà bởi khô, Bạch-truật 4 lạng tẩm nước sữa sao, Thục-địa 8 lạng bởi thơm, Tảo-nhân 3 lạng sao, Quy-thân 3 lạng tẩm rượu sao, Bạch-thược 2 lạng tẩm mật và rượu sao, Viễn-chí 1 lạng rửa chế sao, Ngưu-tất 2 lạng tẩm rượu sao, Mạch-môn 2 lạng sao với gạo, Ngũ-vị 2 lạng ẩm mật sao, Phục-thần 2 lạng ruỡi bởi khô, Nhục-quế 8 chỉ, các vị ở trên đều tán bột.

Thục-địa 6 lạng giã nhừ ra, tảo-nhân 2 lạng nghiền mượt, Bạch-truật 4 lạng tẩm sữa sao, Quy-thân 1 lạng, Bạch-thược, Phục-thần, Viễn-chí chế sao ba vị đều 1 lạng ruỡi, Ngưu-tất 1 lạng tẩm rượu phơi khô, Ngũ-vị 2 lạng giã nhừ ra, Mạch-môn 2 lạng sao với gạo, Nhục-quế bỏ vỏ 8 chỉ, các vị đều tán một.

Lấy hai cân Liên-nhục sắc nước bỏ bã, rồi đem những vị thuốc ở trên bỏ vào nước ấy đun kỹ, cũng bỏ bã cạnh đặc thành cao rồi cho những vị thuốc đã tán mạt nói ở đoạn thứ hai luyện làm thuốc hoàn, hàng ngày sáng và chiều sau lúc ăn cơm đã lâu rồi sắc nước Long nhãn để chiên thuốc hoàn ấy.

Bài này chữa các chứng hư tổn nên uống xen với bài *Thập-toàn đại-bổ-hoàn* thời càng hay. Tôi xét bài này mạnh bổ cho cả ngũ tạng, mà để ý vào tạng tỳ nhiều hơn cả.

TìmSách

45 — BỔI DƯỠNG VINH VỆ CAO

Thục-địa 12 lạng, Sinh-địa 6 lạng đều giã thật mượt, Mạch-môn 5 lạng, Thiên-môn 5 lạng, Đan bì 4 lạng, nếu tỳ vị hư bớt đi, Bạch-thược 2 lạng, nếu mạch tạng can thấy đại thời thêm 1 lạng, ý dĩ 6 lạng, Địa-cốt 2 lạng, Ngưu-tất 3 lạng, nếu mạch xích yếu, mạch thốn hồng, thêm 1 lạng nữa các vị trên sắc ba nước bỏ bã để cạnh thành cao, rồi bỏ những vị thuốc kê sau đây đã tán bột, mà làm thành thuốc hoàn.

Nhân sâm 2 lạng rưỡi bỏi khô, Phục-linh 3 lạng, Phục thần 2 lạng, Chính A-giao 2 lạng lấy bột các phấn sao phồng lên, mật ong 3 lạng. Những vị này luyện với thuốc cao kể ở trên mà làm thành hoàn, mỗi hoàn nặng 4, 5 chỉ lấy nước lã đun sôi nóng vào lúc đói, mỗi lần một hoàn vào sau lúc uống *Bát-vị hoàn*, nếu mạch xích còn huyền và xác. miệng khát cuống họng ráo là thủy hỏa chưa cân với nhau, thời nên hàng ngày dùng 2 hay 3 lạng Thục-địa, 4 chỉ Mạch-môn, sắc đặc uống thay nước trà.

Tôi xét bài thuốc này chỉ giúp tạng phế bổ tạng thận, nuôi dưỡng khí và liễm chân hỏa, vì chứng lao là tinh khô huyết kiệt.

46.— CAM-LỘ THẦN CAO

Cam-lộ, (căng vải ở trên mặt cỏ rồi hứng lấy sương của trời) nóc chừng một chén, Nhân sâm từ một chỉ tới 5 chỉ, sắc kỹ hợp lại canh đặc, sữa người một bát, mật ong một bát lớn.

TìmSách

Lấy nước Sâm hợp với 3 thứ kia canh đặc thành cao mà uống dần, để chữa những chứng táo nhiệt, ho đờm, thổ huyết, ho khan rất là thần hiệu.

Tôi xét chứng này bởi tân dịch của ngũ tạng khô kiệt, tinh huyết không đủ, người như cỏi khô, da giáp như vầy cả, vì thế dùng những vị trên đều là thứ thấm nhuần lại thêm vị Nhân-sâm cũng là vì thuốc có tính thấm nhuần ở trong khí dược.

47.— LAO KHÁI CAO TƯ PHƯƠNG

Thục-địa 10 lạng, Sinh-địa 5 lạng, Ý-dĩ-nhân 6 lạng, Đan-sâm, Ngưu-tất đều 3 lạng, Mạch-môn 4 lạng, Địa-cốt, Tử-uyển, Khoản-đông-hoa, Đan-bì đều 2 lạng, Thán-khương 6 chỉ, Mật ong 6 lạng.

Lấy nước lã nấu các vị kể trên rồi bỏ bã lấy nước canh thành cao rồi hòa với mật để chứa lại.

Phục linh 2 lạng, Xuyên bối mẫu hai lạng, đều tán bột hoà với thuốc cao kể trên cách sau lúc ăn khá lâu lấy nước hoà cho tan độ 5 chỉ cao, mỗi ngày uống ba lần.

Tôi xét bài này dùng vị Thục-địa bổ âm, vị Sinh-địa mát chân huyết, vị Đan-sâm công dụng như cả bài Tứ vật, vị Đan-bì để thanh hỏa, vị Ý-dĩ và Ngưu-tất để liễm và giáng xuống, vị Địa-cốt chữa chứng nóng tận xương, vị Tử-uyển và Khoản-đông chữa chứng gan nóng, vị Mạch-môn bổ tạng phế, vị Phục-linh và Bối-mẫu để thành đờm. Cho nên hợp lại để chữa chứng hư lao ho đờm.

Tìm sách

48.— CHẤN KHỞI NGUYÊN KHÍ HƯ HÃM CAO

Hoàng-kỳ một cân, đem 3 lạng Phòng-phong sắc lấy nước để tẩm vị Hoàng-kỳ rồi phơi khô mà sao, Bạch truật 20 lạng sao, Phụ-tử 4 lạng.

Ba vị sắc lấy nước canh thành cao, rồi đem 6 lạng Nhân-sâm tán bột, hoà vào cao để viên thành viên nhỏ, sau lúc ăn cơm khá lâu, lấy nước đun sôi hoà vào mà uống.

Bài này chữa chứng khí nghịch trở lên, cũng có khi khí truy mà bức bách trở xuống, đại, tiểu tiện đều phải rặn mà đi trung-tiện nhiều (đánh giắm), đại-tiện lỏng phân mà lại phải rặn, mạch tế và xác mà vô lực, thế là trung khí hư lắm, dương khí không đạt được ra ngoài, phục ở trong mà hãm xuống dưới chứng này nên uống trước bài bát vị hoàn, thêm Lộc nhung, Phá-cố, Ngũ-vị rồi sau uống sau với thứ cao này.

Tôi xét những chứng dương khí hãm trở xuống, thời dùng bài Bổ-trung có vị Thăng ma và Sài hồ để đem lên, thế mà bài thuốc kể trên, lại chỉ dùng có Sâm, Kỳ, Truật, Phụ, thời lấy gì đủ sức. Tiên sư họ Pnùng lập ra bài này thần hiệu không kể hết được, là vì người hư yếu lắm thời không nên dùng vị thuốc để thăng, sợ rồi dương khí tản tiết, nên chỉ dùng ba vị này để mạnh cho dương khí, thời tự nhiên thăng đề, đó là không thăng lên mà tự nhiên thăng lên, vả lại ba vị trên đều giữ cho trung châu hồi dương khí, mà cứu vãn chứng nguy thoát.

Tìm sách

49.— TIÊU TRỆ BÍ PHƯƠNG

Xuyên-hoàng-liên, Điều-cầm, Bạch-thược đề sống, Sơn-tra, bốn vị đều một chỉ rưỡi ; Chỉ-xác sao với gạo, Hậu-phác tẩm nước gừng sao, Binh-lang ba vị đều 2 phân, Đương-quy, Cam-thảo, Địa-du đều 5 phân ; Thanh-bì, Hồng-hoa đều 2 phân, Đào-nhân 10 hột, Nam-mộc-hương hai phân, sắc uống.

Bài này để chữa chứng lỵ hoặc xích hoặc bạch hay là vừa xích vừa bạch, trong bụng cần đi cầu mà lúc đi lại phải rặn, mình hay đau bụng, v.v...

Nếu chỉ đi ra mũi mà không có máu thời bỏ địa-du và Đào-nhân, thêm Trần-bì và Mộc-hương. Nếu trệ mà khó đi cầu lắm, thêm Đại-hoàng sao với rượu 2 chỉ. Nhưng uống một hai chén rồi bỏ vị Đại-hoàng, người mới đi lỵ trong năm ba hôm hay 10 hôm uống bài này rất hay. Ngoài 10 hôm hay nửa tháng thời dùng bài sau đây :

Xuyên-liên, Điều-cầm, Bạch-thược sao với rượu ba vị đều 6 phân, Sơn-tra 1 chỉ, Hậu-phác, Trần-bì, Thanh-bì, Binh-lang đều 4 phân. Trích-thảo 3 phân, cam-thảo để sống 2 phân, Đương-quy 5 phân. Đào-nhân đập dập vào mụn vải để bỏ dầu đi, 6 phân, Hồng-hoa 3 phân, Nam-mộc-hương 8 phân. Sắc uống.

Nếu lỵ đến hơn một tháng, tạng tỳ hoạt mà người hư yếu, thời dùng bài thuốc như sau :

Điều-cầm, Hoàng-liên, Bạch-thược, đều 6 chỉ, Trần-bì sao, Hậu-phác, Nam-mộc-hương đều 3 chỉ, Địa-du tẩm giấm

Tìm sách

sao 4 chỉ, Hồng-hoa 2 chỉ, Đương-quy, Nhân-sâm, Bạch-truật, Trích-thảo đều 5 chỉ.

Ba bài thuốc kể trên, nếu là đàn bà có thai mà uống thời phải bỏ những vị Hồng hoa, Đào-nhân, Binh-lang. Phương pháp kể trên tùy nghi mà dùng để có công hiệu. Cũng có người uống những phương kể trên mà không công hiệu là vì lúc trước uống thuốc bổ như Sâm, Truật quá sớm, mà bế tắc tà khí, rồi sau tà khí vẫn thịnh mà chính khí yếu đi, muốn vit lại thời giúp cho tà khí, mà muốn thanh cho nhẹ đi hay tiêu đi, thời đi cầu lại hoạt rồi đến không thể chữa được.

Xưa nay chữa chứng lỵ đều nói là tạng nhiệt thời phải dùng thuốc mát, tạng hàn thời phải dùng thuốc ôn. Lúc mới phát bệnh mạch nhiệt thịnh thời nên hạ, nếu có chứng ở ngoài biểu thời nên phát hãn, tiểu tiện đỏ mà xẻn thời nên lợi tiểu tiện. Năm phương pháp ấy, nhà làm thuốc đều cho là khuôn mực. Riêng tôi cho là năm phương pháp đó chỉ có phép thanh nhiệt là không đáng kiêng, còn 4 phép kia thời phạm vào 4 điều nên kiêng, mà không thể dùng được.

Một là kiêng ôn bổ, vì chứng lỵ, bởi thấp nhiệt tích trệ, nếu dùng thuốc ôn bổ như Sâm, Truật, thời càng nóng mà khí càng trệ.

Hai là kiêng thuốc hạ, vì chứng lỵ nên thông cho nhẹ đi là đủ, nếu dùng thuốc hạ thời hại đến khí của tỉ vị mà tà khí không trừ được. Người mạnh còn tạm dùng được, còn người yếu thời nguy.

Ba là kiêng phát hãn, vì chứng ấy mà phát nóng lạnh mà nhức đầu, hoa mắt, đều bởi là độc ở trong

Tìm sách

nung ấu, chứ không phải ngoại cảm. Nếu dùng thuốc phát hãn thời ngoài biểu hư yếu mà ở trong tà khí lại mạnh, có khi bị chết oan.

Bốn là kiêng dùng thuốc lợi tiểu tiện, vì lợi tiểu tiện là phép chữa cho chứng đi cầu lỏng, còn chứng ly là tà khí tích trệ, tâm dịch khô ráo nên dùng những bài như *ngũ đinh tán* để lợi tiểu tiện, thời huyết càng ráo mà đi cầu càng khó, mà liên miên không khỏi.

Ly là chứng hiểm, quan hệ đến sống chết, phần nhiều người chữa không hợp vì thế không được tốc hiệu, cho nên tôi đặt ba bài thuốc kể trên, những người mới phải chứng ấy trong mấy hôm, và những người phát bệnh mười hai hôm, chỉ uống vài chén là khỏi, mà chỉ dùng những vị thuốc tầm thường. Tôi làm thuốc hơn 20 năm chữa trăm người khỏi cả trăm, mà chính tôi mắc bệnh ấy nên thí nghiệm càng tinh, vì thế, tôi ghi ra trên đây mong nhà làm thuốc đừng bỏ qua.

—

50.— CHƯ-CHI CAO (Cao mỡ lợn)

Mỡ lợn lấy bột Nhục quế quấy lẫn vào và hành củ, chút muối giã đều dán dày lên trên chỗ đau để chữa những chứng sưng dẫn mà không đau hay cũng có khi không sưng.

Cao này chữa những chứng sưng độc không có tên, sở dĩ lấy mỡ lợn mà chữa về máu và thịt là để đồng khí thời ứng với nhau, còn Hành thông được khiếu, muối mềm được chỗ dẫn ra, Quế để chạy đến huyết phận.

Tìm sách

51.— GIA VỊ THÁI-ẤT CAO

Dầu vừng hai mươi bốn lạng cho tóc rối vào và đun lấy cành đào quấy luôn tay để tóc ấy tan ra, sau lấy hai trăm bột Tỳ-ma-tử bỏ vỏ giã nhừ, rồi cho vào dầu ấy mà quấy. Sau khi khi tóc đã tan ra và Ma-tử đã khô thời cho mỡ và thêm vào những vị thuốc sau đây:

Sinh-địa 4 lạng, Huyền-sâm, Đại-hoàng, Đương-quy đều 3 lạng, Xích-thược, Bạch-chỉ. Nhục-quế đều 2 lạng. Ta quấy đều cho thuốc khô đi rồi lọc bỏ bã lại, đun nhỏ lửa cho đặc lại đem 4 vị thuốc kể sau đây để bỏ vào quấy đều đều khi sên cao ấy lên không chảy ra mà thành giọt là được.

Nhũ-hương rửa sạch hai lạng bồi trên nồi rang rồi gói vào vải đập bớt dầu đi, xong nghiền thật mịn, Một dược hai lạng cũng bồi khô tán mượt, Minh tùng hương một cân giã nhỏ, Hoàng đơn hai mươi lạng hòa vào nước vôi chắt nước ở trên đi xong phơi khô sao đen ; bốn vị ấy lại cho vào cao kể trên rồi dùng để sành mỗi lần lấy cao lại quấy lên để dán vào những chứng bệnh sưng độc, dù đã vỡ hay chưa vỡ, hoặc ngã, đánh tổn thương hay là chứng khí thống về phong thấp đều được thần hiệu.

52.— PHONG KHÍ DIỆT PHÁT CAO DƯỢC THẦN PHƯƠNG

Tóc rối một nắm to, Tỳ-ma-tử 200 hột, mỡ lợn hai cân ruỡi, dầu vừng tám lạng, đem dầu vừng đun sôi rồi cho tóc và bột Tỳ-ma đã tán vào trong dầu ấy, đến khi tóc tan ra và bột Tỳ ma khô đi thời lại bỏ vào những

TìmSách

vị thuốc kê sau đây : Uy-linh-Tiên, Thục-địa, đều 3 lạng, Quy-thân, Độc-hoạt đều 1 lạng rưỡi, Kim-ngân 2 lạng, Bạch-chỉ một lạng, Xuyên-ô, Thảo-ô đều 6 chỉ, lại đun đến khi những vị thuốc ấy khô đi rồi lọc bỏ bã, lại đun nhỏ lửa cho đến khi gần thành cao thời lại thêm những vị thuốc sau đây vào trong cao ấy : Minh-tùng-hương lấy nước đun kỹ rồi lọc bỏ bã đi 6 lạng, Nhũ-hương một lạng, Một dược một lạng đều tán mượt, Hoàng-đơn 8 lạng bồi khô, Xạ hương 3 phân.

Bắt đầu đem Tùng-hương, Hoàng-đơn bỏ vào cao kể ở trên, đun nhỏ lửa đến khi cao ấy nhỏ ra không thấy chảy thời cho vào 3 vị Nhũ-hương, Một dược, Xạ hương quấy đều để dán vào những chỗ đau nhức, hoặc bị ngã bị đánh ; mỗi lần lấy cao ra lại phải quấy đều.

53 – BẢO ANH CHÍ BẢO ĐĨNH TỨ

Trần bì để cả phấn ở trong một lạng, La-bạc-tử rửa sạch phơi khô rồi sao một lạng, Tam lăng, Nga truật, Mạch nha, Hậu phác tẩm nước gừng sao, Xương truật, Hương phụ, Thảo khấu, Chỉ thực, các vị đều một lạng và sao, Sơn tra một lạng rưỡi, Chính-thần-khúc một lạng.

Các vị trên đều tán mượt, lấy vị Thần khúc và nấu hồ làm đĩnh. Mỗi đĩnh nặng 3, 4 phân, trẻ em mỗi tuổi mới uống một nửa đĩnh, không cứ bệnh gì đều dùng nước gừng sống loãng để chiêu đi. Bài này do tiên sư họ Phùng từ đời trước bí truyền lại, để chữa những chứng trẻ em phong đờm, phát sốt kinh cam, thổ tả, tích trệ công hiệu vô cùng.

Tìm sách

54.– BẢO THAI THẦN HIỆU HOÀN

Bạch-truật một lạng tẩm nước gạo phơi khô rồi sao với hoàng thổ, Phục-linh hai lạng, Điền-cầm tẩm rượu sao, Hương-phụ tẩm nước giải trẻ em sao, Huyền-hồ sao, Hồng-hoa tẩm rượu sao, Ích-mẫu sao, các vị đều 1 lạng. Một dược sao lấy vải đập bỏ dầu đi 3 chỉ.

Các vị kể trên, đều tán bột hoàn với mật to bằng hột ngô, mỗi ngày uống bảy viên vào lúc đói mà không nên uống nhiều quá, nếu thai không yên thời mỗi ngày uống đến bốn lần, khi đã yên thời chỉ uống một lần. Nếu đau bụng đau hông hay là bụng đầy sợ trụy thai thời nên uống ngay. Những người có thai ba tháng hoặc 5 tháng mà trụy thai, uống ngay từ tháng đầu có thể không quan ngại. Nếu thấy huyết ra muốn trụy thời uống ngay thuốc hoàn này, cũng có thể giữ được. Cần thận đừng tức giận hay lao lực và kiêng ăn, thức nướng, thức sào, hồ tiêu, thức chát hay cay, và những thức gì động khí, hay là thức lạnh. Rất kiêng việc phạm phòng, một liều thuốc kể trên có thể giữ được một lần thụ thai. Những người uống thuốc hoàn này không ai không thấy công hiệu.

55.– QUAN-ÂM CỨU KHỔ ĐAN

Xạ-hương một chỉ, Châu-sa 2 chỉ, Lưu-hoàng 3 chỉ, các vị đều tán bột.

Bắt đầu đem Lưu-hoàng đun chảy ra, rồi bỏ Xạ-hương, Châu-sa vào cùng đun, xong đổ ra đợi khô lại đem tán bột, rồi cho ít nước vào lại đun và quấy đều,

Tìm sách

đến khi thôi, thái ra to chừng một hột gạo xong bỏ vào lọ kín để dùng dần.

Bài này để chữa những chứng phong, hàn, thấp, khí ngưng lại trong cơ thể mà đau nhức, chân tay co quắp và trẻ em miệng mắt méo sệch đi, hay là co giật, đàn bà bụng trên, bụng dưới có bĩ khối mà đau nhức, nếu bệnh nặng thời dùng thuốc bằng hột gạo, bệnh nhẹ thời dùng thuốc bằng hột tấm. Đem thuốc ấy để trên chỗ đau, châm hương, thời trên mảnh thuốc ấy thời lửa cháy lên, khi tắt lửa để yên một chốc sẽ khỏi. Nếu bệnh thường, chỉ cứu như thế một lần. Nếu chỗ đau to rộng thời đặt mấy mảnh thuốc ấy mà cũng thời lửa vào. Lúc đó không nóng và đau, mà khi cứu như thế rồi, cũng không nát thịt nung mủ, chỉ một lát là cố tật khỏi ngay, đây là thần phương của tiên sinh họ Phùng bí truyền. Nhà làm thuốc nên lấy làm báu.

56.— SUY-HẦU DƯỢC PHƯƠNG

Thanh-đồng ba chỉ, Nhân-trung-bạch bồi khô một chỉ, Tây-ngưu-hoàng một chỉ, Đại-băng-phiến hai chỉ, Xạ hương 1 chỉ.

Những chứng cổ họng thối lở thành lỗ, dùng những vị trên tán mượt thổi vào là khỏi.

57.— VI-ĐỘC PHƯƠNG

Đại-hoàng hai lạng, Phù-dung diệp, Xích-thược đều một lạng, Bạch-cập, Bạch-Liễm đều 5 chỉ. Các vị tán bột điều

với lòng trắng trứng gà mà bôi ở chung quanh ung nhọt, còn ở trong thời uống thuốc giải độc. Bài này để chữa những chứng ung độc không cho lan rộng ra được.

58.– TẨY NHÃN THẦN PHƯƠNG

Hoàng-liên 3 chỉ, Hạnh-nhân tán bột, Phấn-thảo, đều sáu phân, Đảm-phàn một chỉ, Thanh-đồng ba chỉ, Đại-táo 1 chỉ. Các vị cân thật đúng, sắc lấy nước rồi cạnh lại, dùng bông mà thấm thuốc, nhân lúc nóng sát vào mắt thấy trong cổ-họng có mùi thuốc thời thôi, bông thuốc ấy phơi khô để được mấy mươi năm. Mỗi liều như thế chữa được mấy chục người. Không cứ là mắt đau, vì phong vì hoả mà rửa luôn là công hiệu ngay. Người già mắt mờ mà thường chảy nước mắt, rửa thuốc này tỉnh ra như thể người trẻ,

59.– GIÁP SƯNG SỈ THỐNG THẦN PHƯƠNG

Thạch-cạo 3 chỉ nung chín, Khương-hoạt 2 chỉ chế, Phụ-tử một chỉ, Tế-tân tám phân. Sắc uống trước lúc ăn cơm để chữa những chứng Mạch-bội-xích vô lực, hư hỏa bốc lên hàn vít lại mà ở trong nóng. Má sưng răng đau.

60.– TÂM THỐNG THẦN PHƯƠNG

Lấy tàn trắng của thanh sắt đương nung nghiền thật nhỏ mà chiêu với nước lã, mỗi lần hai phân để chữa những chứng đau ở ngực, mỗi lần uống hai phân, nếu chưa khỏi uống lần thứ hai.

TìmSách

61.— KÊ CAN TÁN BÍ PHƯƠNG

Minh-hồng-hoàng 1 chỉ tán mạt, Tang-bạch-bì 5 chỉ bởi khô giã ra, lòng đỏ trứng gà một chiếc để trên miệng ngói đun cho chín khô đi rồi giã nhỏ.

Các vị đều tán bột đem thuốc ấy tẩm vào gan con gà, rồi lấy rượu đun chín, gạt bỏ thuốc ăn gan. Kỵ dùng đồ thiết khí. Bài này để chữa chứng cam tích, mắt thành màng trắng. Ăn một lần mắt phải đỏ ra, hai lần thời khỏi, thật là thần phương.

62.— KÊ CAN TÁN

Minh-hồng-hoàng một chỉ, Thạch cao một chỉ (nung cho chín), các vị tán mạt, lấy mật cổ gan gà trống đun với chút rượu cho thật chín rồi tẩm thuốc ấy độ một chỉ mà ăn, để chữa chứng cam tích mà mắt mới sưng đỏ lên.

63 — TAM KHÍ ẨM

Đương-quy, Thục-địa, Bạch-thược, Nhân-sâm, Bạch-truật, Câu-kỷ, Ngưu-tất, Đỗ-trọng, Tục-đoạn, Phụ-tử Các vị tùy nhiều ít sắc uống để chữa chứng « *bạch thổ lịch tiết phong* » mà chân tay đau nhức (các đốt xương bị phong tà mà thành bệnh như vậy thời gọi là chứng bạch-thổ lịch-tiết-phong)

Nếu váng đầu gia một chút Tế-tân. Nếu bệnh nhân yếu mà lạnh thêm Nhục-quế mài với thuốc mà uống.

Tìm sách

64.— LÂM TẨY NANG SŨNG THẦN PHƯƠNG

Hành củ cả lá, rễ, 20 củ, Xuyên-tiêu một lạng, Mạch nha một lạng, Địa phụ tử một lạng, bốn vị ấy sắc nước rửa trên âm nang khi lậu, hôm sau lại rửa đến hết sưng thì thôi.

Âm-nang tức là hai hòn dái của đàn ông cũng gọi tên là ngoại-thận. Mà dái sưng thời gọi là chứng nang sũng.

65.— BÍ THỤ TÂY PHƯƠNG TỬU DƯỢC PHƯƠNG

Hồng-đậu-khấu, Bạch-đậu-khấu, Nhục-đậu-khấu (bỏ vỏ rồi bỏ vào vải đập bớt dầu đi), Cao-lương-khương 7 phiến bồi khô, Nhục-quế, Công-đinh-hương.

Các vị đều tán bột, bắt đầu dùng 4 lạng đường cát, 1 bát nước để vào trong nồi đồng đun tan ra, rồi bỏ hai lòng trắng trứng gà vào đun một lúc, xong đổ vào một cân rượu, bắc ra ngoài hoà kỹ với các vị thuốc kể trên, rồi châm lửa vào rượu ấy một lát đậy vung lại, cho lửa tắt đi, dùng vải lọc bỏ bã thuốc, còn rượu bao nhiêu đổ vào trong vò mà ngâm vào nước lã một lúc, xong lấy ra tùy người lớn nhỏ mà cho uống.

Bài này chữa chứng thức ăn ngăn cách ở bụng trên mà nôn ra (phiên-vị), và các chứng ly cùng chứng ăn không nạp được rất là thần hiệu.

TìmSách

66. – TRỊ NHŨ-UNG THẦN PHƯƠNG

Kim-ngân-hoa 2 lạng, Bồ-công-anh 5 lạng, Cam-thảo-tiết ba chỉ, Một-dược 2 chỉ, Quy-vĩ 6 chỉ. Sắc uống sau lúc ăn, chữa chứng đàn bà ung nhũ như thần.

67.– KHẨU CAM SUY DƯỢC THẦN PHƯƠNG

Băng-phiến 2 phân, Nhân-trung-bạch bồi khô 2 chỉ, Xạ-hương một phân, Thanh-đồng 3 chỉ, cùng tán mượt thổi vào miệng một chút, đến khi đờm dãi chảy hết ra, thổi ba bận là khỏi, để chữa chứng trẻ em cam miệng rất hiệu. Nếu cam nhiều thêm 1 phân ngưu-hoàng.

68.– CHU CAN TÁN

Cốc-tinh-thảo 4 phân, Thạch-cao tẩm giấm rồi nung chín 6 phân, Cáp-lỵ miệng hơi tía một chỉ nung chín, cùng tán mượt, lấy gan lợn chưa rửa nước, rồi đem dùng dao bằng tre rạch ra cho thuốc vào trong quấn chặt bồi khô trên nồi rang, xong, bỏ thuốc đi mà ăn gan để chữa chứng trẻ em cam mắt.

69.– TRỊ NGƯỢC THẦN PHƯƠNG

Một là bài *Nhị-trần* gia Can khương, Phụ-tử, Thảo-quả, Thường-sơn, nếu nóng nhiều thêm Sài-hồ và Hoàng-cầm.

Hai là bài *Tứ-quân* hợp với bài *Nhị-trần* và thêm Binh-lang, Thảo-quả, Thường-sơn.

Tìm sách

Ba là dùng thứ *Nhục-quế ngọt nhiều* cạo vỏ đi độ hơn một chỉ, lúc sắp lên cơn sốt rét ngậm vào trong miệng, thời rét lui mà nóng nhẹ. Tinh thần nhẹ nhàng mà khỏi, thật là thần phương.

70.— SÁT NHA CHÍ BẢO TÁN

Lấy một con chuột đực để cả lông, lấy giấy quấn nhiều lượt, lại dùng cám gạo nếp và đất sét luyện với nhau nắm ở ngoài thật kín, rồi đem nung chín, xong bỏ thịt lấy xương đã cháy thành than lại tẩm dầu để đốt một lượt nữa, xong tán mạt điều với những vị thuốc kể sau :

Một-Thạch-tử, một đôi vừa đực vừa cái (thư và hùng) đem đun với rượu thật lâu rồi đem ra bỏ khô, Trầm-hương một chỉ rưỡi, Cốt-toái-bổ 5 chỉ bỏ lông tẩm mật sao khô.

Các vị tán bột hòa với Xương truật cho đều rồi đựng vào hộp bằng bạc hay bằng chì. Hàng ngày về buổi sáng ngậm sát vào răng một lúc lâu, rồi nhổ đi, thời những răng đã lay chuyển được chặt lại, mà chiếc nào chưa lay thời chắc thêm ra, người ít tuổi rụng mấy chiếc răng trong khoảng 3 năm, ngậm thuốc này lại mọc răng mới như cũ, thần hiệu không kể hết được.

Tìm sách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập HIỆU-PHỎNG TÂN-PHƯƠNG

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Tôi đã nói trong bài thay lời tựa ở quyển Thủ là Lê-tiên-sinh làm thuốc có nhiều sáng kiến, mà không hoàn toàn lệ thuộc vào cổ nhân.

Nói về y-lý thì điểm đó chứng minh vào 2 thiên Châu-ngọc cách ngôn, mà nói về thực hành thì chứng minh vào tập **Hiệu Phỏng Tân-Phương** *này.*

Gặp mọi trọng bệnh mà Tiên-sinh chữa khác với cổ nhân, lập ra phương thuốc mới để điều trị mà bệnh nhân được khỏi. Những tân phương đó đều do sáng kiến lập ra.

Sở dĩ đã gọi là Tân-phương mà còn thêm 2 chữ Hiệu-phỏng, là Tiên-sinh nói khiêm đã bắt chước ý của cổ nhân, nhưng thực ra những tân phương ấy đều do sáng kiến của Tiên-sinh, như những phương vừa bổ vừa tiếp, thì cổ nhân đâu đã phát minh, độc giả lưu tâm vào những bệnh chứng và phương thuốc chữa khỏi ở trong tập này, thời có ích không phải là ít.

Sàigòn, ngày 15 tháng 7 năm 1971

Dịch giả :

Đinh-Thụ HOÀNG-VĂN-HOÈ

TìmSách

Tiểu-dẫn của tác giả

Sách Tố-Vấn (1) không đặt ra bài thuốc. Tự nhà Hán trở về sau, các bậc danh-hiền đặt ra nhiều bài để người đời sau bắt chước. Nhưng đời xưa đời nay bẩm sinh mạnh yếu khác nhau, lại còn khác nhau về nơi ở, về cảnh quí hay hèn, người già hay trẻ, bệnh lâu hay mới, bệnh từ trong sinh ra hay ở ngoài cảm vào, nên ta không thể đem những bài thuốc nhất định để hợp vào những chứng bệnh biến hóa vô cùng.

Xét ra thời phương thuốc về thời cổ bổ thủy không gì bằng bài *lục-vị*, bổ hỏa không gì bằng bài *bát-vị*, dưỡng huyết không gì bằng bài *tứ-vật*, bổ khí không gì bằng bài *tứ-quân*, bổ cả khí huyết thời có bài *bát-chân*, bài *thập-toàn*, bổ về hậu thiên thời có bài *dưỡng-vinh* và *quy-tỳ*, v. v...

Nói về bài thuốc thời không phải là ít. Nhưng cũng có chứng bệnh sách cổ chưa nói đến, tôi gặp những chứng ấy phải nghĩ nhiều để tự đặt ra bài thuốc khác. Nay tôi đem những phương gặp bệnh khó chữa mà tự đặt ra để chữa được mau khỏi xếp làm tập sách dưới đây mà gọi là quyển « *Hiệu-phỏng Tân-Phương* » để bù vào chỗ người đời xưa còn thiếu sót.

Tác giả Lê-hữu-Trác
biệt hiệu là Hải-Thượng Lãn Ông
làm bài tiểu dẫn trên đây.

Chú giải

(1) Hoàng-đế hỏi mà ông Kỳ-Bá trả lời, về nhân thân, tạng phủ, bệnh căn và y-lý, người đời sau ghi chép lại, gọi là *Nội-Kinh*, sách *Tố-Vấn* tức là sách Nội-kinh vậy.

TìmSách

TẬP HIỆU-PHỎNG TÂN-PHƯƠNG

GỒM CÁC BÀI THUỐC :

1. — Bài bổi-thổ cố-trung.
2 — Thông-tàng phương
3. — Tư-thủy nhuận-táo phương.
4 — Bổ-can ôn-thận phương.
5 — Bổ-âm liễm-dương an-thần phương.
6 — Thăng-thanh giáng-trọc phương.
7. — Tuấn-bổ tinh-huyết cao.
8. — Bình-can-khí dưỡng-can-huyết phương.
9 . Hậu-thiên lục-vị phương.
10 — Hậu-thiên bát-vị phương.
11. — Hắc-hổ đĩnh.
12 — Bạch-long đan.
13 — Hòa-huyết khai-uất phương.
14. — Bổ-âm ích-dương phương.
15. — Thanh-kim đạo-khí phương.
16. — Nhân-vật tư-vinh cao.
17. — Phù-dương thu âm phương.
18. — Tứ-tượng cao.

Tìm sách

19 — Tư-âm giáng hỏa phương.

20. — Nhị-long ẩm.

21. — Đệc-long ẩm.

22. — An-trung tán.

23. — Bổ âm tiếp-dương phương.

24 — Bổ-dương tiếp-âm phương.

25. — Tức-kim cao.

26 — Nhuận-cơ cao.

27 — Bảo-âm phương.

28. — Bổ-tỳ âm tiễn.

29. — Điều-nguyên cửu-bản thang.

TìmSách

I. – BỒI-THỔ CỔ-TRUNG PHƯƠNG

Bạch-truật 2 lạng (người khí hư tầm hoàng-thổ sao, người huyết hư tẩm nước sữa sao), Thục-địa một lạng, (người tỳ âm hư không sao, người dương hư sao khô, người có đờm tẩm nước gừng sao), Cam-thảo hai chỉ (sao khô), Can-khương hai chỉ (sao đen còn lõi hơi vàng).

Bài này để chữa chứng âm hỏa của tạng tỳ suy kém mà dương của dạ-dày vượng lên, và những người ăn nhiều thức nướng, thức nóng hay uống nhiều thuốc thơm và ráo, hoặc ăn nhiều mà không tiêu hoá, hoặc dạ-dày khô ráo không nạp được thức ăn, hoặc nôn ọe đi cầu lỏng phân, hoặc tạng tỳ hư yếu không tàng được nguyên-khí mà phát sốt, hoặc vì dạ-dày nóng tân-dịch khô mà thành những chứng ăn rồi lại nôn ra và chứng quan-cách.

PHÉP GIA GIẢM

1. · Trong bụng lạnh lẫm đi cầu lỏng phân, thêm Phục-linh, Phụ-tử.

2 — Nôn ọe vì hỏa nguợc trở lên, thêm Ngũ-vị, Ngưu-tất.

3. – Khí hư nguy cấp bỏ Thục, Thảo thêm Sâm, Phụ.

4. – Khí xấu đem trở lên mà thành chứng hư-bĩ, hư-trướng, (bĩ hay đầy mà chỉ là hơi thôi, không có thực thể) thêm Quế, Phụ.

5. – Nôn ọe không chỉ, thêm Ô-mai.

TìmSách

6.— Thương thực không tiêu hóa, thêm Sa-nhân, Phụ-tử.

7.— Đi ỉy lần thêm Bạch-thược, Thăng-ma.

8.— Đi cầu lâu không ngừng, thêm Nhục-đậu-khấu, Biển-đậu, Phục-linh, Thăng-ma.

9.— Dạ-dày nóng mà táo khát, thêm Mạch-môn, Ngũ-vị.

10.— Huyết hư mà dạ-dày ráo, thêm Quy, Thược, Quế.

11.— Âm hỏa bốc trở lên bỏ thảo, thêm Ngũ-vị, Ngưu-tất, Phụ-tử. Bài thuốc này bổ cả âm dương cho tỳ thổ có thể gọi là bài « *Bổ-âm tứ-quân-tử* ».

Tiên-biền đặt ra bài « *Quy-tỳ* » bổ quân hỏa để sinh ra vị thổ. Bài « *Bát-vị* » bổ tướng-hỏa để sinh ra tỳ-thổ. Đến ông Đông-Viên đặt ra bài « *Bổ-trung ích-khí* » dùng vị Thăng-ma và Sài-hồ để đem dương khí trở lên đều là thánh dược chữa cho tỳ-vị. Người không biết lại bỏ Thăng-ma, Sài-hồ đi hay là thêm vị Ngưu-tất Đỗ-trọng, Y-dĩ thế là không biết lẽ đem thanh khí trở lên để khí xấu giáng trở xuống.

Nội-kinh có nói : « tỳ vị thụ bệnh thời mười hai kinh đều yếu ». Ta gọi là vệ khí, là doanh-khí, là nguyên-khí đều là tên riêng của vị-khí (khí của dạ-dày), tôi gặp những chứng đã nguy thoát, thường dùng vị Bạch-truật để giúp sức cho Sâm, Phụ, thời sức thuốc mới chóng. Bài thuốc này đã dùng vị Bạch-truật để bổ dương cho tạng tỳ, mà còn thêm vị Thục-địa để bổ âm cho tạng tỳ, là vì không những bổ tạng thận phải dùng vị âm dược

mà bổ tạng tỳ cũng vậy. Sách tinh-dược gọi tên là Thục-địa-hoàng cũng lấy cớ địa tức là thổ mà hoàng là sắc của hành thổ vậy vị ấy có thể giúp cho âm phận của tạng tỳ mà ta dùng chấp nệ là tạng tỳ ưa ráo ghét ẩm mà chỉ dùng những vị thơm và ráo để chữa tạng tỳ. Ví như đất phải có thấm nhuần thời cỏ cây mới mọc được.

Hơn nữa, dương của dạ-dày thời chủ về khí, âm của tạng tỳ thời chủ về huyết. Nếu ta chỉ dùng những vị cay, thơm, ráo, nóng để giúp tỳ vị thời hỏa của dạ-dày càng vượng mà âm của tạng tỳ càng hại, còn lấy đâu để vận hóa được.

Sở dĩ bài thuốc này không dùng Nhân-sâm, Phục-linh, là vì hai vị ấy chỉ bổ cho dương khí của hậu thiên. Nay tôi đặt ra bài « *Bổi-thổ cố-trung* » kẻ trên, là chú ý vào âm của tạng tỳ suy kém mà dương của dạ-dày vượng lên. Có vị Thục-địa thời vị Bạch-truật bớt ráo đi, không dùng đến vị Sâm là sợ vị Sâm lại giúp cho hỏa của dạ-dày. Không dùng vị Phục-linh là sợ không có chất thấm nhuần đó, là tôi gặp bệnh mà nghĩ ra chứ không phải là lập dị.

2.— TƯ-THỦY NHUẬN-TÁO PHƯƠNG

Thục-địa 2 lạng, Thiên-môn, Mạch-môn đều 6 chỉ, Sữa người một bát lớn, Phụ-tử 2 chỉ, Ngũ-vị 20 hột, các vị thuốc đem sắc, lúc canh thuốc cho sữa người vào đun sôi lên mà uống.

Bài này chủ chữa chứng Thủy suy tinh kiệt và âm của hậu thiên cũng hư tổn, mà trong bụng não nùng đau

khan, từ cuống họng đến hậu môn, trong tràng-vị đau như lấy dao cạo ra, có khi ngất đi rồi lại tỉnh. Suy rộng ra còn chữa chứng đại-tràng thiếu chân huyết mà đi cầu táo kết, cùng chứng thương hàn sốt nóng chưng chưng. Đã uống thuốc phát tán mà mồ hôi không ra, thời uống bài này là khỏi ngay, vì lẽ tìm mồ-hôi ở trong huyết.

PHÉP GIA GIẢM

1. — Phiền nóng thêm Quy-giao.

2 — Không ngủ thêm Tảo-nhân,

3. — Đại tiện bí thêm Đương-quy, Thung-dung.

4 — Nhiệt uất mà bụng đầy, thêm Ngưu-tất.

5. — Mình nóng mà ra mồ hôi nhiều thêm A-giao.

6 — Mình rét mà tự ra mồ hôi thêm Sâm, Kỳ, Truật bỏ Thiên-môn và sữa người.

Tôi xét âm, dương là tiếng gọi mà thôi, thủy, hỏa mới là thực thể, cho nên những bệnh binh thể gầy đen hiện chứng khô ráo mạch thấy *phù* và *sác* đã uống thuốc bổ huyết mà không khỏi thời phải xét đến căn bản của huyết. Cổ thư có nói : « âm của hậu-thiên hư yếu thời bổ thận thủy ». Ông Cảnh-Nhạc cũng nói : « tạng thận chủ về tân dịch cho cả ngũ tạng ». Ông Vương-Thái-Bộc nói : thận thủy suy kém không sinh huyết mà sinh ra đờm, » vì thế âm hư thời dương lấn đi cho nên thành ra chứng giả nhiệt. Chữa chứng ấy phải giúp chân thủy để thấm nhuần

Tìm sách

sự khô ráo khác với chứng hậu-thiên âm hư thời giúp chân âm để giáng hỏa. Hai bên khác hẳn nhau.

Tôi chữa một bệnh-nhân, người gầy đen mà huyết khô, vì có chứng sán thống mà uống nhiều thuốc thơm và ráo, chứng ấy gần khỏi thời trong tràng vị đau như dao cắt, hàng ngày nóng lên chết đi sống lại. Những bài thuốc như *Lục-vị, Cửu-âm, Lưỡng-nghi cao, Ban-long cao*, cho uống đều vô hiệu. Tôi nghĩ rằng người khô ráo quá ví như nắng lâu phải có mưa thật to mới khỏi được oi bức, nên tôi dùng bài thuốc kể trên dùng nhiều Thục-địa để bổ âm, lại thêm Thiên-môn và Mạch-môn để nhuận táo, lại thêm sữa người để thấm nhuần tràng vị, (vì sữa người rất nhuận cho sự ráo vẫn gọi tên là « Tiên-gia-tửu ».) Tuy thế không có dương thời âm không sinh được cho nên dùng vị Phụ tử để dẫn đi, lại thêm vị Ngũ-vị để liễm xuống, bệnh nhân ấy quả nhiên uống một thang là khỏi.

3 — THỐNG-TÀNG PHƯƠNG

Đương quy 5 chỉ rửa bằng rượu, Thục địa 3 chỉ sao khô, Liên nhục 3 chỉ, Bạch-thược 3 chỉ tẩm mật sao, nhân sâm 1 chỉ rưỡi sao, Phục thần 1 chỉ rưỡi, Cao-quy bản 2 chỉ rưỡi, Đan-sâm lấy Rượu tẩy một chỉ, Mẫu-đơn 1 chỉ tẩm rượu sao, A-giao một chỉ sao phồng lên, Ngũ-vị tẩm mật sao 15 hột, thêm Đăng-tâm (bấc đèn thắp dầu ta ngày trước). Sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng thấy suy huyết thiếu, sốt âm phiền táo, tự ra mồ hôi và ra mồ hôi trộm, suốt đêm không ngủ mà ngày cũng ít ngủ, đoản khí ăn ít đi.

Tìm sách

Tạng tâm để tóm chân huyết, tạng can để chứa chân huyết, bài thuốc trên chỉ chữa về tâm và can nên gọi là *thống-tàng*. Nội-kinh nói : « khí âm ở trong để giữ cho khí dương ». Lại nói . « ngủ không được yên là bởi huyết không về tạng can, khí để bảo vệ (vệ-khí) không vào được âm phận. » Lại nói . « khi dương bốc lên thời phát sốt, khi âm kém đi thì mồ hôi tự ra ». Ông Cảnh-Nhạc nói : « Từ trước vẫn cho chứng tự ra mồ hôi là dương hư yếu, chứng mồ hôi trộm là âm hư yếu, nhưng chưa chắc thật đúng, chỉ vì lẽ nếu có hỏa thì làm ráo chân âm, mà không có hỏa thì khí ở ngoài biểu không giữ vững mà thôi ». Ông Vương-Thái-Bộc nói : « chứng mồ hôi trộm không chỉ nếu vì có hỏa thì là chân âm không giữ được, nếu vì không có hỏa thì là chân dương không giữ vững được ». Xem những câu kể trên, thì ngủ hay không ngủ là do huyết mạnh hay yếu, ra mồ-hôi trộm hay tự ra mồ-hôi là bởi hỏa có hay không vậy.

Tôi chữa một chứng bệnh, bệnh nhân vốn là chân thủy suy kém, các chứng vì hư yếu phát ra rất nhiều, khi bệnh khỏi gặp việc thương sót mà bệnh cũ lại trở lại, ngày đêm hấp nóng, tự ra mồ hôi khắp người, ban ngày ngủ được chút nào thời ra mồ hôi trộm như mưa, suốt đêm không ngủ được, phiền táo không yên, tinh thần hoảng hốt, ăn ít, đoản khí mà mỏi mệt gần thành ra chứng thoát, tôi cho uống bài *Quy-tỳ* bỏ Mộc-hương thêm Mẫu-đơn, Sài-hồ, Quế-tâm mấy thang vẫn vô hiệu.

Tôi nghĩ rằng Hoàng-kỳ dù liễm hãn nhưng là bổ về vệ-khí, vị Tảo-nhân để an thần dễ ngủ, nhưng đối với chứng này là bệnh một nơi chữa một nẻo, vì rằng âm và dương không giúp lẫn được nhau, tạng tâm tạng can

hư yếu thời không dưỡng được thần-khí, nên suốt đêm không ngủ, ban ngày là dương phận có vệ-khí giúp nên mới ngủ được phần nào, tạng tâm đã hư yếu thời tinh-thần hoảng hốt, thủy suy thì hấp sốt, tạng tâm hư yếu thời phiền, tạng thận hư yếu thì táo, nên tôi dùng thục và quy để bổ âm huyết, vị Bạch-thược để liễm can huyết, Nhân-sâm để bổ khí kiêm bổ huyết, vị Đan-sâm như cả bài *Tứ-vật*, vị Phục-thần để an thần, vị Quy-giao để giúp chân âm và lui sốt, vị Mẫu-đơn để thanh hỏa vị A-giao để nhuận phế dưỡng can, là thánh dược để bổ huyết, vị Ngũ-vị để thu liễm, vị Đăng-tâm để lui nhiệt, quả nhiên bệnh nhân uống một thang là thấy công hiệu ngay.

Tôi gặp bệnh nghĩ ra phương thuốc, tuy thiển cận mà công hiệu rất to, xin ghi lại đây để góp một phần nào trong y nghiệp.

4. – BỔ-CAN ÔN-THẬN PHƯƠNG

Đương-quy 3 chỉ, Bạch-thược 2 chỉ rưỡi, Bạch-truật 1 chỉ rưỡi tẩm mật sao, Sài-hồ 1 chỉ, Tiểu-hồi 3 phân, Ô-dược 5 phân sao, Quất-bạch bỏ vỏ sao 7 phân, Ngô-thù tẩm muối 7 phân, Độc-hoạt 1 chỉ, Chi-tử sao đen 1 chỉ rưỡi, Xuyên-khung 8 phân, Mẫu-đơn 1 chỉ, các vị sắc uống lúc còn ấm.

Bài này chỉ chữa chứng chân âm hư yếu thủy suy kém, can mộc không có gì nuôi dưỡng mà can khí quá mạnh, thành chứng « đởi-sán » (bìu dái bên lớn bên nhỏ), đau không chịu được. Tôi xét Nội kinh nói : « có 7 thứ sán-thống », cổ-thư nói : « chứng ấy thuộc về ngũ tạng khác

nhau », Ông Đan-Khê bảo chứng sán thuộc về tạng can, không liên can với tạng thận. Nhưng tôi xem chứng ấy gốc ở can, thận và bởi thấp và hỉn nhiệt, vì rằng chứng sán thuộc về gân mà gân nào không bởi tạng can. Nội-kinh nói : « mạch « nhâm » là gốc của 7 chứng sán » sách Tố-vấn nói : « mạch của tạng thận sinh bệnh, từ bụng dưới ngược trở lên bụng mà đau, không ngảnh ra đằng trước đằng sau được, là chứng xung sán », như vậy thời bệnh sán gốc ở tạng thận, hàn thời đau nhiều, nhiệt thời thượt ra, thấp thời sưng mà truy bởi khí kết nhiệt uất ở trong, hàn thấp vit ở ngoài biểu, cho nên phép chữa phải thấm thấp, mà hàn thời dùng thuốc cho ôn nhiệt thời dùng thuốc cho mát đi, đó là phương pháp nhanh chóng.

Vả lại, tạng can có bệnh thời nguồn gốc bởi tạng thận, vì có thủy mới dưỡng được mộc, tôi chữa một chứng bệnh, vì âm thủy suy kém, huyết không dưỡng được gân mà sán thống co quắp, cho uống thuốc sán thời càng đau gấp mà cho uống thuốc mềm-nhuận thời khí trệ mà sưng truy hơn lên, cho nên tôi dùng vị Đương-quy, để dưỡng chân huyết, vị Bạch-thược để liễm can khí hoà can huyết, vị Bạch-truật để chữa cả hàn thấp và nhiệt thấp, vị Xuyên-khung để hành trệ, vị Mẫu-đơn để mát chân huyết, vì Sài-hồ để dẹp tạng can, lại tản khí huyết ngưng tụ, vị Ô-dược đi đến bàng-quang những chỗ vì khí lạnh mà đau, vị Tiểu-hồi ôn cho tạng thận vẫn để chữa chứng tiểu-tràng vì khí... mà đau gò lại, vị Quất-hạch chữa chứng bàng quang vì trệ mà đau, vị Ngô-thù tản khí lạnh ở bàng-quang, nhưng vì tính táo cấp nên tẩm mật sao để

Tìm sách

nhẹ đi, vị Độc-hoạt chuyên chữa chứng thấp tê ở hạ bộ, vị chỉ-tử thanh chứng uất vì nóng, đề theo tiểu đi xuống, quả nhiên bệnh nhân uống một thang mà mọi chứng khỏi cả, rồi tôi cho uống bài *Lục-vị gia-giảm*, thời chứng ấy đến lâu cũng không tái phát.

5.— BỔ-ÂM LIỄM DƯƠNG AN-THẦN PHƯƠNG

Thục-địa 1 lạng, Bạch-thược 5 chỉ, Đan-sâm 1 chỉ rưỡi, Phục-thần 2 chỉ, Viễn chí sao 1 chỉ, Liên-nhục 1 chỉ rưỡi, Mạnh-môn 2 chỉ, Ngũ vị 1 chỉ, Lộc-giao 3 chỉ, Đại-táo 3 quả, Phụ-tử 8 phân. Sắc uống, nếu có nóng bốc lên thêm 10 con bấc đèn.

Bài này chủ chữa chứng chân âm hư kém không liễm được khí dương, khí dương bốc lên, mà trên nóng dưới lạnh, hay mình nóng như lửa, tay chân lạnh như băng, tinh-thần mụ đi không biết gì, nói nhảm, phiền khát, đầu mặt nhiều mồ hôi, bệnh tình nguy kịch v.v...

Xét Nội kinh có nói : « khí âm là nền cho khí dương », lại nói : « khí âm ở trong để giữ cho khí dương ; khí dương ở ngoài để khí âm sử dụng ». Lại nói : « tinh của khí dương vốn thăng trở lên, vì có khí âm mà không thăng quá được, tinh của khí âm vốn là giáng xuống, có khí dương giữ lại mà không xuống được nhiều, trong khí dương không thể thiếu khí âm, trong khí âm không thể thiếu khí dương ». Nội-kinh còn nói : « khí âm quân bình, khí dương bế vít tinh-thần mới vững ».

Kinh Dịch có nói : « Khi đất bốc lên, khi trời giáng

Tìm sách

xuống mà là quẻ « Thái », hành thủy ở trên, hành hỏa ở dưới mà là quẻ « ký-tế », đều là lẽ âm dương không lìa bỏ được nhau.

Tôi chữa một chứng bệnh, khí âm hư tổn ở dưới không liễm được khí dương, khí dương trơ vơ bốc lên thêm, hỏa long lôi bốc nóng. Tạng tâm không giữ được chủ quyền, mà thành những chứng tinh-thần mụ đi, nói nhảm, trán ra mồ hôi, gặp nguy cơ như vậy, nếu dùng mạnh thuốc bổ dương thời sợ khí âm mất trước, nếu dùng cả thuốc bổ âm thời lại sợ thoát mất khí dương, đành phải tìm phương thuốc để khí âm khí dương giúp lẫn nhau mà để ý hơn về những vị thuốc bổ âm, khiến cho khí âm mạnh thời liễm được khí dương, khí dương đã vít lại thời tinh-thần về chỗ mà nói mê cuồng mới trấn an được.

Vì thế, tôi lập ra phương thuốc này, dùng nhiều vị Thục-địa để bổ âm và thêm vị Bạch-thược bổ chân huyết và thu vít cả dương khí, vị Đan-sâm nuôi dưỡng chân âm công dụng như bài tử-vật, vị Phục-thần để an thần, vị Viễn-chí để bổ tạng tâm và tạng thận, vị Liên-nhục vừa bổ cho tạng tâm, vị Mạch-môn bổ tạng phế, thanh tạng tâm lại chỉ khát trừ phiền, vị Ngũ-vị để đem khí về chỗ lại trấn định được thần hồn, vị Lộc-giao để bổ tinh huyết, vị Phụ-tử để đem thuốc đi khí phận hay huyết phận, quả nhiên bệnh nhân chỉ uống một thang mà công hiệu tức khắc.

6. — THĂNG-THANH GIÁNG-TRỌC PHƯƠNG

Nhục-thung-dung 5 chỉ, Bạch-thược để sống 2 chỉ, Nhân sâm để sống 2 chỉ, Phục-linh 8 phân, Trạch-tả 8 phân,

Tìm sách

Trầm-hương mài ngoài 3 phân, Ngô-thù tầm muối sao 8 phân, Thăng-ma tẩm rượu sao 1 chỉ, Cát-căn tẩm rượu sao 5 phân, Gừng nướng 3 phiến Sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng âm hư mà đầy chướng, đã uống thuốc cay hành khí đi mà vô hiệu thời uống phương thuốc này hay như thần.

Tôi xét Nội-kinh có nói : « khí âm xíu đục mà lại trở lên thời sinh ra chứng ngăn lấp đầy chướng (điền-chướng). Lại nói : « ăn uống thiếu tiết độ, lúc làm lúc nghỉ không đúng mức thời âm phận thụ bệnh trước », vì thế ông Trọng-Cảnh đặt ra bài « bát-vị-hoàn » thêm căn nguyên cho hỏa để tiêu khí âm tối tăm (âm ế) cũng là theo ý nghĩa của Nội-kinh.

Cho nên những chứng bệnh hư bĩ mà không có hình (khí chướng hư bế) người không biết đem những dược phẩm cay thơm hành khí tiêu độc cho bệnh nhân uống mà đầy chướng càng tăng là không hiểu nghĩa lý mà thôi.

Tạng tỳ ưa ráo mà ghét ẩm thấp, dạ-dày lại ưa mát mà ghét nóng, tiên-hiền có phép thần bí là chữa chứng đầy chướng phải bổ chân âm, ít có người biết, là vì những vị thuốc cay thơm thời tán khí hao chân huyết và tân-dịch (nước nhờn trong người) kém đi, nơi ở dạ-dày càng mạnh, âm huyết của tạng tỳ càng kém đi, thì tất nhiên là tăng bệnh.

Đứa chán gái họ tôi phải chứng kể trên, tôi đã theo như người đời xưa cho uống bài « Bổ-trung » để đem thanh khí lên mà giáng trọc khí, và bài « Lục-vị » dùng giúng để thăng lên, nhưng bệnh không chuyển được phần

nào, rồi tôi đặt ra phương thuốc này, đem vị Nhục thung dung bổ mạnh cho tinh huyết mà dẫn được âm khí đi xuống và thấm nhuần được khô ráo thời phân lạng nhiều hơn, vị Bạch thược bổ huyết liễm chân âm, và vị Nhân sâm đã bổ khí lại giúp cho âm huyết, trọng lượng kém hơn, vị Phục linh và Trạch tả có tính nhẹ nhàng và thấm thấp cùng đem trở xuống đều ít hơn nữa, vị Trầm-hương vừa thăng vừa giáng, vị Ngô-thù hạ khí rất nhanh, vị Thăng ma đem thanh khí lên (khí nhẹ nhàng trong sạch) vị Cát căn thăng được thanh khí ở trong dạ-dày, những vị ấy đã giáng lại thăng, đã thăng lại giáng, đều dùng để giúp sức. Người cháu tôi chỉ uống một thang, thời dương theo hơi ợ mà trở lên, âm theo đi cầu mà trở xuống chứng giả lượng vì âm hư mà đầy chướng, nay nhẹ đi mà hơi thở điều hòa, ăn uống tiến mà tỳ vị yên, vì thế tôi ghi lại để tỏ bày ý kiến hẹp hòi.

7. – TUẤN-BỔ TINH-HUYẾT CAO

Thục-địa 3 cân, Nhân-sâm 1 cân sao với gạo, Câu-kỷ 1 cân, Cao-ban-long 1 cân, Nhục-quế 2 lạng bỏ vỏ tán mạt.

(Đem ba vị trên sắc riêng thành cao loãng, rồi đổ chung vào nồi đất đun sôi rồi cho một cân mật ong và cao Ban-long quấy tan ra, lại cho bột nhục-quế quấy đều đun cho đặc lại, đổ vào trong chai bịt kỹ, lúc đói uống mỗi lần vài thìa cho tan ra.)

Bài này chữa chứng tinh huyết về hậu-thiên suy kém, phế kim khô, thận thủy kiệt hình sắc tiều tụy, ăn uống

TìmSách

không tiến, sốt âm chưng chưng, xương đốt không kiện vận, tiểu tiện đi luôn, với những chứng ngũ lao thất chương (năm chứng khó nhọc, bảy chứng thương tổn) rất là kỳ hiệu.

Bài này trong dương có âm, trong âm có dương, bổ đều cả khí huyết, thật là thánh dược để điều bổ cho người hư yếu.

8. — BÌNH-CAN-KHÍ DƯỠNG-CAN-HUYẾT PHƯƠNG

Sinh-địa 3 chỉ, Dương-quy 2 chỉ, Thục-địa 2 chỉ, Bạch thược 2 chỉ, Đan-sâm 1 chỉ rưỡi, Sơn-thù 1 chỉ, Tảo-nhân để sống 1 chỉ. Sài hồ 1 chỉ rưỡi, Quế mỏng 7 phân. Ngô thù 1 chỉ. mài hoàng liên lấy nước tẩm sao. Mẫu-đơn tẩm rượu sao 1 chỉ, các vị sắc uống lúc còn ấm.

Bài này chữa những chứng âm hư huyết thiếu đau cạnh sườn (ở tạng can) không xoay dở được, và những chứng phong nhiệt ủng trệ ở trên mà choáng đầu đau mắt.

PHÉP GIA GIẢM

1. — Cạnh sườn đau lắm, đốt xương co gấp thêm vị tần-bông, vị câu-đằng.

2. — Cạnh sườn đau như dùi đâm, hơi thở vội mà hay tức giận, thêm vị thanh-bì tẩm giấm sao.

3. - Mắt đỏ sưng đau thêm vị bạch-tật-lê, sợ sáng thêm vị cam-cúc-hoa, nhiều nước mắt thêm vị phòng-phong, bạch chỉ, ngứa nhiều thêm vị kinh-giới.

Tìm sách

Nội-kinh nói : « tạng can chỉ nên vợi đi mà không nên bổ » nghĩa là khí của tạng can không nên cho vượng lên, còn huyết của tạng can thời vẫn nên nuôi dưỡng cho thêm lên. Tôi từng gặp chứng bệnh khí của tạng can thời vượng mà huyết lại kém, xem khắp các sách thuốc thời chỉ có những phương thuốc để bình can (dẹp tạng can) hoà can (hoà cho tạng can) và tả can (vợi tạng can đi) còn trong một phương thuốc mà vừa bình can vừa bổ can thời không thấy có, tôi chỉ đem bài « lục-vị » thêm vị sài-hồ, vị bạch-thược, mà không được công hiệu.

Đến khi người anh tôi vì đọc sách khó nhọc, trong mắt đỏ mà đau, nằm tĩnh chỗ nhà kín thời đau buồn khó chịu, ra ngoài gió thời nhẹ nhàng dễ chịu, tôi biết là khí của tạng can vượng lên, tạng can thuộc hành mộc ưa về thông đạt, cho nên được vợi đi thời nhẹ nhàng dễ chịu, nếu tĩnh dưỡng thời huyết ngừng tụ mà buồn, vì thế tôi lập ra bài thuốc này, dùng những vị : Quy, Thục, Sơn thù, Đan sâm đều là âm dược để bổ huyết cho tạng can, vị Bạch-thược để liễm âm huyết của tạng can, vị Mẫu đơn để thanh hỏa của tạng can, vị Tảo-nhân hoà khí cho tạng can, vị Sài hồ vợi đi là tả tạng can, vị Ngô-thù yên tạng can, gặp vị quế là thơm thời khô đi, nên lại thêm vị Bạch-quế, quả nhiên người anh tôi uống hai thang mà khỏi bẩn, nên tôi ghi lại để bổ khuyết.

9.— HẬU THIÊN LỤC-VỊ PHƯƠNG

Thục-địa 1 lạng, Đương-quy 5 chỉ, Đan-sâm 2 chỉ, Nhân sâm 3 chỉ, Tảo-nhân sao 1 chỉ, Viễn-chí chế sao 1 chỉ. Thêm gừng táo sắc uống.

Tìm sách

Bài thuốc này chủ chữa khí huyết về hậu-thiên suy yếu hình thể gầy đen, ngoài da giáp như vầy cá, sắc mặt gầy vàng, lông tóc khô, tính vội hay giận, sốt âm chưng chưng quá trưa phát sốt, không ngủ, ra mồ hôi trộm, phiền táo hoảng loạn, hoặc vì thổ huyết hay tả huyết mà thành bệnh, hết thảy những bệnh vì âm huyết thiếu mà khô ráo tiều tụy.

PHÉP GIA GIẢM

1.— Nhiệt bốc lên nhiều thêm Bắc-đèn (thắp dầu thời trước).

2.— Nóng tận xương có mồ hôi thêm vị Địa-cốt-bì.

3.— Nóng tận xương không có mồ-hôi, thêm vị Mẫu-đơn.

4.— Mọi chứng thổ huyết hay động huyết thêm vị Bạch-thược và Ngũ-vị, bỏ Đương quy, nếu người mát thêm can khương sao đen bỏ vị Bạch-thược.

5.— Nóng âm bốc lên thêm vị Quy-giao, vị Nữ-trinh-tử.

6.— Hỏa thịnh thêm vị Trí-mẫu, vị Hoàng-bá.

7.— Bụng buồn não nùng thêm vị Chi-tử sao.

8.— Bĩ hơi (khí bĩ) thêm vị Thung-dung, vị Ngưu-tất.

9.— Ở trong hư yếu mà sinh phong mắt hoa đầu choáng váng, thêm vị Tần-bông, vị Xuyên khung.

10.— Huyết thiếu sinh phong ở trong mà chân co quắp

Tìm sách

khô gầy thêm vị Tần-bông, Ma-hoàng, Quế-chi, Ngưu-tất, Đỗ-trọng.

11.— Huyết hư kiêm hàn mà đau bụng thêm Can-khương, Nhục-quế.

12.— Khí trệ thêm Hương-phụ tẩm giấm sao.

13 — Kinh nguyệt vì khí hư mà trệ và đau bụng thêm vị Xuyên-khung, Nhục-quế, Hồng-hoa.

14.— Nguyệt-kinh thành khối bỏ vị Tảo-nhân, thêm Vị Đào-nhân, Vị Huyền-hồ, vị Ngũ-linh-chi.

15.— Huyết hư thiếu mà khắp người mụn lở lại đóng vảy, thêm vị Can-khương.

16 — Nhọt mụn, đau ngứa không cứ lúc nào, thêm vị Kim-ngân, vị Kinh-giới, vị Huyền-sâm, Liên-kiều.

17.— Âm thiếu ở dưới bức bách dương khí lên trên, hai gò má đỏ, trên giả nhiệt mà dưới thật hàn, thêm Nhục-quế, Phụ-tử, Ngũ-vị, Ngưu-tất.

18.— Đại-tràng thiếu chân huyết mà đại-tiện táo kết chứng bĩ đầy, hay là thất khí (đánh rắm tức là trung-tiện) rất hôi, thế là ở trong có phân khô thêm một ít Đại-hoàng sao kỹ để hạ đi.

19.— Cảm mạo đã uống thuốc phát tán mà mồ hôi không ra, thêm vị Phòng-phong, Xuyên-khung, Gừng sống, Đại-táo và Hành-củ.

20 — Thiếu huyết mà khát bỏ Tảo-nhân, Viễn-chí, thêm Mạch-môn, Ngũ-vị, Hoàng-bá.

TìmSách

Tôi xét cổ thư có nói : « âm về tiên-thiên hư thiếu thời bổ thủy ở tạng thận, âm về hậu thiên hư thiếu thời bổ tạng tâm và tạng can », bậc tiên hiền là Trọng-Cảnh dùng bài « *Lục-vị* » để bổ âm về tiên thiên. Ông Đan-Khê dùng bài « *Tứ-vật* » để bổ âm huyết về hậu-thiên, Lập-trai lập ra bài « *Dưỡng-vinh* », bài « *Quy-tỳ* » để kiêm bổ huyết phận cả tạng-tâm, tạng-tỳ, và tạng can, nhưng trong mấy bài thuốc phải phân biệt mà dùng. Bài « *Tứ-vật* » tuy để bổ huyết nhưng với chứng thổ-huyết, lục-huyết, thời hai vị Khung và Quy không có thể thu liễm được. Lúc băng hay thoát huyết có khi phải dùng bài « *Độc-sâm-thang* » lại huyết bởi hàn mà trệ, thời vị Sinh-địa và Bạch thược không có thể ôn được, huyết bởi hư thiếu mà khô thời vị Xuyên khung cay và chạy nhanh không có thể thấm nhuần được.

Bài « *Nhân-sâm* » dưỡng-vinh dù để bổ cho vinh huyết nhưng thêm vị Ngũ-vị, vị Trần-bì lại để liễm giáng phế khí.

Bài « *Quy-tỳ* » để bổ âm huyết cho tạng tỳ, nhưng còn có lẽ bổ cho dạ-dầy (vị) thuộc Kinh-Dương-minh mà trong bài bổ huyết ấy còn nhờ ở sâm và kỳ nếu muốn dẫn thuốc thì phải nhờ thêm quế và phụ.

Còn như những vị bổ mạch cho tinh huyết mà gọi là hữu tình, như những vị Hà sa (nhau dân bà đẻ), Nhân nhũ (sữa người), Nhung và Cao của hươu, nai, v.v... thời là những thứ hàng ngày để nuôi dưỡng con người.

Tôi thiết nghĩ, về thuốc bổ âm nếu không phải là vì có tính chất thuần-tình thì chỉ nuôi dưỡng được huyết

Tìm sách

chứ không sinh hóa được huyết, người chưa hiểu ý của ông Đan-Khê mà cho bài thuốc « *Tứ-vật* » là bài thông dụng để bổ huyết là rất nhầm.

Tôi khổ tâm suy nghĩ, đặt ra bài « *Hậu-thiên lục-vị* » này, để chữa cho các chứng huyết thời rất ứng nghiệm, vì rằng dùng nhiều vị Thục-địa để bổ âm huyết, vị Đương-quy vừa bổ vừa nhuận, thêm hai vị sâm vừa bổ khí vừa dưỡng huyết, vị Táo-nhân và viễn-chí bổ tâm và huyết phận, đã sinh huyết lại thống tống được chân huyết, mà chỉ có 6 vị nên gọi là « hậu-thiên lục-vị phương ».

10. — HẬU-THIÊN BÁT-VỊ PHƯƠNG

Bá-chánh-sâm 1 lạng.

Bạch-truật sao 5 chỉ, (nếu chân huyết kém thời tẩm mật sao).

Hoàng-kỳ tẩm mật sao 2 chỉ.

Cam-thảo trích 2 chỉ. Mạch-môn và Ngũ-vị đều 1 chỉ.

Liên-nhục 1 chỉ rưỡi sao. Phụ-tử 3 phân thêm Gừng nướng và Đại-táo sắc uống.

Bài này chủ chữa chứng Hậu-thiên dương khí hư yếu, người gầy sắc xanh, hay là béo mà không mạnh (hư phì) đoản khí, mỏi mệt, ăn uống không ngon, rất sợ gió lạnh, hay đầy bụng đi cầu phân lỏng, hoặc những chứng tỳ thổ hư yếu không liễm được hỏa phát sốt phiền khát, v.v...

PHÉP GIA GIẢM

1. — Trong bụng bàn lâm mà đau bụng đi cầu thêm vị Nhục-đậu khấu, vị Can-khương.

Tìm sách

2.— Khí dương hư yếu rồi khí âm lẫn đi mà khí dương bốc trở xuống thêm vị Thăng-ma tẩm rượu sao.

3 — Vì ngoại cảm mà nóng lạnh trở đi trở lại (hàn nhiệt vãng lai) thêm vị Sài-hồ và Bán-hạ.

4.— Đầy bĩ thêm Gừng nướng sắc uống và mài thêm Trầm-hương.

5.— Đàm nhiều thêm Trần-bì, Bán-hạ (chế sao).

6.— Ngón tay tê lần mãn thịt máy thêm Tần-giao, Quan-quế.

7.— Ngoài biểu hư yếu tự ra mồ hôi thêm Phòng-phong hơn nữa thêm vị Ma-hoàng-căn.

8.— Dạ-dày hư yếu nôn ọe, bỏ Gừng, Táo, thêm nước gừng và Bán-hạ.

9.— Khí nghịch lên mà ọe khan bỏ Phụ tử thêm Ý-dĩ và Bấc-đèn (thắp đầu thời trước).

Cổ-thư có nói : « Dương khí của Tiên-thiên hư yếu thời bổ hỏa ở Mệnh-môn, dương khí về Hậu-thiên hư yếu thời bổ Tạng tỳ, Tạng-phế ». Nên ông Trọng-Cảnh đặt ra bài « Bát-vị » để bổ dương cho Tiên-thiên, ông Đan-Khê dùng bài « Tứ-quân » để bổ dương về Hậu-thiên, ông Đông-viên đặt ra bài « Bổ-trung ích-khí » là thánh dược để bổ cho Tạng-tỳ, khổ tâm của các vị tiên hiền, tôi đâu dám chỉ nghị.

Nhưng với chứng hỏa ở dạ-dày vượng riêng lên thời không nên dùng vị Phục linh, chứng âm của Tạng-tỳ suy

tồn thời không nên dùng vị Bạch-truật, chứng tỳ thổ yếu không tàng nạp được nguyên khí thời nên tránh vị Nhân-sâm, chứng trong bụng thiếu vận hóa thời không nên dùng vị Cam-thảo, bài *Bổ-trung* vừa bổ vừa tán, cũng nhiều chứng bệnh nên kỵ.

Vì thế, tôi lập ra bài *Bát-vị* này để bổ dương khí về Hậu-thiên, ngoài những vị Sâm, Kỵ, Truật, Thảo còn thêm mấy vị Mạch-môn, Ngũ-vị, Liên-nhục, Phụ-tử để giúp sức cho mấy vị Dương dược, dù không giống bài Tứ-quân, bài Bổ-trung nhưng cũng không khác ý với các vị tiền-triết.

11.— HẮC-HỔ ĐĨNH

(Thuốc làm thành từng thoi thời gọi là đĩnh).

Trần-thương-mễ (gạo để lâu năm, thường gọi vắn là Trần-mễ) một cân sao đen.

Bạch-truật 4 lạng tẩm nước Hoàng-thổ sao vàng như cánh gián.

Hậu-phác 8 lạng (sao đến bốc khói lên thì thôi) Hoắc hương bỏi khô 2 lạng.

Hương-phụ 8 lạng sao đến khi hết khói thì thôi.

Các vị trên đều tán thành bột lấy gạo lâu năm sắc nước để nấu bỏ làm thành từng đĩnh, mỗi đĩnh nặng 3 chỉ thy chứng mà đổi thang.

Tìm sách

1.— Chứng đi tả lấy nước cơm để chiêu đi.

2.— Thêm đầy bụng lấy nước cơm thêm nước gừng sống để chiêu đi.

3 — Đau bụng chiêu bằng nước gừng.

4.— Đi lỵ vừa đỏ mà trắng (máu và mũi lẫn lộn ta gọi là Sich-bạch-lỵ) lấy rễ và lá cây Xa-tiền sao vàng sắc nước để chiêu đi.

5.— Chứng thổ tả lấy nước cơm thêm nước gừng mà chiêu đi.

6 — Chứng đau bụng hoắc-hoạn lấy Gừng sống, Hoắc-hương, Trần-bì sắc lấy nước để chiêu đi.

7.— Chứng đầy chướng sắc nước Hoắc-hương để chiêu đi.

Tôi xét Trần-mễ (gạo để lâu năm) thời xốp và nhẹ thẩm được thấp, vị Bạch-truật mạnh cho tạng lỳ, vị Hậu-phác tiêu thực nhẹ đầy-chướng chữa nôn ọe và tả lỵ đau hoắc-hoạn, vị Hương-phụ tiêu thực ngừng chứng tả, vị Hoắc-hương chữa chứng nôn ọe và đau bụng, ngoài tính chất thẩm thấp kể trên, gạo để lâu năm còn chữa chứng đau hoắc-hoạn, nhưng thần diệu ở chỗ sao cho đen cho được mạnh hơn (thuốc uống nhiều ít là tùy người lớn hay nhỏ).

12— BẠCH-LONG-ĐAN

Thường-sơn-diệp 8 lạng chín lần chưng với rượu và 9 lần phơi khô.

Tìm sách

Thạch-cao 6 lạng, nung vào lửa cho chín rồi tán bột hòa vào nước xong chắt nước đi cho sạch, rồi lấy Thạch-cao phơi khô (những vị thuốc hòa vào nước rồi chắt nước đi lấy thuốc mà dùng thì gọi là « Thủy-phi »)

Binh-lang 2 lạng thái mỏng sao qua.

Các vị tán bột, lấy gạo nếp nấu hồ làm thành viên mỗi viên thuốc nặng 3 chỉ, trước lúc lên cơn sốt 1 giờ (hai giờ đồng hồ ngày nay) uống ba viên để đón cơn sốt mà triệt đi, rét nhiều thời chiêu thuốc lấy bằng nước gừng sống, nóng nhiều hơn rét thời chiêu thuốc bằng nước lá tre sắc lên.

Bài này chỉ chữa chứng sốt mới hay đã lâu thực là thánh dược, dùng vị Thường-sơn để chữa chứng sốt rét, Thạch-cao để tả hỏa ở dạ-dày và chữa chứng sốt từng cơn. Binh-lang để chữa chứng sốt rét và chướng khí, nên công hiệu rất nhanh, nếu già hay yếu mà phải bổ thời chỉ nên thêm 1 chút Sâm và Truật.

13 – HÒA-HUYẾT KHAI-UẤT-PHƯƠNG

Đương-quy tẩm rượu sao, Xuyên-khung đều 3 chỉ, Thạch-xương-bồ tẩm giấm và rượu chưng lên 1 chỉ, Hương-phụ tẩm nước giải trẻ em sao 1 chỉ 5 phân, Long-đảm-thảo tẩm rượu chưng lên 1 chỉ. Can-khương sao đen 5 phiến, Phụ tử 5 phân, Binh-lang 5 phân, Cam-thảo + Chích, Chỉ sác sao đều 1 chỉ, sắc nước mài Trầm-hương mà uống.

Bài thuốc này chủ chữa đàn bà uất kết vì thất tình, huyết hư khí trệ, hỏa ở tạng can mạnh quá, ngực và

Tìm sách

cạnh sườn đau như thắt lại, bốn chân tay giá lạnh. Tôi chữa một người đàn bà ở goá 10 năm, mới tái giá. Hai người lại bất hòa với nhau, chợt gặp chứng bệnh như trên, người đã nguy khốn, tôi đem phương thuốc « Khai-uất » này chữa cho mà khỏi.

Tôi xét Tạng can thuộc về Hành mộc mà tính của hành mộc thời ưa thư thái, cổ-thư có nói : « Huyết của Tạng can nên bổ dưỡng mà khí của tạng can không nên cường quá ». Hơn nữa, đàn bà tính thiên hay uất, nội thương và thất tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn) vậy chứng ấy là bởi huyết hư khí trệ, cho nên tôi dùng vị Xuyên-khung, Đương-quy để bổ huyết hòa huyết phân lạng nhiều hơn, vị Thanh-bì để phạt tạng can, vị Long đảm để tả vợi tạng-can, vị Hương-phụ để hành khí khai uất, phân lạng đều ít hơn, vị Can-khương để ấm chân huyết, vị Phụ-tử để thông kinh, vị Chích-thảo để ôn trung, vị Bình-lang để phá khí kết, vị Chỉ-xác để hành trệ, vị Trầm hương để giáng khí, mấy vị ấy phân lạng lại ít hơn nữa, những vị trong bài thuốc này là thuốc về loại khí nhưng không ráo, là thuốc về loại huyết nhưng không trệ, vị hàn vị nhiệt giúp lẫn nhau, mới có thể thắng được bệnh.

14 – BỔ-ÂM ÍCH-DƯƠNG PHƯƠNG

Hoàng-kỳ 2 lạng, tẩm nước Phòng-phong rồi sao, Đương-quy 5 chỉ, tẩm mật và rượu rồi sao, Lộc-nhung 2 chỉ, tẩm rượu sao. Chích-thảo 2 chỉ. Bá-chính-sâm 3 chỉ. Phục-linh 2 chỉ tẩm nước sữa, Long-cốt 2 chỉ nung vào lửa, Mẫu-

Tìm sách

lệ 2 chỉ nung vào lửa. (Hai vị đều tán mạt). Hợp các vị trên sắc uống nóng.

Bài này chủ chữa chứng khí âm mất, khí dương thoát tự ra mồ hôi hay là mồ hôi trộm, mồ-hôi ra như mưa, nằm người ấm mà chân tay lạnh dần ngược lên (đã ghi ở tập dương âm) bệnh chứng như kể ở đoạn trên, là chân âm đã mất cả mười phần, chân dương thoát cũng đến bảy phần. Bây giờ nếu thuần dùng thuốc bổ dương thời càng sợ háo chân âm, nếu thuần dùng thuốc bổ âm thời không cứu được chân dương. Sau tôi nghĩ rằng nếu khí dương mất mà cứu khí dương, khí âm mất mà cứu khí âm thì là việc thường, với chứng này phải bổ bên này, mà tiếp tục cả bên kia, nhưng bổ rồi mới tiếp thời lại sợ trì hoãn.

Đời xưa có dùng bài « Thập-toàn » nhưng vị Thục-địa thuần tĩnh, vị Bạch-thược chua và lạnh, không lợi cho dương khí, vị Bạch-truật thơm và ráo không lợi cho khí âm, vị Nhục-quế chạy mạnh chứng âm vong dương thoát đều không nên dùng.

Vì thế, tôi dùng vị Hoàng-kỳ tuy là thuốc bổ khí nhưng có chất mềm nhuận, lại tẩm với nước vị Phòng-phong để sức thuốc được nhanh chóng, vị Đương-quy tuy là thuốc bổ huyết mà tính cay thơm, nhưng lại ưa vị Lộc-nhung để bổ dương, Sâm bá-chính tuy bổ khí mà còn bổ cả huyết, vị Phục-linh tẩm sữa cho đỡ ráo, vị Chích-thảo để ôn trung-châu, vị Long-cốt dù vít lại nhưng còn dưỡng thần an phách, vị Mẫu-lệ vừa liễm mồ-hôi vừa sáp tinh-khí lại, các vị ấy trong dương có âm, trong âm có dương, là thuốc bổ khí mà kiêm bổ huyết,

Tìm sách

là thuốc bổ huyết mà kiêm ích khí, quả nhiên uống một thang mà thần hiệu không gì bằng.

15.— THANH-KIM ĐẠO-KHÍ PHƯƠNG

Mạch-môn 2 chỉ sao với gạo. Sa-tiền 1 chỉ sao. Xích-phục-linh 1 chỉ. Chạch-tả 1 chỉ rưỡi tẩm nước muối sao. Nhục-quế 1 chỉ ky lửa, mài ngoài. Ngưu-tất 1 chỉ. Ngũ-vị 4 phân, Trầm-hương 5 phân (mài ngoài)

Các vị kể trên thêm gừng sống 3 miếng sắc uống. Bài này là thánh dược chữa chứng khí hư có hỏa, không trở xuống về chỗ, khí ngược trở lên mà ọe khan không chỉ. Tôi xét nôn (thổ) thời là có vật gì, hoặc vì đờm, vì trệ, vì phong, vì thấp, vì hàn, vì thức ăn. Còn ọe (ẩu) thời là khí ngược lên mà thôi. Hơi thở thuộc về Tạng phế, Nội Kinh nói : « Mọi chứng ọe xông ngược lên trên đều thuộc về hỏa », hỏa tức là khí, khí ở phổi mà lại gốc ở tạng thận, vì tạng thận để nạp khí xuống, vì thế khí không về chỗ thời phải bồ, phải liễm, phải nạp, một khi khí hư thời có hỏa, hỏa mạnh thời hại đến hành kim tức là tạng phế. Cho nên Nội kinh nói : « Chữa chứng ọe khan phải dùng thuốc để tiểu-tiện đi nhiều », thật là câu cách-ngôn như châu, ngọc vậy.

Vì rằng tạng phế chủ về tiết độ, thông lợi cho đường đi tiểu tiện, để đem xuống Bàng-quang, Nội-kinh nói : nước tiểu-tiện không có khí thì không vận hành được » là lẽ ấy. Hơn nữa, tạng phế là hành kim thuộc về tượng quẻ « kiền » là trời, khí của trời phải giáng xuống mới thành ra mây mưa, vậy chữa khí phải để ý về tiểu-tiện. Cổ-thư có bài

Tìm sách

« Ngũ-linh-tán » là bài thuốc cần để lợi tiểu-tiện, nhưng để chữa chứng tiểu tiện đinh trệ còn dùng bài thuốc ấy để vận hành thời không thể được, vì không chữa đến căn nguyên của tiểu tiện.

Tôi nhận chữa một đứa trẻ bệnh nóng, ọe khan một lắm, một giọt nước cũng không lọt được. Tôi mới nghĩ ra bài thuốc kể ở trên, dùng vị Mạch-môn để tả hỏa ở tạng phế và giúp chân thủy, vị Xa-tiền thấm mà nhuận, vị Chạch-tả để đem xuống, vị Ngũ-vị bổ và Liễm phế, vị Ngưu-tất để đem xuống, vị Nhục-quế ôn mà vận hành vị Trầm-hương tuy giáng mà thăng, quả nhiên uống một thang mà công hiệu nhanh không gì bằng.

Nếu chữa chứng ọe ấy mà ta chỉ dùng vị Bán-hạ là táo sáp, vị Can-khương là tân tán, cùng mọi thứ thuốc có tính thơm để cùng đem xuống thời càng ráo mà hỏa càng ngược lên, rồi thành ra chứng « Phiên-vị », chứng « Quan-cách, » mà hối không kịp vậy.

16 — NHÂN-VẬT TƯ-VINH CAO

Sâm bá-chính 1 cân nấu riêng thành cao. Sữa người khoẻ vô bệnh 1 cân. Cao ban-long 4 lạng.

Cao sâm và Cao-ban-long với sữa người bỏ chung vào trong nồi đồng đun tan ra, rồi cho thêm 4 lạng mật ong, lại đun cho thành thứ cao lỏng, rồi đổ vào bình bằng sành vít kín. Nếu để hả hơi thời sức cao kém đi, mỗi lần uống một thìa nhỏ không cứ lúc nào.

Cao này để chữa chứng chân âm khô kiệt, sáu bộ mạch

Tìm sách

« hồng » và « đại » mà không có thứ tự, hiện chứng thời người khô hoặc chân tay co quắp, đại-tiện táo kiết, đi ra như phân dê, tiểu-tiện đi luôn; cho nên dùng vị Nhân-sâm để bổ dương và thêm âm, Sữa người và Cao-ban-long để bổ tinh huyết. Bổ âm mà dùng vị Sâm là thuốc về dương, vì giúp chân âm mà không thể mất chân dương không có khí dương thời khí âm không sinh được.

Nói về việc dùng sâm, ông Đan-Khê dùng nhiều mà ông Đông-Viên dùng ít, nhưng dùng ít thời sức thuốc thuần hòa mà dùng nhiều cũng không hỗn tạp, khí vị giúp lẫn nhau mới có thể thành công.

Bài này dùng nước sữa là của người, Cao-ban-long là sừng của loài vật, nên gọi là Nhân-vật vậy.

17.— PHÙ-DƯƠNG ỨC-ÂM PHƯƠNG

Nhân-sâm 5 chỉ, Bạch truật 3 chỉ, Bạch-thược 3 phân, (tầm nước giải trẻ em sao đen), Hoàng-kỳ 2 chỉ, Phụ-tử 1 chỉ.

Bài này chủ chữa chứng âm dương đều hư tổn, sắp thoát, mà khí âm thắng hơn khí dương, sáu bộ mạch « tế và sác », hiện ra chứng tinh thần mụ đi sờ soạng mà nói mê nhảm.

Bài này dùng Sâm và Phụ để hồi dương, dùng Truật và Phụ để giữ trung-châu, dùng Kỳ và Phụ để bổ khí ở ngoài vệ (tức là ngoài biểu). Trong vị thuốc bổ dương lại xen vị Bạch-thược để thu liễm chân âm mà tầm nước đái trẻ em sao đen để đem xuống, vì rằng bệnh đã nguy thời phải để ý về chính khí, nếu muốn thắng mà dùng

TìmSách

Thăng-ma và Sài-hồ thời dương khí lại thoát mất, nếu muốn giáng mà dùng vị thuốc lạnh hay mát thì càng thêm chóng chết; tôi dùng bài thuốc này lấy thuốc bổ để công nên công hiệu rất chóng.

18.— TỨ-TƯỢNG CAO

Nhân-sâm, Bạch-truật, Thục-địa, Đương-quy.

Bốn vị ấy nấu riêng thành sao, rồi đựng riêng, tùy chứng gia giảm lấy nước lã sôi để chiêu thuốc.

1.— Mọi chứng khí hư, dùng Sâm và Truật nhiều hơn.

2.— Mọi chứng về huyết hư thời dùng Quy và Thục nhiều hơn.

3.— Ăn không được tiến dùng Bạch truật nhiều, Sâm ít hơn, Quy thục ít hơn nữa.

4.— Khí và huyết đều hư yếu thời dùng Sâm, Truật nhiều, nhưng thấy khí phận đã hơn lên thời lại dùng Quy và Thục nhiều lên, cần cho khí phận mạnh được mười phần thời huyết phận cũng mạnh được sáu hay bảy phần, vì khí vượng thời sinh thêm được huyết, nên bổ khí nhiều hơn, bậc tiên-hiền dùng bổ và tiếp là như vậy.

Người đời xưa có đặt ra « *Tam-tài-cao* », lấy nghĩa là trời đất và người, có « *Lưỡng-nghi-cao* » lấy nghĩa là nhất âm, nhất dương, có « *Lục-nhất tán* » lấy nghĩa là một là số của trời và sáu là số của đất, có « *Nhị-chí-hoàn* » lấy

Tìm sách

nghĩa là tiết hạ chí và đông chí, có « *Mậu-kỉ-hoàn* » lấy nghĩa Mậu và Kỷ là hành thổ ; có « *Nhị-khí-hoàn* » lấy nghĩa là thủy và hỏa ; Ông Trọng-Cảnh lập ra bài « *Kiến-trung-thang* » để mạnh cho tỳ thổ, lấy nghĩa thiên hồng-phạm trong kinh Thư có câu : là cây thời cong hay thẳng mà vị chua, bài thuốc ấy có vị Bạch-thược về giáp-mộc, thiên hồng-phạm lại có câu : thổ là đất để cày cấy mà vị ngọt, trong bài Kiến trung có vị Cam-thảo vị ngọt là thuộc về kỷ-thổ, chua và ngọt hợp với nhau tức là giáp và kỷ hóa thành thổ, trong bài Kiến-trung còn thêm vị Nhục-quế để giúp sự vận hóa, vì đường lối làm thuốc chỉ ở âm dương ngũ hành mà thôi.

Tôi lập ra bài « *Tứ-tượng-cao* » trên đây, hai vị Quy và Thục lại kèm thêm dương dược, hai vị Sâm và Truật lại kèm thêm âm dược, thật là phương thuốc thần diệu để chữa chứng khí huyết đều hư tổn. Vả lại, khí vị của thuốc cao, qua nhiều lửa đun, được lẽ khí dương Sinh hóa, thuốc bổ mà dùng cao lại càng thấm nhuần tạng phủ, thông đạt các kinh lạc, cho đến thớ thịt, mà thuốc thang là nước loãng đi, thuốc hoàn là viên hoãn lại, không thể sánh bằng được.

Có người ngờ rằng khí huyết đã hư yếu thời biến ra nhiều chứng sao bốn vị ấy có thể trợ giúp được hết ? Nhưng chữa một căn bản thời mọi bệnh tự tiêu mà căn bản tức là khí huyết bốn vị kể trên tức là kiêm bổ khí huyết.

Tìm sách

19.— TỰ-ÂM GIÁNG-HỎA PHƯƠNG

Thục-địa 1 lạng, Sinh địa 1 lạng, Đan-sâm 5 chỉ, Sa-sâm 5 chỉ, Mạch-môn 3 chỉ. Ngưu-tất 3 chỉ, Ngũ-vị 1 chỉ rưỡi.

Lấy nửa lạng Trạch-hộc sắc lấy nước, rồi cho 7 vị thuốc kể trên, lại đun kỹ, uống lúc còn hơi nóng.

Bài này chủ chữa chứng âm hư mà dương lấn đi, thủy suy mà hỏa bốc lên, sáu bộ mạch « hồng và sác », hình thể gầy đen, thổ huyết hay lục huyết ráo khát, v.v...

PHÉP GIA GIẢM

1.— chân hỏa mạnh thêm Quy giao (cao mai rùa)

2.— huyết hư nóng nhiều thêm sữa người.

3.— âm hư thêm Cao ban-long.

Tôi xét sách cổ, về bài thuốc giúp chân âm để giáng hỏa, có bài Tứ-vật, thêm Tri-mẫu, Hoàng-bá, Huyền-sâm, như thế là phạt chân hỏa đi. Hỏa là khí rất bám cho con người, người ta không có khí nóng thời chết, vậy khí ấy có thể phạt đi được không?

Nội-kinh nói: « Hỏa yếu ở địa vị thì trong người được thư thái, » khí dương không có khí âm để vít lại, hỏa không có thủy để chế đi, mới bức huyết trở lên mà thành ra thổ-huyết, lục-huyết, thì phép chữa nên giúp chân âm để thu liễm chân dương, mạnh chân thủy để trấn tĩnh chân hỏa, thế là giúp chân âm mà hỏa tự giáng xuống, mà không phải giáng hỏa.

Tìm sách

Bài thuốc trên, tôi dùng cả Sinh-địa và Thục-địa, để bổ thủy sinh huyết, dùng 2 vị sâm để bổ âm và hóa ra dương, dùng vị Thiên-môn thấm nhuần, dùng Ngũ-vị Ngưu-tất để liễn xuống, như vậy thời hỏa rông rỡ tự nhiên lui đi, mà không còn thổ huyết lục huyết.

20. – NHỊ-LONG ẨM

Ban-long cao 1 lạng. Long-nhõn 1 lạng.

Trước hết đem vị Long-nhãn sắc lấy nước, khi cạn thời bỏ bã, đem Cao Ban-long vào cho tan ra mà uống.

Bài này chủ chữa chứng lo nghĩ hại tạng tỳ, không ngủ, mồ-hôi trộm, quá trưa phát sốt, phiền khát đại-tiện táo, miệng lở, da vàng, mình giáp như vảy cá, và đàn bà kinh-huyết thiếu, ăn ít người mệt, v.v...

Tôi xét Cao ban-long để bổ tinh tỷ mạnh gân cốt, thêm vị Long-nhõn để đem cao ấy vào tạng tỳ, tạng tỳ mạnh thời tạng tâm. tạng can thống tàng được chân huyết, cho nên bậc tiên-hiền để ý đến bổ âm cho tạng tỳ, tỳ-thổ đã được thấm nhuần thời muôn vật tươi tốt mà không lo khô ráo nữa.

21.– ĐỘC-LONG ẨM

Lộc-giác cao tức là Cao ban-long, đem nước nóng đun tan ra, hay là dùng nước sữa hoặc chén nóng bỏ cao và cho tan ra mà uống nóng.

Cao này chủ chữa tinh huyết suy kém, gân cốt đau

mỏi, lại nở nang được cơ thể, tươi tỉnh được nhan sắc, mạnh dương khí để cầu tự. Thành thử, chỉ khát (nhẹ khí nặng đỡ khát nước) chứng ôn nhiệt nhức đầu, chứng dương hư giả nhiệt, chứng âm hư phát sốt, chứng người gầy chân tay co quắp, và đàn ông di tinh, bạch-trọc, đàn bà đới-hạ bạch-dâm, huyết khí tinh bổ, đàn bà chửa nặng nhiều hại đến thai, người sản hậu ra huyết nhiều mà khát, chứng tự ra mồ hôi hay là nhiều mồ-hôi, hết thảy những chứng khí hư, chứng huyết hư, thực là thánh dược để giúp chân âm để giáng hỏa, thần phương tiền ung nhọt dở xưng đau.

Cổ thư có nói « Con Hươu ở trên cao thời bổ dương, con nai ở dưới thấp thì bổ âm, nhưng bổ mạnh mà công hiệu chóng, cao thấm nhuần mà công hiệu chậm, nhưng đem nhiều sừng của hươu nai nấu cao mà cạnh đặc lại, thời có kém gì nhung, tôi chữa bệnh có khi dùng một thứ cao hay nhung, có khi dùng cả hai thứ, biết rằng Cao ban-long là vị thuốc của động vật hữu tình, mà các vị thuốc bằng cỏ cây vô tình không thể bằng được, tôi thấy Cao ban-long thực là cải tử hoàn sinh, có thể chữa khỏi ngay những chứng trầm trọng, nhà làm thuốc lại không nên quý trọng hay sao.

22 – AN-TRUNG TÁN

Trần-bì 2 chỉ, Xương-truật cao 1 chỉ rưỡi, Hậu-phác sao 1 chỉ, Biển-đậu sao vàng sẫm 1 chỉ, Chủ linh sao khô 1 chỉ, Hoài-sơn sao vàng 1 chỉ rưỡi, Trích-thảo 5 phân, Bào-khương 8 phân.

Các vị cùng tán thành bột uống với nước cơm. Bài

Tìm sách

này chú chữa chứng tỳ-vị hư hàn, thương thực đầy hơi, nếu đi tả nhiều thêm vị Nhục-đậu-khấu, đầy nhiều thêm vị Sa-nhân, trong bụng lạnh nhiều thêm vị Phụ-tử.

23.— BỔ ÂM TIẾP-DƯƠNG PHƯƠNG

Thục-địa 3 lạng, Bá-chính-sâm sao 1 lạng rưỡi, Bạch-truật 1 lạng tẩm nước sữa sao, Can-khương 3 chỉ sao đen, Bạch-thược 5 chỉ tẩm nước đái trẻ em sao đen.

Các vị sắc uống nóng. Bài này chữa chứng hư tổn khó nhọc, sốt âm chưng chưng, ho đờm không chỉ, hình sắc tiều tụy, đoản khí kém ăn, tiểu-tiện ít mà đỏ, đại-tiện lỏng phân, những chứng khí âm hư tổn cả mười phần, mà khí dương cũng hư tổn đến sáu bảy phần, thời nên dùng bài này.

PHÉP GIA GIẢM

1.— Đoản hơi mỏi mệt phiền khát, khí âm không đủ sức để thu vít được khí dương, khí từ dưới rốn ngược lên mà ho nhổ thêm vị Mạch-môn, vị Ngũ-vị, vị Ngưu-tất, nếu có đi cầu phân lỏng bỏ vị Ngưu-tất.

2.— Có mồ hôi thêm vị Đương-quy, Hoàng-kỳ, nhưng đi cầu lỏng nhiều thời vị Đương-quy tẩm rượu sao khô.

3.— Không ngủ thêm vị Đương-quy và vị Táo-nhân, nếu thêm đi cầu lỏng phân thời vị Quy cũng tẩm rượu sao.

Tìm sách

4.— Ho ra máu thêm vị Trắc-bách-diệp tẩm nước đái trẻ em sao đen, và thêm vị A-giao (sao với bột Cáp-phấn cho phồng lên).

24.— BỔ-DƯƠNG TIẾP-ÂM PHƯƠNG

Bạch-truật 1 lạng rưỡi tẩm nước hoàng-thổ sao vàng, Bá-chinh-sâm 1 lạng sao với gạo, Phụ-tử 1 chỉ rưỡi, Thục địa 1 lạng, (trong bụng đầy và trệ thời bỏi cho khô đi). Chích-thảo 4 phân, các vị sắc lấy nước uống nóng.

Bài này chủ chữa chứng hư tổn khó nhọc, sợ lạnh, ho nhiều đờm dãi, cuống họng nước cách lâu không nhẹ nhàng, người gầy ăn kém đại-tiện-lỏng phân, tiểu-tiện sẻn ít, những chứng khí dương hư yếu cả mười phần mà khí âm cũng hư yếu đến bảy tám phần, v.v...

PHÉP GIA GIẢM

1.— Nếu người mỏi mệt, nhiều mồ hôi, không đủ sức thở ra hút vào hay là khát thêm Mạch-môn sao với gạo.

2.— Nếu mồ hôi nhiều thêm Hoàng-kỳ sao và Ngũ-vị.

3 — Đi tả nhiều thêm Hoài-sơn sao đen và Nhục đậu-khấu nướng chín lấy nhân.

4.— Đầy chướng thêm vị Trầm-hương.

5.— Hàn trệ thêm vị Nhục-quế.

Tôi xét người ta sống được là nhờ ở hai khí âm và dương, hai khí ấy không dời bỏ được nhau, bách

Tìm sách

bệnh đều bởi một bên hơn lên mà một bên lại kém. Tôi chữa bệnh dù thấy tà khí ở ngoài nhân người hư yếu mà lấn vào, mọi chứng hiện ra rất nhiều, tôi chỉ dùng thuốc hoặc để trừ tà-khí, hoặc để bồ cho chính-khí, chỉ chăm chăm về điều lý lấy âm dương, rồi mới để ý đến các chứng chi tiết.

Đại khái bệnh chứng thực là mạnh thời dùng thuốc công phạt để trừ đi, mà bệnh nhân hư tổn thời dùng đến thuốc bổ, như vậy thời mọi người đều rõ, còn như bổ một bên mà lại tiếp một bên thời không ai để ý, như khí âm và dương lìa nhau mà sắp thoát mất thời bổ cho bên kém nhiều mà vẫn tiếp cho bên kém vừa, tiếp rồi lại bổ, khiến cho hai bên cân nhau mà bí vít lại mới thôi.

Nếu cả âm và dương cùng hư tổn như nhau, cho uống thuốc bổ dương thời ráo chân âm, cho uống thuốc bổ âm thời tuyệt chân dương, thuốc khó dùng cả hai bên, mà người hư yếu hay gặp chứng ấy. Cổ-thư nói: «Tỳ-thổ vượng thời sinh hành kém, chữa bệnh đừng khư khư giữ lấy tạng phế, hành thủy mạnh thời hành hỏa dẹp, chữa bệnh đừng vội vã ở thanh tạng tâm.»

Một khi gặp chứng ngoài thời người nóng như rang, mình khô như củi, trong thời đoản khí bỏ ăn, đại tiện đường tiết, muốn bổ tỳ thời e ráo, muốn bổ thận thủy thời e đi sâu, thật là vị thuốc nóng cũng sợ mà vị thuốc mát cũng sợ.

Tôi đặt ra hai bài thuốc trên đây, để cứu âm phận thời vị Thục địa nhiều mà Bạch-truật ít, để cứu dương-

Tìm sách

phận thời dùng vị Nhân sâm bổ khí mà thấm nhuần lại kiêm cả bổ huyết, vị Bạch thược liễm chân âm mà tẩm nước dái sao đen lại giáng được chân hỏa, vị Chích thảo để giúp tạng-tỳ, vị Bào-khương đem thuốc bổ huyết vào địa vị của huyết, đem thuốc bổ khí vào dư vị của khí, vị Phụ tử đi với Sâm và Truật thời bổ khí, đi với vị Thục-địa thời bổ âm, nên dùng thật ít để giúp sức.

Hai bài thuốc trên để bổ dương mà có cả thuốc bổ âm, để bổ âm mà có cả vị để bổ dương, vị bổ thời nhiều còn vị tiếp thời ít hơn thật là ổn đáng mà rất được ứng nghiệm.

25.— TÚC KIM CAO

Ô-mai 3 cân, Thạch-xương-bồ một cân (bỏ lông rửa sạch đập dập). Chỉ-xác nửa cân, (tẩm nước gừng sao).

Thanh-mông-thạch 2 lạng, cùng với 1 lạng Diêm-tiêu bỏ vào trong nồi, lấy bùn có rắc muối đắp kín ở ngoài cái nồi, bỏ nồi ấy vào lửa đun, khi nào thấy đỏ thời bỏ nồi ấy ra, để nguội bỏ Diêm-tiêu, lấy Thanh-mông-thạch tán bột.

Phép chế thuốc : Trước hết đem Xương-bồ, Ô-mai, Chỉ-xác bỏ vào trong nồi đất, đổ ngập nước đun cạn một nửa, thời rót ra, nước thứ hai và thứ ba lấy ít nước dần đi, rồi bỏ bã lọc sạch cặn, lại đổ các nước ấy vào trong nồi đất, đun cạnh lại thành cao đặc vừa, xong đổ ra phơi khô, rồi nghiền với bột Thanh-mông-thạch làm thành thuốc hoàn

Tìm sách

viên to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần ngậm một viên, lấy nước bọt làm cho tan đi, thời sẽ thấy nhẹ nhàng không gì bằng.

Bài này chủ chữa về chứng đờm nhiều ho nhổ, cổ họng không được nhẹ nhàng, hay là khí ngược mà đờm suyễn. háo-hống (gầm gào) đờm nhiều, v.v... uống thuốc hoàn này thấy công hiện ngay chốc nhát, dù bệnh nhân gầy yếu nhưng có thể chữa theo về chứng cần cấp, thì tạm thời dùng cao này cũng không quản ngại rồi sau sẽ dùng thuốc bổ.

Tôi xét tạng phế được khí của hành kim, là tạng rất non nớt, sách cổ nói : Tạng tỳ là nguồn sinh ra đờm, tạng phế là nơi chứa của đờm, nếu đờm thịnh ở tạng phế, thời khí ngược lên mà ho nhiều, nên phải thanh hỏa, trong thân người không gì trọng hơn tạng phế, một khi có bệnh thì ta phải chữa ngay, để khí ở tạng ấy lúc nào cũng được trong trẻo, vì thế tôi dùng vị Ô-mai chua và vít, nửa thăng nửa giáng để hạ khí chỉ ho tiêu đờm, vị Xương-bồ chuyên chữa ho bốc ngược khí lên, để rõ tiếng thông khiếu, vị Chỉ-xác nhẹ được khí của đờm, lại tiêu được bĩ-mãn ở dưới ngực, tản được khí chướng ở thượng tiêu, vì Thanh-mông-thạnh là thánh dược để chữa đờm, tính trầm mà trụy trở xuống cho nên giáng được hỏa. Cổ thư nói : « Đờm đã gặp vị Thanh-mông thời hóa ra nước », nay lại nung vào lửa với vị Diêm-tiêu, thời lại có khả năng để chữa đờm về thấp nhiệt. Bốn vị ấy giúp nhau, công dụng chỉ ở thuận khí tiêu đờm, làm nhẹ nhàng cho tạng phế, vì thế công hiệu như thể tiếng vang.

Tìm sách

26. – NHUẬN-CƠ CAO

Cũng gọi là « *Tam hoàng cao* » : Hoàng-kỳ 2 lạng để sống, Đương-quy 2 lạng tẩm rượu phơi khô. Hoàng-lạp 1 lạng rưỡi. Hoàng-đơn 1 lạng, (hòa vào nước, rồi chắt nước đi mà phơi khô), Hương-du 5 chỉ.

Trước hết đem kỳ và quy bỏ vào dầu vừng đun thật nhừ, rồi đun kỹ, quy giã ra cho vào vải thưa vắt lấy nước lại đổ vào dầu vừng đun đặc lại, xong cho Hoàng-đơn, Hoàng-lạp. Hương-du quấy đều, rồi bắc ra để nguội dán vào các chỗ ung nhọt.

Cao này, dùng vị Hoàng-kỳ, là vì vị ấy ôn được thớ thịt, đầy được mủ ra, ngừng được đau mà sinh ra cơ-nhục, dùng vị Đương-quy là vì vị này bổ dưỡng được chân huyết, mềm nhuận được cương táo, nay gặp vị Hoàng-kỳ thời lại vít được miệng ung nhọt mà sinh ra cơ-nhục, dùng vị Hoàng-lạp là vì vị này sinh được cơ-nhục, chỉ được huyết, yên được đau, dùng vị Hoàng-đơn là vì vị này ngừng được đau, chỉ được huyết, lại chữa được phỏng nước hay lửa. Dùng vị Hương-du là vì vị này ngừng được đau, sinh được cơ-nhục, nhẹ được xương, mềm được chỗ da bị nứt hay xé, và chỉ được huyết.

Tôi chữa một đứa bé phỏng nước sôi, thịt ở chân tượt mà đổ ra, các vị thuốc mát và mềm nhuận đã dịt mà vô hiệu tôi mới nghĩ ra bài thuốc cao này dán vào, thời ngưng được đau, sinh được cơ-nhục, chỉ mươi hôm là khỏi. Lại có mấy người phải chứng ung thư, khi vỡ rồi chảy mủ thối thịt đau không chịu được, cho dịt cao này đều được khỏi ngay.

Tìm sách

27.— BẢO-ÂM PHƯƠNG

Thục địa 2 lạng, Sâm-bá-chính 1 lạng, Nhục-quế 1 chỉ rưỡi.

Bài này chủ chữa chứng sốt lâu mất chân âm, da thịt nóng như rang, bình và sắc đều sát bẩn, sáng tối nói mê phiền táo, khát mà ra mồ hôi, không tưởng đến ăn.

PHÉP GIA GIẢM

1.— Nếu tinh tỷ khô kiệt mà nhức xương thêm một lạng Kỷ-tử

2 — Cuống họng khô và đau thêm 5 chỉ Cao ban-long.

3. — Dương hư yếu mà ghê rét, âm hư yếu mà phát sốt, thêm Hà-thủ-ô.

4 — Khát nhiều thêm Mạch-môn, Ngũ-vị.

Tôi chữa một người con gái đủ các chứng bệnh như đã kể ở trên, mà mạch thời bộ Quan bộ Thốn bên tay trái rất « vi » và « nhược » mà « phù-sác ». Người cầm mạch, một lần thở ra một lần hút vào, mà mạch của bệnh nhân đã 6 lần bồng lên dẹp xuống, ấn tay nhẹ thời thấy mạch mà ấn tay nặng thì tán loạn như người cởi nút dây, còn hai bộ xích thời mạch như gió thổi lông ngan tựa có tựa không, mạch « Xung-dương » và mạch « Thái-khê » thời không thấy có. Tôi cho là chứng vong dương, nên bốn chân tay giá lạnh, phép chữa có bài *Hồi dương phương*. Mà chứng âm huyết về hậu thiên hư tổn, thời có bài *Tứ-vật*, bài

Dưỡng-vinh, nếu nặng hơn mà tỳ tạng hư yếu thời có bài *Nhất-khí*, thấy của tiên-thiên suy yếu, thời có bài *Lục-vị*, còn như chứng vong âm này thời sách đời xưa không có bài nào để hồi âm.

Người con gái nầy khí âm sắp mất, mà khí dương muốn thoát, nếu cho uống bài Nhứt-khí thì e Bạch-truật ráo mà Phụ tử mạnh cho uống bài Lục-vị thời e vị Phục-linh, vị Trạch-tả lại đều háo chân âm, vị Sơn-thù lại mạnh cho tạng can, vị Mẫu-đơn lại phạt tỳ-thổ, đều không thể dùng được, tôi mới dùng vị Thục-địa nhiều hơn để bổ mạnh chân âm, dùng vị Nhân-sâm để cứu lấy dương khí. mà vị sâm lấy đi với vị Nhục-quế thời bổ hỏa, đi với vị Thục-địa thời giúp chân âm, mới cùng theo một chiều hướng.

Người ấy uống một thang to thời dương khí liễm xuống mà nóng nhẹ đi ngay, vì rằng, vị Thục-địa đã là bổ âm, lại thêm Cao ban-long là vị thuốc của động vật hữu tình, nên được nhẹ nhàng tỉnh biết mà ăn uống tiến dần, sau đó bệnh nhân khí dương đã vượng, thời tôi cứu khí âm, mà khí âm vượng thì tôi lại cứu lấy khí dương, không để một bên nào hơn lên. Nếu chứng ấy mà chỉ để ý chữa sốt cho mát đi, thời sẽ không có hỏa không có dương mà sinh ơ phải tuyệt. Vì tôi thấy phương thuốc trên công hiệu rất chóng mới đặt tên là « *Bảo-âm phương* » để bổ khuyết trong các phương thuốc.

Nhưng vì lẽ gì, mà không gọi là hồi âm, bởi bốn chân tay giá lạnh, hỏa ở ngũ tạng sắp đi mất, mà ta vẫn hồi được mới nên gọi là hồi. Bệnh nhân này, tân dịch của ngũ tạng tiêu khô là chân âm sắp chuyển mà

ta giữ lấy nên mới gọi là bảo tức là nghĩa để bảo toàn vậy.

Tôi đã nghiệm thời những chứng vong âm rất là nguy cơ cũng không khác gì vong dương, thế mà thầy thuốc bỏ qua, thấy người nóng thời dùng thuốc hàn lương hay là thuốc công phạt chỉ chăm chăm cho bệnh nhân mát đi, thế là không biết giúp chân âm để lui hỏa, đó là tôi nghĩ ra, xin bậc cao minh để ý cho.

28.— BỔ TỲ ÂM TIÊN

Bạch-truật 4 lạng tẩm nước sữa sao, Bá-chính-sâm 2 lạng sao với gạo nếp cho đến khi miếng sâm vàng thời thôi mà bỏ gạo đi. Thục-địa 1 lạng chích khô. Can-khương 1 chỉ sao đen, Long-nhỡn 7 chỉ. Cao ban-long 1 lạng.

Các vị trên sắc lấy 3 nước, rồi gạn sạch đổ vào trong nồi đất đun thành cao, xong cho Cao-ban-long vào khuấy đều. Lấy vị Liên-nhục sao thơm sắc lấy thuốc để chiêu cao kể trên, mỗi lần độ vài thìa.

PHÉP GIA GIẢM

1.— Ở trong bụng có hàn khí mà thấy sôi, thêm một chỉ đàn hương.

2.— Âm của tạng tỳ không giữ được (không rõ vì chữ nhòe quá).

3 — Đại tiện hoạt lắm, thêm Nhục-đậu-khấu 3 chỉ (lấy

Tìm sách

cơm nghiền ra nắm quả đậu-khấu lại, rồi nướng thật chín mà bỏ vỏ lấy nhân quả đậu khấu), và Ngũ-vị 1 chỉ.

Tôi xét hành thổ có đức nhu như quẻ « Khôn » mới sinh ra được muôn vật, lại có sức mạnh như quẻ « Kiền » mới hóa được muôn vật. Trong thân người tạng tỳ thuộc hành thổ, ghét ẩm mà ưa ráo nhưng dạ-dày lại ghét ráo mà ưa ẩm, người ta chỉ biết những vị thuốc cay, ngọt, thơm, ráo, làm mạnh được tạng tỳ, mà không biết vì thấm nhuần cũng bổ được tạng tỳ. Vì thế khí dương của tạng tỳ hư tổn thời nên dùng vị thuốc thơm mà ráo, còn khí âm của tạng tỳ hư tổn, thời phải dùng vị thuốc thấm nhuần, nhưng bổ âm cho tạng tỳ, không thể dùng bài Tứ-vật, vì bài Tứ-vật chỉ bổ cho huyết phận hữu hình mà không bổ được âm phận vô hình.

Những vị bổ cho tỳ âm như vị Thục-địa sao thơm và vị Long-nhỡn, Cao ban-long và Can-khương sao đen để dẫn những vị kia vào âm phận. Đến như vị Bạch-truật, tính ráo và mạnh, người âm hư không nên dùng nhiều, nay lại dùng nhiều hơn, vì muốn chữa tạng tỳ không nên thiếu vị Bạch-truật, nhưng đã nấu thành Cao và tẩm nước sữa thời cũng có phần thấm nhuần mà cùng với những vị thuốc bổ âm để giúp tạng tỳ cho nhanh chóng.

29. – ĐIỀN NGUYÊN CỨU BẢN THANG

Bạch-truật 1 lạng sao khô Hoài Hoạt-sơn 5 chỉ sao với gạo rồi bỏ gạo đi. Thục-địa 3 chỉ trích thơm tôn, Phá-cố 3 chỉ, Thỏ-ty 4 chỉ, Nhục-quế 8 phân. Các vị ấy sắc nước uống nóng.

Tìm sách

PHÉP GIA GIẢM

1.— Đi tả nhiều thêm vị Nhục-đậu-khấu.

2.— Đầy hơi thêm vị Mộc-hương.

3.— Đờm nhiều thêm vị Nấu-vị.

4.— Trong bụng lạnh nhiều thêm vị Pau-ử.

Tôi xét tạng tỳ thuộc hành thổ, mà tạng thận thuộc hành thủy, bản tính khác nhau thời đâu có giúp nhau được. Hơn nữa, tạng tỳ ưa ráo ghét ẩm, tạng thận ưa nhuận ghét ráo, thời những vị thuốc để bổ tỳ, thận, khó lòng theo một chiều hướng.

Vì thế, mà người đời xưa chưa có phương thuốc nào để bổ cả tỳ và thận. Tiên-sư họ Phùng đặt ra bài « *Toàn-chân-nhất-khí* » để bổ âm cho tỳ và thận, còn như bổ dương cho tỳ và thận thời chưa có phương thuốc nào cả.

Tôi chữa cho một người đàn bà hạng tuổi trung niên, mà phải chứng Lận-lao (sản hậu hao mòn) người nề mà đi cầu trung tiện ngăn cách mà đầy hơi, bụng dưới như người đói, thế là dương của tạng tỳ hư lắm, lại thêm đinh đầu nhức và nặng, miệng ra đờm dãi, ho nhổ khí không về chỗ, có lúc đau sói trở lên, thế là âm của tạng thận hư yếu, mà dương không dựa được vào đâu.

Chứng lao ấy bởi tinh khô huyệt kiệt, mà phép chữa thời nên dùng vị thuốc bổ âm mà thấm nhuần. Vì rằng về chứng quá trưa mà người nóng chưng chưng, đại tiện táo kết ho nhổ ra huyết, miệng khát uống nước luôn, thời chỉ dùng những vị thuốc bổ âm là đủ.

Tìm sách

Còn như chứng này, lại thêm đi tả, nếu dùng thuốc bổ âm thời hại tỳ vị, mà dùng thuốc bổ dương thời háo chân âm, thực là thuốc nóng cũng sợ mà thuốc lạnh cũng sợ.

Bệnh này phần nhiều là dương của tỳ thận hư yếu, dương hư 7, 8 phần mà âm hư cũng một hai phần, thời phép chữa làm sao cho miệng tỳ thổ mà lại thêm thận thủy nghĩa là phải lựa mà điều bổ.

Tôi mới nghĩ ra bài thuốc kể trên dùng vị Bạch-truật nhiều hơn để bổ tỳ, và vị Hoàn-Sơn sao với gạo để giúp sức, vị Thổ-ty để bổ dương khí cho tỳ thận, còn vị Thục-địa thời dùng ít mà sao thơm để giữ lấy chân âm, vị Phá-cố để chữa chứng hỏa kém mà đi cẩu, chứng đi tả lâu phải dùng đến vị ấy để vít lại, vị Nhục-quế vừa bổ thận hỏa vừa bổ dương cho tỳ vị, mà giúp sức cho cả vị Bạch-truật, vị Thục-địa, bệnh nhân dùng phương thuốc ấy mà được khỏi, nên tôi gọi là bài « Điền nguyên cứu bản ».

Tìm sách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập NGOẠI-CẢM THỐNG-TRỊ

TìmSách

TìmSách

Tựa

Năm Quý-Hợi niên-hiệu Cảnh Hưng, tôi chơi cùng Đạo-Sĩ biệt-hiệu Bát-Phong đàm luận tại nhà Ông HÀ-NHỈ ở quê tôi, nói về mấy việc Địa-lý, Y dược và Toán-số. Bấy giờ có mấy người Toán-số cùng lại chơi. mỗi người đem cuốn sách thuốc Thập-tam-phương gia giảm mới làm của người nước ta ra và tấm-tắc khen là lạ. Tôi bảo rằng : đây là vì sư Huệ-Tăng biên-soạn về phương-pháp và vị thuốc, tuy không ra ngoài khuôn pháp của người đời xưa, nhưng đem ấn-hành cũng giúp được một phần cho người làm thuốc. Nhưng bệnh tình, bệnh chứng, không lẻ hết được. Nên cổ-thư có nói : « việc làm thuốc rất khó » lại nói : « bài thuốc chỉ để làm mẫu mà thôi », thế thì không phải là người học rộng công phu nhiều sao có thể biết được ?

Tôi nói chưa hết lời, trong chỗ ngồi có một người đưa ra quyển « Ngoại-cảm thống-trị » của Ông LÃN-ÔNG rồi thở dài mà rằng : « cuốn sách này chẳng phải là bất chước ý-nghĩa của cuốn sách ấy hay sao ? » Tôi trả lời rằng : « anh lầm rồi » rồi tôi mở quyển ấy ra xem. Thấy trong quyển sách biện luận chứng lục kinh chuyển biến là nhầm ; Biện luận nước Nam ta không có chứng Thương-hàn ôn-nhiệt, rồi nói đến chứng âm-hư khó bổ, chứng Thương-hàn cũng có khi phải bổ, thế mà không sai với đại-ý của bài thuốc đời xưa, những phép Cao-đơn hoàn tán của mọi nhà đều ở trong

TìmSách

quyển này, thật là thay hình đổi xương bỏ phiền-nhũng tới chỗ giản-ước, khiến người học thuốc có thể đến chỗ tóm-tắt.

Hơn nữa, trong cuốn sách còn bàn chứng hư yếu và dạy phép bồi bổ, hết thảy những chứng lục-dâm về tứ thời cảm mạo, là hư hay thực, nên bổ hay tả, không điều nào là thiếu sót, có thể giúp ích cho nhà làm thuốc, rồi tôi vỗ vào trán hai, ba lần mà bảo rằng : « sao các Ông lại vì quyển sách như thế này, với các quyển sách trước kia ? »

Xong tôi đề mấy câu ở đầu cuốn sách, vị Đạo-sĩ Bát-Phong cùng mọi người đều cho lời nói của tôi là phải.

Họ Thái hiệu là Mặc-Trai
hiện làm chức Ngự-y-chánh
đề bài tựa trên đây.

TìmSách

TẬP NGOẠI CẢM THỐNG TRỊ

GỒM CÓ BA THIÊN

Thiên-thượng . gồm 25 chương

1.— Bàn về y-lý.

2.— Bàn về nước Nam ta không có chứng thương-hàn, mùa đông là cảm hàn, mà ba tháng cuối mùa là cảm mạo, và phép điều-trị.

3.— Bàn về nước ta không nên dùng bài thuốc Ma-Hoàng, và bài thuốc Quế-Chi.

4.— Bàn về chứng trúng-hàn, chứng thương-hàn, chứng cảm-hàn và phép chữa.

5.— Bàn về thuyết tà khí truyền từ kinh nọ sang kinh kia là lầm.

6.— Bàn về chứng thương-hàn là hoả uất lên và phép chữa.

7.— Bàn về bài *Tiêu-dao-tán* chữa cả năm chứng uất, và còn chữa mọi chứng ngoại cảm.

8.— Bàn về chứng nội thương-hàn và phép chữa.

9.— Bàn về phong và hàn cùng chữa như nhau.

10.— Bàn về phép chữa thương hàn.

Tìm sách

11.— Bàn về chứng thương-hàn có khi phải bổ.

12.— Bàn về chứng thương-hàn sốt lâu và phép chữa.

13 — Bàn về chứng âm-hư phát sốt, cùng chứng thương-hàn không khác nhau.

14.— Bàn về chứng âm hư khó bổ và phép chữa.

15.— Phân-biệt về âm-chứng và âm-độc.

16.— Phân-biệt về dương-chứng và dương-độc.

17.— Bàn về chứng âm thịnh mà cách dương trở lên.

18.— Bàn về chứng dương thịnh mà cách âm trở lên.

19 — Bàn về chứng ở ngoài biểu thế nào là hư và thực.

20. – Bàn về chứng ở trong lý thế nào là hư và thực.

21.— Bàn về chứng hư yếu.

22.— Bàn về chứng thực.

23.— Bàn về chứng hư tựa như thực.

24.— Bàn về chứng thực tựa như hư.

25.— Bàn về trong một chứng vừa hư vừa thực.

Thiên giữa gồm 8 chương

1.— Bàn về chứng nên phát hãn.

2.— Bàn về chứng không nên phát hãn.

3.— Ba phương để giải biểu.

TìmSách

4.— Bàn về chứng lục dâm có thể chữa như nhau.

5.— Bàn về chứng nên uống thuốc hạ.

6.— Bàn về chứng không nên uống thuốc hạ.

7.— Sáu bài thuốc điều hoà ở trong lý.

8.— Bàn về phát hãn nhiều cũng là vong âm, hạ nhiều cũng là vong dương và phép chữa.

Thiên cuối : gồm 22 chương

1.— Bàn về phép bổ cho những chứng hư.

2.— Bàn về bài thuốc chữa cho những chứng hư.

3.— Bàn về phép bổ cho chứng thương-hàn.

4.— Bàn về chứng thương-hàn đi lỵ và phép chữa.

5.— Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngực và phép chữa.

6.— Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngũ tạng và phép chữa.

7.— Bàn về chứng thương-hàn phát cuồng và phép chữa.

8.— Bàn về chứng thương-hàn phát ban và phép chữa.

9.— Bàn về chứng thương-hàn phát nề và phép chữa.

10.— Bàn về chứng thương-hàn phát phù nề và phép chữa.

11.— Bàn về lẽ rét và sốt.

12.— Bàn về chứng hàn nhiệt vãng lai (rét và nóng trở đi trở lại.)

13.— Bàn về chứng rét và nóng thật hay giả.

Tìm sách

14.— Chứng bệnh và cho trẻ em.

15.— Những bài thuốc chữa về chứng hư.

16.— Phép trong sắc người.

17.— Phép hỏi chứng bệnh.

18.— Phép xem mạch.

19.— Bàn về chứng nghịch (trái ngược).

20.— Bàn về chứng chết.

21.— Nói về mạch của 12 kinh.

22.— Bàn về ngũ tạng khó chịu muốn cho bổ hay vợi đi.

TìmSách

Tập Ngoại-Cảm

THIÊN THƯỢNG

Chương 1.— **Những Y-Lý do tôi nghĩ ra.**

Tôi xét Nội-kinh có nói : « Biết được yếu lĩnh thời một câu là xong, mà không biết được yếu lĩnh thời man mác vô cùng ». Ông Lập-Trai có nói : « khí huyết hư mà biến ra mọi chứng không thể kể hết được ». Vì thế, người chữa bệnh biết được chân tinh khí huyết hư hay thực, diệu dụng của âm dương biến hóa, cơ vi của lục mạch thật hay là giả, thời có thể tóm hết được.

Về môn chữa thương-hàn khởi từ Ông Trương-Trọng-Cảnh, xem những bài thuốc do Ông chế ra, thời chỉ theo về tà khí ở nơi nào, thời trừ đi để không hại đến chính-khí. Nội-kinh có nói : « tà khí vào thân người không có nơi nhất định, hoặc đầy đi hoặc lựa chiều thời bệnh khỏi ngay. » Vì thế tà ở ngoài biểu thời nên phát hãn, ở bán biểu bán lý thời nên hòa giải, ở trong lý thời nên công hay hạ.

Vậy phép truyền kinh của Ông Trọng-Cảnh, chỉ để tỏ rõ là, tà khí tự ngoài vào đến trong, tự dương vào đến âm mà thôi. Sao người đời sau không rõ lẽ ấy, lại đem chứng thương-hàn theo từng kỳ hạn, tính từ kinh nọ chuyển đến kinh kia, và bệnh gồm với nhau, (tinh-

Tìm sách

bệnh), bệnh hợp với nhau (hợp-bệnh) lại hai thứ cảm, hai thứ thương, và 16 chứng về chính-thương-hàn, năm chứng giống như thương-hàn, chia từng môn đặt từng mục man mác rất nhiều, để người học thuốc không biết bệnh nào mà lần.

Tôi vì yếu mà học thuốc, lúc trước phải các người chữa lầm, bảo là uyên vy của sách thuốc không gì bằng quyển chữa thương-hàn ở *Bộ Y-học nhập-môn*, tôi xem đến năm năm cho là rất quý, mỗi khi gặp chứng thương-hàn, tôi chăm chú tính từng ngày, để ghép vào sáu Kinh Lạc, như là tà ở Kinh Thái-dương phải uống bài Ma-quế, tà ở Kinh Dương-minh thì uống bài Thăng-Ma cát-căn gia vị Bán-hạ, tà ở Kinh Thiếu-dương thì uống bài Tiểu-sài-hồ, tà ở ba âm kinh đã truyền vào trong lý, thì uống bài Lý-trung hay Tứ-nghịch, cảm 2 thứ tà thời uống bài Đại-khương-hoạt, hai kinh thụ thương thì uống bài Đại-thanh-Long, chứng hợp bệnh thời uống bài Cát-căn thêm vị Bán-hạ, chứng tính-bệnh (gồm hai bệnh) thời uống bài Ma-quế thêm vị Sài-hồ. Theo phương pháp ấy, nếu gặp bệnh nhân khỏe mà tà khí nhẹ, cũng có khi công hiệu, nhưng gặp bệnh nhân yếu mà tà khí mạnh có nhiều biến chứng, mà ta chỉ đem bệnh để hợp với bài thuốc thì man mác mà vô hiệu

Tôi mới nghĩ rằng, đâu có thể đem bài thuốc nhất định để đối phó với bao nhiêu biến chứng. Phương chi bệnh nhân, nào người già, người trẻ, nào người khỏe, người yếu, nào người quý, người hèn, nào bệnh lâu, bệnh mới, đâu có thể không phân hư thực mà cũng uống một phương thuốc nhất định.

Tìm sách

Vì thế, tôi sưu-tầm nhiều sách thuốc khác nhau, sau được bộ *cẩm nang* mới rõ chi lý của âm dương, bệnh tinh thực hay giả, chia ra hư chứng thực chứng, rõ được chính-khí tà-khí, như thể quang mây mù thấy được mặt trời, lại cổ thư có nói: « trăm thứ bệnh đều bởi người hư yếu », vì chính-khí có hư yếu thời tà-khí mới cảm vào, người học thuốc nên nghiên cứu về chỗ khí huyết hư hay thực, thời không những một chứng thương-hàn mà bách bệnh đều thế.

Vậy trước hết ta xem bệnh nhân khi bẩm sinh mạnh yếu thế nào ? Rồi xem mạch hư hay thực, không cứ bộ mạch nào, hễ ấn tay mạnh đến xương thì có thần có lực là chứng thực, không thần không lực là chứng hư, chứng thực mà người mạnh nên nống ngay thuốc công phạt đuổi tà khí, chứng hư mà yếu thời nên bổ để cứu sinh mệnh, đại khái xem bệnh nhân thiên về huyết hư thời bổ huyết để trừ nhiệt, thiên về khí hư thời điều khí để giải nắt, hoặc bổ thủy để phát hãn. hoặc bổ hỏa để thoái nhiệt, hoặc giúp chân âm để liễm dương, hoặc bổ tỳ-thổ để tăng dương khí, hoặc bổ hỏa để sánh với thủy, trước sau đều nhằm về chính khí, thời không phát hãn mà mồ-hôi tự ra, không công tà mà tà tự lui, khi tà đã lui thời dùng thuốc để tiếp bổ, như vậy thời không phải cần cứ về lục-kinh mà công hiệu như trở bàn tay.

Vì thế, tôi đem những bài thuốc chữa thương-hàn từ trước, phân tách châm chước, rồi chia ra biểu chứng lý chứng, âm chứng, dương chứng. hư chứng, thực chứng, chứng nên phát hãn, chứng không nên phát hãn, chứng nên hạ, chứng không nên hạ, tôi lại chế ra ba phương thuốc để giải biểu, và sáu phương thuốc điều hòa trong lý, để chữa cho người hư yếu, suy rộng ra không những

Tìm sách

về môn thương-hàn, mà mọi chứng lục dâm tà khí ở ngoại cảm vào, không chứng nào là không mau khỏi.

Còn những người hình dạng yếu, bệnh chứng yếu, mạch yếu mà bệnh mới phát, lúc trước cũng tạm nên giải biểu, rồi xét về khí huyết mà phát tán. Nếu gặp chứng đại hư mà dùng thuốc kể trên không chịu thời dùng ngay thuốc để bổ tiếp. Cổ thư có nói : « Lúc mới thụ bệnh nên phân ra nội ngoại, bệnh đã lâu đều là hư yếu, để chậm thời chứng hư yếu hiện ra nhiều, mà rồi đến suy thoát khó chữa ». Vậy ta thấy âm về hậu-thiên hư yếu mà phát sốt, thời dùng bài *dưỡng-vinh quy-tỳ*, dương về hậu-thiên hư yếu mà phát sốt, thời dùng bài *bổ-trung*, bài *tứ-quân*, thủy về tiên-thiên suy thời dùng bài *lục-vị*, hỏa về thiên-tiên hư thì dùng bài *bát-vị*, âm của tạng tỳ tạng thận hư yếu thì dùng bài *cứu-âm*, dương của tạng tỳ, tạng thận hư yếu thì dùng bài *cứu-dương*, tôi chỉ nhờ những bài thuốc ấy, để cải tử hoàn sinh cho bệnh nhân.

Còn như người vì yếu mà cảm hàn, trước kia thầy thuốc cho lầm là hàn tà là thực, công phạt trở đi trở lại, đến nỗi ra mồ-hôi nhiều mà vong dương, hạ nhiều mà vong âm, để dương không về được chỗ, âm không cân với dương, tôi gặp chứng ấy thời bổ hỏa ở trong thủy, hay bổ thủy ở trong hỏa, hoặc thuốc nóng mà uống nguội để cứu vản.

Lại có chứng tà-khí mới cảm vào, trước thầy thuốc không xét, để đầy tà khí đi hay lựa theo mà chữa, khiến dương tà phạm đến âm phận, tự biến vào đến lý, mà biến thành chứng khó chữa, tôi gặp chứng ấy cũng theo phương pháp trên để điều trị cũng được khỏi nhiều, nguyên

Tìm sách

Ông Cảnh-Nhạc có nói : « dương tà cảm lâu thời hại đến âm-phận ».

Chương 2 — **Bàn nước Nam ta không có chứng thương-hàn, duy mùa đông là cảm hàn, còn 3 mùa khác là cảm-mạo cùng phép chữa.**

Cổ thư có nói : « mùa Đông rét dữ, hàn-tà cảm vào cơ thể mà phát bệnh ngay, thời gọi là chứng thương-hàn, nếu không phát ngay mà sang mùa Xuân, cảm ôn khí mới phát thời gọi là ôn bệnh, sang mùa Hè cảm nhiệt khí mới phát thời gọi là nhiệt-bệnh, thế là tà khí mới đem tà khí cũ ra. Về nguyên nhân cảm hàn, vì hàn-tà ở cơ thể tự trong mà phát, nhưng phương Bắc rét nhiều, nếu xâm vào cơ-thể mà không phát ngay, là vì hàn tà ấy dễ vào mà khó ra.

Còn như nước ta gần với mặt trời, không có băng tuyết, mùa đông mà cũng có khí nóng, cử động thường ra mồ-hôi, mồ-hôi dễ ra thời khí trong người yếu, nếu có cảm mạo tà-khí cũng không vào sâu quá, thế là vì hư mà cảm mạo nhẹ, cho nên mùa Đông chỉ là cảm hàn, vì thế ba mùa Xuân Hạ và Thu chỉ là cảm-mạo thời khí.

Tôi chữa những chứng bịnh ấy, nếu thấy nhức đầu phát sốt hoặc đau mình, hoặc táo khát, hoặc ghê rét, hoặc ngạt mũi, nặng tiếng đều là chứng ở ngoài biểu, thời chỉ căn cứ vào người còn mạch và mạch thực thời dùng vị thuốc tân lương để phát hãn, nếu người hư yếu vừa mà thiếu về âm hư, thời dùng huyết dược để thanh đi, thiên về dương hư thời dùng khí dược để thư đi, tôi đều thấy công hiệu ngay.

Nhân thế, càng rõ nước ta tuyệt không có chứng thương-

hàn, và ôn-bệnh hay nhiệt-bệnh. Thế mà thầy thuốc tầm thường hễ thấy nhức đầu và phát sốt đều bảo là thương-hàn, rồi đem những vị thuốc mạnh của người phương Bắc vẫn dùng để điều trị, mà không rõ phương Nam phương Bắc, phong thổ và khí tiết khác nhau.

Tuy thế tôi biện luận khác hẳn mọi người, thời ai cho là phải, ta hãy xem bài luận của bộ sách *Cẩm-nang*, bàn mọi chứng bệnh về nước Nam ta, có nói « mùa Xuân, mùa Thu mọi người cảm sốt lam chướng độc khí mới phát sốt phát rét, ngực cách và lo buồn không nghĩ đến ăn uống, thời phép chữa phải thanh thượng-tiêu và giải nội-độc, hành khí và giáng đờm, mà không nên phát hãn lắm, vì nước Lĩnh-Nam khí ôn đã dễ ra mồ-hôi, chứng ấy nếu nặng thời hàn nhiệt không lui, hoặc thành ra sốt rét, về phương nam khí thăng lên, cho nên người thụ bệnh ấy phần nhiều cách ở ngực, đờm dãi nhiều không ăn uống, so với chứng thương-hàn ở phương Bắc không giống nhau », bộ sách Cẩm-nang bàn luận như vậy, cũng là chứng minh cho những lời tôi biện luận ở trên.

Chương 3 — **Bàn nước Nam ta không nên dùng bài thuốc « Ma-hoàng » và bài thuốc « Quế-chi » :**

Đời xưa đặt ra bài thuốc đều dùng những vị mạnh để công tà như bài *Ma-hoàng*, bài *Thừa khí*, bài *Hãm-hung*, bài *Đề-đương*, để chữa bệnh là rất phải. Đời chung-cổ đổi đi mà dùng bài *Sâm-tô*, bài *Bại-độc*, đến ông Đông-Viên, ông Lập-Trai lại đặt ra bài *Bổ-trung ích-khí*, bài *Nhân-sâm dưỡng-vinh*, đều là giúp chính khí để tán tà, thế mới biết

khí hóa của trời đất đời trước hậu, mà đời sau bạc, nên người ta bẩm sinh thời trước mạnh mà thời sau yếu, cho nên vị tiên-hiền tùy thời mà lập ra phương thuốc.

Huống chi thời này thuộc về hạ-nguyên, thời người lại suy bạc hơn, như vậy có nên dùng thuốc mạnh để công phạt hay không ? thế là điều thứ nhất không nên dùng hai bài thuốc (Ma-quế)

Cổ-thư có nói : « phương đông nam ôn nhiệt mà thủy thổ thiển bạc, người ta phần nhiều nhu nhược mà thụ bệnh nhiều chứng tự ra mồ-hôi, khác hẳn với phương tây bắc rất cao khí lạnh, người ta phần nhiều cường tráng mà thụ bệnh phần nhiều không có mồ-hôi. Ông Trọng-Cảnh làm những phương thuốc để chữa thương-hàn là để dùng chữa cho người phương bắc, mà người phương nam ta không thể theo được. Cổ thư có câu người phương tây bắc thụ bệnh, bốn mùa đều uống được bài *Ma-hoàng*, bài *Quế-chi* còn tự sông Giang, sông Hoài trở về đằng nam, chỉ có mùa đông và mùa xuân mới dùng được hai bài ấy, huống chi nước ta cách sông Giang sông Hoài mấy ngàn vạn dặm, khí ôn nhiệt lại hơn, đó là lẽ thứ hai không dùng được hai bài thuốc (Ma-quế).

Ông Lý-Thời-Trân có nói : « vị hương-nhu là thuốc giải thử về mùa hạ, cũng như vị ma-hoàng để phát hãn về mùa đông, những người khí hư hay phòng lao mà cảm mạo, nếu dùng vị hương-nhu thời lại có hại to tốt gặp chứng ấy trong vị thuốc bổ khí bổ huyết, chỉ dùng mấy vị nhẹ nhàng như vị sài-hồ, vị cát-căn, vị tử-tô, vị khương-hoạt, vị phòng-phong, gừng, và hành cũng đủ phát

Tìm sách

hãn để tán tà, mà chưa từng dùng đến bài *ma-hoàng* và bài *quế-chi*.

Chương 4.— **Bàn về chứng trúng cảm-hàn và thương-hàn, cùng phép chữa.**

Mùa xuân, mùa hạ, và mùa thu, dù có mưa dầm hay lạnh vừa, những người khí hư chợt gặp hàn-tà trúng vào âm-kinh, chân tay giá lạnh, thân thể ngay ra, cấm khẩu, choáng váng không có mồ-hôi, hay tự ra mồ-hôi hoặc ra mồ-hôi trộm, người mệt thở yếu, sáu bộ mạch « trầm và tế », tiếng nói yếu không đủ sức, người không phát sốt (không phát sốt là âm tà nhất định một nơi cùng với chứng chính-thương-hàn giống nhau, chỉ về trong lý có hỏa hay không có hỏa, mới chia ra trúng-hàn và thương-hàn), chứng ấy nên ôn bổ ngay, dù có hơi sốt mà không khát, cũng chỉ là hư-dương bốc ra ngoài biểu, mạch hẳn là « trầm và tế » mà không có thần, bấy giờ phải ôn bổ ngay nguyên-khí để liễm lấy hư-dương, như những bài *Truật-phụ*, bài *Sâm-phụ*, bài *Lý-trung*, bài *Tứ-nghịch*. Nếu có váng đầu là hư hỏa xông trở lên, mạch trắc hẳn « phù và đại » mà vô lực, phép chữa nên ôn bổ hạ-tiêu để long-hỏa yên về địa vị, như bài *Bát-vị* để dẫn hỏa quy-nguyên, vì đó là chứng giả-nhiệt.

Chứng cảm-hàn cũng phát ở ba mùa kể trên, thân thể hơi sốt hay là không sốt, sáu bộ mạch không có lực, thần khí mỏi mệt, nên dùng thuốc ôn để điều hòa.

Còn chứng thương-hàn vì mùa đông rét nhiều, mà hàn tà xâm phạm đến cơ thể, tiết đông-chí dương khí

Tìm sách

của người và của trời đều bế tàng ở trong, nếu hỏa ở trong thân người bị hàn tà vít lại thời phát sốt, mà bệnh từ ngoài biểu vào trong lý, phép chữa nên tán tà ở ngoài biểu, và điều hòa khí huyết, nhất thiết không nên câu nệ về thuyết cũ, tà ở kinh nọ truyền sang kinh kia, mà thường gọi « lục kinh truyền biến. »

Chương 5. — **Bàn về thuyết tà khí truyền từ kinh nọ sang kinh kia là lầm :**

Thời trước chữa thương-hàn mà bảo là truyền kinh, là chỉ tỏ ra rằng, hàn-tà tự dương-phận vào âm-phận, từ ngoài biểu vào trong lý, chứ có lẽ đâu tà khí vào thân người mà ở từng địa-vị nhất định, phương chi bệnh ở ngoài biểu không giải được thời hại đến trong lý, bệnh ở dương-phận không trừ được thời hại đến âm-phận, đó là lẽ tất nhiên, có đâu tà khí theo bao nhiêu ngày đó, mà truyền đi dần dần, vậy phép chữa chỉ tán tà mà điều hòa vinh, vệ là đủ.

Thế mà người đời sau đem phép chữa thương-hàn đặt riêng làm một môn, hễ thấy người sốt nhức đầu thời bảo là tà ở kinh thái-dương, mà phát tán thật mạnh, thời tân-dịch háo đi mà ráo khát, bấy giờ lại bảo tà đã vào kinh dương-minh, rồi dùng thuốc hàn-lương để trong lý yếu đi, hay là dùng thuốc tân tán mạnh để ngoài biểu yếu đi, mới hóa ra những chứng tai điếc, cạnh-sườn đau, bấy giờ lại bảo rằng chứng bệnh ở kinh thiếu-dương đã rõ, mà cho uống thuốc thanh giải như sài hồ, hoàng-cầm, đến nỗi tỳ khí hư yếu mà thành ra những

Tìm sách

chứng bụng đầy, cuống-họng khô, bấy giờ lại bảo rằng chứng bệnh ở kinh thái-âm đã rõ rồi, mà công phạt thật mạnh, để âm phận của tạng tỳ tổn đi, mà thành ra chứng ráo khát đại-tiện bí mà phiền-táo, bấy giờ lại bảo chứng bệnh ở kinh thiếu-âm đã rõ rồi, mà dùng mạch thuốc hàn lương, để hại âm khí của can và thận, mới sinh ra những chứng phiền-muộn, lo-đầy, lưỡi rụt vào, ngoại-thận co lên, bấy giờ lại bảo rằng chứng bệnh ở kinh quyết-âm đã rõ rồi, rồi chữa về kinh quyết-âm.

Chỉ vì tuân theo phép cũ và bài thuốc sẵn để ý trục tà khí cho mạnh, mà không nhìn đến chính-khí, đến nỗi tà khí xâm nhập rồi chân tay giá lạnh, mạch « tế » mà sắp tuyệt, bấy giờ mới nhận ra là hư chứng, mà bàn đến ôn bổ. nhưng e rằng khi ấy bệnh nhân đã không thụ bổ nữa (hư bất thụ bổ).

Chương 6.— **Bàn về chứng thương hàn là chứng uất hỏa và phép chữa.**

Mùa Đông thương hàn là chứng hỏa uất, nếu bệnh nhân vốn kém chân hỏa thời là chứng chực trúng. Vì có hỏa cho nên hàn tà từ bì mao mà vào đến cơ thể, từ cơ thể mà vào đến tạng phủ, ta gọi là hàn tà truyền vào lý mà hàn biến là nhiệt, nhưng đã là hàn tà có gì vào trong mà lại là nhiệt? Lại vì cớ gì mà lại là nhiệt? Đó là hỏa trong thân người vì hàn vít lại rồi uất mà thành nóng, lâu ngày thời chỉ thấy nóng mà không hàn. Sở dĩ dùng bài thuốc *Tam-hoàng giải-độc* là để giải hỏa đi, dùng bài *Thăng-ma cát-căn* là hỏa uất thời phát ra, dùng bài *Tam-vị thừa-khí* là thổ uất thời đạt đi, dùng bài *Tiểu-*

Tìm sách

sài-hồ là mộc nất thời nhẹ đi vậy. Lẽ ấy dễ hiểu, còn việc gì phải đặt ra thuyết lục kinh truyền biến. Còn các tạp chứng cũng đều nhức đầu, ngay cổ, mắt đau, mũi khô, sạnh sườn đau, miệng đắng, v.v... cứ gì chứng thương hàn vào kinh nào thời hiện những chứng nào. Duy mùa Đông thường hàn là chứng hàn nất, ngoài ra các chứng sốt mà không ghê rét thời chữa theo chứng hỏa nất.

Chương 7.— **Bàn về bài Tiêu-giao chữa cả 5 chứng uất và chứng ngoại cảm.**

Tôi xét một bài *Bát-vị tiêu-giao*, cổ nhân để chữa chứng tạng can nất, nhưng mọi chứng uất cũng được khỏi cả, rất hay là trong bài thuốc ấy có hai vị rất đáng quý là: « Sài-hồ, Bạc-hà, » là vì mật trong thân người là khí của thiếu-dương mà thuộc về giáp mộc (giáp là một trong thập can, mộc là một trong ngũ hành) khí ấy non nớt giống như loài cây cỏ mới mọc lên, chợt bị phong hay hàn thời lướt dẹp đi, mà không mọc lên được, mật là mộc đã không mọc lên được, thời khắc đến tỳ thổ, mà phế kim thận thủy đều thụ bệnh, nếu được chỗ ấm áp thời nất khí tản đi, mà mộc được thư thái, vì mộc vốn ưa gió gặp gió ấm-áp thời sướng soải, khác với sợ vì gió lạnh. Hai vị sài-hồ, bạc-hà đều cay mà ôn, vì cay cho nên phát tán, vì ôn nên vào được kinh thiếu-dương, cổ nhân lập phương thuốc thần diệu đến như thế.

Hơn nữa, dùng bài *Tả-kim-hoàn* có vị Hoàng-Liên, vị Ngô-Thù là mượn hành kim để chế hành mộc rồi dùng bài *lục-vị* ra sài-hồ, bạch-thược, để giúp cho thận thủy khiến thủy sinh ra mộc, bài *Tiêu-dao-tán* là như gió ấm

Tìm sách

để tán đi, bài *Lục-vị* địa-hoàng như mưa để thấm nhuần, thời can mộc làm gì không được thư-thái.

Suy rộng ra những chứng nóng rét trở đi trở lại, ghê rét sợ nóng, nôn mửa, nuốt nước chua, đau ngực, đau cạnh-sườn, bụng dưới đầy mà buồn, váng đầu, mồ hôi trộm, hoàng-đảm ôn-dịch sán-khí, sôn-tiết (đi cầu ra cả cơm), v. v... dùng bài *Bát-vị tiêu-dao* đều thấy công hiệu cả, đến chứng thương-hàn, thương-phong, thương thấp, ngoại trừ về chực-trúng, hết thảy chứng ngoại cảm, đều nên cho là nhất mà dùng bài tiêu-dao, gia-giảm để điều-trị, không mấy chứng là không công hiệu. Nếu uống một thang mà khỏi, rồi bệnh lại trở lại, thời là giả, chứng trên nóng dưới lạnh, lại nên dùng thuốc ôn bổ, dương hư thời dùng bài thuốc *Tứ-quân* thêm vị thuốc ôn hay nhiệt. Âm hư dùng bài lục-vị thêm vị thuốc ôn hay nhiệt.

Chương 8.— **Bàn về chứng nội thương-hàn và phép chữa.**

Người ta chỉ biết có chứng ngoại thương-hàn, mà không biết có chứng nội thương-hàn, lại bảo là phòng-lao âm chứng là lầm, vì những thứ lạnh làm hại ở trong mà thụ bệnh là chứng nội thương-hàn. phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa ở ngoài cảm vào, thời gọi là dương-chứng ; ăn nống, đứng ngồi hay vì thất tình mà ở trong khởi lên là âm-chứng, chứng nội-thương-hàn 10 người đến tám chín người, chứng ấy phải chữa ở trong lý, khác với chứng ngoại-thương-hàn, mà giải ở ngoài biểu, nếu ta dùng bài *quế-chi* thời tán mất dương khí, dùng bài

Tìm sách

thừa-khí thời kiệt mất chân âm. Vậy phải phân biệt cho rõ (dương chứng là ngoại thương hàn, âm chứng là nội thương hàn).

Nói chung ra, là dương hư thời uống bài *Bổ-trung Ích-khí*, là dương hư thực-chứng thời uống bài *Phụ-tử lý-trung* là âm hư mà không có thủy thời uống bài *Lục-vị thần-khí*, là âm hư không có hỏa thời uống bài *Bát-vị thần-khí*, trong đó nếu có giả chứng tựa như âm hay tựa như dương, thời thuốc hàn nên uống lúc nóng, thuốc nhiệt nên uống lúc nguội, mà không nên để cho chậm trễ, bỏ cho chính khí thời hàn tà tự lui.

Chương 9. — **Bàn về phong và hàn chữa như nhau.**

Phong là dương-tà, hàn là âm-tà, ông Cảnh-Nhạc có nói: « phong đem hàn lại, hàn theo phong vào, rồi xâm nhập cơ-thể tạng phủ, thế là phong và hàn cùng một loại. Vậy hàn tà nhẹ là thương phong. Phong tà nặng là thương-hàn » câu ấy thật là phát minh được cho những người đời trước chưa phát minh. Thiên Bách-nạn cũng nói: « phong thành ra hàn nhiệt », cũng là nói phong tức là hàn tà, những chứng vì ngoại cảm, thời chứng nào không phải là hàn, mà chứng nào không phải vì phong đem đến.

Thế mà theo nếp cũ lại nói, về mạch thì phù và sác là thương phong, phù và khẩn là thương hàn, về chứng thời cho là hàn làm hại đến vinh huyết, mà không có mồ hôi, phong làm hại đến vệ khí mà có mồ-hôi. Lại nói thương phong thời ghét gió, thương hàn thời ghét rét. Còn nói thương phong mà thêm hàn, hay thương hàn mà thêm

Tìm sách

phong. Lại nói thụ thương cả phong và hàn, những câu trên cho là khuôn phép nhất định.

Theo ý tôi, chứng thương phong không ai không ghê rét, chứng thương-hàn không ai không sợ gió, bệnh nhân nếu ngoài biểu hư yếu thời tự ra mồ-hôi, bằng ngoài biểu không yếu thời không có mồ-hôi, những chứng cảm mạo ta không nên phân biệt phong hay hàn, thời phép chữa giản-dị mà công hiệu lại chóng.

Chương 10. — Bàn về phép chữa thương hàn

Thân người lấy dương khí làm chủ, âm thịnh thời dương suy, mà dương kiệt thời chết, cho nên tà ở ngoài biểu thời dùng vị thuốc tân và ôn để tán đi, ở trong lý thời dùng vị thuốc cam và ôn hay là tân và nhiệt để điều hòa, chỉ cần đuổi tà-khí để lấy lại chính-khí, ta chỉ xem chứng còn ở ngoài biểu phải chữa ở biểu, chứng đã vào ở trong lý thời chữa trong lý, phát ở biểu và công ở lý, nói về tà khí mạnh, nếu mạch yếu người yếu thời chỉ nên điều bổ, nghĩa là tà ở ngoài biểu thì sơ-giải, để không vào được trong lý, rồi thêm thuốc để điều hòa là đủ.

Chứng thương hàn đi cầu lỏng phải nên phân âm dương, mà đừng dùng ngay thuốc ôn bổ để vít tà khí lại mà có thể chết người, là vì chứng đi cầu lỏng mà người không chân tay ôn là thuộc về kinh thái-âm, còn người lạnh chân tay giá lạnh, là thuộc về kinh thiếu-âm và kinh quyết-âm, đều là âm chứng, ngoài ra mình nóng mà đi lỵ, lại đều là dương chứng

Tìm sách

Chứng thương-hàn mà không thiết ăn uống, ta không nên dùng nhầm ngay những thuốc ôn tỳ vị để tăng-nhiệt độ, thời hại không phải là ít, đến khi ta đã giải được mà trong lý điều-hòa thì tự nhiên ăn được (ngoại trừ những chứng cần như sẽ kể ở đoạn dưới).

Lúc mới thụ bệnh mà chính-khí còn vượng, tà-khí cũng mạnh, thời ta cần phải trục tà; đừng dùng những vị thuốc giữ tà khí lại, tức là bế môn lưu-khấu (đóng cửa lưu giặc lại).

Chương 11.— **Bàn về chứng thương-hàn có phép bổ :**

Chữa mọi chứng bệnh đều căn-cứ vào hư hay thực, mà không cứ chứng thương-hàn. Nguyên-khí mạnh mà thụ-bệnh thời trục tà khí không khó, trái lại người hư yếu mà thụ bệnh, nếu không bổ hư thì sao đuổi được tà khí.

Thế mà người không hiểu, lại nói chứng thương-hàn không có phép uống thuốc bổ, đến nỗi các bệnh chứng vì người yếu mà phát ra thật nhiều, rồi bó tay đợi chết.

Ta hãy xem Ông Trọng-Cảnh là tổ-sư chữa thương-hàn, lập ra 390 phép chữa, mà về mạch chứng, thuộc về hư hàn đến hơn một trăm lập ra 313 phương, trong đó bài thuốc dùng đến sâm 30 bài, dùng đến quế, phụ hơn 50 bài. Ngay đến Ông Đông-Viên, Ông Đan-Khê, Ông Tiết-Am cũng đặt ra bài *Bổ-trung*, bài *Hồi-dương phần-bồn*, bài *Ôn-kinh ích-nguyên*, như thế thời ai bảo chứng thương hàn không có phép bổ.

Tìm sách

Vả lại, người đời nay về hư yếu mà thương-hàn, mười người đến sáu bảy người. Chứng hư yếu mà giống như thương hàn 10 người đến tám chín người, nếu hiểu lầm mà không được bổ mà chỉ dùng thuốc công phạt, thì nguy vong đến ngay, họ không biết rằng, phát tán mà không ra mồ-hôi, vì tân-dịch khô kiệt không đạt được ra ngoài, người ta chỉ biết rằng, thăng dương khí lên có thể giải được biểu, mà không biết giúp cho chân âm cũng có thể phát hãn được. Thanh giải mà nhiệt không hư là chân âm không đủ, người ta chỉ biết thuốc hàn lương có thể thanh được nhiệt, mà không biết dưỡng chân âm mới có thể thoái được dương. Lại dương hư ở trong mà âm hàn lấn vào, thời mạnh cho nguyên-dương, mới có thể tán được ngoại tà, tỳ vị hư yếu mà hư nhiệt không thôi, thời bổ cho tỳ vị nước có thể liễm được chân dương.

Ta cần biết chính-khí không đủ thời tà-khí dông lên, nếu chính khí đã vượng thời không phải tán tà và không phải công tà cho lắm mà tà khí tự lui. Cớ sao mọi người hễ thấy phát sốt là chỉ trăm trăm về công tà, thời tà khí chưa hư mà chính-khí lại hại thêm, nên tôi cho rằng phép chữa *thương hàn có khi phải để ý về bổ.*

Chương 12. – **Bàn chứng thương-hàn sốt lâu và phép chữa.**

Ngoài biểu nóng là bởi dương ở trong vượt ra, ở trên nóng là bởi hỏa ở dưới bốc lên, dù có ngoại tà cũng chỉ là đầu mối để phát bệnh, cho nên cũng gọi là thương-hàn, mà cũng gọi là *nhiệt bệnh*, thương-hàn là bệnh đã qua mà nhiệt-bệnh là chứng hiện tại.

Tìm sách

Hỏa tang nạp ở trong thận-thủy và tỳ thổ, cho nên phát sốt là hỏa ở trong thân người về chính-khí hư yếu không tàng nạp được, tà khí nhân hư yếu mà khích động lên, thế là biến chứng của âm-dương, trái với thường độ mà không phải hỏa ở ngoài lại. Vì thế gặp chứng do tà khí mà phát sốt, nếu về tỳ thổ hư thời bổ thổ để tàng dương, nếu vì thủy hư thời bổ thủy để cân với hỏa, nếu vì hỏa hư thì dẫn hỏa để quy nguyên, không biết lẽ ấy mà chăm chú về chữa ngoại tà, phát hãn mạnh để vong dương, hạ nhiều để háo chân âm, hay là dùng thuốc hàn lương thật mạnh, thời tỳ-thổ càng hại không thể liễm được dương khí.

Chương 13.— **Bàn chứng âm hư phát sốt cùng chứng thương hàn không khác nhau.**

Chứng âm hư mà phát sốt, mười người đến sáu bảy người, cũng không khác gì chứng thương-hàn. Người không hiểu hễ thấy phát sốt bảo là thương-hàn, rồi dùng quá thuốc phát tán để chết người cũng nhiều. Về bệnh ấy thấy sốt nhiều mặt đỏ, miệng khát, phiền táo thời nên dùng bài *lục-vị* là khỏi. Nếu thấy lưng lạnh, chân lạnh, khát nhiều, rảo nhiều, hay là uống nước mà lại nôn thời dùng bài *lục-vị* gia nhục-quế ngũ-vị, hơn nữa gia vị phụ-tử mà uống lúc thuốc đã nguội thời có thể khỏi ngay.

Chương 14.— **Bàn về chứng âm hư khó bổ và phép chữa.**

Người đời xưa có nói : « Thầy thuốc khó chịu về chứng

âm hư khó bổ, và chứng tiết tụ lâu khó tiêu ». Nhưng về phép chữa chứng tích tụ sách đời xưa bàn luận đã kỹ, vì người khỏe thời không có chứng tích, mà người yếu mới có, vậy lúc thụ bệnh thời dùng tiêu làm bổ, bệnh đã lâu thời dùng bổ làm tiêu. Còn như chứng âm hư, bậc tiên-hiền chưa giảng minh đến cùng. Tôi gặp chứng âm hư 10 người đến sáu bảy người, mà gặp chứng âm hư quá khó bổ được một trăm người, đến bốn trăm người. Hễ ta thấy hình thể gầy đen, tóc khô, đoản khí, nóng tính hay giận, sáu bộ mạch « phù và xác » không có thứ tự, hay là từ chiều trở đi mới phát bệnh, sốt nóng tận xương không có mồ-hôi, mặt sạm lưỡi đen, mình như củi khô tiểu-tiện đi luôn, đại-tiện táo kết, hay là ho khan cẹ khan, cuống-họng khô mà đau, đều là chứng âm hư, nếu nhà có bệnh chuyên tâm tin ở thầy, mà thầy thuốc dùng tinh chữa cho khỏi ngay, mới có thể thành công được.

Tôi nói như trên, là vì theo về lý kinh dịch thời thủy một vạch, mà hỏa hai vạch, thế là hỏa vẫn thắng thủy,. sách thuốc cũng nói một thận thủy không thắng được hỏa ở năm tạng, con trai mười sáu tuổi, con gái mười bốn tuổi, thiên quý-thủy mới vượng, đến khi con trai bốn mươi chín tuổi, con gái 64 tuổi thời thiên-quý-thủy đã kiệt, như thế đủ rõ âm thường không đủ. Vì thế cổ nhân có nói « người ta tự lúc bé đến lúc già, tật bệnh phần nhiều bởi chân âm không đủ »; lại nói « một gáo nước không thể chữa được một xe củi cháy, mà một đóm lửa có thể đốt được muôn khoảnh núi non », thế là dương hỏa dễ phát sinh mà âm thủy khó bổ, mà công phu bổ chân âm, không thể chóng cũng không thể khoe tài được.

Tìm sách

Chỉ cần trong khi điều trị phải để ý xét kỹ, mà bổ lại phải tiếp, đừng để âm dương thiên lệch. Nói về thuốc để bổ âm thời phải dùng vị thuốc rất thuần tĩnh, tối kỵ những vị cay và thơm ôn và ráo, nhưng dùng nhiều vị thuần tĩnh thời trệ đến tỳ vị, không hợp với lý khí dương có sinh thời khí âm với mạnh. Nếu thiên về thuốc thơm và ráo thời khí dương đã mạnh, lại lấn thêm khí âm, được bề nọ hỏng bề kia, thuốc nhiệt cũng sợ mà thuốc hàn cũng sợ.

Cho nên người âm hư đã lâu thời dùng một đội âm dược, mà xen vào một hai vị dương dược, lại tìm những vị nhu nhuận ở trong dương dược, thời dù có bổ khí mà vẫn ích cho huyết phận Chứng đại hư chỉ nên bổ mạnh bằng những vị thêm chơ chân âm, sức yếu thời dùng thang thuốc to sắc đặc uống luôn, nếu thấy nóng đã gần lui mà âm phận đã vượng, mới dùng xen một vài thang dương dược, để trong bổ có tiếp, cho âm phận mạnh được mười phần thời dương cũng mạnh được ba bốn phần. Như thế thời huyết được khí sinh ra, âm được dương bảo vệ, ta cần biết nhiệt là hỏa mà hỏa tức là khí, nên không có thể ghét nhiệt mà thanh bớt đi, vì không có nhiệt thì khí cũng tuyệt, người ta đâu có thể không có khí được. Chữa nhiệt mà nhiệt đã thuyên giảm, thời lại xét ngay khí của tỳ vị mạnh hay là yếu.

Nếu yếu mà ăn uống không tiến, thời ta đem dương dược để giúp ngay vị-khí. Cổ-thư có nói : « Vị-vị đã bại, trăm thứ thuốc cũng khó lòng », vì thế bổ chân huyết lại thu công bằng thức bổ tỳ-vị. Nếu cho uống dương dược mà nhiệt lại bốc lên, thời ta chỉ chắc vào chỗ bệnh nhân ăn uống đã tiến, mà lại đem thuốc

bổ âm uống khi trước để chữa nóng dăn dở như thế mà vẫn để ý đến vị-khí. Nhưng trong đó lại có diệu pháp bổ tì thổ để tàng dương khí lại, đó là tôi nghĩ ra được phương pháp ổn đáng, không nỡ để dùng riêng trong nhà, mà bầy tỏ ra đây để giúp cho đồng nghiệp.

Chương 15. – **Bàn về âm chứng, âm độc.**

Âm chứng là người nhu thường, nhưng đoản khí thở hút không được mạnh, mắt không trông rõ, ăn uống không lọt, nhị tiện đi nhiều, đau bụng như cắt ruột, mắt xanh hay đen, nằm ưa ngoảnh mặt vào chỗ tối, lại nhắm mắt không muốn trông thấy ai, hơi thở ở mũi ra thấy lạnh, môi trắng nhợt, chân tay lạnh, móng chân, móng tay không có huyết sắc, tiểu-tiện trắng, lấy tay sờ người mạnh không thấy nóng lắm, nếu là trùng-âm thời sờ tay lại thấy lạnh, lúc mới ốm là sợ rét, hoặc người run mà mỏi mệt, muốn nằm không khát mà đau bụng, đầy bụng, nôn oẹ, tiết-tả, hay là miệng ra nước dãi, mặt buồn, muốn kéo chăn áo để đắp kín, nặng mình khó xoay trở được, không phát sốt, mạch thời « trầm và trì » hay « tế và xác » mà đều vô lực, đó là âm kinh thụ hàn, mà là âm-chứng, bệnh nhẹ thời uống bài *Lý-trung*, mà nặng thời uống bài *Sâm-phụ* hay bài *Tứ nghịch*, mà không thể để chậm được.

Tôi xét mạch và chứng của bệnh kể trên, thời là chứng trúng hàn mà các sách thời cho là âm chứng xếp vào môn chữa « chính-thương-hàn ». Theo tôi thời chứng này phát ở ba mùa xuân, hạ, và thu, mà gọi là trúng hàn đã đành, nhưng nếu phát bệnh ở mùa đông là tháng

Tìm sách

có bệnh thương-hàn, thời cũng là chứng trúng-hàn, là vì tà khí mạnh thời chính-khí yếu, âm thịnh thời dương suy, bệnh đó bởi không có chân dương, cho nên hiện ra chứng thuần âm, vậy ta chớ nệ là tháng mùa đông khí ở trong vít lại, mà tà khí không vào thẳng được, nay tôi bầy tỏ ra để đợi bực cao minh.

Chứng âm-độc là vì ăn phải thức sống thức lạnh, hay là phát hãn quá, hoặc dùng thuốc hạ quá mà vong dương mà biến thành âm độc, móng chân tay đều xanh, nhức đầu, trong bụng đau như vặn ruột, con ngươi trong mắt thấy đau, thân thể mỏi mệt, người không nóng mấy hồn chân tay giá lạnh, trên đầu và đầu ngón tay đều có mồ hôi lạnh, hoảng hốt nói mê, cẹ ngược lên, mình đau như bị đòn, mồ hôi ra không chỉ, sáu bộ mạch « trầm và vi » hay là bộ sinh « vi » mà bộ thốn « thịnh ». Chứng ấy trong năm ngày chữa được, ngoài ra không chữa được.

Chương 16.— Bàn về dương-chứng, dương-độc

Dương chứng là trong mình thấy hành động, khí bốc lên mà thở suyễn, con người sắc sảo, thở mạnh, hơi ở miệng và mũi nóng, mặt đỏ, môi đỏ, miệng ráo, lưỡi khô, nói mê, hay ăn, ưa uống nước mát, mình nhẹ như thường, tiểu-tiện đỏ, đại-tiện bế, chân tay ôn hay nóng, móng tay đỏ, sáu bộ mạch « phù và xác » mà có lực.

Dương-độc là nhiệt tà nặng quá, hay là bị phát hãn lầm, uống thuốc hạ lầm, hoặc uống lầm thuốc nóng đến nỗi lưỡi rụt và khô đen, cổ-họng đau lắm, mình và mặt phát ban, nói cuồng, chạy dông, trèo lên

Tìm sách

tường, hoặc lên mái nhà, lựa chỗ cao để hát, cởi áo mà chạy, mạch thời « hồng mà đại », « hoạt mà sác », chứng ấy có khi mụ người, cắm khẩu, nghiến răng, trông thấy ma, thổ ra huyết dãi, chứng ấy năm ngày có thể chữa được, đến bảy ngày, không thể chữa được.

Chương 17. — Bàn về chứng « âm-thịnh cách-dương »

Ta nói những chứng « Cự-dương » (chống với dương), chứng *Giả-nhiệt*, chứng *đới-dương*, chứng *bức-dương*, chứng *âm-chứng tự-dương*, chứng *thủy cực tự hỏa*, đều là tên riêng của chứng âm thịnh cách dương này.

Những chứng âm thịnh lắm mà cách dương ra ngoài, trong lạnh và ngoài nóng. Nội-kinh có nói : « hàn nhiều sinh ra nóng » là vì âm thịnh có thể thành táo nhiệt, tức là chứng chân hàn và giả nhiệt. Chứng này hiện ra mình thấy sốt lắm, mắt đỏ, phiền táo, miệng khát, lưỡi khô, cuống họng đau, cởi vứt chăn áo, hay là người sốt lại muốn mặc áo, miệng không khát, lưỡi xanh, móng tay đen, dái co lên, lưỡi rụt vào, chân tay giá lạnh, đi cầu ra cả cơm hay là đường tiết, tiểu-tiện trong, hôn trần ngủ nhiều, mạch « trầm và vi » hay là « đại » mà vô lực, hoặc khi ấn mạch ta thở ra hút vào một lần, mà mạch của bệnh nhân bảy hay tám lần bồng lên dẹp xuống, nhưng ấn mạnh thời tản đi, hay là mạch xích yếu mà không có lực, mạnh thốn và mạch quan « khoát-đại » mà không có thứ tự, hoặc sác là mạch đi nhanh, nhưng ấn mạnh thời lại không cử động, chứng này nhận lầm là dương chứng, mà uống lầm thuốc hàn lương thời chết ngay.

Tìm sách

Nội-kinh có nói : « âm chứng tựa như dương nếu uống thuốc mát thời chết ». Ta đem nước lạnh thí nghiệm, nếu là chứng giả-nhiệt thời không ưa uống nước lạnh, hay là có uống cũng không uống nhiều, hay là uống rồi nôn ọe, đều nên chữa bằng thuốc ôn.

Tóm lại, về âm chứng thời không phân biệt sốt hay không sốt, không luận mạch trầm, phù, đại hay tiểu, nếu thấy dưới ngón tay lực có mà ấn mạnh lại không thấy, thì là phục-âm ở trong bức dương ra ngoài, phép chữa nên dùng ngay bài *Ngũ tích-tán* để thông hàn tà cả biểu lý.

Nếu trong thấy trầm hàn phải dùng khương, phụ mới cứu vãn được mà không nên chậm, hoặc dùng bài *Tứ-nghịch*, bài *Lý-trung*, không có mạch thời dùng bài *Thông-mạch tứ-nghịch*, có âm độc thời dùng bài *Cam-thảo thang*. Những chứng kể trên đều là dương muốn thoát mà hiện ra giả nhiệt. Lại xét về tiểu tiện, nếu tiểu tiện trong thời ngoại nhiệt nội hàn, nhưng Nội-kinh còn nói : « Khí ở trong không đầy đủ thời nước tiểu biến sắc đi », nên tôi gặp bệnh chứng không dám cho tiểu tiện đỏ là nhiệt mà trong là hàn, cũng có khi xem lưỡi nhuận mà có tân dịch là trong hàn, lưỡi trắng mà nhuận là ở rốn nhiệt mà trong bụng hàn, có khi lưỡi đen mà cũng là hàn, nhưng phải là lưỡi không nhám mà miệng có tân-dịch mới cho là hàn được.

Chương 18.— Bàn chứng « dương thịnh cách âm »

Chứng dương thịnh lắm mà cách âm ra ngoài, tức là *trong nhiệt mà ngoài hàn*. Nội-kinh có nói : « nhiều

dương thời hóa ra âm, nhiều nhiệt thời hóa ra hàn », lại nói « nhiệt cực sinh ra hàn là vì dương cực thành ra hàn-quyết (vì hàn mà chân tay giá lạnh) như thế là chứng giả hàn.

Về chứng ấy, bịnh và chứng tựa như hàn, phiền muộn hôn mê không ngủ, người mát sợ rét mà không muốn đắp chăn áo, miệng khát, móng tay đỏ, mạch « trầm mà hoạt » hoặc tay chân giá lạnh, (âm-quyết thời mạch « trầm mà yếu », móng tay xanh mà lạnh, dương-quyết thời mạch « trầm mà hoạt », móng tay đỏ mà ôn). Và chứng này nếu nhận là trận hàn mà uống lầm thuốc ôn là chết. Nội-kinh nói : « chứng dương tựa như âm nếu dùng thuốc ôn thời chết », ta thử cho uống nước nguội, nếu ưa uống mà uống rồi dễ chịu thời là dương-chứng, lại đem tiểu tiện mà phân hàn nhiệt, nếu đỏ thời là nội nhiệt, nhưng cũng có khi đỏ là chứng khí yếu.

Lại xem trong miệng ráo mà không có tân-dịch là nội nhiệt, lưỡi ráo mà nhám là nhiệt tụ ở dạ-dày, như vậy có thể dùng bài *Bạch-hổ* hay bài *Tiểu-thừa-khí*. Nếu miệng ráo lưỡi đen là thận thủy khắc tâm hoả, là nội nhiệt nhiều mà bệnh càng nặng hơn.

Chương 19.— **Bàn về chứng ở ngoài biểu hư hay là thực, và chứng bán biểu bán lý (ở biểu sắp truyền vào lý).**

Ngoài biểu thực thời người sốt sợ nóng không ra mồ-hôi, mạch phù mà khẩn kêu rên không yên, ăn được, tuy phiền nhưng không ọe, nhức đầu, đau mình, đau cạnh-

Tìm sách

sườn, và lưng, xương sống ngay ra. Ngoài biểu hư thời tự ra mồ-hôi, ghê rét, thịt máy, mạch phù và hoãn mà về lực, sợ ánh nắng, cử động không được, da khô thịt sút, về mạch thời chậm, và vi, thế là nguyên-dương không đủ mà không đuổi được tà ra ngoài, phép chữa nên cứu vãn ở trong lý giúp dương khí để tán hàn. Còn chứng bán-biểu bán-lý thời hàn nhiệt trở đi trở lại, không muốn ăn, chứng này khác với tà đã truyền vào trong lý, thời bụng phiền hay ọe, ngực cách lên mà sắp sinh ra bĩ mãn.

Chương 20.— **Bàn về chứng ở trong lý hư hay thực.**

Trong lý thực là nóng từ trong, trào nhiệt (nóng từng cơn như nước thủy trào không sợ rét), về mạch thời đại và có lực hay trầm và sác mà có lực, lòng bàn tay và dưới nách có mồ-hôi, bụng trên bụng dưới đau phiền, ăn được phiền đầy mà ọe, tiểu-tiện đỏ, cuống-họng khô, mồm khát, lưỡi ráo, đại-tiện bế, nói mê, trong bụng não cùng, huyết trệ khí tích, hoặc bĩ hoặc kiên.

Trong lý hư thời không nóng mà sợ rét, mạch trầm và tế, sôi bụng, dễ đi cầu, không khát, lưỡi rụt vào, đi cầu ra cả cơm, minh đau, trong bụng máy, hay trong bụng kinh sợ, tân-dịch không đủ, ưa nhắm mắt, sợ tiếng người, đói mà không ăn, khát mà không uống.

Chương 21.— **Bàn về chứng hư yếu.**

Mạch trầm và vi mà vô lực, ghê rét muốn mặc áo, uống nước nóng, ít hơi ngại nói, ưa tĩnh ghét huyên

Tìm sách

náo, đi tiết tả hay đi lỵ, tiểu-tiện hay đi, ăn uống không lọt, đại tiện đường tiết, hay là đầy bụng buồn ruột. Cùng là sau khi ốm nặng và ốm đã lâu, nhan sắc tiều tụy, bẩm sinh hư yếu mà người yếu, hay là có cố tật, như vậy đều là hư chứng, (cổ-thư có nói : « chứng ở trong sinh ra phần nhiều là không đầy đủ »).

Tạng tâm hư yếu thời hay bi thương hay kinh sợ.

Tạng tỳ hư yếu thời chân tay mỏi, ăn ít, bụng đầy hay lo nghĩ.

Tạng can hư yếu thời mắt mờ, dái co lên, gân co, hay sợ hãi.

Tạng phế hư yếu thời đoản khí, lông tóc tiều tụy.

Tạng thận hư yếu thời nhị tiện không thông, hay là đi nhiều.

Hỏa hư yếu thời thần khí kém, vàng đầu sợ rét.

Thủy hư yếu thời thất huyết, dương đem lên mà mặt đỏ, nóng tận xương.

Khí hư yếu thời đoản khí, tiếng nói nhẹ.

Huyết hư yếu, thời da sin, nếu có đau thời mà xoa.

Hết thảy những chứng hư yếu, mà rõ là tà ở ngoài biểu, cũng chỉ chữa về căn bản, khiến cho chính khí vượng thời tà khí tiêu, mà không nên gián đoạn, nếu để chậm thời có khi sinh biến.

Tìm sách

Chương 22 – **Nói về chứng thực.**

Mạch phù và sác mà có lực, hay là trầm và sác mà có lực, người nóng ưa uống nước lạnh, sợ nóng muốn cởi áo hay không sợ gió lạnh, bụng bĩ đầy, cẹ ngược lên, đau cạnh-sườn, đại-tiểu-tiện khó đi, bẩm sinh mạnh mà người mạnh, hơi thở ra ồ-ồ, ăn được, tiếng nói dõng dội, ưa sáng ghét tối, tiểu tiện đỏ, đại tiện táo, cũng những chứng ở ngoài cảm vào, cổ thư có nói : « Bệnh ở ngoài cảm vào phần nhiều là hữu dư. »

Tạng tâm thực thời cười nhiều, tạng can thực thời đau cạnh-sườn mà hay giận. Tạng tỳ thực thời chướng đầy mà nặng mình. Tạng phế thực thời khí ngược lên mà ho thở. Tạng thận thực thời hạ tiêu bế tắc, khí thực thời thở ra to, thanh và sắc đều mạnh, huyết thực thời ngưng tụ vừa đau vừa dẫn. Hỏa thực thời ăn được mà gầy. Thủy thực thời phù sũng tiết tả.

Lời bàn ở trên là thấy chứng để luận bệnh, lại căn cứ vào hình và mạch.

Hết thảy những chứng thuộc về bệnh thực, thời lúc mới phát bệnh phải giải tán ngay, để nhiệt tà không truyền vào trong mà hại đến chính khí.

Chương 23.– **Nói về chứng hư tựa như thực.**

Bệnh về tỳ-vị hư yếu, nếu nặng thời đầy chướng mà ăn không lọt, khí không được thư thái, nhị tiện không được lợi, khi đói mà lại không muốn ăn, lại như chứng âm thịnh mà cách dương trở lên, mặt hồng đỏ, miệng lưỡi khô nứt, đầy chướng, nói dông, giơ tay, dập chân,

Tìm sách

hay là ăn nói lẫn lộn, cổ-thư có câu « bệnh rất hư yếu có khi hiện ra những chứng như là mạnh, nếu lại tả thời chết oan ». Lại có câu : « âm chứng mà tựa như dương, uống thuốc thanh để mát đi thời chết ».

Chương 24. – **Nói về chứng thực tựa như hư.**

Chứng tích-tụ ở trong là thực chứng, nếu bệnh nặng thời lim lịm không muốn nói, chân tay mỏi không muốn cử động, hay là huyết vận hoa mắt hoặc tiết tả không ăn được, lại như ăn no quá thời mỏi mệt muốn nằm, lại như chứng ngoại cảm chưa giải được, còn lưu ở kinh-lạc mà thật là dương chứng. Dương thịnh quá thường thường chân tay giá lạnh (phát quyết), miệng mũi như là không có hơi, những chứng trên đều là bệnh thực lắm, mà có hình trạng như thể hư yếu, nếu bổ lầm thời tăng bệnh, cổ thư có câu : « dương chứng tựa như âm, dùng thuốc ôn thời rất hại ».

Tôi xét với chứng hư mà lại tả, sách cổ cho là chết oan hay là tất chết, với chứng thực mà bổ lầm, thời sách cổ cho là thêm bệnh và cho là rất hại. Ông Vương-Ứng-Chấn có nói : « thà lầm về thuốc ôn bổ mà không nên lầm về thuốc hàn lương ». Lại nói : « thà rằng đem phép chữa cho chứng hư để chữa chứng thực, mà không nên đem phép chữa cho chứng thực để chữa cho chứng hư », đều là cách ngôn cho nhà làm thuốc.

Chương 25.— **Bàn về trong một chứng vừa có hư vừa có thực.** (28 điều)

1.— *Chứng nhức đầu* : nếu *là thực* thời là có phong

hàn, uất lên, hay là thấp nhiệt bốc lên, hoặc thấp nhiệt ở ngoài vào, hoặc là đờm uất, hoặc là nhiệt uất. *Là hư* nếu không phải hư hỏa bốc lên, thời là huyết hư mà đau nhức, có người vì dương hư mà âm lấn lên, có người vì thương thực mà khí uất lên, những chứng ấy nếu là thực nên dùng bài *Ích-khí* mà có đờm thêm vị bán-hạ, có nhiệt thêm vị Bạch-thược. Nếu là hư thời dùng bài *Thận-khí*, mà thương thực thời gia thêm mạch-nha, sơn-trà.

2.— *Đau mình :* Nếu là thực thời bởi hàn hại đến vinh huyết, hay là phong thấp va chạm nhau, hoặc thụ thương về thấp khí (nếu thương thấp thời đau mình và rặng mình và sắc vàng), hoặc phong vào cơ thể mà huyết mạch ngừng. Nếu là hư chứng thời bởi huyết hư nay là tạng can hư yếu, gân thiếu chân huyết mà co và đau, hoặc vì tạng thận tinh huyết kém mà gân cốt đều đau. Là chứng thực thời dùng bài *Thương-mạch nhị-trần*, là chứng hư thời dùng bài *Lý-âm* thêm Đỗ-trọng.

3. – *Nặng mình* : Nếu là chứng thực thời là tỳ thấp mà khí trệ hay là khí thực hỏa uất đờm ủng tắc thời vừa nặng mình vừa đau. Nếu là chứng hư thời vì khí huyết hư, mà gân cốt không gánh vác nổi thân thể. Chứng thực thời dùng bài *Lục-vị dị-công*, chứng hư thời dùng bài *Bát-vị*.

4.— *Đau lưng mà xương sống ngay ra* : Nếu là chứng thực thì bởi tà vào kinh thái-dương, hoặc vì thấp khí uất lên mà xương sống ngay ra, hoặc vì khí trệ, hoặc vì đờm dãi cũng trệ. Nếu là chứng hư thời bởi thận hư. Là chứng thực thì dùng bài *Nhị-trần* gia tế-tân đỗ-trọng. Là chứng hư thời dùng bài *Thận-khí-hoàn*.

Tìm sách

5.— Chứng ghê rét : Nếu là chứng thực thời dùng bài *Nhị-trần* thêm vị sài-hồ, là chứng hư thời bởi dương hư lên dùng bài *Lý-trung*.

6.— Chứng phát sốt : Nếu là chứng thực thời bởi hàn tà ở ngoài lại, mà hỏa ở trong uất lên, hay là thương-thực khi uất lên mà nóng ở trong, hoặc vì ăn nhiều thức nóng, hoặc vì uống nhằm thuốc nóng. Nếu là chứng hư thời bởi âm hư sinh nóng ở trong, hay là dương hư mà không tàng nạp được, hoặc vì thủy kém không chế được hỏa, hoặc vì hỏa hư mà phù du lên trên (đã chua kỹ ở môn thương-hàn).

7.— Chứng ra mồ-hôi trộm hay tự ra mồ-hôi : Nếu là chứng thực thời là uất nhiệt ở ngoài biểu, mà mồ-hôi ra như thể nước trên vung nồi cơm, ngoài biểu thực thời không có mồ-hôi, hoặc trên đầu ra mồ-hôi là nhiệt tà uất lên thời dùng bài *Bổ-trung*, có chứng trên đầu ra mồ-hôi thời dùng bài *Lục-vị* gia sài-hồ, có chứng vì hàn thấp bốc lên mà tự ra mồ-hôi, thời dùng bài *Lục-quân* ra Quy và Kỳ. Nếu là chứng hư thời bởi ngoài biểu hư yếu mà tự ra mồ-hôi, hoặc dương hư không bảo vệ được ở ngoài mà tự ra mồ-hôi, thời nên dùng bài hoàng-kỳ kiến-trung. Vì dương hư không giữ được ở trong mà ra mồ-hôi trộm, thời dùng bài *bát-vị*. Vì dương thoát mà trên đầu ra mồ-hôi thời dùng bài *ngũ-quân-tử*, vì sản hậu thiếu chân âm, dương trơ vơ một mình mà trên đầu có mồ-hôi, thì dùng bài *lý-âm*.

8.— Chứng tiểu tiện đỏ hoặc bế vit : Nếu là chứng thực thời bởi nóng ở trong mà thêm chứng khát, hay là thấp khi thời tiểu-tiện đục như nước gạo, có người vì nhiệt

Tìm sách

nất ở bàng-quang thời tiểu-tiện đỏ và sẻn, chứng ấy nên dùng bài *Bổ-trung* gia mộc-thông. Nếu là chứng hư thời trong mà đi luôn, là bởi tạng phế hư yếu khí không trở xuống được, hoặc vì mệnh-môn-hỏa hư thời dùng bài *Bát-vị* thêm phá-cố, có người vì thận thủy kém mà khô ráo thời lúc đỏ lúc trong, có người vì âm hư mà tiểu tiện khó đi thời dùng bài *Lục-vị*. Nội-kinh có nói : khí ở trung châu không đầy đủ, thời tiểu-tiện biến sắc, vậy ta đừng thấy tiểu-tiện đỏ mà đều cho là nhiệt.

9.— Chứng đại-tiện bí : Nếu là chứng thực thời bởi nhiệt tà truyền vào trong lý, hay là ăn nhiều thức khô thức nóng, thời dùng bài *Tứ-vật* thêm sài-hồ. Nếu là chứng hư thời bởi huyết thiếu, thời dùng bài *Tứ-vật* gia sâm, kỳ, cổ thư nói : « Đại-tràng thiếu chân huyết thời táo » là lẽ ấy, có người vì thận hư mà tân-dịch-kiệt, thời dùng bài *Lục-vị* gia đương-quy.

10.— Chứng khát : Nếu là chứng thực thời bởi nhiệt-tà vào trong lý mà dạ-dầy khô, hay là vì ăn nhiều thức mặn mà tổn chân huyết, hoặc vì đem nặng đi nhanh đều dùng bài *Bát-tiên*. Nếu là chứng hư thời vì chân thủy kém hoặc vì huyết hư, như thế là chứng khát bởi ở huyết, có người vì ra mồ-hôi nhiều mà khát, có người vì đau bụng đi ngoài mà khát, đều dùng bài *Bát-vị* thêm mạch-môn ngũ-vị.

11.— Phiền táo : Nếu là chứng thực thời thuộc dương mà bởi ở tạng tâm, chỉ phiền mà không táo phần nhiều là nhiệt, có người vì thương thực, khí ủng trệ muốn ọe mà không ọe được, mà phiền thời dùng bài *Qua-tỳ* gia mạch-môn, ngũ-vị. Nếu là chứng hư thời táo thuộc về âm phần nhiều

Tìm sách

bởi tạng thận, nên chỉ táo mà không phiền là hư hàn, có người bởi lo nghĩ mà chân huyết tổn mà phiền đều dùng bài *Bát-vị*.

12.– Oẹ hay thổ : Nếu là chứng thực thời bởi nhiệt tà vào trong lý, cổ thư đã nói : « những chứng oẹ, ngược lên, đều bởi chân hỏa », vì thế mà ăn không tiêu xuống được, nên dùng bài *lục-quân* gia sài-hồ và nước gừng, có người vì ăn nhiều thức tanh thức chát mà oẹ, có người vì đờm kết ở ngực mà oẹ, thời dùng bài *Hương-sa lục-quân*, có người vì khí ở phổi ngược lên mà oẹ khan, thì dùng bài *Tứ-linh*. Nội kinh có nói « chữa chứng oẹ khan lên lợi tiểu-tiện ». Nếu là chứng hư thời bởi tỳ-vị hư mà oẹ, nên dùng bài *Ngũ-quân-tử*, có người vì hư hỏa bốc lên mà oẹ, có người vì ăn vào lại nôn oẹ ra, như thế là không có hỏa đều dùng bài *Bát-vị*

13.– Đầy chướng : Nếu là chứng thực thời nhiệt-tà vào trong lý, dùng bài *Nhị-trần* gia sài-hồ, có người vì thương thực hay thức ăn từ trước chưa tiêu kịp, thời dùng bài *Hoắc-tỳ* gia sơn-tra, mạch-nha. Nếu là chứng hư, thời bởi khí hư yếu mà khí chướng, có người vì dương âm không thăng giáng được. Trung tiêu không có hỏa khiến cho tạng tỳ không chuyển vận được, có người vì trọc âm ở trên, đều dùng bài *lý-âm*. Ông Đông-Viên đem huyết dược để chữa chứng đầy chướng thật là chí-lý.

14 – Tiết-tả : Nếu là chứng thực thời bởi nhiệt tà vào trong lý, dùng bài *Nhị-trần* gia sài-hồ, miệng khát, uống nước mát, minh nóng, tiểu-tiện đỏ, đau mà đi tả như thể rót nước, thời dùng bài *Tứ-linh-tán*, có người vì nhiệt

Tìm sách

uất mà đi tả, có người vì nước đình tích lại mà đi tả, có người thức ăn tích lại mà đi tả, thời dùng bài *Hương-sa lục-quân*. Nếu là chứng hư thời bởi tỳ-vị hư mà đi tả thời dùng bài *Ngũ-quân-tử*, có người vì tạng, thận hư không phân biệt được đại-tiểu-tiện để nước trong về cả đại tràng, có người vì thận hư mà cứ đi tả về buổi sáng, đều dùng bài *Vị-quan* có người vì thương phong thời dùng bài *Sài-linh*, là vì phong hay lấn đến tỳ-thổ.

15.— Đoản khí mà mỏi mệt : Nếu là chứng thực là bởi tà ở ngoài biểu truyền vào trong lý, nông thời hại đến khí, có người vì thương thực mà huyết mạch rời rạc. Nếu là chứng hư thời bởi khí ở tạng phế hư yếu, hay là nguyên khí hư, đều nên dùng bài *Quy-tỳ* gia giảm, có người bởi tạng phế hư không thở khí ra được, thời dùng bài *Tứ-quân*, có người vì thận khí hư yếu làm hại đến phế-khí mà thở hút đoản khí thời dùng bài *Thận-khí*.

16.— Chứng đau cạnh-sườn : Nếu là thực chứng thời bởi phong tà lấn vào tạng can, khí của tạng can mạnh và gấp, hay là giận quá mà khí của tạng can nắt lên, đều dùng bài *Bổ-trung* gia hương-phụ, bạch-giới, v.v... Nếu là chứng hư, thời bởi thủy suy không dưỡng được mộc, huyết của tạng can hư yếu mà khí mạnh lên, hay là thận thủy hư không dưỡng được can mộc, huyết thiếu gân co quắp mà đau, tùy nghi mà dùng bài *Bát-vị* hay *Lục-vị*.

17.— Chứng phát ban : Nếu là thực chứng thời bởi nhiệt tà chuyển vào trong lý, bức huyết ra bì phu, hay là vị hỏa gặp phong mà phát bệnh, đều dùng bài *Tứ-vật hợp tiêu-sài*. Nếu là chứng hư, thời bởi âm hư hỏa động, hay

Tìm sách

là thủy suy hỏa bốc lên, hoặc sau khi uống thuốc phát hãn hay thuốc hạ mà khí ở trong hư yếu quá, thời là âm chứng phát ban, đều dùng bài *Bát-vị*. Có người phát ban sắc đỏ nhạt mà lờ mờ, có người vì nội thương khí của dạ-dày hư yếu quá, mà phát ban, thời dùng bài *Bổ-tỳ âm-thang*.

18. – Chứng phát cuồng : Nếu là chứng thực thời bởi nhiệt tà vào trong lý mà gọi là « dương-độc » vì lẽ dương vào âm phận thời cuồng. Có người vì giận dữ quá mà sau khi nắt thời dùng bài *Sài-vật-thang*. Nếu là chứng hư thời bởi âm huyết hư yếu, mà dương tà lấn đi, dùng bài *Tứ-vật* hoặc bài *Lục-vật*. Có người vì thận thủy kém mà long-lôi-hoả bốc lên, đó là chứng giả dương, có người vì âm cực tựa như dương, đều dùng bài *Bát-vị*.

19. – Chứng lưỡi trắng mới nứt ra : Nếu là chứng thực thời bởi nhiệt tà vào tạng tâm vì lưỡi thuộc về tạng tâm, hơn nữa lưỡi đen mà gián như gai không được nhuận thời dùng bài *Sài-vật*. Nếu là chứng hư thời bởi âm hư hỏa động hay là thủy suy mà hỏa bốc lên, đó là chứng cách-dương thời lưỡi không rộm như gai mà vẫn nhuận, dùng bài *Lý âm* uống nguội hay là bài *Bát-vị* gia ngưu tất.

20. – Chứng cuống-họng khô mà đau : Nếu là chứng thực, thời bởi nhiệt-tà vào trong lý, hỏa ở dạ-dày bốc lên, có người vì trúng phong mất tiếng, có người vì đờm kết mà đau, đều dùng bài *Lý âm* gia sài-hồ. Nếu là chứng hư thì bởi thủy kém mà hư hỏa bốc lên, hay là âm hư hỏa động, đều dùng bài *Thận-khí*.

Tìm sách

21. – Chứng ngạt mũi nặng tiếng : Nếu là chứng thực thời bởi phong hàn ngoại cảm mà đường của khí ngăn lấp, thời dùng bài *Tiểu-sài hợp nhị-trần*. Nếu là chứng hư, thời bởi âm hư hỏa làm hại đến phế khí hay là phế khí hư yếu không thở ra được, hoặc thận khí hư yếu không hút vào được, đều dùng bài *Nhất-khí*.

22 – *Chứng ho nhổ ra đờm (khái thấu)* : Nếu là chứng thực, thời bởi phong tà cảm vào bì mao hại đến tạng phế mà phát ra, thời dùng bài *Tiểu-sài hợp nhị-trần*. Nếu là chứng hư, thời bởi âm hư hỏa động hại đến tạng phế hay là thận hư mà khí không về chỗ mới bốc ngược dở lên, đều dùng bài *Bát-vị*.

23 – *Chứng đờm nhiều* : Nếu là chứng thực, thời bởi tích trệ mà sinh ra, hay là hàn-tà vít ở ngoài, khiến cho khí uất mà sinh ra, dùng bài *Lục an thang* Nếu là chứng hư, thời bởi tỳ khí không vận hóa được dùng bài *Lục-quân-tử*, hay là thận hư mà thủy dềnh lên dùng bài *Bát-vị thang*.

24.– *Chứng váng đầu hoa mắt* : Nếu là chứng thực, thời bởi phong hàn uất ở ngoài, hay là đờm uất, hay là thấp nhựt sông trở lên, dùng bài *Bổ-trung thang*. Nếu là chứng hư, thời có người bởi huyết hư, có người bởi khí hư, có người vì âm hư hỏa động, có người về thận thủy kém mà hư hỏa bốc lên, đều dùng bài *Toàn-chân-nhất-khí*. Nội-kinh có nói : khí ở trên không đầy đủ thời óc như vợi đi, đầu ngoẹo đi mà mắt trông lõm vào.

25.– *Chứng nói nhảm mà tiếng nhỏ* (thậm-ngữ trịnh-thanh). Nếu là chứng thực, thời hơi thở ra to mà tiếng to

Tìm sách

nói nhiều câu càn dông, thời dùng bài *Sài-hồ*. Nếu là chứng hư thời nói nhẹ tiếng mà ít những câu bất chính, nên dùng bài *Quy-tỳ-thang*.

26.— *Chứng không ngủ hoảng hốt* : Nếu là chứng thực, thời bởi nhiệt tà vào dạ-dầy mà nằm không yên ổn, hay là can khí mạnh quá mà lấn tạng tỳ, dùng bài *Bổ-trung-thang*. Nếu là chứng hư, thời bởi khuyết không dưỡng được tạng tâm tinh thần không chứa lại được, hay là lo nghĩ hai tạng tỳ mà huyết không về tạng can cho nên nằm không yên, đều dùng bài *Quy-tỳ*.

27.— *Chứng tai điếc* : Nếu là chứng thực, thời bởi ngoại cảm phong hàn, chính-khí phải tà-khí nất lên, dùng bài *bổ-trung thang*, có người vì sâu trùng vào lỗ tai. Nếu là chứng hư, thời bởi thận khí yếu mà không khai được khiếu, hoặc dương khí thoát trở xuống thời dùng bài *nhất-khí*.

28 — *Chứng hay giận mà quát mắng* : Nếu là chứng thực, thời bởi can khí vượng dùng bài *Giải-can-tiên*. Nếu là chứng hư, thời bởi huyết kém dùng bài *Bát-trấn*, có người bởi âm hư dùng bài *Bổ-âm*, có người thất chí mà nất dùng bài *Hóa-can tiên*.

Hết thảy các bệnh đều có hư và thực mà không cứ những chứng ngoại cảm. Mong nhà học thuốc đừng nghĩ một biệt, hễ thấy nhức đầu đau mình phát sốt ghê rét mà bảo ngay là thương-hàn, thấy ngạt mũi, nặng tiếng ho đờm mà bảo ngay là thương-phong, thấy đau cạnh-sườn tai điếc mà bảo ngay là bán biểu bán lý, thấy phát ban phát cuồng, lưỡi trắng, nói mê, hoảng-hốt, ít ngủ, mà bảo ngay là nhiệt tà vào trong lý, rồi dùng thuốc hạ hay thanh giải.

Tìm sách

Tôi bảy tỏ 28 mục kể trên, để tỏ rằng trong một chứng mà hư, thực khác nhau. Có người hỏi, khi vấn chứng mà trong một chứng bệnh bảo là thực cũng được bảo là hư cũng được, thời làm thế nào ? tôi trả lời rằng : tôi có hai phép rất nghiệm.

1) Căn cứ vào mạch; không cứ trầm, phù, đại, tiểu, hễ ta ấn tay đến xương mà còn thấy có thần có lực, thời là thực chứng mà không thời là hư chứng.

2) Xem nguyên khí của bệnh nhân bẩm sinh vốn khoẻ mà hình thể hiện thời cũng mạnh là thực chứng, bẩm sinh hư yếu mà hình thể hiện thời thấy yếu, và sau lúc đại bệnh hay là thụ bệnh đã lâu hoặc cố tật, hoặc cao niên, hoặc sản-hậu, hoặc trẻ em thời là hư chứng. Hình và mạch đều là thực thời mọi chứng theo về thực mà chữa, hình và mạch đều là hư thì mọi chứng theo hư mà chữa.

Tìm sách

THIÊN THỨ HAI

Chương 1. – **Nói về những chứng nên phát hãn**

Mạch « phù mà đại » mà có lực, nhức đầu, đau mình phát sốt, ghê rét, chưa hiện chứng gì là bệnh đã vào trong lý.

Chương 2. – **Nói về những chứng không nên phát hãn.**

Dù phát sốt, ghê rét, mà mạch trầm và tế mà vô lực, cuống-họng khô ráo, chứng đi đái dắt (nếu ra mồ-hôi thời thành tiện-huyết). Chứng thất huyết (mồ-hôi tức là huyết) chứng trong bụng bên tả bên hữu động khí (âm-hư) chứng sản-hậu, chứng nhọt đã vỡ, người tuổi nhiều, người ốm đã lâu, những bệnh không có chứng gì là còn ở ngoài biểu, sáu bộ mạch đều trì, (huyết thiếu), hay là bộ xích yếu, chứng chân tay giá lạnh, bệnh đã ra mồ-hôi và chứng trên thực dưới hư, chứng đau mình mà trong bụng kinh sợ, chứng nhọt sởi mà người mát (nếu ra mồ-hôi thời thành chứng trĩ).

Tôi xét Nội-kinh nói : « ra mồ-hôi là để tán tà » nhưng trong đó nhiều chứng nên kỵ, nếu mạch « thực » (là mạnh) mà người khoẻ bẩm sinh vốn mạnh, chứng bệnh tà khí cũng thực (là mạnh) đều nên phát hãn. Còn người mạch hư là yếu, thân thể hư là yếu, chứng bệnh hư cũng là yếu, thời nhất thiết không phát hãn được. Ông Trọng-

Tìm sách

Cảnh có nói : « Chứng đã hư không nên phát hãn » Thuốc phát hãn còn không nên dùng, huống chi là thuốc công phạt.

Tôi thường thấy những chứng ngoại cảm nhẹ, mà người mạch yếu thời khó ra mồ-hôi mà phát hãn cũng không được, là vì khí ở trong đã hư, thời không đẩy được mồ-hôi ra, nếu phát hãn thời càng hư yếu thêm mà nguy vong đến ngay.

Ta nên biết mồ-hôi bởi ở huyết, không khi nào khí ở trong đã hư mà doanh huyết lại đầy đủ, không khi nào doanh huyết không đủ, mà ra được mồ-hôi, với chứng ấy phải giữ lấy căn-bản, thời đẩy được ngoại tà ra, rồi mồ-hôi tự ra.

Phát hãn có ba lối :

1.— Hàn tà nhiều hay là tạng hàn, thời phải ôn trung để tán ra.

2.— Mùa viêm nhiệt mà biểu lý đều khô, thời dùng thuốc mát để giải đi.

3.— Âm và dương bên nào thắng hơn, thời dùng thuốc hòa bình để giải đi.

Thuốc để tán tà của tôi cũng có ba thứ.

1.— *Hòa vinh huyết dưỡng vệ khí* để tán tà để chữa cho những người hình thể mạnh mà tà khí thực (là mạnh).

2.— *Điều khí thu uất* để chữa những người khí hư yếu mà hình thể bạc nhược, vì cảm hàn tà mà khí uất

Tìm sách

ở trong, thế là theo âm để dẫn dương, thăng dương để giải biểu, giáng âm để tán hỏa, là vì khí hư ở trong thời tà không đạt được ra biểu.

3.— *Mát chân huyết để tán tà*, để chữa những người âm hư gầy mà đen, thế là tìm mồ-hôi ở chân huyết, vì huyết hư thời không có mồ-hôi, nếu uống những phong dược thời càng háo chân-âm.

Tôi dùng ba phương-pháp ở trên, không ai là không khỏi, không phải tính hàn tà tự dương-phận vào âm-phận, tự ngoài biểu rồi vào trong lý. Tôi chưa từng dùng vị ma-hoàng, vị quế-chi là thuốc phát tán rất mạnh, thế là tôi bỏ phương thuốc của Ông Trọng-Cảnh mà chỉ theo ý của Ông Trọng-Cảnh.

Chương 3 — **Ba phương để giải biểu.**

Ba bài thuốc để giải biểu mà tôi mới chế ra, (để chữa mọi chứng đại nhân, tiểu nhi, thai-tiền, sản-hậu, mà cảm mạo) như sau :

1.— BÀI « HÒA VINH BẢO VỆ TÁN TÀ ».

Sinh-địa 3 chỉ, xuyên-khung 1 chỉ, khương-hoạt 1 chỉ rưỡi, Độc-hoạt 1 chỉ, hương-phụ 1 chỉ, tử-tô 5 phân, phòng-phong 1 chỉ, Thăng-ma 8 phân, cát căn 8 phân, cam-thảo 5 phân, gừng 3 phiếm, hành cả lá 1 củ sắc uống nóng.

Những chứng từ thời cảm mạo, mạch thực là mạnh' hình thể mạnh, phát sốt ghê rét, nhức đầu, đau mình,

Tìm sách

xương sống cứng, cổ ngay, không có mồ-hôi, ăn được, tiểu-tiện trong, đại-tiện nhuận, dương-chứng và biểu-chứng đều dùng được.

Phép gia giảm :

1) Ngoài biểu nóng nhiều, tạng phế thụ thương, đoản khí phiền khát, gia mạch-môn.

2) Vị thấp tà nhiều, mà đau mình và nặng, bỏ sinh-địa gia xương-truật, phòng-kỷ, nhiệt nặt nhiều gia chút hoàng-bá.

3) Ngoài biểu nóng nhiều mà phát ban, gia Liên-kiều, kinh-giới, kim-ngân-hoa.

4) Nếu thấp nhiệt xông lên mà nhức đầu choáng váng, trầm trọng như người trùm đắp gì, bỏ thăng-ma, cát-căn, xuyên-khung, gia mạn-kinh, ngưu-tất.

5) Nếu ho đờm gia Trần-bì, bán-hạ, tiền-hồ, hoàng-cầm.

6) Nếu trong bụng phiền muộn hay ọe, bỏ thăng-ma cát-căn, thêm bán-hạ, hoàng-cầm (ọe là nhiệt là sắp vào trong lý nên không thể cho thăng được).

7) Nếu cạnh-sườn đau bỏ thăng-ma cát-căn, tử-tô, phòng-phong, gia sài-hồ, phòng-kỷ, trần bì (tà sắp vào trong lý, không nên dùng vị thuốc có tính nhẹ nhàng để bốc trở lên).

Tôi xét dùng thuốc thăng dương thời giải được biểu, nếu tà còn ở ngoài bì-phu cơ-nhục mà không trục đi ngay,

Tìm sách

thời tự ngoài biểu vào trong lý, mà hàn biến làm nhiệt, hàn hại vinh huyết thời đau, phong hại vệ khí thời nóng, cho nên dùng vị sinh-địa để thanh nhiệt bổ âm, dùng vị xuyên-khung, để giữ vệ khí, dùng vị khương-hoạt và độc hoạt để chữa phong và trừ thấp đỡ đau, dùng vị hương-phụ để khai uất, dùng vị tử-tô để đạt ra ngoài biểu, dùng vị phòng-phong để chữa chứng phong tà ở ngoài biểu, dùng vị thăng-ma để tán hàn nhiệt lúc mới phát, dùng vị cát-căn để giải cơ-thể lại thêm gừng và hành để ra mồ-hôi, đều là những vị phát dương ra ngoài, thời tà và biểu tản đi được.

2. – BÀI « BỔ-KHÍ THU-UẤT »

Sa-sâm 2 chỉ, phục-linh 1 chỉ, xương-truật 1 chỉ rưỡi, sài-hồ 2 chỉ, khương-hoạt 1 chỉ, địa-cốt 1 chỉ, chi-tử 2 chỉ, trần-b 1 chỉ, bán-hạ 5 phân, ô-dược 5 phân, trích-thảo 5 phân, gừng 3 phiếm, đại-táo 2 quả, sắc uống nóng.

Những chứng tự thời cảm mạo mà người khí-hư, thân thể yếu, sắc trắng, tinh tri-trệ ưa tĩnh, hiện chứng thời phát sốt, ghê rét, đoản khí, thân thể mỏi, tiếng nói yếu, nhức đầu, đau mình, đau bụng, tiết-tả, đau cạnh-sườn, ngực cách, nhiệt uất, đầy chướng, tiểu-tiện đỏ mà sẻn, đờm nhiều ho nhổ, mọi chứng kể trên đều dùng bài thuốc này.

Phép gia giảm :

1. – Nếu rét nóng như sốt rét mà phát ở dương phận, rét nhiều bỏ vị chi-tử gia chút thảo-quả và hy-thiêm-thảo, nóng nhiều gia mẫu-đơn bỏ vị hi-thiên.

Tìm sách

2.— Nóng bằng bằng xương cốt đau, gia vị huyền-hồ và đan-sâm.

3.— Đi tả nhiều vì thấp gia vị chư-linh và trạch-tả.

4.— Nếu khát bỏ vị ô-dược vị bán-hạ và khương-hoạt; gia vị thiên-hoa-phấn và cát-căn, mùa hạ gia mạch-môn.

5.— Thương thử về dương chứng, bỏ vị địa-cốt và ô-dược, gia vị hương-nhu vị biển-đậu và hậu-phác.

6 — Tiểu-tiện bế gia trạch-tả, xa-tiền, mộc-thông, hại về thấp-khí gia chư-linh, trạch-tả, hậu-phác.

7.— Đờm nhiều ho nhổ khí ngược lên, bỏ bị địa-cốt, khương-hoạt, chi-tử, sài-hồ, xương-truật, gia vị tiền-hồ, vị tô-ngạnh.

8.— Oe ngược lên gia hoắc-hương.

9.— Ợ hơi ghét ăn, bỏ vị chi-tử gia vị trầm-hương, sa-nhân.

10.— Có mồ-hôi bỏ vị xương-truật dùng vị bạch-truật.

11.— Trong bụng lo và buồn gia chỉ-sác, cát-cánh.

12.— Chứng thương thư đau bụng thổ-tả, vừa rét vừa sốt, bỏ vị khương hoạt, và địa-cốt, gia hương-nhu, biển-đậu sao, hậu-phác, mộc-qua.

Xét Nội-kinh nói : « nhiệt thời hại đến khí » không bổ khí thời không đạt được cơ-thể, vì hỏa trong thân người phải hàn tà vít lại mà uất lên, rồi thành ra nóng mà không rét, sách y-quán dùng bài bát-vị-tiêu-dao-tán

Tìm sách

để chữa chứng hàn uất mà không chấp nệ, tà khí truyền đi lục-kinh. Nội-kinh cũng nói : « các bệnh phần nhiều nên chữa kèm vào chứng uất », lại nói : « Chứng thấy uất thời nhiệt, hỏa uất thời hàn », như thế mới biết mọi chứng cảm đều làm uất chính-khí của người, vậy muốn trừ ngoại tà thời phải điều-khí thư uất, như bài thuốc kể trên.

Vì thế tôi dùng vị sâm để bổ chính-khí, phục-linh để bổ hư lao, xương-truật để phát hãn, trừ thấp, sài-hồ để chữa hàn nhiệt vãng lai, khương-hoạt để chữa đau mình, địa-cốt để chữa cốt chứng (nóng tận xương), chi-tử để thanh uất hỏa ô-dược để hành trệ khí, bán-hạ để ráo chứng thấp và chữa hỏa uất, trần-bì để nhẹ tạng can uất, chích-thảo để ôn trung, thế là điều khí thư uất để tán tà.

3.— BÀI « DƯỠNG HUYẾT TÁN TÀ »

Xuyên-khung 1 chỉ, đương-quy 2 chỉ, sinh-địa 3 chỉ, mẫu-đơn 1 chỉ, đan-sâm 1 chỉ, huyền-sâm 1 chỉ, sài-hồ 1 chỉ, bạc-hà 8 phân, chích thảo 5 phân, gừng sống 3 phiếm, sắc uống nóng.

Để chữa những chứng tứ thời cảm mạo, mà bệnh nhân huyết hư nhiều, hình thể gầy đen, tóc khô, nóng tính hay giận, lúc mới phát bệnh thời nóng nhiều ghê rét nhức đầu đau mình, miệng khát, tiểu-tiện đỏ, không có mồ-hôi, hay là đã phát hãn mà chưa giải được, hoặc sốt lâu không thôi, những chứng ấy không nên dùng thuốc chữa phong tà, để háo thêm chân huyết, mà mồ hôi càng khó phát ra, vậy chỉ lấy bài này làm chủ, gia giảm như sau :

Tìm sách

1.— Nhức đầu như búa bổ và nặng như đội đá, mà đầu ra mồ-hôi, thế là phong thấp ủng trệ trở lên, gia khương-hoạt, mạn-kinh, tế-tân.

2 — Âm hư đờm sốt nhiều, mình như cải khô, bọt nhiều mẫu-đơn, bỏ vị xuyên-khung, gia quy-giao.

3.— Hỏa thịnh xông trở lên mà nôn ọe gia bán-hạ, hoàng-cầm.

4.— Trong bụng phiền buồn bỏ xuyên-khung, gia tiền-hồ, chỉ-tử.

5 — Nhiệt uất mà bụng chướng, gia hương-phụ, sơn-chi.

6.— Không ngủ bỏ xuyên-khung, gia sa-sâm, tảo-nhân.

7.— Nhiệt thịnh hại đến phế mà đoản khí mỏi mệt, bỏ xuyên-khung, gia nhân-sâm, ngũ-vị, chi-tử.

8 — Khát nhiều bọt nhiều sinh-địa, bỏ xuyên-khung, gia mạch-môn, ngũ-vị nếu vẫn không chỉ, thời dùng bài *lục-vị* gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất.

9.— Vì thấp mà đau mình, nặng mình, gia khương-hoạt, độc-hoạt.

10.— Tự ra mồ-hôi bỏ sài-hồ, bạc-hà, xuyên-khung.

11.— Ra mồ-hôi trộm, bỏ xuyên-khung, sài-hồ, bạc-hà, gia hoàng-kỳ, bạch-truật.

12 — Mới phát sốt đã nóng nhiều, gia chi-mẫu, hoàng-bá đều sao.

Tìm sách

13.— Sốt rét và nóng như chứng sốt rét, nếu nóng nhiều gia hoàng-cầm, bán-hạ, hy-thiêm-thảo, rét nhiều bỏ huyền-sâm, đan-sâm, gia thảo-quả, hy-thiêm-thảo.

14.— Nhiệt nặt lên miệng khát, đi tả, tiểu-tiện đỏ mà sẻn, bỏ quy, gia bạch-truật, chạch-tả.

15.— Nóng nhiều mà huyết đi dông dở như thổ-huyết, lục-huyết, thời bỏ xuyên-khung, bớt đương-quy, hoặc bỏ cả quy mà gia ngưu-tất, ngũ-vị, a-dao.

16.— Tạng can nóng, khí nặt lên mà đau cạnh-sườn, bội sài-hồ, gia chỉ-tử, thanh-bì.

17.— Tinh thần mụ đi, nói mê, bỏ vị sài-hồ và bạc-hà; huyền-sâm, gia-vị sa-sâm, phục-thần, viễn-chí, liên-nhục.

18 — Đàn bà kinh bế mà rét nóng như chứng sốt rét, bỏ vị huyền-sâm, gia vị hồng-hoa, hương-phụ, đào-nhân.

19.— Có thai mà rét nóng và thai động, đau bụng, bỏ vị mẫu-đơn, gia vị hoàng-cầm và bạch-thược.

20 — Có thai mà rét nóng, lậu thai mà hạ huyết (có đau bụng là thai động, không đau bụng là thai lậu), bỏ vị mẫu-đơn, gia vị a-dao và ngải-diệp (sao cháy).

21.— Có thai mà rét nóng như sốt rét, nếu nóng nhiều mà động thai, gia Hoàng-cầm bạch-truật, hy-thiêm-thảo, rét nhiều gia đỉ-khương, hy-thiêm-thảo.

22.— Chứng sản-hậu cảm-mạo, bỏ huyền-sâm, mẫu-đơn gia khương-hoạt, phòng-phong.

Tìm sách

23.— Chứng sản-hậu mạch điều-hoà, thân-thể mạnh, trong lý nóng mà táo khát, đại-tiện bí, nói mê, bỏ vị huyền-sâm, mẫu-đơn, bạc-hà, gia vị hoàng-cầm, bán-hạ, chi-sác, đại-hoàng.

24.— Chứng sản-hậu rét nóng trở đi trở lại, bỏ vị huyền-sâm, mẫu-đơn, bạc-hà, gia vị hoàng-cầm, bán-hạ, khí hư nhiều gia nhân sâm, (nhưng huyết hôi chưa sạch không nên dùng).

25.— Trẻ em ngoại cảm nóng nhiều không có mồ-hôi, gia vị phòng phong và khương-hoạt, uống nóng đắp nhiều chăn chiếu.

26 — Trẻ em sốt nhiều hại chân huyết, phát kinh mà co dật, bỏ vị xuyên-khương, bội vị thục-địa, thêm vị tần-bông, câu-đằng, nếu khí chướng dùng thục-địa sao thơm, và thêm mộc-hương.

27.— Trẻ em nóng nhiều mà đan độc, sắc đỏ, bỏ vị xuyên-khung gia vị phòng-phong, kinh-giới, liên-kiều, kim-ngân.

28.— Thương thử mạch hư yếu, mình nóng, miệng khát, đi tả, bỏ khung, quy, mẫu-đơn sài-hồ, gia nhân-sâm mạch-môn, ngũ-vị, tả khí mạnh gia hương-nhu, khát nhiều gia thạch-cao, đi tả gia biển-đậu, chư-linh, trạch-tả.

29 — Chứng táo-hoả hiện rõ ra, bỏ vị sài-hồ, bạc-hà xuyên-khung, gia-vị quy-dao, mạch-môn, ngưu-tất, hơn nữa gia tri-mẫu, hoàng-bá, khô rào gia nhũ-phấn mà thục-địa dùng nhiều.

Tìm sách

Đây tôi bầy tỏ ý kiến để làm khuôn phép, người trí giả phải thông biến mà dùng.

Xét Nội-kinh có nói : « chữa âm chứng phải cứu lấy chân dương, mà chữa thương-hàn phải cứu lấy chân âm », nếu là dương hư nên xem bệnh nhân xương thịt đầy đủ mà âm huyết không thiếu mới dùng được dương dược; nếu mặt sạm, lưỡi đen mình như cui khô, tà hoả nóng ở trong mà âm đã hết trước rồi, thời đâu dám bổ dương để lại kiệt chân âm đi. Nội-kinh nói : « nhiệt nhiều thời âm phải kém đi », vì thế chữa sốt phải theo huyết phận. Lại nói « nóng lâu thời hại chân âm », chân âm đã hại thời càng nóng. Lại nói : « âm hư thời sinh nóng ở trong », vì thế cổ thư có câu : « bổ âm huyết để phát hãn, như thể bốc mây hóa ra mưa », và nói : « huyết đã hư ở trong lý, thời không hóa được tân-dịch », vậy không bổ chân huyết thời không thể phát hãn được.

Người ta chỉ biết mồ-hôi thuộc về dương, thời thăng dương khí là giải được ngoài biểu, mà không biết mồ-hôi sinh ở âm, dưỡng chân âm mới có thể phát hãn được.

Câu nói chữa thương-hàn phải chủ về cứu lấy âm-huyết, thật là quy tắc cho nhà làm thuốc. Tôi thấy bệnh nhân huyết khô nóng nhiều là cho uống huyết dược, thời không ai là không khỏi ngay. Tôi đem bài *tứ-vật* làm chủ để hành huyết, mát chân huyết và thanh hỏa, vị mẫu-đơn để tản chân hoả phù du lên trên, vị huyền-sâm để chữa người sốt miệng đắng đầy bụng, vị đan-sâm công dụng như cả bài tứ-vật, vị sài-hồ chữa chứng hàn-nhiệt vãng lai, vị bạc-hà chữa chứng phong uất, vị cam-thảo để điều hòa, khác nào nhà đem binh mỗi cánh quân giữ một việc thời đến đâu là phải thắng trận.

Tìm sách

Chương 4.— **Bàn về chứng lục dâm cùng chữa như nhau.** (Phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa).

Có người hỏi theo sách thuốc thời trước, thời chữa chứng ngoại cảm có chia ra lục dâm, sao tôi chỉ dùng có ba bài thuốc kể trên để chữa đủ mọi chứng. Tôi trả lời là lẽ làm thuốc dù muôn biệt, nhưng tóm lại chỉ có một lý, người ta ai cũng tạng phủ âm dương như nhau, mà bách bệnh đều ở âm dương khí huyết. Ta thử xem *về môn chữa phong hàn* thời cổ-thư nói « hàn hại vinh huyết thời đau, phong hại vệ khí thời nóng » lại nói « chữa chứng thương hàn chủ ở cứu chân âm », thế là nói về huyết hư hay thực. *Về môn chữa thương-thử* thời nói : « mạch mạnh người nóng là chứng nhiệt, mạch hư người nóng là chứng thử », lại nói : « nóng thời hại chân khí », thế là nói về khí hư hay thực. *Về môn chữa chứng thấp* thời nói : « dương thịnh thời hỏa hơn lên mà hóa ra chứng thấp-nhiệt, âm thịnh thời thủy hơn lên mà hóa ra thấp-hàn ». Lại nói : « tỳ vị điều hòa thời vận hành được thủy cốc mà hóa ra tinh hoa, thụ thương thời không có hỏa để nung nấu thủy cốc mà hóa ra thấp trệ », đó là nói về thủy hỏa hư hay thực.

Về môn chữa táo (khí ráo) thời nói : « vinh huyết của tạng tỳ không đủ, âm của tạng thận lại thiếu, thời hành hỏa nung nấu mà hành kim thụ thương, hành kim không sinh ra hành thủy, hành thủy không giúp cho hành kim, thời nguyên-tạng mới hiện ra ». Lại nói : « chữa chứng phong táo không gì bằng dưỡng chân huyết, thanh chứng nhiệt táo không gì bằng thêm chân thủy », thế là nói về chân âm và chân thủy. *Về môn chữa hỏa* thời nói :

Tìm sách

« hỏa thịnh tức là khí suy », lại nói : « hỏa tức là khí », vì khí không quân-bình mà hóa ra hỏa, thế là nói về hỏa hư hay thực.

Cổ-thư đã nói như những đoạn kể trên, mà cũng không chỉ hẳn là phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa, có gì là khác biệt, như vậy thời làm hại chính khí tức là ngoại tà, mà phân ra thời gọi là lục dâm, nhưng chỉ là một lẽ âm dương khí huyết hư thực mà thôi.

Chương 5. – Bàn về chứng nên uống thuốc hạ

Mạch « trầm và thực », đại tiện táo, tiểu tiện đi luôn mà dễ phát sốt, ghẻ rét, là nhiệt đã vào trong lý, năm sáu ngày không đi đại tiện, mà chung quanh rốn chướng đau, thường phát chứng phiền táo, thế là có phần khô táo, hoặc thấy xuất khí rất hôi mà bụng đầy không nhẹ, thân thể còn mạnh chứng ấy tùy có thức ăn trệ lại, mà nguyên khí đã yếu phần nào, thời nên dùng bài bổ trung ích khí, gia vị đại-hoàng sao chín để hạ đi.

Ra mồ-hôi rồi mà không giải được nhiệt, là tà vào dạ-dày, nóng từng cơn mà đau bụng, mạch thực, có phần táo, nóng từng cơn, chân tay và dưới nách thường ra mồ-hôi mà nói mê, hay là thổ rồi mà bụng đầy, rốn và bụng dẫn mà đau không ưa xoa, hoặc hạ rồi mà nhiệt không giải, rốn và bụng dẫn đau, như thế thời nên hạ nữa. Kết ở ngực mà mạch không « phù » là chứng ở kinh thái dương hay là kết ở bàng-quang, tiểu tiện không thông lợi, bụng dưới đau mà kết, bệnh nhân như người cuồng, đó là chứng súc huyết (chứa huyết) hoặc chứng bệnh về

Tìm sách

kinh dương-minh, bệnh nhân hay quên, đại tiện đen, như thế tất là có ứ huyết, hoặc bệnh chứng cũng ở kinh dương minh không có mồ hôi, tiểu tiện không lợi, phát ra hoàng đảm, những chứng kể trên đều nên dùng thuốc hạ.

Chương 6. — Bàn về chứng không nên uống thuốc hạ

Những chứng hư, mạch « phù và đại » tiểu tiện thanh và trường, minh số ghê rét là (bệnh còn ngoài biểu), chứng vong huyết, chứng giọt sảy mới vỡ ra, chứng động khí ở rốn, chứng lợm lòng mà sáu bộ mạch không có lực, chứng nằm ngủ yên (tỳ vị điều hòa), chứng hư kết (không có phân), người tuổi già, người ốm lâu, người sản hậu, đi tả đã bán biểu bán lý (chứng này hãn và hạ đều cấm, chỉ nên dùng bài tiểu-sài-hồ), chứng đầy chứng đau bụng, nhưng có xoa là đỡ, chứng dương kém mà cuống họng như tắc lại, tiểu tiện trong mà trắng, mạch xích yếu, mạch thốn « phù và đại ». Chứng bệnh muốn thổ mà không kết ở ngũ tạng, chứng kết ở ngực và dương chứng mà không rét nóng trở đi trở lại, người xanh lưỡi trắng mà nhuận (trong lạnh), chứng âm dương đều hư mà ghét uống nước, ra mồ hôi nhiều, vong dương mà nói mê, chứng âm hư thủy kém, hư phiền, hư táo, những chứng ở trên đều không nên hạ.

Tôi xét về phép dùng thuốc hạ, cũng chỉ căn cứ là thực thời nên hạ mà hư thời không nên hạ. Tóm lại, mạch « trầm và thực » mà bệnh chứng đủ cả bĩ, mãn, táo, thực, thời nên dùng bài đại-thừa-khí. Nếu chỉ thấy bĩ táo, thực, là tà ở trung-tiêu, chỉ nên dùng bài điều-vị thừa-khí mà bỏ vị chỉ-sác là sợ hại khí ở thượng-tiêu, chỉ thấy

Tìm sách

bĩ và thực là tà ở hạ-tiêu, chỉ nên dùng bài tiểu-thừa-khí bỏ mang-tiêu, là sợ hại huyết ở hạ-tiêu. Bụng dưới đau mạnh, đại tiện đen, tiểu tiện không lợ, dông cuồng hay quên là chứng huyết chứa lại, chỉ nên dùng bài đào-nhân thừa-khí mà người yếu thời chỉ nên lấy mật để thông khoan. Nhưng người nhân hậu vẫn ghét về thuốc công phạt, ví như đánh trăm trận được cả trăm, cũng không bằng không đánh mà được là hơn.

CHÚ GIẢI

Bĩ : kết lại. Mãn : đầy bụng không được nhẹ. Táo : có phân khô. Thực : bụng rắn chắc lại. Tôi xem 397 phương thuốc của ông Trọng-Cảnh có nói : Nên ra mồ-hôi mà không dùng thuốc ra mồ hôi, thời tà ở ngoài biểu truyền vào trong lý, nên hạ mà không dùng thuốc hạ, thời nhiệt tụ mà không tán đi, thời phát hoàng-đảm mà phát ban. Tuy nhiên, ra mồ hôi quá thời vong dương, hạ quá thời vong âm, những bệnh đã đến dương vong âm kiệt rất là đáng sợ, mười người chỉ chữa được một hai người, cho nên cổ nhân có dạy thuốc phát hãn, nên dùng chóng mà thuốc hạ nên dùng chậm.

Lại Ông Cảnh-Nhạc có nói : « bệnh nên dùng bài *đại-thừa khí*, thời hãy nên dùng bài *tiểu-thừa-khí* để thí nghiệm », đều là dạy ta nên cẩn thận giữ gìn. Cổ thư có nói : « chứng hư mà như thực nếu hạ lầm thì chết oan », lại nói : « thà đem phép chữa cho người hư để chữa cho chứng thực, còn hơn dùng phép để chữa chứng thực mà chữa cho chứng hư », lại nói : « dùng thuốc hàn nên tránh những vị hàn quá », nếu chứng hư mà dùng thuốc hàn

Tìm sách

quá thời chết, mà không lấy lại được, khác nào người đã chém không thể nối liền được.

Vì thế, mạch thấy « trầm mà xác » mà có lực, người bẩm sinh vẫn khoẻ mạnh mà thấy đủ bốn chứng bĩ, mãn, táo, thực, (1) cùng những người quả là thực nặt và tích trệ, mới tạm theo dùng thuốc hạ, bệnh đã giảm thời dùng ngay thuốc lương bổ, còn như người hư yếu vừa, hay là hư yếu lắm, thời dù bốn chứng đủ cả, cũng chỉ nên dùng phương-pháp để hoà đi.

Tôi kinh nghiệm vẫn được công hiệu, như người chỉ hư yếu về huyết phận, thời dùng bài tứ vật thêm chỉ sác sao và đại-hoàng sao chín, để hạ đi, người nào chỉ hư yếu về khí phận thời dùng bài *tứ-quân*, gia chỉ sác sao và đại-hoàng sao chín để hạ đi, còn người hư yếu lắm mà bởi âm của tạng tỳ hư, thời dùng bài *bổ-tỳ-âm* để nhuận lợi, người nào thiên về dương của dạ-dầy hư yếu, thời dùng bài *bổ-vị-dương* để lấy bổ làm tiêu, người nào chân âm thủy suy, thời dùng bài *lạc-vị* thêm vị thuốc để nhuận đi, người nào chân dương hoả hư, thời dùng bài *bát-vị* thêm vị nhục-thung-dung, để vừa đóng vừa mở, đó là phép cần để hạ cho người hư yếu, tôi không dám giấu riêng mà bày tỏ ra, để nhà làm thuốc cùng xét nghiệm.

Còn như phép dùng thuốc cho bệnh nhân thổ ra, theo ổ-thư nói bệnh ở trên hoành-cách-mô là thực tà, phải dùng thuốc cho thổ ra, nhưng nếu mạch hư yếu cũng không cho thổ ra được, như vậy thời cũng không ngoài hư và thực, tôi chữa tà khí chưa dùng đến phép thổ mà tà đã giải rồi, cho nên không ghi chép những phép dùng

Tìm sách

thuốc cho thổ ra, duy chứng đình trệ thức ăn ở thượng-tiêu, mà giản giụa buồn bực hay là ăn lầm thức có chất độc, hoặc ăn no quá, thời bảo bệnh nhân lấy ngón tay chọc họng mà thổ, thời không dùng thuốc cũng xong, ngoài ra chứng trúng phong cấm cấp, đờm dãi ủng trệ trở lên, mới tạm dùng thuốc để thổ ra mà thôi.

Chương 7.— **Sáu bài thuốc điều-hòa trong lý (do tôi mới đặt ra).**

1.— Bệnh nhân mạch tuy trầm và xác mà vô lực, chứng đó nên uống thuốc hạ, nhưng hình thể gầy đen âm hỏa mạnh, nên bệnh thuộc về âm hư phát nhiệt, thời hại đến âm huyết, cổ-thư nói : « đại-tràng thiếu chân huyết thời táo, » dùng bài thuốc sau đây là bài tứ-vật mà thêm thuốc để nhuận lợi.

« GIA-VỊ TỨ-VẬT » PHƯƠNG : Tức bài Tứ-vật gia chỉ-xác, đại-hoàng sắc uống nóng.

Nếu có ứ huyết gia đào-nhân, hồng-hoa, người có thai mà trong lý thực nhiệt, đại-tiện táo, khát nhiều, bỏ vị chỉ-xác, gia vị hoàng-cầm để hạ đi rất là ổn đáng.

2.— Bệnh nhân mạch « trầm mà tế », chưa đến nỗi mạch « vi » là chứng nên uống thuốc hạ, nhưng người ấy bẩm sinh bạc nhược, thần sắc trắng bóng, người tuy sợ nóng mà tự ra mồ-hôi, đó là dương khí ngăn tắc, thời nên dùng bài « tứ-quân » gia vị sau đây để bổ ngay lấy vị-khí, thời doanh-khí, vệ-khí, tổn-khí đều có ích, không dùng thuốc cho hành xuống mà tự nhiên hành xuống.

TìmSách

« GIA VỊ TỨ-QUÂN » PHƯƠNG : Tức là bài Tứ-quân mà cam-thảo để sống, thêm chỉ-sác và địa-hoàng sao kỹ với ba nhát gừng, sắc uống.

Nếu khí hư hãm trở xuống, thời thêm vị thăng-ma sao với rượu để đem trở lên, là vì bệnh không đem trở lên, thời không giáng xuống được, nếu khí trệ thêm vị mộc-hương, nếu khí lên thêm vị mộc-hương và binh-lang, nếu không có nóng ở trong, dùng năm hạt ba đậu sao chung với năm chỉ chỉ-sác, rồi bỏ ba-đậu lấy vị chỉ-sác sắc với thuốc, thời hàn khí không hại đến dạ-dầy là phương thuốc rất ổn đáng.

3. – Mạch của bệnh nhân thấy bộ quan bên hữu « phù mà hồng », chứng ấy phải nên hạ, nhưng hình thể có phần hư yếu, đó là âm của tạng tỳ hư mà dương của dạ-dầy vượng lên, tỳ thổ khô ráo mới thành ra chứng táo kết, thời nên dùng bài « *bổ-tỳ-ấm* » sau đây, thời vẫn hạ được mà tạng tỳ còn tinh nhu nhuận.

BÀI « BỔ-TỲ-ẤM » : Thục-địa, đương-quy, bạch-truật, nhục-thung-dung, ngưu-tất đều sống sắc nước uống ấm nếu chọc khí ở trên mà sinh ra đầy chướng, thời thêm vị trầm-hương.

4 – Bệnh nhân xem mạch bộ quan bên phải « trầm và vị », mà không có lực, chứng ấy nên uống thuốc hạ, nhưng hình thể lại thấy hư yếu, đó là dương của dạ-dầy hư yếu, vì tỳ và vị tương quan với nhau, ngoài biểu hư thì trong lý cũng hư, mà vận hành không được mạnh, thời nên dùng bài « *bổ-vị-dương* » kê sau đây, để giúp sự vận hóa cho khỏi ủng trệ, thế là lấy bổ làm tiêu.

Tìm sách

Tiên-sư có nói : « công dụng của thuốc phải nhờ khí nóng ở trung-châu để vận hành, nếu người đã khí tuyệt thời uống bao nhiêu mang-tiêu, đại-hoàng cũng không thông lợi đi được, vì bệnh nhân không có khí để vận chuyển, thời thuốc uống vào bụng lại đi tuột ra, còn đến đâu được tạng phủ. Người không biết lẽ ấy, thấy bệnh đáng dùng thuốc hạ lại sợ vị bạch-truật trệ lại, nhưng tôi theo phép ấy của tiên sư để chữa người hư yếu, thời còn chóng hơn vị mang-tiêu và đại hoàng.

BÀI « BỔ VỊ DƯƠNG THANG » : nhân-sâm hay bá-thiah-sâm 5 chỉ, bạch-truật tẩm nước sữa sao một lạng, sắc nước uống lúc còn nóng, mà mài thêm một chỉ trầm-hương, nếu ngoài giả nhiệt mà trong thật hàn, thêm một chỉ bào-khương.

5.— Mạch của bệnh nhân bộ xích bên trái vô lực, là chứng nên dùng thuốc hạ, nhưng hình thể hư yếu lắm, đó là âm hư ở dưới mà bức dương lên trên, ngoài thấy giả nhiệt táo khát, là vì tạng thận hư thời tân-dịch kiệt mà đại-tiện táo, nên dùng bài *gia giảm lục-vị địa-hoàng hoàn phương* kê sau đây để tuấn bổ chân-âm mà nhuận trở xuống.

BÀI GIA GIẢM « LỤC-VỊ ĐỊA-HOÀNG HOÀN PHƯƠNG » : Thục-địa, hoài-sơn, mẫu-đơn, sơn-thù, phục-linh tẩm nước sữa, đương-quy, ngưu-tất, thung-dung ; sắc nước uống lúc ấm.

6.— Bệnh nhân mạch thấy bộ xích bên phải vô lực, là chứng nên uống thuốc hạ, nhưng hình thể đại hư, là vì tam-tiêu và tỳ-vị, tiểu-tràng, đại-tràng, đều bởi mệnh-môn tướng hỏa mới vận hành được, vả lại tạng thận khai khiếu về đại-tiểu-tiện, là cửa ngõ cho dạ-dày, nên

Tìm sách

nhị tiện thông hay bí đều bởi ở tạng thận, nay tạng thận đã mất quyền bởi thiếu-dương-hỏa, thời nên dùng bài GIA GIẢM « BÁT-VỊ ĐỊA-HOÀNG HOÀN PHƯƠNG », tức là bài *lục-vị* gia vị nhục-thung-dung và ngưu-tất, sắc uống lúc còn ấm, thời tự nhiên hạ ra được mà không bế tắc nữa.

Chương 8 — **Bàn về mồ-hôi nhiều cũng là vong âm, hạ nhiều cũng là vong dương và phép chữa.**

Cổ-thư có nói : « mồ-hôi nhiều thời vong dương, hạ nhiều thì vong âm », nay tôi lại bảo mồ-hôi nhiều chính là vong âm, hạ nhiều chính là vong dương là lẽ làm sao ? Là vì mồ-hôi bởi ở âm huyết mà là căn nguyên của huyết, như vậy mồ-hôi không phải là dương phận. Còn hạ nhiều thời hại đến vị-khí, lại nói là công phạt ở trong lý, không tránh khỏi vị thuốc hàn, thế thời hạ không liên quan đến âm phận.

Theo như trên, thời lời nói của cổ nhân là vu khoát hay sao ? Tôi trả lời rằng : Cổ nhân nói về ngọn mà tôi nói về gốc. Bởi lẽ âm dương vẫn tương quan với nhau, tính của dương hay bốc lên, mà có âm giữ lại thời không bốc lên quá được, tính của âm hay giáng xuống, mà có dương giữ lại thời không giáng được lắm, cho nên bệnh ra mồ-hôi nhiều như mưa (hội hãn) là vong âm trước, mà dương không có âm làm nền tảng thời cũng bốc lên mà thoát nốt, cho nên cổ nhân cho mồ hôi bởi ở dương phận, mà bảo chứng mồ-hôi là vong dương, mà tôi thời bảo là mất âm huyết ở trong dương, như thế không phải là vong âm hay sao ?

Tìm sách

Còn như bệnh thoát trở xuống mà không ngừng, là triệu chứng dương khí vong thoát. Nội kinh nói : « khí của ngũ tạng tuyệt ở trong thời đi tả không thôi », lại nói « thanh khí hãm trở xuống thời sinh chứng đi đồng ra cả cơm », nên chữa chứng tả, cũng có phép đem dương khí trở lên mà khỏi. Hơn nữa, đi tả thời thức ăn uống đều về đại-tràng, thế là khí của tạng phế hư yếu không có tiết lộ mà tiểu-tiện bí nên có khi bổ tạng phế để phân đại-tiểu-tiện, lại người đi tả nhiều thời tân-dịch kiệt mà phát khát, thế là vị-khí hư mà chứng đi tả không ai không đoản khí, thế là chứng hạ cũng là đầu mối của dương khí vong thoát.

Chỉ vì hạ-tiêu là huyết phận và âm phận, cho nên cổ nhân bảo chứng hạ là vong âm, là nói về ngọn mà thôi, còn tôi cho là hạ thời mất dương khí ở trong âm, tức là hạ nhiều thời vong dương. Như vậy, tôi không phải là lập dị mà chỉ theo về bệnh chứng và y lý, người học thuốc phải tìm đến căn nguyên.

Tôi chữa chứng « thoát-hãn » (mồ-hôi thoát ra nhiều), chỉ căn cứ vào có nóng hay không? nếu là vong dương thời bốn chân tay phải giá lạnh, bấy giờ chỉ có phép dùng sâm, phụ để hồi dương. Nếu thêm vị khí cũng trục thoát, thời thêm vị bạch-truật, thở ngược lên khó chịu thời thêm ngũ-vị, mà những vị thuốc về âm phận thời không nên dùng. Khi ấy vị nhục-quế dù có bỏ lọi, nhưng tính chạy mạnh cũng tuyệt đối không dùng được. Nếu mồ hôi nhiều mà là âm mất trước rồi dương thoát sau, thân thể còn nóng hay là trên nóng dưới lạnh, thời tôi dùng bài *Lưỡng-nghi-cao* là sâm và thục, mà ra chút phụ-tử để cứu vãn, khi âm khí đã hồi, thời lại tiếp tục thuốc

Tìm sách

bổ dương, khi dương khí đã mạnh, thời lại tiếp tục thuốc bổ âm mới là ổn đáng.

Còn như chứng thoát trở xuống, phép thời xưa dùng bài *Phụ-tử lý-trung* để cứu ngay lấy vị-khí, nhưng tôi cho là cửa của dạ-dày ở như tạng thận mà tạng thận không bế tàng được, nên mới thành chứng hoạt-thoát, thời không gì bằng dùng bài *Bát-vị* và thêm vị phá-cố để vít lại, vị thỏ-ty để giữ lấy dương khí của tỳ-vị. Nếu âm và dương đều vong thoát, thời dùng bài *Sâm-phụ hồi-dương* để chữa chứng mồ-hôi nhiều, như tôi nói ở đoạn trên.

Trên đây là thâm ý của tôi để cứu vãn cho người nguy cấp, nay bày tỏ ra để rộng về y thuật.

TìmSách

THIÊN CUỐI

Chương 1. — **Bàn phép bổ cho các chứng hư yếu :**

Cổ-thư có nói : chữa bệnh phải tìm đến căn bản. Những chứng phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa dù là ngoại tà, nhưng cũng bởi chính khí của người hư yếu thời tà khí mới lấn vào được, chứng ấy ở ngoài biểu hoặc đã vào trong lý, nhưng mạch hư yếu mà hình thể bạc nhược, hay là đại bệnh rồi lại phải ốm lại, người tuổi nhiều, người sản-hậu, cùng trẻ em đều không nên công phạt, hay phát tán mạnh mà chỉ nên điều bổ, dù có tạp chứng nhiều cũng vì hư yếu mà ra, ta cũng chỉ chữa căn bản mà không nên thấy bệnh ở đâu thời chữa ở đấy. Bởi vậy cổ-thư có nói : « Chữa một căn bản thời bách bệnh đều khỏi, mà chữa theo tạp chứng thời rối loạn ».

Trong các chứng bệnh còn có trong thực mà thêm hư, hay trong hư mà thêm thực, có người hư yếu vừa, có người hư yếu lắm, có người hư thoát, có người khí huyết đều hư, có người thủy hỏa đều hư, cho nên dùng thuốc phải phân ra : *Lương-bổ* là bổ bằng những vị thuốc mát, *Thanh-bổ* là bổ bằng những vị khinh thanh (nhẹ nhàng), *Nhiệt-bổ* là bổ bằng những vị nóng, Ôn bổ là bổ bằng những vị thuốc ôn. Dùng những vị bổ như vậy, là để điều-bổ (bổ cho đều), *Tư-bổ* (bổ cho thấm nhuần), *Tuấn-bổ* (bổ mạnh), Tiếp-bổ (bổ bên này mà còn tiếp bên kia)... Các bực tiên-hiền dù đã phân tách, nhưng y lý rất rộng, người học rất khó phân biệt, nên tôi bày tỏ thêm ở dưới đây :

Tìm sách

Những bệnh mạch thực là mạnh, hình thể thực là không bạo nhược. Và ốm nặng hoặc đã ốm lâu, thế là trong thực mà có hư, mạch hư yếu hình thể hư yếu, mà tà khí mạnh là thực, thế là trong hư mà có thực, nguyên khí tuy mạnh nhưng cũng mạnh mà không có tiết độ, rồi tật bệnh đến dần hư yếu dần, mà mạch yếu, hình thể yếu, bệnh chứng nặng, thế là chứng đại hư vi lo nghĩ hay khó nhọc mà tỉ phế tổn thương, hình gầy, khí đoản, mạch thốn và mạch quan bên hữu vi và nhược, thế là chứng hậu thiên khí hư ; hình thể gầy đen, sốt âm chưng chưng, tạng tâm tạng can huyết kém, mạch thốn mạch quan bên trái vô lực, thế là hậu thiên huyết hư ; Long-lôi hỏa bốc lên da thịt nóng như rang, ráo khát khác thường, mạch xích bên trái yếu, thế là chân thủy của tiên thiên suy kém ; Lưỡng quyền đỏ, mắt đỏ, môi se, cuống họng đau, trên nóng dưới lạnh, mạch xích bên phải yếu, thế là chân hỏa của tiên-thiên suy yếu.

Thuốc để thanh bổ như chi-mẫu và hoàng-bá để giáng hỏa, để âm phận không tổn hại, những vị ấy không phải thật là bổ, nhưng không để nóng nhiều đến chân âm, thời cũng như là bổ ; *Thuốc để lương bổ* như vị Thiên-môn-đông, mạch-môn-đông, huyền-sâm, đan-sâm, sinh-địa, bạch-thược, đan-bì, cốt bì, những vị đó về tính chất thời ngọt mà mát chân huyết ; *những vị để ôn bổ* như nhân-sâm, hoàng-kỳ, đương-quy, Bạch-truật, bào-khương, chích-thảo, tính chất đều cam và ôn, có thể trừ được đại nhiệt ; *những vị để nhiệt bổ* như nhục-quế, phụ-tử để hồi dương.

Điều bổ là khí hư mà huyết chưa hư, hay huyết hư

mà khí chưa hư, hoặc hỏa hư mà thủy chưa hư, hay thủy hư mà hỏa chưa hư, thời ta bổ chỗ thiên lệch để cho được điều hòa.

Tư bổ là những chứng bệnh hư yếu đã lâu, mà bổ thong-thả cũng được, thời ta bổ dần dần để giúp cho nguồn gốc.

Tuấn bổ là bệnh nhân sáu bộ mạch trầm và vi nguyên dương muốn thoát, thời ta dùng gấp một vài vị thuốc có sức mạnh, như quế-phụ, và thục-địa, hoặc dùng thang thuốc lớn cho uống để giữ vững lại.

Tiếp bổ là bệnh nhân âm dương đều vong thoát, thời ta dùng ngay thuốc đại bổ, nhưng bổ phần nọ lại tiếp phần kia, mà không để gián đoạn, sao cho âm dương khí huyết được hòa-bình, hai chữ bổ tiếp là cơ-quan để chữa chứng nguy, cổ-thư chưa nói đến mà tôi xin bày tỏ ra vậy.

Tiên-sư có nói « những chứng vong dương mà mạch trầm và vi, tính mệnh như treo ở sợi tơ, thời tuấn bổ cũng vô ích, là vì những vị thuốc thảo mộc cũng phải nhờ chính khí của người, một khi chính khí không vững, thời sức thuốc không bồi bổ được, dù có vượng lên phần nào rồi lại suy yếu, vậy ta phải để tâm xét kỹ âm mạnh thời cứu dương, dương mạnh thời cứu âm, tiếp-tục không ngừng, không để chậm mà không để bên nào hơn lên, nhưng chứng vong thoát phải để ý về cứu dương, là vì dương khí trong người còn một phần nào cũng chưa chết được, nếu chỉ bổ âm thời âm khó sinh được dương, hơn nữa hỏa đã yên ở địa-vị, thời bách bệnh không sinh được, người làm thuốc phải để tinh-thần ở chỗ đó ».

TimSách

Chương 2.— **Những phương thuốc để chữa chứng hư yếu**

1.— Nhức đầu, đau mình, da thịt nóng như rang, mặt đỏ, phiền khát, trên giả nhiệt mà dưới thật hàn, hết thảy những chứng âm hư mà phát sốt, thời nên dùng *bài cứu-âm* (ở quyền khôn hóa). Nếu đau mình lắm là tinh huyết đều hư, mà gân cốt không gánh nổi, cũng chỉ dùng bài thuốc ấy mà thêm ngưu-tất, đỗ-trọng (tẩm muối và rượu sao) nhất thiết đừng cho là phong hàn.

2.— Những người sốt tự ra mồ-hôi, thân thể mỏi, gan bàn tay bàn chân nóng chợt có lúc lại lạnh, miệng không biết vị ăn, thế là nội thương về nguyên khí, thời nên dùng bài *Nhân-sâm dưỡng-vinh* (quyền khôn-hoá) bội thêm ngũ-vị bỏ trần-bì, hay là bài *Bổ-trung* thêm vị phụ-tử, có khát thêm mạch-môn, ngũ-vị, nhớ đừng dùng ngay quế và phụ để động đến long-hỏa.

3 — Ngoài biểu nóng như rang, tay không muốn để gần, tân dịch khô ráo, hình thể như củi khô, không mồ-hôi mà phiền khát, thế là âm khí hư không đạt được ra ngoài, thời nên dùng bài *Lục-vị* bội thục-địa, gia sài-hồ.

4.— Nguyên-khí hư yếu vừa, âm hàn lấn ở ngoài mà hiện ra mọi chứng dương hư, thời nên dùng bài *Cứu-dương* (quyền khôn-hoá) có đi tả mà đau bụng lắm thời dùng bài *Nhân-sâm phụ-tử lý-trung* thêm ngũ-vị.

5 — Tỳ vị hư yếu nguyên dương không có chỗ để tàng lạp mà nóng bốc lên (trào-nhiệt) không thôi, thời nên dùng bài *Bổ-trung ích-khí* gia phụ-tử, ngũ-vị.

Tìm sách

6.— Tỳ hư kém ăn vì dùng nhiều vị thuốc thơm và ráo, đến nỗi dương ở dạ-dày vượng quá, âm của tạng tỳ suy tổn, mà nóng ở trong bốc lên, miệng khô khát nước, hay dạ-dày khô ráo mà ăn vào lại oẹ, nên dùng bài *Bồi-thổ cố-trung* tôi mới đặt ra (quyển *Hiệu-phỏng*) thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất.

7.— Mạch thấy « hồng và đại » mà « sác » là chân âm không đầy đủ; mà giả dương bốc lên, vì long-hoả dông dở, mà trên nóng dưới lạnh, hiện chứng thời phiền khát mà không uống nhiều, môi khô, lưỡi nứt ra, cuống họng khô, cổ họng đau, thời nên dùng bài *Lục-vị* gia nhục-quế, mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất.

8.— Sáu bộ mạch « phù và đại » mà vô lực, bộ thốn bộ quan bên trái lại « tệ » hơn, thế là khí ở trong không đầy đủ mà vinh huyết lại thiếu, nên dùng bài *Dưỡng-vinh* bỏ trần bì thêm ngũ-vị.

9 — Sáu bộ mạch « tế và sác » ấn tay lâu không thấy có tinh thần, thế là âm dương đều háo, nên buổi sáng uống bài *Bát-vị*, buổi chiều uống bài *Nhân-sâm dưỡng vinh* bỏ trần-bì, hay là bài *Thập-toàn* bỏ xuyên-khung mà sinh-địa thay bằng thục-địa.

10.— Mạch hai bộ xích có lực, mà hai bộ thốn thời yếu lắm, ngoài thấy những chứng hư kiệt, hoặc tiết-tả hoặc đầy-chướng, thế là nguyên dương hãm trở xuống nên dùng bài *Bổ-trung ích-khí* gia phụ-tử, ngũ-vị,

11.— Mạch của tạng phế « hồng và đại », mà hiện chứng thời phiền khát ho đờm, thời nên dùng bài *Thập-toàn* bỏ xuyên-khung, hoàng-kỳ, thêm mạch-môn, ngũ-vị.

Tìm sách

12.— Sáu bộ mạch đều vô lực, phát sốt, đoản khí mỏi mệt mà sợ lạnh, thời nên dùng bài *Thập-toàn* bổ thục và thược.

13.— Sáu bộ mạch « hồng và đại » mà hữu lực, sốt nhiều, mặt đỏ, miệng khát, phiền táo, hoảng loạn, tuy là chân âm không đủ mà hư hỏa bốc lên, chứng ấy chớ cho là thương-hàn đã nhập lý, mà phát tán thời chết ngay, nên dùng bài *lục-vị* thêm mạch-môn, ngũ-vị.

14.— Sốt nhiều phiền khát, mà nửa người trở xuống sợ rét, chân lạnh, táo khát nhiều, hay là uống vào lại nôn, thời nên dùng bài *Lục-vị* gia mạch-môn, ngũ-vị, nhục quế, hơn nữa gia phụ tử nóng nguội.

15.— Nhiệt tà vào dạ-dầy làm tiêu hóa tân-dịch, thời không dùng được cầm, liên, tri, bá, mà chỉ nên dùng bài *Lục-vị* sắc uống thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, để cứu chân âm cho tạng thận.

16.— Chứng âm cực tựa như dương, bệnh-nhân thường muốn nằm ở nơi bùn nước, dù phiền khát mà không uống nhiều, mạch thời « hồng và sác » mà vô lực, thời nên dùng bài *Lục-vị* gia ngưu-tất, ngũ-vị.

17.— Sáu bộ mạch « trầm và vi » mà vô lực, là hiện tượng dương hư, thời nên dùng, sâm, truật, quế, phụ.

18.— Chứng âm hư phát sốt, thổ huyết, ho suyễn, thế là chứng hư lao đã nặng, nên dùng bài *Toàn-chân* bội mạch-môn, ngũ-vị.

19.— Vì lẽ âm của tỳ thận nên bổ mà hỏa ở tâm,

Tìm sách

phế nên dẹp đi, cho nên những chứng giả-nhiệt nên dùng bài *Toàn-chân* để bổ hỏa ở trong thủy, mà tàng dương khí ở trong tỳ thổ.

20.— Chứng âm hư sốt lâu, mỏi mệt không muốn ăn, ở trên sốt nhiều mà thở và khát, ở dưới hư hàn mà chân lạnh, nên dùng bài *Toàn-chân.*

21.— Chứng âm hư sốt nhiều, ngoài da như củi khô, tân-dịch háo kiệt mà không ra được mồ-hôi, thời nên dùng bài *Toàn-chân* giúp chân-thủy để phát hãn.

22 — Chứng khó nhọc tổn thương mà phát sốt, ho nhổ, thổ ra huyết, tựa sốt rét mà không phải sốt rét, biếng ăn, mỏi mệt, mạch thốn « hồng », mạch xích « yếu », nên dùng bài *dưỡng-vinh quy-tỳ.*

23.— Chứng cảm mạo tựa sốt rét mà không phải sốt rét, vì dương khí của tạng tâm tạng tỳ không đầy đủ, khí huyết đều kém, tự ra mồ-hôi ghê rét, lưng và ngang lưng đau, nên gia giảm mà dùng bài *Thập-toàn bổ-chính* (quyển Khôn-hóa)

24.— Sáu bộ mạch « trầm và vi », người sốt chân tay lạnh, phát cuồng nói mê, khát uống rất nhiều, nhị tiện đều bí, thế là âm phục ở trong, mà bức dương ra ngoài, nên dùng bài *Cứu-âm*, nếu tiết tả thời dùng bài *Cứu-dương.*

25.— Khi huyết hư yếu, mà phát ra chứng hư nhiệt, (sốt vì hư yếu) nếu đại hư nên dùng bài *Bát-chân*, nhưng phải xét là khí hư nhiều thời bội bài tứ-quân, huyết hư nhiều thời bội bài tứ-vật, cơ động huyết thời bỏ xuyên-khung, lại tùy tạp chứng để gia giảm.

Tìm sách

26.— Mình nóng mặt đỏ như son, hôn mê nói nhảm, tay chân cử động, mạch thời « hồng đại », đầy ngón tay của người bắt mạch lên, thần khí muốn thoát, thế là chân âm không giữ được, mà hư dương bốc lên, nên dùng bài *Bổ-âm liễm-dương an-thần* do tôi mới chế ra.

27.— Khó nhọc phát sốt hoặc tựa sốt rét, mà bởi âm phận hư thiếu, thời nên dùng bài *Thập-toàn đại-bổ* gia giảm, có động huyết bỏ xuyên, nhưng chứng nầy không nên thăng đề.

28.— Hỏa long-lôi bốc lên, bệnh nhân nóng, khát nước khác thường, nên dùng bài *Tư-thủy nhuận táo phương* thêm quy-đao, do tôi mới đặt ra để dẹp đi.

29.— Tạng tỳ và phế chân khí hư, vinh huyết cũng kém, sốt âm mồ hôi râm rấp, sắc sin, đoản khí, nên dùng bài *Nhân-sâm, dưỡng-vinh.*

30 — Vì tư lự quá mà tạng tỳ hư không giữ được chân huyết, phát sốt, mồ hôi trộm không ngủ được, và kinh sợ, nên dùng bài *Quy-tỳ* bỏ vị mộc-hương thêm vị đan-bì và chi-tử, hàn-nhiệt vãng lai thêm sài-hồ.

31.— Chứng sốt âm chưng chưng, mình tựa củi khô, tiểu-tiện đi luôn, đại-tiện táo kết, những chứng khô ráo như vậy, nên dùng *Tuấn bổ tinh huyết cao* do tôi mới chế ra để vãn hồi rất mạnh.

32 — Bệnh nhân mạch thốn và quan bên trái suy yếu, sốt âm chưng chưng, hay là sốt về chiều không ngủ được, phiền táo hoảng loạn, mồ-hôi trộm hoặc bởi thất huyết

Tìm sách

hiện ra chứng khô ráo tiều tụy, nên dùng bài *Hậu thiên lục-vị thang*, do tôi mới chế ra.

33.— Bệnh nhân bộ thốn và bộ quan bên phải « trầm mà vi » mà vô lực, người gầy sắc xanh, hoặc người béo mà yếu, đoản khí mỏi mệt, ăn không biết ngon, rất sợ phong hàn, dễ sinh đầy chướng, và tiết tả, hoặc tỳ-thổ hư không liễm được chân dương mà phát sốt phiền khát, v.v... nên dùng bài *hậu-thiên bát-vị-thang*.

Chương 3.— Bàn về phép bổ cho chứng thương-hàn

Chứng thương-hàn là mùa đông rét nhiều, bởi không biết giữ gìn mà hàn tà cảm vào, thành ra nhức đầu, đau mình, phát sốt ghê rét, rồi các chứng khác bởi đó thêm ra.

Thương-hàn cũng là chứng nguy, phép chữa rất khó, nhưng nếu biết yêu lĩnh thời cũng không khó gì, chỉ là đời xưa và đời nay có khác nhau mà thôi. Người đời xưa bẩm sinh khỏe mạnh nên hàn tà cũng dữ dội thời không cảm vào được, vì thế đã thụ bệnh là phải công phạt mạnh. Còn người đời sau bẩm sinh bạc nhược, lại thêm trác táng nhiều để hại nguyên khí, lo nghĩ nhiều để hại tâm-thần, đến nỗi khí huyết kém dần, âm dương suy tổn, thời tà khí dễ cảm vào, mà thuốc để chữa phải điều bổ mới trừ được.

Nội-kinh nói : « hàn tà cảm vào là chính khí đã yếu », vì thế dùng thuốc phải xét kỹ về khí huyết, âm dương, giúp chính-khí để tan tà-khí, mới là ổn đáng, nếu ta nệ

Tìm sách

về phép « lục kinh truyền biến » về đời thượng cổ để công phạt thời thuốc bổ cũng khó lấy lại, hàn lương dùng nhiều thời thuốc nhiệt cũng khó ôn được, đến nỗi tính mệnh phải tuyệt.

Vậy ta phải phân biệt bệnh nhân khí hư hay huyết hư, âm hư hay dương hư. *Những người huyết hư thời :* hình sắc gầy đen, cơ thể khô ráo, sốt nhiều không mồ-hôi, nóng ở trong mà phiền khát, về mạch thời « huyền hay hồng » hay « phù và sác », hai bộ xích thời hư yếu, huyết hư nhiều thời là âm hư. Chứng thương hàn về âm hư và chứng nội thương khó nhọc, tổn đến âm phận của tạng tỳ mà thêm ngoại cảm, thời nên dùng bài *Bổ-âm ích-khí thang.*

Còn người khí hư thời : nhan sắc trắng nhợt, nói nhẹ, đoản khí, tinh thần mỏi mệt, tự ra mồ-hôi, ghê người sợ rét, đại-tiện đường tiết, mà mạch thời « nhu và nhược », « trầm và vi », hai bộ thốn « đoản và tiểu » người khí hư lắm tức là dương hư. Khí đã hư thời phải bổ khí, mới có thể giải được ngoài biểu nên dùng bài *Bổ-khí tán-tà*, đàn bà trước lúc kinh nguyệt hay sau lúc sinh sản mà cảm ngoài tà, thời nên dùng bài *Dưỡng-huyết tán tà* thang » sau đây :

DƯỠNG HUYẾT TÁN-TÀ THANG : Quy 2 chỉ, thược 1 chỉ, chích-thảo hay sinh-thảo 1 chỉ, trần-bì 2 chỉ, sài hồ 3 chỉ, sinh-khương 3 phiến sắc uống... Nếu nhức đầu thêm xuyên-khung, đau mình thêm khương-hoạt, ọe thổ thêm bán-hạ, nóng mà khát thêm cát-căn, nhiệt vào nơi chứa huyết thêm sinh-địa và hoàng-cầm.

Tìm sách

Khí hư mà thương-hàn, hay là con trai ốm rồi lại khó nhọc, hoặc phạm phòng mà thêm ngoại cảm, nên dùng bài *Bổ-trung tán-tả* kê sau đây :

BỔ-TRUNG TÁN TẢ THANG : Bá-chính-sâm 5 chỉ, quy 3 chỉ (nếu đi tả thay bằng bạch-thược sao) trích-thảo, trần bì đều 1 chỉ, sài-hồ 3 chỉ, gừng 3 phiến, sắc uống. Nếu tả khí mới cảm mà nhức đầu, đau mình thêm xuyên-khung, phòng-phong, rét nhiều thêm quế-chi, nóng nhiều thêm hoàng-cầm, ho nhiều thêm hạnh-nhân, cát-cánh, khát nhiều thêm mạch-môn, thiên-hoa, mồ-hôi nhiều thêm hoàng-kỳ, bạch-truật, trong bụng phiền nhiệt gia quế-chi, trúc-nhự.

Khí huyết đều hư mà phát sốt, hay là sốt rét lâu không khỏi, nên dùng bài *Song-bổ tán-tả thang* (tức là bài ngũ-sài-hồ ở bộ cảnh-nhạc tân-phương bát trận) kê sau đây :

SONG-BỔ TÁN TẢ THANG : đương-quy, bạch-truật đều 2 chỉ, bạch-thược 1 chỉ rưỡi, chích-thảo 1 chỉ, sài-hồ 3 chỉ sắc nước uống nóng sau khi ăn cơm đã lâu.

Chứng dương hư mà thương-hàn, và chứng nội thương khó nhọc hại đến vị-khí mà thêm ngoại cảm, nên dùng bài *bổ-trung* mà theo chứng bệnh để gia giảm.

Người âm dương đều hư, hay già yếu mà thương hàn, nên dùng bài *Thập-toàn bổ-chính*, thêm sài-hồ, sinh-khương để tán tả.

Chân âm hư hàn mà thương hàn, là người vốn vất vả mà chợt cảm hàn tà, hoặc phát sốt, nhức đầu, đau

Tìm sách

mình, hay mặt đỏ, lưỡi khô, dù khát mà không muốn uống nước lạnh, dù nóng mà muốn mặc áo, như thế đều là giả nhiệt, nên dùng bài *Trợ-âm tán-tà* sau đây.

TRỢ-ÂM TÁN-TÀ THANG: Thục 5 chỉ, quy 3 chỉ, can-khương 2 chỉ, chích-thảo 1 chỉ, thêm nhục-quế 2 chỉ sắc uống. Để ôn bổ âm phận thời tà khí phải lui (bài nầy tức là bài *Lý-âm* nếu thêm phụ-tử thời gọi là *Phụ-tử lý-âm thang*, thêm nhân-sâm thời gọi là *Lục-vị hồi-dương ẩm*).

Người dương hư mà thương-hàn hay là người bẩm sinh bạc nhược mà chợt cảm âm-hàn, mình tuy nóng mà sợ rét, dù mùa hè cũng muốn mặc áo đắp chăn, hay là lợm lòng nôn ọe, đi tả, hoặc chân tay giá lạnh, đều là chứng hư-hàn, nên dùng ngay bài *Phù-dương tán-tà* thang sau đây:

PHÙ DƯƠNG TÁN-TÀ THANG: Sâm 2 chỉ, truật 5 chỉ, thục 5 chỉ, quy 2 chỉ, (nếu đi tả thì thay bằng hoài-sơn), ma-hoàng 2 chỉ, trích-thảo 1 chỉ, sài-hồ 4 chỉ, nhục-quế 2 chỉ, can-khương 2 chỉ, gừng 3 phiến, sắc rồi gạt bọt ở trên mà uống, để ôn bổ dương phận thời hàn tà tự lui (bài nầy tức là bài *ôn-trung* ở bộ Cảnh-nhạc tân-phương bát-trận).

Hai bài trên, 1 bài để bổ âm, 1 bài để bổ dương, mà đều dùng ôn để tán tà, là bài thuốc cần để chữa về thương hàn hư chứng.

Xem thế thời thương hàn mà là hư chứng vẫn nhiều, tôi đã bàn ở những đoạn trên, còn về thực chứng rất ít.

Tìm sách

Những thực chứng kể sau : người nào bẩm sinh khoẻ mạnh khí huyết hòa bình, không bởi khó nhọc hay lo nghĩ mà tà khí mới cảm, nhức đầu, đau mình, phát sốt, ghê rét, rõ ràng là biểu chứng mà gặp về mùa đông, hay là gặp thời tiết lạnh nhiều, thời nên dùng « Ma quế thang » sau đây.

MA-QUẾ THANG : Nhục-quế 3 chỉ, dương-qui 3 chỉ, trích-thảo 2 chỉ, trần-bì 1 chỉ, ma-hoàng 2 chỉ.

Nếu về 3 tháng cuối mùa hay là thời tiết thấp nhiệt nhiều, thời nên dùng bài *Chính-phòng-phong-ẩm*, hay là bài *Cửu-vị khương-hoạt thang*, hay là bài *Nhân-sâm bại-độc-tán* là tùy chứng để tán tà ở ngoài biểu.

CHÍNH-PHÒNG-PHONG-ÂM : Phòng-phong, khương-hoạt, độc-hoạt, xuyên-khung đều bằng nhau, sắc uống nóng.

CỬU-VỊ KHƯƠNG-HOẠT-THANG : Khương-hoạt, bạch-chỉ, hoàng cầm, thương-truật, tế-tân, xuyên-khung, phòng-phong, cam-thảo, sinh-địa, các vị tùy nhiều ít.

NHÂN-SÂM BẠI-ĐỘC-TÁN : Nhân-sâm, can-khương, khương-hoạt, nhục-quế, sài-hồ, độc-hoạt, chỉ-xác, xuyên-khung, phục-linh, cam-thảo, gừng 3 phiến.

Như trên thời phép chữa ngoại-cảm phải xem tà khí thiển hay thâm, chính khí hư hay thực, tà khí thiển hay thâm, thời phát tán có khác nhau, chính khí hư hay thực thời công hay bổ có khác nhau, mà hư vừa thời bổ vừa hư lắm thời bổ mạnh, chính khí thực mà tà còn thiển thời phát tán ở bì mao, chính khí hư vừa mà tà mới

Tìm sách

thâm nhập thời phát tán ở cơ-nhục, chính khí hư lắm mà tà đã thâm nhập thời phát tán ở tạng phủ. Như bài *Ma-quế*, bài *Phòng-phong*, bài *Bại-độc*, bài *Khương-hoạt*, đều là tán tà ở bì phu, và cơ nhục như bài *Bổ-khí tán-tà*, bài *Bổ-âm ích-khí*, v.v... đều là tán tà ở tạng phủ.

BỔ-ÂM ÍCH-KHÍ THANG : sâm, quy, đều 2 chỉ, hoài-sơn 2 chỉ, thục-địa 5 chỉ, trần-bì, chính-thảo đều 1 chỉ, thăng-ma 5 phân (nếu hoả bốc lên trên thời bỏ thăng-ma) Sài-hồ 2 chỉ (Nếu không có ngoại tà thời bỏ đi), sinh-khương 3 phiến, bài này là thuốc để tán tà khí đã ở kinh lạc, rồi đem *bài Trợ âm tán tà thang*, bài *Phù-dương tán-tà thang*, bài *Thập-toàn bổ chính* thang đều là thuốc phát tán để đuổi tà khí ở tạng-phủ, yếu lĩnh để chữa thương-hàn, bất ngoại những bài thuốc đã kể ở đoạn trên.

Còn như chứng hư yếu mà giống như thương-hàn, đó là nội thương mà phát nhiệt, mà không có ghê rét, đau mình, thời ta không nên nhận là tà ở ngoài biểu mà nống làm thuốc phát tán. Hơn nữa chứng thương-hàn bệnh đã lâu, mà thuốc về hư chứng, nếu ta còn trục tà hay công tà, thời bệnh nhân lại hư yếu thêm vào nguy vong, đến ngay.

Hai chứng vừa kể ở trên, ta phải xét kỹ mà chữa, nếu là huyết hư mà phát sốt và chứng sốt từng cơn (trào-nhiệt) thời nên dùng bài *bổ-huyết thanh-cơ thang* sau đây.

BỔ HUYẾT THANH CƠ THANG : Sinh-địa 2 chỉ, có khi thay bằng thục-địa. Bạch-thược 2 chỉ, xuyên-khung 1 chỉ, mẫu-đơn, đan-sâm đều 1 chỉ rưỡi, sắc uống. Nếu nóng ở trong gia chi-tử, nóng mà không có mồ-hôi gia sài-hồ, bạc-hà.

Tìm sách

trào nhiệt nhiều mồ-hôi gia tang-diệp, bụng phiền không yên gia táo-nhân, viễn-chí, huyết hư mà hàn khí bốc ra ngoài, thời bỏ sinh-địa, gia bắc-can-khương 2 chỉ.

Khí hư mà trào nhiệt nên dùng bài « *Bổ-khí thanh-cơ* » thang tức là bài tứ-quân gia sa-nhân, mạch-môn đều bằng nhau sắc uống (dịch theo bản chữ hán nhưng 2 chữ sa nhân có lẽ không đúng).

Khí huyết đều hư thời hợp bài bổ-khí thanh-cơ, mà tùy nghi gia giảm.

Nội thương hay khó nhọc mà tổn đến chân âm của tỳ thận mà phát sốt, thời nên dùng bài *Bổ-âm thoái-lao thang.*

BỔ ÂM THOÁI LAO THANG : Thục 2 chỉ, sâm 1 chỉ rưỡi, quy, hoài đều 1 chỉ, trần-bì 8 phân, trích thảo 5 phân, mạch-môn 1 chỉ, ngũ-vị 3 phân, sắc uống lúc còn ấm.

Nội thương hay vất vả mà tổn hại đến dương khí của phế thận mà phát sốt, thời nên dùng bài *Bổ-dương thoái-lao thang.*

BỔ DƯƠNG THOÁI LAO THANG : Sâm 2 chỉ, kỳ 3 chỉ, quy và truật đều 2 chỉ, chích-thảo 5 phân, mạch-môn 1 chỉ, trần-bì 8 phân, ngũ vị 3 phân, đại táo 3 quả sắc uống. Nếu khó nhọc và sốt nhiều gia phụ-tử 5 phân.

Vì tư-lự tổn-hại đến thần-khí, kinh sợ, phiền muộn, mà phát sốt, xét thấy hư yếu về khí phận, thời nên dùng bài « *Quy-tỳ* » (quyển Khôn-hóa). Xét thấy hư-yếu bởi huyết phận thời nên dùng bài « *Ích-vinh bổ-tâm thang* ».

Tìm sách

ÍCH VINH BỔ TÂM THANG : Thục 2 chỉ, bạch-thược, phục-thần đều 1 chỉ rưỡi, đương-quy, tảo-nhân đều 1 chỉ, nhân-sâm, mạch-môn đều 5 chỉ, viễn-chí 5 phân, ngũ-vị 15 hột sắc uống. Nếu tâm và tì đều suy thời 2 bài hợp lại mà dùng, mà tùy chứng gia-giảm.

Lại có người lo nghĩ thái quá, đến nỗi khí-huyết hư tổn mà phát sốt, thời nên dùng bài Nhân-sâm dưỡng-vinh, bài thập-toàn bổ-chính. Lại có 2 chứng trong chân âm và trong chân dương, nhiều người không biết đến nỗi dùng thuốc nhầm, chứng ấy tựa như thương-hàn cũng nhiều, mà tựa nhiệt bệnh cũng nhiều. Nay tôi phân biệt kỹ như sau :

1. - Âm ở trong âm hư yếu, phần nhiều bởi chân âm suy kiệt, hay là bởi thận thủy suy kém, mới phát sốt, nhức đầu, mặt đỏ, phiền táo mà khát, tân-dịch khô ráo, môi se, lưỡi nứt ra, ho đờm, nhị tiện bế, mạch phù và sác, mà bộ xích bên trái vô lực hay là hư và nhược, hoặc tế mà sác, chứng ấy mà cho là thương hàn, dùng nhầm những thuốc phát tán hay công hạ, thời chân âm càng háo mà dương càng bốc lên, nóng khát không chỉ, tâm thần hỗn loạn, nói mà không yên, đó đều là chân âm hư, phải dùng ngay bài « *Cứu-âm tiếp dương* » sau đây :

CỨU-ÂM TIẾP-DƯƠNG THANG : thục 4 chỉ, thược và mạch-môn đều 2 chỉ, ngưu-tất, mẫu-đơn, đan-sâm, phục-linh đều 1 chỉ rưỡi, thán-khương 5 phân sắc uống, nếu tâm thần bất định gia phục-thần, viễn-chí đều 1 chỉ rưỡi, nếu hư phiền không ngủ-gia tảo-nhân 1 chỉ rưỡi, nếu nguyên-khí cũng hư yếu gia sâm 3 chỉ, tùy khí yếu gia bạch-truật 3 chỉ, mà bớt bạch-thược, bỏ mẫu-đơn, hỏa nhiệt nhiều gia huyền-sâm 3 chỉ.

Tìm sách

2.— *Dương ở trong dương hư yếu*, phần nhiều bởi dương kém và thận thủy suy, hỏa không về chỗ, đến nỗi phát sốt hay ráo khát, mặt đỏ, phiền-táo, hoặc cuống-họng đau, đờm suyễn, hoặc trên giả-nhiệt và dưới thật hàn, hoặc trong thật hàn mà ngoài giả nhiệt, về mạch thời phần nhiều phù và sác, bộ xích bên phải vi và tế mà vô lực, hay là trì và sác, chứng ấy nếu cho là thương hàn mà phát tán hay công hạ, đến nỗi hư hỏa càng bốc lên, mà hư nhiệt không lui nói mê không ngớt, phiền táo kinh cuồng, tinh-thần mỏi mệt, nóng mà không khát, hoặc khát mà không nóng nhiều, tiếng hỏ đoản khí, người cuồng táo, cử động yếu, nói mê nhảm, như vậy là chứng dương hư thời nên dùng bài « *Cứu-dương tiếp-âm* » đem hỏa xuống để trừ nhiệt.

CỨU-DƯƠNG TIẾP-ÂM THANG : Sâm 1 lạng, thục 6 chỉ, quy 2 chỉ, thán-khương 3 chỉ, phụ-tử 1 hay 2 chỉ, ngưu-tất 2 chỉ, phục-linh 1 chỉ rưỡi, ngũ-vị 5 phân. sắc uống. nếu đi tả bỏ quy và ngưu-tất thêm bạch-truật 3 chỉ chích-thảo 1 chỉ, hư-hàn lắm gia quế 1 chỉ, thịt máy hay là mỡ nội nhiều thêm hoàng-kỳ 3 chỉ.

Ngoài ra, còn có chứng chân âm chân dương đều hư yếu, mà mạch thời « huyền mà sác », « tế mà sác », mà hai bộ xích đều « vi mà nhược », thế là âm và dương đều hư lắm, nên dùng ngay bài *Toàn-chân nhất-khí*.

Chương 4.— Bàn về chứng thương-hàn di lỵ và phép chữa

Nếu bởi nhiệt tà thời tất nhiên phiền táo, sốt nhiều,

Tìm sách

uống nhiều nước lạnh, về mạch thời « hồng và hoạt », « sác mà thực », xét thấy ngoài biểu trong lý đều nhiệt, thời nên dùng bài « *Sài-linh-tiên* » : Sài-hồ 3 chỉ, hoàng-cầm, chi-tử, chạch-tả, mộc-thông đều hai-chỉ, chỉ-sác 1 chỉ rưỡi, sắc nước uống

Xét thấy nóng ở trong nhiều, thời uống bài *Thanh-lương-ẩm* : sinh-địa, phục-linh, bạch-thược, đương-quy, chạch-tả đều 2 chỉ, cam-thảo 1 chỉ, hoàng-cầm 1 chỉ rưỡi, chỉ-sác, hoàng-liên đều 1 chỉ, sắc uống

Còn như chân tay giá lạnh, sợ rét, đau bụng, mạch thời « trầm hay vi hay tế ». Lỵ có khi đi ra cả cơm, nhưng mạch « sác » va về lực, người nóng mà không sợ rét, miệng khát mà không uống nước nguội, như vậy là hư-hàn, bệnh nhẹ thời dùng bài *Lý-trung* hay là bài *Ôn-vị*, mà nặng thời dùng bài *Vị-quan* hay bài *bát-vị*, gia thăng-ma. Nếu kiêm cả sốt và ghê rét gia sài-hồ 3 chỉ.

Chương 5.— Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngực và phép chữa

Những chứng thương-hàn kết ở ngực (kết hung), tất nhiên bụng đầy chướng rắn mà đau không muốn xoa, lại thêm phiền táo, thế là vị khí sắp tuyệt, chứng ấy rất khó chữa, là bởi tân-dịch kiệt thời ngũ tạng tuyệt, mới thành kết ở ngực, phép chữa phải công ở trong mà sinh tân-dịch, thời may mới khỏi được, nên dùng bài *Hóa-kết thang*.

HÓA KẾT THANG : thiên-hoa 5 chỉ, chỉ-sác 5 chỉ, mạch-nha, thiên-môn, thần-khúc, tang-bạch-bì đều 3 chỉ, sắc nước uống.

Tìm sách

Chương 6.— **Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngũ tạng và phép chữa.**

Chứng thương hàn có khi kết ở tạng-phủ và bụng dưới, hay là hai bên rốn, rồi đau dắt dây ra, đến nỗi cạnh-sườn và gân cũng đau, chứng ấy nếu thấy gân xanh nổi lên là chết, là vì âm tà kết ở âm-phận, nhưng không có hiện chứng ở ngoài biểu, thời không thể chữa được ở ngoài biểu, mà phải lên công ở trong lý, dùng bài *tán-kết cứu-tạng thang* sau đây, để bổ chỗ hư thiếu trong chân-âm, dùng những vị thuốc chục hàn tà thời âm tà tán đi mà chứng kết mới khỏi.

TÁN-KẾT CỨU-TẠNG THANG : Sâm, quy đều 1 lạng, phụ-tử 1 lạng, bạch-truật 5 chỉ, cam thảo, chích 3 chỉ, nhục-quế 5 phân sắc uống nóng, cách xa lúc ăn cơm. Bài này dùng vị bạch-truật để lợi khí cho xương sống và ngang lưng, dùng sâm để cứu nguyên-dương, dùng quy để hoạt huyết, dùng cam-thảo để hòa trung-châu và chữa đau, dùng quế, phụ để tán hàn, trong ngực đã ôn-thời kết tẩn đi, bài này thật là thần-hiệu.

Chương 7.— **Bàn chứng thương-hàn phát cuồng và phép chữa.**

Thương-hàn mà phát cuồng là bởi nhiệt tà mạch quá, cho nên trèo cao mà hát, bỏ áo mà chạy, chửi mắng cả người thân thích, khát mà uống nhiều, mạch có lực, thế là nhiệt tà lấn lên tâm-phế, mà thần-trí hỗn loạn, nên dùng bài « *Khử-nhiệt định-cuồng thang* »

Tìm sách

Nhưng trong thực có hư, trong hư có thực, nếu không biết phân biệt thời không khỏi tai vạ.

KHỬ-NHIỆT ĐỊNH-CUỒNG THANG : thạch-cao, huyền-sâm, đều 2 lạng, phục-thần 1 lạng, tri-mẫu, sa-sâm đều 3 chỉ, mạch-môn 2 lạng, sa-tiền 5 chỉ, sắc uống.

Chương 8. – **Bàn chứng thương-hàn phát ban và phép chữa.**

Chứng thương-hàn phát ban, phần nhiều như lên sởi, có khi như là hoa gấm, có người phát khắp thân-thể, có người phát ở ngực, đều bởi nhiệt độc không giải được, nên dùng bài « *thanh-nhiệt hóa-ban thang* ».

THANH-NHIỆT HÓA-BAN THANG : Huyền-sâm 2 lạng, đương-quy 1 lạng, thiên-hoa-phấn 5 chỉ, thăng-ma, kinh-giới, phục-thần đều 3 chỉ, hoàng-liên, cam-thảo đều 1 chỉ, sắc uống.

Chương 9.— **Bàn chứng thương-hàn phát phiền và phép chữa.**

Chứng thương-hàn phát phiền, đều bởi nóng lâu hại chân-âm, hư-hỏa xông trở lên, có khi diện bộ và tai cổ nề đau, về những chứng ấy, đều thuộc về tạng thận, nên dùng bài « *Tư âm-hóa độc thang* ».

TƯ ÂM HÓA ĐỘC THANG : Thục-địa, mạch-môn, bối-mẫu, bạch-thược, liên-kiều, cam-thảo, cát cánh, thanh-bì, sài-hồ, sắc uống.

TìmSách

Chương 10.— **Bàn về chứng thương-hàn phát nề và phép chữa.**

Chứng thương-hàn phát nề phần nhiều bởi lúc nóng uống nhiều nước mà đình lại, hay là trào-nhiệt chưa khỏi lại bị thương về ăn-uống tích-tụ đến nỗi quanh ở rốn ngưng kết, lâu dần thành ra chứng nề. Cổ thư có nói : « nề là thực chứng bởi về thủy, phép chữa nên tiên tích trước và thêm những vị để lợi tiểu-tiện thời có thể khỏi được », nên dùng bài « *Sài-linh bình-vị ẩm* » mà hàn nhiều ra quế, nhiệt nhiều gia hoàng-cầm. Nếu bởi tỳ-vị đều hư yếu, kém ăn nôn oẹ mà phát nề, nên dùng bài « *Lục-quân thang* » gia sa-nhân thần-khúc. Nếu thương hàn đã khỏi mà dương khí hãm trở xuống hai chân hơi nề, thời nên dùng bài « *Bổ-trung ích-khí* » thêm bán-hạ, phục-linh. v.v... Nếu đến khi âm dương suy kém tỳ-vị hư yếu nhiều mà ngang lưng và ống chân nề đau, đại-tiện đường tiết, tiểu-tiện bế sáp, thời nên dùng bài « *Kim-quỷ-thận-khí-thang* » (1) « *Sài-linh-bình-vị-ẩm* », xương-truật, hậu-phác, trần-bì dùng nhiều hơn, bạch-truật, phục-linh, chư-linh, sài-hồ, sơn-tra, mạch-nha, thần-khúc, nhân-sâm, bán-hạ, cam-thảo, sắc-uống.

Chú giải của dịch giả : 1) bài này không thấy kê tên những vị thuốc, nhưng theo nhà thuốc thường dùng thời bài kim-quỷ-thần-khí tức là bài lục-vị gia sa-tiền, ngưu-tất, thời đối với án bệnh kể trên đây là bệnh nhân đại tiện đường tiết tựa như không hợp, nhưng cứ dịch theo nguyên văn.

Tìm sách

Chương 11.— Bàn về chứng rét và nóng (hàn-nhiệt)

Bệnh thương-hàn có rét và nóng là bởi âm dương một bên thắng lên, cổ thư có nói : « dương hơn lên thời nhiệt, âm hơn lên thời hàn », cho nên sách thuốc thường nói : « phát sốt sợ rét là phát ở dương-phận, không nóng sợ rét là phát ở âm-phận », lại nói : « nóng thời hại khí, rét thời hại huyết », như vậy thời hàn nhiệt ở ngoài đến là ngoại cảm phong tà, hàn nhiệt ở trong ra là nội thương khí huyết, nguyên nhân không giống nhau, nên phải xét về biểu-lý hư thực...

Tuy là dương chứng thời nóng nhiều, âm chứng thời rét nhiều, nhưng nóng nhiều lại sinh ra chứng hàn, rét nhiều lại sinh ra chứng nhiệt, thời trong đó thật hay là giả cũng không thể không phân biệt. Tuy là tà ở ngoài vào phần nhiều là ở trong không đầy đủ, nhưng dương thịnh sinh ra nóng ở ngoài, dương hư sinh ra rét ở ngoài, âm thịnh sinh ra nóng ở trong, âm hư sinh ra nóng ở trong, thời trong đó hư hay là thực cũng cần phải xét rõ. vậy đã xét về bệnh chứng lại phải căn cứ vào mạch lấy tinh thần mà phân biệt mới tránh khỏi sai lầm.

Chương 12.— Bàn về chứng hàn nhiệt vãng lai (rét và nóng trở đi trở lại) và phép chữa.

Chứng này chia ra làm hai. có người vì ngoại cảm không giải được, có người vì âm thịnh dương hư, một bên là biểu chứng, một bên là lý chứng, phải nên phân biệt cho kỹ, về biểu chứng thời bởi hàn-tà uất ở kinh-lạc mà nóng rét tựa như sốt rét mà không phải sốt rét,

Tìm sách

nếu là huyết phận hư mà hỉnh và khí không yếu lắm, thời nên dùng bài « *Dưỡng-vinh tán-tà thang* ». Nếu là hỏa thịnh huyết ráo mà hàn nhiệt không ngừng, cũng dùng bài kể trên mà thêm hoàng-cầm, sinh-địa. Hoặc vì khó nhọc, vì người yếu mà tà khí không trục được, nên dùng bài « *Bổ khí tán tà thang* » hay là bài « *Bổ trung ích-khí thang* », mà hàn nhiều gia khương, quế. Hoặc dương tà hãm vào âm phận cùng thêm nóng ở trong mà âm tà không giải được, nên dùng bài « *Bổ âm ích khí* ». Nếu ốm lâu hư yếu quá mà hàn nhiệt không lui thời nên dùng bài « *Thập-toàn đại-bổ* » hay bài « *Nhân-sâm dưỡng-vinh.* »

Về lý chứng thời là âm hư dương thắng hay là âm dương đều hư mà hàn nhiệt vãng lai, nếu là âm hư dương thịnh mà hàn nhiệt không ngừng, thời nên dùng bài « *Bổ âm chấn dương thang* » (quyển Huyền-tẫn) thêm vị địa-cốt-bì. Nếu âm thịnh dương hư mà đường tiết hay ọe ngược lên, nóng từng cơn mà đêm phiền, thời nên dùng bài « *Cứu dương chấn âm thang* » (quyển Huyền-tẫn). Còn như đàn bà hay uất hay giận mà hàn nhiệt không ngừng, thời nên dùng bài « *Gia-vị tiêu-giao* » tán, đương-quy, bạch-truật, phục-linh, bạch-thược, sài-hồ, đan-bì, chích-thảo, chi-tử, trần-bì, bạc-hà, gừng-sao, sắc uống.

Trẻ em tỳ vị thụ thương âm hư hỏa bốc lên mà trào nhiệt (nóng từng cơn) về đêm buồn bực thời nên dùng bài *Lục thần tán* (quyển Khôn-hóa) hay là bài *Ôn-vị ẩm*, nếu thêm âm phận không đầy đủ thời nên dùng bài *Trị-âm thang*.

Tìm sách

Chương 13. – **Bàn về chứng hàn nhiệt thực hay giả và cách chữa**

Chứng hàn nhiệt mà thực hay giả không thể không biết được. Chứng thật-nhiệt cổ nhân bảo là nhiệt-tà chuyển kinh. Chứng ấy nóng nhiều khát nhiều, miệng khô, lưỡi rạn, đầy-chướng, nói mê, mà mạch thời « hoạt, thực » mà có lực, nếu nhẹ thời dùng bài *đại Sài-hồ-thang*, nặng thời dùng bài *Hoàng thạch-cao*. Chứng thật là hàn cổ nhân gọi là chứng truyền kinh trực trúng, thời chân tay giá lạnh, thổ hay là đi cầu mà không khát, nét mặt xanh buồn, mạch thời « trì và nhược » mà vô thần, bệnh nhẹ thời uống bài *Lý-trung thang*, mà nặng thời thêm phụ-tử.

Chứng giả nhiệt là thủy cực mà tựa như hỏa, người vốn hư hàn mà chợt cảm hàn tà, hay là vì khó nhọc, vì tửu sắc, vì thất tình, hoặc uống lầm thuốc hàn lương, thời cũng phát nhiệt, mà không phải là hỏa chứng. Chứng ấy cũng mặt đỏ phiền táo, cũng tiểu-tiện đỏ mà sẻn, cũng đại-tiện không lợi, cũng đoản khí, cuống-họng cũng sưng đau, mà mạch thời « khẩn và sác, » người không biết nhận là thực nhiệt, mà cho uống thuốc hàn-lương thời chết, đó là người nóng mà trong bụng lạnh cách dương ra ngoài, hoặc hư dương không liễm được, ta phải xét dù khát mà không ưa nước lạnh lại không uống nhiều, hoặc đại-tiện không thực, hoặc lúc trước đi rắn phân mà sao lại lỏng, tiểu-tiện trong mà đi luôn mà vàng hay đỏ, hoặc đoản khí ngại nói, hoặc nét mặt vàng mà xỉn, hoặc tinh thần kém, sắc mặt mờ tối, hoặc đứng lên ngồi xuống như người cuồng, nhưng ngắn ấm thời thôi, khác với chứng thực nhiệt mà trèo lên cao đề chửi

Tìm sách

mắng như vậy là hư cuồng. Mạch của chứng giả nhiệt thời « trầm, tế, trì, nhược, » hay là « phù, đại, khẩn, sác » mà vô lực vô thần, phép chữa phải cho uống bài *Bát-vị hồi dương*, tức là bài *Bát-vị* mà bội thục-địa, để dẫn hỏa quy nguyên, dương khí đã trở lại thời nóng phải lui mà khỏi bệnh.

Chứng giả hàn là hỏa cực mê tựa như thủy, bệnh nhân gặp tà độc rồi uống lầm thuốc phát hãn hay thuộc hạ, đến nỗi dương khí mạnh quá mà mất phục ở trong, thế là nhiệt-tà vào trong lý, mà phát ra những chứng người sốt, chân tay lạnh, hôn trầm, có khi sợ rét, tựa như âm-chứng, nhưng ta phải biết bệnh thật là hàn thời sợ rét, mà giả-nhiệt cũng sợ rét, cổ-thư đã nói : « nóng nhiều thời giả lạnh cũng nhiều » và nói « nóng cực độ thời lại miệng ra lạnh chứng, » về chứng ấy tất là tiếng nói mạnh, hơi thở to, cử động có lực, hoặc môi se, lưỡi đen, khát uống nước lạnh mà uống nhiều đại-tiện táo kết, tiểu-tiện đỏ ma sẻn, hoặc vì uống nhiều thuốc lầm đến nỗi đi ly ra nước trong mà vẫn có phân khô, và thất khí (trung tiện) rất hôi. Lại xét về mạch thời « trầm hoạt » mà có lực, phép chữa lên dùng bài *Đại-sài-hồ* để giải mà hạ đi, đại tiện không thời dùng bài *Bạch-hổ-thang*, v.v... Như vậy thời nóng ở trong lui, mà hàn ở ngoài tự khỏi.

Chương 14.— **Bệnh chứng của trẻ em và phép chữa.**

1.— Trẻ em nóng dữ dội hay là nóng lâu, hình thể khô ráo. Răng khô mà đen, môi, lưỡi ráo mà nứt, tai

điếc, mắt mờ, mình đau, không mồ-hôi, nói mê phiền táo, mạch « trầm và vi » mà muốn thoát nên dùng bài *Tráng-thủy ích-hỏa.*

2.— Trẻ em **cảm mạo phát sốt** da se **không mồ-hôi, hoặc nôn** oẹ **phiền khát**, hoặc đoản khí như người sưng **mà không** phải sưng, hoặc như yếu quá như người kinh **mà không** phải kinh, nên **uống** bài *Nhất khí thang.*

3 — Trẻ em ăn **nhiều thức** mau **tiêu**, **lắm nỗi**, số **nhiều mà** cơ-nhục bì-phu **khô** ráo, hoặc khát hoặc oẹ **hẹn chứng** là âm của tạng tỳ **hư** yếu, thời nên dùng bài *Bổi-thổ cố-trung* do tôi mới đặt ra. Nếu **khát gia** mạch-môn, **ngũ-vị, hư chướng** (đầy chướng mà **không** có gì), **thêm phụ-tử, khát không ngừng thêm Ô mai.**

4. - Trẻ em **sốt dữ dội phiền khát**, phát ban, nên dùng bài *Nhất-khí* bỏ sâm, hội thục.

Chương 15 – Những bài thuốc chữa về chứng hư.

1.— Bài « *Bổ-trung ích-khí* » **sắc uống** lúc **ấm** để **chữa chứng** khó nhọc hay nội thương, người sốt, **bụng phiền, nhức đầu**, sợ rét, **ngại nói, quên ăn**, mà mạch thời « hồng và đại » mà « hư », chứng ấy hoặc **suyễn** hoặc khát, hoặc tự ra mồ-hôi hoặc khí hư **không** giữ được huyết, hoặc sốt rét lâu bởi tỳ hư mà **không khỏi**, các chứng bởi thanh dương hãm trở xuống, mà khí ở trung-châu **không đầy đủ.**

2.— Bài « *Lục-vị địa-hoàng thang* » **sắc uống** lúc còn **ấm, để chữa chứng can và thận không đầy đủ, chân âm**

Tìm sách

suy tổn, tinh huyết khô kiệt, gầy yếu tiểu tụy, lưng đau, chân mỏi, tự ra mồ-hôi, hay là mồ-hôi trộm, thủy dềnh lên mà thành đờm phát sốt, ho nhổ, váng đầu, hoa mắt, tai ù, tai điếc, di tinh, tiện huyết, tiêu-khát hay lâm-lịch, mất tiếng, hay là huyết đi đông mà thất-huyết, lưỡi khô cuống-bọng đau, vì hư hỏa mà chân răng đau, hạ-bộ lở ngứa, những chứng trên đều nên dùng bài lục-vị.

3.— Bài « *Bát-vị địa-hoàng thang* » : sắc uống để chữa chứng tướng-hỏa không đầy đủ, mà hư yếu thiếu lực, mạch bộ xích yếu, đó là thêm cho hỏa để tiêu bớt âm ế (trọc khí) đi.

4.— Bài « *Phụ-tử lý-trung thang* » : sâm, truật, bào-khương, trích-thảo, phụ-tử, sinh-khương và đại-táo sắc uống, để chữa chứng thương hàn, bệnh về kinh thái-âm đi cầu lỏng mà không khát, oẹ về chứng hàn, đau bụng phân đi vẫn vàng, hoặc chân tay giá lạnh co quắp, hoặc kết ở ngực hay thổ ra giun, hoặc chứng hàn mà đau bụng, hắc loạn mà mạch thời trầm mà vô lực, nếu đi cầu tiết tả và đau bụng, thêm mộc-hương, đi tả nhiều bội bạch-truật, khát nhiều bỏ bạch truật.

5.— Bài « *Quy tỳ* » (ở quyển Khôn-hóa) để chữa chứng tư lự hay khó nhọc mà hay quên, kinh sợ, phát sốt, mồ-hôi trộm, người mệt, ăn ít, ít ngủ, hay là tạng tỳ hư yếu, mà không giữ được chân huyết, đến nỗi huyết đi đông dở và đàn-bà kinh sợ, v.v...

6.— « *Dưỡng dục phương* » : Thục, truật, thược, linh, mạch-môn, ngưu-tất, ngũ-vị, phụ-tử, ô-dược, sắc rồi thêm một chút nước gừng sống, rồi hòa vào mà uống, để chữa

Tìm sách

chứng âm dương của tạng tỳ tạng thận không đủ, khí huyết kém sốt vừa mà sợ rét, hay là đau bụng biếng ăn, hoặc xương đốt đau tê, v. v...

7. — « *Tiêu-dao tán* » : quy, truật, thược, linh, sài-hồ, bạc-bà, trần-bì, chích-thảo, gừng và đại-táo, sắc uống, hoặc thêm vị thiên-hoa, mẫu-đơn huyền-hồ phiến-cầm, hồng-hoa. Để chữa chứng nóng từng cơn trở đi trở lại, miệng khát, đại-tiện táo, kinh nguyệt không đều, và khí huyết hư mà có mồ-hôi (nếu không mồ-hôi thời bài này càng hay), và đàn bà hành kinh mà phát sốt. Bài này bỏ vị bạch-truật thêm vị đan-bì, vị chi-tử, thời gọi là bài *Bát-vị tiêu-dao*.

8 — Bài « *Tư-âm giáng-hỏa đan* » : ý-dĩ sao, phục-linh cát-cánh, trần-bì, tẩm nước muối rồi sao, mạch-môn, ngũ-vị, địa-cốt-bì, đan-bì, gừng sống 3 phiến sắc uống, hoặc thêm thục-địa, đương-quy. Để chữa chứng hư lao (hư yếu vì khó nhọc) âm hư phát sốt (sốt về chiều), ho nhổ, thổ huyết, thổ đờm, bài này do tôi đặt ra lúc mới thụ bệnh, nên uống để thay bài *Giáng hỏa* của Ông Đan-Khê thời rất là thần hiệu.

Bài kể trên dùng vị ý-dĩ và phục-linh để giúp tỳ-vị và giáng hỏa vi quân, dùng vị cát-cánh trần-bì để hành khí kiện tỳ, vi thần dùng mạch-môn ngũ-vị để giữ tạng phế, dùng vị địa-cốt và đan-bì để trừ nhiệt mà không khổ hàn.

Nếu đờm suyễn gia tăng-bạch-bì, thêm bối-mẫu, nhổ ra huyết thêm nước đồng-tiện và nước ngó-sen, tiết tả thêm hoài-sơn, liên-nhục, táo kết thêm nước của quả lê và sữa

Tìm sách

người, đều là những vị ngọt và mát để chữa cho người mới mắc bệnh.

Nếu bệnh đã lâu mà mạch hư yếu, hư-hỏa bốc lên, thời phải dùng những vị thuốc cam ôn nghĩa là bổ tỳ-thổ để sinh phế-kim, mà đừng chấp nệ là chứng ho phải bảo vệ lấy tạng phế, khi ấy nên dùng bài *Ngũ-vị di-công tán*, hơn nữa không có vị thuốc để thấm nhuần mới không chữa được khỏ rao, vậy lại phải giúp cho thận thủy như bài *Lục-vị hoàn*, bài *Bát-tiên trường-thọ hoàn*, vậy dùng thấy chứng ho, mà chỉ chăm chăm ở thanh hỏ ở tạng tâm.

Ngũ tạng đều có chứng lao, mà tạng tâm tạng thận là nhiều hơn, tạng tâm chủ về huyết, tạng thận chủ về tinh, huyết kiệt, tinh khô thời thành ra chứng lao, vì thế phải điều bổ cho tâm, thận, mà những vị có tính mạnh không nên dùng. Cổ-thư có nói « nếu mạnh chân hỏa thì chân âm càng hư tổn », tuy thế cũng không nên vì khô ráo mà dùng nhiều thuốc hàn-lương để hại đến vị-khí, nếu dùng thuốc nhiệt, khác nào trong nồi không có nước mà cứ chất củi để đun, nếu dùng nhiều thuốc hàn-lương khác nào dưới nồi không có lửa, mà cứ đổ thêm nước. Như vậy ngoài các phương thuốc kể ở trên, thời những bài *Thập-toàn*, bài *Dưỡng-vinh*, bài *Song-hỏa* nên lựa chọn mà dùng. Lại mạch xích bên trái hư yếu, thời nên dùng bài *Lục-vị*, bài *Bát-tiên trường-thọ* để thêm cho chân thủy, mạch xích bên phải hư yếu, thời nên dùng bài *Bát-vị* để thêm cho chân hỏa, đó là yếu lĩnh để chữa chứng hư lao.

Tìm sách

Chương 16.— **Phép trông sắc người** (vọng)

MŨI :

1.— Sắc hơi đen là có tà-khí ở ngoài.

2.— Sắc xanh là trong bụng có đau, nước mũi lại lạnh thời đau nhiều.

3.— Sắc vàng là tiểu-tiện khó.

4.— Sắc trắng là khí hư yếu.

5.— Sắc đỏ là tạng phế hư yếu.

6.— Sắc xám và bóng là có nước uống đình tích lại.

7.— Sắc đỏ mà khô là có lục-huyết.

8.— Sắc khô ráo như muội đèn hay than, là dương-độc mà nhiệt thịnh

9 - Sắc đen là âm-độc.

10 - Nước mũi đục chảy ra là phong-nhiệt.

11.— Nước mũi trong chảy ra là phế-hàn.

12 - Lỗ mũi hơi sưng là tạng phế có phong-tà.

MÔI VÀ MIỆNG :

1.— Khô và đỏ là tốt.

2.— Khô và đen là xấu.

3.— Đều thấy sưng đỏ là nhiệt lắm, đều xanh và đen là hàn lắm.

4 — Chỗ mép môi mà đen sạm là chết.

5.— Miệng chướng lên mà thở hơi ra thối là chết.

TìmSách

LƯỠI :

1.— Lưỡi trắng mà có vằn nứt ra là chết.

2.— Lưỡi rụt vào mà môi xanh là chết.

3.— Lưỡi sưng lên là khó chữa.

4.— Lưỡi dài ra là chết.

5.— Lưỡi rụt vào mà dái co lên, mà mặt xanh là chứng âm-hàn khó chữa.

RĂNG :

1.— Răng không có tân-dịch tức là khô, là kinh dương minh nhiệt lắm.

2.— Răng khô ráo mà mạch hư là trúng-thử.

3.— Răng khô mà nóng khó chữa.

MẮT :

1.— Mắt đỏ môi khô mà đen là dương-độc.

2.— Trong mắt vàng mà sắc lại tối là thấp-độc.

3.— Mắt vàng đại-tiểu-tiện đều đen, mà bụng đầy lại đau là có huyết tích lại.

4.— Mắt thấy mờ là sắp lục huyết.

5.— Lòng trắng vàng mà không khát, mạch « trầm và tế » là âm độc.

6.— Đuổi mắt vàng là bệnh sắp khỏi (*chủy : đuổi mắt*)

7.— Mắt mở muốn trông người ngoài là dương-chứng.

8.— Mắt nhắm không muốn trông là âm chứng.

TìmSách

9. – Con ngươi vẫn đứng yên ít khi chuyển động là đờm, trông mất trong.

10.– Quầng mắt đen cũng là có đờm, chực-thị, suyễn mà đầy, và đi ỉy là chết.

Tám triệu chứng kể sau đều là chứng chết :

a) Con ngươi mờ không biết ai.

b) Mắt trông ngược lên

c) Con ngươi đứng thẳng mà tròn.

d) Con ngươi nhỏ mà trợn lên.

e) Chỉ trông nghiêng.

h) Đối nhỏn phản thiết (1)

i) Quầng mắt trũng xuống.

k) Trực thị.

Chú Giải :

1) Bốn chữ này không rõ nghĩa.

MẶT :

1.– Mặt đỏ mạch « trầm và tế » là bệnh ở kinh thiếu-âm, ngoài nóng và trong lạnh, âm thịnh cách dương ra ngoài, chứng này nên dùng thuốc ôn, nếu dùng lầm thuốc hàn lương thời chết.

2.– Lưỡng quyền và gần tai đỏ vào lúc quá trưa, là hư hoả thăng lên, mà không phải chứng thương hàn.

3.– Mặt đỏ, mạch « sác » mà vô lực, là bệnh âm phục ở trong mà là giả-nhiệt.

TìmSách

4.- Mặt đỏ mạch « huyền mà sác » là bệnh ở kinh thiếu-dương, nên dùng bài *Tiểu-sài-hồ*.

5.- Dịch bộ đều đỏ là chứng còn ở ngoài biểu, thuộc ở kinh dương-minh, nên giải biểu mà không nên công phạt ở trong lý.

6 - Mặt và môi xanh là âm hàn lắm.

7. Mặt xanh mà bụng dưới đau như vặn ra, là chứng « giáp âm thương hàn » (thương hàn mà có thêm âm chứng).

8.- Mặt mắt và người đều vàng, tiểu-tiện xẻn là thấp-nhiệt.

9.- Mặt mắt người đều vàng mà bụng dưới đầy chướng, rất đau, tiểu-tiện lợi, là chứng thương hàn mà huyết đinh chứa lại.

10.- Mặt trắng là vô thần, hoặc ra mồ-hôi nhiều hay thoát huyết.

11.- (Bệnh nhân mặt trắng, không nên ra mồ-hôi nhiều).

12.- Bệnh nhân mặt đen, dù là hư chứng, những vị sâm, truật, đại bổ phải tạm kiêng.

TAI :

1.— Tai đen mà khô là tạng thận kém.

2 - Khí đen ở chỗ ngư-vĩ (1) đi vào thái-dương là chết.

3 - Khí đen từ chỗ nhân-trung đi vào miệng là chết.

4.— Tai mắt miệng mũi đều có khí đen là chết.

Tìm sách

Tôi xét, chứng hàn thời tinh thần trong trẻo, chứng nhiệt thời tinh thần hôn-mu, mà lấy sắc và con ngươi làm chuẩn đích, là vì chứng hàn thời sắc mặt xanh, chứng nhiệt thời sắc mặt đỏ, âm hư ở dưới mà bức dương lên trên thời hai gò má đỏ mình nóng như rang, mà con ngươi trắng, mặt xanh, thế là ở trong chân hàn mà ngoài giả nhiệt. Nếu mạch « trầm và tế » mà muốn tuyệt, thì là chứng triệu vong dương. chân tay lạnh mà mặt đỏ là nhiệt quyết. mình gầy đen mà mặt nhiều ban có chấm đen là huyết khô âm hư, mình béo trắng mà mặt như bôi son là khí kém dương hư, đó là tôi đã kinh nghiệm.

Chú giải của dịch giả: (1) « ngư-vĩ » có lẽ là chỗ thịt lồi ra ở trên dái tai nhưng không dám chắc.

Chương 17 – **Phép vấn chứng (hỏi chứng bệnh).**

1.– Miệng biết vị ăn là ngoại-cảm, mà không biết vị ăn là nội-thương.

2.– Miệng đắng, là mật nóng, miệng ngọt là tỳ nóng, miệng nhạt là dạ-dầy nóng.

3.– Lưỡi khô miệng ráo là dạ-dầy nóng lắm.

2 – Nước dãi không ngừng là ngoại-cảm có lúc ngừng là nội-thương.

5 – Mu bàn tay nóng là ngoại-cảm, lòng bàn tay nóng là nội-thương.

6.– Đầu ngón tay lạnh là cảm hàn, nếu lúc nào cũng lạnh thời là người hư yếu.

Tìm sách

7.— Đại-tiện bế mà khát và đầy chướng là thực chứng nếu chỉ bế không khát là hư chứng.

8.— Tiểu-tiện trong mà nhiều là tà ở ngoài biểu, đỏ và sẻn là tà ở trong lý.

9.— Lòng bàn chân nóng là âm hư hỏa bốc lên từ huyệt « dũng-tuyền » trở lên.

10.— Uống nước lạnh là ở trong nóng, ưa nước ấm là ở trong hàn.

11.— Ngày nhẹ đêm nặng là huyết bệnh, đêm nhẹ ngày nặng là khí bệnh.

12 — Dưới mỏ-ác đầy là vì nồng thuốc hạ sớm quá mà bĩ khí lại, nếu lấy tay xoa vào mà nghe có tiếng và mềm là nước đình tích lại nếu xoa mà tản đi là khí hư, nếu xoa mà dẫn mà đau là thức ăn chứa lại.

13.— Ngủ mà ngảnh ra chỗ sáng là dương khí thực, ngảnh vào chỗ tối là âm khí hư.

14.— Bệnh lúc mới khỏi vẫn cảm thấy không được sung sướng, mà ít tự tình với người ngoài, là chứng « giáp khí thương hàn » (thương hàn thêm khí hư).

15.— Bệnh mới khỏi đã mệt nhọc muốn nằm, xương cốt đau là chứng « lao-lực thương-hàn ».

16.— Những bệnh tai điếc vì tà khí nhiễm vào là khó chữa, cũng có người thuộc về chứng dương-minh, cũng có người thuộc về chứng thiếu-dương.

Tìm sách

17.— Khắp mình xương cốt đau nhức, nếu là ngoại-cảm thời tà còn ở ngoài biểu, nếu là nội-thương thời bởi khí huyết không đều, xương cốt đau nhức mà thêm nặng mình là có thấp-khí.

Tôi xét bệnh chứng nhiều giả tượng, trong một chứng mà có hư có thực, như tôi đã bàn ở trên, đại khái chữa bách bệnh đều căn cứ vào nguyên khí, người bẩm sinh vốn mạnh thời chữa theo thực chứng, bẩm sinh vốn yếu thời chữa theo hư chứng, bệnh nhẹ là bởi khí huyết thụ thương, bệnh nặng là bởi thủy hỏa làm hại, dù có tà khí ở ngoài cũng chỉ là đầu mối để phát bệnh, Nội-kinh có nói: « tà khí cảm vào là chính-khí phải hư yếu », nếu nguyên khí còn thực thời tán tà, rồi bổ cho chính-khí, nếu nguyên-khí thật hư yếu thời trước sau chỉ nên bổ chính khí mà chỉ thêm vị thuốc để trục tà, có khi chỉ bổ mà tà khí tự lui.

Chương 18.— **Phép xem mạch.**

Các tạp chứng thời mạch « huyền » là dương-chứng, còn chứng thương-hàn thời mạch « huyền » lại là âm-chứng. Các tạp chứng thời mạch « hoãn » là người yếu, mà chứng thương hàn thời mạch « hoãn » là hòa. Hai tay đều không thấy mạch là « song phục », một tay không thấy mạch là « đơn phục ». Bộ thốn mà trong dương mạch thấy « trầm và tế » mà vô lực, thì là chứng trong dương có phục âm, bộ xích mà trong âm mạch thấy « trầm và sác » là

Tìm sách

trong âm có phục dương. Bộ thốn « sác và đại » mà có lực là trùng-dương, bộ xích « trầm và tế » và vô lực là trùng âm.

Bộ thốn phù mà có lực là hàn tà mà ngoài biểu thực, thời nên phát hãn, phù mà vô lực là phong-tà, mà ngoài biểu hư thời nên bổ. Bộ xích « trầm » mà có lực là dương tà ở trong lý, là thực chứng thời lên hạ, nếu vô lực là âm-tà ở trong lý, là hư chứng thời lên ôn.

Bộ thốn « nhược » (là yếu) mà vô lực, rất kỵ dùng thuốc cho thổ ra, bộ xích « nhược » mà vô lực rất kỵ phát hãn và hạ đi.

Mới ấn mạch thời mạch bổng lên rất nhanh, mà dẹp xuống lại chậm, gọi là « ngoại hư nội thực », dẹp xuống nhanh mà bổng lên lại chậm, gọi là « nội hư ngoại thực », bộ xích bộ thốn đều vững gọi là hoãn mạch, hoãn thời hoà mà sống, phát hãn hay hạ rồi mà mạch tĩnh là sống, là vì chính khí đã trở lại, nếu phát hãn hay hạ rồi mà còn nóng và táo-loạn là chết, vì tà khí vẫn thắng, sau khi dùng thuốc ôn bổ mà mạch « đoản » (lúc bổng lên lại thấy ngừng) là chính khí thoát mà không thể sống được.

Mạch chỉ thấy những « huyền » gọi là « phu-phụ » thời chết, đặt tay xuống thấy mạch như cỗi nút dây gọi là âm dương lý thời chết, âm bệnh mà thấy dương mạch thời sống, dương bệnh mà thấy âm mạch thời chết.

Tay bên trái bên phải mạch đều « khẩn hay thịnh, hay cấp » thời là chứng thương-hàn mà hiệp cả chứng thương thực, tay bên phải đi « không hư » mà tay bên trái

Tìm sách

mạch đi « khẩn và thịnh » là chứng thương-hàn bởi lao lực, tay bên trái mạch đi « khẩn hay thịnh » tay bên phải mạch đi « hồng và hoạt », hay là mạch của bộ thốn « trầm và phục » mình nóng ghê rét, ngăn ngắt nhức đầu, ho suyễn, phiền muộn, bụng và ngực cùng dưới cạnh-sườn hay là bụng dưới có chỗ đau là chứng nội-thương ngoại cảm vi huyết uất.

Tôi xét về âm mạch có « trầm », có « sác », có « khẩn » mà Ông Trọng-Cảnh lại nói là « tế và vi », là vì trầm thời ấn mạnh mới thấy, khẩn và sác cũng thấy ở trong trầm tế mà không như dương chứng là mạch phù đại và khẩn sác, họ Tiết nói « người ta chỉ biết mạch sác là nhiệt, mà không biết trong trầm và tế thấy sác là hàn, chứng thật âm hàn mạch có người thất bát chí, nghĩa là ta thở ra hút vào một lần, mà mạch của bệnh nhân bảy tám lần bồng lên dẹp xuống, nhưng ấn xuống thời sác mà vô lực, vì thế cổ-thư có câu : « mạch sác là nhiệt, phù biểu nhiệt, trầm sác là trong lý nhiệt, sác mà hữu lực là thực nhiệt, sác mà vô lực là hư nhiệt », huống chi tế mà sác lại không phải là hàn hay sao ?

Quỷ mạch : — Lúc mới thu bệnh là nói mê phát cuồng, sáu bộ đều không có mạch, mà dưới ngón tay cái ở trên chỗ bộ thốn lại có mạch động lên, thời gọi là « *Quỷ mạch* ».

Phản-quan mạch : — Nếu bệnh nhân sáu bộ đều không thấy mạch, ta đừng luận ngay là không có mạch, lại ấn xem ở sau bàn tay mà thấy mạch động lên, thời gọi là « *Phản-quan-mạch* ».

Tìm sách

Tạng tâm : — Bệnh về tạng tâm lưỡi cứng mặt đỏ, phiền táo, bàn tay nóng, miệng khô, nói mê, chung quanh rốn động khí, mạch « khẩn sác mà trầm vi », là tinh mệnh không được toàn.

Tạng can : — Bệnh về tạng can thì mặt xanh, mắt đau mà nhắm lại, gân co, hay giận dữ, bên trái rốn động khí, mạch « huyền, cấp và trường », nay lại « phù, sác và đoản » là không chữa được.

Tạng tỳ : — Bệnh ở tạng tỳ không ăn được mặt vàng nặng mình, chân tay nhức, hay nằm, chung quanh rốn động khí, mạch « hoãn, đại, huyền, mà khẩn » là nội-thương.

Tạng phế : — Bệnh ở tạng phế, mặt trắng lo buồn, thổ-huyết, nóng-lạnh, ho-nhổ, bên phải rốn khí ngưng lại, mạch « trầm, tế, sắc, đại mà lao » là chết.

Tạng thận : — Bệnh ở tạng thận, mặt đen, móng tay xanh, tai điếc, bụng hàn, bụng dưới sôi, dưới rốn khí ngưng « trầm, sác, hoãn mà đại » là chết.

Chương 19 — Phép xem về những chứng nghịch

Chứng thương-hàn lấy dương làm chủ, nếu chân tay lạnh như băng hay là chân lạnh quá đầu gối, ngoài da thịt máy động, tự ra mồ-hôi không chỉ, là triệu chứng dương thoát nên dùng ngay bài *Sâm phụ hồi-dương*. Đi ra mồ-hôi mà nhiệt vẫn không lui là nguy. Người mát mà phiền táo không yên, là âm dương đều thoát bộ xích mạch tuyệt là nguy, ăn uống không lọt là vị khí bại, đi tả nhiều mà bụng càng đầy thêm là tỳ âm bại.

Tìm sách

Chương 20 — **Phép xem về chứng chết.**

Tạng thận tuyệt thời nói cuồng, trực thị, tiểu-tiện rỉ ra, trong bốn năm ngày là chết.

Tạng tâm tuyệt thời trực thị lắc đầu; hình thể sụm lại, đó là thủy khắc hỏa.

Tạng phế tuyệt thời bụng trên, bụng dưới đau lắm, và bụng dưới tương thông với tạng tâm mà bụng trên thông với tạng phế, như vậy là hành hỏa khắc hành kim.

Tạng can tuyệt thời mồ-hôi ra dính như dầu, thở xuyễn không ngừng, móng tay xanh và đen, không biết việc gì ở ngoài, lưỡi co, dái đem lên.

Tạng tỳ tuyệt thời đại-tiện như máu tím hay là đen, hoặc thức ăn, uống không vận hóa được mà đi cầu ra ngay, chung quanh miệng đen lại.

Hết thảy chứng dương tuyệt trước, thời sắc xanh, chứng âm tuyệt trước thời sắc đỏ, đều không chữa được, xương ở cổ ngoẹo đi, đầu nặng, trực thị là nguyên-dương bại tất chết.

Đại-tiện vẫn đục mà thối lắm là chết. Chứng « âm dương độc » quá sáu bảy ngày là chết, chỉ muốn ngủ mà thở ra là chết, mồ hôi ra như dầu, tóc mượt, thở không ngừng là chết. Mạch bộ xích, bộ thốn đều « hư » mà nóng không ngừng là chết. Chứng thấp phát nóng uống thuốc phát hãn thời sốt lên mà co-giật (hành) là chết.

Con người đờ ra là chết, các bộ mạch lia kinh lạc là chết, nóng nhiều mà táo cấp không ra được mồ-hôi là âm mạch cực độ thời chết, lưỡi đen giáp như gai cạo

TìmSách

không ra mà mọc dầy lên là chết, mũi lục huyết mà tự ra mồ hôi là chết, dạ-dầy lạnh phát nấc nóng thuốc mà không thấy mạch, hay là mạch ra mạnh quá là chết, da thịt sút đi là chết.

Chương 21.— Bài ca về 12 kinh mạch.

Thái-dương tiểu-tràng, túc bàng-quang,

Dương-minh đại-tràng túc vị tương.

Thiếu-dương tam-tiêu, túc đởm phối,

Thái-âm thủ phế, túc tỳ hương.

Thiếu-âm tâm-kinh, túc quy thân,

Quyết-âm bào-lạt, túc can-phương.

Chú giải của dịch giả : Sáu câu ca ở trên mỗi câu 7 chữ mà có vần để người học dễ nhớ, nay giải nghĩa từng câu.

Câu thứ 1 : Kinh thủ-thái-dương là tiểu-tràng, mà túc-thái-dương là bàng-quang.

Câu thứ 2 : Kinh thủ-dương-minh là đại-tràng, mà túc-dương-minh là dạ-dày.

Câu thứ 3 : Kinh thủ-thiếu-dương là tam-tiêu, mà túc thiếu-dương là đảm.

Câu thứ 4 : Kinh thủ-thái-âm là phế, mà túc-thái-âm là tỳ.

TìmSách

Câu thứ 5 : **Kinh thủ-thiếu-âm là tâm, mà túc-thiếu-âm là thận.**

Câu thứ 6 : **Kinh thủ-quyết-âm là bào-lạc, mà túc quyết âm là can.**

Chương 22.— **Bàn về năm vị ăn, thời ngũ tạng muốn bù vào hay là muốn tránh đi như thế nào ?**

Trong năm thức ăn, ngũ tạng muốn bổ vào hay muốn bớt đi như thế nào, là điều cần cho nhà làm thuốc. Vì ngũ tạng đều có tính riêng. Ngũ tạng là hình, mà trên hình là thần, có thể gọi là có tri giác.

1.— Tạng can khó chịu về vội-vàng (khổ cấp) thời ta phải dùng vị cam là ngọt để hoãn đi, vì can thuộc về hành mộc không muốn tổi tàn, đạp hay bị gẫy, mà muốn cho cành lá được suề-soải. Hơn nữa tính của tạng can muốn tản đi, thời ta nên dùng những vị tân là cay tản đi cho khỏi bó buộc. Như vậy *những vị để hoãn đi, và tản đi đều là bổ cho tạng can.*

2.— Tính của tạng tâm muốn thu liễm mà ghét tán đi, vì thế ta phải ăn vị chua để thu liễm lại, hơn nữa tạng tâm muốn điều hòa, nếu gặp nhiệt tà thời táo cấp, nên ta phải ăn thức mặn để mềm đi, có mềm mới được điều hoà mà tương giao vào tạng thận, như thể quẻ « ký-tế » trong kinh dịch, nghĩa là thủy ở trên hỏa ở dưới thời mới xong công việc, vì thế *thức mềm nhuyễn được tức là bổ cho tạng tâm.*

3.— Tạng tỳ ghét ẩm thấp vì gặp thấp thời trệ, vậy

Tìm sách

ăn thức đắng để ráo đi, tuy thế để ráo quá thời lại phải cho hoà hoãn, vì thế phải ăn thức ngọt để hòa hoãn, vậy *hoà hoãn để bổ cho tạng tỳ.*

4.— *Tạng phế* chỉ về khí và tiết-độ, khí cần phải cho thuận, nên phải ăn thức đắng để nhẹ đi, lại tạng phế ở thượng-tiêu tính ưa thu liễm lại, vì thế phải ăn thức chua để thu liễm, hơn nữa, tạng phế gặp nhiệt tà thời rất có hại, vì thế phải ăn thức cay để tả đi, thế là *những vị thu lại có thể bổ cho tạng phế.*

5.— *Tạng thận* khó chịu về ráo, về tính của tạng thận ưa nhuận mà ghét ráo, cho nên phải ăn thức cay để nhuận đi. Hơn nữa, tạng ấy giữ về chức vụ làm cho người ta được mạnh (tác cường), tạng ấy gặp thức mặn thời mềm ra, gặp thức đắng thời kiên lại, cho nên ta phải ăn thức đắng để thỏa tính muốn cho tạng thận, thế là những vị kiên là chắc có thể bổ cho tạng thận.

Ta đã rõ ngũ tạng khó chịu về những vị gì, và ham muốn những vị gì, thời lại phải tường tính của ngũ vị là chua, cay, mặn, đắng, ngọt.

Về ngũ hành : hành thủy thời nhuận trở xuống, đã nhuận thời mặn. Hành hỏa bốc trở lên thời đắng. Hành mộc cong và thẳng thời chua. Hành kim theo cũ hay đổi mới thời cay. Hành thổ là sây cấy thời ngọt.

Vị đắng thời tiết đi, vị cay thời tản đi, vị chua thời thu liễm, vị mặn thời dẫn được chất mềm, còn vị ngọt thời lên trên và xuống dưới đều được, tức là hành thổ

Tìm sách

ở giữa mà kiên cả bốn hành kia, riêng một vị đạm là nhạt thời không về riêng tạng nào mà chỉ vào kinh thái-dương để lọc tiểu-tiện. Nhưng cỏ cây là thứ thuốc có hình mà vô tình, người ta bẩm thụ về thể chất hữu thần, hữu tình, hữu hình của ngũ hành, nếu không biết điều dưỡng để mang bệnh, rồi đem thuốc để cứu chữa, là chỉ biết đem vị hàn để chữa nhiệt thời bệnh nhiệt lại sinh, đem vị nhiệt để chữa hàn thời bệnh hàn lại kịch lên. Vậy phải tìm căn bản mà chữa, tìm sở nhân để dẹp đi, tức như Nội-kinh đã nói : « phải chữa trước ở chỗ chữa bệnh thời không có hại về một bên thiên thắng ». Bậc tiên hiền có khuyên : « nhà làm thuốc lập trường phải vững chắc mà trí khôn phải viên hoạt, bụng phải cẩn thận mà can đảm phải to », vậy ta phải chú trọng về câu ấy.

TìmSách

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập MẠCH CHẨN CHUẨN THẰNG

TìmSách

TìmSách

Tiểu-dẫn của tác giả

Sởi (chẩn) và đậu, đều là độc khí từ lúc thụ thai, gặp thời tiết xấu mới phát ra. Sởi là thai độc ở lục phủ thời nhẹ, đậu là thai độc ở ngũ tạng thời nặng, vì thế sách thuốc từ trước, cho chứng đậu là trọng mà coi chứng sởi là thường. Về phép chữa thời nói : « Sởi nên thuốc mát mà chứng đậu nên thuốc ôn », lại nói : « chữa theo đường lối thẳng hay là lựa theo bệnh mà chữa », câu đó chỉ là đại khái mà thôi.

Nhưng xét kỹ ra thời chứng đậu mà tà khí mạnh (thực) cũng không bổ được thuốc thanh-lương (mát), chứng sởi mà nguyên khí yếu (hư) cũng không bổ được thuốc ôn bổ.

Cuối mùa hè năm tân-mão, một vùng huyện Hương-Sơn, nhiều người mọc sởi, có nhà ba hay bốn mẹ con. Tôi chữa mấy chục bệnh nhân vì chân âm hư yếu mà dương không hóa được, ở đầu và mặt sởi mọc kín hết hay là mọc rồi lặn ngay, tôi không nệ phương pháp thường mà trước sau chỉ chú ý cứu chân âm hay cứu chân dương mà đều toàn hoạt, chỉ có một hai người vì âm và dương lìa nhau mà thoát mất, dù bổ mạnh cũng không cứu được. Cổ thư nói : « Sởi nhiều chứng nghịch (trái ngược) không chữa được » như vậy càng rõ chứng sởi cũng không phải là nhẹ.

Tìm sách

Vì thế, tôi chép nguyên ấy về chứng sởi, bình và chứng thế nào là thuận mà thế nào là nghịch, cùng những tạp chứng ở trước hay sau khi mọc sởi, cả đến phương thuốc để điều trị, sắp thành tập này gọi là tập « Ma-chẩn chuẩn thằng » (làm dây mực chữa chứng sởi như hạt vừng) để nhà làm thuốc cùng xem.

Lê-Hữu-Trác
biệt hiệu là Hải-Thượng Lãn-Ông
làm bài tiểu dẫn trên

TìmSách

TẬP MA CHẨN CHUẨN THẰNG

GỒM CÓ CÁC BÀI

1) Căn nguyên chứng sởi

2) Tổng-luận

3) Phép chữa

4) Bốn điều phải kiêng trong chứng sởi.

5) Những chứng tựa như sởi

6) Phép chữa lúc sởi sắp mọc

7) Phép chữa lúc sởi đã mọc

8) Phép chữa khi sởi mọc và lặn cảm hay chóng.

9) Chứng sởi thế nào là thuận

10) Chứng sởi thế nào là nặng

11) Chứng sởi thế nào là nghịch

12) Ý nghĩa dùng thuốc

13) Đại lược những phương thuốc phải dùng

14) Nên dùng thuốc nhẹ hay là thuốc mạnh.

15) Các tạp chứng trong khi mọc sởi hay là khi sởi đã bay.

16) Phụ chép mấy chứng ban

17) Những bài thuốc để chữa sởi

18) Những chứng bệnh của đức Phùng Thị đã chữa có ghi ở sách Cẩm-nang.

TìmSách

TìmSách

1.— CĂN-NGUYÊN CHỨNG SỞI

Sởi không phải chỉ có một thứ, có chứng « Tao-chẩn » (sởi ngứa nhiều), có chứng « Ổn-chẩn » (sởi lờ mờ), có chứng « Ôn chẩn » (sởi ôn), có chứng « Cái đậu chẩn » (sởi mọc sau khi đậu), v.v... đều không phải là thật sởi.

Duy có chứng « Ma-chẩn » (sởi mọc như hạt vừng) mới thật là sởi. Chứng ấy bởi độc khí từ lúc có thai, gặp tà khí, (khí độc bất chính) của thời tiết rồi mọc do tạng phế và tạng tỳ, cho nên ho, nhồ, hắt hơi, mũi chảy ra nước trong, chảy nước mắt, hai mí mắt nặng ra, người nóng hai ba ngày hay bốn năm ngày mới mọc mụn ra ngoài bì phu, hình như hạt vừng, sắc như hoa đào, thỉnh thoảng có mụn đỏ như mụn đậu, có phân ra từng mụn nhưng chỉ hơi gợn lên mà nhọn đầu và không có mủ, khác hẳn với chứng đậu, so với chứng đậu dù nhẹ nhưng biến chứng rất chóng, nên người chữa phải rất để ý.

2.— TỔNG LUẬN

Chứng sởi dù là độc khí trong khi thụ thai, nhưng vì thời tiết nóng nực truyền nhiễm mà phát ra, thai độc tức là hỏa. Chứng ấy thuộc về quân-hỏa ở Kinh Thiếu-âm, khí âm thường thiếu nên mụn sởi nhỏ và mau, nhưng mọc sởi bởi từ lục phủ chủ về khí dương nên có hình mà không có mủ.

Tìm sách

Lúc mới mọc sởi, bắt đầu ở dương phận rồi về âm phận, thai độc ở tạng tỳ, nóng lâu ở tạng tâm, khí nóng bốc lên tạng phế, vì thế lúc mới phát sốt, hiện chứng ở tạng phế rất nhiều, như ho, hắt hơi, sổ mũi, quầng mắt hơi nặng ra, nước mắt giàn giụa, mặt nặng, tai đỏ, thường lấy tay xoa mặt mũi, trông thời lờ mờ ở bì phu, sờ thời gần ở cơ nhục, sắc đỏ như son, mọc 3 hôm thời lặn dần, thế là chứng thuận. Vừa mọc vừa lặn nên phòng có biến ra hiểm chứng, nếu mụn sởi đen như tàn tro thời không thể chữa được.

Trong khi đàn ông đàn bà giao cấu, con trai dương thịnh thời dâm-hoả trúng vào khí phận mà thành ra nọc sởi. Về thời thượng cổ, mụn sởi vừa mọc vừa lặn (lứa là bay) chỉ trong khoảng 6 giờ (12 giờ đồng hồ ngày nay) nghĩa là sáng mọc thời chiều lặn, mà chiều mọc thời sáng lặn, sao thời nay sởi mọc rồi tới hai ba hay bốn năm hôm mới lặn, là vì thời xưa ăn nhiều vị sơ đạm thời thai độc nhẹ, người đời nay ăn uống nhiều cao lương nên thai độc nhiều hơn.

Mọi chứng ban sởi, dù là thai độc như đã kể ở trên, còn vì bú sữa và cho ăn không tiết độ, để doanh khí của tỳ vị ngược lên, hư hỏa làm ráo chân âm, âm thiếu thời dương cũng vượt ra vậy.

3.— PHÉP CHỮA

Sách Tâm-Pháp có nói : « Chứng sởi cần cho mọc hết, lúc trước nên dùng thuốc tán ra ngoài biểu, dù bệnh nhân lạnh chớ vội dùng vị quế-chi, dù hư yếu chớ dùng vị xương-truật, dù có đờm chớ dùng vị nam-tinh và bán

hạ. Còn như dùng nhiều thuốc lạnh hay mát thời nọc sởi ngừng lại không mọc ra hết mà chạy vào thành ra xuyễn xúc phiền buộn rồi chết. Vậy chỉ nên dùng những vị thuốc tính chất nhẹ nhàng thời sởi mọc hết mà không có biến chứng lại phải để ý nuôi dưỡng chân huyết mới có thể vạn toàn. Đó là đại cương chữa chứng sởi. Còn như tùy chứng mà quyền biến, lại do tinh thần sáng suốt của nhà làm thuốc.

Chứng sởi dù thấy đỏ và nặng người ra, cũng không lo ngại lắm, vì đã mọc ra được thời không chạy vào trong, nhưng chữa không được đúng thời nhẹ biến ra nặng mà tai họa như trở bàn tay. Khi mọc rồi nên bổ chân âm để dẹp chân dương là sợ chân âm hư yếu thời hỏa động lên, trước sau nên phải tránh những vị thuốc ráo hay mạnh, làm cho bệnh nhân động khí. Nội Kinh nói: « Tà khí thịnh thời là chứng thực » vậy không dùng thuốc cho tán ra ngoài thời sao có trừ được. Lại nói: Phát ra ngoài biểu đừng tránh những vị ôn vậy không có những vị ôn thời ngừng lại mà không giải đi được.

Thế mà người đời chỉ dùng thuốc lạnh và mát, lúc mới mọc nếu dùng thuốc như vậy thời ngừng lại mà khó mọc, về sau mà dùng như vậy thời hại đến tỳ vị, nọc sởi còn lưu ở kinh lạc, sẽ thành chứng đau mắt hay là đi ỉy, v.v... ngoài ra, còn phải xem về thời tiết, như mùa hè thời nên dùng thuốc hơi mát, mùa đông thời nên dùng thuốc ôn. Tuy vị nguyên-thỏa tính tân ôn về thuốc chữa sởi thường dùng nhưng mùa hè cũng nên tạm kiêng.

Về chứng đậu nhẹ hay nặng thuận hay nghịch có thể đoán trước được, còn chứng sởi thời đương nhẹ biến ra

TìmSách

nặng, đương nặng biến ra nhẹ, vậy nuôi dưỡng và thuốc thang phải rất cẩn thận.

Tiên sư họ Phùng chữa chứng ban sởi, khi mọc rồi mà bệnh nhân mụ đi, suyễn sửa phiền táo, khát nhiều không chịu ăn, đi cầu lỏng phân mà thổ ra giun, hay là trên mặt mụn sởi lặn trước, trán nóng, mình nóng, chân lạnh, thời chỉ dùng thuốc bổ mạnh cho âm dương, chỉ uống một hai thang là công hiệu.

Vì rằng huyết do hỏa bức bách mà thành hình ra ngoài, thời âm phận phải hão, dương khí bốc ra ngoài biến thời thiếu-hỏa ở « đan điền » (khoảng rốn) phải suy kém đi, thủy hỏa đã suy thời tỳ vị không vận hành được, nếu không bổ chân-âm chân-dương thời không còn tinh khí và thần để giúp sống cho người.

Nội-kinh nói : « Khí dương cường quá mà không vít kín lại thời khí âm sẽ tuyệt, khí âm vừa phải khí dương bí vít thời tinh thần mới vững, âm dương thiếu mà rời nhau thời tinh khí sẽ tuyệt ». Câu ấy thật là chí lý để chữa sống cho bách bệnh vậy.

Tiên sư họ Phùng nói : Người đời xưa cho chứng sởi bởi hỏa ở trong tâm thuộc về kinh thiếu-dương, chứng ban thuộc kinh dương minh, chứng sởi phần nhiều là thực nhiệt mà chứng ban có giả dương (giả tượng của dương), nhưng theo ý tôi, thời đều bởi vinh huyết nóng quá, bất tất phân biệt ban hay sởi, chỉ nên phân ra người có hư yếu hay không ? Tà độc có mạnh lắm hay không ? (hư thực), bệnh nhân hư yếu thời lựa thư mà chữa (tòng trị), tà khí mạnh thời theo đường thẳng mà chữa (chính trị). (Gọi là mạnh

Tìm sách

là tà khí mạnh chứ không phải là người mạnh, thầy thuốc đời nay chỉ chấp nệ về câu bàn luận của người đời xưa là chứng sởi phần nhiều thực nhiệt mà cho uống nhiều thuốc lạnh hay mát, để chữa những chứng bệnh hư yếu do sởi biến ra, thế là không biết tà độc được mạnh là bởi âm huyết không đầy đủ, theo lối chữa ấy khiến chết oan rất nhiều.

Vì thế, tiên sư họ Phùng đem bài « toàn-chân nhất-khí » bỏ vị nhân-sâm để chữa chứng sởi đã nguy khốn rất là thần hiệu.

Tiên-sư nói : « Chứng ban và sởi là hỏa độc ở phổi và dạ-dày » cho nên nóng nhiều mà phiền khát và uống nước lạnh, đó là lẽ thường, nếu để tùy ý uống nhiều nước lạnh thời nhiệt độc ngừng lại, mà nóng lâu không khỏi, nặng thời nhiệt độc tụ xuống dưới mà tả hay lỵ không ngừng, người không biết thấy khát nhiều ưa nước lạnh cho là chứng thực nhiệt, dùng nhiều những vị thuốc đắng và lạnh, như hoàng-cầm, hoàng-liên, thế là không biết về lẽ hỏa dư ra là bởi thủy không được đủ, chứng khát ấy là bởi âm thủy không đủ, phải cần đến nước ở ngoài, vậy ta không tìm đến chỉ lý của âm dương để chữa cho bệnh nhân, thời nguy vong đến ngay.

Ta phải biết rằng : Những chứng bệnh thiên biến vạn hóa đều bởi hỏa ở trong thân người không yên ở địa vị tà khí ở ngoài nhân khe hở mà lấn vào, thời dương khí biến ra hỏa dữ dội, mà yên ở địa vị thời là nguyên khí là chân dương, một khi phát nóng là hỏa trong thân người vượt lên mà thành bệnh, chứ không phải hỏa nào ở ngoài thân người ; hỏa ấy thái quá thời tạm dùng thuốc hàn lương để vợi đi, bệnh khỏi thời thôi, chứ không phải trừ bỏ đi.

Tìm sách

Ngày thường một phần bởi ăn thức mát uống thức lạnh để hỏa « Long-lôi » không có nơi tàng thân bốc trở lên mà thành những chứng dạ-dày dơ, miệng hôi, con ngươi đỏ, lưỡi đen, trong vinh huyết không đủ khí để vận hóa nên ngừng trệ mà thành ra chứng ban sởi thuộc về hỏa bốc lên và mọc trước ở đầu, mặt, một khi chỉ thấy mọc ở dưới chân, gọi là « tử huyết ban » là chứng không chữa được đó là hậu quả về chứng âm cực tựa như dương mà ta dùng nhầm thuốc hàn lương.

Nếu có những chứng miệng môi thối lở, thủng má khoét môi, lở mũi đau mắt, tựa như nhiệt độc, nhưng ta xét về căn bản thời dương khí đã đầy đủ cho lông da, mạnh cho gân cốt, kín cho thớ thịt mà hộ vệ ở ngoài, âm huyết thông hoạt cho mạch-lạc, thấm nhuần cho cơ-thể, giúp cho tinh tủy mà nuôi dưỡng ở trong lý. Mặt là nơi dương khí hội lại, mắt là tinh của âm huyết, mũi là khiếu của tôn khí, khí huyết trong thân người không rất thanh rất tinh thông vận lên được mặt mũi, một khi dương khí háo tán ở ngoài mất quyền hộ vệ, âm huyết khô ráo ở trong mất chức để thấm nhuần, thời hỏa âm-ế (xấu mà dâm tối) nhân đó mà chạy đến các khiếu. Mới thành những chứng vừa kể ở trên, thế là bản khí của âm dương tự sinh ra bệnh (âm dương bản khí tự bệnh).

Người chữa bệnh biết rõ lẽ ấy, cần cho chân dương được liễm lại, chân âm được sinh ra, thời vinh-huyết và vệ-khí đều hết được chức vụ.

Vì rằng chứng giả hỏa từ vô hình mà sinh ra hữu hình, phải điều trị bằng dược phẩm hữu hình để sinh ra

Tìm sách

thủy hỏa vô hình, lẽ của tạo-hóa đều tự không mà sinh ra, hết thảy những vật hữu hình nguyên trước đều là không có.

Thế mà thầy thuốc hễ thấy bệnh nhân nóng nhiều mọc ra mụn đỏ như chứng sởi chẳng hạn, đều luận ngay là thực chứng mà dùng thuốc công phạt, để biến chứng hàng trăm thứ, thời người bệnh tránh sao được khỏi chết.

4.— BỐN ĐIỂM RẤT KỴ TRONG CHỨNG SỞI

1) Kiêng chỗ gió lạnh vì vít chân lông mà không thể ra được mồ hôi, lại kiêng thức tanh, thơm, sống lạnh.

2) Kiêng dùng ngay thuốc lạnh hay mát, để sởi ngưng không mọc ra được, dù là thời tiết nóng bức cũng vậy.

3) Kuông dùng thuốc cay, thơm và nóng để làm rác chân âm, dù là thời tiết giá rét.

4) Kiêng dùng thuốc bổ và vít lại, vì chứng sởi hay đi cầu nên không đáng quan ngại, nếu đi cầu nhiều hay là đi ly nặng, cũng chỉ nên dùng bài « tứ linh » gia giảm là đủ. Tối kỵ dùng những vị như sâm và truật để bổ và vít lại, thời sẽ thành chứng đầy chướng mà thở suyễn hay là chứng ly mà không thể cứu được, dù có nhẹ cũng thành chứng hưu-tức ly (chứng ly lúc khỏi lúc lại phát bệnh).

5.— NHỮNG CHỨNG TỰA NHƯ SỞI « CHẨN

Chứng sởi bắt đầu phát sốt như thể chứng thương hàn, nhưng đầu ngón chân ngón tay lạnh mà người ngh

Tìm sách

rét không có mồ hôi là thương-hàn, đầu ngón chân ngón tay ấm phát sốt có mồ hôi mặt đỏ sổ mũi là thương phong, còn chứng sởi khi sắp mọc thì mặt nặng tai đỏ, ho khô, sổ mũi, chảy nước mắt, mà quầng mắt nặng ra, lợn lòng, oẹ khan, hay ngủ hoặc thổ hoặc tả, hay xoa mày mặt, khắp mình hân hân đỏ.

Ngoài ra :

a) Trẻ em có đứa biến chứng mà phát sốt cũng hiện ra điểm đỏ, vì cơ nhục yếu mà nhiệt ở huyết phận hiện ra.

b) Có đứa kinh phong khỏi rồi cũng hiện ra điểm đỏ, là khí huyết đã hoà mà tà tán ra.

c) Có đứa ngoài da nổi lên như đám mây đỏ mà đầy, đó là phong nhiệt thêm thấp khí.

d) Có đứa ngoài da ngứa lắm, gãi mãi thời da bì lên, mà đỏ từng đám, cũng là phong nhiệt thêm thấp khí chứ không phải là chứng sởi.

e) Đầu ngón chân ngón tay hơi lạnh, người nóng ghê rét, không có mồ-hôi, nét mặt xanh buồn, đó là triệu chứng thương hàn.

g) Đầu ngón chân ngón tay hơi ôn phát sốt có mồ-hôi, mặt đỏ, mũi sổ ra nước trong, đó là triệu chứng thương-phong.

h) Phát sốt từ gần trưa (buổi chợ) quầng mắt sưng lên mặt vàng miệng thổ, đi cầu lỏng, đau bụng, đầu và trán, rốn nóng nhiều, hoặc ngày nóng đêm mát, hay trên nóng dưới mát, đó là sốt về thương-thực.

Tìm sách

i) Lòng bàn tay có mồ-hôi, mạch-lạc ở tay hơi động mà sắc mặt xanh hay đỏ, thường khi kinh sợ, đó là triệu chứng kinh-nhiệt.

k) Môi hơi đỏ, má đỏ, đại tiểu tiện đều bế vít, mình nóng, dưới cạnh sườn có mồ-hôi, mà ăn được, đó là chứng phong nhiệt.

Những chứng trên, dù không phải là sởi, nhưng nếu lâu ngày mà có gặp tà khí rồi độc ở trong phát ra, thì cũng có thể mọc sởi.

6.— PHÉP CHỮA LÚC SỞI SẮP MỌC

Chứng sởi nếu không sốt không mọc ra được, dễ mọc thì dễ bay, nếu lại thêm gặp những chứng sốt về phong, hàn hay thương thực thì sốt nhiều mà tà độc ngưng lại thời khó mọc mà khó bay nên dùng bài thuốc tuyên độc phát biểu ở mục hai thứ dưới đây mà tùy chứng gia giảm.

7.— PHÉP CHỮA LÚC SỞI ĐÃ MỌC

Sởi cần mọc cho hết, mọc dù thấy đầy nhưng đỏ mà nhuận là tốt, nếu vì gió vì lạnh mà vít lại không mọc hết, thời mình vẫn nóng không mồ-hôi, nhức đầu, nôn ọe, mụn sởi sắc nhợt không được đỏ, nên dùng bài « thăng-ma cát-căn thang » ở mục thứ 1 sau đây thêm những vị tô-diệp, xuyên-khung, ngưu-bàng. Tà độc nhiều mà ngưng tụ tất nhiên mặt đỏ, nó mê, phiền khát, mụn sởi đỏ tía thì nên dùng bài « Cam hoàng thạch-cao thang » ở mục thứ 26 sau đây.

TìmSách

Lại có người vì hư yếu không tống được tà độc ra ngoài, thì người chỉ hơi nóng, tinh thần mỏi mệt, mụn sởi không được đỏ, thì nên dùng bài « nhân-sâm bái-độc tán » ở mục thứ 8 kể sau đây.

Có người vì ốm rồi gầy yếu mỏi nhợt, lại nhân cảm thời độc mà mọc sởi, hay là người vốn gầy ốm mụn sởi nhợt mà không đỏ, nên dùng bài « gia vị tiêu-dao tán » ở thứ 37 sau đây, tức là những vị linh, truật, quy, thược, sài-hồ, cam-thảo, mẫu-đơn, sơn-chi, mạch-môn, cát-căn, trần-bì, bạc-hà, sắc uống.

8 — PHÉP CHỮA SỞI KHI MỌC VÀ BAY CHÓNG HAY CHẬM

Sởi mọc 3 ngày nên bay (tức là lặn đi) mới là vô bệnh, nếu một hai hôm đã bay tức là chóng quá, là vì bị gió hay lạnh hoặc nế khí mà tà độc chạy trở vào, nhẹ thời phiền khát nói mê, nặng thời mụ người hoảng loạn mà thở vội, nên dùng bài « Kinh-giới giải độc thang » ở mục thứ 28 kê sau mà ngoài thời dùng « Hồ-tuy-tửu » ở mục thứ 29 kê sau, phun vào chăn áo để mặc và đắp cho sởi mọc hết ra. Nếu hư nhiệt còn lưu ở ngoài biểu, thì sốt từng lúc (trào nhiệt) phiền khát, miệng ráo, lưỡi khô, thì không nên dùng cả thuốc hàn lương, mà nên dùng bài « Sài-hồ tứ-vật thang » ở mục 29 để điều hoà huyết phận thì mới mọc hết và bay như thường.

Tìm sách

9.— SỞI THẾ NÀO LÀ CHỨNG THUẬN

Đầu mặt mọc trước rồi mọc dần đến chân. Sắc đỏ tươi như hoa đào, tinh thần, ăn uống và đại tiểu tiện như thường là chứng thuận. Hay là dù nhiều mụn mà quang thuận, ngoài 3 hôm lặn dần là nhẹ, sắc của mụn sởi thấy mềm nhuận là tốt.

10.— SỞI THẾ NÀO LÀ CHỨNG NẶNG

1) Đầu mặt và hai gò má không lặn đi được

2) Gặp gió mà lặn gấp

3) Hai bên mép như đám mây sắc tía mà thành phiến không phân ra từng mụn.

4) Khi lên sởi bèn cả phát ban mà thở ngược lên.

5) Đỏ tía hay tối mà khô ráo không được nhuận.

6) Cổ-họng sưng đau mà không ăn được.

7) Có triệu chứng là nóng đến đại-tràng

8) Khắp mình chưa mọc mà hai cạnh-sườn mọc trước hai mép sưng lên, trông như là mỡ đều là chứng nguy.

11.— SỞI THẾ NÀO LÀ CHỨNG NGHỊCH (KHÔNG ĐƯỢC THUẬN)

1) Đen tối khô ráo mọc rồi lặn ngay

2) Mũi thở nhiều, miệng há ra, mắt không có tinh thần.

Tìm sách

3) Mũi xanh, phân đen, mà hút vào phùng cả ngực lên.

4) Thở suyễn.

5) Đầu và mặt không mọc được.

6) Nóng quá thở suyễn, đầy chướng ngực cao vù lên, thở so cả vai, nói cuồng, máu ra đẳng mũi (lục huyết) đập tay lắc đầu, sờ áo sờ giường, miệng thở ra hôi thối.

7) Sởi rồi cam răng có 4 thứ không chữa được : a) lở thối, b) không có mủ máu, c) chỗ cam sắc trắng nhợt, d) rụng răng (Hai chứng sau đều là dạ-dày đã bại).

Hết thảy nguyên khí không đầy đủ, không trục được tà khí ra ngoài mà thở suyễn đầy chướng là chết, như thế gọi là « buộn-chứng ».

12.— Ý NGHĨA DÙNG THUỐC

Tiên sư họ Phùng có nói : « Chứng sởi bởi độc khí từ khi thụ thai lại nhằm thời tiết, nếu bệnh nhân khí huyết đầy đủ thì bệnh nhẹ mà kém thì bệnh nặng. Người đời xưa ăn uống bình thường mà bẩm sinh được khỏe, người đời sau ăn uống cao lương mà bẩm sinh kém, nếu theo phép đời xưa mà chỉ dùng những vị thuốc mát hay lạnh (thanh lương), thì dương khí kém đi không đẩy được tà khí ra ngoài mà không mọc hết được, rồi đến hôn trầm không ăn, suyễn súc, phồng táo, hơn nữa thuốc giải biểu làm háo âm-phận, thuốc mát làm hại dạ-dày, rồi trên nóng dưới lạnh, suyễn súc tiết tả, khí ấy lại bảo là nọc sởi còn ở tạng phế, mà dùng thêm thuốc thanh lương thì nguy vong đến ngay vậy.

TìmSách

Vì thế tiên-sư mới chế ra bài « *toàn-chân nhất-khí thang* » kê sau đây.

Thục-địa 8 chỉ để giúp âm phận.

Bạch-truật 3 chỉ để giữ vững lấy tì vị.

Phụ-tử 6 phân để đem xuống hạ-tiêu.

Mạch-môn 2 chỉ sao với gạo để mát phổi.

Ngưu-tất 1 chỉ rưỡi để đem trở xuống.

Ngũ-vị 3 phân để thu-liễm.

Trong phương thuốc dùng vị phụ-tử để đem vị thục địa giúp âm phận mà giáng hỏa, đem vị mạch-môn, vị ngũ-vị để nạp khí về chỗ, khi âm phận không bị thiêu đốt, thời khí huyết điều hòa, mụn sởi tự nhiên bay hết mà chứng suyễn-súc tự khỏi.

Có người ngờ rằng, sao lại dùng những vị thuốc mà chứng sởi vẫn kỵ như vị phụ-tử rất nóng, vị bạch-truật rất ráo, vị ngũ-vị rất liễm, nhưng không biết vị phụ-tử mà không có can-khương thời không giữ nóng lại, lại có vị thục-địa thời giúp chân âm mà giáng hỏa rất chóng, vị bạch-truật mà có vị thục-địa, vị mạch-môn thì không ráo, sở dĩ dùng vị bạch-truật là giữ lấy tỳ vị mới vận hành được sức thuốc, vị phụ-tử dù mạnh dù tản đi nhưng có vị ngũ-vị để liễm lại, thời chỉ thông đạt đi các kinh-lạc, trong mấy vị ấy vừa thông kinh-lạc, vừa trừ tà độc, vừa giúp âm phận để đem hỏa trở xuống, thật là thần hiệu.

Lại như bệnh nhân vẫn là âm hư ho lâu, mạch bộ thốn là tạng phế mạnh, mà mạch bộ xích là tạng thận

Tìm sách

lại yếu, khiến cho mụn sởi lờ mờ không mọc hẳn ra được, chứng ấy không nên dùng thuốc giải ra ngoài biểu, thời tiên sư họ Phùng dùng bài « lục-vị địa-hoàng thang » thục-địa 8 chỉ, sơn-thù 3 chỉ, hoài-sơn 4 chỉ, mẫu-đơn 3 chỉ, phục-linh 3 chỉ, trạch-tả 3 chỉ, và thêm nhục-quế 1 chỉ, ngũ-vị 8 phân, chỉ uống một hai thang là sởi bay, ho đỡ, tinh thần nhẹ nhàng mà muốn ăn, nóng lui mà khỏi. Vì thế, phép chữa, còn phải xem mạch để dùng thuốc để cứu âm cứu dương, thì dù chứng nặng cũng cứu vãn được.

Như trên là gặp chứng nặng mà chữa theo ngoài phép thường.

13.— ĐẠI LƯỢC NHỮNG PHƯƠNG THUỐC PHẢI DÙNG

1) Sởi mới mọc dùng bài « *Thăng-ma cát-căn thang* » dù tạng hàn cũng đừng dùng vị quế-chi, dù người hư yếu cũng đừng dùng sâm và truật, dù ọe mà có đờm cũng đừng dùng nam-tinh, bán-hạ, nhất thiết đừng dùng thuốc phát hãn và thuốc hạ như chứng thương hàn, vì rằng phát hãn thời nóng thêm mà có thể thành những chứng máu ra đằng mũi (lục huyết) hay ho ra máu (khái huyết), lở miệng, đau cuống họng, phiền táo đi giải hay đi cầu không thông, dùng thuốc ho thời trong bụng yếu đi, mà có thể thành chứng đi cầu lỏng, chứng đại tràng trệ trở xuống.

2) Lúc mới phát sốt, sởi muốn mọc mà chưa mọc, dùng bài *tuyên độc phát biểu thang* ở mục thứ hai sau đây.

Tìm sách

Vì rằng sởi mới mọc mà dùng thuốc quá mát thời lại khó mọc ra được, nếu thời tiết rét quá nên dùng bài « *Quế chi bạch thược thang* » ở mục thứ 6 sau đây. Nếu thời tiết nóng quá thời dùng bài *Thăng-ma cát-căn thang* ở mục thứ 1 sau đây hợp với bài *Nhân-sâm bạch-hổ thang*, nếu thời tiết không rét không nóng thời dùng bài *Kinh-phòng bại-độc thang* ở mục thứ 7 sau đây. Nếu đương khi có chứng dịch lệ dùng bài *Nhân-sâm bại-độc* ở mục thứ 8 sau đây. Cần cho bệnh nhân ấm mát được vừa phải âm và dương được điều thì sởi sẽ mọc hết.

Tuy thế, còn nên phân biệt mụn sởi sắc đỏ thì nên dùng thuốc mát mà sắc trắng thì nên dùng thuốc ôn (ấm) khi đó lại không theo về thời tiết.

Mụn sởi phần nhiều mọc trước ở sau tai, trên cổ, lưng, mông, ta xem mụn sởi nhọn mà không dài, nhỏ và đều nhau, mà sắc đỏ là có hỏa thì nên dùng những vị như ngưu-bàng, liên kiều, thăng-ma, địa-cốt-bì, tri-mẫu.

3. Mụn sởi thấy trắng là huyết không đầy đủ, thời nên dùng những vị như đương-quy, xích thược, hồng-hoa.

4.— Mụn sởi sắc tía mờ tối khô ráo, là hỏa thịnh tà độc mạnh, thời thuốc giải biểu tiêu độc nên thêm những vị mát chân huyết giúp âm phận.

5.— Mụn sởi sắc đen là nhiệt độc mạnh quá, chứng ấy không chữa được, chỉ dùng thuốc hạ đi, mới cứu được muôn một mà thôi.

6.— Mụn sởi đỏ quá hay là hơi tía là huyết nhiệt hoặc mọc dày quá nên dùng bài đại thanh ở mục thứ 10 sau đây.

Tìm sách

7 — Mụn sởi thấy sắc đen là chứng chết, chợt thấy máu ra đẳng mũi (lục huyết) là tà giải đi được lại là điềm tốt.

8. – Phát sốt sán, bảy ngày không mọc ra được, là vì thớ thịt đã khó mọc, lại thêm gió lạnh hay là vì thổ vì đi cầu, rồi khí lực suy yếu mà không đẩy ra được, nên dùng thuốc đẩy từ trong cho phát ra ngoài, và lấy rượu « nguyên-thỏa » ở mục thứ 23 kê sau đây, phun vào mình và chăn áo của bệnh nhân.

9. — Nếu hàng tuần không mọc ra được, là vì phong hàn vít quá, nên dùng bài *Kinh-phòng bại-độc* ở mục thứ 7 sau đây.

10. — Mụn sởi thấy lâu không mọc mà mấy hôm không đi cầu là trong lý tà độc mạnh quá, nên dùng bài « lương cách tán » ở mục thứ 9 sau đây mà thêm vị ngưu-bàng-tử. Như vậy mà sởi vẫn không mọc trong bụng đầy mà đau, khí ngược lên mà suyễn súc hôn muộn nói mê là chứng chết.

11 — Khi mọc sởi rất kiêng gió lạnh và kiêng ăn thức sống thức lạnh, nếu không kiêng thì tà độc ngừng lại, hoặc lờ mờ chực lặn, hoặc mụn sởi xanh tía, mà sẽ phiền táo đau bụng, suyễn súc buồn bực hoảng loạn mà nguy vong đến nơi. Nếu mới mọc lại lặn ngay mà chưa hiện ra triệu chứng nguy hiểm, thời dùng ngay thuốc để phát ra, may ra mới sống được.

12. — Xét ra vì gió lạnh vít lại mà mọc chậm, hoặc phiền muộn, hoặc thổ hay đi cầu lỏng, dùng bài *Kinh-phòng bại-độc* làm chủ, nếu mọc được hết thì khỏi.

Tìm sách

13.— Phép chữa sởi cầm cho đậu, mặt, tai, má mọc hết được, nên biết mùa đông rét quá mà không mọc ra được, cũng không nên dùng nhầm thuốc lạnh hay ướt, chỉ nên dùng những vị như : Kinh-giới, phòng-phong, thuyền-thoái, khương-hoạt, nguyên-thảo, thông-bạch (hành-củ) và vị ma-hoàng tẩm mật và rượu sao, nhưng uống 1 thang thời thôi mà không nên dùng quá.

14.— Sởi đã mọc mà đỏ sưng lại hơn lên (không thấy nhạt dần đi) nên dùng bài *Hoá-độc thanh-biểu* ở mục 14 sau đây.

15.— Sởi mọc ba bốn hôm mà không bay là dương độc mạnh quá, nên dùng bài *Đại-thanh* ở mục thứ 10 sau đây, hay là những vị như kinh-giới, ngưu-bàng, huyền-sâm, cam thảo, cát-cánh để giải đi.

Tóm lại, đậu mọc bởi ngũ-tạng, sởi mọc bởi lục phủ, sởi thuộc về dương nên có hình mà không có mủ, phần nhiều là thực nhiệt mà ít khi là hàn, trẻ em khi mọc sởi mà chợt mình rét run lên là nhiệt quá sinh ra hàn, nên lúc mới nóng sốt nên phát tán ra ngoài biểu hay bổ âm để dẹp dương hỏa đi, còn những vị khô ráo quá mạnh, trước sau phải kiêng. Mọi người chỉ cho đậu là nặng mà không biết chứng sởi cũng không phải là nhẹ. Trên đây là tóm lược ở các sách cổ.

Tôi chữa chứng sởi khi mới sốt tựa như thương hàn, nhưng ho đờm, hắt hơi, sổ mũi, quầng mắt nặng ra, nước mắt giàn giụa, lợm lòng, ọ khan, thường muốn uống nước, như vậy thời khác hẳn với chứng thương-hàn. Nếu trong hai ba hôm vừa mọc là thuận, bằng thấy khó mọc thì

Tìm sách

dùng ngay thuốc phát ra ngoài biểu để thớ thịt mở ra thì là độc không còn ngừng lại.

Ta xem thấy ở tai, trên cổ, lưng và đùi thứ tự mọc trước, mà sờ mụn sởi thấy nhọn mà nhỏ, nửa mình ở dưới mọc thì nửa mình ở trên bay dần là tốt.

— Nếu đỏ quá là có hỏa nên dùng bài « hóa-ban » như những vị thuyền-thoái, mộc-thông, mật-mông, quy-vĩ, xuyên-khung, trúc-diệp, sài-hồ, long-đởm, sơn-chi, vân vân... hay là bài « nhân-sâm bạch-hổ thang » như những vị trí-mẫu, thạch-cao, sa-sâm, cam-thảo, cát-cánh, trúc-diệp, v.v... đều được.

— Nếu lấy tay xoa ở trên thì mụn sởi thấy trắng mà buông tay ra lại đỏ là huyết không đầy đủ, nên gia giảm dùng bài « dưỡng-minh thang » ở mục thứ 30 sau đây.

— Nếu đỏ tía hay là tối như tàn tro, mụn sởi khô ráo, mà khát nước uống nhiều, là hoả thịnh tà độc mạnh quá, nên dùng bài « lục-nhất-tán » là thạch-cao, cam-thảo để giải đi, hay là bài « hoàng-liên-thang » ở mục thứ 31 sau đây cũng được. Nếu nóng quá không lui, thêm vị hoàng-cầm, sài-hồ thăng-ma, cát-căn, ngưu-bàng, huyền-sâm.

— Nếu nóng quá nói mê không hiểu biết gì, thời nên dùng bài « Hoàng-liên giải-độc-thang » ở mục thứ 5 kê sau đây.

— Nếu khát quá cũng không nên ngăn giữ không cho uống chỉ không nên cho uống nhiều, dù là mùa rét cũng không nên cho đắp nhiều chăn đó là sợ nhiệt độc vào cổ họng thì sởi không mọc được mà đứa trẻ sẽ ngọng.

Tìm sách

— Nếu có thổ hay tả, nên dùng bài « tứ-linh » là những vị chư-linh, trạch-tả, phục-linh, mộc-thông, thêm vị ngưu-bàng, vị kha-tử.

— Sởi mọc rồi mà vẫn nóng nhiều nên dùng bài « thăng ma bạch-hổ thang » (ở mục 23 kể sau đây), thêm nhiều vị ngưu-bàng, huyền-sâm.

Đến hôm thứ chín sởi đã bay hết mà thấy mất tiếng thì dùng nước nguội hoà gói nhi-trà và hoà chút hàn-the cho uống là khỏi.

— Nếu sởi khỏi rồi mà thành chứng ly, thì phải khử tích độc ở tạng phủ như những vị đại-hoàng, hoàng-liên, chi-sác, binh-lang, để thông đi, rồi mới dùng được thuốc bổ, chớ ăn thức ngọt để khỏi sinh ra cam răng.

— Nếu thành chứng cam răng, thì dùng vị hồng-tảo (tức quả táo tầu) bỏ hột, bỏ mấy hạt gạo và chút hồng hoàng tán mạt rồi hoà tan với nước gạo và một chút muối mà ngậm là khỏi.

— Trở lại chứng sởi không mọc ra được, thì dùng bài thăng-ma-thang ở mục 33 kể sau, thêm vị ma-hoàng cho uống là mọc ngay.

— Nếu vài hôm không ăn mà uống nhiều nước, thời phép chữa nên mát cho dạ-dầy, dưỡng cho tạng tỳ và giải độc, thì tự nhiên ăn được.

— Nọc sởi sắp hết không nên ra gió, là phòng ngừa thành chứng đau mắt, và sau người sẽ gầy vàng. Lại chớ ăn thức nóng để khỏi hỏa ở dạ-dầy, làm cho miệng

Tìm sách

lưỡi sinh lở, nếu có lở lấy cáu trắng ở bên dưới chậu đi cầu, sao thật khô rồi sát vào một chút là khỏi.

Tóm lại, sau khi sởi đã bay phải kiêng cho trẻ em kể hàng trăm ngày. Cổ ngữ có câu : « Sau khi mọc sởi không nên khinh thường ».

14 – NÊN DÙNG THUỐC NHẸ HAY THUỐC MẠNH NHƯ THẾ NÀO ?

1. – Sởi muốn phát ra ngoài biểu, chứng nhẹ thời dùng bài « Thăng-ma-thang » ở mục 33 Nặng thời dùng bài « Ma-hoàng-thang » ở mục 34.

2. – Muốn giải nóng ở trong bằng cách thông lợi tiểu-tiện, chứng nhẹ thời dùng bài « giải-độc-thang » ở mục 35 hay là bài « Ích-nguyên-tán » ở mục 36. Nặng thời dùng bài Lợi tiểu-tiện phương.

3. – Trong và ngoài đều nóng dữ, chứng nhẹ thời dùng bài « hòa-giải-thang » ở mục thứ 37 hay bài « Tiểu-sài-hồ ở mục 38, nặng thời dùng bài « Liên-kiều ẩm » ở mục 39 hay bài « Sám-tô ẩm » ở mục 40.

4 – Chứng khí huyết đều hư yếu, nhẹ thời dừng bài « bổ-trung ích-khí thang » ở mục 41. Nặng thời dùng bài « bát-vật-thang » ở mục 43.

5. – Bổ huyết và thông hoạt cho chân huyết, chứng nhẹ thời dùng bài « tứ-vật » ở mục 44, nặng thời dùng bài « bạch-thược độc-thánh-tán » ở mục 46.

Tìm sách

6 — Bổ khí hành khí thuốc nhẹ thời dùng bài « tứ-quân-thang » ở mục 47, hay bài « bảo-nguyên-thang » ở mục 48, nặng thời dùng bài « nội-thác-tán » ở mục 49.

7.— Chứng người yếu mà hàn, nhẹ thời dùng bài « lý-trung » ở mục thứ 50, hay bài « sâm-linh bạch-truật tán » ở mục thứ 51, nặng thời dùng bài « Mộc-hương di-công tán » ở mục thứ 52.

8.— Tiểu-tiện đỏ mà sẻn, bệnh nặng thời dùng bài « trư-linh tán » ở mục thứ 53, nặng thời dùng bài « bát-chính-tán » ở mục thứ 54.

9.— Đại-tiện bế vit, chứng nhẹ thời dùng phép lấy mật để thông khoan ở mục thứ 55, hay bài « tứ-thuận-ẩm » ở mục thứ 56, hay bài « tuyên-phong-tán » ở mục thứ 57, nặng thời dùng bài « đại-sài-hồ » ở mục thứ 58, thêm nóng ở ngoài dùng bài « thừa khí thang » ở mục 59, hay bài « lương-cách-tán » ở mục 9.

Những phương thuốc kể trên, phải xem chứng nặng hay nhẹ mà dùng.

15.— CÁC TẠP CHỨNG TRONG KHI MỌC SỞI HAY KHI SỞI ĐÃ BAY

1.— Lúc mới phát ho, nặng mặt, bụng phiền, miệng ráo, phát sốt mà chưa thấy mọc, nhưng cuống họng đau, khí vận lên thổ vội, mặt mắt nề ra lúc nằm lúc đứng dậy, và các chứng kể ở trên là về hoả nung nấu mà lá phổi khô cong trở lên, nên dùng bài « cam-cát thang » ở mục

Tìm sách

thứ 3 hợp với bài « nhân-sâm bạch-hổ thang » ở mục thứ 4 thêm vị ngưu-bàng, bạc-hà.

2. – Chứng sởi phát ra bởi tạng phế, do ho nhiều không ngại, chỉ nên thanh nhiệt tiêu độc là đủ. Nếu ho quá, lúc mới thời bài « Thăng-ma — Cát-căn » ở mục thứ 1 thêm những vị tiền-hồ, cát-cánh, tô-diệp, hạnh-nhân, v.v., đã mọc rồi lại ho nhiều là hỏa làm hại tạng phế, nên dùng bài « Thanh-kim ninh khái »

3 – Cuống họng sưng đau không ăn uống được, nên dùng bài « cam-cát-thang » ở mục thứ 3 thêm ngưu-bàng-tử, v.v... Thông thường dùng bài « lương-cách tiêu-độc ẩm » ở mục thứ 60. Cổ thư còn nói: không cứ trước sau, nên đem bài « nhị-vọng tán » ở mục thứ 61 mà thổi vào cổ họng.

4. – Mất tiếng là tà độc vít quá làm lấp khiếu ở phổi, lúc mới nên dùng bài « huyền-sâm thăng-ma » ở mục thứ 62, đã lâu nên dùng bài « gia giảm lương cách tán ».

5. – Chứng khát muốn uống nước lã, là hỏa bốc trở lên mà phổi và dạ-dầy khô ráo, lúc mới nên dùng bài « thăng-ma cát-căn thang » ở mục số 1 thêm vị thiên-hoa, mạch-đông. Đã mọc mà còn khát, nên gia giảm bài « hoàng-liên giải-độc ở mục thứ 5. cũng hợp với vị thiên-hoa, mạch-đông. Chứng khát đó nên dùng đậu xanh, bắc-đèn, gạo rang sắc nước cho uống, để giải nhiệt sinh tân-dịch mà không nên cho uống nước lã, để sởi khó mọc có khi chạy trở vào.

Tìm sách

6 — Nói mê là nhiệt làm mụ cả tâm thần, lúc sắp mọc nên gia-giảm dùng bài « Tam-hoàng thạch-cao thang » ở mục thứ 26, sởi đã mọc nên gia-giảm dùng bài « hoàng-liên giải độc thang » ở mục thứ 5

7.— Thở suyễn gấp là chứng nguy, với chứng sởi rất kỵ, mới mọc chưa bay không có mồ-hôi mà thở suyễn là vì độc tà uất lên, thời nên dùng bài « ma-hạnh thạch-cam thang » ở mục thứ 64. Đã mọc sởi, ngực cách mà thở gấp thời nên dùng bài Thanh-khí hóa-độc thang » ở mục thứ 65, nếu lâu không khỏi thì là phổi khô đi mà không cứu vãn được.

8.— Chứng ra mồ-hôi, khi phát sốt mà thường ra mồ hôi thời sởi càng dễ mọc mà không nên vít lại. Nếu mồ hôi nhiều quá không chỉ, lại là tà độc mạnh bốc tân-dịch ra ngoài, nên dùng những vị cầm, liên, sinh-địa phú-tiểu-mạch, v.v... để vít lại, hay là bài « Sa-sâm bạch-hổ thang » ở mục thứ 4, hay bài « Hoàng-liên giải-độ » ở mục thứ 5, nếu để chậm thời mồ-hôi nhiều có thể vong dương.

9.— Chứng lục huyết. Khi phát sốt mà trong mũi ra máu là tà độc phát ra mà không nên vít ngay. Nếu máu ra nhiều là độc tà bức bách huyết phải chạy rông, nên dùng những vị như mao-hoa, qui-đầu, sinh-địa, cam-thảo, đan-bì, huyền-sâm, sơn-chi, liên-kiều v.v... để cầm lại, nếu không cầm được thời vong âm mà thành ra hoại chứng. Phép thường chữa chứng lục-huyết nhiều dùng bài « phát hôi tán » ở mục thứ 66 thổi vào trong miệng, mà trong uống bài « tê-giác-địa-hoàng-thang » ở mục 67, thì huyết cầm được.

TìmSách

10.— Đau bụng bởi thức ăn trệ lại, thì tà độc không phát được ra ngoài, nên trẻ em thường cong lưng kêu khóc, mi mắt nhắm lại, nên dùng bài « Gia-giảm bình-vị tán » ở mục thứ 68. Nếu đi cầu lỏng phân nên dùng bài « Hoàng-cầm-thang » ở mục 69 sau đây, thêm thở gia chút bán-hạ chế sao và gừng sống làm thang. Chứng trong bụng vội đi cầu mà lúc đi lại phải rặn nhiều (lý cấp hậu trọng), nên dùng bài « Hoàng-Liên giải-độc thang » ở mục thứ 5 hợp với bài « Ích-nguyên tán » ở mục 36.

CHÚ GIẢI.— Không biết là bản chính viết lầm hay sao, mà chứng đi cầu lại dùng bài Hoàng-Cầm gồm những vị hàn lương, chứng thổ lại dùng vị bán-hạ kỵ với chứng sởi, nhưng trên đây cứ dịch theo nguyên-văn xem mục thổ lợi thứ 11 sau đủ rõ.

10.— Chứng ọe thổ là vì hỏa tà bức bách ở trong mà khí của dạ dầy ngược lên, nên dùng bài « trúc-nhự thạch-cao » ở mục thứ 70 để thanh nhiệt điều hoà trung châu thời nôn ọe tự chỉ.

11.— Thổ và đi cầu lúc mới là hỏa-tà bức bách ở trên thời thổ, bức bách ở hạ tiêu thời đi cầu, bức bách ở trung-tiêu thời vừa thổ vừa đi cầu, phép chữa nên giải độc và phát ra ngoài biểu mà vị thanh-lương là thuốc mát không nên dùng.

12.— Chứng tả (tả là đi rất nhiều khác với lợi là chỉ lỏng phân) khi sởi chưa mọc đã đi tả luôn ra nước loãng là rất kỵ, vậy ta xem nếu mụn sởi quá nhiều mà sắc đỏ tía thời không ngại, vì rằng chứng tả sẽ giải bớt nhiệt nất, khi đã mọc hết và bay thời chứng tả tự ngừng,

Tìm sách

nếu sởi bay rồi mà vẫn còn tả thời nọc sởi chưa chắc đã hết, vậy chỉ nên dùng thuốc mát để đẩy nốt tà độc ra và thuốc lợi tiểu-tiện, chứ không thể dùng những vị để vít ngay đại-tiện lại như kha-tử, nhục-khấu để biến thành những dãy chướng thở suyễn mà không thể chữa được.

Theo phương pháp thường dùng, thời chứng sởi mà đi tả là nhiệt độc ở dạ-dầy và ruột, nên truyền tống thất thường, lúc mới nên dùng bài « thăng-ma cát-căn thang » ở mục thứ 1 thêm những vị như phục-linh, chạch-tả v.v... đã mọc nên dùng bài « Hoàng-liên-giải-độc thang » ở mục thứ 5 thêm những vị xích-linh, mộc-thông. Sách Cảnh-nhạc còn nói : « những người tỳ vị vốn yếu hay là dùng nhiều thuốc lạnh, hoặc ăn phải thức sống thức lạnh đến nỗi tỳ vị thụ thương mà thành ra chứng tả, thì lại không những là nọc của sởi, như vậy thì không có chứng nhiệt và mạch là nhiệt, mà đi tả ra sắc trắng mùi hôi, phép chữa lại phải cứu vãn lấy khí của tỳ vị như bài « ôn-vị ẩm » ở mục thứ 71, hay bài « ngũ-quân » ở mục thứ 72, hoặc bài « vị-quan » ở mục thứ 73.

13 — Chứng lỵ, khi mới phát sốt mà có chứng trong bụng mót đi cầu, lúc đi lại rặn nhiều mà không đi được (lỵ cấp hậu trọng), thời thuốc uống nên dùng chút đại-hoàng để thông lợi đi phần nào, vì đó là chứng thuần dương mà đừng cho là chứng hàn, nên phải chữa theo về sởi. Phép thường cho chứng ấy là chứng lỵ kèm sởi, bởi nhiệt độc ở bàng-quang, có khi đau bụng hay đi lỵ vừa đỏ vừa trắng đều nên dùng bài « thanh nhiệt đạo trệ » ở mục thứ 13 mà chớ nên dùng ngay thuốc để vít lại.

14.— Chứng sởi đã mọc rồi thì người phải mát dần,

Tìm sách

nếu đã mọc mà nóng không lui là tà độc còn ngừng lại, nên dùng bài « đại thanh » ở mục số 10 để giải ở ngoài biểu, đại-tiện khó đi thời dùng bài « hoàng-liên giải-độc thang » ở mục thứ 5 để giải ở trong lý Nếu có phiền muộn thời tùy chứng gia giảm. Nếu nóng lâu thời khô ráo thành chứng cam mà chết. Sởi đã bay mà mình nong ho đờm, hơi thở ồ ồ, là nóng còn ở ngoài biểu, thời nên dùng bài « sài-hồ thanh nhiệt-ẩm » ở mục số 74. Nếu nóng lâu không lui mà biến thành chứng cam thì nên dùng bài « lục-vị » ở mục số 20. Có người bảo trẻ em sao đã suy bại về tạng thận, nhưng không biết trẻ em âm khí chưa được hoàn toàn; huống chi lúc sởi mới mọc thời bại đến huyết phận, một khi nóng lâu thời chân huyết kiệt, mà không chữa để mạnh cho thận thủy thời sao dẹp được khí dương một khi vượng quá.

15.— Ho đờm nên dùng những vị bối-mẫu, cát-cánh, cam-thảo, bạc-hà, thiên-hoa-phấn, huyền-sâm, mạch-môn, để thanh nhiệt tiêu đờm, chớ dùng những vị thuốc vít lại.

16.— Chứng suyễn thở sau khi đã mọc sởi là nhiệt tà ở tạng phế, không nên dùng những vị thuốc để dẹp suyễn thở đi, chỉ nên dùng bài « Trúc-diệp thạch-cao thang » ở mục số 11, thêm nhiều vị tây-hà-liễu và những vị huyền sâm, bạc-hà, nếu nóng dữ dội thời dùng bài « Bạch-hổ » ở mục số 12 cũng thêm vị tây-hà-liễu, mà tối kỵ vị thăng ma, sởi mọc rồi ho và suyễn, nhẹ là dư độc chưa hết nên dùng bài « Thanh phế ẩm » ở mục số 16 hợp với bài « Tiêu-độc-ẩm » ở mục số 17, ho lắm thời ăn uống đều thổ ra hay là ho nhổ ra huyết, là nhiệt độc lấn

Tìm sách

vào tạng phế, thời nên dùng bài « mạch-môn thanh-phế ẩm » ở mục 18, và thêm vị Liên-kiều. Nếu thấy ngực cao lên, phải vịn vai mà thở suyễn, miệng mũi ra máu, đầu lắc đi lắc lại, sắc mặt hoặc trắng hoặc xanh hoặc đỏ mà khô xỉn tối tăm, thời không chữa được. Nếu nhẹ hơn, dù phát suyễn liên thanh không ngừng, nhưng không ho nhổ ra máu và không bỏ ăn, thời nên dùng bài « Thanh-phế-ẩm » ở mục số 16, thêm vị sa sâm chứ không nên chấp nệ là tạng phế nóng mà dùng cả những vị thanh giải. Sách Cảnh-nhạc có nói : « chứng thở suyễn mười người hư yếu đến 9 người, vậy phải xét xem, nếu không có hỏa chứng và hỏa tà hay là đi cầu nhiều, mồ-hôi nhiều mà xảy ra chứng suyễn, thời đều là khí sắp thoát mất, nên dùng bài « lục-khí-tiên » ở mục số 81, hay bài « Trinh-nguyên-ẩm » ở mục số 82.

17.— Chứng đi tả ra máu đặc, sởi bay rồi mà đi tả hay là đi ra máu đặc, đều bởi nhiệt tà hãm ở trong, vậy phải kiêng những vị vít lại, mà chỉ nên dùng những thuốc đem trở lên và phát tán, như những vị Thăng-ma, cam-thảo, cát-căn, hoàng-liên, bạch-chỉ, biển-đậu sao vàng sẫm. Đại-tiện ra máu đặc thời thêm vị hoạt-thạch. Nếu quả là trên nóng dưới lạnh, trên mạnh mà dưới hư yếu, thời lại nên lựa theo mà chữa (tòng trị) mà không nên chữa thẳng bằng những vị hàn-lương.

18.— Sởi bay rồi, độc khí còn lại mà thành ra chứng ly thời nên dùng bài « thanh-nhiệt đạo-trệ » ở mục 13.

19.— Sởi bay rồi sinh ra lở, là bởi ở huyết phận dư nhiệt chưa được hết, nên dùng những vị kim-ngân, kinh-

TìmSách

giới, liên-kiều, huyền-sâm, cam-thảo, hạc-sắt, hồ-ma, hoàng-liên, mộc-thông để giải đi.

20.— Sởi rồi thành chứng cam răng rất nguy, thời nên dùng cứt-bò đốt thật cháy, nghiền bột ra thêm vị long-não đun khô ước chừng 1 phân, nghiền đều mà thổi vào chỗ cam, còn ở trong thời uống những vị liên-kiều, cát-căn, thăng-ma, huyền-sâm, hoàng-liên, cam-thảo, sinh-địa, mà thêm nước tê-giác mài ra để điều vào, nếu để chậm thời không cứu được. Nếu vì khí của tạng lỵ yếu mà lạnh, nên dùng bài « Lý-trung thang » ở mục số 15 thời tà hỏa tự lui. Tóm lại phải xem mạch mà dùng thuốc, đừng chấp nệ là chứng sởi đều bởi nhiệt độc vì nhiều chứng lúc trước như nhau mà lúc sau lại khác.

21.— Sởi bay rồi, ăn uống cử động đã như thường, mà chợt thấy khắp mình ra mồ-hôi rất nhiều, hay là bụng trên dưới đau như vặn ra mà chực chết, thế là nguyên khí còn yếu, ngoài dù vô bệnh nhưng ở trong hư, một khi cảm phải khí hậu không tốt thời có thể chết ngay, chứng ấy gọi là « trúng-ác » thời phải dùng ngay bài « Nhân-sâm thang » nghiền với thuốc viên « Tô-hợp-hương » ở mục 21 để cho uống, nếu nhẹ cũng có thể khỏi.

22.— Sởi rồi, tiếng ngọng lâu ngày không khỏi, là bởi hoả ở tạng phế nung nấu sang dạ-dày, hỏa của dạ-dày lại nung nấu lên huyệt « hội yếm » mà thôi, cổ thư nói : « phế kim thanh thời tiếng rõ, phế kim không nhẹ thì nói ngọng », huyệt « hội yếm » sinh ở cuống-họng, thế là phế kim đã bị hỏa lấn đi, phép chữa nên dùng bài « Nhi trà-tán » ở mục số 84 hoà với nước thật nguội cho uống mấy lần, thời tiếng nói mới rõ, hay là uống bài

Tìm sách

« Thanh-kim giáng-hỏa thang » là những vị quy, thược, sinh địa, trần-bì, bối-mẫu, qua-lâu, phục-linh, hoàng-cầm, cam thảo, sơn-chi, huyền-sâm, thiên-môn, mạch-môn, thạch-cao, tang bạch-bì, hạnh-nhân tô-ngạnh, hoàng-liên, gừng sống sắc uống thời tự khỏi.

Hết thảy trước khi mọc sởi hay sau khi bay sởi mà ho đờm, đều là mọc sởi mà không nên coi thường, nếu ho lâu thời thành chứng « chẩn-bậu-phong » hay là nhổ ra máu, thời nên uống bài « Mạch-môn thanh-phế ẩm » là những vị Tri-mẫu, bối-mẫu, thiên-đông, cát-căn, cam-thảo, thạch-cao, trần-bì, hạnh-nhân, mã-đâu-linh, sắc uống. Nếu không thời hại đến phổi và dạ-dầy, ngực sẽ cao đột lên, bụng chướng thở suyễn, mặt và môi khô và tối tăm mồm thối, nhổ ra máu mà không thể cứu được. Tôi đã nghiệm có mấy trẻ dùng « Nhi-trà tán » rất hay.

23. — Chứng sởi bay rồi tới mươi hôm ăn uống không kiêng để thành chứng ly, lâu ngày không khỏi thành ra chứng hưu-tức-ly (ly lúc đi lúc ngừng), thế là mọc sởi còn ở lại đại-tràng, chứng ấy nhất thiết không dùng được thuốc để vít lại vì vít lại thời độc ở trong công trở lên, khiến trẻ em nôn ọe không ăn được, thành ra cấm khẩu, hoặc đi tả không chỉ, hay là đi cầu ra máu tươi hoặc như nước đậu hay là nước đục đều là chứng nguy, phép chữa phải uống bài « Tam-hoàng-thang » ở mục 85, thêm vị bình-lang, chỉ-xác cùng với bài « Thiên-thủy tán » ở mục 86, vì rằng phải thanh lợi trước rồi mới dùng được thuốc bổ

24. — Sởi đã bay rồi lại phát sốt mà mọc lần nữa đó là tà độc chưa hết, cho nên lần sau mọc ít hơn lần trước,

TìmSách

rồi đến phiền táo, nói mê, mũi hay miệng ra máu và sinh co giật, gặp chứng ấy phải chữa về huyết phận mà dùng ngay bài « Tê-giác địa-hoàng thang » ở mục 67, hay bài « Giải-độc thang » ở mục 35, Uống chừng 1 thang rồi dùng bài « Tứ-vật » ở mục 44 thêm viễn-chí, cam-thảo ; uống 1 thang như thế, nếu còn mê-cuồng kinh-sợ co-giật thời dùng bài « Ngũ-linh-tán » ở mục 87, điều với bài « Toàn-xa ích-nguyên tán » ở mục 88 độ 1 chỉ, cho uống thời cơ thể khỏi, đại khái sau khi bay sởi rất kiêng sự ăn uống mới khỏi được những chứng vừa kể ở trên.

25. — Sởi cũng như chứng thương hàn ít khi không khát. về chứng sởi mà khát nên dùng 1 lạng Ô mai bỏ vào nước nguội (mỗi lúc uống) để uống dần hay bài « Nhân-sâm bạch hổ thang » ở mục 4, nếu uống nước quá nhiều sợ sinh ra bệnh thủy súc vì chứng khát ấy thuộc về tạng tâm, nước vào tạng tâm truyền sang tạng tỳ mà thành ra nôn oẹ, tả, ly, truyền sang tạng phế mà thành chứng ho đờm, truyền sang tạng thận thành chứng đi tiểu tiện không lợi, chứng hòn dái sưng nề ra, truyền sang tạng can thành chứng đau cạnh sườn, chứng gân yếu, chứng bành trướng, nếu tạng phế thụ thương thời dùng bài « Thanh phế ẩm » ở mục 16, thêm ngũ vị, nếu tạng tỳ thụ thương thời dùng bài « Ngũ-linh tán » ở mục 87, nếu tạng can và thận thụ thương thời cũng dùng bài Ngũ-linh tán thêm mộc thông, sa tiền. Tôi xét cổ thư có nói hỏa mạnh thời vợi đi, hỏa yếu thời phải bổ vì đem thuốc hàn để chữa chứng nhiệt thời dễ biến, còn đem thuốc nhiệt để chữa chứng nhiệt thời mọi người đều nghi hoặc thực hỏa là dương hỏa, là hỏa hữu hình, hư hỏa là âm hỏa là hỏa vô hình, hỏa ấy tàng nạp ở trong thận

Tìm sách

thủy và tỳ thổ, vậy nên dùng những bài như « Lý trung » « Quy tỳ » mà tạng thận hư không tiếp nạp được âm hỏa ở hạ tiêu thời dùng ngay bài Lục-vị hay Bát vị v.v... Nếu chỉ biết để ý về tạng tỳ mà không để ý về tạng thận thời bệnh 1 nơi mà chữa 1 nẻo.

16 – PHỤ PHÉP MẤY CHỨNG BAN

1) Chứng sa-chẩn.

Chứng này là hỏa nhiệt ở phổi và dạ-dày mà sinh bệnh, người lớn cũng có khi có, mà trẻ em thời có nhiều, đó là thời-khí ôn-dịch, phép chữa nên dùng thuốc mát và phát tán, những vị cay đắng mà hàn như : kinh-giới, thủy-dương-liễu, cát-căn, thạch-cao, thử-niên tử, ma-hoàng, huyền-sâm, trúc-diệp, thiên-hoa-phấn, thanh-đại, bạc-hà v.v... Những vị cam hàn như mạch-môn, cam-thảo, v.v... Những vị khổ hàn như hoàng-liên, hoàng-cầm, bối-mẫu, liên-kiều, v.v... Những vị ấy tùy chứng nhẹ nặng mà dùng, nhưng khỏi bệnh thời thôi, không nên dùng quá.

2) Chứng tao-chẩn (Sởi ngứa nhiều).

Trẻ em khi ở trong bụng đã gặp phải khí huyết nhiệt của người mẹ, lúc đẻ rồi ngoài gặp gió mát đến nỗi khắp người điểm đỏ như hạt thóc, hạt gạo. Lúc sinh mới đầy tháng mà thấy bệnh như thế thời gọi là « lan-hoại-sang », khoảng 100 ngày thấy như vậy gọi là « bách-nhật-sang », chưa mọc đậu mà mọc trước như vậy gọi là « tao-chẩn », giữ gìn cẩn thận thời không chữa cũng khỏi. Cổ thư nói : « trẻ em khi chưa mọc đậu có chứng dịch về thời tiết,

Tìm sách

người mẹ nhiễm phải thời tiết lấy trẻ em bú phải sinh ra bệnh, hoặc khắp người mọc ra điểm đỏ, ta gọi thế là sởi hay là ban đều không phải, đó là người mẹ thụ bệnh mà lây đến con, phép chữa thời chữa cho người mẹ là người con tự khỏi, nghĩa là không để người con bú sữa của người mẹ đang nhiễm bệnh.

3) Chứng « cái-đậu-chẩn » (Sởi mọc sau đậu)

Chứng này đậu đã bay hết, sau mấy hôm thấy hơi nóng, độ vài ba ngày rồi khắp người mọc ra ban đỏ mà ngứa, lúc mới mụn lớn mụn nhỏ không đều như hạt thóc, hạt gạo, rồi lớn dần thành phiến như đám mây, đó là do độc của mụn đậu chưa hết, hoặc vì ăn nóng, hoặc vì phong nhiệt mà thành ra, ta còn gọi là « vân-đậu-chẩn » (sởi như đám mây), vậy đừng cho là sởi thật mà sợ, nếu vì thức ăn tích lại thời nên uống bài « Tam hóa » ở mục 75, thêm Hoàng-liên phòng-phong để tiêu thực trừ phong nhiệt, cho khỏi sinh ra tả lỵ, hoặc bài « Gia vị tiêu-độc-ẩm » ở mục 76, để thanh nhiệt trừ phong thì chứng ấy tự khỏi.

4) Ẩn-chẩn (Sởi mọc lờ mờ)

Chứng này là hỏa ở tạng tâm nóng đến tạng phế mà ngoài gặp phong thấp mà thành ra, lúc mọc ngứa nhiều quá, sắc đỏ lờ mờ ở trong bì-phu, nên dùng bài « Gia giảm khương-hoạt tán » ở mục 77, rồi dùng tiếp bài « Gia vị tiêu-độc-ẩm » ở mục 76, thời ngoài biểu trong lý mát đi mà tự khỏi.

TìmSách

5) Chứng dựng-chẩn

Người đàn bà có thai mà mọc sởi gọi là *Dựng chẩn* nên dùng bài « tứ-vật » thêm những vị điều-cầm, ngải-diệp sa-nhân để thanh nhiệt an thai. Tiên sư họ Phùng có nói : « thanh nhiệt an thai là phép từ đời xưa nhưng không biết sởi chưa mọc mà đã thanh nhiệt thời càng khó mọc mà nóng ở trong càng nhiều, thế là muốn an thai mà lại hại đến thai, vậy chỉ nên dùng những thuốc nhẹ nhàng để đẩy tà độc ra ngoài biểu thời sởi mọc mà nóng sẽ mát đi, rồi dùng tiếp những thuốc thêm cho chân âm thời thai vẫn yên. « Vả lại, vì ngải-diệp và sa-nhân tính ôn và thơm lại hại đến khí ở tạng phế, những vị ấy có thể làm cho ho mà thở để động thai, làm cho khí chân thủy khô ráo thời không an thai được ; như vậy thời không nên theo phép đời xưa như đã kể ở trên. Trước có 1 đàn bà có thai đến 5 tháng mà phát sốt mọc sởi, trước uống bài « Tứ-vật » gia hoàng-cầm nhưng sởi vẫn khó mọc, lại uống bài « Bạch-hổ » gia thăng-ma và dùng nhiều huyền-sâm, ngưu-bàng. Nếu nóng lâu khí của thai không được yên, thời uống mấy thang bảo thai, thấy đau bụng đau lưng là thai có thể truy, thời dùng phép chữa người tiền sản là người mẹ vẫn hoàn toàn » (Người đàn bà vì đậu sởi mà ra thai, thời không thể sống được, là bởi thai ra thời khí huyết đều hại, đã hư yếu lại hư yếu thêm, đâu có thể sống được).

6) Ban-chẩn.

Chứng này phần nhiều bởi bệnh dịch về thiên thời, cho nên nóng nhiều mà đại-tiện táo, tức là bệnh ở

trong lý không nên chữa theo như chứng sởi, mà dùng những thuốc phát tán, vì rằng chứng sởi thời có hình, còn chứng ban này thời lờ mờ ở trong da thịt, ngoài sờ vẫn thấy bằng phẳng, phép chữa không nên dùng thuốc phát tán và thuốc hạ, lại kiêng ăn 5 thứ cay (ngũ tân) và kiêng cơm nếp để khỏi trợ vị-hỏa. Vậy người sốt mà khát nên dùng bài « Sa-sâm bạch-hổ thang » ở mục số 12, gia huyền-sâm, sinh-địa, chỉ uống 1 thang là khỏi, nếu đại-tiện táo kết, nên uống bài « Tam-hoàng-hoàn » ở mục 23 để lợi đại-tiện. Đại-tiện thấy đỏ là sống, thấy đen là chết. Nhưng lại có người âm hàn phục ở trong mà hỏa bốc ra ở ngoài biểu mà thành chứng ban chẩn như vậy, chứng ấy nếu uống nhầm thuốc lạnh là nguy ngay.

7) Chứng « mạch-chẩn » (Sởi ở mạch)

Chứng này trẻ em mới sinh hay là đầy tháng, khắp mình mọc ra mụn đỏ như hạt thóc hạt gạo, nếu nhầm cho là chứng sởi mà cho mẹ uống thuốc để con bú, hay là để người con uống những vị đan sa về khoáng-vật, thế là không biết trẻ em tràng vị chưa được mạnh không thể dùng thuốc mạnh được, mà người mẹ mới sinh đâu có uống được thuốc phát tán và thanh-lương, như vậy là để trẻ em chết oan. Ta phải biết rằng chứng này là trẻ em ở trong bào thai, và thai nhiệt nung nấu khi đã sinh mới mọc ra, đó là mạch-chẩn thời không phải chữa là tự khỏi.

8) Ảnh-chẩn (Sởi như bóng)

Chứng này phát sốt vài ba hôm rồi thấy mọc mụn ở trong cơ-thể bì-phu, lúc có lúc không, như thể bóng

Tìm sách

mà không có hình, lúc đó nếu gặp gió lạnh hay ăn thức sống, thức lạnh thời bì phu bố vít rồi thành từng đám hoặc hồng-hồng trắng-trắng, hoặc hồng hồng rồi biến ra sắc tía, rồi độc công ở trong thành những chứng suyễn, đầy, đau bụng, mọc ra không được mà nguy vong đến ngay. Vậy phải dùng ngay bài « Thăng-ma hóa-ban thang » ở mục 78, hay là bài « Hoạt-huyết-tán » ở mục 79 thời sởi sẽ mọc ra. Nếu tiểu-tiện không thông mà nhiệt nhiều, thời dùng bài « Tử-linh tán » ở mục 80, thêm sơn-chi, mộc-thông, nếu nóng nhiều mà khát, thời dùng bài « Sa-sâm bạch-hổ » ở mục 4.

17.— NHỮNG PHƯƠNG THUỐC ĐỂ CHỮA SỞI (80 bài)

1) Thăng-ma cát-căn thang

Thăng ma, Cát-căn, Bạch-thược, Cam thảo, các vị bằng nhau sắc uống nóng.

2) Tuyên-độc phát-biểu thang

Thăng-ma, Bạch-phấn-cát, Phòng-phong, Cát-cánh, Kinh-giới, Bạc-hà, Cam-thảo, Ngưu-bàng sao, Liên-kiều, Tiền-hồ, Chỉ-xác, Mộc-thông, Đạm-trúc-diệp, sắc uống.

Khí trời nóng, thêm đại-hoàng sao, rét lắm thêm chút ma-hoàng.

3) Cam-cát thang

Cát-cánh, Cam-thảo, Ngưu-bàng, Xạ-can, Phòng-phong,

TìmSách

Huyền sâm, thang gừng sống sắc uống, nếu nóng nhiều thêm hoàng-cầm sao mà bỏ phòng-phong.

4) Sa-sâm bạch-hổ thang.

Sa-sâm, thạch-cao nung vào lửa sao chín, Tri-mẫu sao, Trích-thảo, gạo nếp sao lên để làm thang, sắc uống.

5) Hoàng-liên giải độc thang cũng gọi là « Lương-huyết giải-độc thang » :

Tử-thảo, Sinh-địa, Xích-thược, Tô-mộc, Phòng-phong, Kinh-giới, Hoàng-liên, Mộc-thông, Hồng-hoa, Thiên-ma, Cam thảo, Ngưu-bàng đều 3 phân, Sài-hồ 8 phân, Đan-bì 7 phân, thêm bấc đèn vào gạo nếp sao, uống nóng.

6) Quế chi cát-căn thang.

Cát-căn 4 chỉ, Gừng sống 3 chỉ, Quế-chi, Bạch-thược, Trích-thảo đều 2 chỉ, Táo 2 quả sắc uống lúc còn ấm.

7) Kinh-phòng bại độc tán tức là bài « Nhân-sâm bại-độc tán ».

Thêm Kinh-giới, Liên-kiều, Phòng phong, Kim ngân sắc uống.

8) Nhân-sâm bại độc tán.

Sa sâm, Xích linh, Khương hoạt, Độc hoạt, Tiền hồ, Sài-hồ, Bạc-hà, Chỉ-xác, Xuyên-khung, Cát-cánh, các vị bằng nhau, Cam thảo, Ngưu bàng đều bằng 1/2 những vị trên và thêm hành củ sắc uống.

Tìm sách

9) Lương-cách tán.

Hoàng-cầm, Liên-kiều đều nhiều hơn, Cam-thảo, Chi-tử, Bạc-hà, Cát-cánh, Trúc-diệp, những vị dưới ít hơn, sắc uống.

10) Đại-thanh thang.

Huyền-sâm, Đại-thanh, Cát-cánh, Nhân-trung-hoàng, Tri-mẫu, Thạch-cao nung chín, Mộc-thông, Tri-tử các vị sắc lên rồi đốt phân người (nhân trung-hoàng) cho thật đen mà hoà vào cho uống. Nếu đại tiện bí thêm Đại-hoàng.

11) Trúc-diệp thạch-cao thang hay « Lục-vị thạch-cao thang. »

Thạch-cao nung chín nhiều hơn, Trúc-diệp, Cát-cánh, Bạc-hà, Mộc-thông, Cam-thảo, sắc uống.

12) Bạch-hổ thang.

Thạch-cao nung chín 4 chỉ, Tri-mẫu 1/2 chỉ, Cam-thảo 3 phân, thêm gạo nếp sao sắc uống.

13) Thanh-nhiệt đạo-trệ thang.

Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Bạch-thược, Chỉ-xác, Sơn-tra đều 1 chỉ, Hậu phác tẩm gừng sao, Thanh-bì, Binh-lang đều 6 phân, Đương-quy, Cam-thảo, Ngưu bàng, Liên-kiều đều 5 phân, sắc uống. Nếu sởi đỏ lắm thêm Hồng-hoa 3 phân, Địa-du 5 phân, đại-tiện bí thêm Đại hoàng 1 chỉ.

Tìm sách

14) Hóa-độc thanh biểu thang.

Ngưu-bàng sao, Liên-kiều, Thiên-hoa-phấn, Địa-cốt-bì, Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Sơn-chi, Tri-mẫu, Cát-căn, Huyền-sâm đều 8 phân, Cát-cánh, Tiền-hồ, Mộc-thông đều 6 phân, Cam-thảo, Bạc-hà, Phòng-phong đều 3 phân sắc uống. Nếu khát thêm Mạch-môn 1 chỉ. Thạch-cao nung chín 3 chỉ. Đại-tiện kiết thêm Đại-hoàng sao với rượu 1 chỉ.

15) Lý-trung thang.

Nhân-sâm, Bạch-truật, Bào-khương các vị bằng nhau, Trích-thảo bằng 1/2 những vị trên, thêm gừng, táo, sắc uống.

16) Thanh-phế ẩm.

Mạch-môn 2 chỉ, Cát-cánh 2 chỉ, Tri-mẫu 1 chỉ, Kinh-giới tuệ, Thiên-hoa-phấn đều 1 chỉ, Thạch-xương-bồ 6 phân, Kha tử 8 phân, sắc uống.

17) Tiêu-độc ẩm.

Ngưu-bàng 4 chỉ, Cam-thảo 1 chỉ, Phòng-phong 5 phân, Kinh-giới-tuệ 2 chỉ sắc uống. Có khi thêm tê-giác mài ra và vị hoàng-cầm.

18) Mạch-đông thanh-phế ẩm.

Tri-mẫu, Bối-mẫu, Thiên-môn, Cát-cánh, Cam-thảo, Mạch-môn, Hạnh-nhân bỏ bì và đầu nhọn, Ngưu-bàng, Thạch cao, Mã-đâu-linh, Địa-cốt-bì. Lấy gạo nếp rang làm thang sắc uống.

Tìm sách

19) Dưỡng-huyết hóa-ban thang

Đương-quy, Sa-sâm, Sinh-địa, Hồng-hoa, Thuyền-thoái, các vị bằng nhau, gừng 1 phiến sắc uống lúc còn ấm.

20) Lục-vị địa-hoàng thang

Thục-địa 8 chỉ, Hoài-sơn, Sơn-thù đều 4 chỉ, Phục-linh, Mẫu-đơn, Trạch-tả đều 3 chỉ, sắc uống lúc còn ấm.

21) Tô-hợp-hương hoàn

Trầm-hương, Thanh-mộc-hương, Ô-tê-giác, Hương-phụ, Đinh-hương, Châu-sa, Bạch-truật, Kha-tử, Bạch-đàn-hương, Tất-bát, Xạ-hương, Long-não, An-tức-hương, Tô-hợp-hương, Huân-lục-hương, các vị tán bột, hòa với mật, lấy sáp bọc ở ngoài, những vị trên tùy nhiều ít.

22) Tam-hoàng hoàn

Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Đại-hoàng đều tán bột hòa với mật to bằng hột ngô, mỗi lần uống 4, 5 chục viên và chiêu bằng nước lã sôi hay nước muối loãng.

23) Nguyên-thỏa tửu

Hồ-tuy 1 chén lấy rượu sắc kỹ rồi ngậm nước ấy mà phun vào thân thể, quần áo, giường chiếu của người mọc sởi.

24) Gia-vị tứ-linh tán

Chư-linh, Mộc-thông, Trạch-tả, Xích-linh đều 7 phân, Hoàng-liên, Hoàng-cầm, Ngưu-bàng sao đều 5 phân, thêm 1 chén bấc đèn, sắc uống.

Tìm sách

25) (Bản in không rõ)

26) Tam hoàng thạch cao thang

Thạch-cao đề sống 3 **chỉ, Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Hoàng-bá, đều** 2 **chỉ, Địa cỏ nửa cáp (cáp chén), Ma-hoàng** 8 **phân, chi-tử** 5 **quả, sắc uống.**

27) Gia vị tiểu giao tán

Bạch-truật, Phục-linh, Đương-quy, Bạch-thược, Trích-thảo, Sài-hồ, các vị đều bằng nhau, Đại-táo 1 **quả, thêm Sơn-chi, Mẫu-đơn sắc uống.**

28) Kinh-phòng giải-độc thang (Bản in không rõ)

29) Sài-hồ tứ-vật thang

Sài-hồ, Đương-quy, Xuyên-khung, Bạch-thược, Sa-sâm, Mạch-môn, Tri-mẫu, Đạm-trúc-diệp, Hoàng-cầm, Địa-cốt, sắc uống.

30) Dưỡng-vinh thang

Sa-sâm, Đương-quy, Hồng-hoa, Xích-thược, Cam-thảo, sắc uống.

31) Hoàng-liên thang

Hoàng-liên, Cam-thảo, Can-khương, Quế-chi, Sa-sâm, Bán hạ chế sao vàng sẫm, và Đại-táo, sắc uống.

32) Thăng ma bạch hổ thang (Bản in không rõ)

33) Thăng-ma-thang

Thăng-ma, Cát-căn, Khương-hoạt, Sa-sâm, Sài-hồ, Tiên-

Tìm sách

hồ, Cam-thảo, Cát-cánh, Phòng-phong, Kinh-giới, Ngưu-bàng, Xích-thược, Liên-Kiều, Đạm-trúc-diệp. Các vị tùy nhiều ít sắc uống.

34) Ma-hoàng thang

Ma-hoàng, Quế chi, Hạnh-nhân, Cam-thảo, Gừng 3 phiến, sắc uống nóng.

35) Giải-độc-thang

Kim-ngân, Cam-thảo, Niên tử, Phòng-phong, Kinh-giới, Liên-kiều, Mộc-thông, các vị đều 3 chỉ sắc uống.

36) Ích-nguyên tán

Phấn-thảo (thứ Cam thảo to và nhiều bột) 1 lạng, Hoạt thạch 6 lạng, tán bột chiêu với nước lã.

37) Hòa-giải-thang (Bản in không rõ)

38) Tiểu-sài-thang

Sài-hồ 3 chỉ, Sa-sâm, Hoàng-cầm đều 1 chỉ. Bán-hạ chế và sao vàng sẫm 1 chỉ, Cam-thảo 7 phân, gừng 3 phiến, sắc uống lúc còn ấm.

39) Liên-kiều-ẩm

Liên-kiều, Cỏ-mạch, Kinh giới, Mộc-thông, Xích-thược, Đương-quy, Phòng-phong, Sài-hồ, Hoạt-thạch, Thuyền thoái, Cam thảo, Sơn-chi, Hoàng-cầm, Tử-thảo, sắc nước uống.

40) Sâm-tô ẩm.

Tiền-hồ, Sa-sâm, Tô-diệp, Cát-căn, Bán-hạ, Chế và sao

TìmSách

vàng sẫm, Phục-linh, các vị đều 3 phân, Chỉ sắc, Trần-bì, Trích-thảo, Cát-cánh, các vị đều 1 phân, sắc uống.

41) Bổ-trung ích-khí thang

Nhân sâm, Hoàng kỳ, Quy thân, Bạch truật sao, Thăng ma, Sài hồ, Trần-bì, Cam-thảo, và gừng, táo, sắc uống.

42) Bát-vật thang.

Nhân-sâm, Đương-quy, Phục-linh, Trích-thảo, Bạch-truật, Xuyên-khung, thục địa, Bạch-thược, gừng nướng 3 phiến, sắc uống.

43) Thập-toàn đại-bổ thang

Sâm, Linh, Truật, Trích-thảo, Khung, Quy, Thục, Thược, Hoàng-kỳ, Nhục quế, thang thuốc gừng và táo, sắc uống.

44) Tứ-vật thang

Khung, Quy, Thục, Thược, sắc uống lúc còn nóng.

45) Đương-quy hoạt-huyết tán

Xuyên-khung, Đương-quy, Sinh-địa, Xích-thược, Hồng-hoa, Tử-thảo, sắc uống.

46) Bạch-thược độc-thánh tán.

(bản in không rõ)

47) Tứ-quân thang

Nhân-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Trích-thảo, gừng và táo, sắc uống.

Tìm sách

48) Bảo-nguyên thang

Hoàng-kỳ 1 chỉ rưỡi, Nhân-sâm 1 chỉ, Trích-thảo 5 phân, sắc uống.

49) Nội-thác tán.

Nhân-sâm, Hoàng-kỳ, Đương-quy đều 2 chỉ, Xuyên-khung, Cát-cánh, Hậu-phác, Bạch-chỉ, Cam-thảo, các vị đều 1 chỉ, Mộc-hương, Nhục-quế đều 3 phân, Phòng-phong 1 chỉ, sắc uống.

Bài này cũng gọi là : « Sâm-kỳ nội-thác tán », để chữa chứng ngoài biểu hư, trong lý thực, thở nặng và hơi thở ồ ồ là trong lý thực, khí huyết đều yếu, đầu mụn đậu trủng xuống mà như tàn tro, sắc mụn đậu trắng nhợt.

50) Lý-trung thang.

Nhân-sâm 3 chỉ, Hoàng-kỳ 3 chỉ, Trích-thảo 1 chỉ, Nhục-quế 5 phân, bài này khác với bài « *Lý trung* » ở mục 15.

51) Sâm linh bạch-truật tán

Nhân-sâm, Bạch-truật, Phục-linh, Trích-thảo, Biển-đậu, sao, Liên-nhục sao, Ý dĩ sao, Sa-nhân sao, Hoài-sơn sao, Xuyên-tiêu, các vị tùy nhiều ít tán bột, chiêu với nước đun sôi.

52) Mộc-hương dị công tán.

Đương-quy, Mộc-hương, Phục-linh đều 3 chỉ, Nhục-quế 2 chỉ, Nhân-sâm, Nhục-khấu đều 1 chỉ, Trần-bì, Đinh-hương Bán-hạ chế và sao đều 2 chỉ. Bài này bỏ Phụ-tử cũng được, nếu trong bụng mót đi cầu mà đi không được, (lý cấp

Tìm sách

hậu trọng), thời không nên thiếu Phụ-tử, nhưng tùy trẻ em lớn, bé mà dùng nhiều hay ít. Các vị tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ, gừng và táo sắc làm thang và chiêu.

53) Tứ-linh tán.

Chư-linh, Phục-linh, Bạch-truật sao, Trạch-tả sao, các vị đều tán bột mỗi lần uống 2 chỉ chiêu với nước lã đun sôi.

54) Bát-chính tán.

Đại-hoàng, Sa-tiền, Cỏ-mạch, Biển-xúc, Sơn-chi, Mộc-thông, Cam-thảo, Hoạt-thạch đều 1 chỉ, tán bột, mỗi lần uống 2 chỉ chiêu với nước đun sôi.

55) Mật-đạo pháp.

Lấy 1/2 chén mật ong đun nhỏ lửa đến khi nhỏ xuống nước không tỏa ra rồi bỏ vào 2 chỉ bồ kết đã sao cháy tán bột rồi quấy đều, xe miếng giấy nhỏ dầu thuốc ấy dài hơn 1 tấc, 2 đầu thấm dầu thơm rồi luồn vào chỗ đi cầu của bệnh nhân, hễ thấy đi cầu thì rút ra, nếu chưa đi lại thay mồi khác.

56) Tứ-thuận ẩm.

Đại-hoàng, Đương-quy, Xích-thược, Cam-thảo, các vị đều bằng nhau, sắc uống, nếu khát vì nhiệt thêm mộc-thông.

57) Tuyên phong tán

Binh-lang 2 quả, Trần-bì, Trích-thảo đều 5 chỉ, Khiên-ngưu 4 lạng nửa đề sống, nửa sao tán, lấy đợt đầu và đợt cuối 1 lạng (bỏ đợt giữa đi), rồi hợp với 3 vị kể

Tìm sách

trên tán bột, mỗi lần uống 1 chỉ tùy trẻ em nhỏ và thêm hay bớt đi lấy nước lã để chiêu thuốc, 1 phương nữa có thêm Đại-hoàng và Mộc-hương cùng với 3 vị trên, sắc nước uống để chiêu thuốc bột của vị Khiên ngưu.

58) Đại sài-hồ thang

Sài-hồ, Chỉ-thực, đều 2 lạng 2 chỉ, Bán-hạ chế sao 1 lạng 5 chỉ, Xích-thược 1 lạng 8 chỉ, Hoàng-cầm 2 lạng, Đại-hoàng 3 lạng 7 chỉ, cùng với gừng táo, sắc lấy nước không cứ lúc nào cũng uống đặng.

59) Thừa-khí thang.

Đại-hoàng 4 chỉ, Hậu-phác 2 chỉ, Chỉ thực 3 chỉ, sắc uống.

60) Lương-cách tiêu-độc ẩm (bản in không rõ).

61) Tam nhị thánh tán (bản in không rõ).

62) Huyền-sâm thăng-ma thang

Huyền-sâm, Xích-thược, Thăng-ma, Tê-giác (giũa lấy bột) Cát-cánh, Quản-trọng, Hoàng-cầm đều 1 chỉ, Cam-thảo 15 chỉ, sắc nước rồi hoà với bột tê-giác mà uống.

63) Tam-hoàng thạch-cao thang (Bản in không rõ).

64) Ngân-hạnh thạch-cao thang (Bản in không rõ).

65) Điều khí hoá độc ẩm (Bản in không rõ).

66) Phát hội tán (Bản in không rõ).

TìmSách

67) Tê-giác địa-hoàng thang

Sinh-địa, Bạch-thược, Mẫu-đơn, Tê-giác các vị bằng nhau sắc uống. Bài này bộ sách Bạt-tụy thời thêm Cầm-liên Đại-hoàng. Bộ sách Lương-phương thời thêm Cầm-liên. Bộ sách « Cục-phương » thời thêm vị Đào-nhân.

68) Gia vị bình-vị tán.

Trần-bì, để cả phấn ở trong, Biển-đậu sao đều 2 lạng, Xương-truật 3 lạng sao, Hậu-phác 1 lạng rưỡi, Cam-thảo trích 1 lạng, Mộc-thông 8 lạng, đều tán bột, lấy nước gừng sống để chiên đi, tùy người lớn nhỏ mà uống nhiều hay ít.

69) Hoàng-cầm thang.

Hoàng-cầm, Hoàng-liên, Chi-tử, Sinh-địa, Mộc-thông, Trạch-tả, Cam-thảo, Mạch-môn, các vị tùy nhiều ít sắc uống trước lúc ăn cơm.

70) Trúc-nhự thạch-cao thang.

Thạch-cao 5 chỉ, Nhân-sâm 1 chỉ, Mạch-môn 1 chỉ rưỡi, Cam-thảo 6 phân, Đạm-trúc-diệp 14 lá, gạo tẻ sao 1 nắm, sắc nước rồi hòa với nước gừng đã giã và vắt lấy rồi chiên đi độ 2 thìa thuốc. Bài này của ông Trọng-Cảnh.

71) Ổn-vị ẩm

Nhân-sâm, Bạch-truật, Biển-đậu sao, Trần-bì, Can-khương, Trích-thảo, Đương-quy, sắc uống.

72) Ngũ-quân tiên.

Nhân-sâm 3 chỉ, Bạch-truật sao, Phục-linh đều 2 chỉ, Trích-thảo 1 chỉ, Can-khương 2 chỉ, sắc uống.

Tìm sách

73) Vị-quan tiên.

Thục-địa 5 chỉ, Hoài-sơn sao 2 chỉ, Biển-đậu sao, Trích thảo, Gừng sao đều 2 chỉ, Bạch-truật 3 chỉ, Ngô-thù 7 phân, sắc uống lúc còn ấm.

74) Sài-hồ thanh nhiệt ẩm (Bản in không rõ)

75) Tam hóa thang (Bản in không rõ)

76) Gia-vị tiêu-độc ẩm (Bản in không rõ)

77) Gia-giảm khương-hoạt tán (Bản in không rõ)

78) Thăng-ma hóa-ban thang (Bản chính không thấy viết vị thuốc)

79) Hoạt-huyết tán.

Bạch-thược, Huyền-hồ sao, Đương-quy, Xuyên-khung, các vị đều 4 lạng, Nhục-quế 1 lạng, cùng tán bột, mỗi lần uống 4 chỉ hay sắc uống sau bữa ăn.

80) Tứ-linh tán : Đã biên ở mục 53 trang trên.

81) Lục-khí tiên.

Hoàng-kỳ, Nhục-quế, Nhân-sâm, Bạch-truật, Đương-quy, Trích-thảo sắc uống.

82) Trinh-nguyên ẩm.

Thục-địa, Đương-quy, Trích-thảo, sắc uống lúc thuốc còn ấm.

Tìm sách

83) Nhân-sâm thang.

Nhân-sâm, Phục-linh, Hoàng-cầm, Trần-bì, Khương-hoạt, Ma-hoàng, Thục-tiêu, (lấy những hột bỏ miệng bỏ những hột kín miệng rồi sao đến khi vị thuốc ấy ra mồ hôi ẩm thì thôi). Vị này 15 chỉ, các vị đều sắc uống sau bữa ăn.

84) Nhị-trà tán (Bản in không rõ)

85) Tam-hoàng thang (Bản in không rõ)

86) Thiên-thủy tán.

Hoạt-thạch 6 lạng, Cam-thảo 1 lạng, cùng tán bột, lấy nước lã mới múc ở giếng lên hòa vào mà uống dần.

87) Ngũ-linh tán.

Chư-linh, Trạch-tả, Phục-linh, Bạch-truật sao, Nhục-quế sắc uống.

88) Thần-xa ích nguyên tán.

Hoạt-thạch 6 lạng, Cam-thảo 1 lạng, Thần-xa 3 chỉ, cùng tán bột. chiêu với nước lã.

18. — NHỮNG CHỨNG DO TIÊN-SƯ HỌ PHÙNG CHỮA MÀ GHI Ở SÁCH « CẨM-NANG »

Bấy giờ gặp mùa có chứng sởi, mà nhiều bệnh nặng các thầy thuốc đều dùng thanh giải hoặc đẩy tà độc ra ngoài biểu mà không có công hiệu. Có người thân thể đều mọc sởi mà trên mặt chỉ mọc lờ mờ, sốt nhiều, suyễn thở, phiền táo, không ăn được mà đi cầu, có

TìmSách

người minh và mặt mọc đều nhưng mắt đỏ, sốt nhiều, suyễn thở không ăn đi cầu. Tóm lại đều là khí âm kiệt ở trong mà khí dương bốc ra ngoài, khí của tạng phế thụ thương, như vậy đều bởi chân thủy không đủ, người không biết đều cho là dư độc của sởi mà không biết bởi khí huyết tổn thương tức là âm và dương phát ra bệnh.

Tiên-sư xét mạch, nếu thấy bộ thốn mạnh, bộ xích yếu, hay là tế và xác mà vô lực, đều cho uống bài « Toàn-chân nhất-khí thang », bỏ vị sâm mà tùy người lớn hay nhỏ để cho uống nhiều hay ít, thời chỉ 1 vài chén mà thở và nóng đều lui, ngủ yên, hơn 1 hôm thời nhẹ nhàng muốn ăn, hơn nữa những người trước kia có lở ở miệng hay đau mắt cũng khỏi cả, thế mới biết phương thuốc ấy để cho chân dương và giúp cho chân âm, chỉ có bệnh nhân nào người khỏe, khí lực mạnh, mạch cũng có lực, thời mới dùng những vị Liên-kiều, Bối-mẫu, Ngưu-bàng, Cam-thảo, Cát-cánh, Đan-bì, Sinh-địa để thanh giải mà thôi. Nếu không biết lẽ khí âm kiệt, khí dương bốc lên mà chỉ cho uống thuốc giải biểu tiêu độc, thời sẽ đến âm dương đều kiệt mà phiền táo suyễn súc. Bấy giờ còn cho là mọc sởi chạy vào trong, bệnh nhân mắt trông trộm và sấm khẩu là tinh thần sắp thoát hết, mà còn cho là biến kinh, sao mà ngu tối đến như vậy.

Cháu trưởng của tiên-sư mới 4 tuổi, đương mùa hè mọc sởi, vì không chịu uống thuốc, đến 5, 6 hôm thời tinh thần mỏi mệt nằm lịm đi mà lộ con ngươi, trong người sởi mọc lờ mờ mà đầu mặt lại ít, trán nóng như rang,

Tìm sách

đùi và chân nóng đều, không thiết ăn uống, khô ráo không có mồ-hôi. Tiên-sư bảo rằng mặt không mọc được sởi là dương hư không đẩy được lên trên, trán nóng hơn mọi chỗ là hỏa long-lôi bốc trở lên, người mụ đi mà không ăn là nóng lắm mà khí ở trong không vận hóa được, không có mồ-hôi là chân âm khô ráo, nằm lim đi mà lộ con ngươi là « Đốc mạch » vội quá. Chứng ấy nếu dùng thuốc phát tán thời càng háo chân âm mà hư hỏa càng bốc lên, phong tự trong phát ra rồi đến tựa chứng kinh là không phải là kinh. Phương chi, khí âm kiệt mà lại dùng thuốc tán tà giải biểu thời sẽ cuồng-loạn, phiền-táo khí huyết đã bại thời không đủ sức để đẩy ban sởi ra ngoài, tiên-sư nghĩ vậy, mới dùng Thục-địa 8 chỉ, Bạch-truật 3 chỉ, Ngưu-tất 1 chỉ, Mạch-môn 2 chỉ, Ngũ-vị 3 phân, Phụ-tử 6 phân. Uống xong thời những mụn sởi ở trên mặt đều thấy mọc ra mà nóng ở trên trán lui ngay, thân thể ra mồ-hôi mà điều hòa. Rồi tiên-sư cho sắc Sâm, Mạch, Ngũ-vị để uống nóng thời hôm sau tinh thần được vượng như trước.

Có người ngờ rằng, vị Ngũ-vị thu vít lại là không hợp với chứng sởi, nhưng không biết trong phương thuốc còn có vị phụ-tử để đem đi, một khi khí dương đã mạnh mà khí âm đã đầy đủ, thời nọc sởi tự giải đi được.

Vì thế giúp chân thủy để ra mồ hôi mà chứng giải nhiệt tự khỏi; thế là chính khí đã điều hòa thời tà khí tự tán đi, vậy thì bách bệnh hữu hình nên tìm ở chỗ khí huyết vô hình, nếu không tìm đến căn bản mà chỉ dùng thuốc để đuổi tà khí thời ít khi không nguy hiểm.

Một chứng nữa, trẻ em mới 3 tuổi, phát sốt mấy hôm mới thấy mọc sởi, nhưng chỉ 1 hôm mà trên mặt đã

Tìm sách

lặn, tinh thần khó chịu, giun ra đằng miệng, mấy hôm không ăn mà trên suyễn dưới tả, miệng môi nứt nẻ ra, ngực và lòng bàn tay nóng quá, mà đầu ngón chân ngón tay lại lạnh, mạch thời tế và sác mà không có thứ tự, 2 bộ xích lại yếu.

Nhà có bệnh và thầy thuốc đều cho là mọc sởi chạy vào trong, vì dạ-dầy nóng quá mà giun ra, nhưng không biết bệnh nhân thần khí sắp tuyệt, ngũ tạng đều khó chịu mà tạng tỳ không vận hóa được để nạp thức ăn, giun trùng không có gì ăn lại thêm tân-dịch khô ráo, hư hỏa nung nấu tạng phủ, nên không được yên mà phải ra đằng miệng.

Huống chi, mọi ban sởi đều do tỳ vị kém điều dưỡng, khí ngược trở lên, cho nên khí huyết vượng thời mụn sởi đỏ và chóng mọc, khí huyết kém thì mọc lờ mờ chứ không phải là mọc sởi nặng hay nhẹ.

Hơn nữa, trên mặt lặn gấp là dương hư không đầy được ở trên, suyễn sác là đoản khí không liên tục được, môi nứt ra là tân dịch ở tạng tỳ khô kiệt, ngực và lòng bàn tay bàn chân nóng quá là âm hư mà hỏa làm khô ráo, không ăn mà đi tả là hoả suy mà tỳ không vận hoá được. Bộ thốn, bộ quan mạch tế và sác mà mạch xích lại yếu là khí huyết hư mà hư hoả bốc lên không về được nơi cũ.

Gặp chứng như trên, mà không bổ hỏa ở trong chân âm để hỏa long-lôi liễm trở xuống, thời bệnh nhân chỉ còn 1 chút nguyên-dương lấy gì để sinh tồn, phương chi bệnh cấp phải chữa về ngọn, bệnh còn thong thả thời chữa về gốc. Những chứng kể ở trên là nguyên khí chực

Tìm sách

thoát. Nội-kinh có nói « có khi bệnh cần cấp thời cho ngọn là gốc »

Nếu ta không biết chữa ngay vào chỗ cần cấp, mà cứ bảo những chứng ấy là nọc của ban sởi, hoặc thanh giải hoặc phát ra ngoài biểu, thời e rằng thần khí đã mất hết ở trước lúc ban sởi, tức là không đợi chứng sởi mà thần khí đã mất rồi.

Suy rộng ra, thời những chứng ung thư sũng độc thật nặng, cũng bởi khí huyết ngừng kết mà thành hình ; nhân tạng nào hư yếu mà phát hiện ở bộ phận của tạng ấy, chứ không phải có thứ sang độc gì vào trong khí huyết người ta mà làm hại như vậy.

Tiên-sư nghĩ như vậy, mới cho bệnh nhân kể ở trên, uống 1 thang thuốc, Thục-địa 6 chỉ, Đơn bì 2 chỉ Mạch-môn 3 chỉ, Ngưu-tất 2 chỉ, Phụ-tử 6 phân, thời giả nhiệt khỏi ngay mà lộ ra những chứng thật hàn, bệnh nhân thần khí lại mỏi, tiên-sư bảo rằng, khí âm đã hồi, thời lại nên bổ khí dương để giúp sự sinh hóa, nên lại chiếu phương thuốc kể trên mà sắc thêm 5 chỉ Nhân-sâm để uống chung, qua 1 đêm thời tinh thần nhẹ nhàng, chứng suyễn súc yên bẳn mới ăn được cháo mà hơi ợe, là vì khí của dạ-dầy hư yếu đã lâu, Tiên-sư mới dùng bài « Toàn-chân » để cả vị sâm cho uống 3, 4 thang là khỏi hẳn.

Còn như thói thường vẫn ngờ vị ngũ-vị là có tính thu vít, nhưng vị ấy mà đi với vị phụ-tử thời chỉ để tàng nạp hư hỏa đã bốc lên, người đời xưa dùng thuốc vừa mở vừa đóng là như vậy. Tiên-sư đem phương thuốc kể trên để

TìmSách

chữa chứng ma-chẩn (sởi như hột vừng) mà âm phận khô ráo, nóng nhiều phiền-táo, trên suyễn dưới tả, trên đầy đủ dưới hư yếu, trên nóng dưới lạnh, hễ uống vào là khỏi. Ông Ngô-bạc-Cao cũng nói : « đem sâm, phụ để chữa chứng ban sởi là biện pháp của nhà làm thuốc ». Người làm thuốc không biết quyền biến thời không biết lẽ ấy.

TìmSách

TìmSách

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập : *DƯƠNG-ÁN. ÂM-AN*

TìmSách

TìmSách

Lời dịch giả

Tập **Y-dương-án** *là Lê tiên-sinh ghi lại những chứng bệnh nặng mà tiên-sinh chữa khỏi. Tập* **Y-âm-án** *là Lê tiên-sinh ghi lại những chứng nặng mà tiên-sinh chữa không khỏi.*

Tuy nhiên, ta không nên nhận rằng hai tập ấy chỉ là thiên ký sự.

Vì rằng trong một chứng bệnh từ lúc mới phải rồi sau biến chuyển như thế nào? Tiên sinh luận bệnh như thế nào? dùng những thuốc gì? cho đến khi khỏi hay không? Tiên-sinh đều ghi lại kỹ càng. Một khi nhà làm thuốc đã coi như thể chính mình đã từng chữa về bệnh ấy, thế là coi 2 tập này vừa tinh về y-lý vừa hiểu về thực hành cũng không khác gì coi những tập kia.

Làm tại Saigon, ngày 15 tháng 7 năm 1971

Dịch giả

Đinh-Thụ . HOÀNG-VĂN-HOE

TìmSách

Tiểu-dẫn của tác giả

Ông Vương-Thái-Bộc có nói : « Nhà làm thuốc chữa bịnh không khó, mà chữa những bệnh khó chữa mới là khó. » Vì thế người giữ chức trách về tính-mạng cho người, không ngại đường xá, quản đêm mưa, mà gặp những bệnh rất khó, đã mời là đi đã đi là chữa. Nếu thấy bệnh khó mà thoái thác thì làm thuốc làm gì ?

Tôi là nhà nho gặp lúc binh biến, lui ở chỗ giang-hồ à Huyện Hùng-San để nuôi mẹ, tuyệt chí về đường công danh mà học về môn tính-mạng, không quản công phu, chữa cho người nhà rồi đến người ngoài, qua thời gian kinh nghiệm mới dám sắm đồ làm thuốc. Trong khoảng một năm, chữa hằng ngàn bệnh mà không cho là khó. Dà có một vài chứng bệnh nguy cũng hết sức tìm tôi để cứu vãn.

Nhân thể, tôi xếp những bệnh án nào khó mà đã chữa khỏi, không biết vì sức mình hay là bởi ăn may mà ghi chép ra sau đây, không phải là dám khoe khoang mà chỉ là đem những sự kinh nghiệm để bày tỏ về khổ tâm của mình.

Lê Hữu Trác
biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông
làm bài tiểu dẫn trên.

TìmSách

TẬP DƯƠNG-ÁN

GỒM CÓ NHỮNG BÀI

1.— Chứng tiêu-khát (đi giải nhiều mà khát vô độ).

2.— Chứng âm hư nhức đầu.

3 — Chứng có thai mà đau bắc-loạn.

4.— Chứng ngoại cảm thêm nội thương.

5.— Chứng chợt ngã ra mà không phải trúng phong.

6.— Chứng đàn bà goá bệnh nặt.

7.— Chứng âm hư đau nhiệt (chỉ nóng không rét).

8.— Chứng đậu, huyết nhiệt tà độc nhiều mà nguyên khí hư yếu.

9.— Chứng thật nhiệt mà giả hàn.

10 — Chứng cảm mạo động thai.

11.— Chứng vong âm mà hôi-hãn (mồ-hôi nhiều như tắm).

12 — Chứng trẻ em ho đờm.

13.— Chứng trẻ em đau nhiệt (chỉ sốt không rét).

14 — Chứng sản hậu kết khối.

15.— Chứng cạnh-sườn đau mà đầy chướng buồn bực.

16.— Chứng quan-cách.

17.— Chứng nan sản (khó đẻ).

TìmSách

TìmSách

I.— CHỨNG TIÊU-KHÁT

Mùa đông năm Bính-Tý, tôi ở quê đến Kinh-đô Thăng-Long, người bạn là Dám-Sinh họ Trần hẹn tôi đi thuyền chơi ở Hồ-Tây uống rượu đêm và làm thơ. Tôi đúng hẹn đem cái đàn đến nhà ông Dám-Sinh, thời thấy người trong nhà có vẻ hoảng sợ. Một chốc ông Dám-Sinh bảo tôi rằng : « Trời không theo ý người làm ngăn trở cao hứng của chúng ta ». Tôi ngạc nhiên hỏi rằng : « có việc gì » ? Ông Dám-Sinh nói : « Đứa cháu nhỏ gọi tôi bằng cậu đương gặp chứng bệnh nặng thầy thuốc trong nhà chữa không khỏi, mà mọi thầy thuốc trong kinh cũng đều thúc thủ, tôi nghe ông học rộng về đạo Kỳ, Hoàng (ông Kỳ-bá là bề tôi, ông Hoàng đế là vua, là tổ sư làm thuốc) muốn nhờ ông giúp cho một tay ». Tôi nói : « Bác và Cậu của người cháu Tôn-ông đều là bậc lương y mà đã không chữa khỏi, thời tôi có tài gì để điều trị, nhưng xin biết người cháu tôn ông bị chứng bệnh gì » ? Ông Dám-Sinh trả lời : « Cháu sốt thương-hàn mới khỏi, ăn mấy miếng chả thịt bò và cơm nếp, đến chiều bụng đầy phát sốt, đã uống bài « bổ-trong » và thêm những vị tiêu di thời nhọ đầy nhưng tăng sốt, ngờ là ngoại cảm lại thêm vị thuốc tán tà thời sốt lui, nhưng đến hôm sau ngực nó dềnh lên bằng cái đấu, tựa hòn khối mà không phải hòn khối, tựa đầy mà không phải đầy, nóng như lửa rang, không muốn cho người ngoài sờ đến, mà phiền khát lại thêm lên, như thế một ngày một đêm, dùng thuốc tiêu cũng không khỏi đầy, dùng

Tìm sách

thuốc mát cũng không lui sốt, hiện nay uống nước một phần đi tiểu hai phần, đã cho uống bài « sinh-mạch » để chữa khát, bài « lục-vị » để bổ thủy, bài « bát-vị » để đem hỏa xuống, nhưng vẫn nóng và khát, lại thêm hôn quyện sắp thành chứng suyễn thở, có mồ-hôi ở trán là dương khí gần thoát, mọi thầy thuốc đều thúc thủ, mong ông nghĩ tình bè bạn lại ngay để cứu chữa ».

Tôi tự nghĩ rằng, bổ thủy hỏa thật là gốc để chữa khát, nhưng đáng ngờ là trong bụng tựa như hòn khối tựa như đầy chướng, theo như Nội-kinh bị hại về khó nhọc là chứng bất túc, mà bị hại về ăn uống là chứng hữu dư, vả lại, thịt bò tính ôn, dễ phát nhiệt độc, cơm gạo nếp thì lâu tiêu, lúc ốm rồi tỳ vị chưa được mạnh mà đã thụ thương về thức ăn, mọi thầy thuốc lấy cớ mới ốm khỏi mà không dám dùng thuốc hạ, thời có lẽ vì thế mà bệnh không khỏi. Nội-kinh có nói : « khí của thức ăn không vận hành, thượng-tiêu không lưu thông thời dạ-dầy phải nóng, lại theo cổ thư bàn về thương-hàn có nói : « thời chứng ấy phải hạ ngay để cứu chân thủy và giữ lấy tân dịch ».

Tôi nghĩ như vậy, rồi trả lời rằng, với tình bè bạn tôi đâu dám không cố sức, chỉ sợ múa rìu trước mắt thợ để làm trò cười mà thôi. Ông Dám Sinh nói : « Tôn nuynh không nên quá khiêm », rồi mời tôi cùng đến nhà người cháu. Tôi thấy bệnh tình khó cả mười phần mà mạch thời hai bộ xích có thần, mạch sung-dương đặt tay là thấy, bốn chân tay ôn hoà. Vả lại chứng tiêu-khát bởi tạng thận, sao các thầy thuốc trước bổ thủy bổ hỏa mà không dùng thuốc hạ, ông cậu của người cháu xin

tôi luận bệnh cho biết, còn ông bác thời nói rằng, việc cần xin nhờ tôn ông giúp ngay mà bất tất phiền ông bàn luận.

Tôi tự nghĩ bệnh này phải dùng thuốc hạ mới có thể sống được, nhưng nói rõ là dùng thuốc công phạt, lại sợ mọi người ngăn trở.

Tôi mới nói dối rằng : « Nhà tôi có bài bí phương gia truyền, rồi tôi đem những vị thuốc của nhà có bệnh bốc một thang « điều-vị thừa-khí » sắc sôi cho uống, một chốc bụng sôi thở nhẹ, tôi lại bảo sắc nước thứ hai cho uống nốt, một lát sôi bụng đi tả hai lần ra đều thịt bò với cơm nếp. Rồi bụng nhẹ đi mà thôi khát, tôi lại nghĩ ngay phải bổ tỳ thổ để giữ lấy sinh cơ, mới dùng một lạng truật, hai chỉ gừng sao đen, ba chỉ chích-thảo, 5 phân ngũ-vị, sắc kỹ rồi hòa với sâm cho uống thời khát chỉ hẳn mà ngủ liền miên một nửa đêm, lúc tỉnh dậy đòi ăn, tôi bảo cho uống nước cháo loãng, rồi lại theo phương thuốc kể trên, sắc rồi hòa với sâm, uống được ba thang thời tinh thần mạnh mẽ, các chứng đều khỏi. Tôi kế tiếp dùng bài « bát-vị » bội mẫu-đơn, bỏ chạch tả thêm ngũ-vị, ngưu-tất để bổ mệnh-hỏa, lại thêm vị thỏ-ty để bổ dương cho tỳ, thận, nhưng đổi thuốc hoàn làm thuốc thang uống luôn hai chén thời yên.

Bấy giờ bác và cậu của người cháu đều thỉnh tán môn thuốc gia truyền của tôi, mà xin đem tiền để mua lấy bài thuốc. Tôi nói tôi nhân ốm mà học thuốc, không có thầy dạy mà không môn truyền, vả lại những phương thuốc gia truyền nếu chứng gì cũng khỏi, thời xưa kia tinh không như đức Hiên-Viên, ông Kỳ-Bá, ông Biển-Thước, ông Chu-

Thương, sao không mỗi bệnh lập ra một phương, là vì phương chỉ là chữ phỏng, đặt bài thuốc làm mẫu để người sau bắt chước mà tùy chứng lập phương, vậy đâu có thể đem những bài thuốc sẵn để ghép với những bệnh thiên hình vạn trạng được. Tôi nói xong sai lấy bài thuốc để hai vị cùng xem, thời không phải bài thuốc thần bí gì, mà chỉ là bài « điều-vị thừa-khí », xem rồi ai cũng kinh ngạc mà hỏi về lý lẽ tôi dùng bài thuốc ấy, tôi trả lời rằng : « ăn uống mà thành bệnh là thực bệnh hữu hình, nay người cháu mới ốm khỏi, tỳ vị chưa được như thường, mà thịt bò và cơm nếp đều là thứ nóng, một khi đình trệ thời nhiệt nất ở trung-châu, mà tân dịch háo mới thành chứng tiêu khát ». Luận về thương hàn có nói : « Bệnh ấy phải hạ ngay để cứu chân thủy », ông Vương-Thúc Hòa cũng nói : « Chứng tiêu khát phải chữa bằng bài « điều-vị thừa-khí ». Nội-kinh cũng dạy rằng tà khí mạnh quá thời là thực chứng. Cho nên tôi dùng bài thuốc ấy, đem vị công để làm thuốc bổ, tôi đâu dám đem ý kiến không đâu coi thường nhân mạng mà ăn may để thành công. Hai ông nghe nói đều khâm phục mà than rằng, thuốc không cứ vị hay vị thường, hễ biết dùng thời vị thuốc đại hàn hay nhiệt cũng có ích cho ta, rồi sai người cháu đem lễ phẩm ra để tạ mà thưa rằng : « ân đức của Tiên-sinh chữa cho tôi được sống lại, tôi suốt đời không dám quên ».

2. – BỆNH ÂM HƯ NHỨC ĐẦU

Tôi nhàn rỗi cùng người bạn đi chơi núi Hương-Sơn, ngủ trọ đêm nhà thầy thuốc già người họ Đỗ, thấy một người đàn bà trẻ đến kể bệnh xin thuốc, vị thầy thuốc

già nói chuyện với tôi rằng : « Tôi từ năm trước chữa bệnh cho người này thật là hết phép, mà không thấy thuyên giảm, từ đấy tưởng bệnh nhân gặp được vị thầy thuốc giỏi mà đã được mạnh, ngờ đâu đến bây giờ cũng không bớt phần nào ». Người đàn bà ấy nói rằng : « Sau khi tôi xin thuốc của tôn ông rồi đến kinh đề tìm người chữa, qua bảy tám năm nay chứng bệnh lúc tăng lúc giảm, nhớ lại lúc uống thuốc của tôn ông, tuy bệnh không đỡ, nhưng ăn uống được hơn mà khí lực còn mạnh, nay lại xin tôn ông điều trị cho, nếu tính mệnh của thiếp chưa đến nỗi thời không bao giờ quên ».

Bấy giờ vị thầy thuốc già hàm hồ như muốn từ chối. Tôi thấy người đàn bà ấy thân thể béo mà quang nhuận là đầy đủ bề ngoài mà khác ở bề trong, sắc mặt đỏ hồng âm hư ở dưới mà bốc dưỡng lên trên, với bệnh chứng ấy, vị thầy thuốc già bàn-luận tựa như có lý, nhưng chỉ là trông thấy bề ngoài, khi ấy tôi nói rằng : « tôi là nhà nho, chỉ biết sơ qua về lẽ thuốc, nay được gặp tôn ông nghe chuyện bàn rất vui, nhưng không biết người này vì sao mà thụ bệnh ». Người đàn bà thấy tôi biết thuốc mừng mà rằng : « Biết đâu trời, theo ý người nay được gặp bực cao minh là may cho nhà thiếp ». Thiếp từ lúc 18 tuổi đi lấy chồng sinh được một con trai, khi thiếp 25 tuổi thì người chồng bị mất, đến 26 tuổi mắc bệnh, mỗi khi trời dầm mưa hay là nắng mà ẩm thấp, thời mờ mắt, ồ tai, nhức đầu như bề ra không ngồi đứng được yên, chỉ lấy nước lã tẩm vào vải mà đắp lên mới được hơi nhẹ, đến chiều tối thời bệnh lại, tự khi thiếp đến kinh-đô đề tìm thầy, sau cùng gặp một vị bảo là chứng đờm thấp cho uống thuốc thang và thuốc hoàn đến

Tìm sách

hơn hai tháng, hiện nay lại thêm bệnh ở ngực, thường thường nóng lên như lửa đốt, mà lúc nóng thời não nùng muốn thổ không thổ được, nước dãi dãn ra nhổ đi không kịp, người mệt, mặt đỏ, chân răng lay động, hễ gặp công việc khó nhọc thời bệnh lại hơn lên, tiểu-tiện đi luôn đại-tiện táo kết, kinh nguyệt không có đã năm năm nay », nói rồi xin tôi xem mạch để điều trị.

Tôi thấy sáu bộ mạch « phù và đại » mà không có thứ tự, mạch bộ xích bên tả yếu lắm, mạch xích bên hữu, « huyền cấp », mạch thốn bên hữu lại huyền cấp hơn, tôi biết rõ là thủy suy không chế được hỏa, mà thiếu hỏa biến làm tráng hỏa, hành hỏa khắc hành kim mà khí nất, vả lại người ấy ở góa thời bệnh nất không nói tự biết, những chứng tai ù, mắt mờ, răng lung lay đều là thận hư yếu, chứng ở ngực nóng là hỏa nất ở trung-tiêu. Nong nếu dạ-dầy cho nên rỏ dãi nhiều, vì dạ-dầy hư yếu thời tạng tỳ cũng yếu không giữ được đờm vải, chứng váng đầu là âm thủy ráo, hỏa tà phạm đến âm phận, về đêm bệnh nhẹ là âm được âm giúp, thế là chứng âm hư cực độ.

Tôi bảo vị thầy thuốc già rằng : « theo ý tôi thì mọi chứng đều là âm hư khí nất, không biết tôn ông nghĩ ra sao ? » Người thầy thuốc ấy nói rằng, cao kiến của đại huynh thật hợp với lão phu, trước kia tôi cho thuốc chỉ dùng bài tứ-vật gia chi-mẫu, hàng bá bội khung và quy, rồi thêm vài vị thuốc trừ phong như tế-tân, cao-bản, mãn-kinh-tử, v.v... mà thuốc hoàn thời dùng bài quy-tỳ chứ không có phép gì khác, hoặc giả sức thuốc chưa đủ. »

Tìm sách

Tôi nghĩ thầm rằng, vị thầy thuốc này chỉ biết chữa ngọn mà không biết chữa tận gốc, nếu ta chỉ cứu về căn bản sợ công hiệu không chóng, tôi mới nghĩ ra một phương, để bệnh nặng gần 10 năm mà thành công chỉ có một ngày, mới phục được mọi người, rồi tôi nói trước kia tôi nói, là đánh trống qua cửa nhà sấm xin tôn ông miễn thứ, vị thầy thuốc già nói rằng, hằng tâm giúp cho người là điểm tốt của nhà làm thuốc, xin tôn ông đừng quá khiêm, tôn ông đi chơi thời thuốc hẳn thiếu, vậy dùng đến vị gì xin lấy ở trong tủ thuốc của tôi cho tiện. Tôi thấy vị thầy thuốc già có lòng tốt, mới cắt 1 thang thuốc : thục-địa 8 lạng, đương-quy 6 lạng, xuyên-khung 3 lạng (tám đồng-tiện sao 2 lần) ngưu-tất 2 lạng để sống, ngũ-vị 1 lạng, thành 1 thang thuốc to, dặn người đàn bà ấy làm việc một lúc để giữ cho hỏa bốc lên, hễ thấy người hơi nóng thời dùng ngay thuốc thang chia làm nhiều lần mà uống luôn rồi đi nằm. uống rồi ăn một bát cháo để giúp vị khí, mà một ngày một đêm uống xong.

Người đàn bà ấy đem thuốc về, đến hôm sau thấy đem lại lợn, gạo nếp, vò rượu và ba quan tiền tạ lễ mà nói rằng : « tôi uống theo lời dặn, mỗi lần uống thời mồ-hôi ra khắp người mà trên đầu thì mồ-hôi như mưa. uống nước thứ nhứt thời trên đầu bốc nóng như lửa, đến nước thứ hai thì đầu mát mồ-hôi chỉ, ngực nhẹ tinh thần vượng lên, nghĩ lại 8 năm bệnh hoạn chỉ một ngày mà không biết bệnh hết lúc nào. không may gặp muộn bực cao y để bây giờ mới khỏi, nay đem lễ mọn đến tạ, mong bực cao y thu nhận cho ».

Vị thầy thuốc già, trước thấy tôi cắt phương thuốc

Tìm sách

ấy vị thuốc ít quá mà phân lạng thời nhiều, dù không bàn luận nhưng nửa tin nửa ngờ, nay thấy thần hiệu mới hỏi tôi rằng : « Nhà tôi mấy đời làm thuốc, chưa từng thấy dùng phương thuốc nào như của tôn huynh, không biết tôn huynh có sách kỳ bí thế nào, » tôi trả lời rằng : Làm thuốc không chấp nệ về bài thuốc, chỉ để làm khuôn phép cho người làm thuốc bắt chước, tôi thấy người đàn bà ấy chân âm suy kiệt mà hỏa bốc lên, nếu dùng nhiều vị thục-địa để bổ chân thủy, vị dương-quy kèm đi để hành khí cho tạng tỳ và bổ khuyết cho tạng can, thêm vị xuyên-khung để khai uất mà tầm đồng-tiện sao để giáng hư hỏa, thêm vị ngưu-tất để đem trở xuống, vị ngũ-vị để tàng nạp. Nội-kinh có nói : « khí giáng thời hỏa cũng giáng », nên thành ngữ có câu giáng hỏa phải nên dẹp chân khí trước, phương thuốc ấy là tôi tùy bệnh mà lập ra mà không theo bài thuốc sẵn.

Vị thầy thuốc già than mà rằng : « Tiên-sinh học đến chỗ huyền diệu người ta khó bằng được », tôi nói « phương thuốc ấy chỉ để nén lúc bệnh tinh dương mạnh, nhưng không thể uống mãi được, nay tôi định một bài thuốc thang, và một bài thuốc hoàn, nhờ tôn ông bào chế kỹ cho thị uống, còn lễ phẩm của thị xin tôn ông để lại để bù vào số tiền thuốc », nhưng vị thầy thuốc già cố từ không nhận, tôi bất đắc dĩ để lại một nửa mà chỉ lấy một nửa, thuốc thang dùng bài dưỡng-vinh bỏ trần-bì mà bội ngũ-vị, sinh-địa thời thay thục-địa, còn thuốc hoàn dùng bài lục-vị thêm quy, thược, nhục-quế, ngũ-vị, như thế mới biết phải thông biến chứ không chấp nệ về bài cũ.

Tìm sách

3.— CHỨNG CÓ THAI MÀ ĐAU HOẮC-LOẠN

Một nhân viên tòng sự ở đồn Vĩnh-Doanh tên là Bản-Tố, có người bác có mang tám tháng, nhân ăn cua bể buổi chiều đau bụng lắm, mà chân tay lạnh, chỗ ngực nóng như lửa, thường há miệng muốn nôn mà không nôn được, thai đem trở lên mà dưới rốn như người đói, ngang lưng như người thắt chặt, lúc đau như dao cắt, như dùi đâm, đứng ngồi phải dựa vào người khác. Người chồng vội vàng đến nói với tôi. Tôi đến xem thời lưỡi đã rụt, môi đã đen, mắt không nhắm được, mà nói dông rỡ, sáu bộ mạch thời trầm và vi, chỉ còn mạch thái khê có thần, mạch sung-dương có lực. Tôi đoán rằng đã đau là không được lưu thông, mà âm dương ngăn cách cho nên 6 bộ mạch trầm và phục, nóng nhiều thời giá lạnh, vì hỏa xông ngược trở lên, cho nên thai ngược lên, vì khí trệ cho nên ngang lưng như thắt lại, vả lại cua bể tính hàn, thời bịnh này hẳn là trên nhiệt và dưới hàn, nếu cho uống bài lý-trung thời trên nóng ngăn lấy mà không lọt xuống được, hơn nữa thức ăn tích lại thời ôn bổ sao được, vậy chứng này phải hạ ngay mới có thể hoàn toàn. Ông Kỳ-Bá có nói : « người có thai bởi cớ gì mà phải dùng thuốc để đem xuống thời thai cũng không ra ».

Tôi đương nghĩ thời người chồng rỏ nước mắt mà rằng : « Nếu không thể toàn hoạt được cả mẹ con, thời xin ông chữa lấy người mẹ ». Tôi nói rằng thai chưa đến tháng sinh thì không ra được, vả lại dùng thuốc cho ra thai thời tạng phủ đều hại không chắc có giữ được mẹ, rồi tôi cắt một thang điều-vị thừa-khí, nhưng đem vị đại-hoàng tẩm

Tìm sách

rượu sao chín, rồi mài với thuốc để uống. Người đàn bà ấy uống khỏi cổ họng thời trong bụng sôi một tiếng to, rồi đi tả ra nước vàng và những thứ ăn đã tích lại, tôi sai người nhà sờ bụng thời thai vẫn y nguyên, người đàn bà ấy kêu to lên rằng, bây giờ tôi mới biết là sống mà đau đã hết rồi, bụng đã nhẹ rồi. Tôi mới cắt một thang phụ-tử lý-trung cho uống, rồi đem những vị sâm, truật, phục-linh, sa-nhân, trích-thảo, để điều trị trong mấy hôm, thời mọi chứng khỏi cả mà tinh thần hơn trước.

Người chồng lạy tạ mà rằng : « Vợ con tôi được sống sót là nhờ đức của tôn ông. » Nhưng phép chữa về bệnh kể trên là tôi bất đắc dĩ mà dùng tạm, thế là đem thuốc công đuổi tà để giúp chính khí, dù là to gan nhưng bụng vẫn cần thận, trước nhứt hạ những thức ăn tích lại, cũng để an thai, mà sau dùng bài lý-trung là để chữa hàn độc của của bề và giữ lấy tỳ vị, sau khi dùng vị đại-hoàng.

4 – CHỨNG NGOẠI CẢM THÊM NỘI-THƯƠNG

Người mẹ của vị quan giữ đồn Vĩnh-doanh đã ngoài bảy mươi tuổi, cảm mạo hơn 1 tháng, nhân ăn phải bánh nếp rồi đầy chướng, vị quan ấy rất tin ông thầy thuốc họ Lâm người Tàu, lại thêm mấy vị nữa thay nhau điều trị mà không chút công-hiệu, đến sau các chứng bệnh khác phát ra rất nhiều, người nhà đã sửa soạn việc tang, vị quan ấy mới tìm tôi xem mạch, tôi thấy phu-nhân tinh thần hoảng hốt đầu cổ nóng như lửa, trán ra mồ-hôi như cúc áo, chỗ ngực nóng nhiều mà phiền táo không yên, đầy chướng thở suyễn lên, người hầu hai bên đã

Tìm sách

rỏ nước mắt, tôi thấy mạch hai bộ thốn phù và sác mà vô lực hai bộ xích trầm, vì muốn tuyệt, tôi biết là chứng trên nhiệt mà dưới hàn, nếu chữa về tích trệ thời nguyên khí sẽ thoát, không gì bằng bổ ở tạng thận đem hỏa về chỗ, là trong thủy dưỡng lấy hỏa để nguyên khí lại sinh ra.

Vị quan ấy giục tôi lập bài thuốc, tôi lại nói nên dùng bài bát-vị, giảm vị đan-bì, vị trạch-tả, mà thêm vị mạch-môn và ngũ-vị, ngưu-tất, hòa với nước sâm cho uống, người thầy thuốc họ Lâm lắc đầu mà bảo rằng không thể được, vì từ trước đến nay, phu-nhân không ưa uống thục-địa, hễ uống vào là đầy chướng, tôi nói rằng tiên sinh muốn dùng phương thuốc gì ? Người thầy thuốc họ Lâm trả lời khi cần thời phải chữa về ngọn, vậy nên uống bài « Trung-mãn-phân-tiêu-thang », tôi nói rằng nguyên khí chỉ còn như sợi tơ, giữ vững ngay còn lo không kịp, thời sao lại tiêu đi được. phương thuốc tôi lập ra là chữa mệnh chứ không phải chữa bệnh. Vị thầy thuốc họ Lâm nói rằng : « như vậy thời uống bài « Hương sa lục-quân thang ». Tôi nói rằng vị sâm dùng với các vị trần-bì thời lại tiết nguyên khí, vả lại vị bán-hạ tính hoạt tại sa-nhân tân hương. cũng không giữ được căn bản.

Bấy giờ hai vị Thủ-quan thấy hai bên tranh biện, bảo người thầy thuốc họ Lâm mà rằng, ông này chữa cho phu-nhân đã lâu, nếu uống thục-địa thời chứng bế mãn lại khởi lên phải không ? Tôi nói rằng thấy chứng như thế thì lập phương như thế là hợp với bệnh chứng, vị quan ấy lại hỏi tôi rằng, tội cũng biết phu nhân không ưa vị thục-địa, thời tôn ông nên tìm phương thuốc khác, nếu bất đắc dĩ phải dùng đến vị thục-địa thời bớt ít đi. Tôi

Tìm sách

thưa rằng bài bát-vị dùng vị thục-địa vi quân, là bổ thủy để cân với hỏa, nay bệnh bởi thủy-suy hỏa bốc lên mà bớt thục-địa đi thời vị thuốc cần phải dùng nhiều lại không đủ sức, như vậy là có tên bài bát-vị mà không phải bài bát-vị. Vị quan ấy hàm hồ lại vì người thầy thuốc họ Lâm ngăn trở, nên phân vân bất định. Tôi thấy vậy lui ra, sắp đến cổng thành, gặp vị tả-bích-quan là cháu họ vị quan kia, cũng biết nghề làm thuốc, tôi bảo vị ấy rằng bệnh của phu-nhân ngặt lắm, vì người thầy thuốc họ Lâm ngăn trở, không để uống bài thuốc của tôi. Tôi đã hai ba lần biện luận mà quan nhà ta vẫn không xuôi lòng, vả lại người thầy thuốc họ Lâm học tuy rộng nhưng không biết thu hẹp lại, chưa đủ tài để cứu cho bệnh nhân nguy cấp, vị tả-bích-quan bảo tôi rằng : « ông nên quay vào với tôi, triết tỏa chỗ khuyết điểm của thầy thuốc họ Lâm, » tôi nghĩ rằng làm thầy thuốc phải để tâm cứu người, nếu tỵ hiềm mà không chịu khó thời trái với âm-chất.

Khi tôi quay vào, vị quan hỏi tôi vẫn nói như trước mà từ sắc nghiêm nghị, vị tả-bích-quan cũng có khuyên, vị quan kia phải theo gượng, tôi mới chế ngay phương thuốc bát-vị đã kể ở trên, bảo sắc ngay để cho uống, mới hết một thang mà mồ-hôi chỉ phiền-táo yên, nóng lui, tinh thần nhẹ nhàng, muốn ăn, nhưng vẫn còn một chút về chứng thở ngược lên, tôi mới cắt bài « sinh-mạch » để nấng thay nước chè, nấng vài thang thuốc thời ăn uống tiến dần, rồi tôi điều trị hơn một tuần thời mọi chứng đều khỏe, khí sắc của thái-phu-nhân lại bội hơn trước.

Bấy giờ thủ quan rất ơn tôi, từ sau nếu trong nhà có bệnh gì hệ trọng thời đều tìm đến tôi. Về chứng này,

TìmSách

người không biết thời chữa thuốc ngoại-cảm lại chữa thêm thực tích ở trong, mà không để ý vào chứng hư tổn vô hình. Nội-kinh có nói : « người bốn mươi tuổi thở lên thời âm khí đã suy quá nửa », huống chi người già đã 70 tuổi, thời chân âm chân dương về tiên-thiên lại không hư yếu hay sao mà lại hỏi đến các tạp chứng. Về chứng bệnh tôi kể trên đây, là tôi chữa về căn bản, thời tà khí lui mà tích trệ về ăn uống tự nhiên tiêu đi, mới biết chân âm và chân dương là yếu lĩnh cho thân người.

5.— CHỨNG KHÔNG PHẢI TRÚNG PHONG MÀ TỰ NHIÊN NGÃ RA

Người phó-đội ở thuyền « Hãn-Tiền » cơ Trung-hãn đồn Vĩnh-Doanh, vì lấy bùn để trát nhà mà trợt ngã lăn ra, chân tay cứng, người ngay như gỗ mà nóng như lửa châm, lờm kéo lên như tiếng kéo cưa, nhắm mắt cắm khẩu, nhưng còn may là đại tiểu tiện đều bí, miệng không há ra, con người không trông thấy, như thế đã hai ngày hai đêm. Thầy thuốc đã bốn năm vị, hoặc cho uống nam-tinh và bán-hạ để giáng đờm, hoặc cho uống long-não, xạ-hương lễ thông khiếu, đều cho là chứng phong mà đều dùng thuốc phong dược, rồi bệnh nhân lại thêm mắt trông trắng và há mồm, nhị tiện sổn ra, chân tay giá lạnh người không chuyển động được.

Người nhà có bệnh mời thầy thuốc họ Lâm đến chữa, ông bảo là chứng chết, rồi từ chối không chữa, nên người nhà đã khóc lóc.

Bấy giờ tôi nhân việc đi qua, gặp người thầy thuốc

TìmSách

họ Lâm, tôi hỏi rằng tiên-sinh đi đâu ? người thầy thuốc họ Lâm kể chứng bệnh của người Phó-hội và nói thêm « bịnh nhân này vốn người thuần cẩn đối với tôi rất hậu, tôi mới kéo người thầy thuốc họ Lâm cùng lại để xem bệnh. Tôi thấy bệnh nhân mắt tuy không trông hẳy, mà con người còn chuyển động, chân tay tuy lạnh mà thân thể còn hơi nóng, bệnh nhân thấy tôi ứa nước mắt mà nhìn, tôi xem mạch sung-dương và mạch thái-khê thời còn có lực có thần, tôi hỏi kỹ đầu đuôi biết là phần nhiều bởi uống nhầm thuốc, vả lại chứng cảm phong hay chứng kèm thêm về sau, cũng bởi âm và dương hai bên đều hư tổn mà bản khí của ngũ tạng tự thanh bệnh làm hại từ trong mà chân tay giá lạnh, như vậy dù có chứng như là trúng phong cũng là giả tượng mà thôi. Hết thảy chứng nội thương thời khí nghịch lên, khí dư ra là hỏa, hỏa vượng thời sinh phong, phong đi thời động, mà thủy dềnh lên là đờm, cho nên là khí là hỏa là đờm, kỳ thực là chỉ có một nguồn gốc, mà bất ngoại ở tạng can với tạng thận, vì rằng âm huyết của tạng can không đầy đủ, là bởi thủy của tạng thận suy kém, thủy là mẹ cho huyết, huyết không dưỡng được gân thời ngã lăn ra, thủy không chế được hỏa thời bốc lên. Cho nên ông Đông-viên chủ ở khí là nói về gốc, ông Hà-Gian, ông Đan-Khê chủ ở hỏa và đờm là nói về ngọn, người khéo chữa bệnh thời trong khi bệnh nhân nguy cấp nên lấy bổ dương làm thiết yếu, nếu chứng nguy đã nhẹ thời lại bồi bổ lấy chân âm, huống chi phong bởi hỏa mà ra, mà hỏa bốc là ở chân âm thiếu. Thầy thuốc trước không biết lẽ ấy mà dùng nhiều phong dược, thời chân huyết càng háo, nên bệnh nhân trước còn nhẹ mà sau lại nặng thêm, vậy ta nên lấy tạng thận làm gốc để lập mệnh, tỳ và vị là máy sinh

hóa cho hậu thiên, bệnh nhân này mạch sung-dương và thái-khê hãy còn thì có thể sống được.

Tôi nghĩ như vậy, rồi bảo vợ con bệnh nhân, chứng này tuy ngặt nhưng tôi hết sức có thể cứu lại được. Vả lại thân phụ của bệnh nhân có quen biết với tôi, thời tôi không nỡ từ chối, vợ con người ấy đều sụp lạy để cầu cứu, bấy giờ thầy thuốc họ Lâm mới cười mà rằng : « Tôn Ông chữa được bệnh này thật là thần nhân, tôi sẽ cầm đèn theo sau, mà không dám làm thuốc nữa. » Tôi nghe thầy thuốc họ Lâm nói khích như vậy, thời lòng cứu người đến mười phần, mà bụng giận người cũng lên đến mười phần, nên tôi cũng bảo rằng : « Tôi chữa bệnh này không toàn hoạt thề không làm thuốc nữa »

Xong, tôi bốc một chén to *sâm-phụ-thang*, uống hết hai nước từ trước giờ Ngọ đến sau giờ Mùi, bệnh nhân bốn chân tay được ấm như cũ, miệng đã ngậm lại nửa chừng, lưỡi đã co duỗi, duy ở rốn nóng bốc như lửa. Tôi mừng mà rằng chân dương đã hồi có thể không việc gì, mới bốc một thang bát-vị thật to, gia ngưu-tất, đỗ-trọng, ngũ-vị, uống liền ba chén thời bệnh nhân mắt mở nhắm được, mình chuyển động được, bụng biết đói, ngoài da biết đau ngứa, đại tiểu tiện gần điều hoà, nhưng bốn chân tay chưa co duỗi được, tiếng nói chưa rõ. Tôi lại bốc bài bát-vị thang bỏ phụ-tử la thiên trọng về âm huyết, mà thêm vị ngưu-tất, đỗ trọng, đương-quy, bạch-thược, lộc-nhung, làm thành thuốc hoàn mà chiêu với nước gừng loãng, rồi cho uống xen với bài quy-tỳ, bỏ mộc-hương thêm quế-tâm, điều bổ như thế hơn một tháng mọi chứng khỏi hết mà tinh thần khí lực lại hơn lúc chưa ốm.

Tìm sách

Thế là tôi có công hồi sinh, duy có thầy thuốc họ Lâm từ sau có gặp tôi là xấu hổ mà tôi cũng không nhắc đến. Thế mới biết chữa bệnh phải tìm đến căn bản, người không biết thấy chợt ngã ra thời c ỉ ngay là chứng phong, biết đâu là cây kia gốc rễ bền chặt, thời dù có gió mạnh cũng không thể lay chuyển được.

6. – ĐÀN BÀ GOÁ BỆNH UẤT

Thị-Đinh người làng Bào-Thượng Huyện Tình-Diễm, chồng chết chưa đầy năm, thị thường suốt ngày thương khóc, một hôm, nhân đi nắng lội bùn ở ngoài ruộng rồi ghê rét váng đầu, hoa mắt, một chốc lại tỉnh, đến chiều thời mệt nhọc, tinh thần mụ đi, đi nằm một chốc khắp người ra mồ hôi, đến quá trưa hôm sau phát lên một quái bệnh, mắt máy luôn, miệng khát luôn, cuống họng nuốt luôn như có vật gì vướng mà không tiêu xuống được, mắt đỏ, đờm dãi ngược lên, khò khè như tiếng gà, chân tay lay động như người múa nhảy. ra mồ-hôi như mưa, khoảng nửa giờ lại tỉnh như trước, đến chiều lại nổi cơn như vậy.

Nhưng bấy giờ thêm chứng cẹ khan, may mà chưa tìm được thầy thuốc, vì chỗ ấy ở gần núi ít có người biết thuốc. Người không biết thấy thị chân tay lay động, đều cho là chứng phong, thấy thị lội bùn gặp mưa mà phát bệnh đều cho là chứng thử chứng thấp. Thị đến xin thuốc ở tôi, tôi xem mạch thời bộ xích bên trái vô lực, mà hai bộ quan hồng và sác, tôi biết là chân thủy thiếu mà can mộc vượng lấn đến tỳ thổ, nên chân tay lay

động là tựa phong hỏa, nuốt luôn khạc luôn là bệnh về tỳ tạng. Nội-kinh có nói : « Bệnh của tạng tỳ thời hay nuốt » còn chứng máy mắt là can và thận đều yếu, Nội-kinh nói « bệnh ở tạng thận và tạng can phải máy mắt », lại nói : « thủy ở tạng thận suy kém, thời âm ở tạng can cũng khô ráo mà máy mắt », chứng oẹ khan là hư hỏa bốc lên, chứng đỏ mắt là dương bốc lên, vệ khí hư mà ra mồ-hôi, vả lại mồ-hôi là tân-dịch của tạng-tâm, là tên riêng của huyết, thận thủy đã kém không chế được hoả, cho nên tướng hỏa và quân-hỏa bức bách tân dịch ở tạng tâm và ráo chân huyết ở tạng tâm mà ra mồ-hôi nhiều, chứng nhiều đờm tuy bởi tạng tỳ mà tạng thận là gốc sinh ra đờm, và tạng phế là nơi chứa đờm, nhưng đờm ở tạng tỳ thời đặc mà vàng mà đờm ở tạng phế thời trong mà ít, bệnh nhân này bởi thủy suy kém không sinh ra huyết, mà thủy đình lên thành ra đờm, khí dư ra là hỏa, hoả bốc lên thời đờm thăng lên, phát sốt về buổi chiều, thì âm hoả đã rõ, thế là những chứng hiện ra.

Tìm đến căn bản thời thị này mới gọi chồng sần nắt. Nội-kinh nói : « Lo nghĩ thời hại tạng tỳ, thương xót thời hại tạng phế », đã nắt thời kinh-lạc không thông âm dương ngăn cách vậy phải căn cứ vào hư tổn, dù có khí thử thấp cũng là vì hư yếu mà lấn vào.

Tôi luận bệnh xong, đem bài « Nhị trần thang » cho uống trước lúc trưa, thời thổ đờm hơn một bát, quá trưa cho uống ngay bài « lục vị thang » một chén to, thêm mạch-môn ngũ-vị, ngưu-tất, đỗ-trọng đến trống canh hai uống xong nước thứ ba, rồi cả đêm ngủ yên, hôm sau lại uống một thang như trước, hôm sau nữa cho uống

Tìm sách

luôn ba chén bài « quy-tỳ-thang », thêm vị mẫu đơn, sơn chi, thời mọi chứng khỏi hết mà tinh thần hơn trước,

Thế là lúc trước, tôi dùng bài nhị trần để thổ đờm khai uất, rồi đến bài lục-vị tuấn bổ chân âm để cân với chân hỏa, và bổ thận tức là để bổ can, sau nữa dùng bài quy-tỳ, để bổ âm huyết cho tâm, can, tỳ, thêm vị mẫu đơn để thanh hoả, vị sơn - chi để tả uất hoả. Vả lại bài quy - tỳ để bổ tỳ thổ, khiến cho kinh túc quyết - âm sinh ra kinh thủ - thiếu - âm, kinh thủ - thiếu-âm sinh ra kinh túc-dương-minh. Đó là tôi theo khuôn phép người đời xưa, thấy chứng đờm không chữa đờm, thấy chứng phong không chữa phong, mà phong thấp và đờm không biết đi đâu hết cả, càng rõ chứng hư tổn là nguyên nhân của bách bệnh, mà bổ cho chứng hư tổn là triết yếu để chữa bệnh.

7.— CHỨNG ÂM HƯ ĐAN-NHIỆT

(chỉ nóng không rét)

Người xóm tôi tên là Hựu, mắc bệnh hơn một tháng, một hôm thấy người anh đến nhà tôi xin tê-giác, nói là người thầy thuốc kia không có, rồi kể chuyện em của y mắc bệnh đã hơn 1 tháng chỉ có một chứng nóng, một vị thầy thuốc chữa cho đến hơn mười hôm, mỗi thang thuốc dùng hai ba chỉ hoàng-liên, thì nóng mới hơi nhẹ, nhưng người lại mệt nhiều, năm sáu hôm nay, cơm cháo không lọt mà chỉ ăn nước hồ. Tôi nghe nói đã đoán là em của y vì tiên-thiên âm hư, vì tuổi mới 50 mà răng rụng đến một nửa, vả lại ngày thường

người ấy có ốm yếu mà xin thuốc của tôi thời tôi ít dùng thuốc hành tán, mà để ý chữa về chứng âm hư đều được chóng khỏi, thời bây giờ y sốt cũng là giả nhiệt mà thôi, thầy thuốc không biết theo âm phận để đem dương trở vào, lại đem thuốc hàn lương để phạt hỏa, thời tai họa như trở bàn tay. Nội-kinh có nói : « Về dương hỏa theo đường thẳng mà chữa, còn về âm hỏa phải lựa tính mà chữa ». Ông Trọng-Cảnh có nói : « Hỏa mạnh thời phải đem thủy để chế đi, còn như long-hỏa thời gặp thủy càng bốc gặp âm thấp càng dâng lên, chỉ có cách là lựa tính mà đem trở xuống, thời bệnh mới được yên, cho nên Nội kinh có nói : « Hỏa yên ở địa vị thời trong người hết thầy được thư thái », là vị thuốc cam ôn mới trừ được đại nhiệt (thuốc ngọt và ôn mới trừ được chứng nóng dữ dội).

Tôi nghĩ rồi, lại bảo người anh bệnh nhân rằng nhà ngươi là người lân thuộc, tôi thấy tai họa đến nơi không nỡ điềm nhiên không nói, em của ngươi mạnh yếu thế nào ta đã biết rõ, nay các thầy thuốc đã làm khổ bệnh nhân, nếu lại cho uống tê-giác, khác nào trên tuyết lại thêm sương, nay ta cho ngươi tê-giác là đưa dao để giết người.

Tôi hai ba lần không cho, nhưng người ấy thấy nóng của em mình hơi lui, còn tin ở vị thầy thuốc kia, nên nhất định nài xin, tôi bất đắc dĩ mới cho mà bảo rằng : « Uống thứ này chỉ độ 1 thang thì tinh thần mụ đi mà mê man ». Quả nhiên hôm sau anh của bệnh nhân đi mua đến cầu cứu mà rằng : « em y uống hết một thang thuốc, từ nửa đêm đến bây giờ, phiền táo hơn lên nói năng rối loạn, hôn mê không biết gì, mà nhị tiện

TimSách

sớn ra, tôi xin nhận tội là không biết nghe lời của ông, mong ông tha lỗi trước mà cứu chữa cho, thời anh em tôi được nhờ ơn tái sinh ». Tôi bảo rằng : « làm thuốc cần để giúp người không phân biệt thân sơ, tôi không để ý việc anh không nghe lời ». Tôi nói rồi lội bùn đi đến, thấy bệnh nhân đã hôn mê nói nhảm, giơ tay đập chân. môi đã nứt ra, lưỡi trắng như thiếc, bốn chân tay dù không nóng lắm, nhưng khoảng ngực nóng như lửa đốt, lại còn sợ hãi như có người sắp bắt mình. thường há miệng tựa thở mà không phải thở, thở ra nhiều hút vào ít. khi ở dưới rốn ngược lên tựa suyễn mà không phải suyễn. mình như củi khô, xem mạch thời bộ thốn bộ quan phù và hồng, hai bộ xích vi và yếu, đúng là chứng ở trên giả nhiệt mà ở dưới thật hàn.

Tôi mới dùng 5 chỉ sâm bá-chính, 8 chỉ thục-địa, 4 chỉ bạch-truật, 2 chỉ mạch-môn, 1 chỉ ngũ-vị, 2 chỉ ngưu-tất, 1 chỉ phụ-tử, 2 chỉ quy-giao sắc cho uống lúc còn ấm, uống hết một thang đã thấy hết chứng tựa như ọe tựa như suyễn, còn chứng nóng và táo đều đỡ một nửa, uống hết thang thứ hai thời mọi chứng đều khỏi, chỉ còn lưỡi trắng như trước, tôi mới dùng bài lục-vị-thang gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất hòa cao ban-long, cho uống liền mấy thang thật to, mà trên lưỡi đắp mật-ong và nước bạc-hà, thời lưỡi trắng tróc ra từng mảng rồi tinh thần nhẹ nhàng. tôi lại dùng bài bát-vi gia ngưu-tất, ngũ-vị, đỗ-trọng, uống xen với bài bổ-trung mà thăng-ma sài-hồ tẩm rượu sao, đến hơn 1 tháng thời hai chân và mặt nề ra, tôi cho là gốc của hỏa chưa mạnh mà chọc-âm chưa tiêu, rồi cứ gia giảm những phương thuốc kể trên, cùng thuốc bổ tỳ vị điều trị đến hơn hai tháng, thì bệnh nhân lại khỏe như cũ mà thần sắc hơn lên.

Tìm sách

Về chứng này, tôi vẫn biết bệnh nhân vốn là người lao lực, mà sau khi cảm mạo, các thầy thuốc nào là phát hãn, nào là thanh giải, nào là dùng thuốc hạ, nào là dùng thuốc thấm thấp, không biết bao nhiêu người. Vậy những nguy chứng kể trên, đều là thầy thuốc cho thêm vào, đến khi tôi dùng thuốc chữa về căn bản mà khỏi, thời nhà bệnh nhân mới biết các thầy thuốc kia là dùng nhằm những vị khổ hàn.

8.— CHỨNG ĐẬU HIỂM HUYẾT NHIỆT, TÀ ĐỘC THỊNH QUÁ MÀ NGUYÊN KHÍ HƯ YẾU

Tên Thuộc người ở thôn « cư », có con gái 13 tuổi đương mùa hè mọc đậu, lúc mới sốt nhân có ngoại cảm mà sốt nhiều, sợ rét, ngạt mũi, nặng tiếng, bo đờm, phiền khát, hôn mê nói liều, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ và sẻn, không có mồ-hôi.

Nhà ấy đến xin thuốc, lúc trước tôi không đề phòng là mọc đậu, thấy bệnh nhân hình thể đen gầy thời tôi dùng thuốc về huyết để tán tà ở ngoài biểu, tuy có ra mồ-hôi mà nóng không lui, lại dùng thuốc thanh giải để lợi đại-tiện đi phần nào, mà nóng cũng không lui, sau tôi dùng thuốc để thêm chân thủy chế chân hỏa, tuy không đỡ được nhiều nhưng tinh thần dễ chịu mà phiền khát hơi đỡ, rồi sau bệnh lại như trước.

Bấy giờ sốt đã 6 hôm, tôi rất ngờ là có chứng đậu sởi gì đó, thân hành lại xem mạch, quả nhiên vành tai và ngón tay đều lạnh, mạch trầm và sác, về mạch đậu từ lúc phát sởi đến lúc khởi-chương nên phù và đại không

nên trầm và tế, nay bệnh nhân lại trầm sác là huyết nhiệt mà tà độc thịnh quá, tôi cho uống bài « thăng-ma cát-căn thang » thêm những vị giải độc thanh huyết như tử-thảo, hồng-hoa, ngưu-bàng, xuyên-khung, v.v... tôi không dám dùng ngay thuốc hàn lương, là sợ độc ngừng ở tạng phủ. Đến chiều tôi lại đến thăm, soi đèn thấy bóng đậu lờ mờ ở ngoài da mà khắp mình ban đỏ, bấy giờ bệnh nhân lại thêm trong bụng chướng lên mà đau, đánh rắm rất hôi, tôi biết là ở trong có phân tích lại, lại đem phương thuốc trước thêm vị đại hoàng tẩm rượu sao để hạ đi phần nào.

Sáng hôm sau, tôi đến xem thấy trên trán có một phiến ? như là liên chi, lưỡng quyền và địa-các mọc đầy như chứng tấn, ngực và lưng hơi phớn ra từng quả, bốn chân tay mọc đặc như đầu kim, nuốt và khạc thời trong cuống họng nghẹn lại như có vật gì mà hơi đau, người nóng như lửa mà đã sắp nề.

Tôi thấy hiện ra chứng hiểm ác, nên muốn cứu vãn cũng phải hằng tuần vất vả, bấy giờ đương mùa hè tôi không chịu nổi khó nhọc, vả lại đứa trẻ ấy là con nhà đánh cá rất nghèo, ở cái thuyền nhỏ mà mui thuyền thủng, ván thuyền mất, mùi hôi không muốn đứng gần, gió đưa qua mũi thời người đứng bên muốn nôn, tôi bảo nhà bệnh nhân rằng : « chứng đậu này rất hiểm tôi không giúp được, nên đi tìm người khác » rồi đi ra về.

Đến buổi chiều, thấy vợ chồng nhà ấy đem trầu cau và 5 quan tiền đến đứng lậy mà rằng : « con gái tôi không may bệnh nặng mà nhà nghèo không đủ sức tìm thầy thuốc khác, cúi mong tôn ông thương tình cứu vãn, nếu chẳng được

khỏi, nguyện làm đứa ở để báo đáp, hôm nay nhà tôi bán cái vó xin biếu chút lễ mọn, chứ chưa dám nói đến tiền thuốc.

Tôi bảo rằng tôi không vì nhà nghèo mà không cứu chữa chỉ vì sức không chịu nổi khó nhọc, ngươi nên cầm lại số tiền này để lấy thuốc của thầy khác, vợ chồng y thấy tôi cự tuyệt, lại thưa trước sau con tôi chỉ ở tay tôn ông, nếu tôn ông không hạ cố, thời nhà tôi không đủ bữa ăn ngày mai lấy gì cầu cứu ở người khác, chỉ là đợi chết mà thôi, nói rồi vợ chồng dắu rỏ nước mắt lậy chào mà đi ra.

Bấy giờ tôi cảm động, tự nghĩ thầy thuốc đời nay là thày thuốc chữa cho nhà phú quý mà không phải chữa cho nhà bần tiện, vả lại làm thuốc là nhân đạo, ta không nên ngại khó nhọc một lúc, may ra con nhà ấy được hưởng tuổi trời. Nếu làm thuốc mà bỏ những bệnh khó sao gọi là thầy thuốc, tôi mới sai người nhà gọi lại mà bảo rằng, nếu nhà người có ăn có mặc thời tôi không chữa đã có người khác, nhưng nhà ngươi lại nghèo quá, thời còn ai lại chịu chữa, vì thế tôi phải ra tay, nhưng chứng bệnh của con nhà ngươi mười phần đã tám phần chết, tôi không tiếc thuốc và không ngại khó nhọc, chỉ mong cứu được một phần trong muôn phần, ngươi nên đem số tiền này về để đong gạo mua cúi.

Nói rồi, tôi lại đến đốt đèn xem bệnh, thời thấy trong bụng đầy mà đau, lại rất sợ người xoa vào, tôi cho là nóng ủng trệ ở trong mà bị táo kết, nếu không dùng thuốc để thông lại thời âm dương lấy gì được thư thái để đẩy độc ra ngoài, rồi tôi đem bài « quế-chi đại-hoàng thang » thêm mấy vị để thăng lên và đẩy độc tà

Tìm sách

trở ra, sau khi uống thời dễ đi cầu, mà chứng đau và đầy đều ngưng, tôi không dám cho uống hết thang thuốc, nhưng cổ họng là cửa ngỏ cho thức ăn uống, là then khóa cho thân người, tôi mới dùng bài thuốc « sưu-độc-tiên » thêm vị cam-thảo, cát-cánh, ngưu-bàng, huyền-sâm, kinh-giới, v.v... quả nhiên uống hai thang thời cổ họng không còn vướng mà chỉ hơi đau.

Bấy giờ đậu đã bốn hôm mới mọc được đều, trán và lưỡng quyền mọc chi chít, không chỗ nào hở, đầu và cổ cũng nhiều, bốn chân tay lại trù mật không phân địa giới chỉ có ngực và lưng hơi thưa, tóm lại các mụn đậu mọc lên được, nhưng đầu mụn đậu lại bằng phẳng mà sắc tía, may mà sờ qua mụn đậu còn thấy chuyển ra trắng.

Tôi tự nghĩ, nếu không thanh nhiệt giải độc thời là độc ngấm ngầm ở trong mà sẽ đen hay tím lại, tôi mới cho uống bài « hoàng-liên giải-độc thang » thêm khương, quy, liên-kiều, cát-cánh, sơn-tra, huyền-sâm, đan-bì, bồng hoa, xích-thược, hoàng-cầm, thạch-cao, tử-thảo, duẩn-tiêm và sâu-dâu, xuyên-sơn-giáp, linh-dương-giác v.v... mà bằng ngày thay đổi rồi mụn đậu mâng dần lên được, đầu mụn đậu mới có khí huyết mà sắc tía biến ra đỏ nhạt, dưới bóng đèn thấy có thần có sắc.

Nhưng huyết ráo mà tà độc ủng trệ, đến nỗi tràng vị bí kết, thời chén nào tôi cũng dùng chút vị đại-hoàng để lợi đại tiện phần nào, nếu không thời sẽ lịm không biết gì ?

Đến ngày thứ bảy, nóng hơi lui mà mụn đậu đã thành

Tìm sách

mủ, sáng ngày thứ tám thời mủ đã hơi vàng, tôi mới dám dùng thuốc bổ khí như bài « bảo-nguyên » thêm lộc-nhung và gạo nếp, gai bồ-kết, sữa người, lại thêm chút nhục-quế để cổ võ, lại để ý về thuốc huyết phận để lương bổ.

Bấy giờ mùi đậu hôi tắm, tôi mừng là độc khí đã hết, đến hôm thứ mười, đứa bé ấy chợt rét run đi hai lần lại thêm đi tả, chỉ có nửa ngày mà sắc đậu thấy trắng như tro, tôi biết là khí huyết có ngăn, không đương nổi với tà độc vô bờ, khiến cho tà khí không lưu ở trong mà hoá ra mủ đặc, thời sức nóng đã kiệt, lại theo sách dạy thời huyết nhiệt khí hư mà bổ ngay là trợ tà. nay ta thấy đậu mọc rồi mới dùng thuốc thanh lương, mủ của đậu xem ra hơi lạnh mới dám ôn bổ, vì không thanh thời sợ mụn đậu đen lại, mà không bổ thời kéo dài mãi, đứa trẻ ấy rét run và tiết tả là khi huyết đuổi tà độc hết sức, mà ngũ tạng trống không, vì ở trong không có khi huyết để giữ vững, mới thành ra chứng ấy.

Tôi nghĩ như trên, rồi dùng ngay thuốc bổ để đẩy tà khí ra, mà dùng đến những vị đinh-hương, nhục-quế, phụ-tử, can-khương để ôn đi, quả nhiên không rét run mà chỉ tả, rồi các mụn đậu đều thấy đóng vầy.

Đến hôm thứ mười sáu, chỉ còn trên mặt mụn đậu không rụng vầy, tôi cho là điện bộ bởi dưỡng khí tụ vào, lúc lên đậu tà độc lẫn vào địa vị của dương mà đã sắp nổ, đủ rõ đứa bé này là chân dương suy yếu, cho nên đậu ở người đã rụng vầy mà điện bộ lại không rụng được.

Tìm sách

Tôi mới dùng bài « bổ-trung » thêm vị xuyên-khung, bớt vị hoàng-kỳ, sắc chén to cho uống đặc, đến ngày thứ hai mươi ba thấy da ở mặt bong ra hết, trông rất là kinh sợ.

Tôi chữa chứng đậu kề trên, ngày đêm không dám xao lãng, lúc xem bệnh thời cởi áo để trên bờ và lấy bông đút nút mũi, mà ngậm hơi lại như thế người đánh cá lặn xuống nước, xem bệnh xong rồi ra ngay, về nhà phải hun thuốc mới dám ăn uống.

Không những thế, mà củi gạo đèn lửa của bệnh gia nếu không đầy đủ thời tôi còn chu cấp, tính từ lúc đứa trẻ phát sốt đến khi khỏi là một tháng bốn hôm, tiền thuốc chỉ tốn vào khoảng 5 quan, mà đứa trẻ ấy được tái sinh, Ông Vương-Chấn có nói : « Nhà làm thuốc có công như tạo-hóa, thật đáng vào chứng bệnh này. »

9.— CHỨNG THẬT NHIỆT GIẢ HÀN

Vợ ông Đài là người giả ở xóm tôi, lúc sáng không ăn gì mà đương nắng đi làm, rồi phát cơn nóng lạnh, bốn chân tay lạnh giá, bụng dưới đau vặn ra mà đi ly, dù trên đắp nhiều chăn mà dưới để than lửa cũng không chịu được rét, chết đi sống lại, nhà ấy đến xin thuốc, tôi cho là mùa hè nhưng có khí âm ngấm-ngầm, vì đói bụng mà cảm mạo, tôi mới cho uống bài phụ-tử lý-trung thang, một lát lại thấy; người nhà đến nói thuốc mới uống vào cổ họng thời nôn vọt ra hết, tôi mới bảo để nguội hãy uống lần, thì mới lọt vào được, đến nước thuốc thứ hai, lại thấy người nhà đến nói, uống rồi tuy không

thể nhưng đau bụng mà đi tả vọt ra, tôi đến xem thấy mặt xanh mà mắt đó, phiền khát uống nhiều, mạch trầm và sác mà hữu lực, tôi mới biết là chứng bỏa cực mà tựa như thủy, sai đem nước nguội cho uống thời bệnh nhân dễ chịu mới đem bài lục-nhất-tán mai với nước nóng cho uống thời chứng chân tay giá lạnh và đi tả đều đỡ, chỉ còn chứng đau bụng, tôi mới đem bài bạch-hổ-thang mà vị thạch-cao dùng sống tán mạt điều với thuốc cho uống, quả nhiên uống 1 thang đau và đi tả cũng chỉ, tự đầu đến chân dầm-dấp ra mồ-hôi, khắp mình nóng lên như lửa. Cởi áo bắt quạt, tôi liền cho uống bài *thanh-thử ích-khí* mới yên.

Tôi xét chứng này trước cho là hàn, đến khi trông sắc và xem mạch mới biết là thật nhiệt và giả hàn, ông Vương-thái-Bộc có nói : « chứng thực lại có bình trạng như là yếu mà bổ lầm thời thêm bệnh, chứng hư mà có bình trạng như thể là thực, nếu đem tả thời chết ngay ». Tôi cho bệnh nhân ấy thử uống nước nguội nếu là chứng giả nhiệt thời không tọt được, hay là uống tọt rồi lại ọe, nay là chứng giả hàn thời dễ chịu, mới dùng thuốc hàn lương để chữa khỏi. Pháp đó là do ông Cảnh-Nhạc dậy ra mà tôi đã kinh nghiệm, thời bệnh tình chân hàn giả nhiệt hay là chân nhiệt giả hàn không thể giấu được mà thành-công rất chóng.

10. – CHỨNG CẢM MẠO ĐỘNG THAI

Vợ người đánh cá tên là Trạm, có thai bảy tháng, phải chứng cảm mạo rét nóng như người sốt rét, nhức đầu, đau mình, độ hai tuần thời động thai, bụng đau

Tìm sách

phiền khát, ngồi đứng không được, thầy thuốc trước cho là thai trệ dùng thuốc đem thai lên thời thai đềnh lên ngực mà lại đau thêm, lại một vị cho giáng xuống thời thai chạy xuống dưới rốn mà đau bội, tiểu-tiện bế vít không đi được, vì thầy thuốc ấy nói rằng đã hạ thời lên cho thăng, thăng vừa không khỏi thời cho thăng nhiều, thăng nhiều cũng không được thời dùng thuốc an thai, nhưng qua mấy thang thuốc thời đau và động thai hơn trước nhiều, mới đến tìm tôi điều trị và kể đủ trước sau.

Tôi buồn cười mà rằng : « đứa trẻ trong bụng thật là như trâu như ngựa, muốn dắt lên dắt xuống thế nào cũng được, sao các thầy không rõ nghĩa, ở nội-kinh có nói : « nếu vì bệnh mà thai động thời chữa bệnh, nếu vì thai mà thành bệnh thời an thai, nay nhân cảm mạo mà thai động, thời phải chữa về bệnh mà thai tự nhiên yên » nói xong tôi đến xem thì người đàn bà ấy đã sinh sáu bảy lần, thời thiên-quý-thủy đã kém. Vả lại, hình thể đen gầy mặt sạm như tro than, có thế là thủy suy hỏa thăng huyết kém âm hư, hơn nữa, bào thai bám ở hai khe quả thận, nay chân thủy đã suy thời thai không được yên. Nội-kinh có nói : « dương hư thời ngoài rét, âm hư thời trong nóng, âm dương đều hư thời vừa rét vừa nóng ».

Xong, tôi dùng bài « lục-vị-thang » thêm sài-hồ, bạch-thược để dẹp tạng can thêm tri-mẫu và hoàng-bá đều sao, để dẹp chân hỏa, chỉ uống một thang mà mọi chứng hàn nhiệt ngừng ngay mà thai mới được yên.

Tôi biết rằng vì các thầy đã trục và hạ, nên tôi lại cho uống bài « bổ-trung » bội thăng-ma để đem lên, thời

Tìm sách

thai về chỗ cũ mà tiểu-tiện thông lợi, xong lại cho uống bài « lục-vị » bỏ sài thược, tri, bá, thêm mạch-đông, ngũ-vị, đỗ-trọng, tục-đoạn và uống xen với thuốc điều lý dưỡng vị, mà để ý nhiều về sâm, truật chỉ trong 1 tuần mà bệnh nhân được khỏe như trước.

II. — CHỨNG VONG ÂM MỒ-HÔI RA NHIỀU

Tên Sầm là người xóm Bảo-hạ gần chỗ tôi ở, nhân cảm mạo mà phát sốt ghê rét, nhức đầu, đau mình, không mồ-hôi, thầy thuốc cho uống phát tán đã bốn năm hôm không khỏi.

Bấy giờ mình như củi khô mà phiền khát thêm lên, lại một thầy nữa đem thuốc thật mạnh để giải biểu, vài hôm cũng không phát tán được, hấp nóng chưng chưng ngày đêm không ngừng, rồi nghỉ thuốc vài hôm, chợt rét run thật mạnh như thể chứng sốt rét, rét rồi lại nóng, khoảng nửa giờ mồ-hôi ra như mưa mà sốt lui, nửa người trở xuống mát lạnh như băng mà nửa người trở lên còn nóng vừa, nhức đầu như búa bổ mắt không mở được, trong ngực nất nóng não nùng, lúc thức thời tự ra mồ-hôi, ngủ thời mồ-hôi trộm, phiền khát như trước mà tinh thần hoảng loạn, gan hai bàn chân nóng như lửa đốt đem đồ ấm đắp vào mới chịu được, đứng ngồi không yên, nhà có bệnh lại tìm thầy khác đến chữa, uống thuốc vít mồ hôi mà cũng không chỉ được, ngày thời mồ-hôi nhiều ướt cả giường chiếu mà mình như người tắm.

Mới đến mời tôi và kể đủ trước sau, tôi đã đoán bệnh ấy là âm hư phát sốt, Nội-kinh có nói : « uống thuốc mát

mà không thấy mát, thời phải tìm ở âm phận ». thế là lẽ tìm mồ-hôi ở chân huyệt, mà theo âm để dẫn dương, những thầy thuốc trước dùng thuốc chữa phong tà thời hại huyệt, đến nỗi người như củi khô, thầy thuốc sau ngờ thầy thuốc trước chưa bạo tay, lại phát tán mạnh đến nỗi dương hư ở vệ khí mà phát hàn, âm hư ở vinh huyết mà phát nhiệt, vinh vệ tranh lẫn nhau mà nóng rét như thể sốt rét. còn nửa người ở dưới lạnh mà nửa ở trên nóng là âm mất ở dưới, dương thoát ở trên, chứng hoảng hốt mà nhức đầu như bổ ra cũng là không có chân âm mà tướng-hỏa bốc lên, trong ngực não-nùng là vì tỳ thổ khô ráo. gan bàn chân nóng là huyệt dũng-toàn khô quá, Nội-kinh có nói « dương mạch khởi từ đầu mười ngón tay, âm mạch khởi từ lòng hai bàn chân » vậy chứng này quả là âm hư.

Tôi mới đem thục-địa 6 lạng, bá-chính-sâm 2 lạng, sắc đặc cho uống nhiều, chỉ một ngày đêm là phiền khát não lùng khỏe hết, tinh-thần yên định, nhức đầu đỡ. chứng mồ hôi nhiều ngừng một nửa, rồi tôi kế tiếp cho uống 6 lạng thục-địa, 2 lạng sâm-bá-chính, 5 chỉ mạch-môn, 1 chỉ ngũ-vị, 1 chỉ phụ-tử, 2 chỉ ngưu-tất, 3 chỉ bạch-truật, uống liền 2 thang mà mọi chứng khỏi hết, duy chứng nhức đầu như chưa khỏi hẳn, tôi cho uống « bát-vị-hoàn » gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, mỗi lần 7 chỉ, mà sắc bài quy-tỳ thang để chiêu đi, trước sau có một tuần mà bách bệnh khỏi hết.

Về chứng này tôi cho mồ-hôi nhiều là tân-dịch ở ngũ-tạng đều kiệt, mà không những ở tạng tâm, tiểu tiện đi luôn mà khó đi là âm không giữ được dương, cho nên tôi dùng nhiều thục-địa để bổ âm, lại dùng nhân-sâm để giữ lấy khí ở trung-châu, sau đến bài « toàn-chân » để hỏa sinh

Tìm sách

ra thổ, thổ sinh ra kim, kim sinh ra thủy, lại dùng bài « bát-vị » để kiêm bổ thủy hỏa, nồng xen bài « quy-tỳ » để bổ âm huyết của tâm tỳ, người ta chỉ biết vong dương là ra mồ-hôi nhiều, mà không biết vong âm cũng ra mồ-hôi nhiều, là vì âm giữ cho dương, âm giữ không được ở trong, thời dương cũng không bảo vệ được ở ngoài, cho nên thành chứng hội hãn (mồ-hồi nhiều)

Tôi chữa chứng mồ-hôi nhiều không dùng đến Phòng-phong, Hoàng-kỳ, Ma-hoàng-căn, Long-cốt, Mẫu-lệ, v.v... mà mồ-hôi tự chỉ, các bệnh chi tiết tự khỏi, tôi chỉ để ý vào âm dương khí huyết mà không như mọi người gặp ở đâu chữa ở đấy, thật đúng như Nội-kinh đã nói : « Biết được yếu lĩnh thời một câu là xong, mà không biết thời man mác vô cùng. »

12. – CHỨNG TRẺ EM HO ĐỜM

Một người tên là Nhật có con bé mới hai tuổi, phải chứng ho đờm đến hai tháng, cứ đến quá trưa thời rét nóng như sốt rét, nhiều thứ thuốc không khỏi, mà bệnh lại tăng lên, lúc ho thời chết đi lại tỉnh, mình nóng như lửa, người gầy như hạc. Cha mẹ nó bế lại tro ở bên nhà tôi để xin thuốc.

Tôi đến xem thời mắt đã nhắm nửa chừng, bụng đầy mà đờm kéo lên, bốn chân tay đã lạnh, khóc không ra tiếng, một lúc lại thấy lắc đầu há miệng, sờ vào bụng són phân ra. Cha mẹ nó nói rằng : « Lúc ho thời như thế, một chốc lại yên, mà bú lại nôn, phân như cứt cò ». Tôi thấy chứng chết đã hiện ra, nhưng nghĩ lòng

Tìm sách

cha mẹ nó mà phải để ý cứu vãn. Tôi nghĩ rằng tinh mệnh chỉ còn phần nào, thời không hỏi đến chi tiết mà đem ngay Sâm Bá-chính 5 chỉ, Bạch-truật 4 chỉ, Phụ-tử 2 chỉ, sắc đặc cho uống luôn, tự sau giờ Mùi đến trống canh hai đã thấy bốn chân tay ấm đều, chứng đầy khỏi hết, thở suyễn hơi nhẹ, tiểu tiện trong mà dài. Tôi biết là nguyên-khí đã hồi mà khí ở tạng phế đã giáng xuống. Nhưng đến nửa đêm lại co giật như chứng kinh-phong, mắt trông ngược, đờm vướng, dãi tràn ra, miệng không ngậm được. Có một người thầy thuốc khuyên tôi cho uống viên thuốc ngưu-hoàng, tôi bảo rằng : « chứng này là âm kiệt mà ngũ tạng trống không », Nội-kinh có nói : « chứng ở trong hư yếu mà sinh ra phong thời trực thị mà chân tay lay động », vậy đứa bé này là không có chân âm, can-hỏa vượng lên, tướng-hỏa quá mạnh, nước rảo huyết khô nên gân co lại, khí trở lên mà suyễn, miệng không ngậm được mà chảy nước dãi là chứng triệu tỳ thổ hư quá. Nội-kinh đã nói : « tỳ hư thì không giữ được nước dãi », nay cần phải giữ lấy căn bản, nếu tỳ đã lui mà lại dùng ngưu-hoàng để dẹp tỳ thổ, thận đã kiệt mà còn dùng long-não để tản khí, gân đã rảo mà còn dùng xạ-hương để thông lợi, mọi chứng không phải là phong mà dùng nhằm long-não, xạ-hương là dẫn phong vào đến xương ».

Tôi trả lời như vậy, rồi cho uống bài « lục-vị-thang » gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, đỗ-trọng rồi mài thêm chút nhục quế cạy miệng cho uống, chỉ có một chén nhỏ mà mọi chứng đều khỏi.

Tôi lại nghĩ rằng, đã nạp khí về chỗ, mà khí không trở về còn trở đi trở lại, Nội-kinh có nói : « gặp chứng hư tổn thời bảo vệ ngay phương bắc » tức là giữ lấy

Tìm sách

thận thủy để bồi bổ sinh mệnh, nên tôi dùng bài « bát-vị-hoàn » thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, mỗi lần mài 3 chỉ thuốc hoàn mà chiêu bằng nước sâm bá-chính, lại cho uống sen bài « lý-trung », bổ tiếp đến hai ngày đêm mới được vô sự, bấy giờ đứa bé bú đã mạnh mà trái ỷ đã biết giận, tiếng khóc lớn dần, tôi mừng mà rằng tạng phế là cửa ngõ cho tiếng nói, nay tiếng nói đã dài thời cứ theo như thế để điều bổ, đến hơn hai tuần thời đứa bé chống gậy đứng lên được mà vui cười như thường.

Về chứng này, tôi chỉ chữa căn bản mà nội chứng khỏi cả, là vì trẻ con thuần dương vô âm, thuần dương nghĩa là dương-khí còn non nớt mà thôi, người không biết cho thuần dương là khí dư ra mà bạo dùng thuốc hàn lương, đã gọi là trẻ con thiếu chân âm mà nay lại làm hại cả chân dương, thế là âm dương đều bại.

Cũng vì trẻ con âm khí chưa vượng, nên dễ phát sốt và kinh hãi co giật, tôi thấy ho từ rốn ngược lên biết là khí không về chỗ, nên ít để ý về tỳ và phế, mà chỉ chăm chăm ở tạng thận, lại dùng cả quế, phụ mới được toàn hoạt. Người ta bảo rằng trẻ con thuần dương thời kiêng dùng vị thuốc ôn nhiệt, và chữa trẻ em không có phép bổ thận, nhưng lời nói không căn cứ như thế, khiến cho mọi người phân vân, đến nỗi trẻ con chết uổng rất nhiều, vậy trẻ con gặp chứng hiểm ác, không ngoài phép chữa như đã kể ở trên.

13. - CHỨNG TRẺ EM ĐAN-NHIỆT

(chỉ sốt mà không rét)

Người cùng xóm tôi là Liêm có cháu gái mới 6 tuổi, chợt phát chứng sốt, hình thể gầy đen da giáp như vảy cá, nhức

Tìm sách

đầu, lục huyết, uống nước vô độ, tiểu tiện đi luôn, đại tiện táo kết, mỗi lần đi là kêu khóc, khắp mình nhọt lở. Bấy giờ đương mùa hè, chợt thấy ngã ra cấm khẩu nhắm mắt, lưỡi thè ra, mồ-hôi như tắm, chân tay đờ ra, mình nóng như lửa, đờm như tiếng kéo cưa, hôn mê không biết gì, mọi người đều cho là chứng chết.

May mà nhà bệnh nhân chưa kịp cho uống thuốc để thu-hợa của những vị Long-não, Xạ-hương, Nam-tinh, Bán-hạ làm yết, là những vị khu-phong trục đờm và hành-khí. Bệnh gia bố con lại nhà tôi để xin thuốc, tôi thấy sáu bộ mạch phù và đại mà vô lực, tôi biết là chân âm rất kém bỏa long-lôi bốc lên, Nội-kinh có nói : « Hàn hại đến tinh, thử hại đến khí », cho nên những chứng chợt ngã ra, ông Đổng-Viên cho là khí hư. Đứa bé này vẫn còn chứng sốt, lại gặp tà-khí nóng quá mà như vậy. Nội-kinh nói : « Rét thời co quắp, nóng thời đờ thượt ra », lại nói : « Trong khí không có huyết thời thành chứng co giật, trong huyết không có khí thời thành chứng đờ thượt ra », vậy chứng giật gân là bởi ở thiếu huyết, gân đờ ra là bởi không có khí. Miệng tuy thuộc tạng tỳ mà lợi trên, lợi dưới đều gốc ở tạng thận, thấy của tạng thận không thấm nhuần lên được mà thành cấm khẩu. Hơn nữa, thân người chỗ xương nào mà không thuộc về tạng thận, chỗ gân nào mà không thuộc về tạng can, một khi thủy suy không dưỡng được mộc thì gân sẽ thành bệnh, lưỡi lò đầu của tạng tâm, lưỡi thè ra là tạng tâm tuyệt, may mà còn đỏ và nhuận co lúc dụt vào được, đó cũng bởi huyết rao mà sinh ra.

Chứng nhiệt ấy là giả nhiệt, nếu dùng thuốc hàn lương thời không cứu sống được. Nội-kinh nói : « Hỏa từ là

TìmSách

khí, nếu không được quân-bình, thời hỏa biến là là khí, nếu ta đem thuốc bàn để tả nhiệt, thời hỏa tuyệt và khí tuyệt vậy. »

Tôi nghĩ như thế, rồi dùng bài « lục-vị-thang » thêm Mạch-môn, Ngũ-vị, và Tri-mẫu, Hoàng-bá, quả nhiên uống một thang mà mọi chứng đều bết, rồi đem bài « bát-chân » bài « thập-toàn », bài « quy-tỳ » để tiếp bổ khí huyết cho hậu-thiên lại uống xen với thuốc bổ thủy, bổ hỏa. Cổ thư có nói : « hỏa dư ra là bởi thủy không đầy đủ nếu phạt chân hỏa đi thời thủy chưa chắc đã lấy lại được mà hỏa lại mất nốt, chả là hai bên cùng suy bại hay sao. Tôi chỉ chữa theo phương-pháp như đã kể ở trên mà đứa bé này được như thường

14.— CHỨNG SẢN HẬU THÀNH HÒN KHỐI GIẢ

Vợ tên Ty là người buôn thuốc Bắc, đẻ rồi mấy hôm vì cảm phong hàn, mà chứng nóng lạnh nổi lên mạnh, các đốt xương chân đau ngắn ngắt không ngả mình được, trong bụng có hòn lớn như cái đấu mà dẫn như sắt đá, đau như lấy dao cắt, lấy dùi đâm, cái hòn ấy chạy xuống dưới rốn thì tiểu tiện bế mà đầm địa ra máu, hòn ấy đem lên ngực thì lo buồn ọe ngược ra mời một vị thầy thuốc chỉ để ý về chữa hòn khối mà dùng những vị hành khí phá huyết, uống đến 13 thang thuốc lớn mà hòn càng to lên, chứng đau mà nóng lạnh hơn trước.

Bấy giờ thường thường há miệng như chực ọe, thời khí từ rốn ngược lên như thể phát suyễn.

Người chồng đến tôi cầu cứu, nguyên trước tôi mấy lần

đi mua thuốc bảo là đi thuyền của nhà y, nghe tin không ngại mưa và đêm mà đi ngay, tôi xem mạch thấy sáu bộ phù và hoãn mà vô lực, tôi tự nghĩ rằng người sản hậu mạch nên trầm và vi, nay lại phù và hoãn là chân âm hư tổn lắm, người đàn bà này vốn là âm hư hình thể đen gầy, tôi hỏi thời lúc để thầy thuốc cho uống thuốc hành huyết, huyết ra đã quá nhiều, tôi nói rằng thầy thuốc phần nhiều chấp nệ, là sản hậu phải trục ứ huyết sinh huyết mới, huống chi thấy trong bụng có hòn lại dùng nhiều thuốc công phạt mà không để ý đến căn bản, theo ý tôi khí hư thời trệ mà huyết cũng không hành, thời hòn khối này chỉ là giả tượng mà thôi. Nội-kinh nói : « Người khoẻ không có chứng tích, đã có chứng tích là người hư yếu », thời nay chỉ nên bổ ngay căn bản của khí huyết tức là chân âm chân dương.

Một khi hỏa đã thêm thời nguyên khí vững, thủy đã mạnh thời tinh huyết sinh ra, nếu chỉ để ý về khí huyết bệnh thiên giống như trồng cây chỉ tưới tấm cành lá mà không vun gốc, rễ. Sản hậu không nhất là phát chứng thổ suyễn thời cần dẫn khí về chỗ, nếu chậm thời không làm gì được.

Tôi mới dùng bài « bát-vị thang » thêm mạch-môn, ngũ-vị, đều sao sắc đặc cho uống luôn, uống hết một thang thời đầy đau thở oẹ đều đỡ một nửa, mà tinh thần hơi nhẹ nhàng, tôi lại thay bài « tố-nguyên cứu-thận-thang » thêm sài-hồ, ích-mẫu mà nóng lạnh đau mình đều chỉ, tôi lại cho uống bài bát-vị thang như trước mà bớt mẫu đơn, chạch-tả, thêm quy, thược, ngưu-tất, đỗ-trọng, sắc đủ ba nước rồi canh lại thật đặc cho uống, chỉ trong ba ngày mà hòn khối đi đâu mất.

TìmSách

Tôi mới dùng bài « bát-chân » bài « quy-tỳ » uống xen với bài « bát-vị » trong một tháng mà khoẻ mạnh hơn trước. Về bệnh này tôi chỉ bổ chính khí mà tà khí tự tiêu, nếu để hòn khối tiêu rồi mới bổ, thời chứng sản hậu hư tổn đâu có thể dùng thuốc để lại hư tổn thêm, chứng này ai không cho là huyết tụ khí-tích, riêng tôi cho là giả tượng, chỉ dùng thuốc bổ hư mà nhanh chóng đến như thế, so với những vị măng-tiêu, đại-hoàng, tam-năng. nga-truật, can-tất, bồ-hoàng, linh-chi, huyền-hồ, chỉ-thực, có những tính mạnh mà phá tích thật là một trời một vực.

Ý nghĩa lắm thay! ông Vương-Thái-Bộc đã nói « gặp chứng thực thời lấy công làm bổ, mà gặp chứng hư thời lấy bổ làm công » nhà làm thuốc không nên bỏ qua.

15. – CHỨNG ĐAU CẠNH-SƯỜN

Vị quan giữ đồn Vĩnh-Doanh khi tiến kinh, đương lúc ôi bức có bà mẹ già và công-tử còn bé, nhờ tôi đem thuốc đi theo, qua tỉnh Thanh-Hoá đến núi Trường-Sơn, nước xuống thuyền chạy đến hơn 1 tuần, tôi nhàn rỗi đem túi thơ bầu rượu trèo lên núi Trường-Sơn để du ngoạn, không ngày nào là không đến đêm mới về.

Một hôm, tôi gặp một bệnh nhân đến chùa để xin thuốc nói với tôi rằng : « vùng này có tiên sinh là thầy chùa ở đây tinh thông về y thuật », tôi hỏi trụ-trì ở đâu ? Y thưa rằng : ở mé sau núi Trường-sơn chỗ nhiều cây dâm bóng mát, tôi muốn đi vào, thấy một đồng tử lại hỏi rằng tôn công họ tên là gì ? và đến có việc gì ? Tôi

TìmSách

hỏi tiên-sinh có nhà không? Đồng-tử thưa rằng đương ở dưới hiên dạy học.

Tôi nói: « tôi là người đi thuyền, vì thuyền sạn đi do-ngoạn, muốn lại yết kiến tiên sinh ». Người đồng tử đi trở vào, một lúc ra mời vào, tôi theo vào dưới hiên tre, vái chào, rồi hai người cùng ngồi.

Người thầy thuốc ấy nói rằng: « tôi là nhà làm thuốc nhỏ mọn, vì vô duyên nên không gặp được tôn công ». Tôi nói: « lúc này được một vị sơn-tăng cho biết tiên-sinh y học uyên thâm, tôi đây cũng hơi biết y lý, nên muốn lại để yết kiến », người thầy thuốc nói rằng câu đó chỉ là hư danh.

Trong khi nói chuyện, người thầy thuốc ấy chỉ nói về khí huyết tạng phủ, mà tôi thời nói về âm dương ngũ hành, người thầy thuốc có ý tâm phục. Theo tôi thời người thầy thuốc ấy bàn luận, chỉ ở phạm vi trong bộ sách « y-học nhập-môn », tôi có khen tiên sinh là người kiêm cả nho y, người thầy thuốc ấy nói rằng: « chính tôi có một chứng bệnh kinh niên, trong nhà chữa lấy và bè bạn giúp sức đều không có công hiệu, nay gặp vị minh y xin cho một bài thuốc thần kỳ ». Tôi không từ chối mà rằng xin cố sức để đáp lại sự tri ngộ.

Người thầy thuốc ấy nói rằng: « tôi bẩm sinh huyết hư hình thể gầy mà bạc nhược, mùa hè năm trước, một hôm đi gặp mưa, phát lên chứng: cạnh-sườn bên tả thấy 1 cái hòn đau như dùi đâm, đã uống thuốc đờm thấp không khỏi, rồi hòn lại to lên, cho là chứng ung nhọt ở cạnh-sườn

mà uống bài « thác-lý tiêu độc » thời hôn có tiêu dần nhưng đau vẫn không chỉ, đã hơn một năm nay, hễ gặp dâm lạnh thời hai cạnh-sườn đều đau, lại thêm đầy buồn mà ọe luôn, ngang ngực nóng như lửa chàm, trong miệng dảo nước dãi nhổ đi không kịp, bấy giờ chỉ lấy vật gì nóng mà chườm thời được tạm yên, nhưng một ngày hay nửa ngày thời bệnh lại như trước, duy cạnh-sườn bên trái thời tựa đau tựa buồn mà không lúc nào ngừng chỉ mừng rằng ăn uống không kém, nhưng mấy tháng nay, muốn ăn nuốt vào lại no buồn, sáng sớm là đi cầu một lần, còn tiểu tiện thời đỏ mà sẻn, đến đêm thời đi luôn, ngủ thời mồ-hôi trộm, thức thời tự ra mồ-hôi, trong bụng có lúc như kinh sợ. »

Tôi nói rằng : hỏi chứng đó phân biệt ở ngoài, xem mạch để biết ở trong, thời hư thực mới rõ tôi xem mạch thấy hai tay bộ thốn bộ quan đều phù hồng vô lực, hai bộ xích rất vi, bộ xích bên trái lại nhược, tôi nói xem hình và chứng thời tiên-sinh về chân âm chân dương đều hư tổn, mà hỏa lại kém nhiều. Nội-kinh nói « Ngũ tạng đều có tướng-hỏa duy hỏa ở tạng can thời hơn các tạng khác, hỏa ấy vừa phải thời phát sinh mà dữ dội thời làm hại », tiên-sinh mắc phải bệnh cạnh-sườn bên tả có hòn dù là đờm, là thấp, là ung, cũng bởi hỏa suy khí trệ mà huyết hay đờm hay tân-dịch ngưng trệ mà hóa ra, gặp lạnh mà bệnh phát là khí hư ở ngoài biểu, trong ngực não-nùng nóng như lửa và chướng lên mà ọe, là hỏa vô căn phù du ở trung-tiêu.

Nội-kinh đã nói : « Những chứng ọe ngược lên đều thuộc về hỏa », là lẽ ấy, trong miệng dảo nước dãi, theo

Nội-kinh nói : « tạng tỳ hư thời không giữ được mãi », chườm thứ gì nóng thời được yên là ở trong hàn, đủ rõ miệng muốn ăn mà bụng không đói, là hỏa ở mạnh môn suy yếu không nung nấu được tỳ thổ, chứng đại tiện tường tiết là bởi ở trong hàn, vì hạ tiêu hỏa kém thời tiêu trường không thấm ra bàng quang để phân biệt thức ăn thức uống. cho nên về cả đại tràng, mà hàng ngày đường tiết và đi cầu về buổi sáng. Nội kinh nói : « sắc đen ở phương bắc thông vào tạng thận, rồi khai khiếu ra nhị tiện », vì thế tạng thận là cửa ngõ cho dạ dầy, và là quan chức để củng cố cho thân người, quả thận là hai khí âm bao một khí dương, về bát quái thời thuộc hành khảm mà vượng ở giờ Tý giờ Hợi, nửa đêm giữ về sau thời nhất dương sinh mà bấy giờ dương khí không sinh thời quẻ khảm không vượng, cho nên đi tả về buổi sáng. Tiểu tiện ngày đỏ và sẻn, đêm trong mà dài là chân âm hư lắm, vì ngày thời dương khí làm việc âm suy cho nên đỏ và sẻn, đêm thời âm huyết làm việc, âm được khí âm giúp sức cho nên trong và dài, nhưng đi nhiều thời vong âm. Nội kinh có nói : « khí ở trong hư yếu thời tiểu tiện biến sắc đi », người không biết lại đem đỏ và trắng mà phân hàn nhiệt là nhầm lục không ngủ lại đi tiểu tiện luôn, theo Nội kinh nói thời vệ khí đi ở âm mà chủ tĩnh, không ngủ thời dương không tàng mà âm không tĩnh, cho nên ngủ thời mồ hôi trộm, tỉnh thời tự ra mồ hôi theo như Nội kinh thời tự ra mồ hôi là dương hư, mồ hôi trộm là âm hư, lại nói : « dương sử dụng cho âm, âm bảo vệ cho dương », nay âm không bảo vệ được ở trong cho nên ra mồ hôi trộm, dương không sử dụng ở ngoài cho nên tự ra mồ hôi. Trong bụng sợ là tâm và thận không tương giao với nhau, vì tạng tâm chứa thần mà tạng thận chứa khí,

Tìm sách

thủy hỏa không tương giao, thời thần khí không giữ được mà kinh sợ.

Như trên thời chứng và mạch đều là âm dương hai bên cùng suy tổn, mà không thể chữa theo khí huyết được. Vị thầy thuốc ấy than mà rằng : « bấy lâu tôi như trong chiêm bao mới được tỉnh ra, tôi học thuốc mười năm nay, đã hơn những thầy thuốc khác, nay nghe tôn ông phân tích bệnh tình thời sự học tập kiến văn của tôi, đã không chữa được chính mình, làm sao chữa được người khác. Nhưng tôn ông nói nên chữa về âm dương mà dùng để ý về khí huyết, thời tôi chỉ biết hỏa là dương thủy là âm, thời thủy hỏa cũng là âm dương, mà âm dương cũng là khí huyết mà thôi ».

Tôi cười mà rằng : « âm dương là hư danh, thủy hỏa là thực thể, còn khí huyết là hữu hình và hậu thiên, thủy hỏa lại là vô hình ở tiên thiên. Cổ thư nói : « bệnh nhỏ bởi ở khí huyết, bệnh lớn bởi ở thủy hỏa », cho nên chữa các chứng bệnh lấy thủy hỏa làm gốc mà lấy khí huyết làm dụng, lại nói : « đầy đủ cho chỗ không hư là khí huyết, mà hóa sinh ra khí huyết là thủy hỏa » và nói : « khí huyết lại có gốc của khí huyết, âm dương lại có nơi của âm dương », cho nên tôi làm thuốc chỉ ở hai chữ căn bản hà tất khư khư ở khí huyết. Như vậy phải mạnh cho chân thủy và thêm cho chân hỏa, hoặc theo dương để dẫn âm tức là trong hỏa mà bổ thủy, hoặc theo âm để dẫn dương tức là trong thủy mà bổ hỏa, đều là đường lối để tìm đến căn bản ».

Người thầy thuốc nghe tôi nói tỉnh ngộ ra, rồi đem thuốc của nhà nhờ tôi chữa hộ, tôi nói vị thuốc trong

TìmSách

thuyền tôi có đủ, thuốc hay còn nhờ ở bào chế, theo tôi bào chế thời có vị theo sách, có vị theo ý riêng, rồi tôi sai đồng tử ra trong thuyền đem rương thuốc lại, tôi bốc cho bài « bát vị thang » thêm vị ngũ vị, tầm mật, mạch-môn sao với rượu, và ngưu-tất để sống, làm 3 chén thật to cho uống, rồi tôi cáo biệt ra thuyền.

Cách vài hôm, một buổi sáng nghe trên bờ có tiếng gọi, tôi mở mèn ra xem, đã thấy người thầy thuốc đứng ở trên bờ mời tôi đi chơi, tôi không muốn đi, nhưng người thầy thuốc ấy đứng mãi mời cho bằng được, tôi biết là bệnh ấy đã đỡ, rồi cùng đồng-tử đi đến nhà người thầy thuốc, đã thấy bày đặt thịnh-soạn, người thầy thuốc cười mà rằng : « hôm trước tôn ông lại chơi, tôi chưa kịp dự bị, nay đủ sơn hào hải vị, gọi chút lòng thành », tôi nói rằng : « Dù mới quen biết, nhưng bụng đã hiểu nhau thời tôi xin vâng lời. » Người thầy thuốc ấy nói rằng : « trời đem tôn ông giúp cho tôi, bệnh nặng bao nhiêu năm mà nhất đán tiêu tan, ơn tái sinh không lấy gì báo đáp, bữa cơm đạm bạc này xin tôn ông đừng để ý ». Tôi hỏi thuốc của tôi tiên sinh uống thấy thế nào ? Người thầy thuốc cười mà rằng : « đau đã khỏi rồi, chuyển động cầm vật nặng đã được, ăn đã tiến và đi cầu về buổi sáng đã ngừng, duy còn đại-tiểu-tiện và mồ-hôi mới đỡ được phần nào, nhưng khí lực được hơn trước ». Tôi nói rằng : « Nắng lâu gặp mưa chưa thể thấm nhuần được khắp », rồi tôi bảo đem bài thuốc uống trước làm thành thuốc hoàn mà sắc bài quy-tỳ-thang để chiêu đi. Rồi tôi dặn điều bồ như thế này chỉ khoảng vài tháng không những khỏi bệnh mà tinh thần hơn trước.

Từ đấy không ngày nào vị thầy thuốc ấy không làm

TìmSách

cơm mà thân hành ra mời tôi, hoặc uống rượu ở lầu chuông hay trước núi, nếu tôi không lại, thời mang rượu đến trong thuyền để cùng uống và nói chuyện.

Chợt một hôm, tôi trông thấy nước thủy trào dềnh lên, tôi cáo biệt vị thầy thuốc ấy để tiến kinh, vị thầy thuốc đem một lạng sâm bắc, nửa lạng nhục quế thượng hạng, để tiễn hành, tôi nói rằng : Ha tất phải như thế này, nhưng vị thầy thuốc cố nài để nhận cho, tôi nói rằng : « nhân-sâm là vật ở địa phương, tôi xin vâng lệnh, còn nhục-quế thời quý như vàng ngọc, tôi nhứt định xin lưu lại. » Vị thầy thuốc ấy lại sai người nhà đem rượu cá khô cùng thập vật một gánh nặng đưa đến trong thuyền hết sức kêu nài, tôi bất đắc dĩ phải nhận.

Bấy giờ nước thủy trào lên mạnh, thuyền đi như tên, vị thầy thuốc ấy đứng trên bờ để tiễn hành, lại tặng một bài thơ : Đại ý bài thơ ấy nói hai người xa cách mà được gặp nhau đâu phải sự ngẫu nhiên, ông là một vị tiên, chữa cho tôi khỏi chứng bệnh trầm trọng, tôi ở chỗ thâm sơn không lấy gì báo ơn được, chỉ vái chào ở chân trời mà thôi.

Tôi thấy bài thơ ấy ý và lời đều hay, cũng tự an hận rằng mình qua núi Trường-Sơn này khi muộn mà mới được quen biết vị thầy thuốc này.

16.— CHỨNG QUAN-CÁCH (ngăn cách)

Tôi theo người Cậu tôi là vị quan đồn-thủ tiến kinh, gặp người họ Trần là vị hương-cống ở Từ Châu, bị chứng

Tìm sách

bệnh quan cách đã bảy tám năm, chứng ấy ngang ngực như có vật gì vướng ở trong, dù đói nhưng miệng vẫn không ăn được, mỗi bữa chỉ ăn được một hai miếng cơm, ăn quá thời lại oẹ, đợi một vài giờ thức ăn về buổi sáng tiêu hoá hết, thời buổi chiều lại ăn được một vài miếng, nước chỉ uống được một chén nhỏ, vì qua cổ-họng thời thấy tiếng như sôi bụng mà đau không chịu nổi, phải cúi đầu xuống thời nước uống lại oẹ ra mới yên, tiểu-tiện bế sáp, đại-tiện trước khô sau lỏng.

Người bạn tâm phúc với vị hương-cống ấy là quan Phủ đem tôi đề cử, nên vị hương-cống đến xin tôi điều trị cho.

Nguyên người anh và chú họ của vị hương-cống đều là thầy thuốc ở Thái-y-viện, nhưng chữa lâu không khỏi, và các thầy thuốc khác ở trong viện Thái-y cũng vậy, vị ấy thấy tôi đi đường xa mệt nhọc, không dám mời lại mà sai người em cũng là thầy thuốc đem những đơn các thầy cho uống từ trước nhiều đến bốn năm chục bài, dưới bài thuốc lại chua kỹ đơn này đã uống mấy chén mà bệnh tăng hay giảm đưa tôi xem hết.

Tôi xem những bài thuốc đó, đều là hành khí tiêu đờm và cho thăng lên, nếu có bổ thì chỉ quanh mấy bài « lục-quân » hay « bổ-trung », tôi cười mà rằng : tôi không ngại đi, nhưng chứng này tôi đã chữa quen theo Nội-kinh đã nói khí dương không lên được gọi là bệnh quan, khí âm không giáng được gọi là bệnh cách, chứng này có phân ra nghẹn-cách hay phiên vị và quan-cách, căn bệnh đều khác nhau, còn các bài thuốc này thời không phân ra bệnh ở thượng-tiêu, trung-tiêu hay hạ-tiêu gì cả vả lại,

Tìm sách

chứng quan thời không có lý thổ ra, chứng cách thời không có lý ăn vào được, chỉ bởi khí âm và dương không thăng giáng mà thôi. Nếu là thực chứng thời tạm dùng thuốc cho thông đi, nếu là hư chứng thời tạm bổ để làm công, nhưng chỉ bởi khí hư không vận hóa được mà sinh đờm, huyết hư không thấm nhuần được mà sinh hỏa. Ông Đông-Viên có nói : « chữa chứng bĩ-cách dùng thuốc hành khí có khi lại không thông được », vì thế các bậc tiên-hiền vẫn khuyên dặn chữa chứng ấy không nên dùng vị thơm và ráo.

Nay tôi xem những phương thuốc đã uống, thời toàn là những vị thơm và ráo để hành khí tiêu đờm, thời chỉ thêm tản khí và háo huyết, vả lại, khí hư thời đờm dễ sinh vì tạng lý hư không vận hóa được, huyết hư thời hỏa dễ động lên vì âm hư thời không chế được dương, nếu chỉ dùng thuốc hành khí thời là giúp thêm cho bệnh. Theo ông Vương-Thái-Bộc nói : « uống vào lại nôn ra là trong ngoài không có thủy, ăn vào lại nôn ra là trong ngoài không có hỏa, không có thủy thời mạnh cho chân thủy, không có hỏa thời phải thêm cho chân hỏa », vậy nay chỉ nên bổ ngay mệnh-hỏa là mẹ của tỳ thổ (hỏa sinh thổ). Sách bản-thảo có nói : « trung-tiêu vì hàn ngăn trở khí của âm dương không thăng giáng được, thời nên trọng dụng vị phụ-tử mới có thể thông đi được.

Là vì hỏa ở mạnh-môn suy kém, ví như dưới nồi không có lửa đun, thời không nung nấu được thức ăn ở trong dạ-dày, cho nên trong bụng đầy chướng, người không biết đem những vị như sơn-tra, thần-khúc, hậu-phác, trần-bì để tiêu mau thức ăn thời họa lại càng chóng.

Tìm sách

Tôi mới cắt cho bài « Bát vị thang » giảm chạch tả, gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất một chén lớn dặn sắc đặc và cho uống dần ít một, nếu không thấy thổ bấy giờ mới uống nhiều. Đến hôm sau thấy người nhà đem lễ vật đến tạ mà rằng : uống hết hai nước thuốc thời ngực không ngăn cách nữa, ăn uống không vướng gì, tiểu tiện trong và dễ đi, bấy giờ mới biết là không chết, lại mời tôi bạ cố. Nhưng tôi nói « tôi sắp về quê trong năm không thể đến xem bệnh được, lại nhà tôn công kế thế làm thuốc, tôi đâu dam mua rìu trước mắt thợ, nhưng là đồng đạo nhờ nhau, tôi không dám tiếc công, tôi mới viết thành đơn thuốc kỹ lưỡng dặn uống mười thang, rồi đem thuốc thang làm thành thuốc hoàn, uống xen với bài quy-tỳ bỏ mộc-hương, thêm quế-ngọt. Nhà ấy thấy tôi không giấu giếm, lại càng thán phục. Hôm tôi đăng trình, lại đem lễ vật tiễn hành.

Tôi nghĩ rằng mười năm trời học thuốc ở chỗ thâm sơn, quên ăn, quên ngủ, không lúc nào rời quyển sách, dù chữa được những bệnh trầm trọng cũng chỉ là ăn may. Chứng bệnh kể trên, các thầy thuốc trước đều là danh y chữa cho vua mà dùng thuốc như vậy, chỉ thấy bệnh thời chữa bệnh, huống chi những thầy thuốc khác, thiên hạ rộng, nhân tài nhiều, không biết vì các thầy thuốc không chịu nghiên cứu, hay là vì học thuốc là khó khăn. Sau đó, tôi về quê lại bỏ qua những sự đàn hát mà đóng cửa xem sách thêm, vì nghĩ rằng làm thuốc giữ tính mệnh cho người, mà sợ có sơ xuất như các vị thầy thuốc kia chăng.

TimSách

17.– CHỨNG SẢN NAN (khó đẻ)

Người vùng tôi là tên Liên, người vợ có thai 5 tháng, gặp chứng bệnh có khi nóng lạnh, có khi ho đờm, rồi phù nề đau bụng, lậu và động thai, đại tiểu tiện bế, chứng bệnh không kể hết được, bệnh nhân đã uống thuốc của các thầy nhưng hơn một tháng lại nặng hơn, người chồng hoảng hốt đến nhờ tôi cứu giúp, tôi thấy bệnh nhân bẩm sinh bạc-nhược, nên chỉ chữa về căn bản như những vị can-khương, chích-thảo, sâm, kỳ, để bổ cho hậu-thiên, rồi bổ âm dương thủy hỏa để giúp cho tiên-thiên thay đổi vừa bổ vừa tiếp, qua mấy tuần thời mọi chứng khỏi cả.

Chợt một hôm, đau bụng mới có nửa ngày mà đã vỡ nước bào-tượng, thai thủy ra nhiều (nước trong bào thai) tôi dặn người hộ sinh không được vuốt trên bụng người sản phụ, mà người sản phụ không được rặn, để uống thuốc an thai. Lại một hôm, ngày đêm đau bụng nhưng không đau luôn mà thai không thấy máy, sản phụ thời mệt nhọc, người nhà cho là thai chết trong bụng.

Tôi đến xem, thấy môi miệng lưỡi như thường, sáu bộ mạch phù và hồng mà hữu lực, duy thường thường ợ hơi. Tôi đoán là thị này sau khi đại bệnh, nguyên khí còn kém mà thai thời mạnh, vậy chỉ nên bổ nhiều khí huyết như có nước thời thuyền mới đi được.

Nhưng chữa về hậu thiên khi huyết thời không được chóng, tôi mới cắt bài « bát-vị-thang » bội nhiều vị ngưu-tất sắc đặc hòa với sâm cho uống luôn, quả nhiên uống một nước thời sinh được.

Tìm sách

Về bệnh này, tôi dùng thuốc bổ thủy hỏa, để thôi sinh thời không phải thôi sinh mà sinh được ngay, lại không dùng đến thuốc hoạt huyết, thật là chữa ngoài khuôn phép thường. Nếu không gan dạ mà không có ý kiến nhất định, thời khó lòng được toàn hoạt cả mẹ lẫn con.

TìmSách

Tập Âm-án

NGUYÊN DẪN CỦA TÁC GIẢ

Thói thường của người làm thuốc, chữa được một bệnh nào khó thời vỗ ngực khoe khoang, nếu bệnh nhân chết thời giấu kín mà không nói ra. Như tôi thời khác hẳn, vì tôi vất vả về đường thi cử mà đổi sang học thuốc, chỉ mong ngửa lên cái xuống ở trong khoảng trời đất, sao cho không xấu hổ với nhân thuật mà bỏ ngoài sự chê khen, gặp bệnh nhân là nhà quý phái tôi cũng không ham danh lợi, mà là nhà bần tiện cũng không dám coi thường, chỉ nghĩ tính mệnh của bệnh nhân ở như tay mình, những bệnh nặng tôi cứu sống được không biết bao nhiêu người, mà thúc thủ không chữa được cũng không phải là ít, với những bệnh khó chữa không dám từ chối, chỉ nảo thực cho nhà có bệnh biết là khó chữa mà hết sức cứu vãn cho đến cùng.

Tôi thường nói : gặp chứng nguy mà không chữa là mang tiếng hay là tránh sự chê bai thời không phải là thầy thuốc, vì thế ngoài những chứng tôi chữa được mà đã chép ở tập « Dương án » còn những chứng không chữa được thời

ghi lại tập « Ấm án » này, để bậc quân-tử đời sau thấy ưu điểm của tôi dù không đáng bắt chước, mà chỗ khuyết điểm cũng để lại làm gương, để mọi người đừng vì quá yêu tôi mà bảo rằng chữa được bệnh chứ không chữa được mệnh.

Lê Hữu Trác
Biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông
làm bài nguyên dẫn trên

TẬP ÂM-ÁN

GỒM CÓ NHỮNG BÀI :

1.— Chứng âm vong. dương kiệt.

2.— Chứng đơn-nhiệt vong âm.

3 — Chứng thủy kiệt, hỏa viêm.

4.— Chứng sản hậu phù sũng.

5.— Chứng sổ-cách.

6 — Chứng thổ-tả

7.— Chứng dậu mà khí hư.

8.— Chứng âm hư cuống-họng tê.

9 — Chứng hàn nhiệt như sốt rét.

10.— Chứng âm hư cuống-họng đau.

11.— Chứng dậu mà khí huyết đều hư yếu.

12.— Chứng hư yếu lao-sái.

TìmSách

1.— CHỨNG ÂM VONG DƯƠNG KIỆT

Tên Tiêu là người đi buôn, sau khi ốm mới dậy nhân thương thực cảm phong mà vừa thổ và tả, bốn chân tay giá lạnh và đoản khí, đi thuyền về Nam đã một ngày một đêm, người nhà đến nói với tôi để xin thuốc, tôi đến xem mạch thời sáu bộ trầm và vi tựa có tựa không, tinh thần hôn loạn, tôi biết là chứng nguy không muốn cho thuốc, nhưng vợ y cùng mẹ vợ kêu nài, vả lại vợ y có thai đã ba tháng, hàng ngày sinh nhai chỉ nhờ người chồng, tôi thương tình cảnh đó mới cho uống bài « sâm-truật-phụ » hết ba thang thời chứng thổ tả ngừng và đã thấy có mạch, bốn chân tay đã hơi ấm và đã biết người ngoài. Tôi cho uống bài « cứu-dương-thang » mà mỗi lần uống lại cho ăn một bát cháo đặc, được một ngày một đêm thời khí của dạ-dầy đã trở lại mà ăn uống đã tiến, nhưng lại thấy sốt to nóng tự lòng bàn chân bốc lên như thể lửa đốt, mà phiền khát quá độ.

Đó là vì thổ nhiều thời hại chân dương, tả nhiều thời hại chân âm, dù có uống sâm phụ bồi dương, nhưng dương không có âm để liễm giữ lại, hỏa không có thủy để chế đi, cho nên phù việt trở lên mà nóng tự huyệt dũng tuyền bốc lên, là âm hỏa xông lên trên. Tôi nghĩ như vậy rồi cho uống một thang: hai lạng thục-địa, 3 chỉ đan-sâm, 2 chỉ mạch-môn, 1 chỉ ngũ-vị, 1 chỉ phụ-tử, 1 chỉ ngưu-tất, thêm bắc thắp đèn ngày xưa sắc đặc cho

Tìm sách

uống nhiều, mới có một thang mà phiền khát khỏi ngay, nhưng vẫn nóng như trước, lại thêm sợ sét người run lên không chịu nổi. Tôi nghĩ rằng Nội-kinh có nói: « dương hư thời sợ rét, âm hư thời phát sốt », thời chứng này là chứng dương kém ở ngoài, âm kiệt ở trong. Tôi mới cho uống bài « bát-vị thang » bỏ trạch-tả, gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, cứ ban long uống một chén to thời nóng đỡ một nửa, đến thang thứ hai thời người mát, xem mạch thời hồng và sác mà không có thứ tự, thầy thuốc một lần thở ra hút vào mà mạch của bịnh nhân bảy lần bồng lên dẹp xuống, lại lúc thấy lúc không mà không có thần không có lực.

Tôi thấy nóng lui mà mạch vẫn không điều hòa, là âm dương ly tuyệt, tôi bảo mẹ và vợ y rằng không thể chữa nổi nhưng chúng thấy bệnh đã đỡ quá nửa, ngờ là tôi không thấy tiền thuốc đầy đủ nên bỏ dở không chữa, rồi đem quần áo và đồ-đạc ở trong thuyền đến nhà tôi mà nói rằng : « nhà y đói khổ chỉ có những thứ này để đền vào tiền thuốc », tôi vừa thẹn vừa giận mà bảo rằng, trước kia ta nói thật mà không phải bắt buộc nhà ngươi để lấy lợi, vợ y thưa rằng : « sống chết chỉ nhờ ở tay tôn ông đâu dám tìm thầy thuốc khác », rồi tôi trả cả những đồ vật đem đến mà lại đem bài bát-vị đã cắt cho trước kia, cho uống xen với bài « quy-tỳ », được mấy hôm, thời bệnh nhân tinh thần mạnh nên ăn uống thêm bội. Nhưng tôi ngờ là giả tượng, vì những chứng hư yếu lắm mà dùng thuốc để bổ tiếp thời mạnh dần mới là tốt, bệnh này chỉ như ngọn đèn sắp tắt mà cháy mạnh, quả nhiên mấy hôm thời bệnh nhân khí tuyệt thở ra hút vào không nổi, bệnh gia đến nói, tức

cho uống sâm phụ thời thở ngược lên thật mạnh rồi chết.

Về chứng này, tôi chữa hằng tuần khó nhọc, không đáng kể về số tiền thuốc mà nhà bệnh không trả được, chỉ hiềm rằng : không biết vì bệnh nặng mà thuốc còn ít hay là vì tôi nghĩ chưa đến nỗi, vậy ghi lại đây để hỏi các bậc cao minh.

2.— CHỨNG ĐAN-NHIỆT (chỉ nóng không rét)

Vợ tên Tối là người đi buôn từ thượng nguồn trở về, đương mùa hè nắng phát ra bệnh nhức đầu đau như búa bổ, đau mình như bị đánh, sốt nhiều sợ rét mà phiền khát uống nhiều, tự ra mồ-hôi và ra mồ hôi trộm, đại tiện rắn, ở ngực chướng đầy, hai cạnh sườn đau co lại.

Người chồng đến xin thuốc, tôi thấy chứng thương thử mà thêm thấp khí, vừa là biểu chứng vừa là lý chứng, lại hỏi thời tuổi đã bốn mươi, sinh sản đã nhiều, tóc ngắn tinh vội vàng, thế là âm khí đã kém. Nên tôi không dám công phạt mà chỉ cho uống bài « thanh-thử ích-khí thang » bỏ ở trong lý mà thêm vị hương-nhu, vị khương hoạt để giải ở ngoài biểu, uống hết thang thuốc, thời chứng váng đầu đau mình, đầy ở ngực, đau ở cạnh-sườn và tự ra mồ-hôi, mười phần đều đỡ được bảy tám phần, mà chứng ghê rét khỏi hẳn, nhưng người nóng như lửa mà phiền khát thêm lên, lại thêm nói mê và đoản khí, người một tinh thần mụ đi, tôi cho là nhiệt hơn lên thời âm phận thụ bịnh. Cổ thư có nói : « nóng thời hại chân âm ». Nội-kinh có nói : « chữa thương hàn phải

cứu lấy chân âm », thời chứng phiền khát này là chân thủy khô ráo, lại hỏa ở tạng tâm đi dông, cho nên tinh thần mụ đi mà nói mê, nhiệt thời hại chân khí cho nên đoản khí, người mệt lưỡi khô mà nứt ra là bởi hỏa long-lôi.

Tôi nghĩ như vậy rồi cho uống bài « bổ-âm liễm-dương an thần » thời đỡ mệt và hơi có tinh thần. Tôi lại cho uống kế tiếp bài « lục-vị thang » bội thục-địa, gia ngưu-tất, mạch-môn, ngũ-vị, và tri-mẫu, hoàng-bá (đều sao khô), bệnh nhân uống một thang thì mọi chứng đỡ được một nửa, tôi lại cho uống luôn hai thang nhưng bỏ tri, bá, thời phiền khát nói mê khỏi cả mà chứng sốt mười phần đỡ được bảy tám phần, nhưng đoản khí thêm lên, thở hút không nổi mà tinh thần lại mụ thêm, bỏ cả ăn uống lại phiền táo không biết gì, tự ra mồ hôi lau đi không kịp.

Tôi cho là chân âm kiệt ở trong mà dương không dựa được vào đâu, mới phiền táo mà mụ tinh thần, còn mồ-hôi ra mà nóng không giảm là âm đã mất trước, tôi mới bảo người chồng phải đem thị về gần để tôi điều trị giúp. Người chồng đi một ngày một đêm rồi đến bến đò nhà tôi, tôi đến xem thời thị đã phát nấc, xem mạch thời bộ quan, bộ thốn hồng và sác mà không có thứ tự, ấn ngón tay nhẹ thời mạch tản đi muốn tuyệt, hai bộ xích lại không có, hình thể thời thịt sút hẳn đi như thể củi khô, hơi thở rất thối. Tôi bảo chồng thị rằng bệnh này nặng quá tôi không chữa nổi, ngươi nên về ngay quê hương để tìm thầy thuốc khác, người chồng khóc mà thưa rằng : « mấy năm nay tôi đi buôn qua đây, được biết tôn ông chữa khỏi nhiều chứng nguy kịch, thời nhứt định xin ở lại, tôi nghe nói cảm động, mới dùng bài « bát-vị-thang »

Tìm sách

thêm mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, sắc đặc hòa với nước sâm bá-chính cho uống, chỉ một chén mà thôi nấc, thở hút đã đều, phiền táo đã đỡ, đến chén thứ hai thì mọi chứng khỏi hẳn.

Nhưng được nửa ngày, thời bốn chân tay giá lạnh, người nóng như lửa, tôi cho uống ngay bài « cứu-âm-thang » thời bệnh được yên ngay. Được một đêm lại phát ra chứng nấc tứ chi giá lạnh mà co quắp, mồ-hôi nhiều như nước mưa, uốn mình như chứng uốn ván, tôi lại cho uống gấp bài « sâm-truật-phụ-thang », nhưng mới được vài chén nhỏ thời đờm dãi kéo lên mà nước uống không lọt, đầu trống canh ba thời tắt thở.

Người chồng đến bái biệt để đem xác vợ về quê, tôi hỏi thời đến lúc tắt thở người vẫn còn ấm mà chân tay vẫn mềm, đó chỉ là lẽ chân âm đã mất trước, nên tôi kể kỹ ra đây mong bực cao minh phủ chính.

3.— CHỨNG THỦY KIỆT HOẢ BỐC LÊN

Vợ tên Luân người xã Bào-Thượng, về thời tiết tháng bảy cảm mạo, người mẹ đến xin thuốc, tôi hỏi chứng thời đầu nặng như đội đá, nhức như búa bổ, người nóng như lửa muốn nằm ở chỗ bùn nước, da đỏ như son, lưỡng quyền đỏ, mắt đỏ, uống nhiều nước lạnh, nhưng uống vào khỏi cổ-họng thời ọe khan mà nôn ra, tiểu tiện trong mà dài, nhắm mắt thời thấy ma quỷ, nói mê lầm nhầm, bốn chân tay mỏi mệt không chuyển động được, lim lịm như người chết rồi. Tôi hỏi thời mới 37 tuổi, tóc ngắn mà

Tìm sách

đỏ, hình thể đen gầy hay ăn thức chua, tự khi hành kinh đến nay chỉ có ba bốn lần.

Tôi biết là chứng chân âm suy kiệt, mới dùng bài « toàn-chân nhất-khí » bỏ sâm, bội thục-địa, mạch-môn, và đỗ-trọng, tẩm rượu sao, tờ mờ sáng hôm sau người chồng gõ cổng vào, bấy giờ tôi chữa một chứng nguy suốt đêm trăn trở đến gà gáy mới được chợp mắt, tôi hỏi thời người chồng nói rằng chưa đỡ chút nào, hỏi kỹ thời y lại nói có bệnh tăng có bệnh giảm, tôi thấy câu nói bất nhất mới giận mà bảo rằng đã không được đỡ thời lại đây cũng vô ích, nhưng người chồng kêu nài tôi cũng không cho thuốc mà lại đi nằm.

Khi mặt trời lên cao tôi đã thức dậy, thời người nhà nói rằng tên Luân không về ngay mà vừa rồi mới ra về. Tôi nghĩ rằng bệnh ấy còn trọc âm lấn vào địa vị của dương, âm dương làm hại nhau cho nên đầu nặng mà nhức, chân thủy khô ráo mà hỏa bốc lên, nóng nhiều không để tay vào được, hỏa bức bách huyết ra bì phu cho nên mình đỏ như son, cũng vì âm hư mà bốc dương trở lên, thời tiểu tiện trong mà lợi, uống nhiều nước lạnh không phải là thực nhiệt lại ọe khan hay nôn ra là hỏa gặp thủy thời cũng bốc lên, nếu là thực hỏa thời uống nước như vậy phải dễ chịu mà lọt xuống, đâu có ngược lên mà nôn ra. Cũng vì hỏa đi rông mà tạng tâm thiếu chủ trương, cho nên trông thấy quỷ thần mà nói mê, hỏa thịnh thời khắc hành kim, hành kim là can hư yếu mà tỳ thổ là mẹ cũng hư yếu, cho nên lim lịm mỏi mệt, còn hay ăn của chua là tạng can hư yếu muốn có vị chua để liễm lại, cũng như đàn bà có thai

ba tháng kinh « quyết-âm » hư yếu mà hay ăn của chua, vậy kinh nguyệt ít khi thấy là mạch « nhâm » ráo, nếu cho là thực chứng mà không để ý đến chính khí, thấy nóng thời cho uống thuốc lạnh, cho chứng đau là phong, cho chứng nặng mình là thấp, cho chứng người đỏ lên là ban, cho chứng tiểu-tiện trong là tà còn ở ngoài biểu thời nguy vong đến ngay.

Vì rằng hỏa long-lôi không lấy thủy mà dẹp đi được, không lấy âm thấp để chữa được, nếu không liễm nạp được để trong thủy tàng lấy hỏa, thời sức hỏa có khi ngừng, hỏa đã hết thời khí cũng tuyệt. Hơn nữa, âm đã mất chỉ còn dương khí thở vô phù vượt ra ngoài biểu, nếu uống thuốc hàn lương thời hại đến dương khí mà âm dương đều tuyệt.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại, sai người nhà đuổi theo nhưng không kịp, đến chiều nghe vợ tên Luân đã mất. Đêm hôm ấy, tôi rất hối hận, sáng hôm sau, sai người hỏi mẹ y mới biết là người chồng lo về vợ ốm, trả lời tôn ông không được đúng, đến nỗi tôn ông không cho thuốc, chén thuốc trước mọi chứng đều đỡ và vàng đầu đã ngừng. nếu được thang thứ hai thì không đến nỗi chết. Khi chồng nó không xin được thuốc của tôn ông, trở về gặp một người thầy thuốc đi rong, cho uống một thang thời phiền táo gấp bội, đến thang thứ hai thời phát nấc mà chết.

Tôi nghe chuyện càng thêm hối hận, về sự việc thì thị ấy chết trong tay người khác, nhưng về tình thế ta khó tránh được trách nhiệm để chết người. Từ đấy tôi gặp bệnh không ngại vất vả, nếu bệnh nào khó chữa thời bảo rõ nhà có bệnh, nhưng tự mình vẫn hết sức để cứu sống, vì thế tôi

Tìm sách

ghi chép ra đây để nhà làm thuốc đừng vì cớ gì mà từ chối những bệnh khó chữa để hối hận về sau.

4 — CHỨNG SẢN-HẬU PHÙ SŨNG

Mùa hè năm Đinh-Hợi, tôi tránh loạn di cư ở thôn Hương-Nhân, một hôm lên chơi chùa am, có một vợ người nhà giàu, phải chứng sản hậu phù nề đến xin thuốc, tôi lại thăm thời mười phần nguy kịch, nửa người trở xuống lạnh như băng tuyết, nửa người trở lên dù hơi nóng chỉ là hỏa bốc ra ngoài biểu, nên đòi quạt không ngừng, đoản khí nói nhỏ, trong bụng đầy ngược lên, nhị tiện đều bí, sáu bộ mạch trầm và vi mà sắp tuyệt, mạch « sung-dương » thời ấn tay lâu mới thấy đi lại ở trong thớ thịt mà tựa có tựa không.

Tôi thấy tinh thần chưa hôn mê cho lắm, mà có lúc đòi ăn, hoặc giả thầy thuốc trước lầm, mà nhà y có lực để phục thuốc thời may ra vẫn hồi được, tôi bảo nhà ấy rằng : « bệnh nầy âm dương đã thoát, nhưng tôi hết sức cứu vãn, may được một phần trong muôn phần », rồi tôi cho uống bài « sâm-phụ-thang » nhà ấy thấy bệnh bởi âm kiệt mà cho uống thuốc nóng, có ý nghi hoặc. đến thang thứ hai tôi dùng thuốc để liễm hỏa lại, thời bốn chân tay ôn hòa, không bắt quạt, vì sợ gió mà lại bắt đắp kín ngực, chứng chướng ngược lên đã thấy hơi nhẹ, tôi lại cho uống phương thuốc khác, mà thêm vị bạch truật tẩm nước sữa với thục địa sao khô cùng ngũ-vị để liễm khí. can-khương sao và cam thảo chích để ôn trung, thời ngực và bụng nhẹ nhàng ăn uống tiến dần, điều trị như thế đến hàng tuần, lại bổ thêm bằng những vị tinh huyết

Tìm sách

hữu hình, và thêm quế, phụ để bổ hỏa hồi dương, tiểu tiện dù ngắn mà sẻn đại tiện dù táo kết nhưng đã có điều độ.

Nhà bệnh nhân thấy thế rất mừng, khi tôi mới đến nhà ấy thời cần thận như mình không chữa nổi, đã hơn một tuần thời trong bụng nóng như lửa, nằm ngồi không yên, không biết vì đâu mà mình giận lên không muốn chữa nữa, tôi bảo nhà ấy rằng bệnh nhân có thể không việc gì, bây giờ chỉ còn đợi bổ thời thong thả cũng được, người nhà tôi đi cư đến cả làng khác, tôi không thể ở đây được lâu nên phải về ngay, rồi cho ông người thân tín lại xin thuốc. Người nhà ấy nghe tôi nói sợ hãi, mà người chồng thời quỳ xuống nói mãi để xin tôi ở lại, tôi thấy thế lại giận thêm mà không trả lời, rồi xỏ giầy đi ngay, nhà ấy biết không giữ được vội sai mấy người trẻ tuổi đề cáng tôi về nhà.

Tôi về nhà trọ mấy hôm, không thấy người nhà ấy đến xin thuốc, rồi sau nghe tin là nhà ấy hiểu lầm là vì lễ ít hay cơm nước không được hậu, nên tôi giận dữ như vậy, chỉ có người anh cả của bệnh nhân thời khuyên giải là nên đến để xin thuốc, rồi nhà bệnh nhân tìm được người thầy thuốc già gia truyền, cho uống thuốc công và hạ mà lại cho tắm rửa mỗi ngày một lần, được hai tuần thì bệnh nhân tạ thế.

Tôi nghe chuyện rất là kinh sợ, tự nghĩ rằng lúc mình mới đến sao thương tình nhà bệnh như thế mà sau sao lại ngại ngùng không muốn ở lại, rồi nghĩ rằng nếu ta không nhất định cáo từ, thời thị ấy cũng sinh ra chứng

khác mà không sống được đâu. Cổ nhân nói thầy thuốc cải tử hồi sinh cho con bệnh, cũng là vì chỉ có duyên mới gặp.

5.— CHỨNG CỔ CÁCH

Người đánh cá tên là Ba, phải chứng cổ-chướng (bụng to như cái trống) đã mấy năm uống nhiều thuốc không khỏi, xin tôi điều trị, tôi xem mạch thời bộ quan bộ thốn cả hai tay đều phù và nhuyễn mà vô lực, hai bộ xích trầm và vi mà bộ xích bên phải tệ hơn, đó là khí huyết ở hậu thiên đã kém mệnh-môn-hỏa ở tiên-thiên lại yếu, mà tỳ thổ không vận hành được, tôi xem hình thể thời sắc mặt đen sạm, mắt trắng, lưỡi khô, da như tro muội, chân tay như củi khô, bụng lớn như cái thúng, nói nhỏ thở ngắn. Tôi hỏi chứng thời quá trưa phát sốt đến nửa đêm mới lui, tự ra mồ-hôi và ra mồ-hôi trộm, trong bụng đầy buồn, lúc ăn thời bốn chân tay mỏi rời muốn nằm, nằm ngủ li-bì, hòn khối ở trong bụng từ ngực đến bụng dưới dài bảy tám tấc và từ đằng trước đến giáp xương sống, tiểu tiện ngắn mà sẻn, đại-tiện lúc táo lúc hoạt.

Tôi nghĩ rằng các thầy thuốc trước hẳn là dùng thuốc phá tích, nhưng theo cổ-thư thời về chứng tích lúc trước phải nên tiêu đi, rồi sau vừa tiêu vừa bổ, sau nữa nên dùng bổ làm tiêu. là vì người khỏe không có chứng tích, mà người yếu mới có, mệnh-hỏa đầy đủ, thời tỳ tạng vận hành, huyết xấu hay đờm hoặc thức ăn đâu có tích tụ được.

Người chữa phần nhiều dùng thuốc thơm và ráo để kiện tỳ, mà không biết dùng thuốc thấm nhuận để bổ cho tỳ

Tìm sách

âm, thời khỏi sao cho được. Tôi mới dùng bạch-truật tẩm rượu sao 1 lạng, thục địa sao khô 5 chỉ, nhân-sâm 3 chỉ, chích-thảo 2 chỉ, gừng sao 1 chỉ, phụ-tử 5 phân mà dặn sắc đặc uống luôn. Sau khi uống được hơn hai mươi thang thời mọi chứng đều khỏi, ăn uống đã tiến, tinh thần và khí lực đều mạnh, chỉ có hòn khối là không chuyển động. Tôi sai đem phân gà sao đen, mỗi thang thuốc hòa vào rượu lọc lấy nước trong uống xen với thuốc, được hơn mười thang, thời hòn khối chỉ còn bằng cái vỏ con trai, mà ăn uống tinh thần hơn trước.

Tôi mới sai bỏ cứt gà đi mà sáng và chiều uống bài « kim-quỹ thận-khí » đến bốn năm mươi viên mà lấy bài « quy-tỳ » thang sắc nước để chiêu đi, được khoảng hai tháng, một hôm về buổi chiều, thấy người nhà hốt hoảng đến nói rằng : « trước đây ba hôm, bệnh nhân có ăn thịt ngỗng, lại buổi chiều nằm chỗ mát cảm gió nóng lạnh, ngạt mũi, nặng tiếng, nhức đầu, đau mình, đến hai hôm mới nhẹ, hôm nay lại phát nóng lạnh, tự lúc gà gáy đến bây giờ hôn mê không biết gì, bốn chân tay rung động són phân ra không biết, tôi cho là nhiệt mạnh mà tinh thần mụ đi mới cắt cho bài « bổ-trung thang » thêm mạch-môn, ngũ-vị, phòng-phong, phụ-tử, gừng, táo, sắc uống, nhưng thuốc sắc chưa xong mà bệnh nhân tay chân giá lạnh, thở nấc đờm kéo lên, tôi cho uống thang thuốc to bằng sâm-phụ gia bạch-truật, ngũ-vị nhưng mới uống lọt cổ họng là chết.

Về chứng này, tôi rất nghi hoặc, không biết vì mệnh hay vì thuốc, trước sau tôi dùng thuốc thủy hỏa và khí huyết bổ cho chính khí để tiêu tích đi, mà bệnh nhân không khỏi, xin các bậc cao minh xét lại.

Tìm sách

Tôi làm thuốc hơn mười năm, chỉ có chứng này là nghi hoặc hơn.

6. – CHỨNG THỔ-TẢ

Con gái của người anh tôi mới 14 tuổi, vì tắm về chiều và ăn rau sống, lại nằm ngủ chỗ có gió, đến trống canh hai đau bụng mà vừa thổ vừa tả. bấy giờ tôi đi ra ở nơi khác, không ngờ đứa cháu mắc bệnh, dù trong làng có mấy người làm thuốc, nhưng anh tôi cứ tìm tôi về, tôi đi thuyền đến chiều mới về đến nhà, thời anh tôi đã đứng đợi ngoài bến, tôi vào xem thời đứa cháu ấy chứng thổ đã hơi thưa, nhưng chứng tả lại gấp bội mà đi ra như đờm và huyết, bụng đau từng cơn như thể vặn ruột, xem mạch « nhân-nghinh » ở bên trái thời bội hơn mạch « khí-khẩu », còn sáu bộ mạch đều hồng và sác mà hữu lực, tôi cho uống bài « hoắc-hương chính-khí », nước đầu thời mọi chứng đều nhẹ, nhưng không dám cho uống hết, vì thổ và tả là âm dương đều bại.

Tôi kế tiếp cho uống bài « bát-vị-thang » để cứu lấy căn bản âm dương, rồi tôi về nhà tạm nghỉ, một chốc thấy người nhà đến gọi là đứa cháu bạo bệnh, tôi đến xem thấy sáu bộ mạch đều trầm, vi, nhuyễn, nhược, mà không hồng sắc như trước, bấy giờ phiền táo nói mê tinh thần mụ đi. Tôi hỏi bài bát-vị thang đã uống chưa, anh tôi nói chưa kịp uống, tôi nói rằng nguy kịch đến nơi, thì những vị âm dược không dùng được, tôi mới dùng ngay hai lạng sâm, 1 lạng truật, 8 chỉ phụ-tử, để hồi dương, uống đến tiếp tục cho uống mà đau bụng và đi ra huyết vẫn nhiều.

Tìm sách

Dùng thuốc mạnh như thế mà thân thể vẫn lạnh như băng tuyết, lại muốn nằm chỗ bùn nước, phiền táo nhiều, lúc khóc lúc hát, mạch thời trầm vi tựa có tựa không như thể sắp tuyệt.

Tôi nghĩ rằng uống dương dược thời phiền táo, dùng âm dược thời sợ mạch trầm vi, tôi mới dùng nhân-sâm, bạch-truật và thêm lộc-nhung, cao ban-long để cứu chân âm, lại thêm can-khương sao đen để ôn vị, cắt chén thuốc to sắc đặc cho uống.

Bấy giờ có người thầy cúng bảo là thần nhân tá khẩu bảo đây là chứng nọc đậu, tôi nói : « dù là báo đậu, nhưng là nghịch chứng cũng phải chữa như thế này » rồi hôm ấy đưa cháu tôi hôn mê hơn trước, người anh tôi bảo rằng mê cuồng như thế này hay là hỏa mạnh quá, vậy không nên thấy ở ngoài mạch mà dùng thuốc ôn nhiệt. Tôi nói theo mạch thời là giả tượng mà phiền táo là triệu chứng vong âm, chứng táo mà người nóng còn là giả nhiệt mà nông được âm dược, nhưng cháu đây là dương khí sắp thoát thời âm dược không thể dùng được, huống chi là thuốc hàn lương, vậy hãy cho cháu uống cao ban-long để bổ âm giáng hỏa, không hại đến dương khí, uống như vậy để nghiệm xem thế nào ?

Người anh tôi mừng mà theo lời, đem 5 chỉ cao ban-long đun tan ra cho uống cũng vô hiệu, sau cho uống cả nước lạnh mà không thấy chuyển, tôi không biết làm thế nào, mới bảo rằng nên tìm thêm thầy khác họa may cứu được một phần trong muôn phần, người anh tôi mới sai đi nhiều ngả tìm thầy, nhưng các thầy thuốc chưa kịp đến, đứa cháu tôi đã tắt thở.

Tìm sách

Về chứng này, tôi theo mạch mà dùng thuốc, chỉ để ý chữa lấy tính mạng, mà không chữa về các tạp chứng, không biết là phải hay trái, xin ghi đủ ra đây để các vị khác bàn luận.

Về sau người anh tôi đem việc ấy hỏi các người thầy thuốc khác, có người bảo nên chữa theo chứng trúng phong hạ huyết, có người bảo nên chữa theo chứng thương phong, khiến người anh tôi nghi hoặc, ngờ là đứa con chết về thuốc, nhưng tôi không làm sao được.

Khoảng một năm nay, một đứa con của anh tôi phải chứng âm hư đàn nhiệt, lúc trước vì cảm phong tà nên tôi cho uống thuốc tán tà và thanh giải, rồi anh tôi nghe một vị thầy thuốc khác, thấy nóng nhiều cho uống hoàng-liên, tôi can không nghe, là vì anh tôi ngờ về điểm tôi cho uống thuốc mà đứa con trước bị chết, đứa bé ấy sau khi uống bảy thang thuốc có hoàng liên thời nóng hơn lên mà tinh thần mụ đi, nói sàn không biết ai, anh tôi mới bảo tôi điều trị.

Tôi xem mạch sáu bộ đều phù sác mà vô lực, hai bộ xích lại rất vi, tôi cho uống một thang to ăn được như Thục, Mạch, Ban-long thêm quế và phụ để cắn đi, uống hết chén, lại dùng dương dược để giữ lấy dương khí, vì uống nhiều thuốc của các thầy khác mà nguyên dương đã suy kém, cho nên giả nhiệt đã lui là trong thật hàn mới hiện ra những chứng mỏi mệt ngủ lịm đi, thân thể mát, hơi thở ra lạnh mà chân thấy giá lạnh, hơn nữa nước đái cũng lạnh mà mạch thời trầm vi sắp tuyệt.

Tôi nói cho uống ngay một thang thuốc lớn : sâm, phụ

Tìm sách

truật để cứu vãn, thời một ngày một đêm là người ấm, tinh thần nhẹ nhàng, mà đói ăn, điều bổ như thế đến một tuần thời khỏi.

Bấy giờ người anh tôi mới biết là làm thuốc có vương-đạo và bá đạo khác nhau, thấy nóng mà không chữa nóng, thời công hiệu lại chóng, tôi đem năm sáu lạng phụ tử mới cứu vãn được ba bốn chỉ hoàng liên, do các thầy thuốc khác cắt lầm, từ đấy anh tôi đối với tôi mới hết ngờ vực.

7.— CHỨNG ĐẬU MÀ KHÍ HƯ

Người xóm tôi là tên Nhạ, mới mười chín tuổi, đi làm cỏm mưa, phát chứng nóng lạnh mình đau như bị đòn, người nhà y cho là chứng cảm phong, uống thuốc phong và xoa, sau bốn ngày chợt thấy phát ban mau như trứng ngài, nói to chạy đông, mọi người không giữ được mà mọc đậu. Bấy giờ tôi đương bày biện lễ nghi tế Đức tiên sư, mẹ y tìm được một danh y chữa đậu, nhưng cho là hiểm chứng không chịu chữa, tôi bảo người thầy thuốc ấy rằng : « tôi bận việc không chữa được, ông nên vì nhà y mà điều trị. khi xong việc tôi xin thay thế », thời người thầy thuốc ấy mới chịu chữa, tôi cùng vị thầy thuốc ấy đến xem, thấy sáu bộ mạch trầm, vi trì mà lại nhuyễn, đủ bệnh nhân phát cuồng mà mình mặt mặt xanh không khát. Tôi bảo người thầy thuốc ấy rằng : « chứng này nguyên khí hư, yếu lắm, không đẩy được tà độc ra ngoài, cho nên phát cuồng mà chạy, nên bổ ngay nguyên khí, mà dùng thêm huyết dược, theo ý tôi thì thuốc thanh lương không thể dùng được »

Tìm sách

Tôi mới cùng vị thầy thuốc ấy định một phương thuốc dùng 1 lạng sâm, 2 chỉ truật, 5 chỉ hoàng-kỳ, 4 chỉ phụ-tử, 1 chỉ nhục-quế, 2 quả táo, 5 nhát gừng nướng để cho uống, rồi tôi cáo biệt về nhà.

Người thầy thuốc ấy, lại lấy cớ nhát cuồng không dám dùng quế, phụ mà đổi sang phương thuốc thanh giải, mới uống một nước mà phát nấc, tôi xem bài thuốc ấy, biết là người thầy thuốc ấy đổi lại cho uống bài « thăng-ma cát-căn thang » gia liên-kiều, ngưu-bàng, mẹ bệnh nhân theo lời tôi dặn, đều nhờ người thầy thuốc ấy xin đổi thuốc, và nói rằng nguyên khi đã hư lại cho uống thuốc hàn lương, cho nên phải nấc là hỏa sắp tuyệt, xin theo phương thuốc trước mới cứu vãn được, thời người thầy thuốc ấy mới chịu theo phương thuốc của tôi đã bàn, chỉ uống vài chén là người ốm không phát cuồng nữa có tinh thần mà muốn ăn, những mụn đậu thành quả mà không thành từng phiến, hôm ấy tôi xong việc mới đến chữa để thay cho vị thầy thuốc kia, đến khi đậu thành mủ tôi chỉ cho uống bài « bảo-nguyên-thang » thêm lộc-nhung nhục-quế, cúc-hoa, thục-địa... Đến ngày thứ mười hai, những mụn ở ngực và bụng đã thành mủ đặc đến năm sáu phần, còn ở mình chỗ nào thành phiến, cũng mềng mà dơi lên, tuy thế, ở trong thời ăn kém và đau cổ-họng, đầy bụng, đau bụng đi cầu, tôi cũng chỉ cho uống bài « bảo-nguyên gia giảm », đến khi mụn đậu thành mủ đặc tôi mừng rằng tà độc đã tiết ra mà vẫn theo phương thuốc cũ mấy thang nữa.

Đến ngày thứ mười bảy, bệnh nhân chợt phát ra ban nóng mà những mụn đậu đã thành quả thời ở trên khô

Tìm sách

muốn thu áp, tôi nghĩ sức thuốc đến như thế thời đậu không thể chạy vào trong được, nhưng những phiến thủy-bào cũng đáng lo ngại, mới cho uống bài « ngũ-linh tán » bội truật, gia sâm, mà dùng mũi kim bằng bạc khêu những mụn thủy-bào ra, thời nước ra nhiều thấm cả quần áo, tôi sai lấy cỏ khô tán mạt rắc ở dưới để nằm lên, đến ngày thứ hai mươi ba, những mụn đã áp xuống thời không rụng vảy còn những mụn đã rụng vảy nhưng rất mỏng mà thịt lại trắng.

Tôi vẫn cho là khí hư lắm mà vẫn dùng thuốc bổ tỳ vị mà âm dược chỉ dùng có thục-địa sao thơm, còn quy và thược thời tẩm rượu sao khô. Đến ngày thứ hai mươi bốn thời vảy đậu rụng hết thân thể không chỗ nào hoàn toàn, chỉ có hai lòng bàn chân thời nước trong mụn đậu chưa được ráo, bệnh nhân khổ về người bẩn nhưng tôi khuyên ăn uống có tiến thời mới tắm rửa được, vì rằng chứng đậu bởi hư yếu được thuốc bổ khí huyết mà hóa ra mủ thời những thức ăn để nuôi sống đã kiệt, vậy ăn uống và tắm rửa phải mười phần cẩn thận.

Đến chiều hôm thứ hai mươi chín, chợt thấy mẹ y lại nói rằng, lúc chiều y ăn một bát cơm chưa thấy no, lại ăn một bát nữa, đến khi đi nằm thời ré run dù sưởi cũng không chịu nổi, rồi bốn chân tay co quắp, lưỡi rụt vào không nói được, tôi cho uống ngay chén thuốc to sâm, phụ, mới uống độ một chén trà thời đờm dãng lên mà tắt thở.

Về chứng này, đáng tiếc là tôi một tháng khó nhọc lại bao nhiêu thang thuốc, chỉ thương mẹ già lại chỉ có một con, khoảng hơn mười năm vẫn nhờ tựa ở tôi, nên tôi không kể là đậu nặng hay nhẹ mà hết sức cứu chữa, sau tôi hỏi

TimSách

ra mới biết là bệnh nhân nằm ở phòng hai cửa đối nhau, lúc gần tối gặp gió trái mùa thời chân lông sởn lên mà hâm hấp nóng, đến chiều thời rét run như đã kể ở trên, tôi lấy làm hối hận, vậy ghi ra đây để hỏi bực cao-minh.

8.— CHỨNG ÂM HƯ CUỐNG-HỌNG TÊ

Ông Giải-nguyên họ Đinh người xã Tùng-xá, là bực danh nho ở trong huyện tôi, học trò của ông thành đạt rất nhiều, ông chợt phải bệnh nặng cho con đến mời tôi, đồng thời cũng có người huyện Nam-Đường, bị trọng bệnh đến mời, tôi đã nhận lời đi đường thủy để đến huyện Nam-Đường, đi được nửa đường mới biết ông Giải-nguyên họ Đinh cũng sai con đến mời nhưng không được gặp.

Tôi tự nghĩ rằng Giải-nguyên họ Đinh là người văn học, theo lẽ phải kính mến, nhưng ta đã hứa với người huyện Nam-Đường thời đành để ông Giải-nguyên chờ đợi. Bấy giờ có người tùy hành với tôi là hiệu sinh họ Lê thưa rằng « thầy nên vào trước nhà ông Giải-nguyên xem bệnh cho một vài thang thuốc, rồi cáo từ mà đi huyện Nam-Đường, như thế thời được cả hai bên », tôi cho là nói phải.

Bấy giờ đã quá chiều, tôi quay thuyền đến nhà ông Giải-nguyên, thời thấy thân thuộc và học trò của ông đã đứng đông ở bến đò để tiếp đón, tôi vào thấy ông Giải-nguyên cổ đã ngoẹo đi, chân tay nề lắm, mà sờ rắn như đá, chỗ thốn-khẩu chướng lên như cái trống, sán bộ mạch không thấy gì, tôi hỏi chứng thời nói rằng : « ông thu bệnh đã bảy tám tháng, chỗ ngực tựa đầy-chướng mà không

phải đầy-chướng, ăn uống có lúc trệ, có lúc thông, trong cuống-họng như có vật gì ngăn trở nên ăn uống thêm vướng, hiện đã dùng thuốc hành khí tiêu đờm giáng hỏa, nhưng càng ngày bệnh càng thấy nặng, về bài tứ-vật hợp với bài nhị-trần uống đến hơn trăm chén, dù bệnh tăng lên nhưng trong ngực đều chịu được, đã một tháng nay cổ họng nghẹt lại, mỗi lần chỉ dùng cơm nát bằng hai ba viên đạn, vì ăn nhiều thời chướng lên khó chịu.

Tôi nghe nói than thở mà rằng : tôn ông ngày thường vẫn dùng rượu cho nên chân âm suy, thủy suy thời hỏa bốc lên, những chứng đầy chướng mà cổ-họng bế tắc đến là chứng hỏa hư mà giả tượng, như không phải có vật gì, hỏa này thuốc hàn lương không giáng được, đờm này thuốc hành khí không tiêu được, vả lại, uống nhiều thuốc « nhị-trần » thời chân âm càng khô, uống nhiều bài « tứ-vật » thời dương khí càng tổn, sáu bảy tháng nay không từng uống thứ thuốc nào bổ ích như vị thục-địa, vị nhục-quế, v.v.. mà chỉ dùng thuốc cho tiêu hao », ông Giải nguyên nói rằng : « các thầy thuốc cho rằng bụng chướng chân tay nề thì không dám dùng thục-địa, trong cuống họng bế tắc thời không dám dùng vị nhục-quế ». Tôi thưa rằng : « giữa dòng sông mất mái chèo thời cứu vãn sao kịp », tôi mới đem những thuốc để lui chướng phù-nề, tiêu chướng vướng-ngạnh như vị diêm-tiêu, vị hải-tảo, vị ô-long, vị cam-toại, vị quế-chi, v.v... rịt ở chỗ « thốn-khẩu » thời thịt mới mềm ra, rồi tôi án mạch thời ba bộ bên trái không thấy gì, mà ba bộ bên phải tựa có tựa không, thế là âm đã mất trước, mà hỏa không có căn bản cũng không sáng tỏ được lâu.

Tuy thế, trước mặt vị giải-nguyên tôi không dám nói rõ, vị giải-nguyên bảo tôi rằng : « xin tôn ông nghĩ tính

đồng đạo mà hết sức cứu giúp », tôi ra nhà ngoài bốc thuốc bảo mọi người thân thuộc vị giải-nguyên rằng : « tôi cùng Lệnh-công ở cách nhau không xa; nếu trước đây vài tháng mà tôi được điều trị, thời khỏi thụ họa về những vị thuốc hương táo, nay đã gần nguy thì chữa có ích gì ? Vậy người nhà liền dự bị việc tang. »

Các con vị giải-nguyên và thân thuộc thấy tôi không chịu bốc thuốc, thời kêu nài mà không chịu để tôi đi, tôi tự ngĩ rằng hoặc giả bệnh này quá nặng vì nhầm thuốc thời ta cứ tận lực cứu giúp, rồi tôi bảo mọi người rằng « nay tôi dùng nhiều thục-địa để chữa chứng phù-nề, dùng quế, phụ để chữa chứng cuồng họng bế tắc, nếu bệnh được thuyên giảm thì các người ngĩ sao ? » Rồi tôi đem bài « bát-vị-thang » bội thục-địa đến 2 lạng, quế, phụ đều nửa chỉ, lại bỏ mẫu-đơn gia sa-tiền, ngưu-tất, ngũ-vị, nấng xen với thuốc hồi dương là 1 lạng bạch-truật, 3 chỉ phụ-tử, sắc riêng 5 chỉ sâm hòa vào mà uống, uống hết hai thang đến nửa đêm thời các chứng đều bớt một hai phần, mà cổ-họng thời khoan khoái đến sáu bảy phần, mọi người đều hối hận là gặp tôi quá muộn.

Tôi lại bốc thêm hai thang như trước rồi từ biệt, mọi người hết sức giữ lại, nhưng tôi nói : « lệnh-công lí sự-biến trong văn học, ai không kính mến. Nhưng tôi đi hẹn đến một nhà bệnh khác, thời không thể bỏ qua, nếu các ông ở địa-vị như tôi thời làm thế nào ? » Mọi người đều vâng dạ không dám giữ, rồi tôi xuống thuyền ra đi

Đến bến đò, nhà bệnh đem cáng ra đón, đến trống canh hai mới vào đến nhà bệnh nhân.

Tìm sách

Nguyên vợ người ấy phải chứng lậu-lao đã hơn một năm, đến tôi lấy thuốc đã đỡ, nên nay lại tìm tôi đến chữa. tôi thấy bệnh nhân thịt đã sút gần hết, nói không thành tiếng, ở trong thời nóng rét đại tiện đường tiết, mà ngoài thời da nóng như rang, sáu bộ mạch trầm, vi tế, sác, âm dương đều kiệt.

Tôi cho uống bài « bát-vị » để cứu lấy tiên-thiên xen với thuốc bổ tỳ vị, để cứu hậu-thiên, hoặc bổ âm mà tiếp dương, hoặc bổ dương mà tiếp âm.

Được mấy hôm, lại thấy cháu vị Giải-nguyên đến nhà ấy mừng mà rằng : « chú tôi uống được mấy thang, bịện nay chân tay đỡ nề đến bảy tám phần, trong cổ-bọng nhẹ nhàng, ăn uống đã tiến, tinh thần đã vượng ». Tôi nghe nói rất ngờ, bảo y rằng : « chữa những chứng bệnh hư tổn lắm, nếu đúng thuốc cũng phải mạnh dần thời căn bản mới vững, nay công hiệu chóng, lại sợ là giả tượng ». Y nói rằng : « xin ông đừng quá ngờ, vì muôn phần chắc khỏi cả muôn phần, nay đã đem võng đến đón, chỉ đi một ngày là đến, » tôi bảo rằng : « tôi ở đây nếu bệnh nhân đã đỡ thì mới có thể đi được. tôi có một người bạn thân là tiên sinh họ Nguyễn, người làng An-Ấp làm nhà ở núi Tiên-Sơn, có thể thay tôi để chữa cho Giải-nguyên, ông nên đến nói kỹ sự thể. tiên sinh hẳn không từ chối », người ấy cười mà rằng : « con cả của tiên-sinh họ Nguyễn. đã đỗ Cống-cử cũng là môn sinh của chú tôi, trước kia tiên sinh đã đến cho uống một bài thuốc nhưng không có công hiệu ». Tôi hỏi là bài gì ? Thời người ấy nói là bài « lục-quân thang » thêm mấy vị nữa. Tôi nghĩ rằng, tiên sinh là bực thầy thuốc cao-minh, đem thuốc ấy để chữa chứng ấy hẳn có duyên cớ làm sao ? Mới bảo người cháu vị Giải-nguyên

rằng : « tiên sinh họ Nguyễn học lực hơn tôi, ta đừng lấy cớ bài thuốc trước không đỡ mà bây giờ phải mời ngay », người ấy vâng dạ mà về.

Sau 5 hôm, bệnh của người đàn bà không thấy đỡ, tôi lại đi thuyền đến nhà vị Giải nguyên, thời thân thuộc của vị Giải-nguyên và tiên sinh họ Nguyễn đều ra bến đò đề nghinh tiếp, tôi hỏi tiên sinh họ Nguyễn rằng : « mấy hôm nay tiên sinh dùng phương thuốc gì ? » Tiên sinh nói rằng : « không ngoài hai khiếu thủy bỏa », tôi hỏi nhỏ rằng : sao trước kia tiên sinh lại dùng bài « lục-quân », thời tiên sinh họ Nguyễn trả lời, nhà có bệnh cho tôi là thầy thuốc thường thời tôi phải dùng những vị thuốc thường. Tôi cười mà rằng : « bây giờ coi ta là bậc quốc-sĩ thời ta dùng thuốc thế nào ? » tiên sinh họ Nguyễn lại bảo tôi rằng : « vừa rồi tôn ông điều trị bệnh của Giải-nguyên đã lui được bảy tám phần, sau mấy hôm lại tăng thêm một vài phần, tự hồ tôi đến chữa lại lui được một vài phần, tóm lại là mới đỡ một nửa ».

Tôi nói rằng « Nếu là đỡ hẳn thời phải dần dần, nay uống thuốc điều bổ mười phần khỏi ngay, bảy tám phần thời ngờ là giả tượng, chính tôi quanh lại để xem thực hay giả », rồi tôi cùng tiên sinh họ Nguyễn đều lại xem mạch, vị Giải-nguyên mừng rỡ mà rằng : « nếu mấy thang trước, tôi mời được tiên sinh thời bệnh đâu đến nỗi nguy khốn. » Tôi thấy ba bộ mạch bên trái vẫn như trước kia, vị Giải-nguyên hỏi tốt xấu như thế nào ? Tôi phải nói gượng rằng có thể không lo ngại gì, nhưng bảo nhỏ tiên sinh họ Nguyễn rằng : « chứng này là âm đã tuyệt trước, lửa không có căn bản có đâu sáng tỏ được

mãi, chúng ta ngồi đây vô ích ? Tiên sinh họ Nguyễn bảo rằng dùng thuốc còn thấy ứng nghiệm. Nhưng tôi nói đã là giả tượng thời chúng ta nên đi ngay, tiên sinh họ Nguyễn nói rằng : con tôi với vị Giải nguyên là tình thầy trò, vậy tiên sinh hãy tạm ở lại thời tôi mới về được, rồi tiên sinh họ Nguyễn nói dối là người nhà có bệnh ngặt phải về, người nhà vị Giải-nguyên đem càng càng tiên sinh họ Nguyễn trở về.

Mới được nửa ngày tôi bảo thân thuộc của vị Giải-nguyên rằng tôi muốn hết lòng cứu chữa nhưng không lấy lại được, thời tôi ở đây vô ích, xin mượn một chiếc thuyền để trở về.

Người nhà vị Giải-nguyên thấy bệnh tình đã đỡ mà tôi lại đòi về, lại nói được khỏi sẽ hậu tạ, tôi nói : « các ông không biết bụng tôi là không phải cầu lợi, thực ra tôi bỏ bao nhiêu bệnh mà đến chữa cho Giải nguyên, nhưng dù hết sức cũng vô ích, thời tôi nhất-quyết về », trong bọn học trò có người biết tôi hay làm thơ, mới làm bài thơ để lưu lại, tôi viết ngay một bài để đáp lại, họ thấy trong thơ của tôi biết là thầy học của mình không thể cứu sống được, mới tìm một chiếc thuyền đưa tôi ra về. Được một ngày một đêm thời vị Giải-nguyên tạ thế.

Về chứng này, trước uống lắm thuốc mà tôi không thể cứu được, xin chép kỹ ra đây để rõ phải trái.

TìmSách

9. — CHỨNG HÀN NHIỆT TỰA SỐT RÉT

Người học trò ở vùng tôi bị bệnh ngặt, người em đến xin thuốc, tôi hỏi chứng thời thưa rằng : « vì cảm mạo mà nóng lạnh như sốt rét, nhức đầu đau mình, mua thuốc chữa gió ở chợ rồi sắc lá chỉ thiên để chiêu đi, nhưng bệnh không thấy đỡ. Lại một vị thầy thuốc đến xin chữa, đoán là chứng lao lực nội thương, mới dùng bài « Đào-thị bổ-trung thang » mà gia giảm cho uống, uống một nước thời nóng lạnh phiền táo đòi nằm chỗ bùn nước, người mụ đi, nói mê phiền khát uống nhiều, đau bụng đi cầu, nên người nhà không cho uống hết thang, đến hỏi ngay thời vị thầy thuốc ấy bảo rằng không ngại gì, cứ sắc nước thứ hai cho uống, nhưng em bệnh nhân cũng biết lẽ làm thuốc cho là bệnh và thuốc trái nhau xin cắt cho thang khác. Người thầy thuốc bảo rằng đã thế thời nên uống bài « sài-linh », em bệnh nhân nói rằng hôm mê táo khát, có thể uống bài « lục-vị » gia mạch-môn, ngũ-vị được chăng ?

Người thầy thuốc bảo là cũng được, mới cho uống một chén mà mọi chứng đều đỡ, người mát, tinh thần nhẹ, đứng ngồi như thường, rồi uống liền hai thang nữa.

Đến hôm sau lại nổi cơn nóng lạnh ráo khát, mụ người mà nói mê, chỉ khác là không đau bụng và đi cầu. Em người ấy đến tôi xin thuốc kể đủ đầu đuôi, tôi nói rằng : « Trước tôi đã mấy lần cắt thuốc cho người này, biết là người vốn âm hư thủy suy mà can hỏa vượng, lại lo về muộn con tình dục nhiều mà tinh huyết hao, hơn nữa mùa nóng bức dương khí phù vượt ra ngoài, thời dù có tà khí cảm vào cũng là nguyên khí không vững, nay đã nhầm

về uống thuốc gió, lại nhầm về uống bài « bổ trung » để đem trở lên, cổ thư có nói « âm huyết đã hư thời không thể tháng, vì khí dương không có gì giữ lại », nay lại uống thuốc để tháng dương khí thời tránh sao khỏi tâm thần mụ đi, và nói mê, táo, khát, đau bụng đi cầu, may mà uống được mấy thang bổ thủy, nhưng trúng bệnh thời nên thôi, mà uống thuốc để giữ lấy tỳ vị là phải, sao cứ uống mãi thuốc bổ âm để hại đến vị khí.

Tôi mới cho uống bài « bát-chân » bỏ xuyên-khung, bội sâm, truật, quy, thục, thêm mẫu đơn, sài hồ, gừng sao đen, mới uống một thang mà phát nấc. Người em sợ hãi sang nói với tôi, tôi tự nghĩ rằng bệnh nay uống nhầm thuốc về đem trở lên, hoặc giả là chứng khí nặt, tôi muốn cắt bài « tiêu dao-thang » lại ngờ chứng nấc là triệu chứng dương tuyệt âm vong, mới bảo người em y rằng hãy đợi ngày mai tôi thân hành đến xem. Em của bệnh nhân sợ đường núi xa, cố nài tôi bốc cho. Tôi bất đắc dĩ bốc cho hai thang, một thang là « sâm phụ thang » gia ngũ-vị, một thang là bài « toàn chân » mà dặn rằng « Nếu nấc mà người mát thời uống bài sâm phụ, nếu người nóng thời uống bài « Toàn chân nhất khí ». Đến sáng hôm sau, người em bệnh nhân đem ống lại đón tôi, tôi đến xem thời thấy bệnh nhân lúc tỉnh lúc mê, người ấm, chân tay lạnh, ra mồ-hôi mà hơi khát, khi nấc thời so vai mà khí tự dồn ngược lên, xem mạch thời ba bộ bên trái trầm, vi, tri mà lại yếu, ba bộ bên phải hồng và sác, như thể nước sôi, ấn tay mạnh thời tản đi không có thứ tự, thế là triệu chứng âm vong dương thoát.

Tôi bảo người em bệnh nhân rằng bệnh này không

TimSách

thể cứu được, và hỏi đêm hôm qua đã uống hết hai thang ấy chưa ? Người em y thưa rằng nửa đêm thấy bệnh chẳng rét chẳng nóng lúc nãy lúc không nên chưa dám cho uống, tôi mới cắt một thang vị nhân-sâm nhiều hơn, vị bạch-truật ít đi, thục-địa sao khô lại ít đi nữa, và mấy phân phụ tử sắc cho uống, hơn một trống canh không thấy lui bệnh, tôi xem mạch lại thời ba bộ bên phải dù hồng và sác không có thứ tự, nhưng không như nước sôi lên, tôi lại sai đem bài « toàn-chân » cắt tối hôm trước sắc cho uống, nhưng mọi chứng vẫn như cũ, tôi mới bảo rằng tôi không lấy lại được, mà cáo từ ra về.

Nhưng mẹ già và vợ cùng con của bệnh nhân đều khóc lóc cầu cứu, tôi nghĩ tình cắt cho một thang bổ thật mạnh mà bảo rằng nếu còn phúc âm thời thang thuốc này phải đỡ, bằng không thời thang thuốc này cũng thấy rõ rệt, người nhà vâng lời và đem võng đưa tôi về, em của bệnh nhân cũng theo đi, khi đi đường tôi có nói bệnh nhân vì uống lầm thuốc mà đến nỗi nguy kịch, nếu nguyên khí chưa đến nỗi tuyệt, thời may ra mới cứu được, rồi tôi cắt cho bài « bát-vị thang » gia mạch-môn, ngũ-vị, ngưu-tất, cao ban-long, và bài « sâm-truật phụ » để uống xen với nhau.

Đến hôm sau, người em lại thưa rằng sắc uống một đêm tiếp tục mà bệnh vẫn như cũ, nay đến xin thang thuốc khác. Tôi bảo rằng uống thêm có ích gì ? Nên sắm sửa việc tang là phải, đến hôm sau bệnh nhân tắt thở. Về chứng này, là tôi chữa lại những thứ thuốc đã uống nhầm nhưng cũng không công hiệu, nên kể hết ra để mọi người lấy làm gương.

Tìm sách

10. – CHỨNG ÂM HƯ CUỐNG HỌNG ĐAU

Một người ở vùng tôi 22 tuổi chưa có vợ mà cùng ở với anh vì khó nhọc mà gặp mưa phát sốt, người nóng như lửa, trong cổ họng đau dữ dội, ngoài không thấy xưng, người nhà đã đến tôi xin thuốc. Tôi cho uống bài « tứ-vật » bội sinh địa gia hoàng-cầm, mẫu-đơn, phòng-phong thời bệnh lại gấp bội, cuống họng vít lại ăn uống không thông. Tôi ngờ là chứng hỏa hư, mới đến tận nơi để xem bệnh, về mạch thời hai bộ thốn hồng, sác, phù mà vô lực, hai bộ xích trầm và vi mà bộ xích bàn trái yếu lắm, như thế là chân thủy suy mà hỏa bốc lên, cho nên không chịu nổi thuốc chữa phong hỏa mà chữa theo đường thẳng.

Tôi mới cắt cho bài « lục-vị-thang » gia huyền-sâm, ngũ-vị, ngưu-tất, đến hai thang thời thôi, lại cho uống bài « bát-vị » gia ngũ-vị, ngưu-tất, đỗ-trọng (đề sống) để bổ thiên tiên lại uống xen với bài « quy-tỳ » để bổ hậu-thiên mỗi bài uống một chén thời yên. Được bốn năm hôm vì ăn phải thức lạnh lại phát ra chứng ly, đi ly luôn đau bụng như vặn ra, mà đi ra thuần máu. Tôi cho uống bài « nhân-sâm lý-trung thang » thêm mộc-hương, hậu-phác, thời trong bụng mót đi cầu, lúc đi lại rặn, thân thể nóng nhiều, bụng nóng mà não nùng. Tôi tự nghĩ chứng trệ trở xuống là vì thức ăn không tiêu xuống được, hãy tạm thời cho thông đi, rồi mới nói đến bổ. Tôi nghĩ như vậy rồi cho uống bài « tứ vật thêm chỉ thực và đại hoàng tẩm rượu sao, tôi dặn người anh của bệnh nhân rằng : uống một nước đầu thấy như thế nào phải báo cho tôi biết, người anh thấy uống 1 lần mà nhẹ nóng đỡ ly, chứng đau bụng và đi cầu phải dặn cũng nhẹ được

Tìm sách

ba bốn phần, vì đêm mưa không đi được nên sắc nước thứ hai cho uống nốt, đến sáng đi cầu như tháo cống, ăn thức gì lại đi ra thức ấy mà tinh thần mệt lắm. Người anh đến ngay nói với tôi. Tôi mới bốc ngay một thang sâm, truật, phụ, thêm phá-cố, nhục-đậu-khấu mà dặn là uống ngay, nhưng chứng đi cầu vẫn không cầm được, đến chiều đêm kéo lên thở suyễn mà chết.

Về chứng này tôi cho là bệnh nhân là người trúng kiện, dù có cảm mạo cũng là trong chứng thực mà mới hư yếu. Và lại, đã uống thuốc để giữ căn bản thời thương thực mà đi ỉy dù có dùng vị đại-hoàng để thông đi phần nào cũng không hề gì, vì người anh của bệnh nhân thấy có công hiệu mà cho uống hết thang để nguyên dương gặp thuốc hàn lương mà bị tuyệt.

Than ôi! Tiên hiền có nói: « thà đem phương pháp chữa cho người yếu để chữa chứng thực còn hơn là đem phương pháp chữa chứng thực để chữa cho người yếu ». Lại nói: « thà nhầm về thuốc ôn bổ còn hơn là nhầm về thuốc hàn lương », đấy trong khoảng mấy hôm, tôi ngủ không yên giấc hơn một tháng lúc nào cũng ngồi ngợi, vì ân hận rằng, bởi ta bất cẩn để bệnh nhân đến chết thời trời đất quỷ thần hẳn xét đến sự lầm lỗi của ta.

Tôi thường thấy bậc danh y đời này, một hồi hưng vượng, đến con cháu lại không phấn chấn, hay là nghèo túng hoặc bại tuyệt, có người cho là vì làm thuốc nhầm hay nhân lúc người bệnh ngay cấp để tìm mối lợi, tôi nghĩ rằng vì khó nhọc mới được báo đền, còn hơn là người làm thầy kiện tạo ra chuyện để người ta phá sản, sao quỷ thần lại không oán những người ấy mà chỉ oán nhà làm thuốc.

TimSách

Vì rằng tội để chết người không ai như thầy thuốc. Đã là thầy thuốc có tiếng thời con bệnh đến đầy nhà, có đâu chữa được đúng cả mà không có người chết oan. Không những thế, theo bệnh chứng thời nên đến thăm rồi mới cho thuốc, thế mà vì bận hay vì mưa vì tối, mà không chịu thân hành, chỉ hốt thuốc cho xong việc, như thế là tội lười.

Theo chứng ấy thời nên uống thuốc ấy, nhưng vì nhà có bệnh nghèo túng, thời chỉ dùng vị thuốc thường, như thế là tội sin.

Bệnh chứng ấy thấy sắp chết, nhưng ta chỉ nói mơ hồ là may ra cứu được để kiếm lợi, như thế là tội tham.

Về chứng dễ chữa thời nói dối là khó, dọa người để lấy lợi nhiều, như thế là tội nói dối.

Thấy chứng khó chữa nên bỏ thật cho nhà bệnh mà phải hết lòng, nhưng sợ rằng không đủ khả năng, thời nhất định không chịu chữa để người bệnh chịu chết, như thế là tội bất nhân.

Bệnh nhân vì ngày thường có việc gì không vừa ý mình, nay gặp bệnh thời không khỏi lòng hiềm giận mà không chịu tận tâm, như thế là tội không có lượng.

Bệnh nhân là cô nhi, quả phụ, hiếu tử, hiền tôn, mà gặp cảnh nghèo, thời cho là chỉ khó nhọc mà không được lợi nên không chịu tận tâm, như thế là tội thất đức.

Bệnh chứng tựa thực tựa hư, về học lực của mình

TìmSách

còn kém mà loạn dùng thang dược, đến nỗi cắt thuốc nhầm, như thế là tội ngu.

Như vậy, thời làm thuốc không phải là người có nhân có đức, có khí khôn, có lượng, có thành thực, có thanh liêm, có chăm chỉ, thời không thể làm được. Tôi thường dặn học trò tôi rằng, làm thuốc mà không có lòng nhân-từ chỉ bo bo kiếm tiền để hại mạng người, thời khác gì trộm giặc. Mong người quân tử đời sau, đem sự lầm lỗi của tôi đã kể ở trên đây làm vết xe đổ mà đương đi vào, lại đem những lời tôi mới nói trên đây để sửa đổi, thời mới không xấu hổ là chân thật.

II.— CHỨNG MỌC ĐẬU KHÍ HUYẾT ĐỀU HƯ YẾU

Người xóm tôi có đứa con gái mới lên hai tuổi, đẻ ra đã béo trắng, mùa xuân năm Tân-Mão, phải chứng đậu, phát sốt hôn mê, mồ-hôi ra như mưa, mới hai hôm mà mọc đều khắp người lại mau như trứng ngài, đỏ như bồi son minh lạnh chân tay lạnh, khát nhiều tiểu tiện đi luôn, đi cầu lỏng mà bụng no thỉnh thoảng lại ọe.

Trong làng có một vị thầy thuốc chữa đậu có tiếng, thấy chứng đậu nặng không chịu chữa, nhà ấy lại xin thuốc của tôi. Tôi đến xem mạch thời phù và sác mà vô lực, mạch đến rồi lại tản đi như thể gió bay cái lông, tôi cũng không muốn chữa, nhưng cha mẹ y kêu nài, tôi bảo rằng : « chứng đậu này quyết không sống được, vậy nên tìm vài vị thầy thuốc có tiếng đến thăm, nếu các vị thầy thuốc ấy bỏ không chịu chữa, thời tôi hãy chữa

giúp ». Nhà ấy theo lời tôi mời mấy vị thầy thuốc đến, đều bảo là không chữa được. Tôi bảo rằng nếu nhà người không ngại tiền thuốc, thời tôi cũng không ngại công, người nhà ấy tình nguyện nếu chết cũng cam tâm.

Tôi thấy đứa trẻ khát nhiều thời có thể nống được thuốc, thà rằng chữa mà không khỏi còn hơn đợi chết. Tôi lại nghĩ rằng tỳ vị đã yếu thời tạng tâm cũng hư yếu, chứng này là chứng khí ở trong không vững, mà tà độc công trở vào, còn sắc của mụn đậu thấy đỏ mà tản đi là huyết đã hư mà khí cũng hư, mỗi-mọi nhiều là khí ở ngoài biểu không giữ được vững, khí ấn không có khí dương để bảo vệ vệ tân-dịch tiết ra, tiểu tiện đi nhiều là khí ở trong hư yếu mà dương không thăng lên mà âm cũng thoát xuống, cho ra là triệu chứng âm dương lìa nhau, mình mát tay chân lạnh là vong dương, khát nhiều là tân dịch, bão kiệt, bụng đầy chướng là bởi trọc khí, đi cầu lỏng là tỳ bại.

Tôi nghĩ như vậy, rồi dùng một lạng sâm, 4 chỉ truật tẩm nước sữa sao, 3 chỉ chích-thảo 8 phân phụ-tử, 1 chỉ nhục-quế, sắc đặc như nước hồ cho uống liên tiếp từ buổi chiều đến sáng hôm sau, thời mụn đậu đã roi lên. tôi nghĩ rằng huyết không thu liễm vào quả đậu thời không thành mủ được, tôi mới dùng 1 lạng sâm, 4 chỉ hoàng kỳ, 5 chỉ hoài sơn, 5 phân nhục-quế, 2 chỉ bạch-thược, tẩm rượu sao. Uống hết một thang thời mụn đậu sọn lên mà đã phân ra từng mụn, nhưng nhân nghịch chứng như lắc đầu, nóng chân, đầu mặt hơi nề, hơi thở qua hôi, miệng lở, và nghiến răng chém lưỡi, nhai mồm không, phát suyễn, phát nấc, không thiếu một chứng gì.

TìmSách

Tôi chăm chăm giữ về căn bản, vì cho là tà độc phát ra mạnh, thời có thể trở vào cũng mạnh, nay nhân tà độc còn ở ngoài thời điều bổ nguyên khí để đẩy ra, và lại khi huyết có ôn và nhuận thời mới quán nung (nung mủ) được.

Bấy giờ tôi dùng nhân-sâm 1 lạng, hoài-sơn 5 chỉ, hoàng kỳ 5 chỉ, thục-địa sao khô 8 chỉ, nhục quế 1 chỉ, sắc rồi hòa với cao-ban-long cho uống. Đến tám chín ngày khắp người mụn thủy-bào đến một nửa, mà những mụn có mủ dù không trù mật lắm, nhưng đều thấy sắc xanh, lại chợt thấy chứng nề nhọ mà mất mở.

Tôi nghĩ chứng đậu này hiểm ác, vì trẻ con mà gặp trọng chứng, khác nào thuyền nhỏ chở nặng, may mà có khái để tiêu được thuốc. Tôi tưởng là bổ mạnh như vậy, mụn đậu lại áp nhanh là khí ở trong vẫn thiếu. Tôi mới dùng 1 lạng hoàng-kỳ, 5 chỉ sâm, 3 chỉ trạật, 1 chỉ nhục-quế, 1 chỉ lộc-nhung, lại thêm xuyên-khung để ngăn ngừa mọc chạy vào trong.

Đến hôm thứ mười, thời mụn đậu đã dẹp, nhưng lại nhanh quá, chỉ có nửa ngày mà đã dẹp đến ngực, đứa trẻ lại hôn mê đoản khí, mình nóng như lửa, ngậm vú người mẹ thấy lạnh như băng.

Bấy giờ tôi chỉ dùng bài « độc-sâm-thang » gia trạật phụ sống với nước hồ cho uống, điều trị được 27 hôm thời đứa trẻ tắt thở.

Về chứng này, tôi quên cả ăn ngủ để hết tinh thần cứu vãn mà khí huyết vẫn không tiếp tục rồi đứa trẻ đến chết, nay xin kể kỹ để bậc cao minh cho là chữa phải hay chữa lắm.

Tìm sách

12 – CHỨNG HƯ YẾU LAO-SÁI

Ông Hiệu-sinh họ Trần, người xã Thước-Hòa huyện Hưng-Nguyên, vì người mẹ truyền nhiễm mà mắc phải chứng lao, mấy năm thuốc thang không khỏi, người cha đi thuyền đến huyện Hương-Sơn mời tôi đến chữa, ông ấy có quen với tôi nên tôi phải đi thăm, tôi án mạch thời hai bộ xích phù và sác mà không có thứ tự, lại thấy tản đi, bộ quan bên phải không có lực, hai bộ xích đều vi, về chứng thời người nóng, chân tay lạnh, bụng đầy, đi cầu lỏng, phần ho thời đờm nhiều không kịp nhổ.

Tôi nghĩ chứng hư-lao là tinh huyết suy, về âm hư mà người nóng, chân tay lạnh, bụng đầy mà đi cầu là triệu chứng vong dương, hai bộ thốn tán và sác là âm hư lắm, bộ quan bên phải vô lực là khí ở trong cũng hư yếu, hai bộ xích không có căn bản là âm dương đều hư. Như vậy, cho uống dương dược thời hại chân âm, mà cho uống âm dược thời dương tuyệt mà hoạt thoát. Cổ thư nói : « Tỳ thổ vượng thời phế kim mới sinh ra, mà đừng chấp nệ là bảo vệ lấy tạng phế, thủy mạnh thời hỏa dẹp đi, mà đừng chăm chăm ở thanh cho tạng tâm », theo tôi nghĩ thời chứng này sợ cả vị thuốc nhiệt mà sợ cả thuốc hàn, người đời xưa đã nói chứng âm hư khó bổ là rất đúng.

Tôi mới chế ra hai bài, để cứu dương thời dùng 3 lạng bạch-truật sao với hoàng-thổ, 1 lạng thục-địa sao khô, để cứu âm thời dùng 3 lạng thục-địa sao khô, và 1 lạng truật tẩm sữa sao, cả hai thang đều dùng 1 lạng rưỡi sâm, 2 chỉ bạch-thược tẩm nước giải trẻ em sao

Tìm sách

đen, đề liễm huyết và giáng hỏa, và dẫn thuốc vào huyết phận hay khí phận, 1 chỉ phụ-tử để giúp sức thuốc.

Như vậy thời dùng âm dược mà không hại đến dương, tôi gia giảm dùng những vị thuốc kể trên, trong khoảng mười hôm thời mọi chứng đều khỏi mà ăn uống tiến dần. Tôi vì bận việc nhà phải trở về, mà chở bệnh nhân đi theo để phục thuốc.

Tôi thuê một căn nhà hàng xóm cho bệnh nhân ở, mà từ đó thời cho uống những bài « bát-vị-hoàn » « quy-tỳ-thang » « tuần-bổ tinh-huyết cao », « ngũ-tạng quân-tử cao », hoặc bổ âm tiếp dương, hoặc bổ dương tiếp âm, đều là những vị tinh huyết.

Mới được hơn hai tuần, lại thấy bệnh nhân tinh thần kém đi, mà các chứng lại phát ra. Tôi đến xem thời ông Hiệu-sinh nhỏ nước mắt cầu cứu, tôi nói rằng tôi nghĩ ông là người văn học tài hạnh, nên ngày đêm hết sức để cứu vãn, nhưng ông Nhan-Hồi là bậc đại hiền cũng không hưởng được tuổi trời. Kinh Phật có câu : « thân này còn không giữ được còn tiếc gì vợ con » đó là chỉ lý « sắc không », vị Hiệu-sinh nghe tôi nói biết bệnh chứng không thể chữa được, rồi kêu khóc xin về, tôi mới thuê cho một chiếc thuyền để trở về, được hơn một tuần thời mất.

Về chứng này, tôi thấy vị Hiệu-sinh là người tài học nên không nỡ bỏ qua, hết sức điều trị mà không được như ý, hoặc giả tôi hết lòng mà sức thuốc không đủ, xin bày tỏ ra đây để người đời sau cùng tỏ.

Tìm sách

Mục-lục

HẢI THƯỢNG Y TÔN

Quyển III

Trang

Tập HUYỀN-TẪN PHÁT-VI

Lời dịch giả 1095
Tiểu dẫn của tác giả 1097
Tập Huyền Tẫn Phát Vi gồm có các bài
1) Nói về đồ tiên-thiên thái-cực 1101
2) Nói về đồ thái-cực trong thân người 1101
3) Nói về hình đồ quẻ kiền chuyển thành quẻ ly 1109
4) Tạng tâm và tạng thận tương thông với nhau 1110
5) Nói về vinh và vệ thanh hay trọc, thủy và hỏa thăng hay giáng 1112
6) Bàn về tạng can, tạng thận cùng chữa với nhau 1113
7) Bàn về tướng-hỏa long-lôi 1116
8) Bàn về quân-hỏa và tướng-hỏa 1117
9) Phân biệt về hỏa của tiên-thiên hay hậu-thiên 1118
10) Bàn về thủy, hỏa giúp lẫn nhau 1119
11) Bàn về giúp chân âm để giáng hỏa 1120
12) Bàn về hai bài thuốc thủy và hỏa 1122
13) Chân thủy của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa 1124
14) Chân hỏa của tiên-thiên thực hay hư và phép chữa 1126
15) Đại ý chứng bệnh hư yếu về tiên-thiên 1128
16) Phép xem sức nóng của bệnh nhân 1130
17) Bài bát-vị-hoàn 1130
18) Công hiệu của bài bát-vị 1132
19) Ý nghĩa của bài bát-vị 1133
20) Bài bát-vị gia giảm 1135

TìmSách

21) Bài bát-vị cấm thận những vị... 1139
22) Dùng thuốc gì để uống bát-vị hoàn 1140
23) Bài bát-vị biến ra lục vị hoàn 1141
24) Công dụng của bài lục-vị 1143
25) Ý nghĩa của bài lục-vị 1144
26) Bài lục-vị gia giảm 1145
27) Những chứng gì cấm dùng bài lục-vị 1148
28) Những bài thuốc do bài lục-vị biến ra 1148
29) Những vị thuốc hợp với bài lục-vị 1153
30) Dùng bài bát-vị, lục-vị để chữa các chứng bệnh 1153
31) Mười hai bài ở sách Cầm-Nang gia giảm 1167
32) Những án bệnh chữa bằng bài bát-vị ở sách Cầm-Nang 1174

Tập KHÔN-HOÁ THÁI-CHÂN

Tiểu dẫn của tác giả 1201

Tập Khôn-Hoá Thái-Chân gồm 37 mục :

1) Nói về địa vị « bát quái » của vua Văn-Vương về Hậu-Thiên 1205
2) Nói về Hậu-Thiên trong thân người. 1207
3) Bàn về Hậu-Thiên 1207
4) Bàn về khí-huyết 1211
5) Âm-huyết về Hậu-Thiên, thực hay hư, mạch, hình, và chứng cùng phép chữa 1213
6) Dương-khí của Hậu-Thiên, thực hay hư, mạch, hình, và chứng cùng phép chữa 1215
7) Phép chữa bệnh về tỳ vị của Hậu-Thiên. 1217
8) Bài Bổ Trung ích khí 2221
9) Công hiệu của bài Bổ-Trung 1222
10) Ý nghĩa của bài Bổ-Trung 1224
11) Bài Bổ-Trung gia giảm 1226
12) Những bệnh gì nên dùng bài Bổ-Trung 1229
13) Những bệnh gì nên cấm dùng bài Bổ-Trung 1231

Tìm sách

14) Những bài thuốc do bài Bổ-Trung biến ra 1233
15) Bài Tứ-Quân Tử 1235
16) Ý-nghĩa bài Tứ-Quân-Tử 1235
17) Bài Tứ-Quân-Tử gia giảm 1235
18) Những bài gì do bài Tứ-Quân biến ra. 1238
19) Những bệnh gì cấm dùng bài Tứ-Quân 1240
20) Bài Tứ-Vật 1240
21) Ý nghĩa của bài Tứ-Vật 1241
22) Bài Tứ-Vật gia giảm, 1243
23) Những bài gì do bài Tứ-Vật biến ra ? 1251
24) Bài Bát-Trân. 1256
25) Ý nghĩa bài Bat-Trân 1256
26) Bài Bát Trân gia-giảm 1257
27) Bài Thập Toàn đại bổ 1257
28) Ý-nghĩa bài Thập-Toàn 1258
29) Sáu bài thuốc do bài Thập-Toàn biến ra 1258
30) Bài Quy-Tỳ. 1260
31) Ý-nghĩa của bài Quy-Tỳ 1260
32) Bài Quy-Tỳ gia giảm 1261
33) Bài Toàn-Tảo nhân-thang 1263
34) Bài Nhân-Sâm Dưỡng-Vinh 1263
35) Ý nghĩa của bài Dưỡng-Vinh và phép gia-giảm 1264
36) Bài Dưỡng-Vinh Quy-Tỳ thang 1264
37) Bài Thập-Toàn bổ chính thang 1265

Tập TÂM-ĐẮC THẦN-PHƯƠNG

Tiểu dẫn của tác giả 1269

Tập Tâm-Đắc Thần-Phương gồm có các bài :

1) Toàn-thâu nhứt-khí thang 1273
2) Dưỡng-vinh quy-tỳ thang 1275
3) Thập-toàn bổ-chính thang 1275
4) Tô-nguyên cửu-thận thang 1276
5) Bảo-sản vạn-toàn thang 1277
6) Tráng-thủy phương 1278
7) Đại bổ tâm-tỳ khí-huyết phương 1279
8) Bổ-âm liễm-dương phương 1279
9) Cửu-ly phương 1280

TìmSách

10) Bổ-huyết điều-khí thư-cân hoạt-lạc phương 1280
11) Dưỡng-huyết khu-phong phương 1281
12) Bổ-trung dưỡng-huyết thư-cân phương 1283
13) Điều-bổ khí-huyết phương 1284
14) Bổ khí-huyết tráng cân-cốt phương 1284
15) Bổ-huyết thanh-nhiệt tiêu-độc phương 1285
16) Tư-bổ khí-huyết phương 1286
17) Tư-âm giải thác phương 1287
18) Nùng thác, lý trợ khí huyết phương 1288
19) Khí-huyết sung-hòa trục-độc phương 1288
20) Bổ khí-huyết trụ-đờm phương 1289
21) Thanh hỏa-tả chỉ ẩu-nghịch phương 1290
22) Tam-ngược thần phương 1291
23) Mộc-hương tán bí phương 1292
24) Gia vị bình-vị tán bí phương 1293
25) Gia vị Ngũ-linh tán bí phương 1293
26) Hắc-linh đan 1294
27) Cứu-dương thang 1294
28) Trợ-dương phương 1296
29) Trấn-lạp chân-dương phương 1297
30) Bổ-hỏa sinh-thổ nạp-khí tàng-nguyên phương 1297
31) Hồi-dương khu-phong phương 1298
32) Tráng-thủy ích-hỏa phương 1299
33) Dương hư ích-hỏa phương 1300
34) Bổ-huyết sinh-tân phương 1300
35) Khu hàn phương 1301
36) Sâm quế phụ phương 1302
37) Ngũ-vị lý-trung phương 1302
38) Cứu-thoát phương 1303
39) Bổ chân-âm thanh giả-nhiệt phương 1303
40) Tư-kim tráng-thủy phương 1304
41) Bổ-tinh phương 1304
42) Ngũ-tạng kiêm tứ cao 1305
43) Dưỡng-tâm, thanh-phế, hòa-can cao 1306
44) Tuấn bổ ngũ tạng vinh-vệ cao 1307
45) Bổ dưỡng vinh-vệ cao 1308
46) Cam-lộ thần cao 1308
46) Lao-khái cao tư phương 1309

Tìm sách

48) Chấn khởi nguyên-khí hư hãm cao 1310
49) Tiêu-trệ bí phương 1311
50) Cou-shi cao 1313
51) Gia vị Thái-ất cao 1314
52) Poong-khí diệt-phác cao-dược thần phương 1314
53) Bảo-anh chí-bảo đĩnh tử 1315
54) Bảo thai thần hiệu hoàn. 1316
55) Quan-âm cứu-khổ đan 1316
56) Suy-hầu dược phương 1317
57) Vi-độc phương 1317
58) Tẩy nhỡn thần phương 1318
59) Giáp Sũng sĩ thông thần phương 1318
60) Tâm-thống thần phương 1318
61) Kê-can tán bí phương 1319
62) Kê-can tán 1319
63) Lâm-tấy ung-sũng thần phương 1319
64) Tam-khí ẩm 1320
65) Bế-thụ tây-dương tửu-phương 1320
66) Trĩ nhũ-ung thần phương 1321
67) Khẩu-cam suy nhược thần phương 1321
68) Chu-can tán 1321
69) Trị-ngược thần phương 1321
70) Sát-nha chỉ bảo tán 1322

TẬP HIỆU-PHỎNG TÂN-PHƯƠNG

Lời dịch giả 1325
Tiểu dẫn của tác giả 1326

Tập Hiệu-Phỏng Tân-Phương gồm các bài thuốc

1) Bài bồi-thổ cố-trung 1329
2) Tuông-tăng phương 1331
3) Tứ-thấy nhuận-táo phương 1333
4) Bổ-can ôn-thận phương. 1335
5) Bổ-âm liễm-dương an-thần phương 1337
6) Thăng-thanh giáng-trọc phương 1338
7) Tuấn-bổ tinh-huyết cao 1340
8) Minh-can-khí dưỡng-can-huyết phương 1341
9) Hậu-thiên lục-vị phương 1342
10) Hậu-thiên bát-vị phương 1346

Tìm sách

11) Hắc-hổ đỉnh 1348
12) Bạch-long đan 1349
13) Hoá-huyết khai-uất phương 1350
14) Bổ-âm tả-dương phương 1351
15) Thanh-kim đạo-khí phương. 1353
16) Nhân-vật tư-vinh cao 1354
17) Phù-dương thu âm phương 1355
18) Tứ-tượng cao 1356
19) Tư-âm giáng hỏa phương 1358
20) Nhị-long hầu 1359
21) Độc-long hầu 1359
22) An-trung tán 1360
23) Bổ âm tiếp-dương phương 1361
24) Bổ-dương tiếp-âm phương 1362
25) Túc-kim cao 1364
26) Nhuận-sơ cao. 1366
27) Bảo-âm phương 1367
28) Bổ-tỳ âm tiên 1369
29) Điều-nguyên cứu-bản thang. 1370

TẬP NGOẠI-CẢM THỐNG-TRỊ

Tựa 1375
Tập Ngoại-Cảm Thống-Trị gồm có ba thiên 1377

Thiên thượng : gồm 25 chương

1) Bàn về ý-kiến 1381
2) Bàn về nước Nam ta không có chứng thương hàn, mùa đông là cảm hàn, mà ba tháng cuối mùa là cảm mạo, và phép điều-trị 1385
3) Bàn về nước ta không nên dùng bài thuốc Ma-Hoàng, và bài thuốc Quế-Chi 1386
4) Bàn về chứng trúng-hàn, chứng thương-hàn, chứng cảm-hàn và phép chữa. 1388
5) Bàn về thuyết tà khí truyền từ kinh nọ sang kinh là lầm 1389
6) Bàn về chứng thương-hàn là hoả uất lên và phép chữa 1390
7) Bàn về bài *Tiêu-dao-tán* chữa cả năm chứng uất, và còn chữa mọi chứng ngoại cảm 1391

Tìm sách

8) Bàn về chứng nội thương-hàn và phép [illegible]ữa. 1392
9) Bàn về phong và hàn cùng chữa như [illegible]au 1393
10) Bàn về phép chữa thương hàn 1394
11) Bàn về chứng thương-hàn có khi phải bổ 1395
12) Bàn về chứng thương-hàn sốt lâu và phé[illegible]ữa 1396
13) Bàn về chứng âm hư phát sốt, cùng chứn[illegible]ương-hàn không khác nhau. 1397
14) Bàn về chứng âm hư khó bổ và phép [illegible]ữa 1397
15) Phân-biệt về âm-chứng và âm-độc 1400
16) Phân-biệt về dương-chứng và dương-độ[illegible] 1401
17) Bàn về chứng âm thịnh mà cách dương t[illegible] lên 1402
18) Bàn về chứng dương thịnh mà cách âm [illegible] lên 1403
19) Bàn về chứng ở ngoài biểu thế nào là hư [illegible]thực 1404
20) Bàn về chứng ở trong lý thế nào là hư [illegible]à thực 1405
21) Bàn về chứng hư yếu 1406
22) Bàn về chứng thực 1407
23) Bàn về chứng hư tựa như thực 1407
24) Bàn về chứng thực tựa như hư 1408
25) Bàn về trong một chứng vừa hư vừa [illegible]ực 1408

Thiên giữa : gồm 8 chương

1) Bàn về chứng nên phát hãn 1418
2) Bàn về chứng không nên phát hãn 1418
3) Ba phương để giải biểu 1420
4) Bàn về chứng lục dâm có thể chữa như [illegible]ậu 1429
5) Bàn về chứng nên uống thuốc hạ 1430
6) Bàn về chứng không nên uống thuốc hạ 1431
7) Sáu bài thuốc điều hoà ở trong lý 1434
8) Bàn về phát hãn nhiều cũng là vong âm, hạ nhiều cũng là vong dương và phép chữa. 1437

Thiên cuối : gồm 22 chương

1) Bàn về phép bổ cho những chứng hư 1440
2) Bàn về bài thuốc chữa cho những chứng hư 1443
3) Bàn về phép bổ cho chứng thương-hàn 1448
4) Bàn về chứng thương-hàn đi lỵ và phép chữa 1456
5) Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngực và phép chữa 1457
6) Bàn về chứng thương-hàn kết ở ngũ tạng và phép chữa. 1458
7) Bàn về chứng thương-hàn phát cuồng và phép chữa 1458
8) Bàn về chứng thương-hàn phát ban và phép chữa 1459

Tìm sách

9) Bàn về chứng thương-hàn phát nề và phép chữa 1459
10) Bàn về chứng thương-hàn phát phù nề và phép chữa 1460
11) Bàn về lẽ rét và sốt 1461
12) Bàn về chứng hàn nhiệt vãng lai (rét và nóng trở đi trở lại) 1461
13) Bàn về chứng rét và nóng thật hay giả 1463
14) Chứng bệnh và cho trẻ em 1464
15) Những bài thuốc chữa về chứng hư 1465
16) Phép trong sắc người 1469
17) Phép hỏi chứng bệnh 1473
18) Phép xem mạch 1475
19) Bàn về chứng nghịch (trái ngược) 1478
20) Bàn về chứng chết 1479
21) Nói về mạch của 12 kinh 1480
22) Bàn về ngũ-tạng khó chịu muốn cho bỏ hay vợi đi 1481

Tập MA CHẨN CHUẨN THẰNG

Tiểu dẫn của tác giả 1487

Tập Ma-Chẩn Chuẩn-Thằng gồm có các bài :

1) Căn nguyên chứng sởi 1491
2) Tổng luận 1491
3) Phép chữa 1492
4) Bốn điều phải kiêng trong chứng sởi. 1497
5) Những chứng tựa như sởi 1497
6) Phép chữa lúc sởi sắp mọc 1499
7) Phép chữa lúc sởi đã mọc 1499
8) Phép chữa khi sởi mọc và lặn chậm hay chóng 1500
9) Chứng sởi thế nào là thuận 1501
10) Chứng sởi thế nào là nặng 1501
11) Chứng sởi thế nào là nghịch 1501
12) Ý nghĩa dùng thuốc . 1502
13) Đại lược những phương thuốc phải dùng 1504
14) Nên dùng thuốc nhẹ hay là thuốc mạnh 1510
15) Các tạp chứng trong khi mọc sởi hay là khi sởi đã bay 1511
16) Phụ chép mấy chứng ban 1521
17) Những bài thuốc để chữa sởi 1525
18) Những chứng bệnh của đức Phùng Thị đã chữa có ghi ở sách Cẩm-Nang. 1538

Tìm sách

Tập DƯƠNG-ÁN, ÂM-ÁN

Lời dịch giả 1547

Tiểu dẫn của tác giả 1548

Tập Dương-Án gồm có những bài :

1) Chứng tiêu-khát (ít giải nhiều mà khát vô độ 1551
2) Chứng âm hư nhức đầu 1554
3) Chứng có thai mà đau bão-loạn 1559
4) Chứng ngoại cảm thêm nội thương 1560
5) Chứng chợt ngã ra mà không phải trúng phong 1563
6) Chứng đàn bà goá bệnh nặt 1566
7) Chứng âm hư đau nhiệt (chỉ nóng không rét) 1568
8) Chứng đậu, hiểm, huyết nhiệt tà độc nhiều mà nguyên khí hư yếu. 1571
9) Chứng thật nhiệt mà giả hàn 1576
10) Chứng cảm mạo động thai 1577
11) Chứng vong âm mà mồ-hôi ra nhiều 1579
12) Chứng trẻ em ho đờm 1581
13) Chứng trẻ em đau nhiệt (chỉ sốt không rét) 1583
14) Chứng sản hậu kết khối giả 1585
15) Chứng canh sườn đau 1587
16) Chứng quan-cách. 1593
17) Chứng sản nan (khó đẻ) 1597

Tập Âm-Án gồm có các bài :

1) Chứng âm vong, dương kiệt 1602
2) Chứng đan-nhiệt vong âm 1604
3) Chứng thủy kiệt, hỏa viêm 1606
4) Chứng sản hậu phù sũng 1609
5) Chứng cổ-cách 1611
6) Chứng thổ-tả 1613
7) Chứng đậu mà khí hư 1616
8) Chứng âm hư cuống-họng tê 1619
9) Chứng hàn nhiệt như sốt rét 1626
10) Chứng âm hư cuống-họng đau 1629
11) Chứng đậu mà khí huyết đều hư yếu 1631
12) Chứng hư yếu lao-sái 1633

Tìm sách

ĐÍNH CHÍNH

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
1097	15	song	xong
1102	28	thuộc	thuốc
1107	22	mệnh môn hóa	mệnh-môn-hỏa
—	02,04	song	xong
1110	13	khí khôn	trí khôn
1112	12	thang	thăng
1122	18	Mạch môn	mạnh môn
1128	09	Thương	Thượng
1129	07	mình, giệt	mừng, giận
1135	09	bội	bộ
—	20,22	bởi	bội
1136	14,17	bởi — thọ-ty	bội — thỏ-ty
1137	07,12	thất — huyện	thật — luyện
1139	08	cháy	chạy
1141	09	đun	đưa
1142	02	lâu	nấu
1144	05,22	mạnh — chúa	mạch — chứa
1146	18,23	dài — bổ	bài — bổ
1147	02	đầu	đều
1149	20,25	đó bài — hoả	bài — háo
1150	03	thận tủy	thận-thủy
1151	23,26	ư-trệ — bổ phế	ứ-trệ — bổ-phế
1152	19	Xuyên-huyện-tử	Xuyên-luyện-tử
1155	22	bổ	bồ
1157	27	bối — ủng-trệ	bội — ủng-trệ
1158	18,25	suy tồn — bệnh mạch	suy tồn — bệnh mạnh
1159	16	mạnh	mạch
1164	03	trắng bông	trắng bóng
—	04,07	Kỷ-tử	Kỷ-tử
—	13	người	ngươi
1166	14	thổ-tỷ	thỏ-ty
1169	23	song	xong
1171	21,27	Kỷ-tử — mạt	Kỷ-tử — mật
1175	01	biển	biều
1178	13,26	mật-dược — tủ	một-dược — tựa
1179	04	tháng	thang
1183	01,24	bổ — âm	bỏ — ầm
1185	07	mạch	mạnh

Tìm sách

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
1195	10	tháng	thang
1196	23	thưa	thực
1208	18	tỷ	tỳ
1209	02	tiên	tiêu
1211	13,23	bi mãn — cố	bĩ mãn — cốc
1213	02	khi	khí
1214	01	nồng	hồng
1217	05,10	Thon — nhẫn	Thốn — nhãn
1219	19	bê	bế
1220	09	mói	mót
1223	25,27	thở — thành	trở — hành
1224	16,19	cầm — đói	cảm — đối
1225	11	thang	thăng
1229	04	quần	quân
1230	09,11	Bài-hồ — tấn	Sài-hồ — tán
1232	09,12	trơ — đối	trợ — đới
—	15	mạch-môn	mạnh-môn
1234	01	Bổ	bỏ
1235	08	mạnh	mạch
1238	18	Khương	hương
1239	04	rát	rét
1240	17	Ẩu-ầu	Ấu-ấu
1242	07	tảo-dương	Toả dương
1243	02,08	nát — Tàn	mát — Tâm
—	20	thao	hoa
1245	17	tử-lau	tử, lan
1246	08	nhứt	nhức
1247	12	hoàn kỳ	Hoàng-kỳ
1248	06	thập độc	thấp độc
1249	22	phiên	phiến
1251	17	thạch	trạch
1253	27	sau	sáu
1259	22	tần	tần
1260	20	ỳ	tỳ
1269	09	bề	bồ
1270	10	bô	bồ
1274	04	dưỡng	dương
1279	16	Thần	Thán
1286	08	ở	lở
1287	17	trung	trùng
1288	20	Bạch quế	Bạc quế
1289	02	hàm	hàn

Tìm sách

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LÀ
1289	08,21	Bạch quế — ỷ	Bạc quế — tỳ
1294	06,17	bạch	bách
1303	19	mọc	nọc
1307	02	riềng	rang
1309	11	Dan	Đau
1310	16	san	sen
1313	06,07	tâm — đinh	tân — linh
1318	19	bội	bồ
1319	12	cồ	cỗ
1321	03,11	dượt — chu	dược — chu
1327	04	thòng	thống
1329	01	cồ	cố
1330	03	lần	lâu
1338	09	sơ	sợ
1341	15	ê	về
1345	22	mạch	mạnh
1359	22	cháu	cháo
1360	10	tiền — dở — xung	tiêu — nở — xưng
1360	23	cao	sao
1364	06	dư	địa
1370	24	Hoạt	Hoài
1371	12,22	bỏ — huyệt	bồ — huyết
1372	09	Hoàn	hoài
1380	03	trong	trông
1385	27	đề thủ đi	đề dẹp đi
1388	4	trúng cảm hàn	trúng hàn, cảm hàn
1393	8,9	thần khí — thậm khí	thận khí
1394	25	không chân	không sốt, chân
1395	4	ta đã	tà đã
1396	4	mà không	là không
1396	10,21	không hư — chưa hư	không lui — chưa lui
1398	2	tiết tụ ... tiên	tích tụ ... tiêu
1430	27	cường	cuồng
1431	9,17	giọt sảy — tho	chứng nhọt — thổ
1432	20	dùng chang	dùng chóng
1444	25	lại « tế »	lại tệ
1453	20	thuốc về	thuộc về
1453	21	vào nguy vong, đến	và nguy vong đến
1455	21,23	ma — tùy	mê — tỳ
1456	12	tiếng hỏ	tiếng nhỏ
1463	9	Hoàng thạch	Tam hoàng thạch
1464	23	đại tiện không	đại tiện không thực

TimSách

Trang	Dòng	CHỮ SAI	ĐỔI LẠ
1468	24	Song hỏa	song-hoà
1471	3	trông mát trong	bỏ 3 chữ này
1478	18	« trầm sác hoãn	mạch trầm, sắc hoãn
1482	5	chỉ về	chủ về
1491	3	ôn chẩn	ẩn chẩn
1494	28	lựa thư	lựa thuốc
1496	19	thông vận	khổng vận
1499	16	hai thứ	thứ 2
1499	24,26	nó mè — cam hoàng	nói mê — Tam hoàng
1507	6	Nguyên-thảo	Nguyên-thỏa
1512	4	do ho	dù ho
1526	5	sao chín	cho chín
1531	9	niêm-tử	Thử-niêm-tử
1540	10	kinh là	kinh mà
1556	49,26	vải — hàng bá	dãi — Hoàng-bá
1557	11	dâng lên	dông lên
1575	24	dưỡng khí	dương khí
1582	20	tỳ đã lui	tỳ đã yếu
1584	26	lò đầu	là đầu
1586	20	không nhất	kiêng nhất
1590	2	được mãi	được nước dãi
1603	3	sợ sét	sợ rét
1604	7	đến nỗi	đến với
1610	12	thâm tín	thân tín
1631	12	chân thât	nhâm thuật

HẢI-THƯỢNG Y-TÔN TÂM-LĨNH (Quyển III)
của LÃN-ÔNG LÊ-HỮU-TRÁC
do ĐỈNH-THỤ HOÀNG VĂN HOE
và HOÀNG ĐÌNH KHOA dịch
Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi Sài-gòn
xuất bản
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản

Tìm sách

Sách triết học

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ 62, Lê-Lợi — Saigon

TÂM LÝ HỌC

Tâm lý học	*Phạm-xuân-Độ*
Tâm lý học ứng dụng	—
Luận triết học: Tâm lý học	*Nguyễn-hữu-Trọng*

LUẬN LÝ HỌC

Luận lý học	*Phạm-xuân-Độ*

ĐẠO ĐỨC HỌC

Đạo đức học	*Phạm xuân Độ*
Đạo đức học tổng quát	*Trần-tinh-Khiết*

TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG

Lược sử Triết học Đông Phương	*Hoàng xuân Việt*
Trung quốc Triết học sử	*Hồ Thích*
Trung quốc Triết học sử	*Phùng hữu Lan*
Khổng học tinh hoa	*Nguyễn văn Thọ*
Lịch sử triết học Đông phương I, II, III, IV	*Nguyễn đăng Thục*
Tư Tưởng Việt-Nam	—
Triết lý văn hóa khái luận	—
Nho giáo I và II	*Trần trọng-Kim*
Lão tử	*Ngô tất-Tố*
Mặc tử	—
Đại học	*Tạ thanh Lạch*
Trung dung	—
Lão tử Đạo đức Kinh I và II	*Nguyễn duy Cần*
Trang tử Nam hoa kinh	—
Lão tử tinh hoa	—
Trang tử tinh hoa	—
Phật học tinh hoa	—
Nam hoa kinh	*Thương Tân*
Phật giáo	*Tuệ-Quang*

TRIẾT HỌC TÂY PHƯƠNG

Lược sử Triết học Tây Phương	*Hoàng xuân Việt*
Triết học nhập môn	*K. Jaspers*
Học thuyết Bergson	*Lê-Chi Thiệp*
Phương pháp luận	*Descartes*
Ý thức luận	*Bergson*
Vật chất và ký ức	—
Năng lực tinh thần	—
Vũ trụ Tâm linh	*Lê Định*
Tâm Tư	

GPKD số 9 BTT/PHN/QS ngày 2-1-73
TRÍCH-NHẬN số 6160/74 BĐVCH/PHBCNT/ALP/ ngày -7- — Phát hành 25-12-7
nhà in VĂN-HỮU 43/1 Chi-Lăng G.v - 1.000 cuốn

TìmSáchHay